SAO Y; VĂN PHÒNG, ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG; 25/09/2024; 8:17:18 +07:00

MỤC LỤC

Phần thứ nhất CĂN CỨ PHÁP LÝ VÀ SỰ CẦN THIẾT 1
I. CĂN CỨ PHÁP LÝ 1
II. SỰ CẦN THIẾT ĐIỀU CHỈNH ĐỊA GIỚI ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH; THÀNH LẬP THÀNH PHỐ THỦY NGUYÊN VÀ SẮP XẾP, THÀNH LẬP CÁC ĐVHC CẤP XÃ TRỰC THUỘC 4
Phần thứ hai LỊCH SỬ HÌNH THÀNH, HIỆN TRẠNG CỦA HUYỆN THỦY NGUYÊN VÀ CÁC ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH LIÊN QUAN 11
A. LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ HIỆN TRẠNG CỦA HUYỆN THỦY NGUYÊN 11
I. LỊCH SỬ HÌNH THÀNH 11
II. VỊ TRÍ ĐỊA LÝ VÀ ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN 11
III. CHỨC NĂNG, VAI TRÒ CỦA HUYỆN 13
IV. DIỆN TÍCH TỰ NHIÊN VÀ CƠ CẤU CÁC LOẠI ĐẤT 14
V. QUY MÔ DÂN SỐ VÀ CƠ CẤU LAO ĐỘNG 14
VI. TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN KINH TẾ, VĂN HÓA, XÃ HỘI 16
VII. TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN CƠ SỞ HẠ TẦNG 25
VIII. TÌNH HÌNH QUỐC PHÒNG, AN NINH 36
IX. TỔ CHỨC BỘ MÁY VÀ ĐỘI NGŨ CÁN BỘ CÔNG CHỨC 38
B. LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ HIỆN TRẠNG PHÁT TRIỂN CÁC ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH THÀNH LẬP PHƯỜNG TRÊN CƠ SỞ NGUYÊN TRẠNG 39
I. THỊ TRẤN MINH ĐỨC 39
II. XÃ HOA ĐỘNG 45
III. XÃ THIÊN HƯƠNG 51
IV. XÃ QUẢNG THANH 57
V. XÃ HÒA BÌNH 62
VI. XÃ AN LƯ 67
VII. XÃ NGŨ LÃO 73
VIII. XÃ LẬP LỄ 78
IX. XÃ TAM HƯNG 84
C. LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ HIỆN TRẠNG CỦA CÁC ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH SẮP XẾP ĐỂ THÀNH LẬP PHƯỜNG 89
I. XÃ TÂN DƯƠNG 89
II. XÃ DƯƠNG QUAN 94
III. XÃ LÂM ĐỘNG 99

IV. XÃ HOÀNG ĐỘNG 104
V. XÃ KIỀN BÁI 109
VI. XÃ MỸ ĐỒNG 114
VII. XÃ ĐÔNG SƠN 119
VIII. XÃ KÊNH GIANG 125
IX. XÃ LƯU KỲ 130
X. XÃ LƯU KIẾM 135
XI. THỊ TRẤN NÚI ĐÈO 140
XII. XÃ THỦY SƠN 146
XIII. XÃ THỦY ĐƯỜNG 152
XIV. XÃ TRUNG HÀ 157
XV. XÃ THỦY TRIỀU 162
XVI. XÃ PHÁ LỄ 167
XVII. XÃ PHỤC LỄ 173
D. HIỆN TRẠNG CÁC ĐVHC CẤP XÃ THỰC HIỆN SẮP XẾP ĐỂ THÀNH LẬP XÃ MỚI 178
I. XÃ GIA MINH 178
II. XÃ GIA ĐỨC 182
III. XÃ MINH TÂN 186
IV. XÃ LIÊN KHÊ 189
V. XÃ LẠI XUÂN 193
VI. XÃ AN SƠN 197
VII. XÃ KỲ SƠN 200
VIII. XÃ PHÙ NINH 204
IX. XÃ HỢP THÀNH 207
X. XÃ CAO NHÂN 211
XI. XÃ CHÍNH MỸ 215
Đ. HIỆN TRẠNG PHƯỜNG ĐÔNG HẢI 1, QUẬN HẢI AN 218
E. ĐÁNH GIÁ CHI TIẾT MỨC ĐỘ ĐẠT ĐƯỢC CÁC ĐIỀU KIỆN VÀ TIÊU CHUẨN CỦA CÁC ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH 219
I. VỀ ĐIỀU KIỆN THÀNH LẬP THÀNH PHỐ VÀ SẮP XẾP, THÀNH LẬP CÁC ĐVHC CẤP XÃ 219
II. VỀ TIÊU CHUẨN THÀNH LẬP THÀNH PHỐ THỦY NGUYÊN VÀ THÀNH LẬP CÁC PHƯỜNG MỚI, XÃ MỚI 220

Phần thứ ba PHƯƠNG ÁN ĐIỀU CHỈNH ĐỊA GIỚI ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH; THÀNH LẬP THÀNH PHỐ THỦY NGUYÊN VÀ THÀNH LẬP CÁC ĐVHC CẤP XÃ THUỘC THÀNH PHỐ THỦY NGUYÊN 261

I. HIỆN TRẠNG CÁC ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CÓ LIÊN QUAN 261

II. PHƯƠNG ÁN ĐIỀU CHỈNH ĐỊA GIỚI ĐVHC VÀ THÀNH LẬP CÁC ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH 264

III. KẾT QUẢ SAU KHI THÀNH LẬP CÁC ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH 274

Phần thứ tư ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG VÀ ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN CỦA CÁC ĐVHC CÓ LIÊN QUAN ĐẾN VIỆC ĐIỀU CHỈNH, THÀNH LẬP 280

A. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG 280

I. TÁC ĐỘNG CỦA VIỆC THÀNH LẬP THÀNH PHỐ 280

II. TÁC ĐỘNG CỦA VIỆC THÀNH LẬP CÁC PHƯỜNG 287

III. TÁC ĐỘNG CỦA VIỆC SẮP XẾP ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP XÃ 295

IV. TÁC ĐỘNG ĐỐI VỚI PHƯỜNG ĐÔNG HẢI 1, QUẬN HẢI AN SAU KHI ĐIỀU CHỈNH ĐỊA GIỚI ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH 299

B. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN, MỘT SỐ NHIỆM VỤ VÀ CÁC GIẢI PHÁP CỦA CÁC PHƯỜNG THUỘC THÀNH PHỐ VÀ THÀNH PHỐ THỦY NGUYÊN 299

I. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN CỦA THÀNH PHỐ SAU KHI THÀNH LẬP 299

II. MỤC TIÊU, ĐỊNH HƯỚNG KHU VỰC DỰ KIẾN THÀNH LẬP PHƯỜNG 301

III. MỘT SỐ NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN 299

IV. GIẢI PHÁP KHẮC PHỤC NHỮNG TIÊU CHUẨN CÒN THIẾU SAU KHI THÀNH LẬP THÀNH PHỐ VÀ THÀNH LẬP CÁC PHƯỜNG 317

C. GIẢI PHÁP VỐN ĐẦU TƯ VÀ NGUỒN NHÂN LỰC 321

D. PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP, TỔ CHỨC BỘ MÁY, BỐ TRÍ ĐỘI NGŨ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC 323

I. QUAN ĐIỂM 323

II. SẮP XẾP TỔ CHỨC BỘ MÁY VÀ ĐỘI NGŨ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC ĐỐI VỚI KHU VỰC THÀNH LẬP NGUYÊN TRẠNG 323

III. SẮP XẾP TỔ CHỨC BỘ MÁY VÀ ĐỘI NGŨ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC ĐỐI VỚI KHU VỰC NHẬP ĐỂ THÀNH LẬP ĐVHC MỚI .. 324

IV. THÀNH LẬP (ĐỔI TÊN) TÒA ÁN NHÂN DÂN, VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦY NGUYÊN 329

Phần thứ năm KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ 330

ỦY BAN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 23 /ĐA-UBND	*Hải Phòng, ngày 04 tháng 9 năm 2024*

ĐỀ ÁN

ĐIỀU CHỈNH ĐỊA GIỚI ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH QUẬN HẢI AN VÀ HUYỆN THỦY NGUYÊN; SẮP XẾP ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP XÃ, THÀNH LẬP CÁC PHƯỜNG VÀ THÀNH LẬP THÀNH PHỐ THỦY NGUYÊN THUỘC THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Phần thứ nhất
CĂN CỨ PHÁP LÝ VÀ SỰ CẦN THIẾT

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ

Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả;

Nghị quyết số 37-NQ/TW ngày 24 tháng 12 năm 2018 của Bộ Chính trị về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện và cấp xã;

Nghị quyết số 45-NQ/TW ngày 24 tháng 01 năm 2019 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển thành phố Hải Phòng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Nghị quyết số 06-NQ-TW ngày 24 tháng 01 năm 2022 của Bộ Chính trị về quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Kết luận số 48-KL/TW ngày 30 tháng 01 năm 2023 của Bộ Chính trị về việc tiếp tục thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2030;

Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Nghị quyết số 56/2017/QH14 ngày 24 tháng 11 năm 2017 của Quốc hội về tiếp tục cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả;

Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị; Nghị quyết số 26/2022/UBTVQH15 ngày 21 tháng 9 năm 2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25 tháng 5 năm 2016 về phân loại đô thị;

Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính; Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15 ngày 21 tháng 9 năm 2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25 tháng 5 năm 2016 về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính;

Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 ngày 12 tháng 7 năm 2023 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2030;

Nghị định số 54/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ hướng dẫn việc lấy ý kiến cử tri về thành lập, giải thể, nhập, chia, điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính; Nghị định số 66/2023/NĐ-CP ngày 24 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 54/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ hướng dẫn việc lấy ý kiến cử tri về thành lập, giải thể, nhập, chia, điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính;

Nghị quyết số 10/NQ-CP ngày 03 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng Khóa XII một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; Kế hoạch số 07-KH/TW ngày 27 tháng 11 năm 2017 của Bộ Chính trị; Nghị quyết số 56/2017/QH14 ngày 24 tháng 11 năm 2017 của Quốc hội về tiếp tục cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả;

Nghị quyết số 108/NQ-CP ngày 26 tháng 11 năm 2019 của Chính phủ về việc ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 45-NQ/TW ngày 24 tháng 01 năm 2019 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển thành phố Hải Phòng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Nghị quyết số 117/NQ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2023 của Chính phủ về việc ban hành kế hoạch thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2025;

Quyết định số 1448/QĐ-TTg ngày 16 tháng 9 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng thành phố Hải Phòng đến năm 2025 và tầm nhìn đến năm 2050;

Quyết định số 821/QĐ-TTg ngày 06 tháng 7 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội thành phố Hải Phòng đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

Quyết định số 241/QĐ-TTg ngày 24 tháng 02 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Kế hoạch phân loại đô thị toàn quốc giai đoạn 2021 - 2030;

Quyết định số 323/QĐ-TTg ngày 30 tháng 3 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch chung thành phố Hải Phòng đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2050;

Quyết định số 1516/QĐ-TTg ngày 02 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch thành phố Hải Phòng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Quyết định số 408/QĐ-TTg ngày 13 tháng 5 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch chung đô thị mới Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng đến năm 2045;

Công văn số 108/BNV-CQĐP ngày 08 tháng 01 năm 2021 của Bộ Nội vụ về việc xây dựng Đề án thành lập thành phố thuộc thành phố Hải Phòng tại huyện Thủy Nguyên;

Quyết định số 798/QĐ-BXD ngày 16 tháng 8 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc công nhận đô thị Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng đạt tiêu chí đô thị loại III;

Quyết định số 797/QĐ-BXD ngày 16 tháng 8 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc công nhận trình độ phát triển cơ sở hạ tầng đô thị đối với khu vực dự kiến thành lập phường thuộc đô thị Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng;

Nghị quyết số 09-NQ/ĐH ngày 15 tháng 10 năm 2020 của Đại hội đại biểu Đảng bộ thành phố Hải Phòng lần thứ XVI, nhiệm kỳ 2020 - 2025;

Kết luận số 208-KL/TU ngày 19 tháng 10 năm 2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố Hải Phòng tại Hội nghị Thành ủy lần thứ 9 (khóa XVI);

Thông báo số 42-TB/TU ngày 24 tháng 11 năm 2020 của Ban Thường vụ Thành ủy về chủ trương xây dựng Đề án thành lập thành phố thuộc thành phố Hải Phòng tại huyện Thủy Nguyên;

Thông báo số 1184-TB/TU ngày 21 tháng 11 năm 2022 của Ban Thường vụ Thành ủy về phương án sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã, thành lập các phường và xã để thành lập thành phố thuộc thành phố Hải Phòng tại huyện Thủy Nguyên;

Chỉ thị số 24-CT/TU ngày 26 tháng 9 năm 2023 của Ban Thường vụ Thành ủy về việc tiếp tục thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2030;

Chương trình hành động số 59-CTr/TU ngày 07 tháng 11 năm 2023 của Ban Thường vụ Thành ủy về việc thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 24 tháng 01 năm 2022 của Bộ Chính trị về quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Quyết định số 1274/QĐ-UBND ngày 19 tháng 4 năm 2024 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc phê duyệt Chương trình phát triển đô thị thành phố Hải Phòng định hướng đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2050;

Quyết định số 1576/QĐ-UBND ngày 20 tháng 5 năm 2024 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc phê duyệt Chương trình phát triển đô thị mới Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng đến năm 2045.

II. SỰ CẦN THIẾT ĐIỀU CHỈNH ĐỊA GIỚI ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH; THÀNH LẬP THÀNH PHỐ THỦY NGUYÊN VÀ SẮP XẾP, THÀNH LẬP CÁC ĐVHC CẤP XÃ TRỰC THUỘC

1. Sự cần thiết điều chỉnh địa giới tại khu vực đảo Vũ Yên thuộc quận Hải An

Đảo Vũ Yên, theo hiện trạng có diện tích tự nhiên là 11,53 km^2 (tính theo tim sông), thuộc địa giới hành chính phường Đông Hải 1, quận Hải An và xã Thủy Triều, huyện Thủy Nguyên; trong đó phần diện tích tự nhiên là 7,27 km^2 tại khu vực đảo Vũ Yên thuộc địa giới hành chính của phường Đông Hải 1, quận Hải An nhưng nằm biệt lập hoàn toàn bên kia sông Cấm giáp ranh với xã Thủy Triều, huyện Thủy Nguyên (sông Cấm là sông có phương tiện vận tải thủy thường xuyên ra vào khu vực các Cảng biển thành phố Hải Phòng, sông có độ rộng trung bình 350 - 400m). Đảo Vũ Yên được bao bọc bởi 03 dòng sông: sông Bạch Đằng, sông Cấm và sông Ruột Lợn; hiện chỉ có duy nhất tuyến giao thông đường bộ kết nối đảo Vũ Yên với huyện Thủy Nguyên qua cầu Vũ Yên 1 thuộc địa giới hành chính huyện Thủy Nguyên.

Ngoài ra, vị trí của đảo nằm cách biệt với phường Đông Hải 1 nên việc quản lý Nhà nước trong các lĩnh vực về đất đai, tài nguyên môi trường gặp một số khó khăn, như: xuất hiện tình trạng lấn chiếm, xây dựng trái phép trên địa bàn mà chính quyền địa phương chưa kịp thời phát hiện, giải quyết. Theo đó, nếu thực hiện điều chỉnh 7,27 km^2 diện tích tự nhiên của phường Đông Hải 1 thuộc quận Hải An về xã Thủy Triều thuộc huyện Thuỷ Nguyên thì sẽ giải quyết được các bất cập trong công tác quản lý Nhà nước nêu trên; thuận lợi cho người dân có nhu cầu đến sinh sống, cư trú trên địa bàn; đồng thời không làm ảnh hưởng đến sự phát triển kinh tế - xã hội của phường Đông Hải 1, quận Hải An và chất lượng đô thị của quận Hải An. Hiện nay, trên khu vực đảo Vũ Yên thuộc phường Đông Hải 1 không có hộ dân sinh sống, do vậy khi thực hiện việc điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính sẽ không ảnh hưởng đến đời sống, sinh hoạt của Nhân dân.

Những năm gần đây, tập đoàn Vingroup đang đầu tư dự án khu vui chơi giải trí, nhà ở và công viên sinh thái tại đảo Vũ Yên dẫn đến toàn bộ đường địa giới hành chính, phần đất liền trên đảo Vũ Yên bị phá vỡ, biến dạng; rất khó xác định đường địa giới hành chính giữa quận Hải An và huyện Thủy Nguyên trên thực địa. Do đó, điều chỉnh khu vực đảo Vũ Yên thuộc quận Hải An về huyện Thủy Nguyên quản lý sẽ tạo điều kiện thuận lợi trong công tác quản lý Nhà nước về địa giới hành chính được rõ ràng, ổn định lâu dài và thuận lợi cho công tác quy hoạch, phát triển kinh tế - xã hội tại khu vực đảo Vũ Yên thuộc địa bàn 01 ĐVHC quản lý (huyện Thủy Nguyên).

Việc điều chỉnh khu vực tại đảo Vũ Yên đã đảm bảo theo quy hoạch được phê duyệt tại Quyết định số 1516/QĐ-TTg ngày 02/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch thành phố Hải Phòng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; trong đó định hướng cho huyện Thủy Nguyên

bao gồm toàn bộ đảo Vũ Yên trở thành thành phố trực thuộc thành phố Hải Phòng; là khu đô thị mới gắn với trung tâm hành chính, chính trị mới của thành phố Hải Phòng; trung tâm công nghiệp, thương mại, dịch vụ, tài chính, du lịch văn hóa và giải trí, y tế, giáo dục, trung tâm nghề cá cấp vùng; trọng điểm về phát triển công nghiệp hiện đại, thông minh, bền vững; động lực phát triển kinh tế biển. Đến năm 2030, đạt tiêu chí đô thị phát triển xanh - thông minh và văn minh. Việc điều chỉnh địa giới tại khu vực đảo Vũ Yên thuộc quận Hải An đã nhận được sự đồng thuận cao của người dân phường Đông Hải 1 với tỷ lệ cử tri đồng ý đạt 98,08% (có 1,52% cử tri còn chưa thống nhất do: một số người dân đang thấy được sự phát triển trên khu vực đảo trong giai đoạn hiện nay khi được đầu tư cơ sở hạ tầng, tuy nhiên chưa thấy được tầm quan trọng, ý nghĩa của việc điều chỉnh để đảm bảo công tác quản lý hành chính).

Từ những lý do nêu trên, việc điều chỉnh địa giới ĐVHC tại khu vực đảo Vũ Yên thuộc phường Đông Hải 1, quận Hải An là cần thiết.

2. Sự cần thiết thành lập thành phố Thủy Nguyên

Huyện Thủy Nguyên là cửa ngõ phía Bắc của thành phố Hải Phòng có diện tích tự nhiên là 261,83 km^2, quy mô dân số 397.570 người. Trên địa bàn huyện có các tuyến đường giao thông quan trọng như: quốc lộ 10 (nối các tỉnh Thái Bình - Hải Phòng - Quảng Ninh), đường liên tỉnh Hải Phòng - Hải Dương và đường tỉnh 359, 352 chạy qua cùng với hệ thống đường thủy trên sông Cấm, sông Kinh Thầy, sông Bạch Đằng, sông Ruột Lợn,... đã và đang tạo điều kiện thuận lợi cho việc phát triển kinh tế - xã hội, giao thương kinh tế với các tỉnh, thành lân cận trong khu vực.

Theo Nghị quyết số 45-NQ/TW ngày 24/01/2019 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển thành phố Hải Phòng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, trong đó có mục tiêu đến năm 2025 sẽ "hoàn thành việc di chuyển trung tâm hành chính thành phố Hải Phòng sang phía Bắc sông Cấm;...". Trung tâm Hành chính - Chính trị mới của thành phố Hải Phòng có chức năng: là Trung tâm Hành chính - Chính trị; trung tâm tài chính, dịch vụ, thương mại; trung tâm văn hóa, trung tâm cây xanh công viên, cây xanh sinh thái; khu vực trọng yếu về quốc phòng, an ninh của thành phố. Việc xây dựng Trung tâm Hành chính - Chính trị tại khu vực phía Bắc sông Cấm tại huyện Thủy Nguyên nhằm xây dựng trụ sở làm việc cho các cơ quan hành chính, chính trị của thành phố Hải Phòng theo hướng tập trung, liên thông, hiện đại, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp đến liên hệ, giải quyết công việc; từng bước hình thành khu đô thị mới Bắc sông Cấm hiện đại, góp phần phát triển đô thị Thủy Nguyên, đô thị Hải Phòng tương xứng với tiềm năng, vị trí và lợi thế, yêu cầu hội nhập quốc tế và phát triển kinh tế - xã hội, hướng tới đô thị thông minh, đô thị xanh.

Tập trung xây dựng huyện Thủy Nguyên trở thành thành phố trực thuộc thành phố và cụ thể hóa định hướng tại Nghị quyết số 45-NQ/TW; ngày 15/10/2020, đại hội đại biểu Đảng bộ thành phố lần thứ XVI, nhiệm kỳ 2020 - 2025 đã ban hành Nghị quyết số 09-NQ/ĐH, trong đó xác định "cùng với tập trung đầu tư cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội, triển khai các thủ tục pháp lý để chuyển

đổi huyện Thủy Nguyên thành thành phố trực thuộc thành phố trước năm 2025". Được sự quan tâm đầu tư của thành phố, bức tranh kinh tế Thủy Nguyên trong những năm vừa qua có nhiều điểm sáng, huyện đang phát triển theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa; cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tăng tỷ trọng ngành công nghiệp, xây dựng và dịch vụ, giảm tỷ trọng ngành nông, lâm, thủy sản; ưu tiên phát triển công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp hỗ trợ gắn với bảo vệ môi trường và phát triển bền vững. Trên địa bàn huyện có các khu công nghiệp (KCN), cụm công nghiệp (CCN) như: KCN Bến Rừng, KCN Nam Cầu Kiền, KCN VSIP Hải Phòng, CCN Kênh Giang - Đông Sơn - Hòa Bình, CCN Minh Đức - Tam Hưng,... phát triển nổi bật ở một số nhóm ngành như: công nghiệp khai thác, sản xuất xi măng, dịch vụ hậu cần tàu biển, sản xuất thép, đúc kim loại, nhiệt điện, công nghiệp phụ trợ, sản xuất linh kiện, lắp ráp hàng điện tử,... Cùng với đó, các làng nghề truyền thống của huyện tiếp tục duy trì và phát triển, trong đó nổi bật là làng nghề đúc Mỹ Đồng với các sản phẩm cơ khí chính xác đã được xuất khẩu đi các nước châu Âu, Hàn Quốc, Nhật Bản,... Sự phát triển mạnh mẽ từ các khu công nghiệp cũng như các làng nghề truyền thống đã tạo ra nguồn việc làm ổn định, giải quyết nguồn lao động dư thừa tại địa phương và thu hút nguồn lao động từ các khu vực lân cận đến làm ăn, sinh sống, góp phần quan trọng trong quá trình thúc đẩy tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế ở huyện Thủy Nguyên nói riêng và toàn thành phố Hải Phòng nói chung. Năm 2023, tổng giá trị sản xuất theo giá hiện hành đạt 77.896,56 tỷ đồng tăng so với cùng kỳ năm trước là 20,46%; thu ngân sách luôn đạt và vượt chỉ tiêu đặt ra, chi ngân sách tiết kiệm, hiệu quả, đúng đối tượng. Huyện đã tự cân đối được thu chi ngân sách và góp vai trò quan trọng trong việc bổ sung nguồn thu và giảm gánh nặng cho ngân sách thành phố.

Thủy Nguyên là mảnh đất gắn liền với các sự kiện oanh liệt của trận chiến thắng trên sông Bạch Đằng. Ngoài những giá trị về lịch sử, huyện Thủy Nguyên còn có các công trình kiến trúc nghệ thuật như: đền thờ Trần Quốc Bảo, đình Kiền Bái, đình Đồng Lý,... cùng nhiều di tích vừa là thắng cảnh, vừa có giá trị lịch sử như: hang Vua, hang Lương, di tích Bạch Đằng Giang, di tích bãi cọc Cao Quỳ, bãi cọc Đầm Thượng, khu di tích Tràng Kênh,... Những di tích lịch sử, khu du lịch nổi tiếng này, hàng năm đã thu hút hàng ngàn lượt khách đến tham quan, du lịch và chiêm bái, góp phần mang lại những nguồn lợi kinh tế để Thủy Nguyên phát triển mạnh mẽ hơn nữa ngành du lịch ở thời điểm hiện tại và tương lai về mọi mặt: du lịch sinh thái; du lịch văn hóa, ẩm thực;...

Theo nội dung điều chỉnh Quy hoạch chung thành phố Hải Phòng được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 323/QĐ-TTg ngày 30/3/2023, trong đó định hướng xây dựng huyện Thủy Nguyên thành thành phố trực thuộc thành phố với tính chất là khu đô thị mới gắn với Trung tâm Hành chính - Chính trị mới của thành phố Hải Phòng; trung tâm công nghiệp, thương mại, dịch vụ, tài chính, du lịch văn hóa và giải trí, y tế, giáo dục, trung tâm nghề cá vùng duyên hải Bắc Bộ. Để hoàn thành các mục tiêu, định hướng phát triển theo các Quy hoạch đã được các cấp có thẩm quyền phê duyệt, những năm trở lại đây huyện Thủy Nguyên đã phát triển công nghiệp gắn với phát triển đô thị và dịch vụ; phát triển kinh tế

gắn với các vấn đề xã hội và bảo vệ môi trường; gắn kết giữa quy hoạch chung xây dựng đô thị với cải tạo, chỉnh trang, nâng cấp đô thị và phát triển không gian đô thị, qua đó thúc đẩy nhanh tốc độ đô thị hóa, góp phần làm thay đổi diện mạo của đô thị. Trên địa bàn huyện đã và đang triển khai nhiều dự án trọng điểm như: dự án đầu tư xây dựng cầu Dinh nối huyện Thủy Nguyên với thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương; dự án đường tỉnh 359 giai đoạn 2 (từ xã Thủy Triều đến trục giao thông khu công nghiệp Bến Rừng); dự án cải tạo đường thị trấn Minh Đức;... Đồng thời, huyện cũng tập trung giải phóng mặt bằng phục vụ xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đô thị mới Bắc sông Cấm; hướng dẫn thủ tục triển khai thực hiện các dự án khu đô thị như: Hoàng Huy New City tại xã Tân Dương, xã Dương Quan; dự án khu đô thị Hoàng Huy Green River tại xã Hoa Động;... Bên cạnh đó, công tác quản lý trật tự xây dựng, chỉnh trang đô thị luôn được huyện Thủy Nguyên chú trọng. Các công trình xây dựng, kiến trúc đô thị ngày càng được quan tâm đầu tư, nâng cấp theo hướng thông minh, hiện đại. Với những tiềm năng, lợi thế sẵn có của Thủy Nguyên, cùng với định hướng xây dựng và phát triển nhằm đưa Trung tâm Hành chính - Chính trị của thành phố Hải Phòng về địa bàn huyện sẽ tạo ra động lực thúc đẩy mang tính chất đột phá để Thủy Nguyên sớm hoàn thiện, vươn lên đảm bảo các tiêu chuẩn trở thành thành phố trực thuộc thành phố Hải Phòng và là hạt nhân thúc đẩy Hải Phòng trở thành trung tâm kinh tế lớn, động lực phát triển của cả nước, là thành phố hiện đại, có vị thế trong khu vực.

Mặc dù có nhiều tiềm năng để phát triển nhưng huyện Thủy Nguyên hiện nay đang là đơn vị hành chính nông thôn, mô hình quản lý chính quyền không còn phù hợp và khó đáp ứng yêu cầu quản lý trong tình hình mới và hiện trạng phát triển như hiện nay. Thành lập đơn vị hành chính đô thị tại huyện Thủy Nguyên để thiết lập chính quyền đô thị sẽ tạo điều kiện phát huy tốt hơn nữa các tiềm năng, lợi thế sẵn có của huyện, phù hợp với tinh thần Nghị quyết số 45-NQ/TW ngày 24/01/2019 của Bộ Chính trị; Nghị quyết số 108/NQ-CP ngày 26/11/2019 của Chính phủ; Nghị quyết Đại hội Đảng bộ thành phố lần thứ XVI nhiệm kỳ 2020 - 2025; Chương trình hành động số 76-CTr/TU ngày 08/7/2019 của Ban Thường vụ Thành ủy thực hiện Nghị quyết số 45-NQ/TW của Bộ Chính trị và nhằm thực hiện cụ thể hóa định hướng thành lập thành phố Thủy Nguyên thuộc thành phố Hải Phòng (bao gồm toàn bộ đảo Vũ Yên) theo Quyết định số 323/QĐ-TTg ngày 30/3/2023 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chung thành phố Hải Phòng đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2050 và Quyết định số 1516/QĐ-TTg ngày 02/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt quy hoạch thành phố Hải Phòng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Hoàn thành mục tiêu đặt ra là "hoàn thành việc di chuyển Trung tâm Hành chính - Chính trị thành phố Hải Phòng sang phía Bắc sông Cấm; xây dựng bộ máy chính quyền tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả"; sớm ổn định bộ máy điều hành của thành phố để xây dựng và phát triển thành phố Hải Phòng trở thành thành phố đi đầu cả nước trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa; tạo động lực phát triển của vùng Bắc Bộ và của cả nước... hoàn thành thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ đặt ra. Phát triển huyện Thủy Nguyên trở thành thành phố Thủy Nguyên là hoàn toàn tương xứng với vị thế về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và phù hợp với xu thế phát triển của thành phố Hải Phòng trong giai

đoạn mới. Đồng thời, đây cũng là cơ hội thuận lợi tạo sức hấp dẫn thu hút đầu tư, khơi dậy tiềm năng du lịch và phát huy các lợi thế sẵn có của huyện Thủy Nguyên; tạo đà phát triển kinh tế - xã hội của thành phố Hải Phòng nói chung và huyện Thủy Nguyên nói riêng.

Với những tiềm năng, lợi thế sẵn có của huyện, cùng với việc Trung tâm Hành chính - Chính trị của thành phố Hải Phòng sẽ chuyển về và hoạt động ổn định trên địa bàn huyện vào đầu năm 2025 sẽ tạo ra động lực thúc đẩy mang tính chất đột phá để Thủy Nguyên sớm trở thành thành phố trực thuộc thành phố Hải Phòng và là hạt nhân thúc đẩy Hải Phòng trở thành trung tâm kinh tế lớn, động lực phát triển của cả nước, là thành phố hiện đại, có vị thế trong khu vực. Từ những thực trạng phát triển và các nhiệm vụ, mục tiêu đặt ra của Trung ương và của thành phố Hải Phòng, việc thành lập thành phố Thủy Nguyên (bao gồm đảo Vũ Yên) là cần thiết trong giai đoạn hiện nay và nhận được sự đồng thuận, nhất trí cao của cử tri với tỷ lệ đồng ý đạt 99,51% (có 0,35% cử tri còn chưa thống nhất do: một số hộ thuộc diện đang hưởng chính sách xã hội lo ngại khi trở thành thành phố sẽ không tiếp tục được hưởng chính sách; số ít thành phần thành phần thường xuyên kiện cáo khi được giải quyết chưa thỏa đáng theo nguyện vọng nên có tư tưởng cố tình không đồng ý; còn có người e ngại khi thành lập sẽ phải thay đổi các giấy tờ có liên quan, phải đi làm lại gây mất thời gian).

3. Sự cần thiết về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã

Thực hiện chủ trương, tinh thần tại Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; Nghị quyết số 37-NQ/TW ngày 24/12/2018 của Bộ Chính trị về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện và cấp xã; Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 ngày 12/7/2023 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2030; được sự đồng ý của Thành ủy, UBND thành phố đã tiến hành sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã trực thuộc nhằm đảm bảo theo các quy định hiện hành. Sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã nhằm đảm bảo sự đồng nhất của các đơn vị hành chính (ĐVHC) sau khi thực hiện sắp xếp về các yếu tố như: truyền thống lịch sử, văn hóa, dân tộc, tôn giáo, tín ngưỡng, phong tục, tập quán, vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên, cộng đồng dân cư, quốc phòng, an ninh và hiện trạng phát triển kinh tế - xã hội.

Việc sắp xếp các ĐVHC cấp xã là cần thiết nhằm tạo điều kiện tập trung được các nguồn lực về đất đai, dân số, mở rộng không gian để quy hoạch, tập trung mở rộng sản xuất, phát huy hiệu quả các tiềm năng, thế mạnh để phát triển kinh tế - xã hội. Việc đầu tư cơ sở hạ tầng, công trình phúc lợi được tập trung hơn, tránh việc đầu tư xây dựng dàn trải, nhất là đối với sự nghiệp giáo dục, y tế. Đồng thời, góp phần tinh gọn bộ máy, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của chính quyền địa phương, tinh giản biên chế; tiết kiệm chi cho ngân sách, góp phần vào cải cách chính sách tiền lương, nâng cao đời sống cho cán bộ, công chức và nâng cao chất lượng, trách nhiệm cho đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã.

Việc sắp xếp các ĐVHC là phù hợp với thực tiễn và xu thế phát triển; đảm bảo hoàn thiện thể chế về ĐVHC, bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; nâng cao đời sống Nhân dân; đảm bảo quốc phòng; giữ vững an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội và đảm bảo theo tinh thần chủ trương của Đảng và Nhà nước. Việc sắp xếp các ĐVHC đã được tuyên truyền, phổ biến đến mọi người dân trên địa bàn chịu ảnh hưởng và được người dân đồng tình ủng hộ với tỷ lệ cử tri đồng ý đạt 99,45% (có 0,48% cử tri còn chưa thống nhất do: không đồng ý việc sắp xếp vì sẽ mất đi tên gọi hiện có; sắp xếp ĐVHC sẽ mất thời gian, công sức đi kê khai, làm lại các giấy tờ theo tên của ĐVHC mới).

4. Sự cần thiết thành lập các phường thuộc thành phố Thủy Nguyên

Huyện Thủy Nguyên có 37 ĐVHC cấp xã gồm 02 thị trấn và 35 xã. Sau khi thực hiện sắp xếp, huyện Thủy Nguyên còn lại 21 ĐVHC cấp xã trực thuộc. Theo định hướng quy hoạch chung đô thị Thủy Nguyên, trong đó phạm vi khu vực nội thành dự kiến bao gồm 02 thị trấn (Minh Đức, Núi Đèo) và 24 xã (Thủy Sơn, Thủy Đường, Tân Dương, Dương Quan, Hoa Động, Lâm Động, Hoàng Động, Kiền Bái, Thiên Hương, Mỹ Đồng, Quảng Thanh, Đông Sơn, Kênh Giang, Hòa Bình, An Lư, Trung Hà, Thủy Triều, Ngũ Lão, Phục Lễ, Phả Lễ, Lập Lễ, Tam Hưng, Lưu Kiếm, Lưu Kỳ).

Được sự quan tâm đầu tư từ các cấp, các ngành, doanh nghiệp và sự đoàn kết của Nhân dân trong quá trình phát triển gắn với mục tiêu xây dựng huyện Thủy Nguyên trở thành thành phố trực thuộc thành phố Hải Phòng theo các chủ trương, định hướng của Trung ương, của thành phố. Trong thời gian qua diện mạo của khu vực nội thành dự kiến đã có nhiều thay đổi; hệ thống giao thông, cơ sở hạ tầng được đầu tư, nâng cấp đồng bộ, hiện đại đáp ứng nhu cầu của người dân, doanh nghiệp trên địa bàn. Tận dụng những lợi thế về chính sách, cơ chế ưu tiên; các xã, thị trấn đã có những phát triển vượt bậc về kinh tế - xã hội, chuyển dịch cơ cấu kinh tế tích cực theo hướng tăng tỷ trọng các ngành công nghiệp - xây dựng và thương mại - dịch vụ, giảm dần tỷ trọng ngành nông - lâm - thủy sản; thu ngân sách luôn đạt và vượt chỉ tiêu đề ra, góp phần bổ sung ngân sách cho huyện; công tác văn hóa - xã hội trên địa bàn các xã, thị trấn có nhiều chuyển biến tích cực; đời sống vật chất, tinh thần của người dân không ngừng được nâng cao; công tác giảm nghèo được quan tâm chú trọng; giáo dục, y tế ngày càng phát triển đáp ứng được nhu cầu của người dân.

Hệ thống đường giao thông trên địa bàn các xã, thị trấn đã được nhựa hóa, bê tông hóa đáp ứng nhu cầu đi lại, vận chuyển hàng hóa của người dân với các địa phương lân cận. Hệ thống cung cấp nước sạch được đầu tư xây dựng, 100% số hộ dân, cơ sở kinh doanh, nhà máy sản xuất... được sử dụng lưới điện quốc gia phục vụ sinh hoạt và sản xuất. Hệ thống các khu vui chơi giải trí, trung tâm thương mại, khu nhà ở cho người lao động,... cũng phát triển đồng bộ, đời sống vật chất và tinh thần của người dân ngày càng được nâng cao; công tác vệ sinh môi trường được quan tâm triển khai kịp thời với mục tiêu vì môi trường xanh, sạch và bền vững. Cùng với đó, trên địa bàn các xã, thị trấn là nơi tập trung của các khu, cụm

công nghiệp, làng nghề truyền thống đã thu hút và giải quyết các vấn đề về việc làm, tạo nguồn thu nhập ổn định cho người dân.

Sự phát triển nhanh và tốc độ đô thị hóa tăng cao trên địa bàn các xã, thị trấn trong thời gian qua đã làm cho công tác quản lý Nhà nước trên các lĩnh vực: dân cư, quy hoạch, xây dựng, môi trường, quốc phòng, an ninh, định hướng phát triển kinh tế - xã hội đang gặp nhiều khó khăn. Mô hình chính quyền hiện nay trên nhiều mặt đã không còn phù hợp, hoạt động quản lý Nhà nước trên địa bàn bộc lộ những mặt bất cập nhất định, như trong quản lý quy hoạch, định hướng phát triển thương mại - dịch vụ, công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, quản lý trật tự xây dựng, quản lý dân cư, an ninh, trật tự. Việc thành lập các phường để tạo tiền đề nhằm thiết lập mô hình quản lý để phù hợp hơn và đáp ứng nhu cầu trong giai đoạn hiện nay là yêu cầu khách quan và cấp thiết. Việc thành lập các phường là phù hợp với định hướng quy hoạch chung đô thị Thủy Nguyên đã được phê duyệt tại Quyết định số 408/QĐ-TTg ngày 13/5/2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch chung đô thị mới Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng đến năm 2045; đồng thời đáp ứng tiêu chuẩn số phường trên tổng số ĐVHC cấp xã khi thành lập thành phố Thủy Nguyên trực thuộc thành phố Hải Phòng; góp phần hoàn thành mục tiêu đặt ra của Nghị quyết số 45-NQ/TW; hoàn thành thắng lợi nhiệm vụ mà Đại hội Đảng bộ thành phố khóa XVI, nhiệm kỳ 2020 - 2025 đã đặt ra; đáp ứng nguyện vọng của Đảng bộ, chính quyền và Nhân dân trên địa bàn, tỷ lệ cử tri đồng ý đạt 99,43% (có 0,42% cử tri chưa thống nhất do: không muốn mất thời gian, công sức đi làm lại các giấy tờ; một số ít không muốn thành lập phường theo nguyện vọng...).

Phần thứ hai
LỊCH SỬ HÌNH THÀNH, HIỆN TRẠNG CỦA HUYỆN THỦY NGUYÊN VÀ CÁC ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH LIÊN QUAN

A. LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ HIỆN TRẠNG CỦA HUYỆN THỦY NGUYÊN

I. LỊCH SỬ HÌNH THÀNH

Trước năm 1945, vùng đất Thủy Nguyên có 09 tổng thuộc tỉnh Kiến An và được nâng lên thành đơn vị hành chính cấp phủ. Sau năm 1945, Thuỷ Nguyên vẫn thuộc tỉnh Kiến An (trừ địa bàn 02 tổng Dưỡng Động và Trúc Động). Đơn vị cấp tổng bị xoá bỏ, ngày 25/8/1948, huyện Thuỷ Nguyên được cắt về Liên khu 3. Ngày 07/11/1949, huyện Thủy Nguyên được điều chỉnh về trực thuộc tỉnh Quảng Yên. Ngày 04/3/1950, huyện Thủy Nguyên được điều chỉnh về tỉnh Kiến An. Cuối năm 1953, huyện Thủy Nguyên thuộc khu Quảng Hồng. Ngày 11/02/1956, được chuyển về tỉnh Kiến An (bao gồm cả khu vực Dưỡng Động và Trúc Động cũ); ngay sau đó lại thuộc thành phố Hải Phòng.

Ngày 20/10/1962, tỉnh Kiến An được sáp nhập vào thành phố Hải Phòng, huyện Thủy Nguyên trực thuộc thành phố Hải Phòng, khi đó huyện có 33 xã: An Lư, An Sơn, Cao Nhân, Chính Mỹ, Đông Sơn, Dương Quan, Hòa Bình, Hoa Động, Hoàng Động, Hợp Thành, Kênh Giang, Kiền Bái, Kỳ Sơn, Lại Xuân, Lâm Động, Lập Lễ, Liên Khê, Lưu Kiếm, Minh Đức, Minh Tân, Mỹ Đồng, Ngũ Lão, Phả Lễ, Phù Ninh, Phục Lễ, Quảng Thanh, Tam Hưng, Tân Dương, Thiên Hương, Thủy Đường, Thủy Sơn, Thủy Triều, Trung Hà.

Ngày 15/7/1983, thành lập 02 xã Gia Đức và Gia Minh thuộc vùng kinh tế mới. Ngày 18/3/1986, thành lập thị trấn Núi Đèo (thị trấn huyện lỵ huyện Thủy Nguyên - trên cơ sở một phần diện tích và dân số của xã Thủy Sơn và một phần diện tích và dân số của xã Thủy Đường) và thành lập thị trấn Minh Đức.

Ngày 10/01/2004, thành lập xã Lưu Kỳ trên cơ sở điều chỉnh một phần diện tích tự nhiên và dân số của xã Lưu Kiếm. Huyện Thủy Nguyên hoạt động và ổn định từ đó cho đến nay với 37 ĐVHC cấp xã, gồm: 02 thị trấn và 35 xã.

II. VỊ TRÍ ĐỊA LÝ VÀ ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN

1. Vị trí địa lý

Huyện Thủy Nguyên nằm ở phía Bắc của thành phố Hải Phòng, có vị trí địa lý như sau:

- Đông giáp thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh;

- Tây giáp thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương và huyện An Dương;

- Nam giáp các quận Hồng Bàng, Ngô Quyền và Hải An;

- Bắc giáp thành phố Uông Bí, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh và thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương.

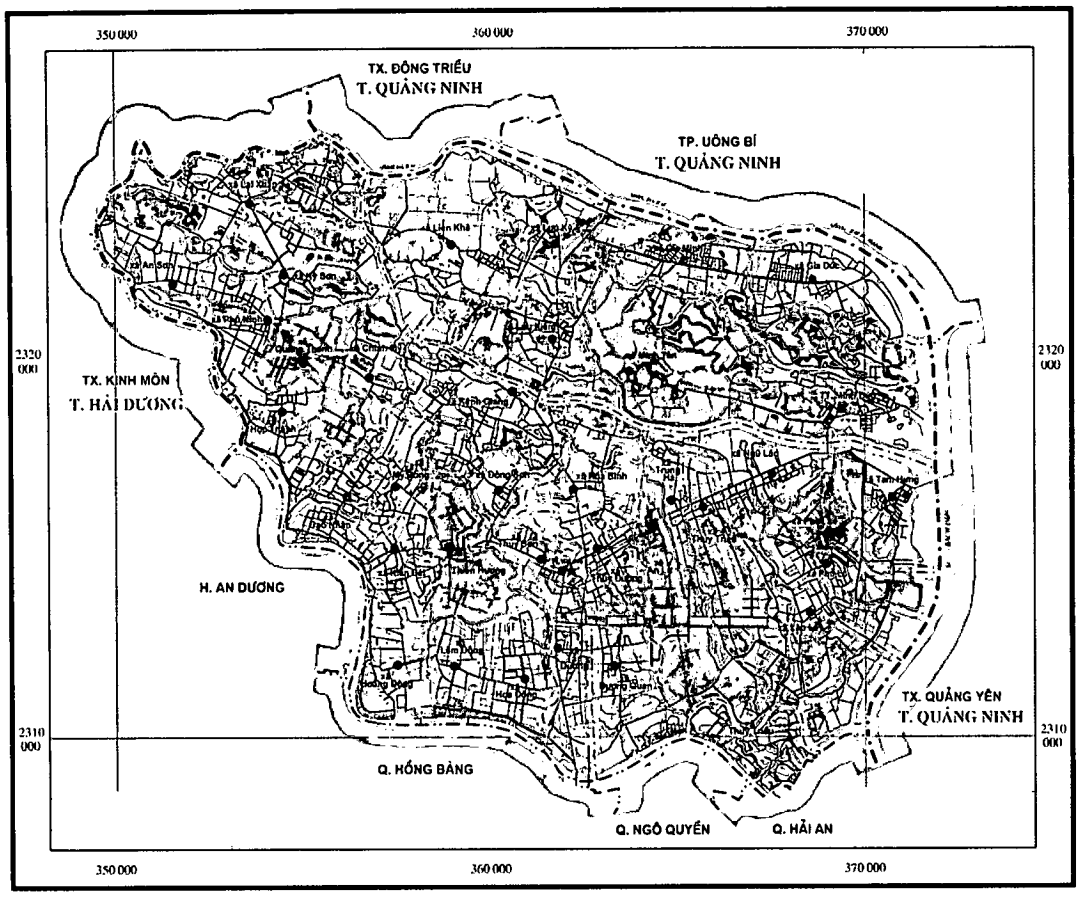

Vị trí của huyện Thủy Nguyên

2. Điều kiện tự nhiên

a) Địa hình

Huyện Thủy Nguyên nằm ở vị trí chuyển tiếp giữa hai vùng địa lý tự nhiên là vùng đồng bằng châu thổ sông Hồng và vùng đồi núi Đông Bắc. Một số xã ở phía Bắc và Đông Bắc của huyện có địa hình cấu tạo bởi những dãy núi đá vôi, đồi núi đất thấp xen kẽ với các thung lũng, địa hình không bằng phẳng mang tính chất của vùng bán sơn địa. Các xã phía Nam có địa hình bằng phẳng hơn mang tính chất của vùng đồng bằng. Toàn bộ lãnh thổ của huyện được phân thành 3 vùng địa hình chính như sau:

- Vùng núi đá vôi xen kẽ: là vùng nằm kẹp giữa sông Đá Bạc và sông Giá. Trong vùng rải rác có những ngọn núi đá vôi nằm xen kẽ với đồng ruộng và khu dân cư, trong đó tập trung nhiều ở thị trấn Minh Đức, và các xã: Minh Tân, Liên Khê, Lại Xuân.

- Vùng đồi núi đất xen kẽ đồng bằng: là vùng chạy dọc theo đường tỉnh 352 và quốc lộ 10 kéo dài từ các xã An Sơn, xã Phù Ninh qua xã Kỳ Sơn, xã Chính Mỹ, xã Kênh Giang đến các xã Hòa Bình, xã Thủy Đường, xã Trung Hà, xã Ngũ Lão.

- Vùng đồng bằng ven biển: là toàn bộ địa phận các xã phía Nam còn lại của huyện bám theo sông Cấm và cửa sông Đá Bạc.

b) Khí hậu

Khí hậu của huyện Thủy Nguyên mang đặc điểm nhiệt đới gió mùa, chia thành 02 mùa như sau:

- Mùa Hè kéo dài từ tháng 5 đến tháng 10 có tính chất nóng ẩm, mưa nhiều; nền nhiệt độ trung bình đạt trên 25°C, nhiệt độ cao nhất có thể đạt 35 - 40°C thường xuất hiện vào tháng 6 và tháng 7; mưa bão thường xuất hiện nhiều vào tháng 7 - tháng 9.

- Mùa Đông lạnh, khô kéo dài từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau; lạnh nhất thường xuất hiện vào tháng 01 với nhiệt độ trung bình tháng là 16,6°C. Trong mùa Đông, huyện còn chịu ảnh hưởng bởi các đợt gió mùa Đông Bắc, nhiệt độ trung bình khoảng 18 - 20°C, nhiệt độ thấp nhất có thể xuống dưới 10°C.

c) Thủy văn

Mạng lưới sông ngòi ở Thủy Nguyên khá dày, bao quanh và chạy ngang dọc địa bàn. Hệ thống các con sông trên địa bàn huyện gồm có:

- Sông Bạch Đằng - Đá Bạc là một hệ thống dòng chảy liên tục có tổng chiều dài khoảng 42 km, được phân đoạn thành sông Đá Bạc nằm ở phía Bắc, có lòng chảy thu hẹp hơn và sông Bạch Đằng ở phía Đông huyện có lòng chảy mở rộng.

- Sông Kinh Thầy là một nhánh chính của sông Thái Bình sau khi chảy qua tỉnh Hải Dương đổ vào địa phận huyện Thủy Nguyên tại xã An Sơn.

- Sông Cấm là phần hạ lưu của sông Kinh Thầy, đổ ra biển tại cửa Cấm với chiều dài khoảng 37 km. Sông có hướng chảy chủ yếu Tây Bắc - Đông Nam, chiều rộng tương đối lớn, trung bình 400 - 600 mm, độ sâu trung bình 6 - 8 m.

- Sông Ruột Lợn dài khoảng 5 km là một phần hợp lưu của sông Cấm tại Dương Quan chảy vào sông Bạch Đằng tại ngã ba Nam Triệu. Con sông này ngắn nhưng có giá trị kinh tế lớn vì đây là lối ra vào cảng của các phương tiện vận tải đường thủy.

- Sông Giá có chiều dài khoảng 19 km, nằm ở phía Bắc thành phố Hải Phòng, tiếp nhận nước từ sông Đá Bạc qua cống Phi Liệt và nhập lại vào sông Bạch Đằng tại vị trí giáp ranh giữa thị trấn Minh Đức và xã Tam Hưng.

Bên cạnh đó, huyện Thủy Nguyên còn có các con sông nhỏ và các ao, hồ được phân bố xen kẽ ở các xã, thị trấn hoặc ven đê góp phần cung cấp nước tưới tiêu cho các hoạt động nông nghiệp, phục vụ đời sống người dân.

III. CHỨC NĂNG, VAI TRÒ CỦA HUYỆN

Huyện Thủy Nguyên là cửa ngõ phía Bắc của thành phố Hải Phòng, trên địa bàn huyện có quốc lộ 10, đường liên tỉnh Hải Phòng - Hải Dương và đường tỉnh 359, 352 chạy qua cùng với hệ thống đường thủy trên sông Cấm, sông Kinh Thầy, sông Bạch Đằng, sông Ruột Lợn,... tạo điều kiện thuận lợi cho huyện phát triển kinh tế - xã hội, giao thương kinh tế với các tỉnh, thành lân cận. Ngoài ra, huyện sẽ có nhiều điều kiện để tiếp nhận những tiến bộ khoa học kỹ thuật, chuyển

giao công nghệ và thông tin, là thị trường cung cấp nguồn lao động và hàng hóa nông thủy sản cho thành phố Hải Phòng. Giáp ranh phía Nam huyện có cảng Hải Phòng - một cảng biển lớn và quan trọng nhất ở phía Bắc, đây là điều kiện thuận lợi trong giao thương kinh tế giữa huyện với các tỉnh, thành phố trong và ngoài nước; có nhiều lợi thế phát triển kinh tế công nghiệp, thương mại, du lịch, dịch vụ, vận tải... Với những lợi thế đó, huyện Thủy Nguyên giữ vị thế chiến lược quan trọng về kinh tế, chính trị, quốc phòng, an ninh, giao thông của thành phố và khu vực.

Ngày 30/3/2023, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 323/QĐ-TTg về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch chung thành phố Hải Phòng đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050, trong đó xác định huyện Thủy Nguyên là khu vực đô thị mở rộng về phía Bắc của thành phố có tính chất là khu đô thị mới gắn với Trung tâm Hành chính - Chính trị mới của thành phố Hải Phòng; trung tâm công nghiệp, thương mại, dịch vụ, tài chính, du lịch văn hóa và giải trí, y tế, giáo dục, trung tâm nghề cá vùng duyên hải Bắc Bộ. Đây là một trong những yếu tố quan trọng, tạo điều kiện cho huyện Thủy Nguyên phát triển về mọi mặt.

IV. DIỆN TÍCH TỰ NHIÊN VÀ CƠ CẤU CÁC LOẠI ĐẤT

Tính đến ngày 31/12/2023, huyện Thủy Nguyên có diện tích tự nhiên là 261,83 km^2, trong đó:

- Diện tích đất nông nghiệp 129,60 km^2, chiếm 49,50%;
- Diện tích đất phi nông nghiệp 126,07 km^2, chiếm 48,15%;
- Diện tích đất chưa sử dụng 6,16 km^2, chiếm 2,35%.

V. QUY MÔ DÂN SỐ, CƠ CẤU LAO ĐỘNG VÀ THÀNH PHẦN DÂN CƯ

1. Dân số

Tính đến ngày 31/12/2023, huyện Thủy Nguyên có 397.570 người; trong đó dân số thường trú là 381.846 người, dân số tạm trú 15.724 người.

Bảng thống kê dân số các xã, thị trấn thuộc huyện Thủy Nguyên

STT	Đơn vị hành chính	Dân số (người)	Ghi chú
I	**Khu vực nội thành dự kiến**	**291.366**	
1	Thị trấn Minh Đức	13.539	
2	Xã Hoa Động	13.102	
3	Xã Thiên Hương	12.618	
4	Xã Quảng Thanh	11.110	

5	Xã Hòa Bình	14.557	
6	Xã An Lư	17.322	
7	Xã Ngũ Lão	14.306	
8	Xã Lập Lễ	14.623	
9	Xã Tam Hưng	8.200	
10	Xã Tân Dương	11.440	
11	Xã Dương Quan	11.047	
12	Xã Lâm Động	6.665	
13	Xã Hoàng Động	9.500	
14	Xã Kiền Bái	13.482	
15	Xã Mỹ Đồng	7.776	
16	Xã Đông Sơn	7.402	
17	Xã Kênh Giang	11.909	
18	Xã Lưu Kỳ	3.108	
19	Xã Lưu Kiếm	13.346	
20	Thị trấn Núi Đèo	6.827	
21	Xã Thủy Sơn	15.074	
22	Xã Thủy Đường	15.730	
23	Xã Trung Hà	8.068	
24	Xã Thủy Triều	13.901	
25	Xã Phục Lễ	8.002	
26	Xã Phả Lễ	8.712	
II	**Khu vực ngoại thành**	**106.204**	
1	Xã Gia Minh	4.596	
2	Xã Gia Đức	6.481	
3	Xã Minh Tân	12.507	
4	Xã Liên Khê	12.386	
5	Xã Lại Xuân	12.144	

6	Xã An Sơn	7.429	
7	Xã Kỳ Sơn	11.148	
8	Xã Phù Ninh	7.039	
9	Xã Hợp Thành	9.638	
10	Xã Cao Nhân	11.603	
11	Xã Chính Mỹ	11.233	
Tổng cộng		**397.570**	

(Nguồn: Công an thành phố Hải Phòng)

2. Cơ cấu lao động

Dịch chuyển lao động là một xu thế khách quan của quá trình phát triển kinh tế - xã hội và gắn liền với quá trình công nghiệp hóa, đô thị hóa. Những năm gần đây, được sự quan tâm của Thành ủy, sự chỉ đạo sát sao của các Sở ngành, huyện Thủy Nguyên đã và đang thực hiện tốt các giải pháp phát triển nguồn nhân lực phù hợp với nhu cầu thị trường lao động của các doanh nghiệp tại các khu, cụm công nghiệp cũng như các cơ sở sản xuất kinh doanh. Trong đó, chú trọng đào tạo nghề cho lao động nông thôn; đồng thời đẩy mạnh liên kết hợp tác giữa các trường trung cấp, cao đẳng nghề, trung tâm dạy nghề, trung tâm giới thiệu việc làm với các khu, cụm công nghiệp, doanh nghiệp trong và ngoài huyện. Do đó, cơ cấu lao động nông nghiệp chuyển sang lao động phi nông nghiệp ngày càng cao, phù hợp với hiện trạng phát triển của huyện cũng như phù hợp với sự chuyển dịch về cơ cấu của nền kinh tế.

Tổng số người lao động trong các ngành kinh tế của huyện là 210.421 người, trong đó:

- Lao động nông nghiệp: 34.222 người, chiếm 16,26%;
- Lao động phi nông nghiệp: 176.199 người, chiếm 83,74%.

3. Thành phần dân cư: Thành phần dân cư của huyện Thủy Nguyên chủ yếu là người Kinh, chiếm 99,74% dân số; dân tộc thiểu số (gồm: các dân tộc Mường, Tày, Nùng, Thái,...) chiếm 0,26%

VI. TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN KINH TẾ, VĂN HÓA, XÃ HỘI

1. Về phát triển kinh tế

Năm 2023, bám sát chỉ đạo của Thành ủy, UBND thành phố, sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị từ huyện đến cơ sở; nền kinh tế - xã hội của huyện đã đạt được nhiều kết quả quan trọng. Tốc độ tăng trưởng kinh tế của huyện được duy trì và phát triển ổn định, giai đoạn 2021 - 2023 đạt 17,14%/năm. Tổng giá trị sản xuất trong các ngành kinh tế (theo giá hiện hành) năm 2023 đạt 77.896,56 tỷ đồng; trong đó: ngành công nghiệp - xây dựng đạt 42.328,14 tỷ đồng, chiếm 54,34%; ngành thương mại - dịch vụ đạt 29.419,11 tỷ đồng, chiếm 37,77%; ngành

nông - lâm - thủy sản đạt 6.149,31 tỷ đồng, chiếm 7,89%. Kết quả trên từng lĩnh vực đạt được cụ thể như sau:

a) Công nghiệp - xây dựng

Tập trung khai thác mọi tiềm năng, thế mạnh của huyện, đẩy mạnh phát triển lĩnh vực công nghiệp, xây dựng; từng bước thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa trên địa bàn; đến nay, ngành công nghiệp, xây dựng đang có vai trò chủ lực trong nền kinh tế, góp phần đưa Thủy Nguyên trở thành một trong những địa phương có nền công nghiệp phát triển mạnh của thành phố Hải Phòng; các sản phẩm công nghiệp có lợi thế đều tăng nhanh, mở rộng thị trường tiêu thụ.

Với quyết tâm nâng cao tỷ trọng công nghiệp trong cơ cấu kinh tế, nhiều chính sách khuyến khích công nghiệp được triển khai; huyện Thủy Nguyên đã tạo điều kiện thuận lợi và khuyến khích các thành phần kinh tế tập trung đầu tư sản xuất các ngành và sản phẩm ứng dụng khoa học công nghệ hiện đại, kỹ thuật tiên tiến, tiết kiệm tài nguyên khoáng sản và bảo vệ môi trường. Điểm sáng thu hút các nhà đầu tư trên địa bàn huyện đã hình thành các khu công nghiệp (KCN) và cụm công nghiệp (CCN) tập trung như: KCN VSIP Hải Phòng; KCN Nam Cầu Kiền; KCN Bến Rừng, KCN Thủy Nguyên; các CCN: Kênh Giang - Đông Sơn - Hòa Bình, Minh Đức - Tam Hưng, Kiền Bái - Cao Nhân,... Đây là những khu công nghiệp lớn của thành phố và của cả khu vực kinh tế trọng điểm Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh. Tại các khu, cụm công nghiệp đã có nhiều dự án, công trình sản xuất công nghiệp đã và đang hoạt động ổn định, phát triển, như: nhà máy xi măng Hải Phòng, nhà máy nhiệt điện Hải Phòng I và II, nhà máy đóng tàu Nam Triệu,... Đây sẽ là những nền tảng cơ bản cho sự phát triển bền vững kinh tế - xã hội của Thủy Nguyên.

Ngoài ra, trên địa bàn huyện có hơn 20 xí nghiệp, nhà máy, hàng trăm cơ sở sản xuất - kinh doanh hoạt động; nhờ đó đã tạo lập môi trường sản xuất - kinh doanh sôi động, cạnh tranh lành mạnh không chỉ tạo công ăn việc làm, thay đổi cuộc sống của người dân mà còn thu hút đầu tư trong và ngoài nước nhờ môi trường đầu tư hiệu quả, thân thiện và an toàn.

Những năm trở lại đây ngành tiểu thủ công nghiệp đã có những chuyển biến tích cực; các cụm công nghiệp làng nghề mới cũng được quy hoạch chi tiết, triển khai thực hiện nhằm thu hút các nguồn lực đầu tư phát triển trên địa bàn. Một số ngành nghề có sự chuyển giao công nghệ sản xuất tiên tiến như đúc kim loại chuyển từ sản xuất lò đúc luyện than sang hệ thống lò điện cao tần, theo công nghệ hiện đại, bán tự động. Ngoài ra, huyện còn khuyến khích các doanh nghiệp, hộ kinh doanh và tư nhân đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, phát triển đa dạng các mặt hàng góp phần giải quyết việc làm, ổn định cuộc sống người dân.

Việc hình thành các khu, cụm công nghiệp và sự hoạt động ổn định của các doanh nghiệp, các nghề truyền thống đã tạo ra động lực phát triển mới, thúc đẩy nền kinh tế của huyện theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa ngày càng cao. Năm 2023, tổng giá trị sản xuất ngành công nghiệp - xây dựng đạt 42.328,14 tỷ đồng, tăng 21,08% so với năm 2022.

Khu công nghiệp VSIP

Khu công nghiệp Nam cầu Kiền

b) Thương mại - dịch vụ

Bên cạnh việc đẩy mạnh công nghiệp, xây dựng; hoạt động xúc tiến thương mại, dịch vụ cũng được huyện chú trọng quan tâm. Tổng giá trị sản xuất ngành thương mại - dịch vụ đạt 29.419,11 tỷ đồng, tăng 23,64% so với năm 2022, trong đó: tổng mức bán lẻ hàng hóa thực hiện 27.254,85 tỷ đồng, đạt 102,4% kế hoạch; doanh thu dịch vụ ăn uống và lưu trú thực hiện 2.164,26 tỷ đồng, đạt 102,1% kế hoạch. Mạng lưới kinh doanh thương mại - dịch vụ tiếp tục được mở rộng với sự tham gia của các thành phần kinh tế gắn sản xuất với tiêu thụ, gắn thị trường nội địa với thị trường quốc tế, góp phần thúc đẩy sản xuất phát triển, đẩy mạnh xuất khẩu và bảo đảm các nhu cầu tiêu dùng của người dân. Công tác kiểm tra, kiểm soát trong lĩnh vực thương mại được tăng cường góp phần ổn định giá cả, chất lượng hàng hóa. Hoạt động dịch vụ phát triển đa dạng, đúng định hướng, chất lượng và hiệu quả ngày càng được nâng lên. Nổi bật trong đó có một số loại hình dịch vụ phát triển khá nhanh với sự tham gia của nhiều thành phần kinh tế như: vận tải, tài chính, công nghệ thông tin, viễn thông, chăm sóc sức khỏe, giáo dục và đào tạo, nhà nghỉ, khách sạn, nhà hàng, dịch vụ phụ trợ đối với khu công nghiệp... Hoạt động thương mại phát triển khá mạnh và toàn diện, doanh thu ngành thương mại trên địa bàn tăng đều qua các năm. Huyện đã thực hiện chuyển đổi mô hình quản lý, khai thác chợ cho doanh nghiệp và phát triển các siêu thị, khu thương mại, dịch vụ trung tâm xã, thị trấn, đáp ứng tốt hơn nhu cầu của người dân.

Hiện nay trên địa bàn huyện có các công trình thương mại, dịch vụ với quy mô lớn như: trung tâm thương mại Thủy Nguyên diện tích 12.096 m^2, siêu thị Lan Chi Mart diện tích 3.000 m^2, siêu thị điện máy HC diện tích 3.846 m^2; các công trình chợ như: chợ Núi Đèo diện tích 11.904 m^2, chợ Minh Đức diện tích 9.196 m^2, chợ Chùa diện tích 12.000 m^2, chợ Tổng diện tích 17.880 m^2, chợ Xưa diện tích 7.418 m^2... Ngoài ra còn có các siêu thị tự chọn, cửa hàng kinh doanh và nhiều cơ sở dịch vụ khác tập trung tại khu dân cư của các xã, thị trấn; trung bình mỗi xã có 01 - 02 chợ, siêu thị tự chọn, cửa hàng kinh doanh cơ bản phục vụ tốt nhu cầu sinh hoạt, mua sắm của người dân.

Hoạt động kinh doanh, dịch vụ phát triển ở tất cả các thành phần kinh tế, thị trường mở rộng, lưu thông hàng hóa thông suốt, đa dạng, phong phú; chất lượng

dịch vụ, hàng hóa ngày một cao, đáp ứng nhu cầu sản xuất, kinh doanh, tiêu dùng của Nhân dân trong và ngoài đô thị. Hoạt động kinh doanh nhỏ lẻ trên địa bàn diễn ra khá sôi nổi, đáp ứng nhu cầu đông đảo của người dân địa bàn cũng như vùng lân cận.

Thủy Nguyên còn được biết đến là một mảnh đất với nhiều tiềm năng để phát triển du lịch. Hoạt động du lịch những năm gần đây có nhiều chuyển biến tích cực, phong phú về loại hình và nâng cao về chất lượng. Du lịch tâm linh đã và đang trở thành thế mạnh, chiếm ưu thế trong hoạt động du lịch của huyện. Hệ thống cơ sở hạ tầng du lịch được quan tâm đầu tư phát triển. Trên địa bàn có nhiều công trình, di tích lịch sử, văn hóa là tiềm năng phát triển du lịch nghỉ dưỡng và tâm linh như: di tích Tràng Kênh - Bạch Đằng Giang; bãi cọc Cao Quỳ; bãi cọc Đầm Thượng;...

Siêu thị điện máy xanh

Siêu thị điện máy HC

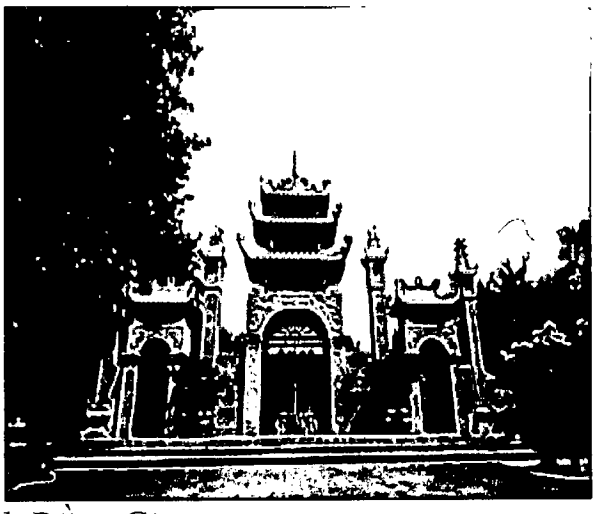

Khu di tích Bạch Đằng Giang

c) Nông - lâm - thủy sản

Ngành nông lâm, thủy sản có sự chuyển dịch theo hướng giảm trồng trọt, tăng thủy sản, dịch vụ nông nghiệp và chăn nuôi. Nông nghiệp - thủy sản chuyển mạnh sang sản xuất hàng hóa tập trung, quy mô lớn, theo hướng sinh thái, an toàn, áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật và công nghệ mới để nâng cao chất lượng và

giá trị sản phẩm. Lĩnh vực trồng trọt và chăn nuôi gia súc, gia cầm tiếp tục được mở rộng theo hướng gia trại, trang trại và đã hình thành các vùng sản xuất hàng hóa tập trung, hoạt động ứng dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất được tăng cường, cơ cấu cây trồng, vật nuôi được chuyển đổi phù hợp với điều kiện sản xuất. Trên địa bàn huyện Thủy Nguyên đã hình thành nhiều vùng trồng rau màu, cây ăn quả theo tiêu chuẩn VIETGAP, được tiêu thụ tại các tỉnh phía Bắc và xuất khẩu. Nhiều mô hình sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ hiện đại đã mang lại hiệu quả kinh tế cao được phát triển, như: mô hình nuôi cá vược tập trung tại xã Lập Lễ, Phả Lễ; mô hình vùng chăn nuôi gia cầm ở Lại Xuân, vùng chăn nuôi lợn thịt tập trung tại xã Chính Mỹ, vùng trồng hoa ứng dụng công nghệ cao tại xã Đông Sơn. Từng bước di chuyển các cơ sở giết mổ, chăn nuôi gia súc, gia cầm ra khỏi các khu dân cư. Tổng giá trị sản xuất ngành nông - lâm - thủy sản năm 2023 đạt 6.149,31 tỷ đồng, đạt 100% kế hoạch, tăng 4,03% so với năm 2022.

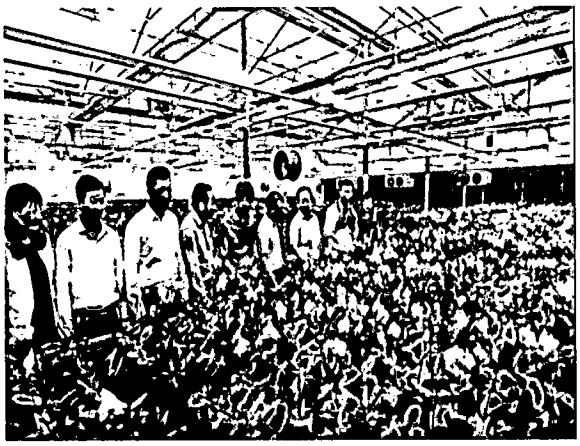

Mô hình sản xuất hoa lan ứng dụng công nghệ cao

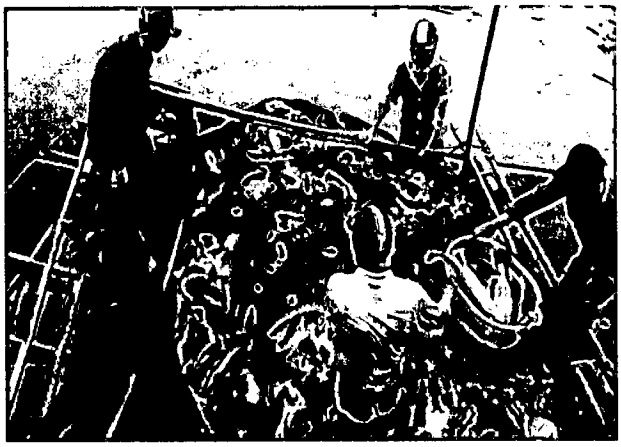

Mô hình nuôi cá vược tập trung tại xã Lập Lễ

d) Thu, chi ngân sách

Tập trung rà soát kỹ các nguồn thu từ đất; thực hiện công tác đấu giá quyền sử dụng đất theo kế hoạch, đấu giá đất xen kẹt; đấu giá quyền thuê đất đối với các dự án xin thuê đất, đảm bảo tăng thu ngân sách theo dự toán. Tạo lập nguồn thu mới có tính bền vững, nhất là thu từ hộ kinh doanh, khách sạn, nhà hàng, các cơ sở kinh doanh...

Thực hiện tốt công tác lập dự toán và phân bổ cho các đơn vị cấp xã được công khai minh bạch các khoản thu, chi ngân sách để các đơn vị chủ động xây dựng kế hoạch chi đảm bảo đúng chế độ, định mức quy định. Thực hành tiết kiệm, chống thất thoát ngân sách, nhất là các khoản chi đầu tư xây dựng, mua sắm, sửa chữa, chi quản lý hành chính.

Thường xuyên theo dõi, đánh giá, kiểm tra và quản lý chặt chẽ tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư công. Tập trung xử lý nợ xây dựng cơ bản. Chủ động, kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho các dự án, nhất là trong việc thực hiện giải phóng mặt bằng, thực hiện các quy định về trình tự thủ tục đầu tư để đẩy nhanh tiến độ triển khai các dự án, đảm bảo hoàn thành sớm kế hoạch giải ngân vốn được giao.

Kiểm tra, giám sát thi công, quản lý khối lượng, chất lượng các công trình, dự án đầu tư công, nhất là công trình giao thông, xây dựng trường học. Xây dựng cơ chế đối với các nhà thầu, kiên quyết loại bỏ các nhà thầu vi phạm, không hoàn thành khối lượng công trình theo cam kết.

Kết quả thực hiện năm 2023, huyện đã tự đảm bảo cân đối thu chi ngân sách với: tổng thu ngân sách Nhà nước đạt 4.246,29 tỷ đồng; tổng chi ngân sách là 4.212,36 tỷ đồng.

2. Về phát triển văn hóa - xã hội

a) Văn hóa, thể dục thể thao

Huyện Thủy Nguyên không chỉ là trung tâm kinh tế mà còn là trung tâm văn hóa của thành phố Hải Phòng. Phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa" gắn với cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh" phát triển sâu rộng, góp phần đáng kể vào nâng cao đời sống văn hóa của Nhân dân. Các hoạt động văn hóa, thể thao quần chúng được phát triển mạnh mẽ. Công tác thông tin, tuyên truyền, cổ động trực quan mừng Đảng, mừng Xuân và tuyên truyền các ngày lễ lớn, các sự kiện chính trị diễn ra trên địa bàn huyện được tập trung thực hiện và diễn ra thành công tốt đẹp. Công tác thông tin, phát thanh, tuyên truyền được đẩy mạnh, có nhiều đổi mới cả về nội dung và hình thức, kịp thời chuyển tải các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước tới Nhân dân. Hệ thống phát thanh truyền thanh đảm bảo cả về số lượng và chất lượng. Tất cả các xã và thị trấn có trạm truyền thanh, cùng với đài phát thanh, các trạm tiếp sóng, truyền âm đáp ứng được nhu cầu nắm bắt thông tin, hưởng thụ văn hóa của Nhân dân và phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của huyện.

Công tác xã hội hóa thể thao được đẩy mạnh từ cấp huyện đến cơ sở, góp phần rèn luyện sức khỏe Nhân dân. Năm 2023, để chào mừng các sự kiện lớn của thành phố, Lễ hội Hoa Phượng đỏ Hải Phòng và đại hội thể dục thể thao thành phố Hải Phòng lần thứ IX; nhằm tăng cường bồi dưỡng chuyên môn, nâng cao thành tích; tăng cường tinh thần đoàn kết, giao lưu, học hỏi giữa các cấp huyện trong khu vực; huyện Thủy Nguyên đã cử các vận động viên tham gia các bộ môn, nội dung thi đấu thể thao như: giải cầu lông, bóng bàn, điền kinh,... Kết quả huyện xếp hạng 05 đơn vị dẫn đầu được nhận cờ thưởng của Ban Tổ chức Đại hội và xếp thứ 3 toàn đoàn.

Trong các năm qua, hoạt động đặc biệt có ý nghĩa chào mừng Đại hội Thể thao Đông Nam Á lần thứ 31 được tổ chức tại Việt Nam và thành phố Hải Phòng vinh dự được lựa chọn khu huấn luyện đua thuyền sông Giá thuộc thị trấn Minh Đức, huyện Thủy Nguyên là địa điểm đăng cai 02 môn Rowing và Canoeing tại Sea Games lần này. Hệ thống cơ sở vật chất khu đua thuyền như: khu nhà điều hành 3 tầng và khu nhà ở 2 tầng, đoạn đường ven bờ sông phục vụ công tác chuyên môn; việc nạo vét bùn phục vụ đường đua; bãi để xe, nhà để thuyền, hệ thống điện,... đã đảm bảo phục vụ tốt nhất các cuộc thi đấu trong những ngày diễn ra Sea Games 31; qua đó, tạo thêm dấu ấn đẹp trong mắt bạn bè trong và ngoài nước.

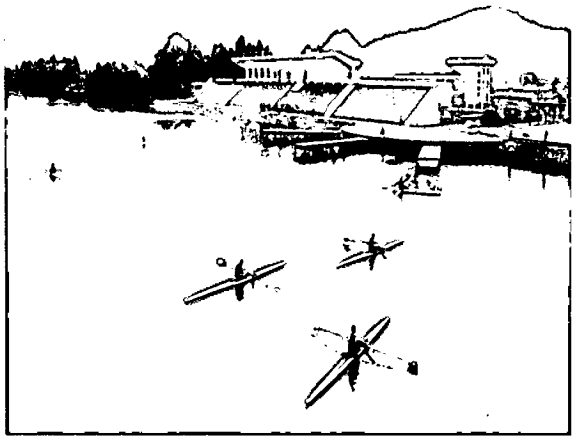

Khu huấn luyện đua thuyền sông Rạch Giá

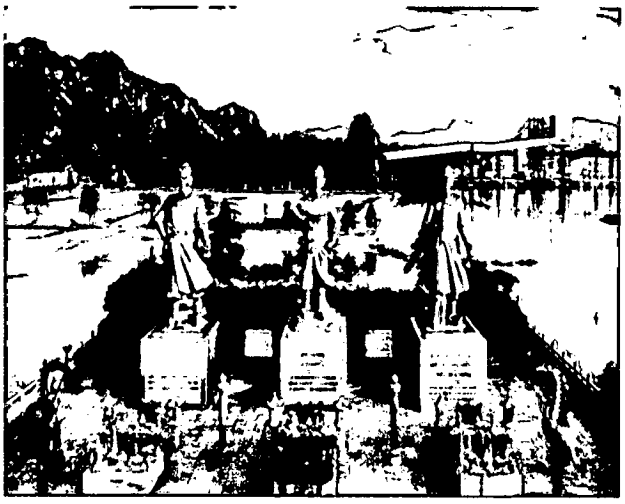

Tượng của 3 vị anh hùng dân tộc tại khu di tích Bạch Đằng Giang

b) Giáo dục - đào tạo

Ngành giáo dục và đào tạo của huyện được phát triển theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa, xã hội hóa. Công tác khuyến học, khuyến tài được thực hiện tốt; phong trào thi đua dạy tốt, học tốt được đẩy mạnh. Kết quả phát triển giáo dục - đào tạo chuyển biến tích cực, toàn diện cả về quy mô và chất lượng. Trong những năm qua, công tác giáo dục trên địa bàn huyện luôn được quan tâm chú trọng từ việc đầu tư xây dựng cơ sở vật chất cho đến mua sắm các trang thiết bị giảng dạy, nhằm đáp ứng nhu cầu dạy và học, nâng cao chất lượng giáo dục trên toàn huyện. Cơ sở hạ tầng cho giáo dục và đào tạo được đầu tư phát triển đồng bộ, hiện đại. Duy trì bền vững kết quả phổ cập bậc trung học và dạy nghề. Phát triển mạnh mô hình trường học tiên tiến, học song ngữ và nâng cao ứng dụng tốt các công nghệ thông tin vào công tác giảng dạy.

Năm học 2022 - 2023, chất lượng giáo dục tiếp tục được tăng cường, có nhiều chuyển biến tích cực. Các phong trào thi đua, các cuộc vận động trong ngành giáo dục và đào tạo được tổ chức tốt và đạt nhiều thành tích. Công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập được các cấp ủy, chính quyền, các lực lượng xã hội quan tâm chăm lo, đầu tư cho giáo dục và đào tạo ngày càng tăng; đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý đảm bảo đủ về số lượng và đảm bảo chất lượng, có phẩm chất đạo đức tốt, vững vàng về chuyên môn. Tỷ lệ chuyển cấp và chuyển lớp đạt 99%, tỷ lệ tuyển sinh trẻ 5 tuổi và đầu cấp tiểu học và trung học cơ sở đạt tỷ lệ huy động 100%. Thi học sinh giỏi cấp trung học cơ sở các môn văn hóa xếp thứ nhất toàn thành phố; kỳ thi tuyển sinh vào lớp 10, huyện xếp đầu khối ngoại thành.

Với những thành tích đã đạt được, năm học 2022 - 2023, đã có 03 tập thể vinh dự được Nhà nước tặng thưởng Huân chương lao động, 03 tập thể được nhận cờ thi đua của Chính phủ, cờ thi đua của UBND thành phố; 12 tập thể và 91 cá nhân vinh dự được nhận Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Bằng khen của Bộ Giáo dục và Đào tạo; Bằng khen của UBND thành phố; 02 nhà giáo được vinh danh là Nhà giáo tâm huyết sáng tạo cấp thành phố, có 115 tập thể đạt danh hiệu

Lao động tiên tiến, 418 cá nhân đạt danh hiệu chiến sỹ thi đua cơ sở, 2.404 cá nhân đạt danh hiệu Lao động tiên tiến.

Hưởng ứng truyền thống "Tôn sư trọng đạo" của dân tộc; đồng thời ôn lại chặng đường phát triển của ngành giáo dục và đào tạo huyện Thủy Nguyên, tôn vinh, tri ân những đóng góp lớn lao của các cán bộ, thầy cô giáo cho sự nghiệp giáo dục và đào tạo. Nhân dịp kỷ niệm 41 năm ngày nhà giáo Việt Nam 20/11, UBND huyện đã tổ chức lễ biểu dương giáo viên, học sinh, sinh viên xuất sắc tiêu biểu năm 2023 với 15 giáo viên xuất sắc, tiêu biểu; 30 học sinh trung học phổ thông; 35 học sinh trung học cơ sở cùng 14 sinh viên tốt nghiệp loại giỏi năm học 2022 - 2023 và 8 học sinh tiểu học tiêu biểu. Lễ biểu dương là một hoạt động đẩy mạnh phong trào thi đua "Dạy tốt - học tốt" đặc biệt là công tác bồi dưỡng học sinh giỏi góp phần phát hiện, bồi dưỡng nhân tài cho quê hương đất nước. Đây là dịp để các cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương và Nhân dân quan tâm hơn nữa tới sự nghiệp giáo dục và phát huy truyền thống hiếu học của ông cha với các thế hệ con cháu huyện nhà.

Trường THPT 25-10

Trường THPT Thủy Sơn

UBND huyện Thủy Nguyên tổ chức 41 năm Ngày Nhà giáo Việt Nam

Hoạt động trường THCS Dương Quan trong ngày Nhà giáo Việt Nam

c) Y tế

Công tác bảo vệ, khám chữa bệnh và nâng cao sức khỏe cho người dân có nhiều đổi mới, phát triển toàn diện. Công tác y tế, dân số và chăm sóc sức khỏe cộng đồng được quan tâm, đặc biệt là các xã ở xa trung tâm huyện. Chương trình

tiêm chủng mở rộng luôn được chú trọng duy trì, đạt hiệu quả cao; công tác khám, chữa bệnh, cung ứng đủ thuốc, vật tư y tế phục vụ công tác y tế dự phòng và điều trị cho người bệnh được đảm bảo.

Trong những năm qua, ngành y tế huyện đã chỉ đạo và tổ chức thực hiện tốt các chương trình y tế quốc gia, y tế có mục tiêu: công tác tiêm chủng cho trẻ em dưới 01 tuổi đạt 99%; đảm bảo tốt công tác phòng, chống dịch bệnh, khống chế và dập tắt kịp thời các dịch bệnh nguy hiểm không để dịch lây lan ra địa bàn. Mạng lưới tổ chức y tế cơ sở được kiện toàn, từng bước hiện đại hóa về kỹ thuật, thuận tiện cho việc bảo vệ chăm sóc và nâng cao sức khỏe của Nhân dân. Đội ngũ cán bộ y tế từ huyện đến xã, thị trấn ngày càng phát triển cả về số lượng và chất lượng. Duy trì, giữ vững chuẩn quốc gia về y tế và chất lượng chăm sóc sức khỏe ban đầu cho Nhân dân tại các trạm y tế được đảm bảo. Công tác khám, chữa bệnh bằng y học cổ truyền được quan tâm phát triển. Cơ sở vật chất, trang thiết bị y tế được đầu tư tương đối đầy đủ từ huyện đến xã, thị trấn. Chính sách xã hội hóa về công tác y tế đang được triển khai thực hiện, hệ thống hành nghề y, dược tư nhân được khuyến khích phát triển mạnh. Công tác tài chính y tế ngày được đảm bảo. Công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình được quan tâm, tỷ lệ sinh và sinh con thứ ba trở lên đã giảm. Tỷ lệ người tham gia bảo hiểm y tế ngày càng tăng. Công tác quản lý Nhà nước về y tế được tăng cường hiệu quả.

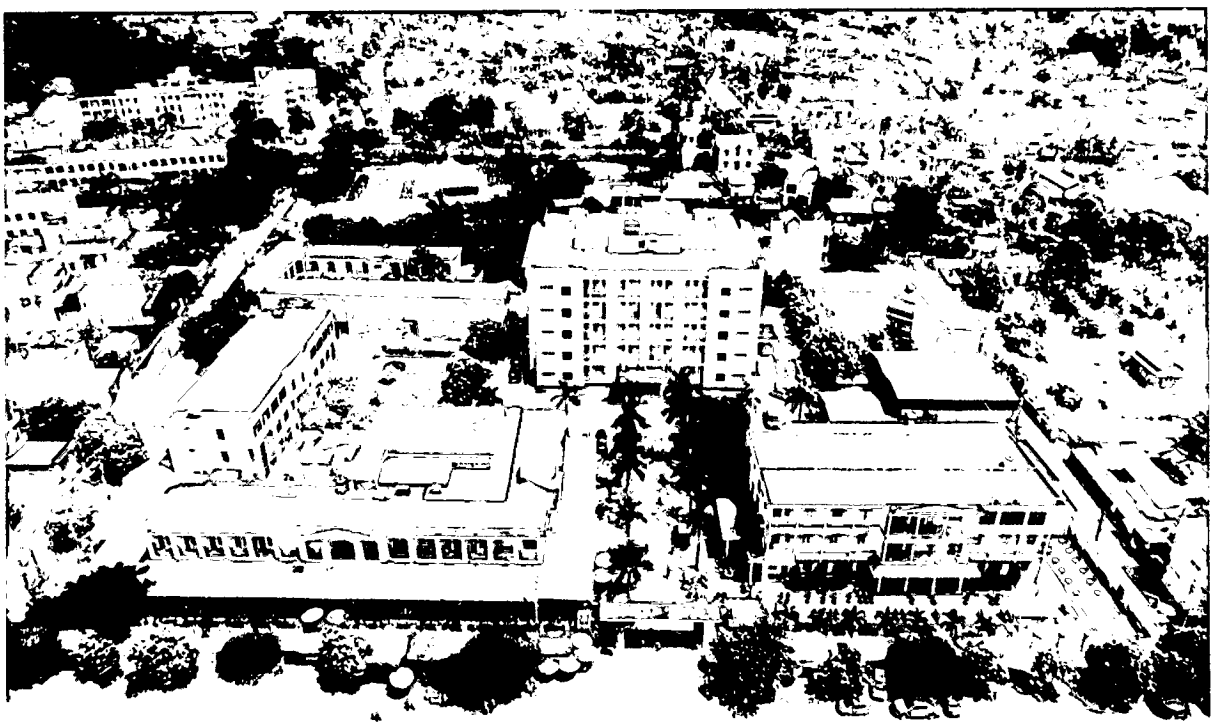

Toàn cảnh bệnh viện đa khoa huyện Thủy Nguyên

d) An sinh xã hội và giải quyết việc làm

An sinh xã hội trên địa bàn được chú trọng quan tâm và bảo đảm, củng cố nền tảng cho phát triển bền vững. Triển khai đầy đủ, kịp thời các chế độ, chính sách đối với hộ nghèo, đối tượng được bảo trợ xã hội, trẻ em có hoàn cảnh khó khăn, người khuyết tật. Thực hiện hiệu quả các chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo đảm an toàn vệ sinh lao động. Thực hiện tốt các chính sách trợ giúp xã hội thường xuyên và đột xuất; giải quyết, khắc phục kịp thời các sự cố

thiên tai, tai nạn sản xuất đảm bảo ổn định hoạt động sản xuất, đời sống người dân. Phong trào đền ơn đáp nghĩa, chăm lo đời sống cho các đối tượng chính sách, người yếu thế tiếp tục được thực hiện với nhiều hoạt động thiết thực, hiệu quả như tặng nhà tình nghĩa, nhà đại đoàn kết, tổ chức thăm, tặng quà cho các gia đình chính sách có công,... được Nhân dân hưởng ứng đồng tình ủng hộ và đạt kết quả cao. Công tác giải quyết việc làm được cấp ủy Đảng, chính quyền thường xuyên quan tâm, chỉ đạo thực hiện nghiêm túc có hiệu quả, chú trọng thực hiện đào tạo nghề cho lao động nông thôn, tiếp tục đẩy mạnh chuyển đổi mô hình sản xuất và giải quyết việc làm sau đào tạo... Hàng năm, các xã, thị trấn phối hợp với các ban ngành của thành phố, huyện tổ chức khảo sát nhu cầu học nghề của người lao động, tổ chức đăng ký học nghề cho người lao động nông thôn theo chỉ đạo, hướng dẫn của các Sở, ngành. Thông qua các lớp đào tạo nghề, người lao động đã được nâng cao trình độ kiến thức về khoa học kỹ thuật, kỹ năng làm việc,... từ đó đổi mới mô hình sản xuất, nâng cao cơ hội tìm kiếm việc làm góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội và chuyển dịch cơ cấu lao động từ nông nghiệp chuyển dần sang lao động phi nông nghiệp.

Năm 2023, UBND huyện đã phối hợp với các đơn vị, tổ chức thăm tặng quà các đối tượng người có công và thân nhân liệt sĩ nhân dịp kỷ niệm các ngày lễ, ngày truyền thống Thủy Nguyên quật khởi; tham mưu Ban chỉ đạo xác nhận người có công với cách mạng trên địa bàn huyện họp xét duyệt 70 hồ sơ đề nghị công nhận liệt sĩ đối với người hy sinh trong chiến tranh. Công tác giải quyết chế độ chính sách bảo trợ xã hội tại cộng đồng đã trợ cấp 2.747 đối tượng hưởng trợ cấp bảo trợ xã hội, trả trợ cấp 687 đối tượng thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo theo quy định.

VII. TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN CƠ SỞ HẠ TẦNG

1. Hạ tầng xã hội

1.1. Nhà ở

Trong thời gian gần đây, với tốc độ phát triển kinh tế khá nhanh, huyện Thủy Nguyên đã mang vóc dáng đô thị hiện đại, sôi động, đời sống người dân ngày càng được nâng cao; nhu cầu xây dựng nhà ở của cư dân, các công trình công cộng, phúc lợi xã hội phát triển mạnh, hình thành nên một đô thị khang trang, hiện đại, năng động.

Các công trình nhà ở được chia làm 03 loại chính: nhà ở kết hợp buôn bán, nhà ở kiểu đô thị và nhà ở nông thôn, trong đó: Nhà ở kết hợp buôn bán phát triển trong các khu trung tâm buôn bán sầm uất, bám dọc trục đường chính của đô thị. Nhà ở kiểu đô thị (nhà lô, nhà biệt thự) phân bố trong các khu trung tâm thành phố, trung tâm các xã xen kẽ nhà ở kết hợp buôn bán. Còn lại nhà ở kiểu nông thôn phân bố tương đối tập trung tại các xã ngoại thành. Khu vực trung tâm đô thị là các công trình nhà ở kết hợp buôn bán và nhà ở đô thị được xây dựng tương đối kiên cố với tầng cao chủ yếu là 2 - 5 tầng dọc các trục đường chính với nhiều loại hình kiến trúc đẹp, hiện đại mang lại bộ mặt kiến trúc đô thị hiện đại, năng động. Năm 2023, tỷ lệ nhà ở kiên cố đạt 100%.

Trong thời gian gần đây, trên địa bàn đô thị Thủy Nguyên đã triển khai nhiều khu quy hoạch đô thị mới, khu dân cư mới như: Khu Trung tâm hành chính mới của thành phố Hải Phòng, Khu đô thị VSIP, Khu đô thị Quang Minh Green City,

Khu đô thị mới Gò Gai... đã đáp ứng nhu cầu nhà ở và tăng hình ảnh đô thị của nhân dân trên địa bàn đô thị Thủy Nguyên.

1.2. Công trình cơ quan

Hiện nay, UBND thành phố Hải Phòng đang gấp rút triển khai xây dựng khu trung tâm hành chính, chính trị mới của thành phố tại huyện Thủy Nguyên bao gồm đất xây dựng trụ sở cơ quan, đất dịch vụ công, đất cây xanh, quảng trường. Khu trung tâm hành chính, chính trị khi hoàn thành sẽ có bộ mặt khang trang, hiện đại khắc phục được tình trạng phân tán của công sở cơ quan hành chính nhà nước, tạo môi trường thuận lợi cho cán bộ, công chức nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế xã hội và hội nhập của thành phố Hải Phòng. Các trụ sở, cơ quan hành chính của huyện đều được đầu tư xây dựng khang trang, hiện đại, phù hợp với mặt bằng phát triển chung và thuận lợi cho công tác tổ chức tiếp đón người dân, bao gồm các công trình trụ sở Huyện ủy (diện tích 2.910 m²), trụ sở HĐND - UBND huyện (diện tích 8.431,3 m²), trụ sở công an (diện tích 6.431 m²), tòa án nhân dân huyện (diện tích 3.500 m²), Viện kiểm sát nhân dân (diện tích 3.000 m²), Huyện đoàn (diện tích 875 m²).

1.3. Văn hóa, thể dục - thể thao

Được biết đến là mảnh đất gắn liền với các sự kiện oanh liệt của trận chiến thắng trên sông Bạch Đằng. Trên địa bàn huyện Thủy Nguyên có các công trình văn hóa tiêu biểu như: đền thờ Trần Quốc Bảo, đình Kiền Bái, đình Đồng Lý,... cùng nhiều di tích vừa là thắng cảnh, vừa có giá trị lịch sử như: hang Vua, hang Lương, di tích Bạch Đằng Giang (thị trấn Minh Đức), di tích bãi cọc Cao Quỳ (xã Liên Khê), bãi cọc Đầm Thượng (xã Lại Xuân), khu di tích Tràng Kênh,... Các di tích lịch sử văn hóa tiếp tục quan tâm đầu tư cải tạo, nâng cấp. Tiếp tục triển khai nghiên cứu công trình bãi cọc Cao Quỳ và bãi cọc Đầm Thượng (xã Liên Khê); từng bước hoàn thiện, bổ sung giá trị hướng tới trình UNESCO công nhận quần thể di tích chiến thắng trên sông Bạch Đằng là di sản văn hóa thế giới.

Các công trình thể dục - thể thao thời gian qua đã được tu sửa, nâng cấp và xây dựng mới, từng bước nâng cao chất lượng, đáp ứng nhu cầu sinh hoạt văn hóa, vui chơi giải trí của người dân trên địa bàn huyện. Hệ thống công trình thể dục - thể thao trên địa bàn huyện khá phát triển và đang hoạt động tốt. Các công trình thể dục - thể thao cấp đô thị có chất lượng kiên cố, kiểu dáng kiến trúc hiện đại và là địa điểm diễn ra các sự kiện, hoạt động thể dục - thể thao của toàn huyện, như: nhà thi đấu đa năng, sân vận động trung tâm, trung tâm thể thao văn hóa,... Hoạt động thể dục thể thao gắn với mục tiêu đạt các thành tích cao được chú trọng đầu tư, đóng góp nhiều vận động viên tham gia thi đấu quốc tế. Hiện đã hoàn thành xây dựng trung tâm thể thao huyện, khu huấn luyện đua thuyền tại sông Giá; 37 xã, thị trấn đều có sân bóng đá, các tổ dân phố có diện tích đất dành cho thể thao; các khu vui chơi giải trí, thể thao công cộng được quan tâm. Hệ thống các khu văn hóa, thể thao tư nhân cũng được đầu tư, phát triển nhiều ở các xã, thị trấn.

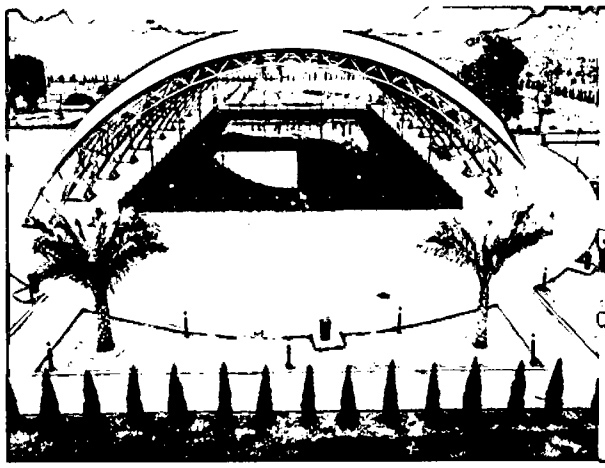

Di tích bãi cọc Cao Quỳ

Di tích Bạch Đằng Giang

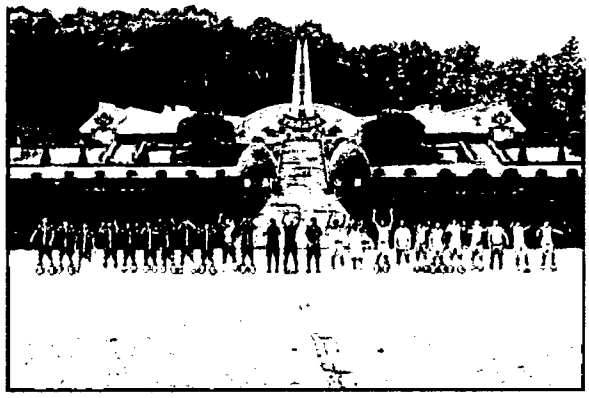

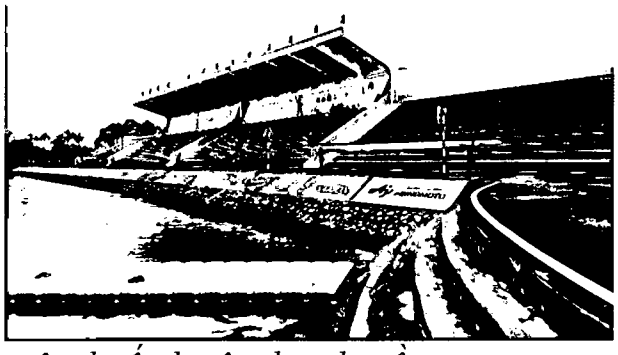

Sân vận động huyện và trung tâm huấn luyện đua thuyền

1.4. Giáo dục - đào tạo

Công tác phổ cập giáo dục ở các cấp học, bậc học được quan tâm và duy trì tốt các chỉ tiêu và hiệu quả. Cơ sở vật chất các trường học tiếp tục được tăng cường đầu tư xây mới và sửa chữa phòng học, phòng chức năng, các trang thiết bị, đồ dùng tiếp tục được các cấp quan tâm và đầu tư ở tất cả các cấp học. Hiện nay, huyện Thủy Nguyên có 44 trường mầm non; có 77 trường phổ thông (gồm 37 trường tiểu học, 31 trường trung học cơ sở, 09 trường trung học phổ thông) và 01 trung tâm giáo dục nghề nghiệp và giáo dục thường xuyên, 01 trường trung cấp nghề Thủy Nguyên. Hệ thống các công trình giáo dục tương đối đồng bộ, đầy đủ và trong những năm gần đây đang được đầu tư kiên cố nâng cao chất lượng phục vụ hoạt động giáo dục đào tạo. Trong thời gian qua, chất lượng giáo dục - đào tạo trên địa bàn huyện ngày càng được nâng cao, đội ngũ giáo viên và cơ sở vật chất trang thiết bị giáo dục của các trường ngày càng được chú trọng đầu tư nâng cấp nhằm đáp ứng nhu cầu dạy và học, tỷ lệ học sinh đạt tốt nghiệp ngày càng tăng đảm bảo yêu cầu phát triển giáo dục đô thị trong tương lai.

Năm học vừa qua, các trường học đều thực hiện tốt việc ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, giảng dạy và học tập; ban giám hiệu các nhà trường đã tranh thủ mọi nguồn lực đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học như: máy tính, máy chiếu, hệ thống đường truyền nối mạng; tạo điều kiện cho cán bộ quản lý, giáo viên được bồi dưỡng kiến thức công nghệ thông tin. Ở khối mầm

non, một số trường đã tổ chức các hoạt động dạy học cho trẻ kết hợp trình chiếu các hình ảnh, các băng đĩa hình hoặc các tình huống học tập trên internet. Các trường tiểu học đã đầu tư cơ sở vật chất phòng học khang trang, thiết bị đảm bảo tiêu chuẩn, có kết nối mạng internet để học sinh được học môn tin học với những điều kiện tốt. Các trường trung học cơ sở, trung học phổ thông đều đã có các phòng học tin học với số lượng máy đảm bảo, có kết nối internet phục vụ việc dạy và học. Nhiều trường còn được trang bị phòng học ngoại ngữ với đầy đủ trang thiết bị hiện đại phục vụ dạy và học.

Trường THPT Lý Thường Kiệt

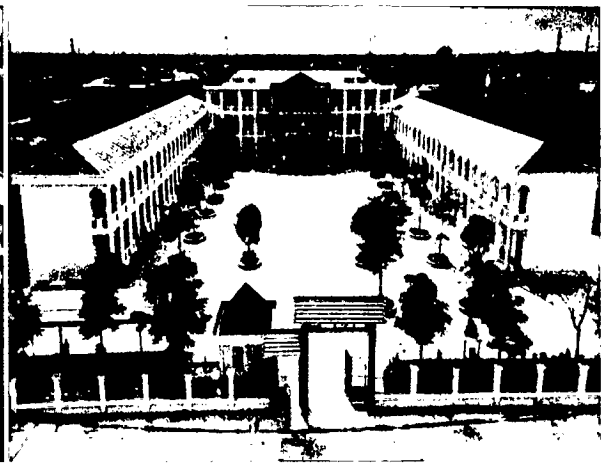

Trường THCS Cao Nhân

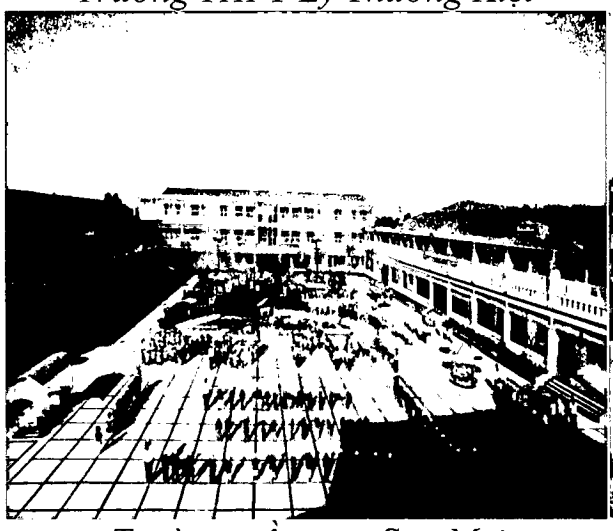

Trường mầm non Sao Mai

Trường tiểu học Thủy Đường

1.5. Y tế

Công tác y tế, dân số và chăm sóc sức khỏe cộng đồng luôn được quan tâm. Hiện trên địa bàn huyện có 01 bệnh viện đa khoa với chức năng khám bệnh, chữa bệnh; 01 trung tâm y tế với chức năng thực hiện công tác y tế dự phòng và 37 trạm y tế xã, thị trấn với chức năng chăm sóc sức khỏe ban đầu cho Nhân dân cụ thể:

- Bệnh viện đa khoa huyện được đầu tư xây dựng khu nhà 5 tầng với trang thiết bị y tế hiện đại, đảm bảo đạt tiêu chuẩn hạng II với quy mô 654 giường để đáp ứng nhu cầu chữa bệnh của người dân khắc phục tình trạng người bệnh phải nằm ghép. Bệnh viện có phân viện Minh Đức và cơ sở điều trị II Quảng Thanh, có 27

khoa, phòng; tổng số 517 người. Trong đó, gồm 109 bác sĩ, 08 dược sĩ, 82 điều dưỡng, 18 hộ sinh, 08 kỹ thuật viên và 292 nhân viên y tế khác.

- Trung tâm y tế huyện đạt tiêu chuẩn hạng 2 với đội ngũ nhân viên y tế, gồm: 09 bác sĩ, 01 dược sĩ, 01 hộ sinh và các nhân viên y tế khác.

- Các trạm y tế xã đều đã đạt 100% Bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã. Cơ sở hạ tầng trạm y tế các xã, thị trấn đã được sửa chữa, nâng cấp và xây mới, hiện có 25 trạm y tế có nhà 2 tầng, với đủ biên chế và trình độ chuyên môn được tăng cường.

- Hệ thống y tế tư nhân được phát triển rộng khắp, số cơ sở hành nghề y, dược được phép hoạt động là 354 cơ sở, trong đó: hành nghề y tế tư nhân: có 111 cơ sở, trong đó: 04 phòng khám đa khoa (03 phòng khám đa khoa tham gia khám, chữa bệnh bảo hiểm y tế); 77 phòng khám chuyên khoa (nội, ngoại, sản, nhi, răng hàm mặt, tai mũi họng, da liễu, siêu âm và mắt); 10 phòng chẩn trị y học cổ truyền; 17 cơ sở dịch vụ y tế; 02 trung tâm tiêm chủng.

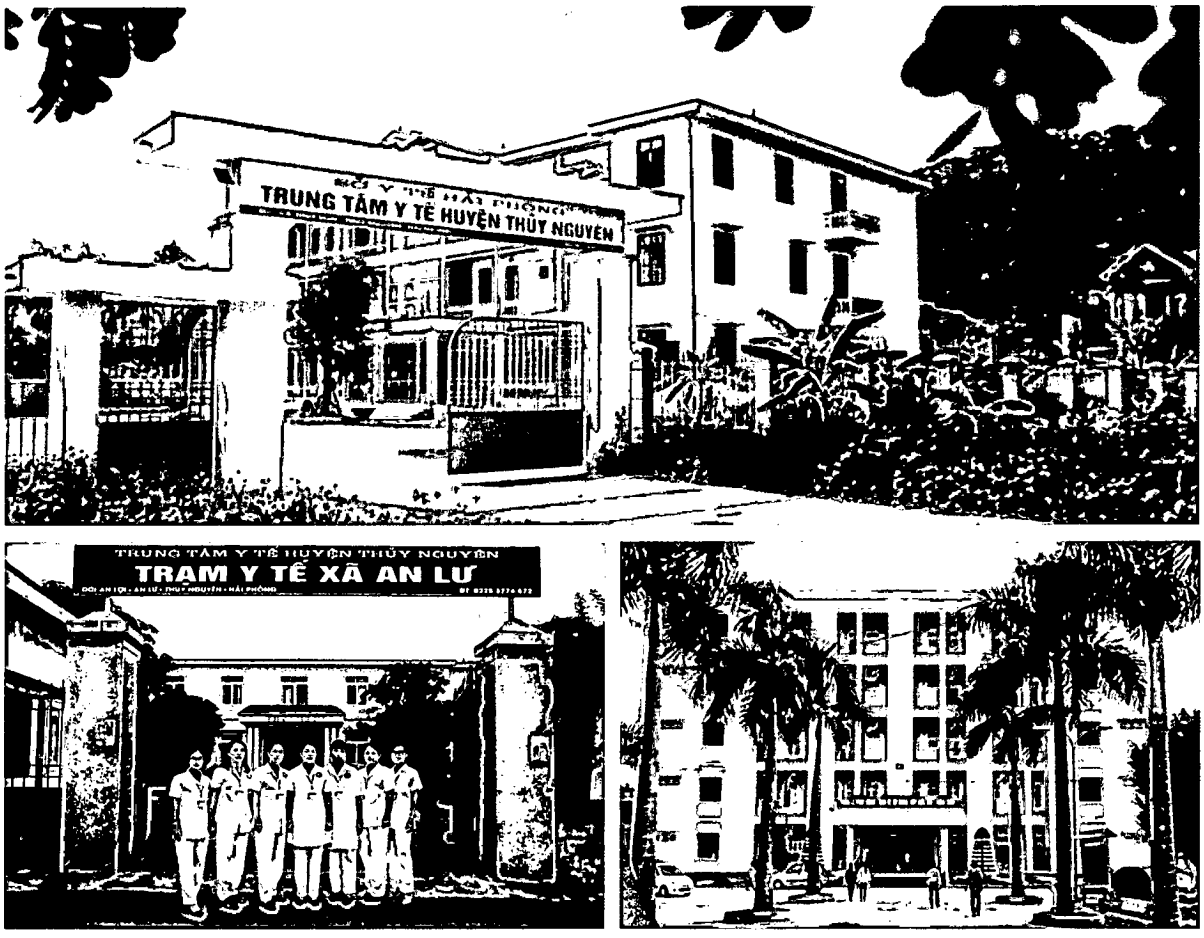

Một số cơ sở y tế trên địa bàn huyện

2. Hạ tầng kỹ thuật

2.1. Giao thông

Hệ thống giao thông vận tải ngày càng phát triển mạnh về số lượng và chất lượng, đáp ứng nhu cầu vận chuyển hàng hóa và phục vụ nhu cầu đi lại của Nhân dân. Toàn huyện có tổng 305,96 km đường giao thông, trong đó: đường quốc lộ và đường tỉnh là 54,39 km; đường đô thị là 251,57 km.

a) Hệ thống giao thông đường bộ

Giao thông đối ngoại:

- Đường quốc lộ 10 nối liền tỉnh Quảng Ninh với thành phố Hải Phòng thông qua cầu Đá Bạc, đoạn qua huyện có chiều dài 13,82 km.

- Đường tỉnh 359 đoạn qua huyện có chiều dài 15,31 km, là tuyến đường nối liền tỉnh Quảng Ninh với thành phố Hải Phòng qua bến phà Rừng.

- Đường tỉnh 395C từ ngã 4 Thủy Đường đến ngã 3 giao quốc lộ 10 (Kênh Giang - Thủy Nguyên) có chiều dài 3,21 km.

- Đường tỉnh 351 từ xã Kiền Bái đến trung tâm thị trấn Núi Đèo có chiều dài 5,82 km.

- Đường tỉnh 352 đoạn qua huyện có chiều dài 9,20 km, bề rộng mặt đường 12 - 20 m đã được đầu tư cải tạo, nâng cấp hoàn thiện năng lực phục vụ, mạng giao thông là tuyến đường kết nối giao thông giữa huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng với thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh.

Đường tỉnh 359 đi qua địa bàn huyện

Giao thông đô thị:

- Hệ thống đường giao thông trên địa bàn các xã, thị trấn được quy hoạch đồng bộ, kết nối thuận tiện với các tuyến đường chính của huyện. Hệ thống các trục đường tạo thành mạng xương sống cho toàn huyện, liên kết từ trung tâm huyện đến các xã, thị trấn bằng các trục đường chính. Các hệ thống trục đường chính được thiết kế theo tiêu chuẩn đường đô thị, hệ thống các trục đường được phân cấp rõ

ràng tạo thành mạng lưới giao thông hoàn chỉnh. Các tuyến đường trong khu trung tâm đô thị được xây dựng hoàn chỉnh có mặt cắt ngang phần đường cho xe chạy có chiều rộng trung bình là 7 m. Đối với các xã nằm xa trung tâm huyện, các tuyến đường liên xã, liên thôn cũng được nâng cấp, mở rộng lòng đường, vỉa hè, cây xanh, hạ tầng thoát nước, chiếu sáng khá đồng bộ cơ bản đáp ứng nhu cầu đi lại và phát triển sản xuất của người dân.

- Hệ thống giao thông trong các khu, cụm công nghiệp cũng được đấu nối với các tuyến đường quốc lộ, đường tỉnh bằng các tuyến đường nhánh nhằm tạo điều kiện vận chuyển hàng hóa được dễ dàng, thuận lợi.

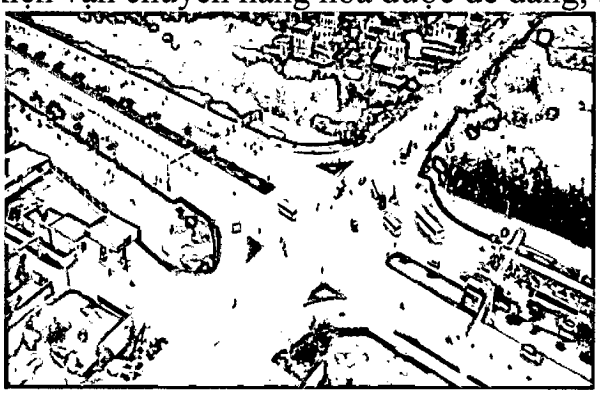

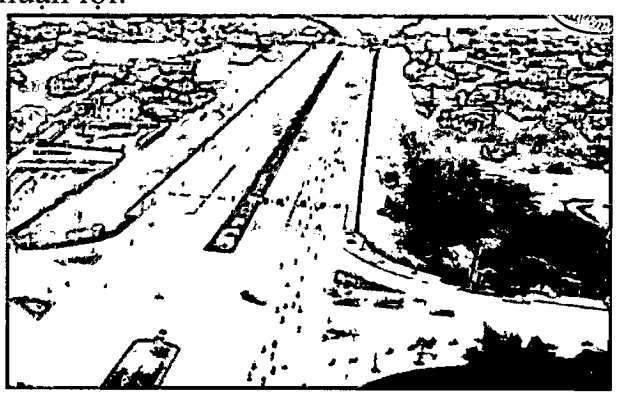

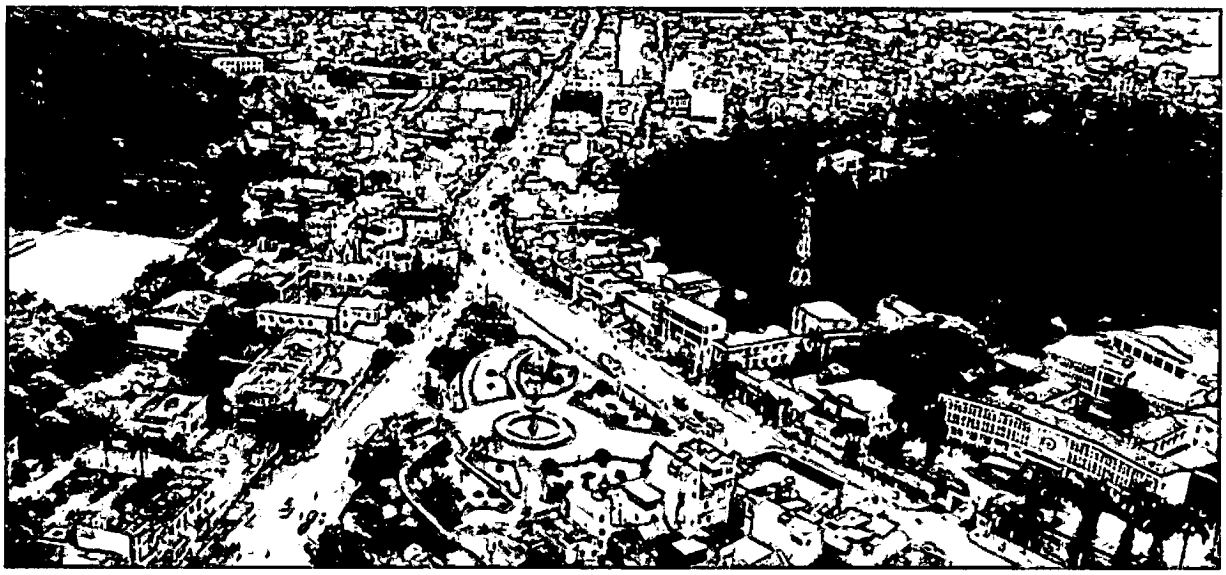

Đường giao thông trên địa bàn huyện

b) Giao thông đường thủy

- Việc phát triển giao thông đường thủy đối với huyện Thủy Nguyên có vai trò quan trọng với nhiều bến cảng như: bến Đá Bạc, bến Kiền, bến Minh Đức, bến Cống Sơn, bến Lập Lễ,... Tất cả các tuyến giao thông đường thủy của huyện đảm bảo an toàn và thuận tiện di chuyển cho các phương tiện vận tải.

- Những năm qua ngành vận tải thủy của huyện Thủy Nguyên đã phát triển mạnh mẽ. Đội tàu vận tải sông, biển hình thành để tham gia vận tải liên vùng và mở rộng phạm vi hoạt động. Các loại phương tiện vận tải thủy được nâng cấp đáp ứng nhu cầu vận chuyển khối lượng hàng hóa luân chuyển bằng đường biển.

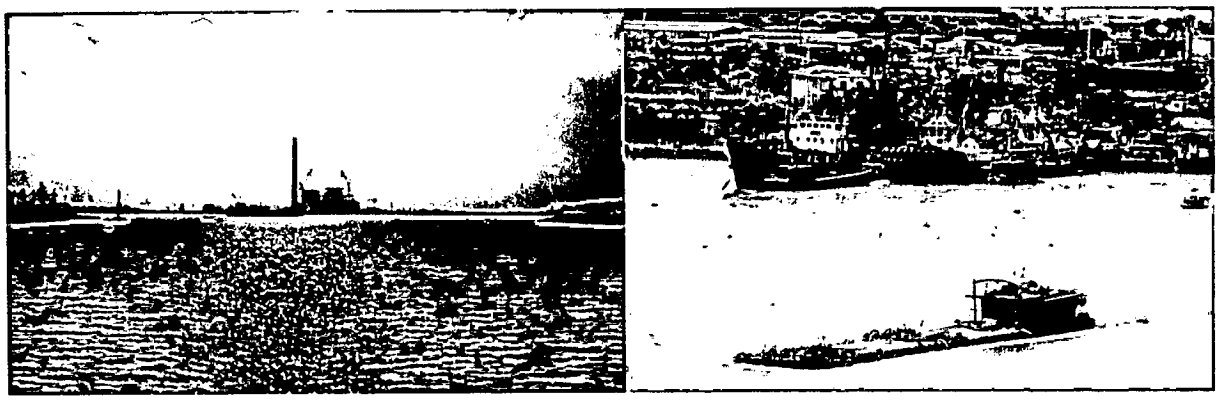

Giao thông đường thủy trên sông Cấm và sông Bạch Đằng

c) Giao thông công cộng

- Trên địa bàn huyện Thủy Nguyên có 04 loại hình vận tải hành khách chính, bao gồm: vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt, vận tải hành khách tuyến cố định, vận tải hành khách theo hợp đồng, vận tải hành khách bằng taxi.

- Trên địa bàn huyện có bến xe khách phía Bắc diện tích 17.900 m^2 tại xã Kênh Giang là bến xe khách loại 3. Dọc tuyến quốc lộ 10, đường tỉnh 359 và đường tỉnh 352 có bố trí điểm dừng, đỗ xe phục vụ các tuyến xe buýt, tuyến xe đưa đón công nhân khu công nghiệp đảm bảo thuận lợi cho người dân trên địa bàn khi sử dụng các loại hình phương tiện công cộng.

2.2. Cấp điện, chiếu sáng

Nguồn điện của huyện Thủy Nguyên đang được cấp từ các trạm biến áp 110 kV với tổng chiều dài đường dây khoảng 9 km, như sau: Thủy Nguyên 1 công suất 2x63 MVA, Thủy Nguyên 2 công suất 2x63 MVA, Lưu Kiếm công suất 1x63 MVA, trạm biến áp Việt Ý công suất 2x63 MVA, trạm biến áp Việt Nhật công suất 2x63 MVA; nhà máy xi măng Chinfon công suất 2x20 MVA, nhà máy xi măng Hải Phòng công suất 2x20 MVA, Nam Cầu Kiền công suất 1x16 MVA và khu công nghiệp VSIP công suất 2x63 MVA.

Lưới điện hạ thế 0,4 kV: hiện trạng đang sử dụng lưới điện nổi 380/220 V ba pha bốn dây trung tính nối đất. Các khu vực đô thị mới, khu dân cư mới, khu công nghiệp đã hạ ngầm hoàn toàn. Nhìn chung, tại khu vực nội thành hệ thống lưới điện hạ thế 0,4 kV được đầu tư hoàn chỉnh, cơ bản đáp ứng nhu cầu dùng điện của người dân. Công tác duy tu, sửa chữa đường dây và trạm biến áp đã được duy trì thường xuyên; việc huy động đầu tư cho xây dựng và cải tạo lưới điện đạt chuẩn theo yêu cầu của ngành điện, trong đó tập trung chủ yếu từ nguồn vốn của các đơn vị kinh doanh điện là các hợp tác xã, công ty cổ phần và điện lực Thủy Nguyên phục vụ sản xuất, sinh hoạt của các doanh nghiệp và Nhân dân.

Hệ thống đèn chiếu sáng tại các tuyến đường trên địa bàn huyện và các tuyến quốc lộ, đường tỉnh đã được đầu tư thay thế với loại đèn phù hợp, đảm bảo chiếu sáng; mở rộng đèn chiếu sáng công cộng tại các khu dân cư, ngõ hẻm góp phần phục vụ công tác giữ gìn an ninh, trật tự, an toàn giao thông và nhu cầu đi lại, sinh hoạt của Nhân dân. Cùng với hệ thống chiếu sáng trên các trục đường, hệ thống đèn trang trí cũng được tăng cường đầu tư với phong phú các kiểu, loại, tạo cảnh quan đô thị về đêm, đặc biệt là trong những dịp lễ hội, sự kiện,...

Hệ thống chiếu sáng trên địa bàn

2.3. Cấp - thoát nước và xử lý nước thải

a) Hiện trạng cấp nước

Các công trình cấp nước đã được triển khai nhờ đầu tư mạnh mẽ theo chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn quốc gia. Huyện cũng thu hút được nhiều nhà đầu tư tư nhân triển khai các dự án cấp nước sạch, nước sinh hoạt tập trung khu vực nông thôn, góp phần nâng cao chất lượng sống cho Nhân dân. Trên địa bàn huyện Thủy Nguyên có 04 nhà máy cung cấp nước sạch và hệ thống cấp nước tập trung quy mô nhỏ tại các xã đang hoạt động phát huy hiệu quả. Chất lượng nước và áp lực nước đáp ứng tốt cho nhu cầu sinh hoạt, sử dụng của người dân và cho các hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị trên địa bàn, đảm bảo người dân trên địa bàn huyện được cung cấp nước sạch từ các công trình cấp nước tập trung, như:

- Nhà máy cung cấp nước Thủy Sơn công suất 25.000 m^3/ngày đêm.

- Nhà máy nước Gia Minh công suất 700 m^3/ngày đêm.

- Nhà máy nước Ngũ Lão công suất 25.000 m^3/ngày đêm.

- Nhà máy nước VSIP công suất 5.000 m^3/ngày đêm.

- Công trình cấp nước tập trung xã Hòa Bình công suất 2.000 m^3/ngày đêm.

- Công trình cấp nước tập trung xã Thủy Triều II công suất 3.000 m^3/ngày đêm.

b) Hệ thống thoát nước

Thoát nước chủ yếu theo phương thức tự chảy và được chia thành 02 lưu vực thoát nước mặt chính:

- Lưu vực 1: phía Bắc của huyện, chủ yếu là cống hộp và rãnh hở chạy dọc theo các tuyến đường thoát về sông Đá Bạc.

- Lưu vực 2: phía Nam của huyện, phần lớn là cống hộp bố trí hai bên hè thoát về sông Cấm.

c) Xử lý nước thải

- Đối với nước thải sinh hoạt: các hộ gia đình trên địa bàn đều đã đầu tư xây dựng bể tự hoại xử lý cục bộ đảm bảo vệ sinh môi trường và xây dựng nhà tắm có hệ thống chắn rác trước khi thoát nước thải vào hệ thống thoát nước chung của huyện.

- Nước thải trong các khu công nghiệp: đối với khu, cụm công nghiệp trên địa bàn đều có hệ thống xử lý nước thải đảm bảo theo các quy định về môi trường trước khi thoát chung vào hệ thống thoát nước của huyện.

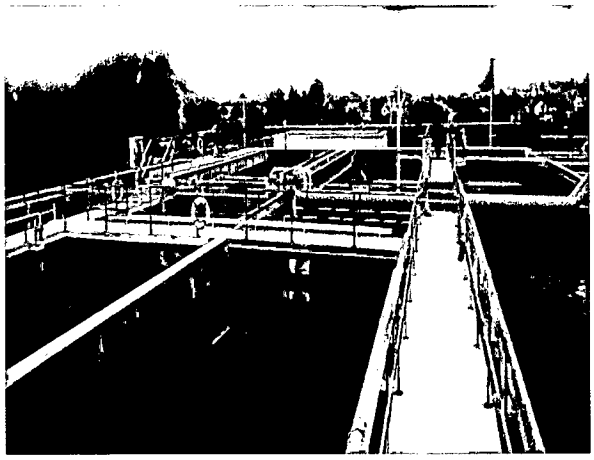

Trạm xử lý nước thải KCN Vsip

2.4. Thông tin và truyền thông

a) Mạng viễn thông: trong những năm qua, mạng viễn thông của huyện Thuỷ Nguyên phát triển khá mạnh, góp phần vào sự phát triển kinh tế xã hội của thành phố Hải Phòng và nâng cao chất lượng cuộc sống người dân. Mạng viễn thông đã cung cấp dịch vụ tới 100% diện tích trên toàn huyện. Trên địa bàn có 360 trạm thu phát sóng di động BTS được cấp phép và xây dựng (109 trạm Viettel, 99 trạm Mobifone, 116 trạm VinaPhone, 22 trạm Vietnammobile, 14 Gmobile).

b) Mạng di động: trên địa bàn huyện có 5 doanh nghiệp đầu tư hạ tầng mạng thu phát sóng thông tin di động gồm: Chi nhánh Viettel Hải Phòng (Viettel), Viễn thông Hải Phòng (Vinaphone), Trung tâm thông tin di động khu vực V thuộc Công ty thông tin di động VMS (Mobifone), Công ty Cổ phần viễn thông di động Toàn Cầu - GTel Mobile JSC (Gmobile), Trung tâm thông tin di động Vietnamobile thuộc Công ty Cổ phần viễn thông Hà Nội (Vietnamobile).

c) Mạng bưu chính: phát triển mạng bưu chính một cách đồng bộ, hiện đại trở thành một trong những hạ tầng thiết yếu và ngày càng giữ vai trò quan trọng, đảm bảo sự ổn định trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội. Trên địa bàn có bưu điện huyện và các điểm bưu điện xã, thị trấn cơ bản đáp ứng nhu cầu của người dân.

d) Dịch vụ: tốc độ tăng trưởng của các dịch vụ viễn thông luôn đạt mức cao, đặc biệt là dịch vụ thông tin di động. huyện Thuỷ Nguyên có 2 doanh nghiệp cung cấp dịch vụ điện thoại cố định: Viễn thông Hải Phòng, Chi nhánh Viettel Hải Phòng; có 5 doanh nghiệp cung cấp dịch vụ Internet: Viễn thông Hải Phòng,

Chi nhánh Viettel Hải Phòng, Chi nhánh Hải Phòng - Công ty Cổ phần viễn thông FPT, Công ty Cổ phần tin học điện tử viễn thông EG, Công ty Cổ phần Hạ tầng Viễn thông CMC.

2.5. Vệ sinh môi trường và nghĩa trang, nhà tang lễ

a) Vệ sinh môi trường

Nhằm đảm bảo công tác bảo vệ môi trường, xây dựng cảnh quan xanh - sạch - đẹp, thân thiện với môi trường; các cấp, các ngành từ huyện đến cơ sở đã tập trung cao công tác tuyên truyền, phổ biến các kiến thức về giữ gìn vệ sinh môi trường nói chung và nhiệm vụ thu gom, xử lý chất thải sinh hoạt nói riêng. Tạo chuyển biến về nhận thức của người dân; xác định rõ ý thức, trách nhiệm với cộng đồng, xã hội về ý thức, trách nhiệm trong việc bảo vệ môi trường. Thông tin rộng rãi về tác hại đối với môi trường của việc sử dụng các dụng cụ dùng 01 lần như túi nilon, hộp đựng đồ ăn, thức uống,... trong sinh hoạt, tiêu dùng hàng ngày gây mất vệ sinh an toàn thực phẩm và làm phát sinh số lượng, chi phí thu gom, xử lý chất thải, nhằm hạn chế thói quen không tốt trong Nhân dân. Xây dựng ý thức, trách nhiệm, nét đẹp văn hóa về giữ gìn vệ sinh môi trường, tạo lập thói quen bỏ rác đúng nơi, đúng chỗ quy định; không xả rác bừa bãi ở nơi công cộng; thực hiện phân loại chất thải từ đầu nguồn; tham gia đóng phí môi trường đầy đủ; ngăn chặn, phê phán các hành vi mất vệ sinh môi trường. Tích cực tham gia các hoạt động giữ gìn vệ sinh môi trường xung quanh tại nơi học tập, làm việc, nơi ở, nơi công cộng. Hàng năm, UBND huyện ban hành các chương trình hành động, đề án, kế hoạch bảo vệ môi trường bằng các hình thức khác nhau. Các hoạt động tuyên truyền, nâng cao nhận thức của người dân về công tác bảo vệ môi trường được lồng ghép trong các hoạt động kỷ niệm: ngày nước thế giới, tuần lễ quốc gia nước sạch và vệ sinh môi trường, ngày môi trường thế giới, ngày khí tượng thế giới, giờ trái đất,...

Chất thải nông nghiệp thông thường là phụ phẩm từ các loại vỏ, thân, lá cây trồng sau thu hoạch được người dân xử lý ngay tại đồng ruộng, vườn sản xuất bằng các hình thức cày lật đất, ngâm ủ với chế phẩm sinh học làm phân bón. Đối với chất thải rắn từ phân gia súc, gia cầm được các hộ chăn nuôi xử lý bằng bể biogas, bể tự hoại không thải chất thải rắn ra môi trường.

Tăng cường huy động các nguồn lực từ Nhân dân, doanh nghiệp đầu tư xây dựng, lắp đặt các điểm tập kết rác, thùng chứa rác đạt chuẩn ở các nơi công cộng, khu dân cư, khu vực trung tâm và các trục đường chính của huyện, các xã thị trấn. Bố trí, đầu tư mới, nâng cấp các điểm tập kết, trung chuyển chất thải sinh hoạt. Tăng cường đầu tư các trang, thiết bị cần thiết đảm bảo cho công tác thu gom, vận chuyển chất thải. Tổng lượng chất thải phát sinh được thu gom, tập kết vào ga chứa rác tại các điểm tập trung của xã, thị trấn sau đó được đơn vị thu gom, vận chuyển đến khu xử lý rác của công ty cổ phần thương mại và dịch vụ kho vận Phú Hưng và khu liên hợp xử lý chất thải rắn Gia Minh. Chất thải rắn sản xuất phát sinh từ các nhà máy sản xuất trong khu công nghiệp và các nhà máy sản xuất ngoài khu công nghiệp có khu vực lưu giữ chất thải sản xuất và ký hợp đồng với đơn vị có đủ chức năng để thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định. Nhờ triển khai đồng bộ các giải pháp, biện pháp trong việc thu gom chất thải, bảo vệ môi

trường; năm 2023, tổng lượng chất thải rắn sinh hoạt khu vực nội thành dự kiến đã được thu gom, xử lý trên địa bàn huyện đạt 93,24%.

Phương tiện thu gom và phân loại chất thải trên địa bàn

b) Nghĩa trang, nhà tang lễ: huyện Thủy Nguyên có 02 nghĩa trang tập trung là nghĩa trang cấp thành phố, gồm: Công viên Sơn Thủy Vĩnh Hằng và Nghĩa trang Phi Liệt. Trên địa bàn hiện nay chưa có nhà tang lễ. Tuy nhiên, theo Quy hoạch chung đô thị Thủy Nguyên được phê duyệt tại Quyết định số 408/QĐ-TTg ngày 13/5/2024 của Thủ tướng Chính phủ dự kiến sẽ có 01 nhà tang lễ nằm trong bệnh viện Thủy Nguyên và 01 nhà tang lễ tại khu vực Lập Lễ theo quy hoạch phân khu số 1 thuộc đô thị Thủy Nguyên được phê duyệt tại Quyết định số 2098/QĐ-UBND ngày 18/6/2024 của UBND thành phố Hải Phòng.

VIII. TÌNH HÌNH QUỐC PHÒNG, AN NINH

1. Quốc phòng

Triển khai kế hoạch công tác tuyển chọn và gọi công dân nhập ngũ năm 2023; phúc tra nguồn động viên, tuyển quân và tổ chức khám sơ tuyển công dân nhập ngũ năm 2023. Khảo sát, hoàn thiện hồ sơ lập dự toán đầu tư xây dựng các công trình đường hầm trong căn cứ chiến đấu của huyện tại Hang Mở - xã Minh Tân. Hướng dẫn và hoàn thiện 67 hồ sơ cho học sinh thi vào các học viện, trường quân đội. Thực hiện nghiêm chế độ trực sẵn sàng chiến đấu; tổ chức huấn luyện, giáo dục quốc phòng, an ninh cho các đối tượng. Hoàn thành 100% chỉ tiêu tuyển quân thành phố giao, bảo đảm đúng luật, chất lượng, an toàn; thực hiện tốt chính sách cho quân nhân phục viên, xuất ngũ về địa phương. Triển khai xây dựng công trình phòng thủ theo quy hoạch thế trận quân sự đã được phê duyệt; quản lý chặt chẽ đất, công trình quốc phòng khu quân sự.

Đến nay, 100% Ban chỉ huy quân sự xã, thị trấn được bố trí đủ các chức danh theo quy định, làm tốt chức năng tham mưu cho cấp ủy, chính quyền cơ sở về công tác quốc phòng, quân sự và tổ chức bồi dưỡng, huấn luyện cho cấp dưới theo phân cấp. Đối với lực lượng dự bị động viên, huyện chỉ đạo thực hiện tốt việc tiếp nhận hạ sĩ quan, chiến sĩ hoàn thành nghĩa vụ quân sự trở về địa phương; tổ chức đăng ký, quản lý chặt chẽ lực lượng này cùng phương tiện kỹ thuật theo từng địa bàn. Phối hợp với các đơn vị tổ chức đón quân nhân xuất ngũ đăng ký vào ngạch dự bị và phối hợp với các trường dạy nghề để tư vấn học nghề, giới thiệu việc làm

cho 494 quân nhân xuất ngũ trở về địa phương. Để nâng cao chất lượng tổng hợp, sức mạnh chiến đấu của lực lượng vũ trang, huyện tập trung nâng cao chất lượng huấn luyện, diễn tập, nhất là đối với tiểu đoàn bộ đội địa phương, đại đội dân quân cơ động và các đơn vị binh chủng. Đồng thời, chỉ đạo Ban chỉ huy quân sự, các đơn vị tích cực đổi mới nội dung, phương pháp huấn luyện; coi trọng bồi dưỡng, nâng cao trình độ, khả năng huấn luyện cho đội ngũ cán bộ cơ sở. Công tác tuyển chọn, gọi công dân nhập ngũ - nhiệm vụ chính trị trọng tâm trong công tác quân sự, quốc phòng địa phương được huyện lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện chặt chẽ, đúng luật, công khai, dân chủ với chất lượng tốt. Cùng với thực hiện tốt việc đăng ký, quản lý nguồn công dân trong độ tuổi nhập ngũ, huyện chỉ đạo ban chỉ huy quân sự các xã, thực hiện nghiêm các khâu, các bước trong quy trình tuyển quân. Trong đó, chú trọng sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị và toàn dân đối với nhiệm vụ này. Bằng các biện pháp đồng bộ, những năm qua huyện luôn thực hiện tốt công tác tuyển quân theo phương pháp "tròn khâu". Năm 2023, huyện Thủy Nguyên có 572 thanh niên lên đường thực hiện nghĩa vụ quân sự và tham gia lực lượng Công an Nhân dân. 100% tân binh đảm bảo các tiêu chuẩn, điều kiện về sức khỏe và trình độ văn hóa, chính trị.

2. An ninh

Ngay từ đầu năm, Công an huyện Thủy Nguyên đã làm tốt chức năng tham mưu cho Huyện ủy - UBND huyện lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện hiệu quả nhiệm vụ chính trị liên quan đến công tác bảo vệ an ninh trật tự. Xuyên suốt trong mọi hoạt động, các mặt công tác chuyên môn, nghiệp vụ cơ bản được đơn vị đặc biệt coi trọng triển khai toàn diện, trong đó khâu phòng ngừa tội phạm đạt hiệu quả cao. Với nỗ lực, cố gắng và quyết tâm lớn, toàn lực lượng Công an huyện luôn hoàn thành xuất sắc các đợt cao điểm tấn công trấn áp tội phạm. Nắm chắc địa bàn, các tụ điểm, tuyến và địa bàn phức tạp về trật tự xã hội đã được tập trung làm trong sạch, không để hình thành băng nhóm tội phạm; an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được giữ vững; thường xuyên tăng cường các biện pháp nghiệp vụ để kịp thời phát hiện, đấu tranh, ngăn chặn hoạt động của các loại tội phạm; không để xảy ra đột xuất, bất ngờ. Công tác kiểm tra, bảo đảm an ninh chính trị; tăng cường tuần tra, trấn áp tội phạm; kiểm soát, xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm về trật tự, an toàn giao thông được duy trì thực hiện. Tiếp tục nắm chắc tình hình hoạt động của các cơ sở tôn giáo trên địa bàn. Tình hình, bảo đảm an ninh, trật tự tại các khu vực giải phóng mặt bằng được chú trọng hơn; không để hình thành các điểm nóng về khiếu kiện đông người. Lực lượng, cơ sở vật chất kỹ thuật ngày càng được tăng cường cả về số lượng và chất lượng theo hướng chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại.

Song song với đó công tác quản lý Nhà nước về an ninh trật tự tiếp tục được đổi mới, trên các lĩnh vực quản lý ngành nghề kinh doanh có điều kiện; quản lý pháo, vũ khí, vật liệu nổ; phòng cháy chữa cháy và đảm bảo trật tự an toàn giao thông. Phong trào "Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc" cũng đã được nâng tầm, phát huy sức mạnh của cả hệ thống chính trị và đông đảo quần chúng trong phòng ngừa, trấn áp tội phạm.

IX. TỔ CHỨC BỘ MÁY VÀ ĐỘI NGŨ CÁN BỘ CÔNG CHỨC

1. Huyện ủy

a) Thường trực Huyện ủy, gồm: Bí thư Huyện ủy; 02 Phó Bí thư Huyện ủy (trong đó 01 Phó Bí thư thường trực Huyện ủy kiêm Chủ tịch HĐND huyện); 01 Phó Bí thư Huyện ủy - Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện).

b) Các cơ quan thuộc Huyện ủy, gồm: Ban Tổ chức Huyện ủy, Ban Tuyên giáo Huyện ủy, Ban Dân vận Huyện ủy, Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy, Văn phòng Huyện ủy, ngoài ra còn có Trung tâm Bồi dưỡng chính trị huyện là đơn vị sự nghiệp trực thuộc Huyện ủy.

c) Cán bộ, công chức của Huyện ủy

- Tổng số cán bộ, công chức thuộc Huyện ủy theo biên chế được giao: 30 người; trong đó số biên chế hiện có mặt 30 người.

- Về trình độ đào tạo chuyên môn: thạc sĩ: 13 người, đại học: 17 người;

- Về trình độ lý luận chính trị: cao cấp: 11 người, trung cấp: 15 người.

2. Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân huyện

a) Cơ cấu tổ chức của Hội đồng nhân dân huyện Thủy Nguyên, gồm: Chủ tịch Hội đồng nhân dân (do đồng chí Phó Bí thư thường trực Huyện ủy kiêm nhiệm), Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân (hoạt động chuyên trách), các ban Hội đồng nhân dân gồm: Ban Pháp chế, Ban Kinh tế - Xã hội, trong đó 02 Trưởng ban, 02 Phó ban hoạt động chuyên trách.

b) Cơ cấu tổ chức của Ủy ban nhân dân huyện gồm: Chủ tịch Ủy ban nhân dân, 03 Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân và các Ủy viên Ủy ban nhân dân là Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện; Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự huyện, Trưởng Công an huyện.

c) Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện gồm 12 cơ quan: Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân, Phòng Nội vụ, Phòng Tài chính - Kế hoạch, Phòng Y tế, Phòng Kinh tế - Hạ tầng, Thanh tra huyện, Phòng Tư pháp, Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội, Phòng Tài nguyên và Môi trường, Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Phòng Văn hóa và Thông tin, Phòng Giáo dục và Đào tạo.

d) Cán bộ, công chức thuộc Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân huyện Thủy Nguyên

Tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân của huyện Thủy Nguyên là: 39 đại biểu.

Tổng số cán bộ, công chức thuộc Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân huyện Thủy Nguyên theo biên chế được giao: 113 người; trong đó số biên chế hiện có mặt 106 người, trong đó:

- Về trình độ chuyên môn: thạc sỹ: 50 người, đại học: 56 người.

- Về trình độ lý luận chính trị: cao cấp: 30 người; trung cấp: 55 người, sơ cấp: 21 người.

3. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện và các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội của huyện

Huyện Thủy Nguyên có Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện Thủy Nguyên và các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội, gồm: Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Liên đoàn Lao động, Hội Cựu chiến binh, Hội Nông dân, Hội Liên hiệp phụ nữ.

Tổng số cán bộ, công chức thuộc Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện và các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội của huyện theo biên chế được giao: 26 người; trong đó số biên chế hiện có mặt 26 người, trong đó:

- Về trình độ chuyên môn: thạc sỹ: 06 người, đại học: 20 người.

- Về trình độ lý luận chính trị: cao cấp: 08 người; trung cấp: 11 người, sơ cấp: 07 người.

4. Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân huyện Thủy Nguyên

a) Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân huyện có 06 đơn vị, gồm: Trung tâm Văn hóa - Thông tin và Thể thao; Trung tâm Phát triển quỹ đất; Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng; Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên; Ban quản lý chợ; Hội Chữ thập đỏ với 170 viên chức.

b) Đơn vị sự nghiệp giáo dục, y tế, tài nguyên và môi trường và các cơ quan theo ngành dọc của Trương đóng trên địa bàn

- Sự nghiệp giáo dục có 104 trường học công lập thuộc phân cấp quản lý với 3.796 viên chức.

- Ngoài ra, trên địa bàn huyện có Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai (*trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường*); sự nghiệp y tế có 37 trạm y tế trực thuộc Trung tâm Y tế huyện (do Sở Y tế quản lý); có 09 trường THPT trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo và các đơn vị theo ngành dọc của Trung ương, của thành phố đóng trên địa bàn, gồm: Chi cục Thống kê, Chi cục Thuế, Kho bạc nhà nước, Bảo hiểm xã hội, hệ thống các ngân hàng...

5. Số lượng cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã

Ủy ban nhân dân huyện có 37 xã, thị trấn trực thuộc với 683 cán bộ, công chức cấp xã (cán bộ 357 người, công chức 326 người) và 287 người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã.

B. LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ HIỆN TRẠNG PHÁT TRIỂN CÁC ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH THÀNH LẬP PHƯỜNG TRÊN CƠ SỞ NGUYÊN TRẠNG

I. THỊ TRẤN MINH ĐỨC

1. Lịch sử hình thành

Trước năm 1945, tổng Dưỡng Động gồm 03 xã Dưỡng Động, Tràng Kênh, Gia Đức. Sau Cách mạng tháng 8/1945, tổng Dưỡng Động được chuyển thành xã Minh Tân.

Cuối năm 1956, các thôn Tràng Kênh, Gia Đức tách khỏi xã Minh Tân để thành lập xã Minh Đức. Năm 1958, xã Minh Đức thuộc huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.

Năm 1983, tách xã Minh Đức thành xã Gia Minh và xã Minh Đức. Năm 1986, Hội đồng Bộ trưởng ban hành Quyết định số 23/QĐ-HĐBT công nhận xã Minh Đức thành thị trấn Minh Đức thuộc huyện Thủy Nguyên, hoạt động và ổn định cho đến nay với 09 tổ dân phố, bao gồm: Đà Nẵng, Quyết Thắng, Quyết Tiến, Quyết Hùng, Quyết Tâm, Hoàng Tôn, Quyết Thành, Bạch Đằng, Chiến Thắng.

2. Địa giới hành chính

Thị trấn Minh Đức nằm ở phía Đông huyện Thủy Nguyên, thị trấn có địa giới hành chính như sau:

- Đông giáp xã Hiệp Hòa và phường Yên Giang thuộc thị xã Quảng Yên; phường Trưng Vương thuộc thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh;

- Tây giáp xã Minh Tân;

- Nam giáp xã Ngũ Lão và xã Tam Hưng;

- Bắc giáp xã Gia Đức và xã Gia Minh.

3. Diện tích tự nhiên và cơ cấu các loại đất

Tính đến ngày 31/12/2023, thị trấn Minh Đức có 16,12 km² diện tích tự nhiên, trong đó cơ cấu các loại đất như sau:

- Diện tích đất phi nông nghiệp: 10,67 km²; chiếm tỷ lệ 66,19%;

- Diện tích đất nông nghiệp: 4,08 km²; chiếm tỷ lệ 25,31%;

- Diện tích đất chưa sử dụng là 1,37 km²; chiếm tỷ lệ 8,50%.

4. Quy mô dân số và cơ cấu lao động

Tính đến ngày 31/12/2023, toàn thị trấn có 13.539 người; trong đó dân số thường trú là 13.020 người, dân số tạm trú 519 người.

Tổng số người lao động trong các ngành kinh tế trên địa bàn thị trấn là 8.930 người, trong đó:

- Lao động phi nông nghiệp 8.323 người, chiếm 93,20%;

- Lao động nông nghiệp: 607 người, chiếm 6,80%.

5. Tình hình phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội

a) Về phát triển kinh tế

- Công nghiệp - xây dựng: xác định sản xuất tiểu thủ công nghiệp là hướng đi tích cực, tạo ra sự tăng trưởng cao của nền kinh tế địa phương; những năm trở lại đây, UBND thị trấn đã có những chính sách cụ thể hỗ trợ các hộ kinh doanh, sản xuất; tạo điều kiện khuyến khích đầu tư mở rộng quy mô áp dụng công nghệ tiên tiến, đảm bảo môi trường sinh thái, nâng cao chất lượng sản phẩm, tăng khả năng cạnh tranh trên thị trường. Đồng thời vận động Nhân dân phát huy nội lực, đầu tư

phát triển mở xưởng cơ khí, gò hàn, nghề mộc dân dụng, may mặc và một số ngành nghề tiểu thủ công nghiệp khác nhằm duy trì việc làm ổn định cho người lao động.

- Thương mại - dịch vụ: tập trung khai thác có hiệu quả mọi tiềm năng, thế mạnh của thị trấn để phát triển thương mại - dịch vụ vận tải và dịch vụ khác, phục vụ nhu cầu đời sống của Nhân dân. Duy trì thường xuyên hoạt động của lĩnh vực vận tải vật liệu xây dựng và dịch vụ vận chuyển khách du lịch. Duy trì tốt hoạt động của trên 450 hộ kinh doanh cá thể và 40 công ty hoạt động trên địa bàn.

- Nông - lâm - thủy sản: tổng diện tích gieo cấy cả năm đạt 73,3 ha đạt 79,6% kế hoạch năm (trong đó vụ chiêm Xuân: 28,3 ha; vụ lúa Mùa: 45 ha), năng suất bình quân đạt 50 tạ/ha, sản lượng đạt 366,5 tấn; diện tích rau màu các loại 10 ha đạt 100% kế hoạch năm; diện tích nuôi trồng thủy sản: 44,6 ha; sản lượng 45 - 50 tấn/năm. Năm 2023, thị trấn đã tổ chức tốt kế hoạch tiêm phòng dịch bệnh cho đàn gia súc, gia cầm không để dịch bệnh phát sinh trên địa bàn. Bên cạnh đó, thường xuyên quan tâm công tác thủy lợi nội đồng, quản lý đê điều và phòng chống thiên tai lụt bão, nạo vét kênh mương phục vụ sản xuất nông nghiệp.

- Thu, chi ngân sách: tập trung, chỉ đạo thực hành tiết kiệm chống lãng phí và thực hiện công khai tài chính theo Luật Ngân sách. Tập trung đôn đốc các nguồn thu vào ngân sách, đảm bảo nhiệm vụ chi thường xuyên và chi đột xuất. Năm 2023, tổng thu ngân sách thị trấn thực hiện 29,67 tỷ đồng; chi ngân sách thị trấn thực hiện 28,49 tỷ đồng.

b) Về phát triển văn hóa - xã hội

- Văn hóa, thể dục - thể thao: duy trì tiếp âm đài tiếng nói của huyện và phát huy có hiệu quả trên hệ thống loa truyền thanh đưa thông tin kịp thời các Chỉ thị, Nghị quyết của Đảng, Nhà nước, các sự kiện chính trị trọng đại đến các tầng lớp Nhân dân. Tổ chức tốt các hoạt động hè cho thanh thiếu nhi; tăng cường quản lý, bảo vệ và đầu tư tôn tạo, tu sửa các khu di tích lịch sử; các hoạt động tôn giáo, tín ngưỡng trên địa bàn. Thực hiện tốt chính sách người có công, công tác bảo trợ xã hội. Tiếp nhận, chuyển quà Tết và kỷ niệm 74 năm ngày Thương binh liệt sỹ của các cấp trao tặng cho các đối tượng tổng số quà: 1.298 suất quà. Lập danh sách và hồ sơ đề nghị cấp thẻ bảo hiểm y tế cho đối tượng nghèo, cận nghèo và các đối tượng được thụ hưởng gồm: 72 trường hợp. Thực hiện chi trả trợ cấp hàng tháng cho các đối tượng đúng, đủ, chính xác và tuyệt đối an toàn.

- Giáo dục - đào tạo: thị trấn có đủ 03 cấp học từ mầm non đến trung học cơ sở (trường mầm non Minh Đức, trường tiểu học Minh Đức và trường THCS Minh Đức) với tổng diện tích các trường học là 24.444 m^2; hệ thống cơ sở của các nhà trường được đầu tư, nâng cấp cơ bản đáp ứng tiêu chuẩn của ngành và đáp ứng nhu cầu học tập của các em học sinh. Trong năm 2023, các cấp học không ngừng nâng cao chất lượng dạy và học, phát huy tính tích cực, chủ động của học sinh; đảm bảo duy trì chất lượng về nội dung chương trình học.

- Y tế: thực hiện tốt công tác phòng chống dịch bệnh và tăng cường công tác kiểm tra an toàn vệ sinh thực phẩm, tiêm chủng mở rộng cho trẻ em trong độ tuổi và các bà mẹ mang thai. Đẩy mạnh các biện pháp chăm sóc sức khỏe sinh sản và kế hoạch hóa gia đình, tổ chức tốt các đợt truyền thông lồng ghép kế hoạch hóa

gia đình, phấn đấu hạ thấp tỷ lệ phát triển dân số tự nhiên dưới 1%. Trên địa bàn thị trấn hiện có phân viện bệnh viện đa khoa Thủy Nguyên với diện tích 1.000 m^2 được đầu tư đồng bộ, đảm bảo chuyên môn và hạ tầng để đảm nhận chức năng thăm khám tại địa phương và khu vực xã lân cận tạo điều kiện cho người bệnh tiếp cận với dịch vụ y tế tốt nhất.

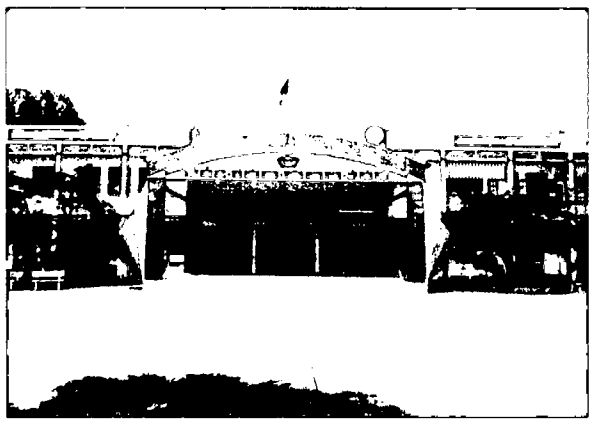

Trường học trên địa bàn thị trấn Minh Đức

Nhà đón tiếp Di tích Bạch Đằng Giang *Khu di tích Bạch Đằng Giang*

6. Tình hình phát triển cơ sở hạ tầng

a) Giao thông

Hệ thống đường giao thông đô thị, đường khu nhà ở trên địa bàn thị trấn đã được đầu tư nâng cấp, xây dựng theo tiêu chuẩn đường đô thị, thiết kế theo dạng ô bàn cờ, kết nối thuận lợi với các trục đường chính. Các tuyến trục ngõ liên thông các khu phố được nâng cấp và thường xuyên sửa chữa để đảm bảo nhu cầu đi lại của người dân. Về giao thông đường thủy, thị trấn có sông Gia Đước, sông Bạch Đằng đảm bảo cho tàu thuyền được lưu thông thuận lợi, phục vụ nhu cầu vận chuyển các mặt hàng nông sản, vật liệu xây dựng giữa các khu vực lân cận.

Giao thông trên địa bàn thị trấn

b) Cấp điện, chiếu sáng

Thị trấn Minh Đức hiện đang quản lý vận hành hệ thống điện với 11 km đường dây trung áp, 25 km đường dây hạ áp và 12 trạm biến áp. Trong năm, thị trấn đã tăng cường công tác kiểm tra, phát quang hành lang, sửa chữa thường xuyên lưới điện. Ngoài ra, thị trấn còn phối hợp với điện lực của huyện, các nhà mạng tháo dỡ các thiết bị, dây dẫn không cần thiết trên các cột điện, chỉnh trang và bó gọn các loại cáp đảm bảo an toàn lưới điện cũng như mỹ quan đường phố.

c) Cấp, thoát nước

Nguồn nước sạch cung cấp cho các hộ dân trên địa bàn thị trấn được cung cấp từ nhà máy nước sạch Minh Đức với công suất 1.300 m^3/ngày đêm. Năm 2023, tỷ lệ dân số đô thị được cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung và được sử dụng nguồn nước hợp vệ sinh đạt 100%. Hệ thống thoát nước trên địa bàn được đầu tư xây dựng hoàn chỉnh với tổng chiều dài là 14,74 km. Công tác nạo vét, khơi thông dòng chảy được kiểm tra và thực hiện định kỳ hàng năm.

Hệ thống cấp nước thị trấn Minh Đức

d) Vệ sinh môi trường

Tập trung cao công tác thu gom xử lý chất thải sinh hoạt, vệ sinh đường phố, giải tỏa hành lang an toàn giao thông đảm bảo cảnh quan môi trường đô thị sáng -

xanh - sạch đẹp - văn minh. Kết hợp cùng các ban ngành, tổ dân phố tổ chức ra quân xử lý các trường hợp lấn chiếm lòng lề đường, hành lang giao thông làm nơi bày bán hàng hóa, tập kết vật liệu, xử lý các phương tiện vi phạm chở quá khổ quá tải gây mất an toàn giao thông, vệ sinh môi trường. Chỉ đạo giải tỏa đường thông hè thoáng, phát động tổng vệ sinh đường khu nhà ở các tổ dân phố, tại các địa điểm công cộng. Tập trung cao công tác thu gom, vận chuyển rác, tưới nước giảm bụi tại các trục đường chính. Tổ chức các đợt ra quân, tuyên truyền, vận động đến với các tầng lớp Nhân dân tham gia ra quân dọn vệ sinh môi trường; vận động, khuyến khích trồng, chăm sóc duy trì cây xanh trên các tuyến đường. Năm 2023, tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom đạt 95,95%.

7. Tình hình quốc phòng, an ninh

a) Quốc phòng

Duy trì nghiêm chế độ trực sẵn sàng chiến đấu của lực lượng dân quân cơ động, bảo vệ an toàn trên địa bàn và các công trình quốc phòng. Tổ chức tốt các đợt huấn luyện quân sự cho các đối tượng theo kế hoạch; tập trung thực hiện công tác tuyển chọn và gọi công dân nhập ngũ năm 2023 với số lượng giao quân 25/24 đạt 104,17% kế hoạch. Tổ chức thực hiện các bước tuyển chọn và gọi công dân nhập ngũ năm 2024 đảm bảo đúng quy trình, quy định.

b) An ninh

Công tác an ninh trật tự, an toàn xã hội được giữ vững, bảo đảm tuyệt đối an toàn cho các sự kiện diễn ra trong năm. Tổ chức 329 lượt tuần tra kiểm soát giữ gìn trật tự an toàn giao thông và thực hiện tốt công tác phòng cháy, chữa cháy trên địa bàn thị trấn đặc biệt là các khu vực dễ xảy ra cháy nổ; tổ chức lực lượng bảo đảm an ninh, trật tự trong thời gian diễn ra giải văn nghệ, thể thao. Chủ động nắm tình hình, tích cực tham mưu cho cấp ủy, chính quyền, các cơ quan doanh nghiệp, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, không để xảy ra các vụ việc phức tạp; đẩy mạnh phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc, duy trì các hoạt động có hiệu quả của cụm liên kết để làm tốt công tác phòng ngừa, đấu tranh với các loại tội phạm, nhất là tội cướp tài sản, buôn bán, tàng trữ trái phép các chất ma túy.

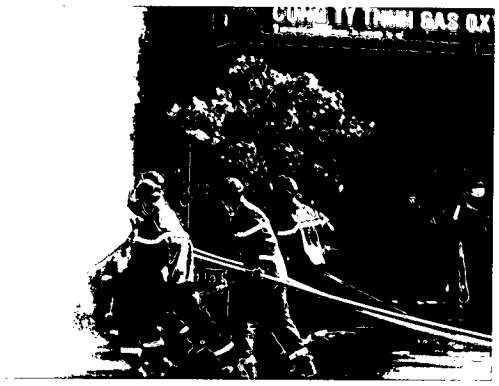

Diễn tập công tác phòng cháy, chữa cháy và cứu hộ tại Tổ liên gia

8. Tổ chức bộ máy, biên chế cán bộ

a) Hội đồng nhân dân thị trấn nhiệm kỳ 2021 - 2026

Tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân thị trấn là 27 đại biểu.

Thường trực Hội đồng nhân dân thị trấn gồm: Chủ tịch HĐND (do Bí thư Đảng ủy kiêm nhiệm), 01 Phó Chủ tịch HĐND (hoạt động chuyên trách) và các ủy viên là Trưởng các Ban Hội đồng nhân dân thị trấn.

Hội đồng nhân dân thị trấn có 02 ban: Ban Kinh tế - xã hội và Ban Pháp chế; Trưởng ban, Phó Trưởng ban và các Ủy viên của các Ban Hội đồng nhân dân hoạt động kiêm nhiệm.

b) Ủy ban nhân dân thị trấn

Cơ cấu tổ chức của Ủy ban nhân dân thị trấn gồm: 02 Phó Chủ tịch và Ủy viên phụ trách quân sự (Chỉ huy trưởng quân sự), Ủy viên phụ trách công an (Trưởng Công an thị trấn).

Tổng số cán bộ, công chức biên chế được giao: 22 người; trong đó số biên chế hiện có mặt: 18 người, trong đó: cán bộ: 10 người, công chức: 08 người.

- Về trình độ chuyên môn: đại học: 16 người, trung cấp: 02 người.

- Về trình độ lý luận chính trị: trung cấp: 17 người, sơ cấp 01 người.

II. XÃ HOA ĐỘNG

1. Lịch sử hình thành

Trước năm 1945, vùng đất Hoa Động thuộc tổng Lâm Động. Sau Cách mạng tháng 8/1945, hợp nhất 03 làng Lâm Động, Lôi Động và Hoàng Pha thành một xã mới lấy tên là xã Hoàng Động.

Tháng 11/1948, hợp nhất xã Hoàng Động và xã Hoa Động thành một xã mới lấy tên là xã Hoàng Hoa.

Năm 1951, tách xã Hoàng Hoa thành 02 xã là Hoàng Động và xã Hoa Động để đáp ứng yêu cầu kháng chiến.

Cuối năm 1958, huyện Thủy Nguyên thuộc thành phố Hải Phòng, xã Hoa Động thuộc huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng và ổn định từ đó cho đến

ngày nay với 13 thôn, bao gồm: Đầm Dền, Đường Đá, Giữa, Chùa, Đầu Cầu, Cổng Đất, Đông Hoa, Mỹ Cụ, Đồng Quán, Lâu Làng, Bái Trọng, Bái Ngoài, Lâu Trại.

2. Địa giới hành chính

Xã Hoa Động nằm ở phía Tây Nam của huyện Thủy Nguyên, cách trung tâm huyện khoảng 4 km, xã có địa giới hành chính:

- Đông giáp xã Tân Dương;

- Tây giáp xã Lâm Động;

- Nam giáp các phường Thượng Lý, Hùng Vương và Sở Dầu thuộc quận Hồng Bàng;

- Bắc giáp xã Thiên Hương, xã Thủy Sơn.

3. Diện tích tự nhiên và cơ cấu các loại đất

Tính đến ngày 31/12/2023, xã Hoa Động có 6,02 km² diện tích tự nhiên, trong đó cơ cấu các loại đất như sau:

- Diện tích đất phi nông nghiệp: 3,44 km²; chiếm tỷ lệ 57,14%;

- Diện tích đất nông nghiệp: 2,54 km²; chiếm tỷ lệ 42,19%;

- Diện tích đất chưa sử dụng là 0,04 km²; chiếm tỷ lệ 0,67%.

4. Quy mô dân số và cơ cấu lao động

Tính đến ngày 31/12/2023, toàn xã có 13.102 người; trong đó dân số thường trú là 12.672 người, dân số tạm trú 430 người.

Tổng số người lao động trong các ngành kinh tế trên địa bàn xã là 8.034 người, trong đó:

- Lao động phi nông nghiệp: 6.588 người, chiếm 82,00%;

- Lao động nông nghiệp: 1.446 người, chiếm 18,00%.

5. Tình hình phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội

a) Về phát triển kinh tế

- Công nghiệp - xây dựng: hoạt động sản xuất công nghiệp, xây dựng được duy trì và phát triển ổn định. Xã luôn tạo điều kiện, khuyến khích phát triển các nghề truyền thống như: rèn, hàn xì, mộc, sản xuất rượu,... đã giải quyết được lượng lao động dư thừa và tạo thu nhập ổn định cho người dân. Tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn đang hướng tới quy mô cao hơn để đáp ứng yêu cầu trong quá trình xây dựng và phát triển theo hướng công nghiệp hóa - hiện đại hóa.

- Thương mại - dịch vụ: trong những năm qua xã luôn tạo điều kiện và khuyến khích các hoạt động thương mại, dịch vụ, nhằm thúc đẩy sự phát triển nhanh của ngành kinh tế mũi nhọn này. Do đó, nhiều cơ sở sản xuất kinh doanh phát triển mạnh nhất là dịch vụ vật tư cho nông nghiệp và dịch vụ thức ăn gia súc,

gia cầm, vật liệu xây dựng, dịch vụ thương mại đã đáp ứng đầy đủ nhu cầu của người dân trong và ngoài xã trên thị trường.

- Nông - lâm - thủy sản: công tác bảo vệ thực vật, khuyến nông và áp dụng các tiến bộ khoa học - công nghệ luôn được quan tâm thường xuyên và liên tục, đảm bảo cho sự phát triển sản xuất nông nghiệp, chăn nuôi trên địa bàn. Tăng cường, chủ động trong công tác tiêm phòng cho đàn gia súc, phòng chống tốt các loại dịch, bệnh. Tận dụng nguồn thu tối đa trong công tác dịch vụ nông nghiệp và huy động việc đóng góp của Nhân dân để phục vụ tốt cho lĩnh vực sản xuất nông nghiệp của địa phương.

- Thu, chi ngân sách: trong công tác thu chi ngân sách, UBND xã đã chỉ đạo quyết liệt các biện pháp triển khai thu ngân sách, thu nợ đọng thuế, kiểm soát chặt chẽ các nguồn thu, chi đúng nội dung, đúng đối tượng. Năm 2023, tổng thu ngân sách xã đạt 13,04 tỷ đồng, tổng chi ngân sách là 12,73 tỷ đồng.

b) Về phát triển văn hóa - xã hội

- Văn hóa, thể dục - thể thao: các phong trào thể dục thể thao được duy trì và phát triển như bóng đá, bóng chuyền, bóng chuyền hơi,... Phong trào "toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa" được duy trì và thực hiện tốt; quản lý tốt các hoạt động tôn giáo, tín ngưỡng theo quy định. Số gia đình được công nhận gia đình văn hóa hết năm 2023 đạt 94,5%. Hệ thống đài truyền thanh được nâng cấp, thường xuyên duy trì, thời lượng phát thanh tuyên truyền các ngày lễ lớn, sự kiện trọng đại; tuyên truyền đầy đủ về các chủ trương, đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước cũng như các quy định của địa phương. Tiếp nhận và cấp phát 268 suất quà tết của Chủ tịch nước; 270 suất quà tết của Thành phố; 115 suất quà cho đối tượng hộ cận nghèo và 9 suất cho đối tượng hộ nghèo của huyện. Xét duyệt cho 31 đối tượng được hưởng chế độ bảo trợ xã hội hàng tháng (trong đó: 21 đối tượng hưởng chế độ người khuyết tật, 10 đối tượng hưởng chế độ người cao tuổi).

- Giáo dục - đào tạo: trên địa bàn xã có 03 trường đã đạt chuẩn quốc gia gồm các cấp học: mầm non Hoa Động, tiểu học Hoa Động, trung học cơ sở Hoa Động, cơ bản đáp ứng được nhu cầu học tập của con em tại địa phương. Các nhà trường đảm bảo về công tác vệ sinh trường lớp, bảo quản các trang thiết bị dạy học, tài sản của trường học. Duy trì công tác trực tại trường, chủ động trong dạy học trực tuyến và áp dụng các nội dung truyền đạt kiến thức cho học sinh theo sự chỉ đạo của ngành; đảm bảo việc quản lý, giáo dục học sinh trong các kỳ nghỉ lễ.

- Y tế: xã có 01 trạm y tế đã được công nhận chuẩn quốc gia về y tế với diện tích trạm y tế là 1.088 m^2, 5 giường bệnh, 05 cán bộ y tế. Công tác chăm sóc sức khỏe Nhân dân được đảm bảo. Năm 2023, trạm y tế đã tổ chức khám, chữa bệnh cho 5.467 lượt người. Công tác tiêm chủng mở rộng hàng tháng cho trẻ, tiêm phòng sởi cho trẻ từ 9 - 18 tháng tuổi, tổ chức cho trẻ từ 6 - 36 tháng tuổi uống Vitamin A đảm bảo đầy đủ và đạt kế hoạch huyện giao.

Trạm y tế xã Hoa Động

Trường tiểu học Hoa Động

Nhà văn hóa xã Hoa Động

Hội trại hè xã Hoa Động

6. Tình hình phát triển cơ sở hạ tầng

a) Giao thông

Hệ thống giao thông trên địa bàn thường xuyên được duy tu bảo dưỡng với tỷ lệ đường giao thông được cứng hóa đạt 100% cơ bản đáp ứng điều kiện lưu thông thuận lợi để phát triển kinh tế địa phương. Tổng chiều dài các tuyến đường giao thông trên địa bàn xã là 18,05 km với tổng diện tích đất giao thông là 162.097 m^2.

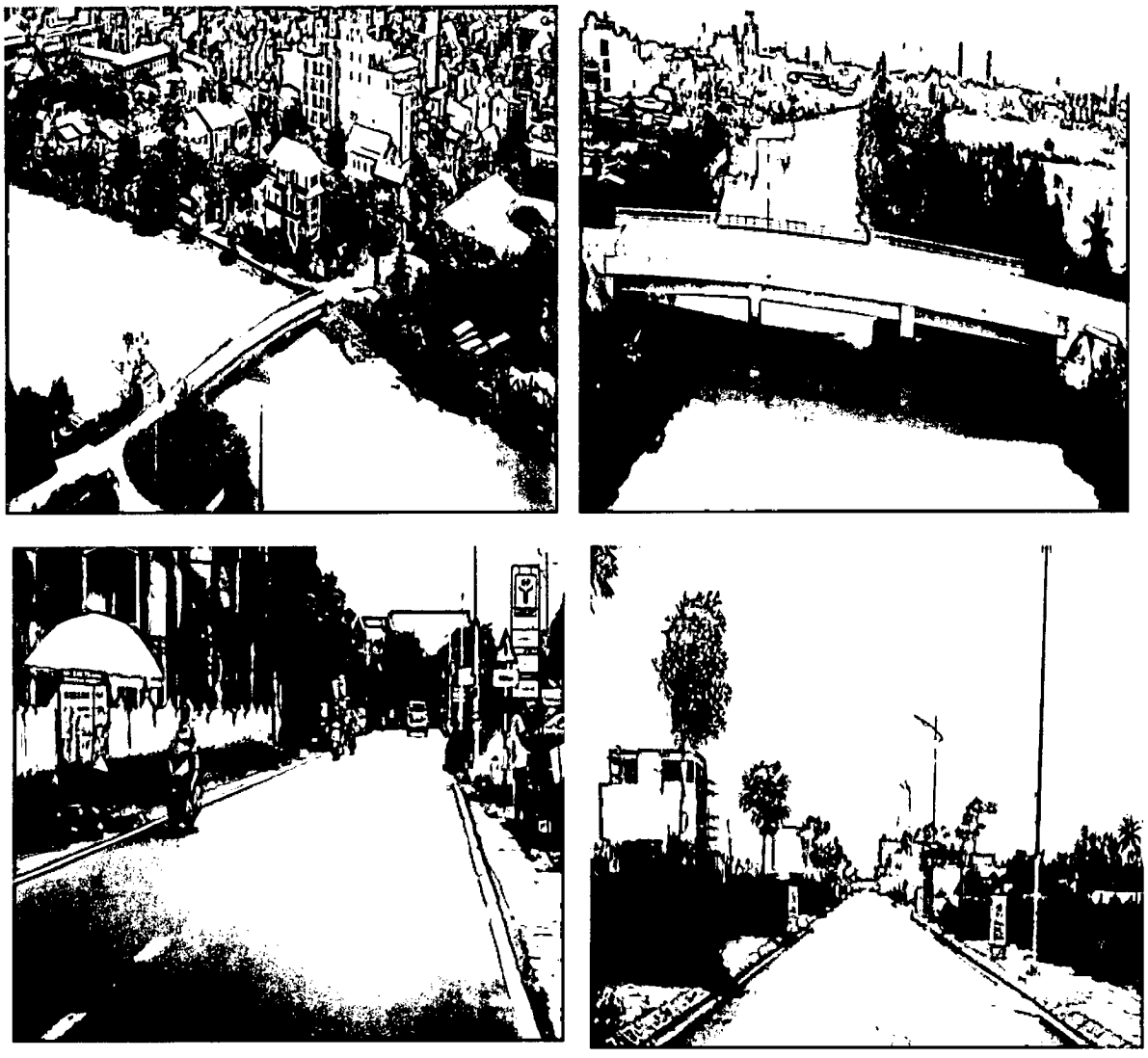

Giao thông trên địa bàn xã Hoa Động

b) Cấp điện, chiếu sáng

Điện sinh hoạt của xã có hệ thống lưới điện trung thế 9,17 km; hạ thế 16,84 km; có 07 trạm biến áp. Năm 2023 sản lượng điện phục vụ sinh hoạt là 14.517.866 kwh. Hiện nay mạng lưới điện của xã do hợp tác xã điện quản lý, vận hành; tỷ lệ các tuyến đường chính được chiếu sáng đạt 95,90%.

c) Cấp, thoát nước

Nguồn nước phục vụ cho nhu cầu sinh hoạt, sản xuất của người dân trong toàn xã được cung cấp bởi nhà máy nước đảm bảo chất lượng nguồn nước. Năm 2023, tỷ lệ dân số đô thị được cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung và được sử dụng nguồn nước hợp vệ sinh đạt 100%. Hệ thống thoát nước được xây dựng dọc theo các tuyến đường cơ bản đáp ứng tốt công tác tiêu thoát nước mặt khi có mưa lớn xảy ra. Trong năm, chính quyền xã đã tiến hành nâng cấp và xây mới một số tuyến thoát nước trọng điểm để giải quyết tình trạng ngập úng trong mùa mưa bão.

d) Vệ sinh môi trường

Công tác bảo vệ môi trường luôn được cấp ủy Đảng, chính quyền quan tâm chỉ đạo. Hiện nay, UBND xã đã ký hợp đồng với đơn vị thu gom và xử lý chất thải được tổ chức thu gom định kỳ hàng ngày. UBND xã phối hợp cùng hội Liên hiệp phụ nữ xã tích cực tuyên truyền, vận động Nhân dân dọn vệ sinh đường làng ngõ, xóm; tham gia dọn dẹp vệ sinh thu gom chất thải, khơi thông dòng chảy kênh mương cống rãnh, phát quang bụi rậm. Do đó, công tác vệ sinh môi trường được triển khai duy trì và thực hiện tốt, không để tình trạng tồn đọng rác, ô nhiễm môi trường. Tỷ lệ chất thải sinh hoạt được thu gom trên địa bàn hiện đạt 93,70%.

7. Tình hình quốc phòng, an ninh

a) Quốc phòng

Tình hình quốc phòng trên địa bàn được giữ vững, ổn định. Thực hiện tốt nhiệm vụ tuyển quân, hàng năm số thanh niên nhập ngũ luôn đạt 100% chỉ tiêu cấp trên giao. Thực hiện chương trình công tác năm, Ban chỉ huy quân sự xã thường xuyên hướng dẫn, đôn đốc lực lượng dân quân thực hiện tốt công tác tuyên truyền đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước cho Nhân dân. Nắm bắt tâm tư nguyện vọng của thanh niên và lực lượng dự bị động viên để làm tốt công tác tham mưu cho Đảng ủy, UBND xã trong việc quản lý tốt nguồn thanh niên trong độ tuổi nghĩa vụ quân sự, làm tốt công tác xét duyệt tạo tính dân chủ, công bằng xã hội.

b) An ninh

Tình hình an ninh chính trị trên địa bàn xã được duy trì ổn định. Công an xã thực hiện tốt nhiệm vụ bảo vệ an ninh chính trị, giữ gìn trật tự an toàn xã hội. Công tác nắm tình hình có liên quan đến tôn giáo, dân tộc; hiện tượng tranh chấp và tham gia khiếu kiện vượt cấp đã được lực lượng Công an xã phối hợp với các ngành, đoàn thể và tham mưu giải quyết tốt. Làm tốt công tác bảo vệ chính trị nội bộ, an ninh văn hóa tư tưởng, an ninh kinh tế và bảo vệ an toàn các ngày lễ, tết. Công tác xây dựng phong trào "Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc" và "tấn công trấn áp tội phạm" luôn được Công an xã chủ động phối hợp với các ban, ngành, đoàn thể xã xây dựng triển khai thực hiện tốt các mô hình phòng chống tội phạm nhằm phát huy sức mạnh của quần chúng Nhân dân nhất là trong từng đợt cao điểm.

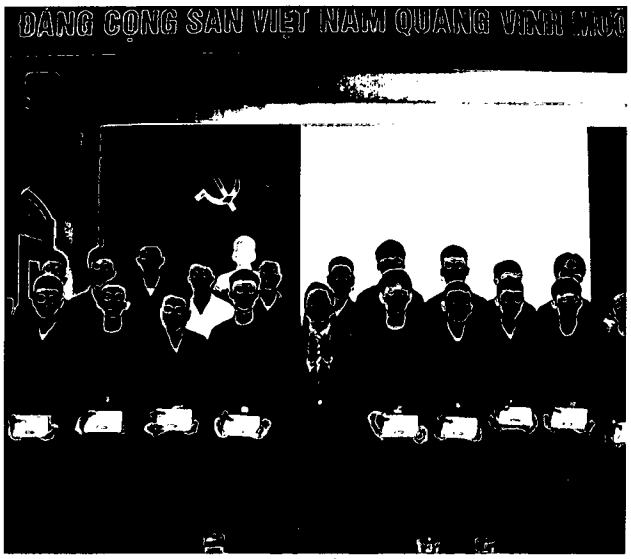

Xã Hoa Động tiếp xúc tân binh lên đường nhập ngũ năm 2023

8. Tổ chức bộ máy, biên chế cán bộ

a) Hội đồng nhân dân xã nhiệm kỳ 2021 - 2026

Tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân xã là 27 đại biểu.

Thường trực Hội đồng nhân dân xã gồm: Chủ tịch HĐND (do Phó Bí thư Đảng ủy kiêm nhiệm), 01 Phó Chủ tịch HĐND (hoạt động chuyên trách) và các ủy viên là Trưởng các Ban Hội đồng nhân dân xã.

Hội đồng nhân dân xã có 02 ban: Ban Kinh tế - xã hội và Ban Pháp chế; Trưởng ban, Phó Trưởng ban và các Ủy viên của các Ban Hội đồng nhân dân hoạt động kiêm nhiệm.

b) Ủy ban nhân dân xã

Cơ cấu tổ chức của Ủy ban nhân dân xã gồm: 01 Chủ tịch, 01 Phó Chủ tịch và Ủy viên phụ trách quân sự (Chỉ huy trưởng quân sự), Ủy viên phụ trách công an (Trưởng Công an xã).

Tổng số cán bộ, công chức biên chế được giao: 20 người; trong đó số biên chế hiện có mặt: 19 người, trong đó, cán bộ: 09 người, công chức: 10 người.

- Về trình độ chuyên môn: thạc sĩ: 01 người, đại học: 17 người, trung cấp: 01 người.

- Về trình độ lý luận chính trị: trung cấp: 14 người, sơ cấp: 05 người.

III. XÃ THIÊN HƯƠNG

1. Lịch sử hình thành

Trải qua quá trình hình thành và phát triển, Thiên Hương có nhiều đổi thay gắn liền với những diễn biến của lịch sử dân tộc. Trước đây, Thiên Hương thuộc tổng Trịnh Xá.

Sau khi Cách mạng tháng 8/1945 thành công, cấp tổng bị bãi bỏ; tháng 12/1945, xã Thiên Hương chính thức được thành lập gồm 04 làng: Thiên Đông, Trịnh Xá, Đồng Giá, Trinh Hưởng.

Tháng 02/1948, nhập làng Dực Liễn thuộc xã Tứ Dân về xã Thiên Hương. Đầu năm 1951, nhập các làng Phù Liễn, Tam Sơn, Núi Đèo về xã Thiên Hương.

Giữa năm 1951, tách làng Núi Đèo ra khỏi xã Thiên Hương để thành lập đơn vị hành chính thuộc huyện; chuyển làng Thiên Động vào xã Song Sơn. Năm 1955, các làng Phù Liễn, Tam Sơn, Dực Liễn điều chỉnh ra khỏi xã Thiên Hương. Xã Thiên Hương thuộc huyện Thủy Nguyên hoạt động ổn định từ đó cho đến nay với 08 thôn, bao gồm: thôn 1, thôn 2, thôn 3, thôn 4, thôn 5, thôn 6, thôn 7, thôn 8.

2. Địa giới hành chính

Xã Thiên Hương nằm cách trung tâm huyện Thủy Nguyên khoảng 03 km về phía Tây, xã có địa giới hành chính như sau:

- Đông giáp xã Thủy Sơn và xã Hoa Động;
- Tây giáp xã Kiền Bái;
- Nam giáp xã Lâm Động và xã Hoàng Động;
- Bắc giáp xã Mỹ Đồng và xã Đông Sơn.

3. Diện tích tự nhiên và cơ cấu các loại đất

Tính đến ngày 31/12/2023, toàn xã có 5,765 km² diện tích tự nhiên, trong đó cơ cấu các loại đất như sau:

- Diện tích đất phi nông nghiệp: 2,61 km²; chiếm tỷ lệ 45,27%;
- Diện tích đất nông nghiệp: 3,15 km²; chiếm tỷ lệ 54,64%;
- Diện tích đất chưa sử dụng là 0,005 km²; chiếm tỷ lệ 0,09%.

4. Quy mô dân số và cơ cấu lao động

Tính đến ngày 31/12/2023, toàn xã có 12.618 người; trong đó dân số thường trú là 12.517 người, dân số tạm trú 101 người.

Tổng số người lao động trong các ngành kinh tế trên địa bàn xã là 6.544 người, trong đó:

- Lao động phi nông nghiệp: 5.596 người, chiếm 85,51%;
- Lao động nông nghiệp: 948 người, chiếm 14,49%.

5. Tình hình phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội

a) Về phát triển kinh tế

- Công nghiệp - xây dựng: trên địa bàn xã Thiên Hương có các doanh nghiệp sản xuất và gia công sản phẩm hàng hóa phát triển về nghề: mộc dân dụng, đúc

gang,... Bên cạnh đó, địa bàn xã nằm cạnh các khu công nghiệp Nam Cầu Kiền hoạt động trên các lĩnh vực như: công nghệ phụ trợ, công nghệ cao; công nghiệp chế tạo; sản xuất máy móc thiết bị hỗ trợ cho công nghệ đầu tư; sản xuất các sản phẩm trang trí nội ngoại thất xuất khẩu;... đây là điều kiện thuận lợi để phát triển nguồn nhân lực, giải quyết lao động dư thừa tại địa phương.

- Thương mại - dịch vụ: trong những năm qua, lĩnh vực thương mại dịch vụ trên địa bàn xã phát triển ổn định. Xã hiện có 01 chợ với diện tích 5.238 m^2, đáp ứng nhu cầu mua sắm hàng hóa, sinh hoạt của người dân. Với lợi thế nằm cạnh các khu công nghiệp nên ngành dịch vụ được phát triển đáp ứng nhu cầu của người dân trên địa bàn và khu vực lân cận với các loại hình về nhà hàng, nhà nghỉ, vận tải,...

- Nông - lâm - thủy sản: nhờ ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào công tác gieo trồng nên chất lượng sản xuất nông nghiệp năm 2023 đạt kết quả cao; sản lượng thóc trong năm đạt 2.980 tấn; tăng 336 tấn so với năm 2022. Ngành chăn nuôi vẫn tiếp tục duy trì và phát triển tốt cả về số lượng và chất lượng, tổng đàn gia súc trên địa bàn xã khoảng 3.784 con; gia cầm, thủy cầm khoảng 21.700 con. Công tác phòng, chống dịch bệnh cho đàn gia súc, gia cầm đã được các cấp, chính quyền xã coi trọng; tập trung xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện khử trùng tiêu độc; tiêm phòng cho đàn gia súc, gia cầm theo kế hoạch.

- Thu, chi ngân sách: hoàn thành kế hoạch thu ngân sách Nhà nước, ngân sách xã. Phối hợp với các ban ngành của huyện tăng cường công tác kiểm tra, giám sát công tác thu ngân sách trên địa bàn xã; tiếp tục thực hiện các giải pháp chủ yếu tập trung ổn định kinh tế, bảo đảm an sinh xã hội. Tổng thu ngân sách năm 2023 của xã đạt 17,52 tỷ đồng, tổng chi ngân sách 17,29 tỷ đồng.

b) Về phát triển văn hóa - xã hội

- Văn hóa, thể dục - thể thao: công tác tuyên truyền các nhiệm vụ chính trị của địa phương và phong trào văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao được thực hiện tốt. Công tác trang trí, treo băng rôn khẩu hiệu chào mừng kỷ niệm các ngày lễ lớn được đảm bảo thực hiện, các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao được diễn ra an toàn. Tiếp nhận và cấp phát 220 suất quà tết của Chủ tịch nước, 221 suất quà Tết của thành phố, 137 suất quà cho hộ nghèo và cận nghèo. Tổ chức xây nhà cho người có công và thân nhân 08 hộ đảm bảo theo quy định.

- Giáo dục - đào tạo: địa bàn xã có 03 trường, gồm trường mầm non (trường mầm non khu Chính, trường mầm non khu Trịnh Thủy), trường tiểu học (trường tiểu học khu Trịnh Xá, trường tiểu học khu Đồng Giá) và trường trung học cơ sở Thiên Hương; hệ thống cơ sở hạ tầng các nhà trường đều đã đạt chuẩn quốc gia cơ bản đáp ứng được nhu cầu học tập của con em tại địa phương. Các trường tiếp tục triển khai kế hoạch dạy tốt, học tốt năm học 2022 - 2023, tiếp tục đổi mới phương pháp dạy - học và điều chỉnh dạy học đúng theo tinh thần chỉ đạo của ngành. Đội ngũ giáo viên được chuẩn hóa và thường xuyên được bồi dưỡng nâng cao chuyên môn, nghiệp vụ góp phần nâng cao chất lượng giáo dục.

- Y tế: xã có 01 trạm y tế đã được công nhận đạt chuẩn theo quy định của ngành với diện tích là 2.784 m^2, được xây dựng quy mô 02 tầng với 18 phòng. Công tác khám chữa bệnh tại trạm y tế từng bước được nâng cao và thực hiện tốt việc chăm sóc sức khỏe ban đầu cho Nhân dân; tuyên truyền vận động Nhân dân thực hiện các biện pháp phòng chống dịch bệnh trọng điểm về sốt xuất huyết, cúm A, tiêu chảy cấp,...

Trạm y tế xã Thiên Hương

Trường THCS Thiên Hương

Sân bóng đá xã

Nhà văn hóa thôn

6. Tình hình phát triển cơ sở hạ tầng

a) Giao thông

Xã Thiên Hương nằm trên trục đường 10 và đường 352 là những tuyến đường huyết mạch, thuận lợi cho việc giao thương phát triển kinh tế kết nối huyện Thủy Nguyên với thị xã Đông Triều, thành phố Uông Bí thuộc tỉnh Quảng Ninh. Ngoài ra, hệ thống các tuyến đường nội bộ trong xã đã được cứng hóa, bê tông hóa đảm bảo thuận tiện cho việc đi lại, giao thương buôn bán với các xã trong và ngoài huyện.

Đường giao thông liên thôn, xóm trên địa bàn xã

b) Cấp điện, chiếu sáng

Hệ thống điện, chiếu sáng thường xuyên được duy trì kiểm tra, khắc phục hư hỏng nhằm đảm bảo cung cấp điện ổn định phục vụ sản xuất, chiếu sáng và đời sống sinh hoạt của người dân. Năm 2023, sản lượng điện phục vụ sinh hoạt là 16.339.098 kwh; tỷ lệ đường phố được chiếu sáng đạt 95,50%.

c) Cấp, thoát nước

Những năm gần đây, công tác cấp nước sạch trên địa bàn đã được các cấp, ban ngành quan tâm và đã đạt được những kết quả đáng ghi nhận. UBND xã thường xuyên sửa chữa, nâng cấp, hoàn thiện các công trình cấp nước sạch tập trung theo hướng hiện đại, đồng bộ; chất lượng nước cấp đảm bảo theo quy định. Bên cạnh đó, đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động người dân nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của việc sử dụng nguồn nước sạch đối với sức khỏe nhằm nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân, đảm bảo an sinh xã hội. Hệ thống thoát nước được xây dựng dọc theo các tuyến đường cơ bản đáp ứng tốt công tác tiêu thoát nước từ các hộ dân chảy ra. Trên địa bàn xã có 11 trạm bơm thường xuyên được

bảo dưỡng nhằm đảm bảo nhu cầu tưới tiêu cho nông nghiệp và khắc phục tình trạng ngập úng trong mùa mưa bão.

d) Vệ sinh môi trường

Công tác vệ sinh môi trường được quan tâm, chú trọng. UBND xã đã thành lập các tổ thu gom chất thải nhằm nâng cao tỷ lệ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt theo quy định. Đẩy mạnh tuyên truyền, vận động người dân tự phân loại chất thải tại nhà, xử lý chất thải hữu cơ tại hộ gia đình nhằm nâng cao ý thức và trách nhiệm của người dân trong việc bảo vệ môi trường; góp phần giảm tải lượng chất thải phát sinh ngoài môi trường,... Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom trên địa bàn năm 2023 đạt 94,98%.

7. Tình hình quốc phòng, an ninh

a) Quốc phòng

Duy trì nghiêm các chế độ trực chỉ huy, chiến sĩ sẵn sàng chiến đấu trong các đợt cao điểm. Thực hiện tốt công tác giao quân năm 2023 theo kế hoạch của huyện, kết quả giao quân đạt 100% chỉ tiêu cấp trên giao. Tích cực phối hợp với các lực lượng giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn; chủ động triển khai thực hiện kế hoạch huấn luyện, diễn tập và điều chỉnh kịp thời các kế hoạch tham mưu tác chiến, phòng, chống lụt, bão. Tham mưu làm tốt công tác giáo dục quốc phòng và bồi dưỡng kiến thức quốc phòng, an ninh. Hoàn thành nhiệm vụ tuyển quân, tuyển sinh quân sự. Duy trì có nề nếp hoạt động của lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên.

b) An ninh

Tình hình an ninh chính trị trên địa bàn xã trong năm 2023 cơ bản được ổn định và giữ vững không để diễn biến phức tạp, đột biến xấu, bất ngờ xảy ra. Công an xã thực hiện tốt nhiệm vụ bảo vệ an ninh chính trị, giữ gìn trật tự an toàn xã hội, công tác nắm tình hình có liên quan đến tôn giáo, dân tộc, tranh chấp và tham gia khiếu kiện vượt cấp đã phối hợp với các ngành, đoàn thể và tham mưu giải quyết tốt không để xảy ra; làm tốt công tác bảo vệ chính trị nội bộ, an ninh văn hóa tư tưởng, an ninh kinh tế, bảo vệ an toàn các ngày lễ, Tết.

8. Tổ chức bộ máy, biên chế cán bộ

a) Hội đồng nhân dân xã nhiệm kỳ 2021 - 2026

Tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân xã là 27 đại biểu.

Thường trực Hội đồng nhân dân xã gồm Chủ tịch HĐND (do Phó Bí thư Đảng ủy kiêm nhiệm), 01 Phó Chủ tịch HĐND (hoạt động chuyên trách) và các ủy viên là Trưởng các Ban Hội đồng nhân dân xã.

Hội đồng nhân dân xã có 02 ban: Ban Kinh tế - xã hội và Ban Pháp chế; Trưởng ban, Phó Trưởng ban và các Ủy viên của các Ban Hội đồng nhân dân hoạt động kiêm nhiệm.

b) Ủy ban nhân dân xã

Cơ cấu tổ chức của Ủy ban nhân dân xã gồm: 02 Phó Chủ tịch và Ủy viên phụ trách quân sự (Chỉ huy trưởng quân sự), Ủy viên phụ trách công an (Trưởng Công an xã).

Tổng số cán bộ, công chức biên chế được giao: 20 người; trong đó số biên chế hiện có mặt: 18 người, trong đó, cán bộ: 08 người, công chức: 10 người.

- Về trình độ chuyên môn: thạc sĩ: 03 người, đại học: 15 người.

- Về trình độ lý luận chính trị: cao cấp 02 người, trung cấp: 14 người, sơ cấp: 02 người.

IV. XÃ QUẢNG THANH

1. Lịch sử hình thành

Trước năm 1945, vùng đất Quảng Thanh thuộc tổng Phù Lưu, huyện Thủy Nguyên. Sau Cách mạng tháng 8/1945, các thôn Thanh Lãng, Quảng Khê, Việt Khê, Ngọc Khê nhập thành xã Ngọc Địch. Năm 1952, Thanh Lãng nhập về Chính Mỹ gọi là xã Mỹ Thanh, thôn Quảng Cư nhập vào thôn Câu Tử thành lập xã Hợp Thành.

Năm 1956, Thanh Lãng tách khỏi Mỹ Thanh, Quảng Cư nhập vào Thanh Lãng để thành lập xã Quảng Thanh. Cuối năm 1958, huyện Thủy Nguyên thuộc thành phố Hải Phòng, xã Quảng Thanh thuộc huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng và ổn định từ đó cho đến ngày nay với 08 thôn, bao gồm: thôn 1, thôn 2, thôn 3, thôn 4, thôn 5, thôn 6, thôn 7, thôn 8.

2. Địa giới hành chính

Xã Quảng Thanh nằm ở phía Tây của huyện Thủy Nguyên, xã có địa giới hành chính như sau:

- Đông giáp xã Chính Mỹ;

- Tây giáp xã Phù Ninh và xã Hợp Thành;

- Nam giáp xã Cao Nhân;

- Bắc giáp xã Phù Ninh và xã Kỳ Sơn.

3. Diện tích tự nhiên và cơ cấu các loại đất

Tính đến ngày 31/12/2023, xã Quảng Thanh có 5,72 km² diện tích tự nhiên, trong đó cơ cấu các loại đất như sau:

- Diện tích đất phi nông nghiệp: 1,72 km²; chiếm tỷ lệ 30,07%;

- Diện tích đất nông nghiệp: 4,00 km²; chiếm tỷ lệ 69,93%.

4. Quy mô dân số và cơ cấu lao động

Tính đến ngày 31/12/2023, toàn xã có 11.110 người; trong đó dân số thường trú là 10.907 người, dân số tạm trú 203 người.

Tổng số người lao động trong các ngành kinh tế trên địa bàn xã là 5.442 người, trong đó:

- Lao động phi nông nghiệp 4.421 người, chiếm 81,24%;

- Lao động nông nghiệp: 1.021 người, chiếm 18,76%.

5. Tình hình phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội

a) Về phát triển kinh tế

- Công nghiệp - xây dựng: triển khai thực hiện tốt các chính sách về ưu đãi đầu tư, thực hiện tốt công tác cải cách hành chính, khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi cho các cơ sở sản xuất phát triển. Huy động các thành phần kinh tế, các nguồn lực để phát triển, trong đó ưu tiên phát triển các ngành có tiềm năng và lợi thế nguồn nhân lực lao động tại địa phương như: vận tải, cơ khí, xây dựng,... Hiện nay, toàn xã có 25 công ty, doanh nghiệp chủ yếu tập trung vào các ngành nghề xây dựng, kinh doanh, dịch vụ, sản xuất công nghiệp đã tạo điều kiện giải quyết việc làm cho người dân trên địa bàn xã và các địa phương lân cận.

- Thương mại - dịch vụ: đây là lĩnh vực có đóng góp tích cực vào quá trình tăng trưởng kinh tế của xã. Ngoài các dịch vụ phục vụ cho nông nghiệp về điện, nước, thủy lợi, phân bón, giống cây trồng; các hộ gia đình có điều kiện đã mạnh dạn đầu tư tham gia dịch vụ buôn bán, mở các cửa hàng tự chọn, cơ sở ăn uống, khu vui chơi, giải trí,... đa dạng loại hình đáp ứng nhu cầu của người dân.

- Nông - lâm - thủy sản: xã Quảng Thanh đã tích cực vận động người dân khai thác tối đa diện tích ruộng, đất nông nghiệp cho năng suất thấp để chuyển đổi sang trồng cây ăn quả kết hợp với chăn nuôi mang lại giá trị kinh tế cao. Đặc biệt, nhiều hộ dân trong xã đã chuyển đổi diện tích trồng cây màu thông thường sang trồng cây ăn quả như: ổi, cam, bưởi,... kết hợp với việc áp dụng khoa học kỹ thuật, cơ giới hóa vào sản xuất nông nghiệp góp phần tăng giá trị kinh tế cho ngành nông nghiệp.

- Thu, chi ngân sách: trong công tác thu chi ngân sách, UBND xã đã thực hiện theo đúng các hướng dẫn của cấp trên, chỉ đạo quyết liệt các biện pháp triển khai thu ngân sách, thu nợ đọng thuế, kiểm soát chặt chẽ các nguồn thu, chi đúng nội dung, đúng đối tượng. Năm 2023, tổng thu ngân sách xã đạt 17,83 tỷ đồng, tổng chi ngân sách là 17,50 tỷ đồng.

b) Về phát triển văn hóa - xã hội

- Văn hóa, thể dục - thể thao: đài truyền thanh xã hoạt động thường xuyên đảm bảo nhiệm vụ tiếp âm đài truyền thanh huyện đưa tin về đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, các quy định của địa phương. Duy trì thực hiện tốt nếp sống văn minh, gia đình văn hóa. Hoạt động thể dục, thể thao diễn ra sôi nổi thu hút đông đảo Nhân dân tham gia, hưởng ứng. Nhân dịp các ngày lễ, Tết đã tổ chức các giải bóng đá, bóng chuyền, cầu lông ở các thôn; đồng thời cử các đội đi tham gia giao lưu với các địa phương khác do huyện tổ chức

hàng năm nhằm nâng cao đời sống tinh thần cho Nhân dân trên địa bàn xã. Thực hiện xây mới nhà ở cho 02 hộ nghèo, hỗ trợ sửa chữa nhà ở cho 07 hộ nghèo, người có công với cách mạng.

- Giáo dục - đào tạo: trên địa bàn xã có 05 trường đều đạt chuẩn quốc gia với 03 cấp học gồm 02 trường mầm non (mầm non khu A, mầm non khu B); 02 trường tiểu học (tiểu học khu A, tiểu học khu B) và 01 trường trung học cơ sở Quảng Thanh, cơ bản đáp ứng được nhu cầu học tập của con em tại địa phương. Năm học 2022 - 2023, các trường thường xuyên duy trì tốt việc dạy và học, đảm bảo nâng cao chất lượng; đồng thời đổi mới phương thức giảng dạy, áp dụng công nghệ thông tin vào giảng dạy, lấy chất lượng làm thước đo trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, điều chỉnh bài giảng đúng theo tinh thần chỉ đạo của ngành.

- Y tế: xã có 01 trạm y tế có diện tích sử dụng là 1.183 m^2 đã được công nhận chuẩn quốc gia. Trạm y tế thường xuyên nâng cao chất lượng khám chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe cho Nhân dân, duy trì tốt chế độ trực tại trạm để phục vụ Nhân dân đến khám chữa bệnh khi có nhu cầu; đồng thời triển khai và thực hiện tốt công tác phun hóa chất phòng, chống dịch bệnh sốt xuất huyết. Năm 2023, toàn xã có 2.560 lượt người đến khám chữa bệnh và điều trị. Công tác truyền thông dân số được đẩy mạnh, thực hiện tốt các chính sách về dân số kế hoạch hóa gia đình, chăm sóc bảo vệ sức khỏe bà mẹ và trẻ em.

Trạm y tế xã Quảng Thanh

Trường THCS Quảng Thanh

6. Tình hình phát triển cơ sở hạ tầng

a) Giao thông

Hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông của xã đã có bước phát triển mạnh mẽ, chất lượng vận tải ngày càng được nâng cao, cơ bản đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, nâng cao đời sống Nhân dân. Mạng lưới giao thông được đầu tư đồng bộ hiệu quả, phủ khắp từ khu vực trung tâm xã đến các khu dân cư với tổng số chiều dài 16,28 km đường. Các tuyến đường đã được bê tông hóa, nhựa hóa tạo điều kiện cho việc vận chuyển hàng hóa, hành khách được thuận lợi, nhanh chóng, thiết thực, phục vụ cho phát triển kinh tế - xã hội, phát triển đô thị trên địa bàn.

Giao thông trên địa bàn xã Quảng Thanh

b) Cấp điện, chiếu sáng

Xã có hệ thống lưới điện trung thế dài 11,8 km, hạ thế dài 18,5 km, có 12 trạm biến áp. Nguồn điện cung cấp cho các hộ dân và doanh nghiệp trên địa bàn cơ bản được đảm bảo và ổn định, tạo điều kiện thuận lợi cho Nhân dân phát triển kinh doanh sản xuất, phục vụ tốt sinh hoạt đời sống. Năm 2023, sản lượng điện phục vụ sinh hoạt là 13.467.786 kwh; tỷ lệ đường phố được chiếu sáng đạt 96,56%.

c) Cấp, thoát nước

Nguồn nước sử dụng của xã Quảng Thanh được cấp từ công trình cấp nước tập trung Quảng Thanh I có công suất 200 m^3/ngày đêm và các nhà máy nước lân cận, đảm bảo cung cấp nước sạch cho các hộ dân sử dụng trong sinh hoạt cũng như trong sản xuất. Năm 2023, tỷ lệ dân số đô thị được cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung và được sử dụng nguồn nước hợp vệ sinh đạt 100%. Hệ thống thoát nước được xây dựng dọc theo các tuyến đường chính với chiều dài 7,40 km cơ bản đáp ứng tốt công tác tiêu thoát nước từ các hộ dân chảy ra. Trong năm, chính quyền xã phối hợp với các đơn vị vận động người dân tham gia thực

hiện nạo vét các tuyến cống thoát nước chính, trọng điểm để đảm bảo khả năng thoát nước.

d) Vệ sinh môi trường

Công tác bảo vệ môi trường luôn được quan tâm, đẩy mạnh. Xã thường xuyên vận động người dân thực hiện dọn vệ sinh trên các tuyến đường của xã; đồng thời thành lập các tổ tự quản vệ sinh môi trường gắn với công tác tuyên truyền đến từng hộ dân về các quy định pháp luật và bảo vệ môi trường. Khối lượng rác thu gom chủ yếu tại khu vực chợ, khu vực dân cư, khối cơ quan trên địa bàn xã; chất thải được thu gom và xử lý bằng phương pháp đốt và chôn lấp hợp vệ sinh. Năm 2023, tỷ lệ thu gom chất thải rắn sinh hoạt đạt 91,74%.

7. Tình hình quốc phòng, an ninh

a) Quốc phòng

Thực hiện theo các chỉ thị, kế hoạch lãnh đạo, chỉ đạo của cấp trên, tăng cường chú trọng xây dựng lực lượng vũ trang vững mạnh, làm nòng cốt trong thực hiện nhiệm vụ quân sự, quốc phòng địa phương. Tập trung củng cố tổ chức, biên chế và nâng cao chất lượng hoạt động của Ban chỉ huy quân sự xã; phát huy vai trò nòng cốt trong phối hợp, đôn đốc triển khai thực hiện nhiệm vụ quốc phòng. Do đó, công tác quốc phòng trên địa bàn xã năm 2023 được đảm bảo. Ban chỉ huy quân sự duy trì tốt công tác trực ban, trực sẵn sàng chiến đấu, đặc biệt là trong các ngày lễ, Tết. Hoàn thành 100% các nhiệm vụ, chỉ tiêu được giao; xây dựng lực lượng dân quân nòng cốt với tổng số 48 đồng chí.

b) An ninh

Tình hình an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội cơ bản ổn định, không xảy ra vụ việc phức tạp, đột xuất, bất ngờ, trở thành điểm nóng; an ninh, trật tự ở các thôn được đảm bảo. Thực hiện tốt tháng cao điểm tấn công, trấn áp tội phạm; các vi phạm về an toàn giao thông trên địa bàn xã giảm dần, ý thức chấp hành của người dân được nâng cao.

8. Tổ chức bộ máy, biên chế cán bộ

a) Hội đồng nhân dân xã nhiệm kỳ 2021 - 2026

Tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân xã là 24 đại biểu.

Thường trực Hội đồng nhân dân xã gồm: Chủ tịch HĐND (do Phó Bí thư Đảng ủy kiêm nhiệm), 01 Phó Chủ tịch HĐND (hoạt động chuyên trách) và các ủy viên là Trưởng các Ban Hội đồng nhân dân xã.

Hội đồng nhân dân xã có 02 ban: Ban Kinh tế - xã hội và Ban Pháp chế; Trưởng ban, Phó Trưởng ban và các Ủy viên của các Ban Hội đồng nhân dân hoạt động kiêm nhiệm.

b) Ủy ban nhân dân xã

Cơ cấu tổ chức của Ủy ban nhân dân xã gồm: 02 Phó Chủ tịch và Ủy viên phụ trách quân sự (Chỉ huy trưởng quân sự), Ủy viên phụ trách công an (Trưởng Công an xã).

Tổng số cán bộ, công chức biên chế được giao: 20 người; trong đó số biên chế hiện có mặt: 18 người, trong đó, cán bộ: 10 người, công chức: 08 người.

- Về trình độ chuyên môn: thạc sĩ: 02 người, đại học: 15 người, trung cấp: 01 người.

- Về trình độ lý luận chính trị: cao cấp 01 người, trung cấp: 16 người, sơ cấp 01 người.

V. XÃ HÒA BÌNH

1. Lịch sử hình thành

Trước năm 1945, vùng đất Hòa Bình thuộc 03 thôn Hà Luận, Lương Kệ, Thủy Đường. Cách mạng tháng 8/1945 thành công, các thôn Hà Phú, Hà Luận cùng với thôn Hà Tây, Trại Kênh nhập lại thành xã Tam Hà. Trong kháng chiến chống Pháp, thôn Trại Kênh nhập về xã Mỹ Sơn; các thôn Hà Tây, Hà Luận, Hà Phú nhập về xã Thủy Đường.

Tháng 6/1956 các thôn Hà Luận, Hà Phú nhập với các thôn Đông Môn, Chiếm Phương, Lương Kệ thành lập xã Hòa Bình.

Cuối năm 1958, huyện Thủy Nguyên thuộc thành phố Hải Phòng, xã Hòa Bình thuộc huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng và ổn định từ đó cho đến ngày nay với 09 thôn, bao gồm: Đông Môn, Đông Phương 1, Đông Phương 2, Lương Đường, Hà Luận 1, Hà Luận 2, Hà Phú 1, Hà Phú 2, Hà Phú 3.

2. Địa giới hành chính

Xã Hòa Bình nằm ở trung tâm của huyện Thủy Nguyên, xã có địa giới hành chính như sau:

- Đông giáp xã Trung Hà và xã An Lư;

- Tây giáp xã Kênh Giang và xã Đông Sơn;

- Nam giáp xã Thủy Đường;

- Bắc giáp xã Lưu Kiếm và xã Minh Tân.

3. Diện tích tự nhiên và cơ cấu các loại đất

Tính đến ngày 31/12/2023, xã Hòa Bình có 7,111 km² diện tích tự nhiên, trong đó cơ cấu các loại đất như sau:

- Diện tích đất phi nông nghiệp: 2,73 km²; chiếm tỷ lệ 38,39%;

- Diện tích đất nông nghiệp: 4,38 km²; chiếm tỷ lệ 61,60%;

- Diện tích đất chưa sử dụng: 0,001 km²; chiếm tỷ lệ 0,01%.

4. Quy mô dân số và cơ cấu lao động

Tính đến ngày 31/12/2023, toàn xã có 14.557 người; trong đó dân số thường trú là 13.935 người, dân số tạm trú 622 người.

Tổng số người lao động trong các ngành kinh tế trên địa bàn xã là 8.937 người, trong đó:

- Lao động phi nông nghiệp: 7.586 người, chiếm 84,88%;

- Lao động nông nghiệp: 1.351 người, chiếm 15,12%.

5. Tình hình phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội

a) Về phát triển kinh tế

- Công nghiệp - xây dựng: được sự hỗ trợ của các cấp chính quyền, các hộ sản xuất, các doanh nghiệp đóng trên địa bàn đã mở rộng sản xuất, cải tiến mẫu mã, tăng sản lượng cũng như chất lượng, tìm kiếm thị trường cho sản phẩm mang tính bền vững như: mây tre đan, đồ mộc dân dụng, cơ khí, sửa chữa, xây dựng... Tập trung mọi nguồn lực để đầu tư xây dựng, nâng cấp cơ sở hạ tầng trên địa bàn tạo sự cân đối và đồng bộ nhằm đáp ứng các tiêu chuẩn về trình độ phát triển cơ sở hạ tầng phù hợp với sự phát triển chung của huyện.

- Thương mại - dịch vụ: những năm qua, ngành thương mại và dịch vụ trên địa bàn từng bước được phát triển. Hàng hóa đa dạng và phong phú, nhu cầu trao đổi hàng hóa trên thị trường diễn biến sôi động với lượng hàng hóa chất lượng cao đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của Nhân dân. Các cửa hàng kinh doanh cùng với chợ truyền thống đã đáp ứng tốt nhu cầu mua sắm hàng hóa. Đến nay toàn xã có 24 doanh nghiệp, 480 hộ kinh doanh hoạt động ổn định, giải quyết việc làm thường xuyên cho lao động tại địa phương.

- Nông - lâm - thủy sản: năm 2023, tổng năng suất lúa bình quân đạt 72,47 tạ/ha, bằng 115,7% kế hoạch năm. Để đảm bảo ổn định trong chăn nuôi, hạn chế mức thấp nhất dịch bệnh xảy ra; cấp ủy, chính quyền xã luôn đặc biệt quan tâm công tác phòng dịch với các biện pháp tích cực như đẩy mạnh tuyên truyền tới các hộ chăn nuôi thực hiện các hình thức phòng chống dịch bệnh, phun khử khuẩn tại các hộ, tiêm phòng vắc - xin định kỳ theo kế hoạch.

- Thu, chi ngân sách: để bảo đảm hoàn thành vượt mức dự toán được giao, UBND xã đang đẩy mạnh triển khai nhiều giải pháp, hình thức thu ngân sách, từ hỗ trợ người nộp thuế đến thanh tra, kiểm tra chống thất thu thuế. Năm 2023, tổng thu ngân sách xã đạt 19,54 tỷ đồng, tổng chi ngân sách là 18,61 tỷ đồng.

b) Về phát triển văn hóa - xã hội

- Văn hóa, thể dục - thể thao: công tác xây dựng đời sống văn hóa trên địa bàn được duy trì và thực hiện tốt. Các hoạt động văn hóa, thể thao được tổ chức phù hợp với điều kiện sinh hoạt, phong tục tập quán, lứa tuổi. Hệ thống cơ sở vật chất phục vụ hoạt động văn hóa, thể thao, vui chơi giải trí được đầu tư hoàn chỉnh; các loại hình câu lạc bộ văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao duy trì thường xuyên đã thu hút nhiều người dân tham gia. Năm 2023, đã lập hồ sơ tại nhà cho 76 người,

tiếp nhận 02 hồ sơ đề nghị hưởng trợ cấp hàng tháng đối với thân nhân người có công; giải quyết 119 hồ sơ đủ điều kiện hưởng trợ cấp bảo trợ xã hội hàng tháng.

- Giáo dục - đào tạo: các trường học trên địa bàn được quan tâm đầu tư đồng bộ, hiện đại và giữ vững đạt chuẩn quốc gia. Đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên các trường luôn duy trì, phát triển đảm bảo về số lượng, chất lượng. Cơ sở vật chất trang thiết bị dạy học được quan tâm theo hướng hiện đại, đổi mới phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương. Các phong trào học tập, rèn luyện thể dục, thể thao và tuyên truyền học sinh tham gia giữ gìn vệ sinh môi trường, đảm bảo an toàn giao thông được quan tâm, chú trọng. Hệ thống các nhà trường trên địa bàn xã gồm: 02 trường mầm non (khu A, khu B); 02 trường tiểu học (Hòa Bình 1, Hòa Bình 2) và trường trung học cơ sở Hòa Bình có tổng diện tích sử dụng 38.474 m^2 đáp ứng nhu cầu học tập của con em địa phương.

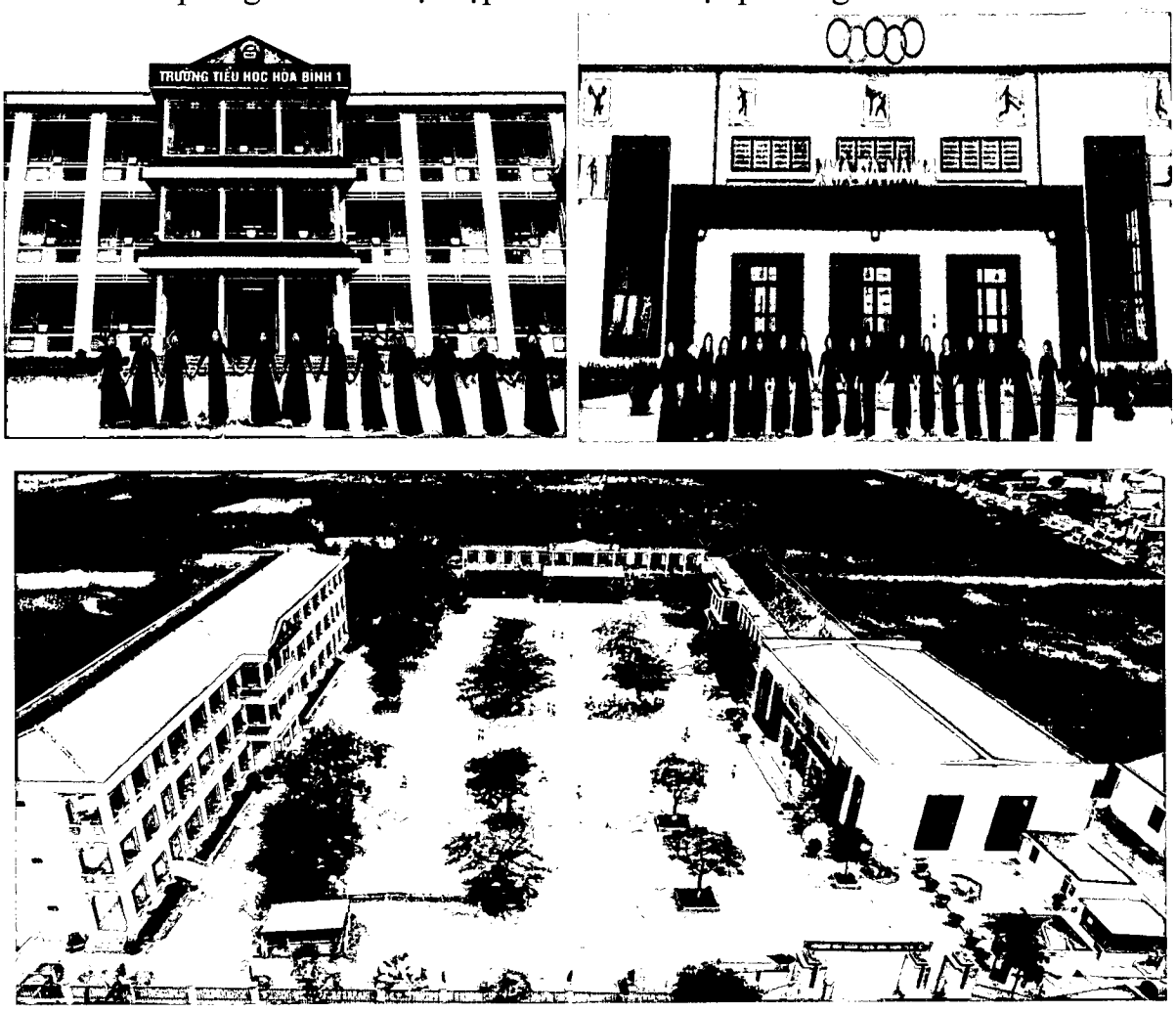

Trường tiểu học Hòa Bình 1

- Y tế: thực hiện tốt chương trình y tế quốc gia, thường xuyên nâng cao chất lượng khám chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe ban đầu cho Nhân dân. Duy trì, giữ vững Bộ tiêu chí quốc gia về y tế. Năm 2023, trạm y tế đã tổ chức khám và điều trị cho 5.000 lượt người; trẻ dưới 5 tuổi được tiêm phòng và uống vitamin, phụ nữ mang thai được tiêm phòng uốn ván đầy đủ đạt 100%. Trạm đã phối hợp với các ngành có liên quan tổ chức kiểm tra chất lượng vệ sinh an toàn thực phẩm tại các cơ sở chế biến, cửa hàng thực phẩm và các nhà hàng đóng trên địa bàn.

Thường xuyên tổ chức tuyên truyền, lồng ghép chiến dịch chăm sóc sức khỏe sinh sản - kế hoạch hóa gia đình, an toàn vệ sinh thực phẩm.

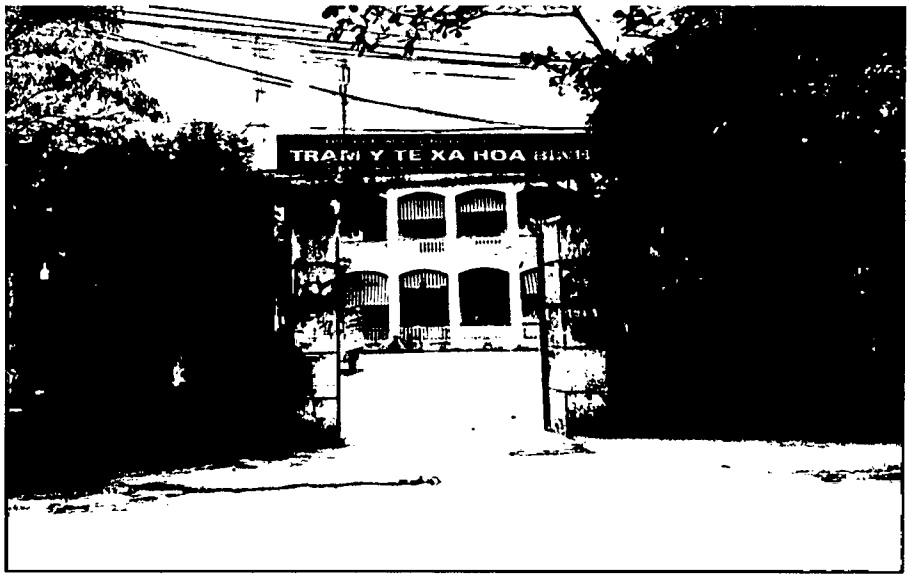

Trạm y tế xã Hòa Bình

6. Tình hình phát triển cơ sở hạ tầng

a) Giao thông

Nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, xã Hòa Bình đã tập trung phát triển hệ thống giao thông một cách đồng bộ. Các tuyến đường trên địa bàn xã đã được cải tạo, nâng cấp và hoàn thiện; tỷ lệ đường giao thông cứng hóa đạt 100%. Hệ thống giao thông trong xã cơ bản đáp ứng điều kiện lưu thông thuận lợi để giao thương phát triển kinh tế địa phương.

Đường giao thông trên địa bàn xã Hòa Bình

b) Cấp điện, chiếu sáng

Hệ thống điện của xã có 7 trạm biến áp, 3,5 km đường dây trung áp và 16 km đường dây hạ áp. Hệ thống điện thường xuyên được kiểm tra, khắc phục khó khăn, hư hỏng. Rà soát, đầu tư xây dựng các trạm biến áp, thay thế đường dây nhằm đảm bảo việc cấp điện phục vụ nhu cầu sản xuất, phát triển kinh doanh, chiếu sáng và nhu cầu sinh hoạt của người dân được ổn định. Số hộ dân sử dụng

mạng lưới điện quốc gia đạt 100%; sản lượng điện phục vụ sinh hoạt năm 2023 là 17.497.730 kwh. Tỷ lệ đường phố được chiếu sáng đạt 96,57%.

c) Cấp, thoát nước

Năm 2023, 100% số hộ dân trên địa bàn xã đã được đấu nối với hệ thống cấp nước sạch từ nhà máy cấp nước phục vụ sinh hoạt. Một số ít hộ dân vẫn còn sử dụng các nguồn nước từ giếng khoan, nước mưa qua máy lọc nước để phục vụ trong việc sinh hoạt và sản xuất. Để đảm bảo yêu cầu thoát nước, xã đã tập trung chú trọng duy tu, bảo dưỡng và xây dựng mới các tuyến mương, cống mới. Đến nay, tổng chiều dài các tuyến mương xây và cống là 10,17 km. Các tuyến đường xây dựng mới đều có đầy đủ hệ thống thoát nước và được đấu nối với các tuyến thoát nước chung đảm bảo thoát nước nhanh chóng trong mùa mưa bão. Vì vậy, năm qua không xảy ra tình trạng ngập lụt trên địa bàn xã.

d) Vệ sinh môi trường

Công tác bảo vệ môi trường luôn được quan tâm chỉ đạo, cơ bản đã đi vào nền nếp. Phối hợp với các ngành, đoàn thể tổ chức ra quân phát quang bụi rậm, làm vệ sinh các tuyến đường công cộng và nội đồng. Đồng thời, vận động người dân dọn vệ sinh đường làng ngõ xóm, thu gom chất thải đúng nơi quy định và có trách nhiệm giữ gìn vệ sinh môi trường, nhằm đảm bảo tốt cảnh quan môi trường. Năm 2023, tỷ lệ chất thải được thu gom trên địa bàn đạt 92,42%.

7. Tình hình quốc phòng, an ninh

a) Quốc phòng

Thực hiện công tác tuyển quân năm 2023, Hội đồng nghĩa vụ quân sự xã đã tuyên truyền vận động các thanh niên đủ điều kiện lên đường nhập ngũ bảo vệ Tổ quốc. Tổ chức hội nghị tiếp xúc tặng quà cho thanh niên nhập ngũ năm 2023 và bộ đội xuất ngũ trở về địa phương. Bàn giao công dân lên đường nhập ngũ bảo vệ Tổ quốc vượt chỉ tiêu huyện giao là 04 công dân. Tổ chức đăng ký phương tiện kỹ thuật, hoàn thành công tác đăng ký nghĩa vụ quân sự tuổi 17 cho 94 nam công dân trên địa bàn. Tổ chức khám sơ tuyển cho 60 thanh niên trong độ tuổi nghĩa vụ quân sự, 48 thanh niên đủ tiêu chuẩn khám tuyển nghĩa vụ quân sự huyện.

b) An ninh

Công an xã xây dựng kế hoạch tăng cường công tác tuần tra phòng ngừa đấu tranh phòng chống tội phạm, phòng chống cháy nổ, đảm bảo trật tự an toàn giao thông, trật tự công cộng không để xảy ra trọng án, không để xảy ra tai nạn giao thông nghiêm trọng. Tăng cường công tác kiểm tra phát hiện xử lý kịp thời các trường hợp sử dụng chất nổ trái phép để đảm bảo cho Nhân dân vui xuân, đón Tết. Lập kế hoạch và thực hiện giải tỏa hành lang giao thông đảm bảo đường thông, hè thoáng góp phần đảm bảo an toàn giao thông. Tuyên truyền, vận động xóa quảng cáo, rao vặt trái phép trên địa bàn xã.

8. Tổ chức bộ máy, biên chế cán bộ

a) Hội đồng nhân dân xã nhiệm kỳ 2021 - 2026

Tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân xã là 27 đại biểu.

Thường trực Hội đồng nhân dân xã gồm: Chủ tịch HĐND (do Bí thư Đảng ủy kiêm nhiệm), 01 Phó Chủ tịch HĐND (hoạt động chuyên trách) và các ủy viên là Trưởng các Ban Hội đồng nhân dân xã.

Hội đồng nhân dân xã có 02 ban: Ban Kinh tế - xã hội và Ban Pháp chế; Trưởng ban, Phó Trưởng ban và các Ủy viên của các Ban Hội đồng nhân dân hoạt động kiêm nhiệm.

b) Ủy ban nhân dân xã

Cơ cấu tổ chức của Ủy ban nhân dân xã gồm: 01 Chủ tịch, 02 Phó Chủ tịch và Ủy viên phụ trách quân sự (Chỉ huy trưởng quân sự), Ủy viên phụ trách công an (Trưởng Công an xã).

Tổng số cán bộ, công chức biên chế được giao: 20 người; trong đó số biên chế hiện có mặt: 17 người, trong đó, cán bộ: 10 người, công chức: 07 người.

- Về trình độ chuyên môn: thạc sĩ: 03 người, đại học: 13 người, cao đẳng: 01 người.

- Về trình độ lý luận chính trị: trung cấp: 17 người.

VI. XÃ AN LƯ

1. Lịch sử hình thành

Trước năm 1945, vùng đất An Lư thuộc tổng Thủy Tú. Sau Cách mạng tháng 8/1945, cấp tổng bị xóa bỏ, làng Trung Mỹ thuộc xã Ngũ Lão, làng Hà Tây thuộc xã Tam Hà.

Năm 1952, xã An Chung được thành lập gồm 03 làng: Chung Hà, Hà Tây và An Lư. Đến tháng 10/1956, xã An Chung tách thành 02 xã là Trung Hà và An Lư. Cuối năm 1958, huyện Thủy Nguyên thuộc thành phố Hải Phòng, xã An Lư thuộc huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng và ổn định từ đó cho đến ngày nay với 08 thôn, bao gồm: Sim Bắc, Thắng Lợi, Hồ Bình, Hòa Tiến, Nội Lập, An Trại, Cây Đa, Sáu Phiên.

2. Địa giới hành chính

Nằm cách trung tâm huyện Thủy Nguyên khoảng 5 km, xã An Lư có địa giới hành chính như sau:

- Đông giáp xã Trung Hà và xã Thủy Triều;

- Tây giáp xã Hòa Bình, xã Thủy Đường và xã Dương Quan;

- Nam giáp xã Dương Quan và xã Thủy Triều;

- Bắc giáp xã Hòa Bình và xã Trung Hà.

3. Diện tích tự nhiên và cơ cấu các loại đất

Tính đến ngày 31/12/2023, xã An Lư có 7,24 km² diện tích tự nhiên, trong đó cơ cấu các loại đất như sau:

- Diện tích đất phi nông nghiệp: 3,92 km²; chiếm tỷ lệ 54,14%;

- Diện tích đất nông nghiệp: 3,30 km²; chiếm tỷ lệ 45,58%;

- Diện tích đất chưa sử dụng là 0,02 km²; chiếm tỷ lệ 0,28%.

4. Quy mô dân số và cơ cấu lao động

Tính đến ngày 31/12/2023, toàn xã có 17.322 người; trong đó dân số thường trú là 16.661 người, dân số tạm trú 661 người.

Tổng số người lao động trong các ngành kinh tế trên địa bàn xã là 8.257 người, trong đó:

- Lao động phi nông nghiệp: 6.728 người, chiếm 81,48%;

- Lao động nông nghiệp: 1.529 người, chiếm 18,52%.

5. Tình hình phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội

a) Về phát triển kinh tế

- Công nghiệp - xây dựng: hoạt động tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn xã được duy trì ổn định trên một số lĩnh vực: sửa chữa tàu, cơ khí, hàn,... Với lợi thế có khu công nghiệp VSIP Hải Phòng - là một trong những khu công nghiệp tập trung đa ngành với các loại hình sản xuất như: cơ khí, vật liệu xây dựng, vận tải,... đã góp phần quan trọng vào sự phát triển kinh tế - xã hội, tạo việc làm và thu nhập ổn định của người dân.

- Thương mại - dịch vụ: trên địa bàn xã có chợ Xưa với diện tích sử dụng 7.418 m², chợ Xưa cơ bản đáp ứng nhu cầu mua sắm và trao đổi hàng hóa của người dân. Tận dụng lợi thế với đường giao thông đồng bộ, cũng như có khu công nghiệp nằm trên địa bàn, nhiều hộ đã chuyển từ sản xuất nông nghiệp sang kinh doanh từ cửa hàng thời trang, văn phòng phẩm, đồ gia dụng, điện tử cho đến nhà hàng, quán ăn, nhà trọ,... Hoạt động buôn bán, trao đổi hàng hóa diễn ra tấp nập. Các hộ kinh doanh không ngừng mở rộng quy mô và đưa nhiều mặt hàng vào bày bán phục vụ nhu cầu tiêu dùng của người dân địa phương và công nhân trong khu công nghiệp, góp phần nâng cao thu nhập của người dân trên địa bàn.

- Nông - lâm - thủy sản: tuyên truyền vận động Nhân dân gieo trồng lúa trên 50 ha năng suất đạt trên 120 tạ/ha, rau màu 20 ha năng suất đạt 5 tấn/ha. Chủ động làm tốt công tác dịch vụ giống, điều hành nước, phòng trừ sâu bệnh, phục vụ sản xuất. Diện tích nuôi trồng thủy sản ven sông đạt 103,48 ha; trong đó, đầm cá ven sông 90,48 ha, diện tích ao cá trong đầm 13 ha. Số lượng tàu thuyền đánh bắt thủy hải sản là 82 chiếc, sản lượng khoảng 1.000 tấn. Công tác phòng chống dịch bệnh cho đàn gia súc, gia cầm cũng được thực hiện tốt.

- Thu, chi ngân sách: tập trung khai thác, quản lý tốt các nguồn thu; phấn đấu hoàn thành 100% chỉ tiêu thu ngân sách Nhà nước và thu ngân sách xã năm 2023.

Tập trung đôn đốc các khoản nợ đọng, phấn đấu thu đạt 100% kế hoạch các khoản thu theo quy định. Tổng thu ngân sách xã là 20,57 tỷ đồng; tổng chi ngân sách xã là 15,00 tỷ đồng.

b) Về phát triển văn hóa - xã hội

- Văn hóa, thể dục - thể thao: tăng cường công tác thông tin tuyên truyền kỷ niệm các ngày lễ, chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước. Nâng cao chất lượng phong trào "toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh". Nâng cao chất lượng hoạt động của hội đồng làng văn hóa, xây dựng gia đình văn hóa, khu dân cư văn hóa kiểu mẫu. Các câu lạc bộ, điểm tập được mở rộng và phát triển, cơ sở vật chất, kỹ thuật phục vụ cho thể dục, thể thao ngày càng được đầu tư nâng cấp và xây dựng mới. Hoạt động luyện tập thể thao trong các trường học, các cơ quan, đơn vị được duy trì thường xuyên và ngày càng phát triển. Đặc biệt chú trọng thúc đẩy phong trào tập luyện, thi đấu thể dục thể thao gắn với xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư. Thực hiện tốt chính sách xã hội, tiếp nhận, thăm hỏi, trao tặng quà của Trung ương, thành phố và huyện nhân dịp tết Nguyên đán cho các đối tượng được hưởng đảm bảo kịp thời, đúng quy định 562 suất.

- Giáo dục - đào tạo: nâng cao chất lượng giáo dục trong các trường học, đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy và học để duy trì đạt chuẩn đáp ứng nhu cầu học tập của các em học sinh. Địa bàn xã có 02 trường mầm non (02 cơ sở); 01 trường tiểu học An Lư và 01 trường trung học cơ sở An Lư. Các trường học đã hoàn thành chương trình dạy và học năm học 2022 - 2023, kết quả như sau: tổng số học sinh trường trung học cơ sở là 771 em, số học sinh giỏi 298 em đạt 38,65%; tổng số học sinh trường tiểu học hoàn thành chương trình 1.369 em đạt 99,1%; huy động trẻ mầm non đến lớp được 870 cháu đạt 109,6% kế hoạch. Thực hiện tốt công tác xã hội hóa theo quy định, xây dựng quỹ khuyến học, tổ chức khen thưởng giáo viên, học sinh đạt thành tích trong năm học 2022 - 2023 và tổ chức lễ khai giảng năm học mới 2023 - 2024 đảm bảo an toàn.

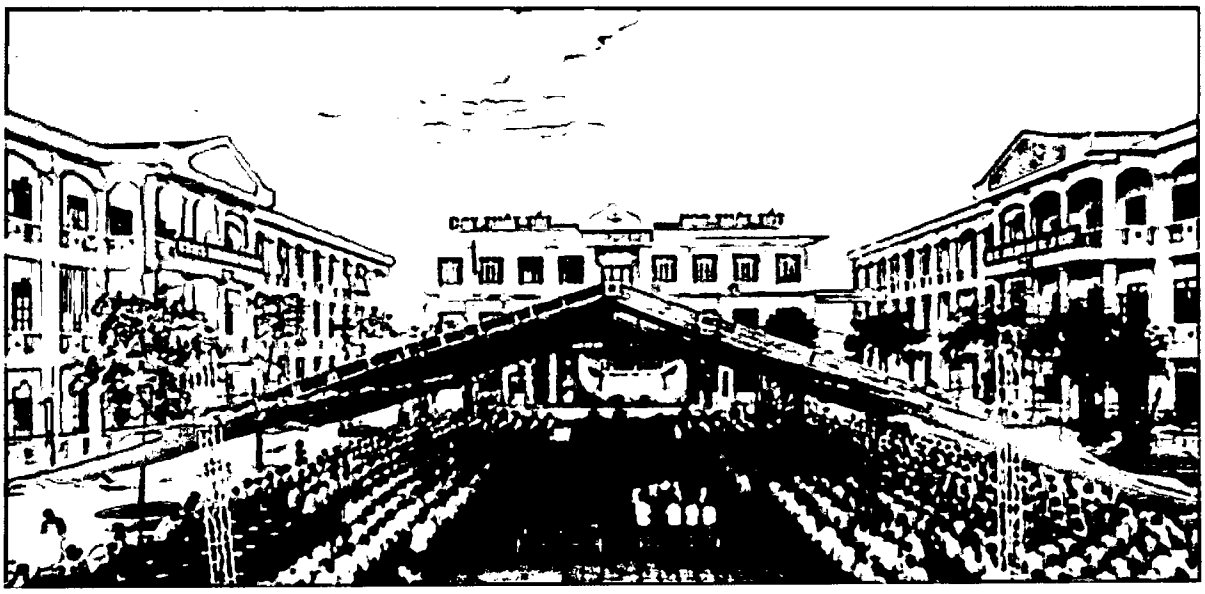

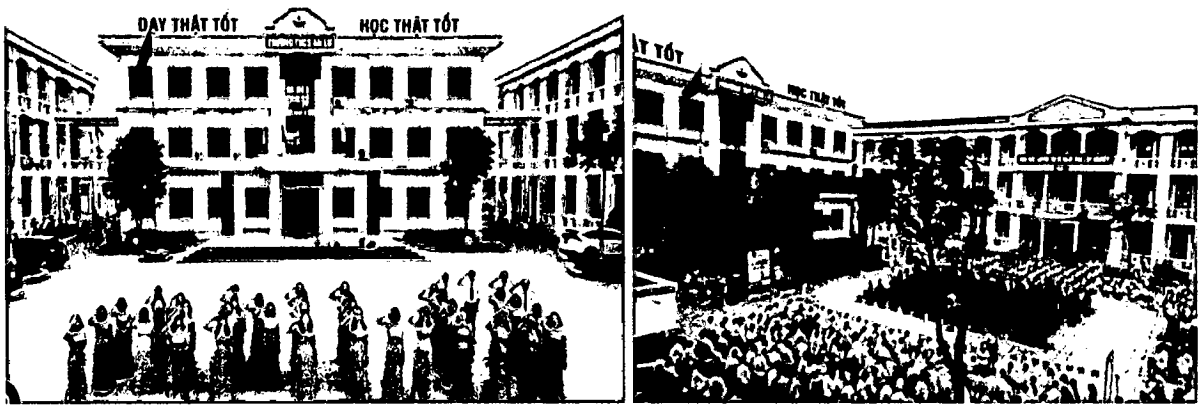

Trường THCS An Lư

- Y tế: duy trì trạm y tế đạt chuẩn quốc gia với diện tích 1.251 m^2 và thực hiện tốt công tác khám chữa bệnh đảm bảo nhu cầu chăm sóc sức khỏe của người dân trên địa bàn. Trạm y tế xã An Lư đã thực hiện khá hiệu quả việc quản lý, theo dõi sức khỏe của từng hộ, từng người dân trên địa bàn. Đồng thời, có đủ năng lực để chăm sóc sức khỏe ban đầu cho Nhân dân, hạn chế việc người dân phải nhập viện để khắc phục tình trạng quá tải bệnh viện.

Trạm y tế xã An Lư

6. Tình hình phát triển cơ sở hạ tầng

a) Giao thông

Trên địa bàn xã có tuyến đường 359 chạy qua đã và đang tạo điều kiện thuận lợi trong giao thương buôn bán với các khu vực lân cận. Bên cạnh đó, các tuyến đường liên thôn, liên xã được đấu nối hoàn chỉnh với tổng chiều dài là 25,38 km. Hạ tầng các tuyến đường cơ bản được nhựa hóa, cứng hóa đảm bảo nhu cầu đi lại của người dân địa phương.

Tuyến đường trên địa bàn xã An Lư

b) Cấp điện, chiếu sáng

Công tác sửa chữa, nâng cao chất lượng các thiết bị điện và tăng cường an toàn hệ thống cấp điện được thực hiện đồng bộ nhằm phục vụ tốt nhu cầu sử dụng của người dân. Chú trọng kết hợp cải tạo nâng cấp lưới điện để nâng độ tĩnh không đường dây, ngầm hóa lưới điện trong các khu đô thị, khu đông dân cư đảm bảo an toàn trong khai thác và vận hành. Tổng điện sinh hoạt trên địa bàn xã năm 2023 là 14.820.674 kwh; tỷ lệ đường phố chính được chiếu sáng đạt 97,64%.

c) Cấp, thoát nước

Hệ thống nước sạch trên địa bàn xã An Lư đã được xây dựng đồng bộ theo hệ thống giao thông và được đấu nối đến từng hộ gia đình trong xã. Hàng năm, xã chủ động lên phương án để sửa chữa, nâng cấp các đường ống cấp nước bị hư hỏng nhằm đảm bảo nước sạch được cung cấp thường xuyên, liên tục. Cùng với hạ tầng giao thông, các công trình cống, rãnh thoát nước cũng được triển khai xây dựng đồng bộ. UBND xã cũng chủ động bố trí nhân lực, phương tiện ứng trực tại những khu vực trọng điểm về ngập úng để kịp thời xử lý các tình huống phát sinh... Nhờ đó, ngay sau khi mưa tạnh, tình trạng ngập úng được xử lý, đảm bảo nhu cầu đi lại của người dân.

d) Vệ sinh môi trường

UBND xã đã tổ chức lồng ghép nhiều buổi hội nghị nhằm tăng cường chất lượng trong công tác tuyên truyền vận động, nâng cao ý thức, trách nhiệm, tạo thói quen của Nhân dân trong việc tự giữ gìn, bảo vệ môi trường. Phân loại, thu gom các loại chất thải sinh hoạt gia đình, để các tổ dịch vụ môi trường của các thôn vận chuyển về bãi rác tập trung tại khu vực bãi rác của xã. Các hoạt động tổ chức đoàn viên, thanh niên làm vệ sinh môi trường vào ngày chủ nhật hàng tuần tại các nơi công cộng được duy trì thực hiện. Năm 2023, tỷ lệ thu gom chất thải đạt 92,22%.

7. Tình hình quốc phòng, an ninh

a) Quốc phòng

Thực hiện các bước trong công tác tuyển chọn và gọi công dân nhập ngũ, tặng quà thanh niên lên đường nhập ngũ với chỉ tiêu giao quân là 24/23 thanh niên đạt 104,35% kế hoạch. Tiếp nhận và tặng quà cho quân nhân xuất ngũ trở về địa phương. Thực hiện và tổ chức tốt công tác đăng ký nghĩa vụ quân sự cho nam thanh niên trong độ tuổi 17.

Tiếp xúc thanh niên lên đường nhập ngũ và thực hiện nghĩa vụ năm 2023

b) An ninh

Công tác giữ gìn an ninh, trật tự và an toàn xã hội được giữ vững. Tổ chức thành công buổi diễn tập phòng cháy chữa cháy; thực hiện ký cam kết phòng cháy chữa cháy đến các hộ gia đình, các hộ kinh doanh và các cơ sở sản xuất. Phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc tiếp tục được nâng cao; các mô hình, điển hình tiên tiến tự quản về an ninh, trật tự được nhân rộng.

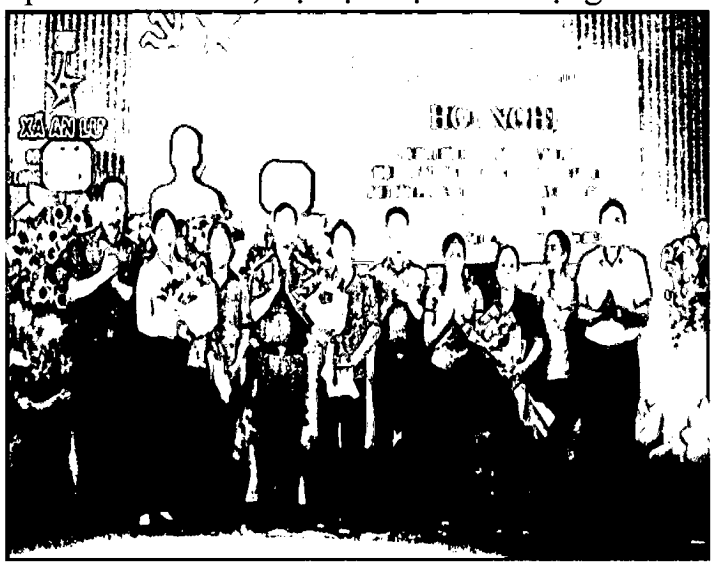

UBND xã An Lư ra mắt mô hình Camera an ninh và an toàn PCCC

8. Tổ chức bộ máy, biên chế cán bộ

a) Hội đồng nhân dân xã nhiệm kỳ 2021 - 2026

Tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân xã là 27 đại biểu.

Thường trực Hội đồng nhân dân xã gồm: Chủ tịch HĐND (do Phó Bí thư Đảng ủy kiêm nhiệm), 01 Phó Chủ tịch HĐND (hoạt động chuyên trách) và các ủy viên là Trưởng các Ban Hội đồng nhân dân xã.

Hội đồng nhân dân xã có 02 ban: Ban Kinh tế - xã hội và Ban Pháp chế; Trưởng ban, Phó Trưởng ban và các Ủy viên của các Ban Hội đồng nhân dân hoạt động kiêm nhiệm.

b) Ủy ban nhân dân xã

Cơ cấu tổ chức của Ủy ban nhân dân xã gồm: 01 Chủ tịch, 02 Phó Chủ tịch và Ủy viên phụ trách quân sự (Chỉ huy trưởng quân sự), Ủy viên phụ trách công an (Trưởng Công an xã).

Tổng số cán bộ, công chức biên chế được giao: 22 người; trong đó số biên chế hiện có mặt: 19 người, trong đó, cán bộ: 09 người, công chức: 10 người.

- Về trình độ chuyên môn: thạc sĩ: 03 người, đại học: 14 người, trung cấp: 02 người.

- Về trình độ lý luận chính trị: cao cấp: 01 người, trung cấp: 18 người.

VII. XÃ NGŨ LÃO

1. Lịch sử hình thành

Trước năm 1945, vùng đất Ngũ Lão thuộc tổng Kênh (Kinh) Triều gồm 07 làng. Sau Cách mạng tháng 8/1945, xã Ngũ Lão được thành lập trên cơ sở các làng của tổng Kinh Triều.

Đến tháng 10/1956, tách các làng Kinh Triều, Tuy Lạc để thành lập xã Thủy Triều và tách làng Chung Mỹ cùng với làng Hà Tây để thành lập xã Trung Hà. Lúc bấy giờ, xã Ngũ Lão còn lại 04 làng: Khương Lư, My Đông, My Sơn và Trung Sơn.

Cuối năm 1958, huyện Thủy Nguyên thuộc thành phố Hải Phòng, xã Ngũ Lão thuộc huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng hoạt động ổn định từ đó cho đến ngày nay với 11 thôn, bao gồm: thôn 1, thôn 2, thôn 3, thôn 4, thôn 5, thôn 6, thôn 7, thôn 8, thôn 9, thôn 10, thôn 11.

2. Địa giới hành chính

Nằm ở phía Đông Bắc của huyện Thủy Nguyên, cách trung tâm huyện khoảng 06 km, xã Ngũ Lão có địa giới hành chính như sau:

- Đông giáp xã Phục Lễ và xã Tam Hưng;

- Tây giáp xã Trung Hà và xã Thủy Triều;

- Nam giáp xã Lập Lễ;

- Bắc giáp thị trấn Minh Đức và xã Minh Tân.

3. Diện tích tự nhiên và cơ cấu các loại đất

Tính đến ngày 31/12/2023, xã Ngũ Lão có 6,44 km² diện tích tự nhiên, trong đó cơ cấu các loại đất như sau:

- Diện tích đất phi nông nghiệp: 2,46 km²; chiếm tỷ lệ 38,20%;

- Diện tích đất nông nghiệp: 3,73 km²; chiếm tỷ lệ 57,92%;

- Diện tích đất chưa sử dụng là 0,25 km²; chiếm tỷ lệ 3,88%.

4. Quy mô dân số và cơ cấu lao động

Tính đến ngày 31/12/2023, toàn xã có 14.306 người; trong đó dân số thường trú là 14.006 người, dân số tạm trú 300 người.

Tổng số người lao động trong các ngành kinh tế trên địa bàn xã là 7.468 người, trong đó:

- Lao động phi nông nghiệp: 6.516 người, chiếm 87,25%;

- Lao động nông nghiệp: 952 người, chiếm 12,75%.

5. Tình hình phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội

a) Về phát triển kinh tế

- Công nghiệp - xây dựng: xã đã tạo điều kiện thuận lợi để người dân phát triển các lĩnh vực như: sửa chữa cơ khí, điện tử, sản xuất vật liệu xây dựng, mộc, chế biến lương thực, thực phẩm,... đã và đang góp phần giải quyết việc làm và tạo nguồn thu nhập ổn định cho lao động trên địa bàn xã và các khu vực lân cận. Bên cạnh đó, các cơ sở sản xuất tiểu thủ công nghiệp cũng tăng cường đầu tư mua sắm trang thiết bị, mở rộng cơ sở sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm nhằm đáp ứng nhu cầu thị trường, mang lại hiệu quả kinh tế cao.

- Thương mại - dịch vụ: trên địa bàn xã có nhiều cơ sở sản xuất kinh doanh dịch vụ hoạt động trên các lĩnh vực như: vận tải hàng hóa, buôn bán tạp hóa,... được duy trì và hoạt động ổn định; từ đó đã góp phần đẩy mạnh phát triển kinh tế của địa phương cũng như giải quyết việc làm, tăng thu nhập cho người dân. Hệ thống chợ, siêu thị hoạt động ổn định với đa dạng các loại hình sản phẩm, mẫu mã cũng đáp ứng tốt nhu cầu mua sắm hàng hóa của người dân.

- Nông - lâm - thủy sản: UBND xã đã xây dựng kế hoạch hàng năm về sản xuất nông nghiệp, giao chỉ tiêu cho các thôn, đồng thời chuẩn bị các điều kiện sản xuất như: giống, phân bón, điều tiết nước, tập huấn hướng dẫn người dân phòng chống sâu bệnh, dịch bệnh, phổ biến; áp dụng khoa học công nghệ vào sản xuất, chăn nuôi nên kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn đã đạt được kết quả khả quan. Tổng sản lượng lương thực có hạt năm 2023 đạt 2.627 tấn.

- Thu, chi ngân sách: nhằm phấn đấu thực hiện tốt nhiệm vụ thu ngân sách góp phần hoàn thành các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội. UBND xã đã tăng cường công tác tuyên truyền, hỗ trợ người nộp thuế, phổ biến kịp thời đến người nộp thuế các chính sách thuế mới có hiệu lực; tăng cường khai thác nguồn thu ngân sách, chống thất thu, thu nợ đọng thuế, quản lý chặt chẽ nguồn thu từ các lĩnh vực. Đến nay, tổng thu ngân sách xã đạt 15,85 tỷ đồng; chi ngân sách là 15,45 tỷ đồng.

b) Về phát triển văn hóa - xã hội

- Văn hóa, thể dục - thể thao: phong trào xây dựng đời sống văn hóa, thực hiện nếp sống văn hóa trong việc cưới, việc tang và lễ hội đảm bảo tiết kiệm, an toàn được đẩy mạnh. 100% các thôn đều có nhà văn hóa cơ bản đáp ứng nhu cầu tham gia hoạt động thể dục - thể thao, rèn luyện sức khỏe của người dân. Trong năm, sân thể thao tại các thôn cũng được chính quyền xã quan tâm, đầu tư sửa chữa nhằm đảm bảo khả năng đáp ứng, hoạt động tốt của các công trình để phục vụ người dân.

- Giáo dục - đào tạo: trên địa bàn xã có 05 trường đều được công nhận đạt chuẩn quốc gia, trong đó: 02 trường mầm non có diện tích sử dụng là 11.400 m^2; 02 trường tiểu học có diện tích sử dụng là 10.400 m^2 và trường trung học cơ sở có diện tích sử dụng là 7.000 m^2. Hệ thống trường, lớp cơ bản đáp ứng được nhu cầu học tập của con em tại địa phương. Các trường đã hoàn thành tốt nhiệm vụ năm học 2022 - 2023, đồng thời triển khai kế hoạch dạy tốt, học tốt năm học 2023 - 2024, tiếp tục đổi mới phương pháp dạy học và điều chỉnh dạy học đúng theo tinh thần chỉ đạo của ngành.

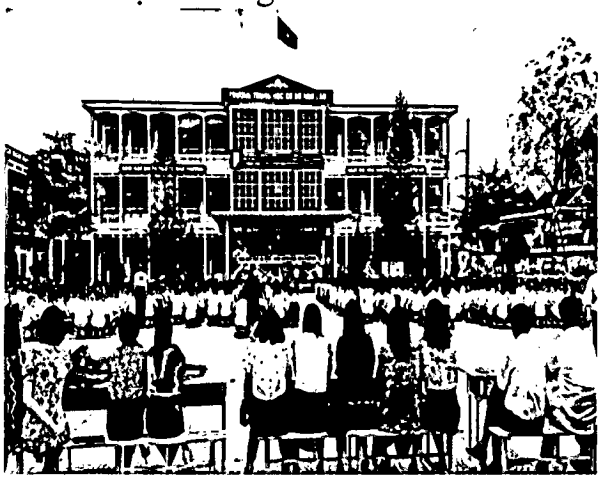

Trường THCS Ngũ Lão

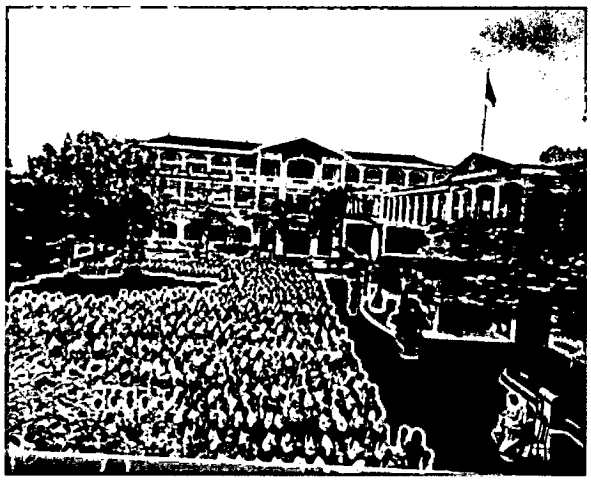

Trường tiểu học Ngũ Lão

- Y tế: trạm y tế xã có quy mô 1.246 m^2 đạt chuẩn quốc gia về y tế. Năm 2023, có 1.354 lượt khám, chữa bệnh tại trạm; 100% phụ nữ mang thai được khám tổng quát định kỳ; 100% trẻ em trong độ tuổi được tiêm chủng và uống Vitamin A.

Trạm y tế xã

6. Tình hình phát triển cơ sở hạ tầng

a) Giao thông

Hệ thống đường giao thông của xã khá tốt và đồng bộ. Tổng chiều dài các tuyến đường giao thông là 18,97 km đã được bê tông hóa, cứng hóa. Hầu hết các tuyến đường đều có đủ chiều rộng cần thiết tạo điều kiện thuận lợi trong việc giao lưu và phát triển kinh tế cũng như tiêu thụ các sản phẩm, nâng cao đời sống của người dân trên địa bàn.

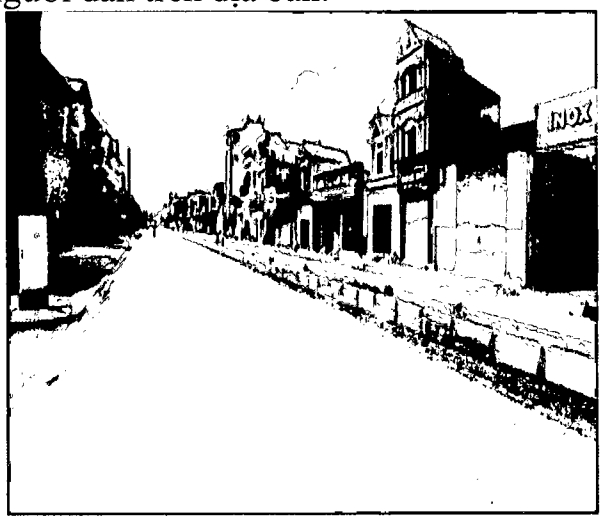

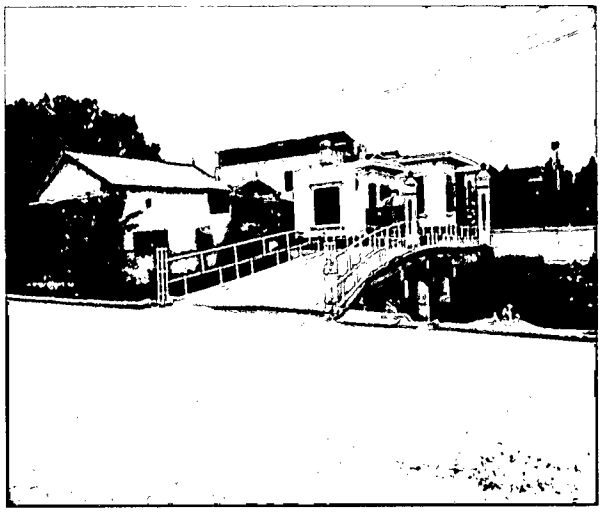

Đường giao thông trên địa bàn xã Ngũ Lão

b) Cấp điện, chiếu sáng

Hệ thống mạng lưới điện trung thế và hạ thế trên địa bàn xã được đầu tư phát triển nhanh, đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật và độ an toàn của lưới điện; tỷ lệ hộ dân trên địa bàn sử dụng điện đạt 100%, tỷ lệ các tuyến đường được chiếu sáng đạt 96,84%. Năm 2023, sản lượng điện phục vụ sinh hoạt là 6.650.725 kwh, đã cơ

bản tạo điều kiện thuận lợi trong phát triển kinh doanh, sản xuất và phục vụ tốt nhu cầu sinh hoạt của người dân.

c) Cấp, thoát nước

Những năm gần đây, UBND xã đã triển khai đầu tư xây dựng hệ thống cấp nước để đảm bảo nhu cầu sử dụng nước sạch của người dân. Ngoài ra, các hộ dân cũng sử dụng nước hợp vệ sinh từ nguồn nước mưa, nước giếng khoan được xử lý qua bể lọc đã đáp ứng nhu cầu sử dụng nước phục vụ sinh hoạt, sản xuất. Đến nay, tỷ lệ dân số đô thị được cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung và được sử dụng nguồn nước hợp vệ sinh đạt 100%. Hệ thống thoát nước trên địa bàn xã cơ bản đã được hoàn chỉnh đảm bảo khả năng thoát nước và không để xảy ra tình trạng ngập úng trong mùa mưa bão. Trong năm, xã Ngũ Lão đã tiến hành tu sửa và nâng cấp một số hạng mục thoát nước chính trên địa bàn.

d) Vệ sinh môi trường

Công tác bảo vệ môi trường luôn được quan tâm và đẩy mạnh, cơ bản đã đi vào nền nếp. Hàng tháng, chính quyền và các đoàn thể thường xuyên phát động phong trào vệ sinh đường làng, ngõ xóm sạch, đẹp. Thông qua phong trào từng thôn tổ chức cho các xã viên, thanh niên, học sinh tổng vệ sinh với các hoạt động như: phát quang bụi rậm, khơi thông, vệ sinh cống rãnh, thu gom chất thải sinh hoạt,... đồng thời thành lập các tổ tự quản vệ sinh môi trường; gắn với công tác tuyên truyền đến từng hộ dân trên địa bàn về các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường. Hoạt động thu gom, vận chuyển chất thải sinh hoạt được thực hiện hàng ngày, góp phần cải thiện môi trường cho các khu dân cư. Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom trên địa bàn năm 2023 đạt 92,55%.

7. Tình hình quốc phòng, an ninh

a) Quốc phòng

Duy trì nghiêm chế độ trực sẵn sàng chiến đấu, bảo vệ an toàn các mục tiêu. Thực hiện tốt công tác đăng ký nghĩa vụ quân sự tuổi 17, giao quân đạt chỉ tiêu huyện giao. Ban chỉ huy quân sự tham mưu cho UBND xã thành lập Hội đồng giáo dục quốc phòng, an ninh năm 2023 và Kế hoạch thực hiện giáo dục quốc phòng, an ninh theo phân cấp. Xây dựng đầy đủ các kế hoạch phòng không Nhân dân; kế hoạch công tác Đảng, công tác chính trị, kế hoạch phòng chống thiên tai,...

b) An ninh

Công an xã tích cực đấu tranh với các loại tội phạm và tệ nạn xã hội nhằm giữ vững an ninh, trật tự, an toàn xã hội. Tổ chức triển khai thực hiện các phương án bảo đảm an ninh, trật tự trên địa bàn trong dịp tết Nguyên đán. Tiếp tục triển khai thực hiện đợt cao điểm phòng ngừa, tấn công trấn áp tội phạm, đặc biệt là tội phạm trộm cắp. Tổ chức tuyên truyền thông báo rộng rãi về các phương thức hoạt động, thủ đoạn mới của các loại tội phạm; tính chất nguy hiểm và tác hại nghiêm

trọng của tội phạm có tổ chức nhằm cảnh báo, răn đe các đối tượng và nâng cao ý thức phòng tránh.

8. Tổ chức bộ máy, biên chế cán bộ

a) Hội đồng nhân dân xã nhiệm kỳ 2021 - 2026

Tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân xã là 26 đại biểu.

Thường trực Hội đồng nhân dân xã gồm: Chủ tịch HĐND (do Phó Bí thư Đảng ủy kiêm nhiệm), 01 Phó Chủ tịch HĐND (hoạt động chuyên trách) và các ủy viên là Trưởng các Ban Hội đồng nhân dân xã.

Hội đồng nhân dân xã có 02 ban: Ban Kinh tế - xã hội và Ban Pháp chế; Trưởng ban, Phó Trưởng ban và các Ủy viên của các Ban Hội đồng nhân dân hoạt động kiêm nhiệm.

b) Ủy ban nhân dân xã

Cơ cấu tổ chức của Ủy ban nhân dân xã gồm: 01 Chủ tịch, 01 Phó Chủ tịch và Ủy viên phụ trách quân sự (Chỉ huy trưởng quân sự), Ủy viên phụ trách công an (Trưởng Công an xã).

Tổng số cán bộ, công chức biên chế được giao: 20 người; trong đó số biên chế hiện có mặt: 18 người, trong đó, cán bộ: 10 người, công chức: 08 người.

- Về trình độ chuyên môn: thạc sĩ: 01 người, đại học: 15 người, cao đẳng: 01 người, trung cấp 01 người.

- Về trình độ lý luận chính trị: cao cấp: 01 người, trung cấp: 16 người, sơ cấp: 01 người.

VIII. XÃ LẬP LỄ

1. Lịch sử hình thành

Trước năm 1945, Lập Lễ là vùng đất thuộc tổng Phục Lễ. Sau Cách mạng tháng 8/1945, các đơn vị hành chính được bố trí lại, bỏ cấp tổng, thành lập xã mới, các làng chuyển thành thôn. Theo đó, các thôn Do Lễ, Đoan Lễ, Do Nghi hợp nhất thành xã Tam Tỉnh, các thôn Phục Lễ, Phả Lễ, Lập Lễ hợp nhất thành xã Phục Hưng.

Cuối năm 1956, các thôn Do Lễ, Đoan Lễ, Do Nghi vẫn thuộc xã Tam Hưng; còn các thôn Phục Lễ, Phả Lễ, Lập Lễ tách ra thành các xã mới, thuộc huyện Thủy Nguyên. Theo đó, xã Lập Lễ thuộc huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng và hoạt động ổn định cho đến nay với 08 thôn, bao gồm: Đầu Cầu, Lạch Sẽ, Đồng Mới, Đường Trưỡng, Láng Cáp, Đường Hương, Bảo Kiếm, Tân Lập.

2. Địa giới hành chính

Xã Lập Lễ nằm về phía Đông Nam của huyện Thủy Nguyên, xã có địa giới hành chính như sau:

- Đông giáp phường Phong Cốc, Yên Hải, thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh;

- Tây giáp xã Thủy Triều;

- Nam giáp phường Đông Hải 1, thuộc quận Hải An và xã Thủy Triều;

- Bắc giáp các xã Phả Lễ, Phục Lễ và Ngũ Lão.

3. Diện tích tự nhiên và cơ cấu các loại đất

Tính đến ngày 31/12/2023, xã Lập Lễ có 11,92 km² diện tích tự nhiên, trong đó cơ cấu các loại đất như sau:

- Diện tích đất phi nông nghiệp: 5,02 km²; chiếm tỷ lệ 42,11%;

- Diện tích đất nông nghiệp: 6,89 km²; chiếm tỷ lệ 57,80%;

- Diện tích đất chưa sử dụng là 0,01 km²; chiếm tỷ lệ 0,09%.

4. Quy mô dân số và cơ cấu lao động

Tính đến ngày 31/12/2023, toàn xã có 14.623 người; trong đó dân số thường trú là 14.532 người, dân số tạm trú 91 người.

Tổng số người lao động trong các ngành kinh tế trên địa bàn xã là 7.350 người, trong đó:

- Lao động phi nông nghiệp: 5.930 người, chiếm 80,68%;

- Lao động nông nghiệp: 1.420 người, chiếm 19,32%.

5. Tình hình phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội

a) Về phát triển kinh tế

- Công nghiệp - xây dựng: sản xuất tiểu thủ công nghiệp - xây dựng được duy trì ổn định. Đặc biệt, trên địa bàn xã có khu công nghiệp VSIP Hải Phòng đã góp phần giải quyết được lượng lao động dư thừa và tạo thu nhập ổn định cho người dân. Lập Lễ là xã gần biển có nghề đánh cá truyền thống; địa bàn xã có cảng cá Mắt Rồng là một trong những cảng cá lớn nhất của Hải Phòng; đây là nơi neo đậu của nhiều tàu có công suất lớn, đánh bắt xa bờ tại khu vực ngư trường Bạch Long Vĩ, vịnh Bắc Bộ.

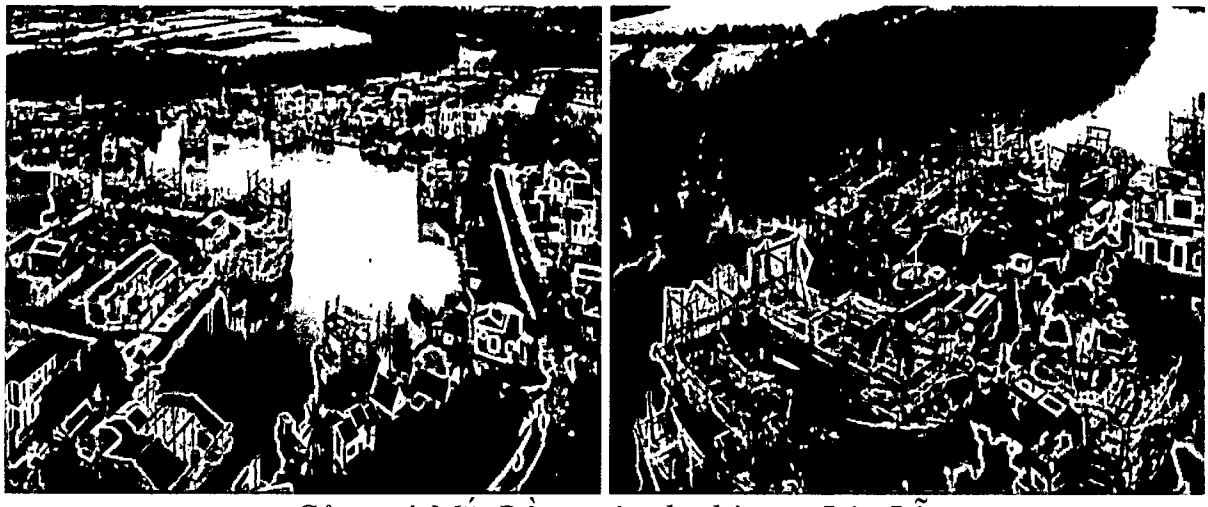

Cảng cá Mắt Rồng trên địa bàn xã Lập Lễ

- Thương mại - dịch vụ: tận dụng lợi thế có khu công nghiệp đóng trên địa bàn nên hoạt động thương mại, dịch vụ đang phát triển về các loại hình nhà trọ,

nhà nghỉ, nhà hàng,... góp phần mang lại nguồn thu nhập cho người dân. Hệ thống các cửa hàng bán lẻ của các doanh nghiệp, của người dân được phát triển dọc theo các tuyến đường kết nối đồng bộ với chợ Lập Lễ đáp ứng nhu cầu mua sắm trao đổi hàng hóa của người dân.

- Nông - lâm - thủy sản: tổng diện tích cấy lúa 02 vụ mùa đạt 190 ha, giảm 10 ha so với kế hoạch; năng suất bình quân cả năm đạt 69,5 tạ/ha. Diện tích trồng rau màu, cây ăn quả, cây vụ Đông 30 ha, trong đó chủ yếu là trồng su hào, cà chua và một số loại rau khác. Diện tích trồng rau màu vụ hè Thu, cây vụ Đông năm 2023 là 30 ha. Tình hình chăn nuôi trong hộ gia đình có chiều hướng dần ổn định do làm tốt công tác phòng, chống dịch. Sản lượng thu hoạch cá nước lợ năm 2023 đạt 3.500 tấn đạt 100% kế hoạch năm, sản lượng cá nước ngọt đạt 500 tấn đạt 115% kế hoạch.

- Thu, chi ngân sách: tăng cường công tác thu, nhất là các nguồn thu còn tồn đọng; xây dựng các biện pháp cụ thể để triển khai thu ngân sách; đảm bảo chi lương, chi cho các hoạt động của địa phương; hoàn thành chỉ tiêu thu, chi ngân sách. Trong năm, đã tập trung chỉ đạo thu các nguồn thu theo kế hoạch và thu các nguồn thu còn tồn đọng, nhất là nguồn thu về đất, công nợ của cấp trên. Tổng thu ngân sách xã năm 2023 đạt 12,52 tỷ đồng; tổng chi ngân sách là 11,93 tỷ đồng.

b) Về phát triển văn hóa - xã hội

- Văn hóa, thể dục - thể thao: công tác tuyên truyền các bản tin của UBND xã, các ban, ngành đoàn thể trên hệ thống loa máy được duy trì đúng giờ, đúng nội dung và đủ thời lượng với chất lượng tốt, đảm bảo người dân kịp thời nắm bắt được thông tin, chủ trương mới. Tuyên truyền, vận động người dân không đốt pháo nổ và thả đèn trời; tổng dọn vệ sinh môi trường đường làng, ngõ xóm; đảm bảo an toàn thực phẩm trước, trong và sau tết. Công tác văn nghệ, thể thao được duy trì với các câu lạc bộ về thơ, hát đúm, cầu lông, tạo điều kiện cho các câu lạc bộ khiêu vũ, câu lạc bộ yoga có địa điểm để sinh hoạt tại các nhà văn hóa các thôn. Làm hồ sơ trợ cấp xã hội hàng tháng cho 63 trường hợp, hỗ trợ các trường hợp khó khăn đột xuất cho 05 đối tượng; lập danh sách đề nghị 75 người có công được hưởng điều dưỡng tại gia đình.

- Giáo dục - đào tạo: công tác phổ cập giáo dục tiếp tục được duy trì tốt, các trường tiếp tục được đầu tư xây mới cơ sở vật chất, cải tạo, sửa chữa hướng tới mục tiêu xây dựng trường học an toàn, đáp ứng tốt các điều kiện dạy và học. Hiện cả 3 trường học (mầm non Lập Lễ, tiểu học Lập Lễ, trung học cơ sở Lập Lễ) trên địa bàn đều đã được công nhận đạt chuẩn quốc gia mức độ 1 và hoàn thành kiểm định chất lượng giáo dục. Tổng số học sinh cả 03 trường có 70 lớp và 2.610 học sinh trong đó: trường trung học cơ sở có 19 lớp, 767 học sinh; trường tiểu học có 31 lớp, 1.203 học sinh; trường mầm non: có 20 lớp với tổng số 640 cháu. Kết thúc năm học 2022 - 2023, các trường học trên địa bàn đã hoàn thành tốt nhiệm vụ năm học.

- Y tế: Lập Lễ có 01 trạm y tế có diện tích 2.660 m^2 đã đạt chuẩn quốc gia; năm 2023, trạm y tế đã làm tốt chương trình y tế quốc gia, chăm sóc sức khỏe ban đầu cho Nhân dân và công tác phòng, chống các dịch bệnh. Tổ chức cho trẻ em uống vitamin A trong độ tuổi đợt 1 được 779/820 đạt 95%. Tổ chức kiểm tra vệ sinh an toàn thực phẩm đối với một số cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống, chế biến thực phẩm trên địa bàn xã.

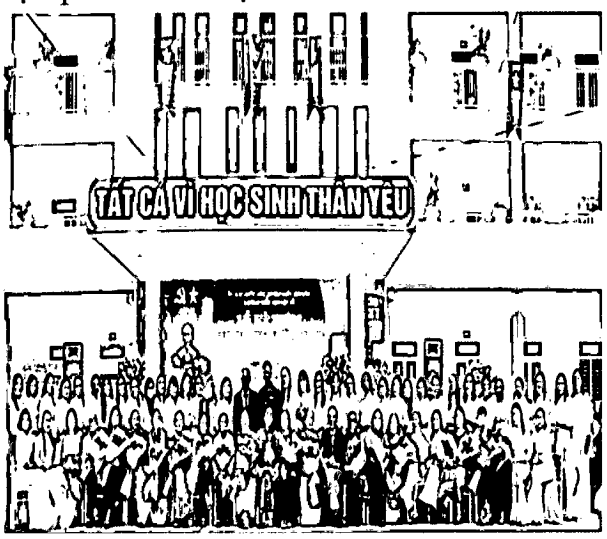

Trường tiểu học Lập Lễ

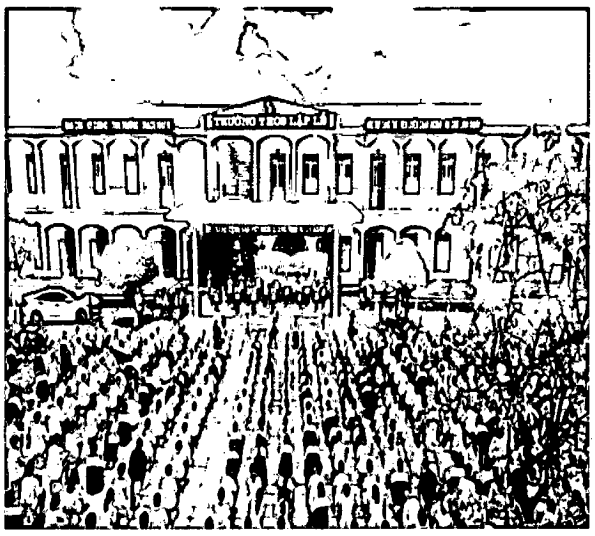

Trường THCS Lập Lễ

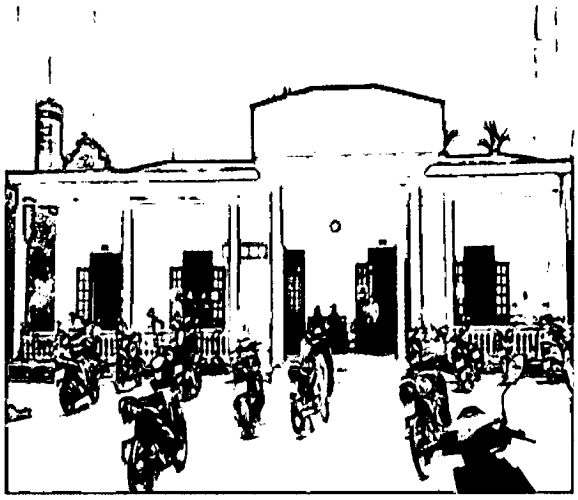

Trạm y tế xã Lập Lễ

6. Tình hình phát triển cơ sở hạ tầng

a) Giao thông

Những năm qua, hệ thống giao thông được tập trung đầu tư, nâng cấp, bảo đảm sự kết nối giữa các thôn với trung tâm xã, tạo nên mạng lưới giao thông đồng bộ và hoàn chỉnh, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội. Hệ thống đường giao thông liên xã, liên thôn đã được cứng hóa, bê tông hóa đáp ứng nhu cầu đi lại và lưu thông hàng hóa của người dân.

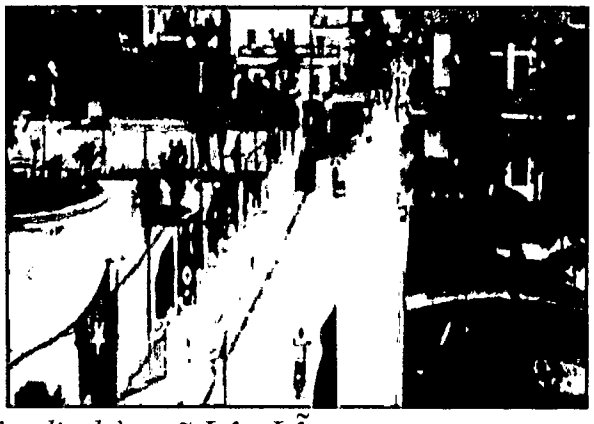

Đường giao thông trên địa bàn xã Lập Lễ

b) Cấp điện, chiếu sáng

Thực hiện mục tiêu đảm bảo địa bàn xã có hệ thống điện chiếu sáng khi về đêm; do đó, việc lắp đặt các hệ thống điện chiếu sáng ở các trục đường chính, đường ngõ, xóm đã nhận được sự đồng tình hưởng ứng của đông đảo người dân. Phong trào "Thắp sáng đường quê" đã và đang làm cho diện mạo của xã thay đổi theo hướng tích cực, góp phần tạo mỹ quan, văn minh hơn trong đời sống sinh hoạt. Tổng điện năng sinh hoạt của xã năm 2023 là 28.988.061 kwh/năm.

c) Cấp, thoát nước

Nguồn nước sinh hoạt của xã được cấp từ nhà máy cấp nước đảm bảo quy định. Nước sạch được cung cấp qua hệ thống đường ống cấp nước được thường xuyên, không bị gián đoạn. Một số hộ nằm xa trung tâm xã sử dụng nước giếng khoan, nước mưa qua hệ thống bể lọc. Tỷ lệ hộ dân được cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung và được sử dụng nguồn nước hợp vệ sinh năm 2023 đạt 100%. Tổng chiều dài đường cống thoát nước của xã là 5,49 km. Năm 2023, xã đã chỉ đạo tập trung nạo vét, thu dọn vật cản khơi thông dòng chảy các tuyến mương, cống, rãnh đan; phối hợp với đơn vị khai thác công trình thủy lợi Thủy Nguyên, điều tiết mực nước đệm và tiêu úng kịp thời trong mùa mưa bão.

d) Vệ sinh môi trường

Thực hiện tốt mô hình thu gom chất thải, tăng cường chỉ đạo tổ chức thu gom chất thải ở các khu vực đến bãi rác tập trung để xử lý. Kiểm tra, phát hiện và xử lý những trường hợp cố ý gây ô nhiễm môi trường. Công tác thu gom chất thải tiếp tục được thực hiện, việc thu phí vận chuyển rác đã đi vào nền nếp. Hàng ngày tổ vệ sinh môi trường thu gom và vận chuyển rác ra bãi rác để xử lý. Tỷ lệ chất thải rắn được thu gom trên địa bàn năm 2023 đạt 90,02%.

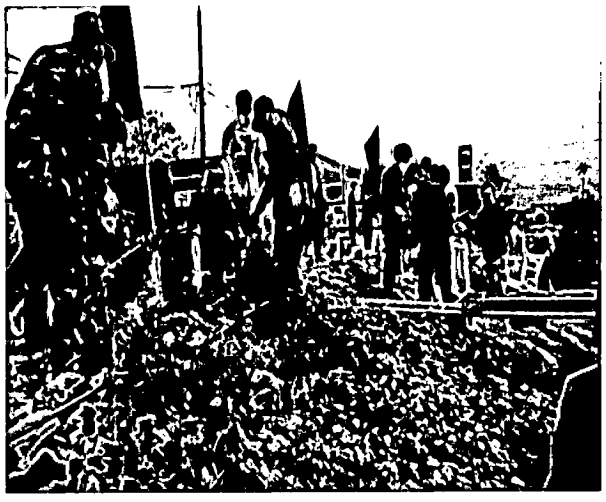

Đoàn viên, thanh niên các đơn vị thu gom rác

7. Tình hình quốc phòng, an ninh

a) Quốc phòng

Công tác quốc phòng được giữ vững, duy trì nghiêm chế độ trực sẵn sàng chiến đấu. Năm 2023, tổ chức ra quân huấn luyện được 27 đồng chí; huấn luyện dân quân năm thứ nhất 27 đồng chí; tổ chức đăng ký nghĩa vụ quân sự nam công dân tuổi 17; đã chuyển 03 hồ sơ giải quyết chế độ cho quân nhân tham gia bảo vệ biên giới, hải đảo, làm nghĩa vụ quốc tế. Gửi Ban chỉ huy quân sự huyện 27 hồ sơ chế độ dân công hỏa tuyến. Tiếp tục làm hồ sơ cho đối tượng được hưởng các chế độ theo quy định; công tác khám sơ tuyển nghĩa vụ quân sự đảm bảo theo quy định.

b) An ninh

Đảm bảo tốt an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội; giải quyết tốt các vụ việc xảy ra; tăng cường tuần tra, phòng chống nạn trộm cắp, ngăn chặn làm giảm các tệ nạn ma túy, bài bạc,... tuyên truyền vận động Nhân dân không buôn bán, vận chuyển, tàng trữ và đốt các loại pháo, thả đèn trời. Ban Công an xã thường xuyên tuần ra chốt điểm đêm để phát hiện và ngăn chặn các vi phạm. Tiếp tục triển khai công tác ký cam kết phòng cháy chữa cháy đến các hộ gia đình trên địa bàn xã. Thường xuyên đi kiểm tra, nhắc nhở các quán ăn, nhà hàng, quán karaoke, quán internet, hoạt động theo đúng thời gian quy định.

8. Tổ chức bộ máy, biên chế cán bộ

a) Hội đồng nhân dân xã nhiệm kỳ 2021 - 2026

Tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân xã là 27 đại biểu.

Thường trực Hội đồng nhân dân xã gồm: Chủ tịch HĐND (do Phó Bí thư Đảng ủy kiêm nhiệm), 01 Phó Chủ tịch HĐND (hoạt động chuyên trách) và các ủy viên là Trưởng các Ban Hội đồng nhân dân xã.

Hội đồng nhân dân xã có 02 ban: Ban Kinh tế - xã hội và Ban Pháp chế; Trưởng ban, Phó Trưởng ban và các Ủy viên của các Ban Hội đồng nhân dân hoạt động kiêm nhiệm.

b) Ủy ban nhân dân xã

Cơ cấu tổ chức của Ủy ban nhân dân xã gồm: 01 Chủ tịch, 02 Phó Chủ tịch và Ủy viên phụ trách quân sự (Chỉ huy trưởng quân sự), Ủy viên phụ trách công an (Trưởng Công an xã).

Tổng số cán bộ, công chức biên chế được giao: 22 người; trong đó số biên chế hiện có mặt: 21 người, trong đó, cán bộ: 10 người, công chức: 11 người.

- Về trình độ chuyên môn: thạc sĩ: 04 người, đại học: 16 người, trung cấp: 01 người.

- Về trình độ lý luận chính trị: cao cấp: 01 người, trung cấp: 17 người, sơ cấp: 03 người.

IX. XÃ TAM HƯNG

1. Lịch sử hình thành

Trước năm 1945, vùng đất Tam Hưng thuộc tổng Phục Lễ, huyện Thủy Đường. Sau Cách mạng tháng 8/1945, các đơn vị hành chính được bố trí lại, bỏ cấp tổng, thành lập xã mới, các làng chuyển thành thôn. Theo đó, các thôn Do Lễ, Đoan Lễ, Do Nghi hợp nhất thành xã Tam Tỉnh, các thôn Phục Lễ, Phả Lễ, Lập Lễ hợp nhất thành xã Phục Hưng.

Tháng 11/1946, hợp nhất 02 xã Tam Tỉnh và Phục Hưng thành 01 xã lấy tên là Tam Hưng. Lúc bấy giờ, xã Tam Hưng gồm 07 thôn.

Cuối năm 1956, các thôn Phục Lễ, Phả Lễ, Lập Lễ mỗi thôn tách ra thành 01 xã mới còn lại các thôn Do Lễ, Đoan Lễ, Do Nghi vẫn thuộc xã Tam Hưng.

Cuối năm 1958, huyện Thủy Nguyên thuộc thành phố Hải Phòng, xã Tam Hưng thuộc huyện Thủy Nguyên và ổn định cho đến nay với 06 thôn, bao gồm: thôn 1, thôn 2, thôn 3, thôn 4, thôn 5, thôn 6.

2. Địa giới hành chính

Tam Hưng là xã nằm ở phía Đông Bắc của huyện Thủy Nguyên, xã có địa giới hành chính như sau:

- Đông giáp phường Yên Giang và phường Nam Hòa thuộc thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh;

- Tây giáp xã Ngũ Lão và xã Phục Lễ;

- Nam giáp xã Phục Lễ;

- Bắc giáp thị trấn Minh Đức.

3. Diện tích tự nhiên và cơ cấu các loại đất

Tính đến ngày 31/12/2023, xã Tam Hưng có 7,22 km² diện tích tự nhiên, trong đó cơ cấu các loại đất như sau:

- Diện tích đất phi nông nghiệp: 5,45 km²; chiếm tỷ lệ 75,49%;

- Diện tích đất nông nghiệp: 1,65 km²; chiếm tỷ lệ 22,85%;

- Diện tích đất chưa sử dụng là 0,12 km²; chiếm tỷ lệ 1,66%.

4. Quy mô dân số và cơ cấu lao động

Tính đến ngày 31/12/2023, toàn xã có 8.200 người; trong đó dân số thường trú là 8.125 người, dân số tạm trú 75 người.

Tổng số người lao động trong các ngành kinh tế trên địa bàn xã là 5.358 người, trong đó:

- Lao động phi nông nghiệp: 4.499 người, chiếm 83,97%;

- Lao động nông nghiệp: 859 người, chiếm 16,03%.

5. Tình hình phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội

a) Về phát triển kinh tế

- Công nghiệp - xây dựng: xã Tam Hưng là cầu nối giữa huyện Thủy Nguyên và thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh qua bến Phà Rừng đã tạo điều kiện thuận lợi để ngành công nghiệp có bước tăng trưởng vượt trội. Nhìn chung, ngành tiểu thủ công nghiệp - xây dựng ổn định, lượng hàng hóa xuất ra thị trường đa dạng và mang lại hiệu quả cao. Trên địa bàn xã có nhiều cửa hàng kinh doanh, sản xuất nhỏ lẻ, như: mộc, cơ khí, hàn xì cũng tạo nguồn thu nhập ổn định cho người dân.

- Thương mại - dịch vụ: tiểu thủ công nghiệp hình thành và phát triển đã tạo bước đột phá trong nhiều lĩnh vực như dịch vụ thương mại. Hiện nay trong xã có hàng trăm hộ làm kinh doanh, buôn bán, mở mang các dịch vụ. Với các loại hình dịch vụ đa dạng từ cung cấp tiêu thụ nông sản, lương thực thực phẩm, dịch vụ ăn uống, xây nhà trọ, các dịch vụ vui chơi giải trí... góp phần đáp ứng nhu cầu của công nhân làm việc trong các doanh nghiệp và địa phương. Nhiều hộ đầu tư vài trăm triệu đồng kinh doanh xe chở khách, xe vận tải... Từ các loại hình dịch vụ đó đã tạo việc làm cho lao động góp phần nâng cao thu nhập, đời sống của người dân.

- Nông - lâm - thủy sản: tổng diện tích gieo cấy 126,76 ha, tăng 5,19 ha so với cùng kỳ năm 2022; năng suất vụ mùa đạt 69 tạ/ha tăng so với cùng kỳ năm 2022 là 6 tạ/ha. Công tác nuôi trồng, đánh bắt thủy hải sản được duy trì tốt với diện tích nuôi trồng là 23,5 ha (trong đó cá 18,36 ha, tôm: 5,14 ha), sản lượng đạt 105,5 tấn. Công tác phòng chống dịch bệnh cho đàn gia súc, gia cầm cũng được thực hiện tốt, không để dịch bệnh xảy ra trên địa bàn xã.

- Thu, chi ngân sách: thực hiện có hiệu quả công tác đấu tranh phòng chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở. Tăng cường công tác thu ngân sách đáp ứng yêu cầu chi hoạt động của các ban, ngành, đoàn thể. Năm 2023, công tác thu ngân sách của xã đạt 7,60 tỷ đồng; chi ngân sách xã là 7,55 tỷ đồng.

b) Về phát triển văn hóa - xã hội

- Văn hóa, thể dục - thể thao: tăng cường công tác phát thanh tuyên truyền trên hệ thống thông tin đại chúng về các chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật Nhà nước và những quy định của địa phương kịp thời tới các tầng lớp Nhân dân. Huy động các nguồn lực đầu tư, xã hội hóa xây dựng, nâng cấp, chỉnh trang các sân chơi, bãi tập, mua sắm các trang thiết bị, dụng cụ phục vụ luyện tập thể dục thể thao tại các nhà văn hóa thôn và các khu vực công cộng trên địa bàn để thu hút Nhân dân tham gia tập luyện. Quản lý và chi trả trợ cấp hàng tháng cho người có công đúng, đủ, kịp thời... Tổ chức trao quà tết của chủ tịch nước, thành phố và quà của xã cho các gia đình chính sách, hộ nghèo, hộ cận nghèo là 465 suất; tổ chức tặng quà cho các gia đình chính sách người có công được 264 suất.

- Giáo dục - đào tạo: phát triển hạ tầng giáo dục nhằm đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản và toàn diện; đồng thời, củng cố và hoàn thiện mạng lưới trường, lớp học; duy trì, nâng cao cơ sở vật chất, thiết bị trường học đạt chuẩn quốc gia. Năm học 2022 - 2023, các nhà trường đã tiếp tục chỉ đạo nâng cao chất lượng giáo dục, duy trì sĩ số; duy trì nền nếp học tập, kiểm soát chất lượng dạy và học. Thiết bị dạy học được quan tâm đầu tư đúng mức, cơ bản đáp ứng nhu cầu dạy học ở các trường như phòng học ngoại ngữ, phòng tin học, máy chiếu, phần mềm soạn giảng, máy photocopy,... Hiện trên địa bàn xã Tam Hưng có 04 trường gồm trường mầm non Tam Hưng, trường mầm non tư thục Nam Triệu, trường tiểu học Tam Hưng và trường trung học cơ sở Tam Hưng đều đạt chuẩn quốc gia đảm bảo nhu cầu học tập của con em địa phương.

Trường tiểu học Tam Hưng

Trường mầm non Tam Hưng

- Y tế: duy trì trạm y tế đạt chuẩn quốc gia và nâng cao chất lượng khám chữa bệnh cho Nhân dân. Năm 2023, trạm y tế đã thực hiện tốt công tác tiêm chủng mở rộng, không để dịch bệnh xảy ra trên địa bàn. Duy trì tốt lịch tiêm chủng mở rộng cho trẻ em. Kết quả công tác khám chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe ban đầu cho Nhân dân: tổng số bệnh nhân được khám và chữa bệnh tại trạm là 2.509 lượt người, tiêm chủng đủ cho trẻ dưới 01 tuổi đạt tỷ lệ cao; tỷ lệ tiêm vắc xin phòng bệnh bại liệt đạt 98,4%; tỷ lệ uống Vitamin A đạt 100%.

6. Tình hình phát triển cơ sở hạ tầng

a) Giao thông

Trên địa bàn xã có đường 359 chạy qua, kết nối đồng bộ từ bến Phà Rừng tới các trục đường chính của xã đảm bảo nhu cầu đi lại, vận chuyển hàng hóa của người dân. Năm 2023, xã đã tập trung nâng cấp, cải tạo đường liên thôn và đấu nối với các tuyến đường chính nhằm đáp ứng nhu cầu giao thông, đi lại của Nhân dân địa phương.

Giao thông trên địa bàn xã Tam Hưng

b) Cấp điện, chiếu sáng

Bên cạnh việc nâng cấp cải tạo hệ thống giao thông, hệ thống điện chiếu sáng, đường dây điện cũng được đầu tư với hệ thống chiếu sáng bằng cột thép, hệ thống biển báo an toàn giao thông, sơn vạch, kẻ đường. Đến nay, hệ thống lưới điện sinh hoạt của xã gồm: 17 km đường dây trung thế, 35 km đường dây hạ thế và có 10 trạm biến áp. Năm 2023, sản lượng điện phục vụ sinh hoạt của xã là 7.253.739 kwh; tỷ lệ hộ dân sử dụng điện đạt 100% đã tạo điều kiện thuận lợi cho người dân phát triển sản xuất kinh doanh và phục vụ tốt đời sống sinh hoạt.

c) Cấp, thoát nước

Được sự quan tâm của các cấp chính quyền, công tác đưa nước sạch tới các hộ gia đình trên địa bàn xã được thực hiện có hiệu quả. Mạng lưới cung cấp nước sạch đã được lắp đặt trên địa bàn xã cơ bản đảm bảo nhu cầu sử dụng nước sạch của người dân vào sinh hoạt. Ngoài ra, các hộ gia đình, cơ sở sản xuất nằm xa trung tâm xã sử dụng nguồn nước giếng khoan được xử lý thông qua bể lọc đảm bảo hợp vệ sinh đáp ứng nhu cầu sử dụng. Năm 2023, tỷ lệ người dân được cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung và được sử dụng nguồn nước hợp vệ sinh đạt 100%. Xã Tam Hưng có 8,25 km chiều dài đường cống thoát nước chính. Hệ thống các đường cống thoát nước, mương tiêu thoát nước thường xuyên được tu sửa đảm bảo thông thoáng cho việc thoát nước khi có mưa lớn xảy ra.

d) Vệ sinh môi trường

Các phong trào bảo vệ môi trường cụ thể như: dọn vệ sinh tại nơi sinh sống, các trục đường giao thông, phát quang bụi rậm, khơi thông dòng chảy được duy trì thực hiện. Phong trào vận động Nhân dân ra quân làm tổng vệ sinh đường làng ngõ xóm; phối hợp với đơn vị thu gom để tiến hành thu gom chất thải sinh hoạt trong địa bàn khu dân cư mang đi xử lý đảm bảo vệ sinh môi trường được thực

hiện đồng đều. Duy trì tổ tự quản quét dọn các tuyến đường, đảm bảo môi trường xanh sạch đẹp góp phần cải thiện môi trường sống. Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom trên địa bàn năm 2023 đạt 91,12%.

7. Tình hình quốc phòng, an ninh

a) Quốc phòng

Công tác quốc phòng, quân sự được cấp ủy, chính quyền các cấp triển khai thực hiện đồng bộ, hiệu quả. Duy trì nghiêm túc chế độ trực chỉ huy, trực ban, trực sẵn sàng chiến đấu. Hoàn thành 100% chỉ tiêu kế hoạch tuyển quân năm 2023. Thực hiện tốt các nhiệm vụ quân sự, quốc phòng gắn với phát triển kinh tế xã hội. Hoàn thành chỉ tiêu tuyển chọn gọi công dân nhập ngũ năm 2023 là 10/10 thanh niên. Đăng ký tuổi 17 được 49/49 thanh niên đạt 100%. Rà soát nam công dân trong độ tuổi thực hiện nghĩa vụ quân sự (phục vụ trong ngạch dự bị) sắp xếp vào đơn vị dự bị động viên.

b) An ninh

Công tác đảm bảo an ninh, trật tự, an toàn xã hội của Tam Hưng được triển khai đồng bộ, đạt được những kết quả quan trọng, không để xảy ra đột xuất, bất ngờ, tạo điều kiện, môi trường thuận lợi cho việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ chính trị, phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Công an xã đã xây dựng, tham mưu kịp thời các phương án, kế hoạch, tổ chức tuần tra, chốt kiểm tra hành chính trên toàn bộ địa bàn xã. Nâng cao hiệu quả phối hợp giữa lực lượng Công an với ban chỉ huy quân sự xã trong thực hiện nhiệm vụ bảo đảm trật tự an toàn xã hội. Phối hợp bảo vệ tuyệt đối an toàn các mục tiêu, sự kiện chính trị quan trọng, công tác giải phóng mặt bằng triển khai các công trình, dự án trọng điểm không để bị động, bất ngờ trong mọi tình huống.

8. Tổ chức bộ máy, biên chế cán bộ

a) Hội đồng nhân dân xã nhiệm kỳ 2021 - 2026

Tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân xã là 25 đại biểu.

Thường trực Hội đồng nhân dân xã gồm: Chủ tịch HĐND (do Bí thư Đảng ủy kiêm nhiệm), 01 Phó Chủ tịch HĐND (hoạt động chuyên trách) và các ủy viên là Trưởng các Ban Hội đồng nhân dân xã.

Hội đồng nhân dân xã có 02 ban: Ban Kinh tế - xã hội và Ban Pháp chế; Trưởng ban, Phó Trưởng ban và các Ủy viên của các Ban Hội đồng nhân dân hoạt động kiêm nhiệm.

b) Ủy ban nhân dân xã

Cơ cấu tổ chức của Ủy ban nhân dân xã gồm: 01 Chủ tịch, 01 Phó Chủ tịch và Ủy viên phụ trách quân sự (Chỉ huy trưởng quân sự), Ủy viên phụ trách công an (Trưởng Công an xã).

Tổng số cán bộ, công chức biên chế được giao: 20 người; trong đó số biên chế hiện có mặt: 16 người, trong đó, cán bộ: 08 người, công chức: 08 người.

- Về trình độ chuyên môn: đại học: 15 người, trung cấp: 01 người.

- Về trình độ lý luận chính trị: trung cấp: 15 người, sơ cấp: 01 người.

C. LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ HIỆN TRẠNG CỦA CÁC ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH SẮP XẾP ĐỂ THÀNH LẬP PHƯỜNG

I. XÃ TÂN DƯƠNG

1. Lịch sử hình thành

Trước năm 1945, vùng đất Tân Dương có tên là làng Lỗi Dương, sau đổi thành xã Lỗi Dương. Năm 1901, làng Tân Dương được tách ra từ một phần diện tích tự nhiên và dân số của xã Lỗi Dương. Năm 1956, xã Tân Dương được thành lập trên cơ sở làng Tân Dương và hoạt động ổn định từ đó cho đến nay với 08 thôn, bao gồm: thôn 1, thôn 2, thôn 3, thôn 4, thôn 5, thôn 6, thôn 7, thôn Đường 10.

2. Địa giới hành chính

Xã Tân Dương nằm ở phía Nam huyện Thủy Nguyên, bờ Bắc của sông Cấm, có địa giới hành chính như sau:

- Đông giáp xã Dương Quan;

- Tây giáp xã Hoa Động;

- Nam giáp các phường Thượng Lý, Hạ Lý, Minh Khai thuộc quận Hồng Bàng và Máy Tơ thuộc quận Ngô Quyền;

- Bắc giáp xã Thủy Sơn và xã Thủy Đường.

3. Diện tích tự nhiên và cơ cấu các loại đất

Tính đến ngày 31/12/2023, xã Tân Dương có 4,614 km² diện tích tự nhiên, trong đó cơ cấu các loại đất như sau:

- Diện tích đất phi nông nghiệp: 4,11 km²; chiếm tỷ lệ 89,07%;

- Diện tích đất nông nghiệp: 0,50 km²; chiếm tỷ lệ 10,84%;

- Diện tích đất chưa sử dụng là 0,004 km²; chiếm tỷ lệ 0,09%.

4. Quy mô dân số và cơ cấu lao động

Tính đến ngày 31/12/2023, toàn xã có 11.440 người; trong đó dân số thường trú là 11.187 người, dân số tạm trú 253 người.

Tổng số người lao động trong các ngành kinh tế trên địa bàn xã là 5.880 người, trong đó:

- Lao động phi nông nghiệp: 5.782 người, chiếm 98,33%;

- Lao động nông nghiệp: 98 người, chiếm 1,67%.

5. Tình hình phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội

a) Về phát triển kinh tế

- Công nghiệp - xây dựng: với vị trí nằm cạnh khu công nghiệp VSIP Hải Phòng nên ngành tiểu thủ công nghiệp được phát triển phù hợp với quá trình đô thị hóa. Một số lĩnh vực được tập trung phát triển như: chế biến gỗ, sản xuất đồ mộc, cơ khí,... Công tác giải phóng mặt bằng để triển khai các dự án phát triển đô thị được thực hiện tốt như: dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đô thị mới Bắc sông Cấm; cải tạo, nâng cấp tuyến đường tỉnh 359 - giai đoạn 2; đường vào khu tái định cư đường 359;...

- Thương mại - dịch vụ: những năm gần đây, ngành thương mại - dịch vụ có tốc độ tăng trưởng khá, loại hình dịch vụ ngày càng đa dạng góp phần giải quyết việc làm cho người lao động; nhiều cơ sở sản xuất kinh doanh phát triển mạnh, nhất là dịch vụ vật tư cho nông nghiệp và dịch vụ thức ăn gia súc, gia cầm, vật liệu xây dựng,... cơ bản đã đáp ứng nhu cầu mua, bán trên địa bàn xã. Lợi thế nằm cạnh khu công nghiệp nên các loại hình dịch vụ như ăn uống, nghỉ dưỡng, vui chơi giải trí ngày càng phát triển, dịch vụ cho thuê nhà trọ và các cửa hàng tiện lợi, siêu thị mini cũng phát triển theo.

- Nông - lâm - thủy sản: công tác phòng trừ sâu bệnh trong sản xuất nông nghiệp được tập trung chỉ đạo; năng suất lúa bình quân đạt 54 tạ/ha. Tổ chức tuyên truyền, vận động người dân gieo cấy đúng lịch mùa vụ, làm thủy lợi nội đồng, cung cấp đủ nước cho sản xuất. Tăng cường kiểm tra sâu bệnh trên đồng ruộng, thường xuyên thông báo tình hình diễn biến sâu bệnh hại lúa để các hộ dân phòng trừ sâu bệnh kịp thời. Vận động Nhân dân đưa giống mới, giống có năng suất vào gieo trồng đạt hiệu quả cao.

- Thu, chi ngân sách: xã thường xuyên kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện thu ngân sách, tăng cường các biện pháp phù hợp để thu nợ, phí, lệ phí và các nguồn thu theo quy định. Chi ngân sách được thực hiện tiết kiệm, hiệu quả. Tổng thu ngân sách năm 2023 cả xã đạt 9,77 tỷ đồng, chi ngân sách xã là 8,67 tỷ đồng.

b) Về phát triển văn hóa - xã hội

- Văn hóa, thể dục - thể thao: trong năm, Ban văn hóa xã phối hợp với các Ban, hội tổ chức tốt các hoạt động thông tin tuyên truyền, cổ động trực quan, văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao chào mừng các ngày lễ lớn. Cơ sở vật chất, các trang thiết bị, dụng cụ, sân chơi, bãi tập cho việc rèn luyện thể dục - thể thao đã được đầu tư xây dựng quy mô, tổ chức tốt các hoạt động tập luyện, giao lưu, thi đấu thể thao để lan tỏa và nhân rộng phong trào, tạo khí thế, tinh thần thể thao, nâng cao sức khỏe cho người dân. Thực hiện chi trả quà tết Nguyên đán cho 08 hộ nghèo, 79 hộ cận nghèo; chi trả quà tết Nguyên đán cho đối tượng người có công là 436 suất.

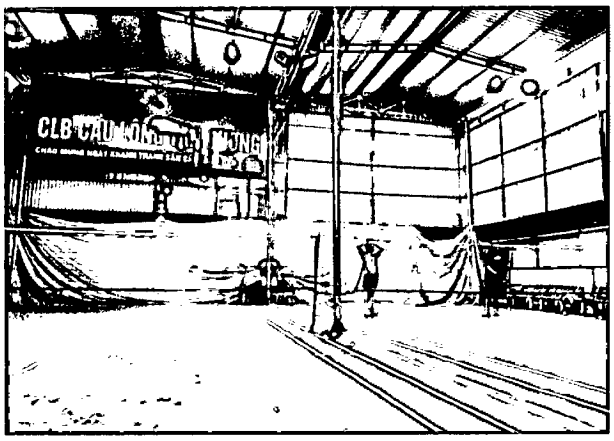
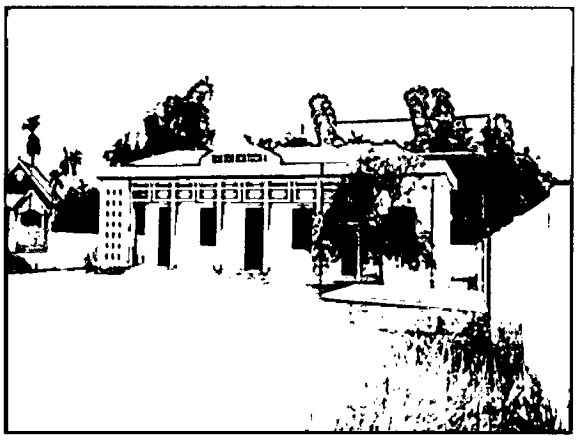

Công trình thể thao xã Tân Dương

- Giáo dục - đào tạo: trên địa bàn xã có 04 trường học với 03 cấp học từ mầm non đến trung học cơ sở (trường mầm non Tân Dương, mầm non Bybi Hous; trường tiểu học Tân Dương và trường trung học cơ sở Tân Dương) với tổng diện tích các trường học là 26.636 m^2. Công tác giáo dục và đào tạo được cấp ủy, chính quyền quan tâm; cơ sở vật chất các nhà trường được củng cố, đầu tư đạt chuẩn, từng bước đáp ứng tốt nhu cầu của việc dạy và học; chất lượng giáo dục có nhiều chuyển biến tích cực và được nâng cao.

Trường tiểu học Tân Dương

- Y tế: Tân Dương có 01 trạm y tế đạt chuẩn quốc gia với diện tích 1.130 m^2. Năm 2023, phát huy vai trò y tế tuyến cơ sở, trạm y tế xã Tân Dương không chỉ làm tốt công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu cho Nhân dân mà còn triển khai tốt các hoạt động như tiêm chủng mở rộng; giám sát dịch bệnh; quản lý bệnh không lây nhiễm... Đội ngũ cán bộ y tế thường xuyên được bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, trang thiết bị của trạm y tế đã được đầu tư, nâng cấp ngày càng hiện đại. Năm 2023, duy trì và giữ vững danh hiệu đạt chuẩn quốc gia về y tế; trạm đã tổ chức chăm sóc sức khỏe cho 4.025 lượt người.

Trạm y tế xã Tân Dương

6. Tình hình phát triển cơ sở hạ tầng

a) Giao thông

Hệ thống giao thông trên địa bàn thường xuyên được kiểm tra, nâng cấp, khắc phục các tuyến đường bị xuống cấp, hư hỏng. Đến nay, mạng lưới giao thông đường bộ của xã từ trục đường chính đến đường cấp nội bộ đã được cứng hóa, bê tông hóa đảm bảo an toàn cho người và phương tiện tham gia giao thông. Tổng chiều dài trên địa bàn xã hiện có 17,58 km, tổng diện tích giao thông là 566.850 m^2.

Giao thông trên địa bàn xã Tân Dương

b) Cấp điện, chiếu sáng

Hệ thống mạng lưới điện của xã gồm: 5 trạm biến áp, 2,5 km đường dây trung áp và 9,8 km đường dây hạ áp. Hàng năm, hệ thống mạng lưới điện được nâng cấp đầu tư và bảo dưỡng. Đến nay, toàn xã có 100% hộ dân dùng điện thường xuyên phục vụ sinh hoạt đảm bảo an toàn với tổng công suất 14.903.682 kwh. Tỷ lệ đường phố được chiếu sáng đạt 98,01%.

c) Cấp, thoát nước

Trên địa bàn xã có 01 trạm cấp nước với công suất 200 m^3/ngày đêm cơ bản đảm bảo nhu cầu sử dụng nước sạch của các hộ dân cư trong xã. Tỷ lệ hộ dân

được cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung và được sử dụng nguồn nước hợp vệ sinh theo quy chuẩn quốc gia đạt 100%. Toàn xã có 13,43 km đường cống thoát nước chính và 12,10 km đường kênh mương nội đồng. Hệ thống công trình thủy lợi, thoát nước được kiểm tra thường xuyên nhằm đáp ứng nhu cầu sản xuất nông nghiệp, tưới tiêu và khả năng thoát nước khi có mưa lớn.

d) Vệ sinh môi trường

Hàng năm, UBND xã phát động phong trào vệ sinh môi trường, tổ chức tiêu độc khử trùng vệ sinh chuồng trại. Tổ chức hưởng ứng tuyên truyền, cổ động trực quan ngày môi trường thế giới, ra quân tổng vệ sinh đường làng ngõ xóm, cống rãnh các nơi công cộng, giao các tuyến đường kiểu mẫu đảm bảo vệ sinh môi trường cho các tổ chức, thôn quản lý. Huy động đoàn viên thanh niên và người dân tổ chức phong trào tết trồng cây đảm bảo môi trường xanh sạch đẹp đạt hiệu quả cao. Xã có 01 bãi rác tập trung với các tổ thu gom rác hoạt động thường xuyên, liên tục không để rác ứ đọng đảm bảo không gây mất vệ sinh môi trường. Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom trên địa bàn năm 2023 đạt 94,52%.

7. Tình hình quốc phòng, an ninh

a) Quốc phòng

Tổ chức và hoàn thành công tác huấn luyện dân quân tự vệ, thực hiện tốt chế độ sẵn sàng chiến đấu, tổ chức đăng ký nghĩa vụ quân sự tuổi 17 được 60 công dân. Tổ chức tham gia huấn luyện lực lượng dự bị động viên là 25 đồng chí, đạt 100%. Tổ chức tốt việc khám tuyển quân theo kế hoạch chỉ đạo của Ban chỉ huy quân sự huyện; đồng thời tổ chức tiếp xúc động viên và tặng quà cho thanh niên lên đường nhập ngũ năm 2023.

b) An ninh

Công tác an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được đảm bảo; công tác phòng chống các loại tội phạm, hình sự, ma túy được tăng cường. Phối hợp với các đơn vị chức năng làm tốt công tác giải phóng trật tự lòng đường, vỉa hè trên địa bàn. Phối hợp cùng đội cảnh sát phòng cháy chữa cháy Công an huyện Thủy Nguyên tổ chức kiểm tra, tuyên truyền về công tác đảm bảo an toàn phòng, chống cháy nổ với các hộ gia đình, các cơ sở sản xuất, kinh doanh. Phối hợp chặt chẽ các lực lượng chức năng đẩy mạnh công tác tuyên truyền đến cán bộ, Đảng viên, Đoàn viên, hội viên và các tầng lớp Nhân dân để nâng cao nhận thức, tham gia phòng ngừa, phát hiện, tố giác tội phạm, bảo vệ an ninh, trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn.

8. Tổ chức bộ máy, biên chế cán bộ

a) Hội đồng nhân dân xã nhiệm kỳ 2021 - 2026

Tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân xã là 27 đại biểu.

Thường trực Hội đồng nhân dân xã gồm: Chủ tịch HĐND (do Phó Bí thư Đảng ủy kiêm nhiệm), 01 Phó Chủ tịch HĐND (hoạt động chuyên trách) và các ủy viên là Trưởng các Ban Hội đồng nhân dân xã.

Hội đồng nhân dân xã có 02 ban: Ban Kinh tế - xã hội và Ban Pháp chế; Trưởng ban, Phó Trưởng ban và các Ủy viên của các Ban Hội đồng nhân dân hoạt động kiêm nhiệm.

b) Ủy ban nhân dân xã

Cơ cấu tổ chức của Ủy ban nhân dân xã gồm: 01 Chủ tịch, 02 Phó Chủ tịch và Ủy viên phụ trách quân sự (Chỉ huy trưởng quân sự), Ủy viên phụ trách công an (Trưởng Công an xã).

Tổng số cán bộ, công chức biên chế được giao: 20 người; trong đó số biên chế hiện có mặt: 19 người, trong đó, cán bộ: 11 người, công chức: 08 người.

- Về trình độ chuyên môn: thạc sĩ: 03 người, đại học: 14 người, cao đẳng: 01 người, trung cấp: 01 người.

- Về trình độ lý luận chính trị: trung cấp: 19 người.

II. XÃ DƯƠNG QUAN

1. Lịch sử hình thành

Năm 1946, xã Dương Quan được thành lập trên cơ sở 03 làng: Lỗi Dương, Tả Quan, Hữu Quan. Đến tháng 7/1956, xã Tân Dương được thành lập trên cơ sở làng Tân Dương; còn 02 làng Tả Quan, Hữu Quan thành lập xã Dương Quan.

Cuối năm 1958, huyện Thủy Nguyên điều chỉnh về thành phố Hải Phòng quản lý. Xã Dương Quan thuộc huyện Thủy Nguyên và ổn định từ đó cho tới nay với 10 thôn, bao gồm: Thầu Đâu, Bắc Vang, Tây Giữa, Đông Nam, Áp Tràn, Đầu Cầu, Bãi Cát, Chân Lầm, Đông Nhà Thờ, Tây Hữu Quan.

2. Địa giới hành chính

Xã Dương Quan nằm ở phía Bắc của huyện Thủy Nguyên, xã có địa giới hành chính như sau:

- Đông giáp xã An Lư và xã Thủy Triều;

- Tây giáp xã Tân Dương;

- Nam giáp các phường Máy Tơ và phường Máy Chai thuộc quận Ngô Quyền;

- Bắc giáp xã Thủy Đường.

3. Diện tích tự nhiên và cơ cấu các loại đất

Tính đến ngày 31/12/2023, xã Dương Quan có 7,614 km² diện tích tự nhiên, trong đó cơ cấu các loại đất như sau:

- Diện tích đất phi nông nghiệp: 5,06 km²; chiếm tỷ lệ 66,46%;

- Diện tích đất nông nghiệp: 2,55 km²; chiếm tỷ lệ 33,49%;

- Diện tích đất chưa sử dụng là 0,004 km²; chiếm tỷ lệ 0,05%.

4. Quy mô dân số và cơ cấu lao động

Tính đến ngày 31/12/2023, toàn xã có 11.047 người; trong đó dân số thường trú là 10.783 người, dân số tạm trú 264 người.

Tổng số người lao động trong các ngành kinh tế trên địa bàn xã là 5.574 người, trong đó:

- Lao động phi nông nghiệp: 5.470 người, chiếm 98,13%;

- Lao động nông nghiệp: 104 người, chiếm 1,87%.

5. Tình hình phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội

a) Về phát triển kinh tế

- Công nghiệp - xây dựng: phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, được xem là một trong những giải pháp quan trọng nhằm giải quyết việc làm, nâng cao thu nhập cho người dân. Những năm qua, xã Dương Quan đề ra nhiều chính sách hỗ trợ sản xuất, tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp, các cơ sở kinh doanh phát triển với mức tăng trưởng ổn định. Các cơ sở sản xuất kinh doanh với mặt hàng thiết yếu về vật liệu xây dựng, sản xuất hàng may mặc, cơ khí,... được hoạt động ổn định.

- Thương mại - dịch vụ: xã có lợi thế về giao thông đường thủy (giáp với sông Cấm) và hệ thống giao thông đường bộ được đầu tư, mở rộng kết nối đồng bộ với trung tâm xã, các địa phương lân cận nên việc giao thương trao đổi hàng hóa trong thời gian qua được phát triển theo các loại hình dịch vụ như: nhà hàng, nhà nghỉ, ngân hàng, vận tải,... Hệ thống chợ và các cửa hàng tự chọn, siêu thị mini phân bố đều trong các khu dân cư tập trung, khu đô thị mới cũng đáp ứng đầy đủ nhu cầu mua sắm, trao đổi hàng hóa của người dân.

- Nông - lâm - thủy sản: diện tích đất nông nghiệp đang bị thu hẹp do chuyển đổi sang các dự án xây dựng cơ sở hạ tầng. Tuy nhiên, để đảm bảo nguồn lương thực cho người dân, UBND xã đã khuyến khích người dân lựa chọn giống cây trồng, mô hình phù hợp và cho năng suất cao kết hợp với ứng dụng khoa học kỹ thuật vào trồng trọt sản xuất. Bên cạnh đó, công tác phòng chống dịch cho đàn gia súc, gia cầm trên địa bàn được quan tâm thường xuyên và thực hiện tốt.

- Thu, chi ngân sách: công tác thu, chi ngân sách thực hiện đúng theo quy định; thường xuyên đôn đốc, kiểm tra các nguồn thu; đồng thời tiết kiệm chi, đảm bảo chi đúng, chi đủ, kịp thời và đảm bảo các khoản chi thường xuyên, chấp hành tốt quy định của tài chính về chế độ công tác phí, chế độ hội nghị, chống lãng phí. Năm 2023, tổng thu ngân sách xã đạt 11,58 tỷ đồng; chi ngân sách là 9,96 tỷ đồng.

b) Về phát triển văn hóa - xã hội

- Văn hóa, thể dục thể thao: thực hiện tốt công tác thông tin, tuyên truyền, trên hệ thống truyền thanh về các văn bản pháp luật của Nhà nước, tuyên truyền các ngày kỷ niệm, ngày lễ của địa phương, công tác đảm bảo vệ sinh môi trường, an toàn thực phẩm. Tổ chức thành công đại hội thể dục thể thao xã Dương Quan với 05 môn thi đấu: cầu lông, bóng đá, cờ tướng, cờ vua, điền kinh. Công tác quản lý các đối tượng chính sách, gia đình có công và chăm sóc

trẻ em thực hiện tốt. Vận động xã hội hóa kỷ niệm ngày Thương binh liệt sĩ 27/7, quỹ bảo trợ xã hội, quỹ vì người nghèo. Đã tổ chức tặng quà động viên kịp thời đến từng đối tượng với tổng số là 240 suất quà.

Hoạt động thể thao, công trình văn hóa xã Dương Quan

- Giáo dục - đào tạo: làm tốt công tác quản lý, đẩy mạnh phong trào thi đua "Dạy tốt - học tốt", nâng cao chất lượng giáo dục, ngành giáo dục đã hoàn thành nhiệm vụ năm học 2022 - 2023. Tỷ lệ tốt nghiệp trung học cơ sở đạt 100%; tỷ lệ tốt nghiệp tiểu học đạt 100%; đảm bảo 100% các trẻ trường mầm non được học đúng độ tuổi. Các nhà trường đã thực hiện tốt công tác xã hội hóa về bảo vệ, chăm sóc giáo dục trẻ em, tổ chức tặng quà cho các trẻ em, học sinh nghèo vượt khó, học sinh giỏi năm học 2022 - 2023. Xã có 02 trường học đã đạt chuẩn quốc gia mức độ 1, gồm trường tiểu học Dương Quan diện tích 8.487 m^2, trường trung học cơ sở Dương Quan diện tích 7.816 m^2; trường mầm non Dương Quan đạt chuẩn mức độ 2 diện tích 9.318 m^2.

- Y tế: duy trì trạm y tế đạt chuẩn quốc gia với diện tích sử dụng 1.136 m^2. Năm 2023, công tác khám chữa bệnh và chế độ thường trực cấp cứu 24/24 được duy trì tốt; trạm y tế đã tổ chức khám và chữa bệnh cho 1.146 lượt người, trong đó khám cho người bệnh có thẻ bảo hiểm y tế là 673 lượt; khám quản lý sức khỏe, cấp phát thuốc miễn phí cho người cao tuổi.

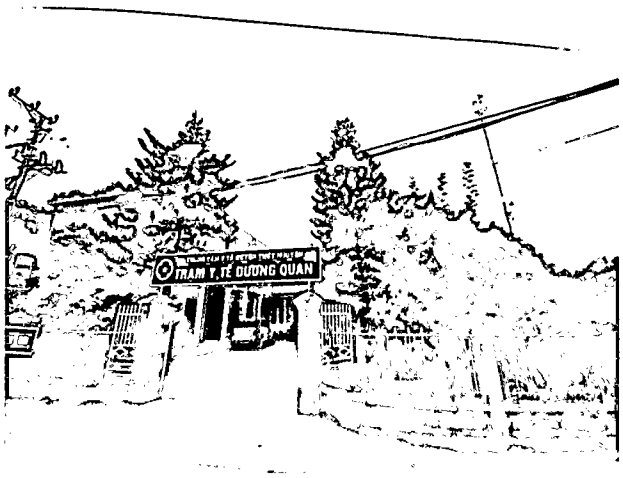

Trạm y tế xã Dương Quan

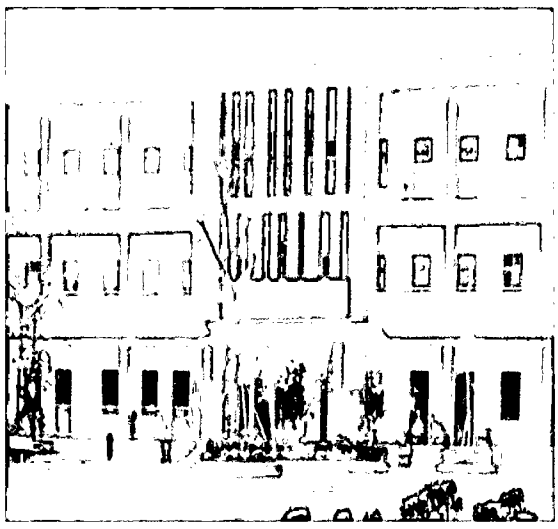

Trường tiểu học Dương Quan

6. Tình hình phát triển cơ sở hạ tầng

a) Giao thông

Sau nhiều năm triển khai và thực hiện chương trình xây dựng đường giao thông nông thôn trên địa bàn; xã đã huy động, lồng ghép các nguồn lực đầu tư, khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia góp sức để từng bước hoàn thiện hạ tầng giao thông đáp ứng được yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới. Đến nay, hệ thống giao thông các tuyến đường khu nhà ở, ngõ xóm được kết nối đồng bộ với các hệ thống trục chính với tỷ lệ đường được bê tông hóa, cứng hóa đạt 100%.

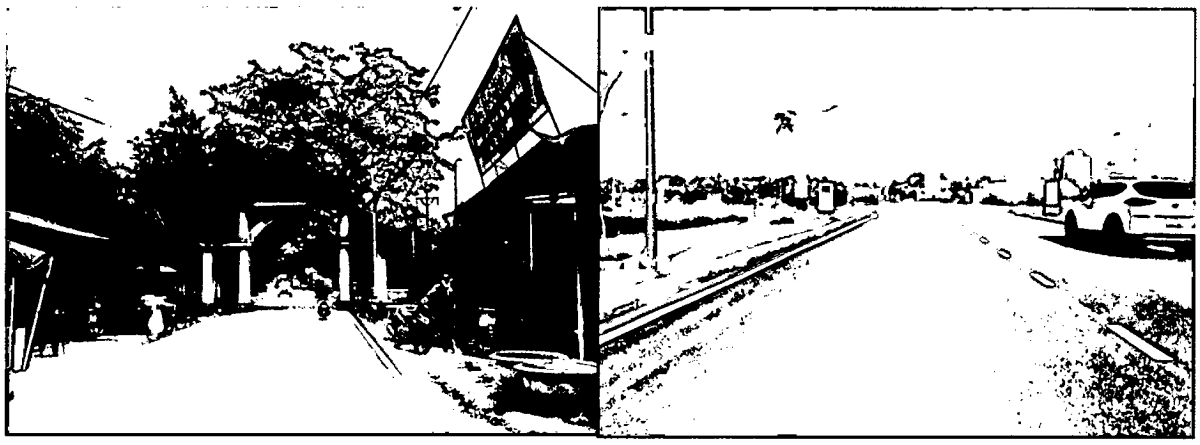

Một số tuyến đường trên địa bàn xã

b) Cấp điện, chiếu sáng

Những năm qua, hệ thống kết cấu hạ tầng lưới điện của xã Dương Quan được cải tạo, đầu tư nâng cấp đã đáp ứng đầy đủ nhu cầu dùng điện cho sự phát triển kinh tế - xã hội và sinh hoạt của Nhân dân, đáp ứng kịp thời các nhu cầu sử dụng điện của các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh, góp phần vào tăng trưởng kinh tế trên địa bàn. Sản lượng điện phục vụ sinh hoạt năm 2023 là 12.892.385 kwh/năm. Tỷ lệ đường phố được chiếu sáng trên địa bàn đạt 99,20%.

c) Cấp, thoát nước

Nâng cao nhu cầu sử dụng nước sạch đến với người dân, xã đã hoàn thiện hệ thống đường ống dẫn nước để đưa nước sạch đến từng hộ gia đình đảm bảo dùng nước sạch được thường xuyên. Một số hộ trên địa bàn xã vẫn sử dụng nguồn nước sinh hoạt từ bể chứa nước mưa và nước ngầm từ giếng khơi, giếng khoan thông qua bể lọc, máy lọc nước hợp vệ sinh. Hệ thống thoát nước trên địa bàn thường xuyên được nạo vét thông qua các chương trình của đoàn thể, phong trào vận động người dân vệ sinh đường làng, ngõ xóm, khơi thông dòng chảy đảm bảo khả năng thoát nước mặt. Bên cạnh đó, các hộ gia đình đã có nhà vệ sinh, nhà tắm đạt tiêu chuẩn và xử lý đảm bảo quy định, không gây ô nhiễm nguồn nước xung quanh.

d) Vệ sinh môi trường

Các đoàn thể, chính quyền xã thường xuyên tổ chức các phong trào ra quân tổng vệ sinh môi trường thực hiện quét dọn vệ sinh, trồng hoa, cây xanh đường làng, ngõ xóm, công sở, trường học, khu vực công cộng. Đẩy mạnh công tác

tuyên truyền, vận động nhằm nâng cao ý thức, trách nhiệm của người dân, cộng đồng trong việc giữ gìn, bảo đảm vệ sinh môi trường bằng nhiều hình thức như: tuyên truyền băng rôn, panô, áp phích, trên các phương tiện thông tin đại chúng,... Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom trên địa bàn năm 2023 đạt 95,08%.

7. Tình hình quốc phòng, an ninh

a) Quốc phòng

Duy trì nghiêm chế độ thường trực sẵn sàng chiến đấu. Làm tốt công tác chuẩn bị lực lượng phương tiện, sẵn sàng tham gia phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn; thực hiện nghiêm túc chế độ bảo quản vũ khí, phòng chống cháy nổ. Làm tốt công tác đăng ký tuổi 17 cho nam công dân và đăng ký được 46 công dân; hoàn thành 100% chỉ tiêu giao quân năm 2023 là 17/17 thanh niên. Thực hiện tốt kế hoạch điều tra, rà soát, xét duyệt, sơ tuyển, khám tuyển nguồn nhập ngũ năm 2024.

b) An ninh

Thực hiện chỉ đạo của Huyện ủy, UBND huyện; UBND xã đã xây dựng kế hoạch đảm bảo an ninh, trật tự trước, trong và sau tết Nguyên đán; tuyên truyền vận động Nhân dân thực hiện ký cam kết không đốt pháo và thả đèn trời trong dịp tết Nguyên đán năm 2023, đảm bảo đón Tết trong không khí lành mạnh, an toàn, tiết kiệm. Tổ chức thực hiện có hiệu quả kế hoạch của UBND huyện về công tác giữ gìn an ninh, trật tự.

8. Tổ chức bộ máy, biên chế cán bộ

a) Hội đồng nhân dân xã nhiệm kỳ 2021 - 2026

Tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân xã là 25 đại biểu.

Thường trực Hội đồng nhân dân xã gồm: Chủ tịch HĐND (do Bí thư Đảng ủy kiêm nhiệm), 01 Phó Chủ tịch HĐND (hoạt động chuyên trách) và các ủy viên là Trưởng các Ban Hội đồng nhân dân xã.

Hội đồng nhân dân xã có 02 ban: Ban Kinh tế - xã hội và Ban Pháp chế; Trưởng ban, Phó Trưởng ban và các Ủy viên của các Ban Hội đồng nhân dân hoạt động kiêm nhiệm.

b) Ủy ban nhân dân xã

Cơ cấu tổ chức của Ủy ban nhân dân xã gồm: 01 Chủ tịch, 01 Phó Chủ tịch và Ủy viên phụ trách quân sự (Chỉ huy trưởng quân sự), Ủy viên phụ trách công an (Trưởng Công an xã).

Tổng số cán bộ, công chức biên chế được giao: 20 người; trong đó số biên chế hiện có mặt: 19 người, trong đó, cán bộ: 09 người, công chức: 10 người.

- Về trình độ chuyên môn: thạc sĩ: 01 người, đại học: 18 người.

- Về trình độ lý luận chính trị: cao cấp: 01 người, trung cấp: 18 người.

III. XÃ LÂM ĐỘNG

1. Lịch sử hình thành

Trước năm 1945, vùng đất Lâm Động có tên là làng Tòng Động, sau đổi thành làng Lâm Động. Sau Cách mạng tháng 8/1945, hợp nhất 03 làng Lâm Động, Lôi Động và Hoàng Pha thành một xã mới lấy tên là xã Hoàng Động.

Tháng 11/1948, hợp nhất xã Hoàng Động và xã Hoa Động thành một xã mới lấy tên là xã Hoàng Hoa.

Năm 1951, tách xã Hoàng Hoa thành 02 xã là Hoàng Động và xã Hoa Động. Năm 1955, xã Lâm Động tái lập trên cơ sở tách ra từ một phần diện tích tự nhiên và dân số của xã Hoàng Động.

Cuối năm 1958, huyện Thủy Nguyên thuộc thành phố Hải Phòng, xã Lâm Động thuộc huyện Thủy Nguyên và ổn định từ đó cho đến nay với 04 thôn, bao gồm: Hầu, Đền, Sú, Đông.

2. Địa giới hành chính

Xã Lâm Động nằm ở phía Nam huyện Thủy Nguyên, cách trung tâm huyện khoảng 05 km, xã có địa giới hành chính như sau:

- Đông giáp xã Hoa Động;
- Tây giáp xã Hoàng Động;
- Nam giáp phường Hùng Vương thuộc quận Hồng Bàng;
- Bắc giáp xã Thiên Hương.

3. Diện tích tự nhiên và cơ cấu các loại đất

Tính đến ngày 31/12/2023, xã Lâm Động có 4,20 km² diện tích tự nhiên, trong đó cơ cấu các loại đất như sau:

- Diện tích đất phi nông nghiệp: 1,91 km²; chiếm tỷ lệ 45,48%;
- Diện tích đất nông nghiệp: 2,26 km²; chiếm tỷ lệ 53,81%;
- Diện tích đất chưa sử dụng là 0,03 km²; chiếm tỷ lệ 0,71%.

4. Quy mô dân số và cơ cấu lao động

Tính đến ngày 31/12/2023, toàn xã có 6.665 người; trong đó dân số thường trú là 6.266 người, dân số tạm trú 399 người.

Tổng số người lao động trong các ngành kinh tế trên địa bàn xã là 3.015 người, trong đó:

- Lao động phi nông nghiệp: 2.395 người, chiếm 79,44%;
- Lao động nông nghiệp: 620 người, chiếm 20,56%.

5. Tình hình phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội

a) Về phát triển kinh tế

- Công nghiệp - xây dựng: xác định phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, không chỉ tạo việc làm, thu nhập ổn định cho nhiều lao động tại địa phương; mà còn là đòn bẩy giúp địa phương xây dựng và phát triển bền vững. Những năm qua, xã Lâm Động đã có nhiều giải pháp ưu tiên cho phát triển tiểu thủ công nghiệp như: tạo điều kiện cho các hộ làm nghề, hộ sản xuất tiếp cận, vay vốn ưu đãi để đầu tư, mở rộng sản xuất; tập trung đầu tư.

- Thương mại - dịch vụ: trên địa bàn xã có khoảng 220 hộ sản xuất kinh doanh, buôn bán nhỏ lẻ, tạo việc làm cho hàng trăm lao động địa phương, với đa dạng các ngành nghề kinh doanh, như: dịch vụ ăn uống, kinh doanh điện tử, cơ khí, buôn bán vật liệu xây dựng, tạp hóa, thời trang,... Để thúc đẩy thương mại, dịch vụ phát triển, xã đã khuyến khích các hộ có nhà mặt đường mở rộng sản xuất, kinh doanh, phát triển đa dạng các mặt hàng đáp ứng nhu cầu mua sắm phục vụ sản xuất, tiêu dùng của người dân.

- Nông - lâm - thủy sản: duy trì ổn định diện tích gieo trồng, tập trung hướng dẫn gieo cấy đúng vụ, khung lịch. Khuyến khích người dân đưa giống mới vào sử dụng, gieo trồng, áp dụng khoa học kỹ thuật mới vào sản xuất. Chăn nuôi gia súc, gia cầm đạt 100% kế hoạch đặt ra; đảm bảo cung cấp cho thị trường và nhu cầu của người dân. Công tác kiểm tra, vệ sinh chuồng trại, tiêm phòng dịch cho đàn gia súc, gia cầm được duy trì ổn định và không để xảy ra dịch bệnh. Với lợi thế về vị trí địa lý giáp sông Cấm, việc nuôi trồng thủy sản được duy trì và phát triển với diện tích 3,5 ha trên toàn địa bàn xã.

- Thu, chi ngân sách: đảm bảo việc thu ngân sách xã đúng theo quy định, thường xuyên kiểm tra các nguồn thu, hạn chế nợ đọng thuế; chi ngân sách thực hiện tiết kiệm, chi đúng, chi đủ. Năm 2023, tổng thu ngân sách xã Lâm Động là 15,13 tỷ đồng; chi ngân sách là 14,89 tỷ đồng.

b) Về phát triển văn hóa - xã hội

- Văn hóa, thể dục thể thao: các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, các nhiệm vụ chính trị của địa phương được đảm bảo thông tin kịp thời đến Nhân dân thông qua hệ thống đài truyền thanh xã. Phong trào "toàn dân xây dựng đời sống văn hóa" được duy trì và hoạt động thường xuyên có hiệu quả. Vận động các hộ gia đình tham gia tích cực trong việc xây dựng làng văn hóa, gia đình văn hóa; kết quả bình xét hộ gia đình văn hóa đạt 93,6%. Phong trào thể dục - thể thao trên địa bàn xã được đông đảo các tầng lớp Nhân dân tham gia. UBND xã thường xuyên phát động phong trào giao lưu văn hóa, thể dục - thể thao giữa các thôn và tham gia đầy đủ các phong trào thể dục, thể thao do huyện phát động. Tổ chức tặng quà tết Nguyên đán của Chủ tịch nước, thành phố, huyện tặng cho các đối tượng chính sách người có công, hộ nghèo, cận nghèo, người cao tuổi là 562 suất.

Công trình thể thao xã

- Giáo dục - đào tạo: công tác giáo dục và đào tạo được quan tâm, duy trì tốt việc dạy và học của cả 3 cấp học, đảm bảo chương trình học theo hướng dẫn của ngành giáo dục. Hoàn thành tốt nhiệm vụ năm học 2022 - 2023 và kế hoạch năm học 2023 - 2024. Các trường học đã được đầu tư, nâng cấp mở rộng và xây mới các hạng mục để đáp ứng nhu cầu học tập của con em, học sinh trên địa bàn. Cơ sở giáo dục, thiết bị dạy học ngày càng được đầu tư; chất lượng giáo viên được bồi dưỡng và 100% đạt chuẩn và trên chuẩn. Hệ thống giáo dục của xã gồm: 01 trường mầm non Lâm Động có diện tích 6.525 m^2, 01 trường tiểu học Lâm Động có diện tích 6.281 m^2, 01 trường trung học cơ sở Lâm Động có diện tích 4.299 m^2.

Trường THCS Lâm Động

Trường tiểu học Lâm Động

- Y tế: xã có 01 trạm y tế có diện tích 1.362 m^2 đã đạt chuẩn quốc gia. Năm 2023, UBND xã đã tập trung cao trong công tác chỉ đạo, triển khai các biện pháp phòng, chống các loại dịch bệnh về sốt xuất huyết, tay chân miệng theo chỉ đạo của cấp trên. Tăng cường công tác tuyên truyền, vận động Nhân dân thực hiện tốt các biện pháp phòng chống dịch theo hướng dẫn của ngành y tế tại các cơ quan, công sở, khu vực công cộng... không để lây lan, bùng phát dịch bệnh trên địa bàn. Trạm y tế xã đã thực hiện tốt công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu cho người dân, tổ chức khám chữa bệnh, khám dự phòng, tiêm chủng đầy đủ cho trẻ em hàng tháng theo định kỳ.

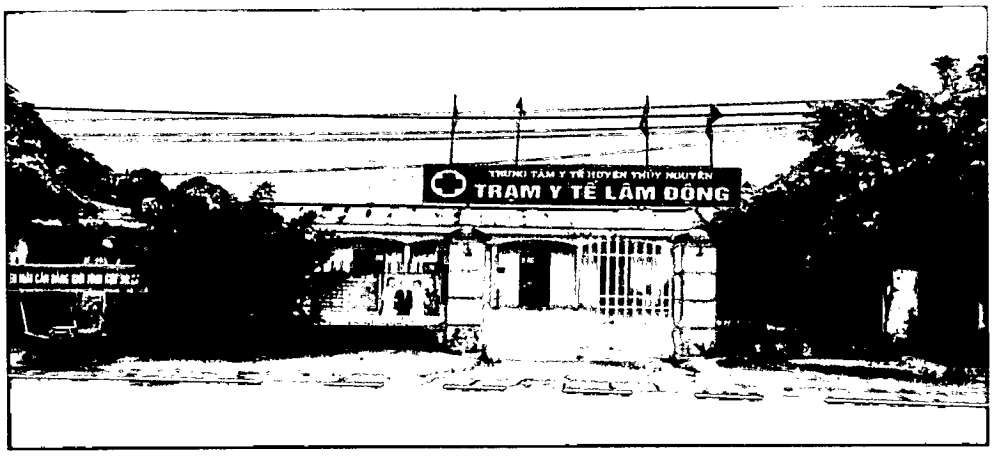

Trạm y tế xã Lâm Động

6. Tình hình phát triển cơ sở hạ tầng

a) Giao thông

Nhờ tập trung đầu tư xây dựng và kết nối đồng bộ các tuyến đường trục chính, liên thôn, khu dân cư; huy động mọi nguồn lực trong xã hội cùng tham gia đẩy mạnh phát triển hạ tầng giao thông; đồng thời, chú trọng công tác duy tu, bảo dưỡng định kỳ đối với các công trình hạ tầng giao thông đã được đầu tư. Đến nay tổng chiều dài đường giao thông trên địa bàn xã Lâm Động là 14,50 km. Các tuyến đường hiện nay đều đã được cứng hóa, bê tông hóa đáp ứng nhu cầu đi lại và vận chuyển hàng hóa của người dân.

Một số tuyến đường trên địa bàn xã Lâm Động

b) Cấp điện, chiếu sáng

Xã Lâm Động đã có hệ thống lưới điện trung thế và lưới điện hạ thế phủ kín địa bàn. Hiện nay, 100% hộ dân đã sử dụng lưới điện quốc gia, tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển kinh doanh sản xuất, phục vụ tốt đời sống sinh hoạt của người dân. Năm 2023, sản lượng điện sinh hoạt toàn xã là 8.388.501 kwh/năm, tỷ lệ chiều dài đường phố chính được chiếu sáng đạt 97,72%.

c) Cấp, thoát nước

Hệ thống đường ống cấp nước sạch đã được các cấp chính quyền huyện và xã quan tâm đầu tư, nâng cấp cơ bản đảm bảo cung cấp nước sạch cho các hộ dân

phục vụ trong sinh hoạt. Năm 2023, tỷ lệ hộ dân sử dụng nước sạch, hợp vệ sinh đạt 100%. Hệ thống thoát nước trên địa bàn có chiều dài 3,35 km cơ bản đảm bảo khả năng tiêu thoát nước khi có mưa lớn xảy ra. Trong năm, UBND xã đầu tư, sửa chữa, nạo vét kênh mương, cống rãnh nhằm nâng cao khả năng thoát nước đảm bảo khơi thông dòng chảy tránh ách tắc.

d) Vệ sinh môi trường

Thực hiện tốt công tác tuyên truyền pháp luật đến với người dân về công tác bảo vệ môi trường bằng nhiều hình thức nhất là vào các ngày lễ, tuần lễ về bảo vệ môi trường. Duy trì thực hiện và kết hợp với đoàn thanh niên phát động phong trào bảo vệ; thường xuyên vận động, tổ chức, ra quân đồng loạt vệ sinh đường làng ngõ xóm và kênh mương. UBND xã đã xây dựng và kiện toàn tổ thu gom chất thải trên các trục đường chính, khu dân cư để thu gom chất thải đưa đến khu tập trung và vận chuyển đi xử lý hợp vệ sinh. Năm 2023, tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom trên địa bàn đạt 90,41%.

7. Tình hình quốc phòng, an ninh

a) Quốc phòng

Thực hiện và duy trì tốt chế độ thường trực, sẵn sàng chiến đấu; phối hợp tốt với Công an xã trong việc đảm bảo an ninh, trật tự trong dịp tết Nguyên đán và các sự kiện lớn của đất nước, địa phương. Thực hiện nghiêm kế hoạch huấn luyện quân sự đã được Ban quân sự huyện phê duyệt với phương châm: cơ bản, thiết thực, vững chắc, bám sát với tình hình thực tế. Hoàn thành tốt chỉ tiêu gọi công dân nhập ngũ, đăng ký nghĩa vụ quân sự tuổi 17; tổ chức xét duyệt công dân đủ tiêu chuẩn sơ tuyển và khám tuyển nghĩa vụ quân sự năm 2023.

b) An ninh

Công an xã đã tích cực chủ động nắm bắt tình hình về an ninh, trật tự trên địa bàn bằng các biện pháp nghiệp vụ phù hợp nắm chắc về nhân khẩu, hộ gia đình. Thường xuyên rà soát, thống kê và bổ sung tài liệu, cập nhật liên tục về thông tin trong công tác quản lý để sớm, kịp thời phát hiện những nguy cơ tiềm ẩn gây mất an ninh, trật tự. Duy trì tốt phong trào, mô hình "ngõ, xóm tự quản", thường xuyên tuyên truyền, vận động Nhân dân tự giác, tích cực tham gia trong việc phòng ngừa, tố giác tội phạm... Do đó, tình hình an ninh, trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn được giữ vững, ổn định, không có tình huống bất ngờ xảy ra.

8. Tổ chức bộ máy, biên chế cán bộ

a) Hội đồng nhân dân xã nhiệm kỳ 2021 - 2026

Tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân xã là 24 đại biểu.

Thường trực Hội đồng nhân dân xã gồm: Chủ tịch HĐND (do Phó Bí thư Đảng ủy kiêm nhiệm), 01 Phó Chủ tịch HĐND (hoạt động chuyên trách) và các ủy viên là Trưởng các Ban Hội đồng nhân dân xã.

Hội đồng nhân dân xã có 02 ban: Ban Kinh tế - xã hội và Ban Pháp chế; Trưởng ban, Phó Trưởng ban và các Ủy viên của các Ban Hội đồng nhân dân hoạt động kiêm nhiệm.

b) Ủy ban nhân dân xã

Cơ cấu tổ chức của Ủy ban nhân dân xã gồm: 01 Phó Chủ tịch và Ủy viên phụ trách quân sự (Chỉ huy trưởng quân sự), Ủy viên phụ trách công an (Trưởng Công an xã).

Tổng số cán bộ, công chức biên chế được giao: 20 người; trong đó số biên chế hiện có mặt: 19 người, trong đó, cán bộ: 09 người, công chức: 10 người.

- Về trình độ chuyên môn: đại học: 16 người, trung cấp: 03 người.

- Về trình độ lý luận chính trị: trung cấp: 17 người, sơ cấp 02 người.

IV. XÃ HOÀNG ĐỘNG

1. Lịch sử hình thành

Trước năm 1945, vùng đất Hoàng Động được chia thành 02 làng Hoàng Pha và Lôi Động thuộc tổng Lâm Động sau đổi tên thành tổng Hoàng Pha.

Sau Cách mạng tháng 8/1945, các đơn vị hành chính được bố trí lại, bỏ cấp tổng, thành lập xã mới, các làng chuyển thành thôn. Theo đó, xã Hoàng Động được thành lập gồm 02 làng Hoàng Pha và Lôi Động.

Tháng 6/1948, hợp nhất xã Hoàng Động và xã Hoa Động thành 01 xã mới lấy tên là xã Hoàng Hoa.

Tháng 10/1956, xã Hoàng Động được tái lập thuộc huyện Thủy Nguyên thành phố Hải Phòng và hoạt động từ đó đến nay với 07 thôn, bao gồm: thôn 1, thôn 2, thôn 3, thôn 4, thôn 5, thôn 6, thôn 7.

2. Địa giới hành chính

Xã Hoàng Động nằm ở phía Tây Nam huyện Thủy Nguyên, có địa giới hành chính như sau:

- Đông giáp xã Lâm Động;

- Tây giáp xã An Hồng, huyện An Dương và phường Quán Toan, quận Hồng Bàng;

- Nam giáp phường Hùng Vương quận Hồng Bàng;

- Bắc giáp xã Kiền Bái và xã Thiên Hương.

3. Diện tích tự nhiên và cơ cấu các loại đất

Tính đến ngày 31/12/2023, xã Hoàng Động có 5,68 km² diện tích tự nhiên, trong đó cơ cấu các loại đất như sau:

- Diện tích đất phi nông nghiệp: 3,90 km²; chiếm tỷ lệ 68,66%;

- Diện tích đất nông nghiệp: 1,75 km²; chiếm tỷ lệ 30,81%;

- Diện tích đất chưa sử dụng: 0,03 km²; chiếm tỷ lệ 0,53%.

4. Quy mô dân số và cơ cấu lao động

Tính đến ngày 31/12/2023, toàn xã có 9.500 người; trong đó dân số thường trú là 9.460 người, dân số tạm trú 40 người.

Tổng số người lao động trong các ngành kinh tế trên địa bàn xã là 5.609 người, trong đó:

- Lao động phi nông nghiệp: 4.880 người, chiếm 87,00%;

- Lao động nông nghiệp: 729 người, chiếm 13,00%.

5. Tình hình phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội

a) Về phát triển kinh tế

- Công nghiệp - xây dựng: hệ thống kết cấu giao thông thuận lợi đã tạo điều kiện cho ngành công nghiệp, xây dựng phát triển. Trên địa bàn xã đã hình thành một số lĩnh vực công nghiệp chủ lực, tạo động lực và sức lan tỏa phát triển đã góp phần tạo việc làm và thu nhập ổn định của người dân như: đóng tàu, cơ khí, vật liệu xây dựng,...

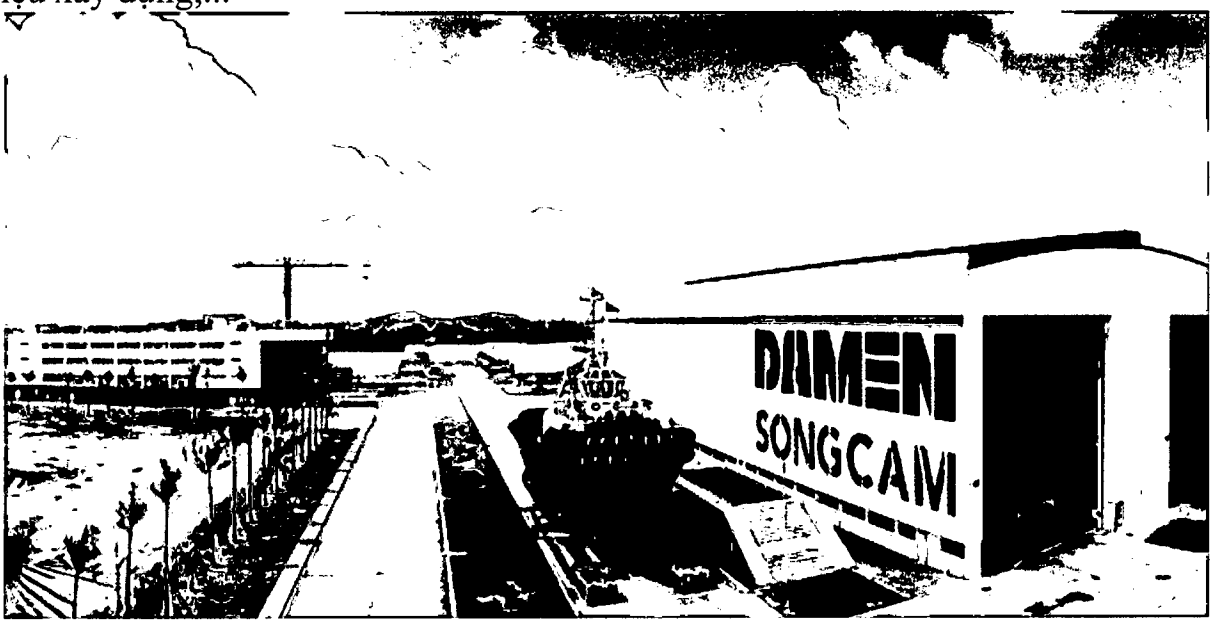

Nhà máy đóng tàu Damen sông Cấm nằm trên địa bàn xã Hoàng Động

- Thương mại - dịch vụ: những năm qua, thương mại, dịch vụ trên địa bàn phát triển mạnh. Hàng hóa đa dạng và phong phú, hình thức kinh doanh linh hoạt, cơ chế buôn bán thuận lợi với gần 550 hộ làm dịch vụ các loại như buôn bán tạp hóa, tổng hợp, thủy hải sản... đã thu hút một lượng lớn lao động của địa phương.

- Nông - lâm - thủy sản: hợp tác xã đã xây dựng kế hoạch sản xuất nông nghiệp và tập trung chỉ đạo các hộ nông dân cấy hết diện tích đảm bảo đúng khung lịch, thời vụ và làm tốt công tác chăm sóc phòng, trừ sâu bệnh. Tập trung các

giống lúa có chất lượng, năng suất cao, khả năng kháng bệnh tốt. Đẩy mạnh việc ứng dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất nhằm tăng năng suất và giảm sức lao động cho người dân. Thực hiện đầy đủ công tác phòng, chống dịch cho đàn gia súc, gia cầm.

- Thu, chi ngân sách: trong những năm gần đây, UBND xã đã triển khai thực hiện đồng bộ một số nhóm giải pháp tăng thu ngân sách thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội. Năm 2023, tổng thu ngân sách xã đạt 16,36 tỷ đồng, tổng chi ngân sách là 16,12 tỷ đồng.

b) Về phát triển văn hóa - xã hội

- Văn hóa, thể dục - thể thao: đài truyền thanh xã thường xuyên tiếp sóng, đảm bảo thông tin tuyên truyền các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, các nhiệm vụ kinh tế - chính trị của địa phương,... Tăng cường các hoạt động kiểm tra xử lý vi phạm trong các hoạt động văn hóa và kinh doanh dịch vụ văn hóa; giữ gìn và bảo tồn các giá trị văn hóa của dân tộc. Tích cực triển khai cuộc vận động: "Toàn dân đoàn kết xây dựng đô thị văn minh". Tuyên truyền vận động Nhân dân tham gia các phong trào thể dục - thể thao do các cấp phát động. Đẩy mạnh phong trào thể dục - thể thao trong các thôn về các bộ môn: cầu lông, bóng bàn, bóng hơi, bóng đá,... và được đông đảo người dân trên địa bàn xã hưởng ứng, tham gia. Trợ cấp người có công, tiếp nhận và hỗ trợ xây, sửa nhà cho 04 hộ người có công. Lập danh sách đề nghị điều dưỡng tại gia đình cho 52 đối tượng là người có công và thân nhân người có công. Tặng quà 27/7 của Chủ tịch nước 188 suất, quà của thành phố 192 suất.

- Giáo dục - đào tạo: Hoàng Động có 03 trường với tổng diện tích 30.550 m^2, gồm: trường mầm non Hoàng Động diện tích 11.174 m^2, trường tiểu học Hoàng Động diện tích 10.639 m^2, trường trung học cơ sở Hoàng Động diện tích 8.737 m^2. Việc dạy và học trong các nhà trường đã được tập trung, đi vào quy trình và đạt hiệu quả, chất lượng. Kết quả năm học 2022 - 2023, các trường đã đạt được những thành tích như: tập thể trường tiểu học đạt danh hiệu "Tập thể lao động xuất sắc"; trường mầm non và trường trung học cơ sở giữ vững danh hiệu tiên tiến và duy trì đạt chuẩn mức độ 3 về chất lượng, duy trì trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 1.

Trường tiểu học Hoàng Động

Trường mầm non Hoàng Động

- Y tế: trạm y tế xã Hoàng Động có 1.322 m^2 đã thực hiện tốt công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu cho Nhân dân. Thực hiện tốt công tác tiêm chủng mở rộng cho trẻ dưới 01 tuổi, tiêm phòng uốn ván cho phụ nữ có thai. Trong năm 2023, trạm y tế đã khám, chữa bệnh cho 1.355 lượt người. Thực hiện tốt công tác bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em, các chương trình truyền thông dân số kế hoạch hóa gia đình.

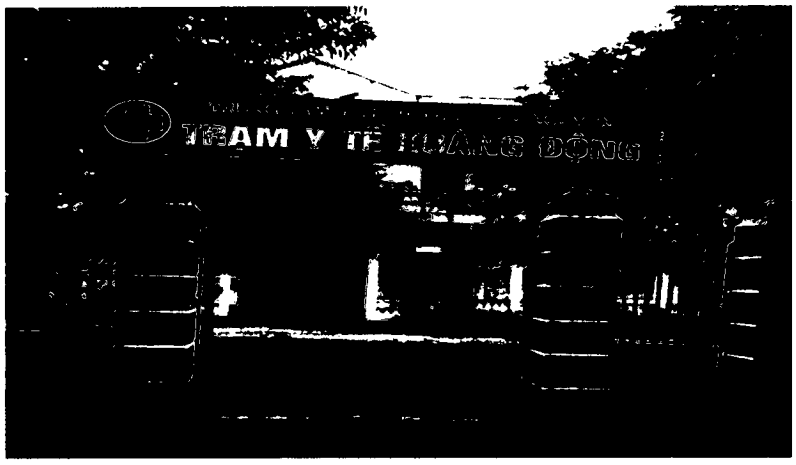

Trạm y tế Hoàng Động

6. Tình hình phát triển cơ sở hạ tầng

a) Giao thông

Xác định mạng lưới giao thông có vai trò quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội; do đó, việc đầu tư xây dựng hạ tầng giao thông được ưu tiên hàng đầu. Đến nay, hệ thống giao thông trên địa bàn xã đã được xây dựng hoàn chỉnh, kết nối đến trung tâm huyện thuận lợi; các tuyến đường giao thông đã được cứng hóa, bê tông hóa đáp ứng nhu cầu đi lại của người dân với tổng chiều dài 16,67 km.

Một số tuyến đường trên địa bàn xã Hoàng Động

b) Cấp điện, chiếu sáng

Trên địa bàn xã có 05 trạm biến áp, tổng chiều dài đường dây trung thế là 2,5 km, đường dây hạ thế là 10 km. Ngành điện thường xuyên phối hợp với UBND xã để kiểm tra, nâng cấp và có phương án sửa chữa hệ thống đường dây bị hỏng, cần thay thế nhằm đảm bảo nhu cầu sử dụng điện thường xuyên, an toàn của người

dân. Năm 2023, tổng sản lượng điện phục vụ sinh hoạt là 10.034.045 kwh; tỷ lệ đường phố được chiếu sáng đạt 95,68%.

c) Cấp, thoát nước

Nguồn nước sử dụng của xã được cung cấp từ công trình cấp nước tập trung xã Hoàng Động với công suất 200 m^3/ngày đêm, đã đảm bảo cung cấp nước sạch cho các hộ dân sử dụng sinh hoạt. Năm 2023, tỷ lệ hộ dân được cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung và được sử dụng nguồn nước hợp vệ sinh đạt 100%. Hệ thống cống thoát nước được đầu tư xây dựng dọc theo các trục đường giao thông với tổng chiều dài 8,45 km. Hầu hết hệ thống cống thoát nước của xã sử dụng là các loại cống tròn bê tông đi ngầm và hệ thống rãnh đan thoát nước mặt.

d) Vệ sinh môi trường

Trong những năm gần đây, công tác bảo vệ môi trường luôn được quan tâm, chú trọng. UBND xã đã ký hợp đồng với đơn vị thu gom và vận chuyển chất thải sinh hoạt trên địa bàn xã đảm bảo không xảy ra tình trạng mất vệ sinh môi trường và rác tồn đọng trong ngày. Phối hợp tốt cùng Ủy ban Mặt trận Tổ quốc xã và các đoàn thể triển khai kế hoạch hưởng ứng phong trào xây dựng thành phố Hải Phòng "Sáng - xanh - sạch - đẹp - an toàn - văn minh" với hoạt động trồng hoa, phát động Tết trồng cây; đã tiến hành trồng được 270 cây xanh trên các tuyến đường. Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom trên địa bàn năm 2023 đạt 90,73%.

7. Tình hình quốc phòng, an ninh

a) Quốc phòng

Năm 2023, hoàn thành 100% chỉ tiêu giao quân nhập ngũ. Thực hiện đăng ký nghĩa vụ tuổi 17 sẵn sàng nhập ngũ cho 50 nam thanh niên, đạt 100% kế hoạch huyện giao. Thực hiện tốt công tác khám sức khỏe và gọi huấn luyện quân nhân dự bị động viên. Theo dõi, quản lý số thanh niên trúng tuyển, động viên thanh niên sẵn sàng lên đường nhập ngũ, phấn đấu hoàn thành chỉ tiêu giao quân năm 2023. Duy trì nghiêm chế độ trực sẵn sàng chiến đấu; làm tốt công tác bảo quản trang thiết bị, vũ khí an toàn. Phối hợp cùng với Công an xã đảm bảo tốt an ninh trật tự trong dịp tết Nguyên đán, các ngày lễ lớn.

b) An ninh

Năm 2023, tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được ổn định. Công an xã thường xuyên, chủ động nắm chắc tình hình, quản lý các đối tượng không để tình huống bất ngờ xảy ra. Phối hợp với các tổ chức xã hội, cơ quan chức năng tổ chức cho các hộ kinh doanh và Nhân dân trên địa bàn ký cam kết không sản xuất tàng trữ mua bán, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ, đèn trời.

8. Tổ chức bộ máy, biên chế cán bộ

a) Hội đồng nhân dân xã nhiệm kỳ 2021 - 2026

Tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân xã là 25 đại biểu.

Thường trực Hội đồng nhân dân xã gồm: Chủ tịch HĐND (do Bí thư Đảng ủy kiêm nhiệm), 01 Phó Chủ tịch HĐND (hoạt động chuyên trách) và các ủy viên là Trưởng các Ban Hội đồng nhân dân xã.

Hội đồng nhân dân xã có 02 ban: Ban Kinh tế - xã hội và Ban Pháp chế; Trưởng ban, Phó Trưởng ban và các Ủy viên của các Ban Hội đồng nhân dân hoạt động kiêm nhiệm.

b) Ủy ban nhân dân xã

Cơ cấu tổ chức của Ủy ban nhân dân xã gồm: 01 Chủ tịch và 01 Phó Chủ tịch kiêm Chỉ huy trưởng quân sự, Ủy viên phụ trách công an (Trưởng Công an xã).

Tổng số cán bộ, công chức biên chế được giao: 20 người; trong đó số biên chế hiện có mặt: 20 người, trong đó, cán bộ: 10 người, công chức: 10 người.

- Về trình độ chuyên môn: đại học: 17 người, cao đẳng: 01 người, trung cấp: 02 người.

- Về trình độ lý luận chính trị: trung cấp: 17 người, sơ cấp: 03 người.

V. XÃ KIỀN BÁI

1. Lịch sử hình thành

Trước năm 1945, vùng đất Kiền Bái thuộc tổng Trịnh Xá, tỉnh Kiến An. Sau Cách mạng tháng 8/1945, các đơn vị hành chính được bố trí lại, bỏ cấp tổng, thành lập xã mới, theo đó xã Kiền Bái thuộc huyện Thủy Nguyên, tỉnh Kiến An.

Cuối năm 1958, huyện Thủy Nguyên điều chỉnh về thành phố Hải Phòng quản lý. Xã Kiền Bái thuộc huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng hoạt động và ổn định cho đến nay với 07 thôn, bao gồm: thôn 1, thôn 2, thôn 3, thôn 4, thôn 5, thôn 6, thôn 7.

2. Địa giới hành chính

Xã Kiền Bái nằm cách trung tâm huyện khoảng 05 km về phía Tây; có địa giới hành chính như sau:

- Đông giáp xã Thiên Hương;

- Tây giáp xã An Hồng thuộc huyện An Dương và xã Cao Nhân, xã Mỹ Đồng;

- Nam giáp xã Hoàng Động;

- Bắc giáp xã Thiên Hương và xã Mỹ Đồng.

3. Diện tích tự nhiên và cơ cấu các loại đất

Tính đến ngày 31/12/2023, xã Kiền Bái có 4,71 km² diện tích tự nhiên, trong đó cơ cấu các loại đất như sau:

- Diện tích đất phi nông nghiệp: 3,02 km²; chiếm tỷ lệ 64,12%;

- Diện tích đất nông nghiệp: 1,65 km²; chiếm tỷ lệ 35,03%;

- Diện tích đất chưa sử dụng là 0,04 km²; chiếm tỷ lệ 0,85%.

4. Quy mô dân số và cơ cấu lao động

Tính đến ngày 31/12/2023, toàn xã có 13.482 người; trong đó dân số thường trú là 13.036 người, dân số tạm trú 446 người.

Tổng số người lao động trong các ngành kinh tế trên địa bàn xã là 8.932 người, trong đó:

- Lao động phi nông nghiệp: 8.567 người, chiếm 95,91%;

- Lao động nông nghiệp: 365 người, chiếm 4,09%.

5. Tình hình phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội

a) Về phát triển kinh tế

- Công nghiệp - xây dựng: khu công nghiệp Nam Cầu Kiền nằm trên địa bàn xã đang là điểm đến đầu tư của các doanh nghiệp; hiện tại khu công nghiệp đã thu hút gần 60 nhà đầu tư trong và ngoài nước. Các doanh nghiệp chủ yếu hoạt động trong các lĩnh vực: công nghệ hỗ trợ, công nghệ cao; sản xuất máy móc thiết bị hỗ trợ công nghệ đầu tư; sản xuất sản phẩm trang trí nội thất; các ngành sản xuất khác. Bên cạnh đó, tiểu thủ công nghiệp cũng phát triển ổn định như: vật liệu xây dựng, vận tải, xây dựng, đúc kim loại,...

- Thương mại - dịch vụ: lợi thế có khu công nghiệp trên địa bàn đã thu hút lực lượng lớn lao động từ các địa phương đến làm ăn, sinh sống kéo theo nhu cầu về nhà ở, dịch vụ,... Tận dụng lợi thế đó, các hộ dân đã mạnh dạn phát triển dịch vụ nhà trọ, các cửa hàng tự chọn,... nhằm đáp ứng nhu cầu thực tế; từ đó đã tạo ra nguồn thu nhập ổn định, đời sống người dân được nâng cao, kinh tế - xã hội ngày càng phát triển.

- Nông - lâm - thủy sản: tăng cường công tác chỉ đạo hoạt động của hợp tác xã nông nghiệp, ổn định diện tích gieo trồng; gieo cấy đúng thời vụ, chủ yếu các giống lúa ngắn ngày cho năng suất cao. Hợp tác xã đã thông báo kịp thời, đôn đốc người dân thực hiện công tác phòng trừ sâu bệnh, diệt chuột, chăm sóc cho lúa phát triển tốt. Công tác tiêm phòng dịch cho đàn gia súc, gia cầm được triển khai định kỳ không để dịch bệnh làm ảnh hưởng đến vật nuôi, con giống.

- Thu, chi ngân sách: UBND xã đã tập trung rà soát các nguồn thu, nguồn thu tiềm năng; thu tiền sử dụng đất thông qua đấu giá, hợp thức hóa và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tăng nguồn thu cho ngân sách Nhà nước. Tăng cường quản lý chi ngân sách đẩy mạnh thực hành tiết kiệm chống lãng phí trong đầu tư xây dựng cơ bản và chi thường xuyên. Nâng cao hiệu quả chi ngân sách, quản lý chặt chẽ nguồn tiết kiệm chi. Năm 2023, tổng thu ngân sách xã là 11,76 tỷ đồng, chi ngân sách là 11,13 tỷ đồng.

b) Về phát triển văn hóa - xã hội

- Văn hóa, thể dục - thể thao: hệ thống đài truyền thanh thực hiện tốt việc tuyên truyền kịp thời đến Nhân dân về các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, nhiệm vụ chính trị của địa phương, duy trì thường xuyên việc tiếp âm đài truyền thanh huyện. Lĩnh vực thể dục - thể thao trên địa bàn xã cũng được quan tâm và được đông đảo các tầng lớp Nhân dân tham gia. Trên địa bàn xã có sân thể thao tại các nhà văn hóa các thôn với diện tích 5.500 m^2 đáp ứng nhu cầu luyện tập thể dục - thể thao của người dân. Thực hiện tốt các chế độ chính sách xã hội, không để xảy ra sai sót, nhầm lẫn trong việc chi trả chế độ hàng tháng. Xây sửa nhà cho 6 hộ gia đình chính sách; thực hiện chi trả tiền trợ cấp hàng tháng cho 149 trường hợp; thực hiện rà soát lập danh sách tặng quà chúc thọ người cao tuổi năm 2023 là 205 người.

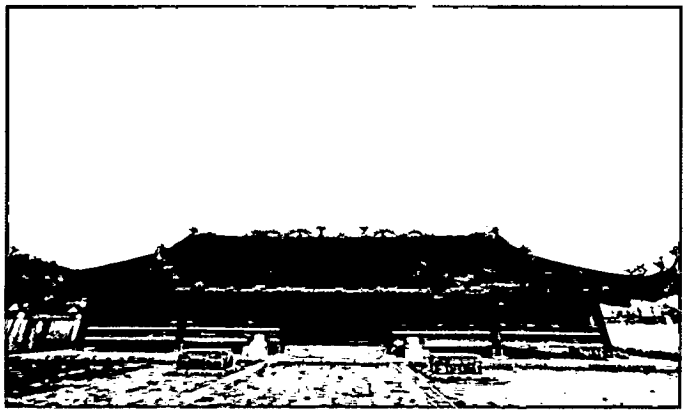

Công trình văn hóa xã

- Giáo dục - đào tạo: xã Kiền Bái có đầy đủ 3 cấp học từ mầm non đến trung học cơ sở, tổng diện tích các trường là 31.872 m^2; trong đó: trường mầm non có 6.966 m^2; trường tiểu học có 9.412 m^2; trường trung học cơ sở có 15.494 m^2. Các trường học trên địa bàn đã cơ bản được đầu tư đồng bộ về cơ sở hạ tầng, chất lượng dạy và học ngày càng được nâng cao đáp ứng nhu cầu học tập của con em tại địa phương.

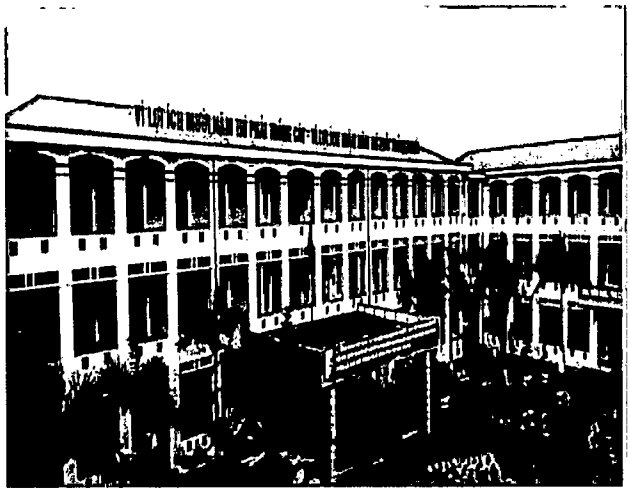

Trường THCS Kiền Bái

Trường mầm non Kiền Bái

- Y tế: trạm y tế xã có diện tích 4.950 m^2 với quy mô 5 giường bệnh đã đạt chuẩn quốc gia. Năm 2023, trạm đã thực hiện tốt chiến dịch truyền thông lồng ghép, dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản, tổ chức đầy đủ công tác thường trực 24/24. Công tác khám chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe ban đầu cho Nhân dân được quan tâm và thực hiện đầy đủ.

Trạm y tế xã

6. Tình hình phát triển cơ sở hạ tầng

a) Giao thông

Trên địa bàn xã có tuyến đường 10 chạy qua, là tuyến giao thông huyết mạch ở cửa ngõ phía Tây Nam huyện Thủy Nguyên đã và đang mang đến cho Kiền Bái rất nhiều cơ hội trong phát triển kinh tế - xã hội. Ngoài ra các tuyến đường giao thông của xã có chiều dài 14,57 km cũng được đầu tư 100% cứng hóa, phục vụ tốt nhu cầu đi lại của người dân và phát triển kinh tế của xã.

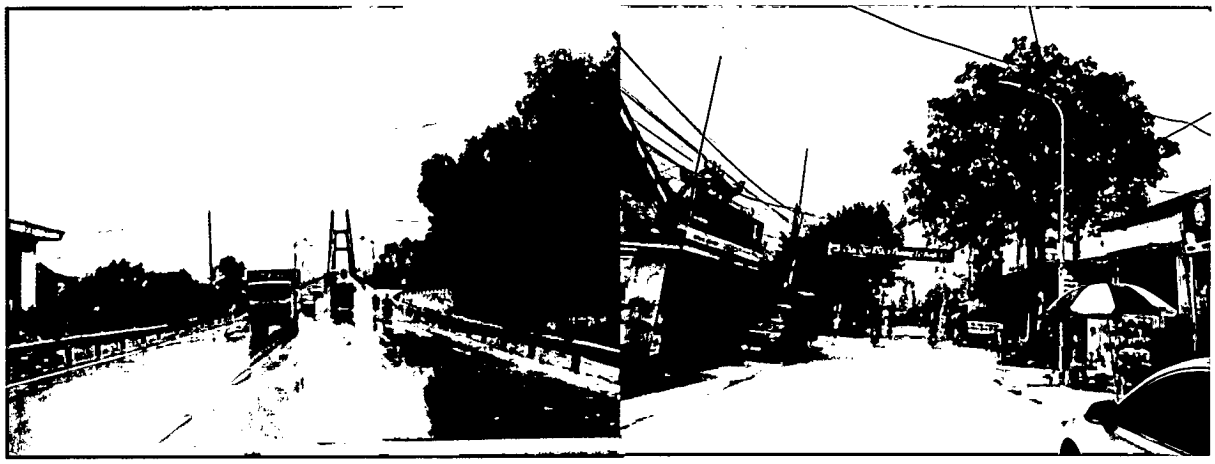

Một số tuyến đường trên địa bàn xã

b) Cấp điện, chiếu sáng

Hệ thống điện của xã gồm 8 trạm biến áp, 2,5 km đường dây trung thế, 14,3 km đường dây hạ thế cơ bản đảm bảo cung cấp điện sinh hoạt đến từng hộ dân trong xã. Năm 2023, UBND xã đã kết hợp với các phòng, ban của huyện hoàn thành công tác thi công hệ thống đèn đường cao áp dọc tuyến đường trên địa bàn xã với 58 cột kim loại mạ kẽm được vận hành tự động.

c) Cấp, thoát nước

Các hộ dân trong xã được lắp đặt và sử dụng nước sạch từ mạng lưới cung cấp nước tập trung của huyện. Bên cạnh đó, một số các hộ dân còn sử dụng nước giếng khoan, nước mưa thông qua hệ thống bể lọc, máy lọc nước để phục vụ sinh hoạt và sản xuất. Năm 2023, số hộ sử dụng nước sạch, hợp vệ sinh trên địa bàn xã đạt 100%. Để đảm bảo yêu cầu thoát nước trên địa bàn, xã đã tập trung chú trọng duy tu, bảo dưỡng và xây dựng mới các tuyến mương, cống mới chủ yếu nằm dọc 02 bên đường.

d) Vệ sinh môi trường

Việc thực hiện công tác thu gom, vận chuyển chất thải đã đáp ứng được yêu cầu vệ sinh chung. Công ty môi trường tổ chức thực hiện thu gom hàng ngày đảm bảo không để lượng rác tồn đọng gây ô nhiễm và mất cảnh quan đô thị. Đoàn thanh niên phối hợp với đơn vị liên quan tiến hành trồng thêm cây xanh đường phố, trục đường các thôn trồng thêm hoa tạo cảnh quan. Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom trên địa bàn năm 2023 đạt 93,82%.

7. Tình hình quốc phòng, an ninh

a) Quốc phòng

Ban chỉ huy quân sự xã kết hợp với các đoàn thể, Nhân dân trong xã để tuyên truyền tốt Luật Quốc phòng, Luật Dân quân tự vệ - pháp lệnh dự bị động viên cho đối tượng nòng cốt. Do đó, công tác động viên quân đội năm 2023 của xã đạt được yêu cầu nhiệm vụ đề ra như: hoàn thành vượt chỉ tiêu huyện giao năm 2023 là: 23/22 công dân đạt 105% kế hoạch; tổ chức đăng ký quân dự bị tuổi 17 là 67 công

dân,... Tổ chức rà soát và làm tốt công tác phúc tra nguồn động viên. Bảo đảm yêu cầu và chính xác đến từng đối tượng nguồn phúc tra; tổ chức khám sơ tuyển nghĩa vụ quân sự là 78 công dân, đề nghị điều khám tuyển nghĩa vụ quân sự cấp huyện là 62 công dân.

b) An ninh

Công an xã đã triển khai xây dựng nhiều mô hình an ninh, trật tự hiệu quả, phát động quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc trong tình hình mới, khơi dậy sự mạnh dạn tố giác tội phạm của Nhân dân, góp phần mang lại sự bình yên ở thôn. Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật đến quần chúng Nhân dân về các hình thức, thủ đoạn, hoạt động của các loại tội phạm, nhằm nâng cao tinh thần cảnh giác, phát hiện, đấu tranh với các loại tội phạm và hành vi vi phạm pháp luật xảy ra trên địa bàn. Năm 2023, Công an xã đã tổ chức 150 buổi tuần đêm, chốt điểm tại các khu vực trọng điểm để đảm bảo an ninh, trật tự.

8. Tổ chức bộ máy, biên chế cán bộ

a) Hội đồng nhân dân xã nhiệm kỳ 2021 - 2026

Tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân xã là 27 đại biểu.

Thường trực Hội đồng nhân dân xã gồm: Chủ tịch HĐND (do Phó Bí thư Đảng ủy kiêm nhiệm), 01 Phó Chủ tịch HĐND (hoạt động chuyên trách) và các ủy viên là Trưởng các Ban Hội đồng nhân dân xã.

Hội đồng nhân dân xã có 02 ban: Ban Kinh tế - xã hội và Ban Pháp chế; Trưởng ban, Phó Trưởng ban và các Ủy viên của các Ban Hội đồng nhân dân hoạt động kiêm nhiệm.

b) Ủy ban nhân dân xã

Cơ cấu tổ chức của Ủy ban nhân dân xã gồm: 01 Chủ tịch, 01 Phó Chủ tịch và Ủy viên phụ trách quân sự (Chỉ huy trưởng quân sự), Ủy viên phụ trách công an (Trưởng Công an xã).

Tổng số cán bộ, công chức biên chế được giao: 20 người; trong đó số biên chế hiện có mặt: 20 người, trong đó, cán bộ: 10 người, công chức: 10 người.

- Về trình độ chuyên môn: thạc sĩ: 02 người, đại học: 18 người.

- Về trình độ lý luận chính trị: trung cấp: 19 người, sơ cấp: 01 người.

VI. XÃ MỸ ĐỒNG

1. Lịch sử hình thành

Trước năm 1813 địa bàn xã Mỹ Đồng thuộc tổng Thái Lai. Cuối năm 1945 xã Cao Nhân được thành lập trên cơ sở các làng, xã thuộc tổng Thái Lai. Cuối năm 1956, hai làng Phương Mỹ và Đồng Lý được tách ra thành lập xã Mỹ Đồng. Cuối năm 1958, huyện Thủy Nguyên điều chỉnh về thành phố Hải Phòng quản lý.

Xã Mỹ Đồng thuộc huyện Thủy Nguyên và hoạt động ổn định từ đó cho đến nay với 06 thôn, bao gồm: thôn 1, thôn 2, thôn 3, thôn 4, thôn 5, thôn 6.

2. Địa giới hành chính

Xã Mỹ Đồng nằm ở phía Tây của huyện Thủy Nguyên cách trung tâm huyện khoảng 6 km, xã có địa giới hành chính như sau:

- Đông giáp các xã Đông Sơn, Thiên Hương và Kiền Bái;
- Tây giáp xã Cao Nhân;
- Nam giáp xã Kiền Bái và xã Cao Nhân;
- Bắc giáp xã Chính Mỹ và xã Kênh Giang.

3. Diện tích tự nhiên và cơ cấu các loại đất

Tính đến ngày 31/12/2023, xã Mỹ Đồng có 3,284 km² diện tích tự nhiên, trong đó cơ cấu các loại đất như sau:

- Diện tích đất phi nông nghiệp: 1,34 km²; chiếm tỷ lệ 40,80%;
- Diện tích đất nông nghiệp: 1,94 km²; chiếm tỷ lệ 59,08%;
- Diện tích đất chưa sử dụng là 0,004 km²; chiếm tỷ lệ 0,12%.

4. Quy mô dân số và cơ cấu lao động

Tính đến ngày 31/12/2023, toàn xã có 7.776 người; trong đó dân số thường trú là 7.649 người, dân số tạm trú 127 người.

Tổng số người lao động trong các ngành kinh tế trên địa bàn xã là 4.320 người, trong đó:

- Lao động phi nông nghiệp: 3.870 người, chiếm 89,58%;
- Lao động nông nghiệp: 450 người, chiếm 10,42%.

5. Tình hình phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội

a) Về phát triển kinh tế

- Công nghiệp - xây dựng: trên địa bàn xã phát triển mạnh chủ yếu là các nghề đúc kim loại, rèn, cơ khí, xây dựng,... trong đó nghề đúc kim loại truyền thống được UBND thành phố Hải Phòng quyết định công nhận làng nghề truyền thống có khoảng 200 doanh nghiệp, cơ sở sản xuất đúc kim loại, cơ khí cung cấp sản phẩm cho thị trường trong nước. Nhờ có sự quan tâm và chỉ đạo sát sao, kịp thời mà ngành cơ khí đúc xã Mỹ Đồng đã có nhiều doanh nghiệp tiêu biểu, sản xuất hiệu quả, tạo việc làm cho hàng trăm lao động tại địa phương.

- Thương mại - dịch vụ: phát huy tiềm năng, lợi thế sẵn có, những năm qua, xã Mỹ Đồng đã tạo điều kiện thuận lợi, khuyến khích các tổ chức, cá nhân đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh, ngành nghề dịch vụ, góp phần nâng cao thu nhập, chuyển dịch cơ cấu kinh tế của địa phương, như: dịch vụ vận tải, ăn uống, lưu trú, vui chơi giải trí...

- Nông - lâm - thủy sản: mặc dù diện tích đất nông nghiệp đã phần nào bị thu hẹp do quá trình phát triển đô thị; xong việc đưa giống cây trồng mới có năng suất cao kết hợp với ứng dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất đã giúp người dân thu được nhiều hiệu quả trong việc trồng lúa, nuôi trồng thủy sản.

- Thu, chi ngân sách: tập trung, tích cực, đảm bảo thu đúng, thu đủ theo quy định, tăng cường công tác khai thác nguồn thu, tăng cường công tác chống thất thu trên địa bàn. Chi ngân sách đúng mục tiêu, đối tượng; chi tiết kiệm, hiệu quả. Năm 2023, thu ngân sách xã đạt 16,60 tỷ đồng, chi ngân sách là 16,06 tỷ đồng.

b) Về phát triển văn hóa - xã hội

- Văn hóa, thể dục - thể thao: tập trung tổ chức tốt các hoạt động văn hóa, thể thao, tuyên truyền chào mừng các ngày lễ lớn trong năm 2023. Triển khai, thực hiện tốt việc đăng ký danh hiệu "Gia đình văn hóa", "Thôn văn hóa" năm 2023 theo quy định. Bình xét và hoàn thiện hồ sơ đề nghị Ban chỉ đạo thành phố, huyện biểu dương gia đình văn hóa tiêu biểu năm 2023 cho 04 hộ gia đình, trong đó: cấp thành phố 01 hộ; cấp huyện 03 hộ. Bình xét và đề nghị Ban chỉ đạo của xã biểu dương cho 27 hộ gia đình văn hóa tiêu biểu. Trên địa bàn có nhà văn hóa sinh hoạt cộng đồng các thôn và các sân thể thao ngoài trời với tổng diện tích 18.836 m^2 đáp ứng nhu cầu người dân tham gia các môn thể thao như bóng chuyền hơi, cầu lông, bóng đá,... Tiếp nhận và tặng 687 suất quà của Chủ tịch nước, thành phố, huyện cho các gia đình chính sách, người có công, người nghèo, cận nghèo, người cao tuổi, trẻ em có hoàn cảnh khó khăn trong dịp Tết.

Công trình văn hóa, thể thao xã

- Giáo dục - đào tạo: xã có 03 trường học với tổng diện tích 25.380 m^2, các trường đều đã được nâng cấp, mở rộng, xây mới và đạt chuẩn quốc gia về giáo dục cơ bản đáp ứng nhu cầu học tập của con em trên địa bàn. Tổng kết nhiệm vụ năm học 2022 - 2023 và triển khai, chuẩn bị tốt cơ sở vật chất cho nhiệm vụ năm học 2023 - 2024; huy động 100% học sinh trong độ tuổi ở cả 3 cấp học đến trường đầy đủ.

Trường THCS Mỹ Đồng

Trường mầm non Mỹ Đồng

- Y tế: trạm y tế xã đã được công nhận đạt chuẩn quốc gia có diện tích 2.675 m^2, 05 giường bệnh đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe của người dân. Năm 2023, trạm thực hiện tốt công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu cho Nhân dân. Tổ công tác của trạm đã phối hợp với các cơ quan chức năng thường xuyên kiểm tra đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh và cơ sở bếp tập thể, các cơ sở đều được đánh giá đủ điều kiện đạt tiêu chuẩn về an toàn thực phẩm.

Trạm y tế xã Mỹ Đồng

6. Tình hình phát triển cơ sở hạ tầng

a) Giao thông

Hệ thống đường giao thông trên địa bàn khá tốt và đồng bộ; hầu hết các tuyến đường làng, ngõ xóm đã được bê tông hóa và có đủ chiều rộng cần thiết đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội phục vụ nhu cầu đi lại, vận chuyển hàng hóa của người dân.

Giao thông trên địa bàn xã

b) Cấp điện, chiếu sáng

Hệ thống mạng lưới điện trung thế và hạ thế trên địa bàn xã được đầu tư phát triển nhanh, đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật và độ an toàn của lưới điện; tỷ lệ hộ dân trên địa bàn sử dụng điện đạt 100%, tỷ lệ đường phố được chiếu sáng đạt 95,21%. Năm 2023, sản lượng điện phục vụ sinh hoạt là 13.732.612 kwh, đã cơ bản tạo điều kiện thuận lợi trong phát triển kinh doanh, sản xuất và phục vụ tốt nhu cầu sinh hoạt của người dân.

c) Cấp, thoát nước

Trên địa bàn xã đã có 02 công trình cấp nước tập trung Mỹ Đồng I, II với công suất 400 m^3/ngày đêm đáp ứng nhu cầu sử dụng nước sạch của người dân. Một số ít còn lại chủ yếu sử dụng bể chứa nước mưa, nước giếng khoan qua hệ thống bể lọc đảm bảo vệ sinh. Chiều dài đường cống thoát nước chính là 7,02 km đã cơ bản đảm bảo tiêu thoát nước khi xảy ra mưa lớn.

d) Vệ sinh môi trường

Thường xuyên tuyên truyền, vận động Nhân dân đóng góp, hỗ trợ trong công tác thu gom, vận chuyển rác về bãi tập kết quy định. Công ty môi trường Tân Phát thực hiện đảm bảo việc thu gom và vận chuyển chất thải trên toàn địa bàn xã. Ngoài ra, UBND xã đã phát động phong trào tại các thôn tổng vệ sinh môi trường để chào mừng các ngày lễ, tết. UBND xã đã phối hợp với Hội Nông dân, Hội Phụ nữ triển khai vận động Nhân dân tham gia hưởng ứng mô hình "thùng rác có nắp đậy" nhằm đảm bảo mỹ quan đường làng, ngõ, xóm sạch - đẹp. Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom trên địa bàn năm 2023 đạt 90,14%.

7. Tình hình quốc phòng, an ninh

a) Quốc phòng

Ban chỉ huy quân sự xã đã hoàn thành tốt nhiệm vụ theo hướng dẫn của Ban chỉ huy quân sự huyện và sự chỉ đạo trực tiếp của Đảng ủy xã như: tổ chức tiếp xúc thanh niên lên đường nhập ngũ và thanh niên xuất ngũ trở về địa phương. Thực hiện hoàn thành chỉ tiêu giao quân năm 2023; thực hiện tốt công tác huấn luyện dân quân, công tác hậu phương quân đội và tổ chức đăng ký tuổi 17 theo quy định đạt 100% kế hoạch đề ra.

b) An ninh

Tổ chức ký cam kết cấm buôn bán, tàng trữ, đốt pháo và thả đèn trời tới 100% các hộ dân trên địa bàn. Tăng cường kiểm tra, kiểm soát giữ gìn an ninh, trật tự, an toàn giao thông trên địa bàn xã trước, trong và sau Tết. Phối hợp cùng Ban chỉ huy quân sự xã thực hiện chế độ trực đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội. Đảm bảo trật tự hành lang giao thông, xóa quảng cáo trái phép, vi phạm các quy định của pháp luật. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến kiến thức về phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ tới toàn thể Nhân dân, học sinh, cơ quan, ban ngành đoàn thể và doanh nghiệp. Do đó, tình hình an ninh, trật tự, an toàn xã hội xã Mỹ Đồng được giữ vững, duy trì ổn định.

Xã Mỹ Đồng thực tập phương án phòng cháy chữa cháy

8. Tổ chức bộ máy, biên chế cán bộ

a) Hội đồng nhân dân xã nhiệm kỳ 2021 - 2026

Tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân xã là 25 đại biểu.

Thường trực Hội đồng nhân dân xã gồm: Chủ tịch HĐND (do Bí thư Đảng ủy kiêm nhiệm), 01 Phó Chủ tịch HĐND (hoạt động chuyên trách) và các ủy viên là Trưởng các Ban Hội đồng nhân dân xã.

Hội đồng nhân dân xã có 02 ban: Ban Kinh tế - xã hội và Ban Pháp chế; Trưởng ban, Phó Trưởng ban và các Ủy viên của các Ban Hội đồng nhân dân hoạt động kiêm nhiệm.

b) Ủy ban nhân dân xã

Cơ cấu tổ chức của Ủy ban nhân dân xã gồm: 01 Chủ tịch, 01 Phó Chủ tịch và Ủy viên phụ trách quân sự (Chỉ huy trưởng quân sự), Ủy viên phụ trách công an (Trưởng Công an xã).

Tổng số cán bộ, công chức biên chế được giao: 20 người; trong đó số biên chế hiện có mặt: 19 người, trong đó, cán bộ: 10 người, công chức: 09 người.

- Về trình độ chuyên môn: đại học: 17 người, cao đẳng: 01 người, trung cấp: 01 người.

- Về trình độ lý luận chính trị: trung cấp: 19 người.

VII. XÃ ĐÔNG SƠN

1. Lịch sử hình thành

Trước năm 1945, vùng đất Đông Sơn thuộc tổng Trịnh Xá và tổng Dưỡng Chính và nằm trên địa bàn làng Thiện Đông và Trúc Sơn. Sau năm 1945, đơn vị cấp tổng bị xóa bỏ, nhiều làng xã hợp lại để thành lập đơn vị xã mới.

Những năm 1945 - 1951, làng Thiên Đông thuộc xã Thiên Hưng, Trúc Sơn thuộc xã Song Sơn rồi xã Mỹ Sơn. Tháng 3/1952, xã Đông Sơn được thành lập trên cơ sở các thôn Thiên Đông, Trúc Sơn, Trà Sơn, Mỹ Giang, Trại Kênh.

Năm 1956, các thôn Trà Sơn, Mỹ Giang, Trại Kênh tách ra thành lập xã Kênh Giang, xã Đông Sơn còn lại 02 thôn Trúc Sơn và Thiên Động. Cuối năm 1958, huyện Thủy Nguyên điều chỉnh về thành phố Hải Phòng quản lý. Xã Đông Sơn thuộc huyện Thủy Nguyên và hoạt động ổn định từ đó cho đến nay với 06 thôn, bao gồm: thôn 1, thôn 2, thôn 3, thôn 4, thôn 5, thôn 6.

2. Địa giới hành chính

Xã Đông Sơn nằm gần trung tâm huyện Thủy Nguyên, xã có địa giới hành chính như sau:

- Đông giáp xã Hòa Bình và xã Thủy Đường;
- Tây giáp xã Mỹ Đồng và xã Thiên Hương;
- Nam giáp xã Thủy Sơn;
- Bắc giáp xã Kênh Giang.

3. Diện tích tự nhiên và cơ cấu các loại đất

Tính đến ngày 31/12/2023, xã Đông Sơn có 4,711 km² diện tích tự nhiên, trong đó cơ cấu các loại đất như sau:

- Diện tích đất phi nông nghiệp: 2,06 km²; chiếm tỷ lệ 43,73%;
- Diện tích đất nông nghiệp: 2,65 km²; chiếm tỷ lệ 56,25%;
- Diện tích đất chưa sử dụng: 0,001 km²; chiếm tỷ lệ 0,02%.

4. Quy mô dân số và cơ cấu lao động

Tính đến ngày 31/12/2023, toàn xã có 7.402 người; trong đó dân số thường trú là 7.220 người, dân số tạm trú 182 người.

Tổng số người lao động trong các ngành kinh tế trên địa bàn xã là 4.683 người, trong đó:

- Lao động phi nông nghiệp: 3.789 người, chiếm 80,91%;
- Lao động nông nghiệp: 894 người, chiếm 19,09%.

5. Tình hình phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội

a) Về phát triển kinh tế

- Công nghiệp - xây dựng: các doanh nghiệp và hộ sản xuất kinh doanh cá thể tiếp tục phát triển ổn định các ngành nghề chủ yếu như: cơ khí, xây dựng, hàn

xì,... Để nâng cao tay nghề, nâng cao chất lượng sản phẩm và nâng cao thu nhập người dân, UBND xã đã tích cực phối hợp với các cấp, ngành để mở các lớp tập huấn, đào tạo nghề, chuyển giao kỹ thuật nhằm đa dạng hóa mẫu mã sản phẩm phù hợp với yêu cầu của thị trường.

- Thương mại - dịch vụ: từng bước nâng cao chất lượng phát triển thương mại - dịch vụ, xã Đông Sơn tiếp tục cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư kinh doanh, phát triển thương mại dịch vụ theo hướng hiện đại. Chạy qua địa bàn xã là tuyến đường 10 kết nối với tỉnh Quảng Ninh đã tạo điều kiện thuận lợi cho việc phát triển các ngành thương mại - dịch vụ về vận tải, nhà hàng, nhà nghỉ.

- Nông - lâm - thủy sản: UBND xã đã chỉ đạo Hợp tác xã sản xuất, kinh doanh dịch vụ nông nghiệp chủ động kiểm tra, bảo dưỡng và sửa chữa các trạm bơm, các tuyến mương bị hư hỏng, nạo vét hệ thống kênh mương tưới tiêu đảm bảo thuận lợi cho sản xuất nông nghiệp. Duy trì áp dụng các biện pháp kỹ thuật, thực hiện cơ giới hóa và dịch vụ cho sản xuất nông nghiệp. Vận động Nhân dân tích cực trồng rau màu, cây nguyên liệu thực phẩm các loại trên các vùng đã quy hoạch. Giữ ổn định diện tích gieo trồng, số lượng đàn gia súc, gia cầm theo kế hoạch. Thực hiện tiêm phòng, chống dịch bệnh cho đàn gia súc, gia cầm được đầy đủ; không có dịch bệnh xảy ra trên địa bàn.

- Thu, chi ngân sách: dưới sự chỉ đạo sát sao của huyện và sự nỗ lực cao của UBND xã trong việc triển khai nhiều biện pháp quản lý thu, khai thác các nguồn thu nên thu ngân sách xã cân đối dư; cụ thể: tổng thu ngân sách năm 2023 đạt 11,10 tỷ đồng, tổng chi ngân sách 10,66 tỷ đồng.

b) Về phát triển văn hóa - xã hội

- Văn hóa, thể dục thể thao: thực hiện tốt phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa năm 2023"; kết quả có 6/9 khu dân cư đạt khu dân cư văn hóa, có 90,2% hộ gia đình đạt gia đình văn hóa. Hệ thống phát thanh xã duy trì thời lượng thu, phát sóng đài phát thanh của huyện và các tin bài của địa phương; tuyên truyền kỷ niệm các ngày lễ lớn của đất nước, thành phố, huyện và xã. Công tác xã hội hóa thể dục thể thao được đẩy mạnh; phong trào thể dục thể thao đã lan tỏa khắp các địa bàn dân cư, kết nối tinh thần đoàn kết trong cộng đồng. Từ người dân đến cán bộ, công nhân viên đều lựa chọn cho mình những môn thể thao phù hợp như: bóng chuyền, cầu lông, bóng bàn, đi bộ,... góp phần xây dựng lối sống lành mạnh, khỏe để học tập, lao động, công tác, đồng thời là biện pháp hữu hiệu để tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân, xây dựng đời sống văn hóa mới. Nhân dịp tết, UBND xã tổ chức xét duyệt tặng quà cho các đối tượng chính sách là 161 suất; đối tượng người tàn tật, hộ gia đình và trẻ em có hoàn cảnh khó khăn là 131 suất. Vận động các doanh nghiệp, các nhà hảo tâm, các tổ chức đoàn thể tặng 104 suất quà cho hộ có hoàn cảnh khó khăn.

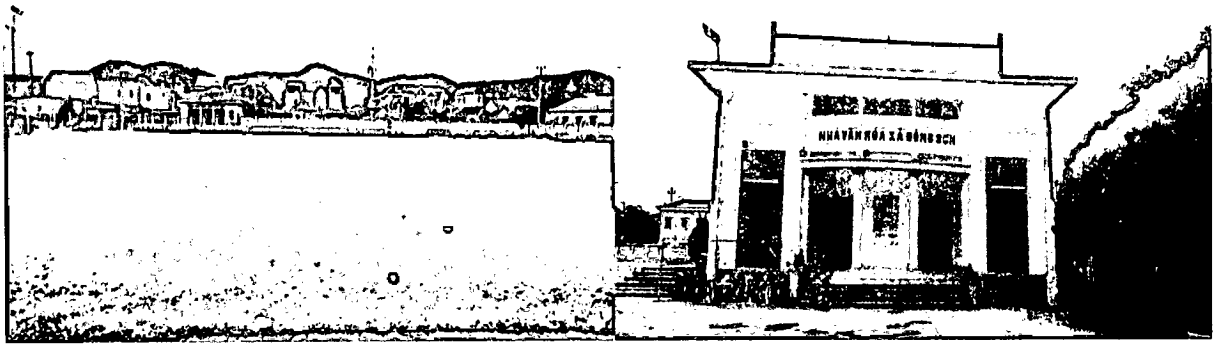

Công trình thể thao xã

- Giáo dục - đào tạo: các nhà trường trên địa bàn đã tập trung công tác chỉ đạo, tổng kết nhiệm vụ năm học 2022 - 2023, tiếp tục triển khai thực hiện nhiệm vụ năm học 2023 - 2024. Tổng diện tích các trường học hiện có là 24.821 m^2; trong đó trường mầm non có diện tích là 6.000 m^2, trường tiểu học có diện tích là 5.821 m^2, trường trung học cơ sở có diện tích là 13.000 m^2. Các trường thực hiện tốt việc dạy và học theo kế hoạch, chỉ đạo, hướng dẫn của ngành.

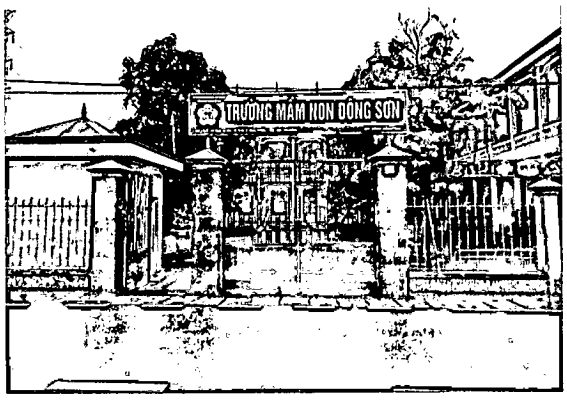

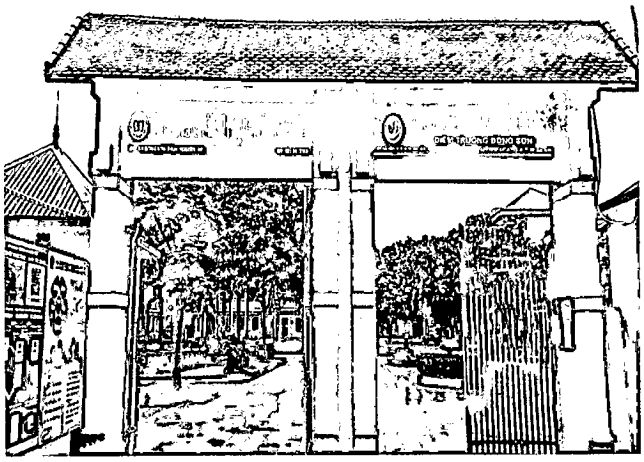

Trường mầm non Đông Sơn *Trường THCS Trần Hưng Đạo*

- Y tế: tiếp tục duy trì và giữ vững Bộ tiêu chí quốc gia về y tế, thường xuyên tổ chức tuyên truyền các biện pháp nâng cao sức khỏe cho cộng đồng. Công tác khám, chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe ban đầu, phụ nữ trước và sau sinh, tiêm vắc-xin và cho trẻ uống vitamin A được thực hiện đầy đủ theo định kỳ. Ngoài ra, đội ngũ cán bộ y tế tại trạm thường xuyên được tham gia các lớp tập huấn nâng cao trình độ chuyên môn, trao đổi kinh nghiệm về khám lập hồ sơ quản lý điều trị bệnh không lây nhiễm, ứng dụng công nghệ thông tin như sử dụng phần mềm khám chữa bệnh, phần mềm quản lý tiêm chủng, bảo hiểm y tế và phần mềm quản lý sức khỏe toàn dân đáp ứng với yêu cầu công việc.

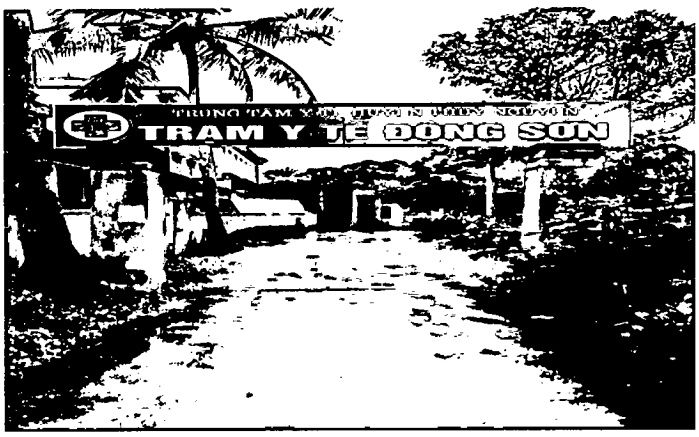

Trạm y tế xã Đông Sơn

6. Tình hình phát triển cơ sở hạ tầng

a) Giao thông

Trên địa bàn xã có tuyến đường quốc lộ 10 chạy qua, cùng các tuyến đường chính với lộ giới từ 5 - 20 m đều được nhựa hóa, bê tông hóa đã đáp ứng nhu cầu đi lại, sản xuất kinh doanh và trao đổi hàng của người dân với các khu vực lân cận. Ngoài ra, các tuyến đường giao thông liên thôn, đường nội đồng cũng đã được bê tông hóa đảm bảo việc đi lại của người dân.

Một số tuyến đường giao thông trên địa bàn xã

b) Cấp điện, chiếu sáng

Các hộ dân được sử dụng mạng lưới điện quốc gia thông qua các trạm biến áp đặt tại các thôn. Năm 2023, sản lượng điện phục vụ sinh hoạt là 7.956.541 kwh. Đến nay, 100% các hộ dân đã sử dụng điện lưới quốc gia, tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển kinh doanh sản xuất, phục vụ tốt sinh hoạt đời sống. Tỷ lệ đường phố chính được chiếu sáng đạt 97,32%.

c) Cấp, thoát nước

Hệ thống nước sạch trên địa bàn xã được cung cấp từ nhà máy nước Đông Sơn thông qua hệ thống truyền tải nước sạch đảm bảo việc cung cấp nước sạch phục vụ sinh hoạt đến từng hộ dân. Năm 2023, tỷ lệ dân số đô thị được cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung và được sử dụng nguồn nước hợp vệ sinh đạt 100%. Hệ thống thoát nước tại địa bàn xã Đông Sơn vẫn chủ yếu là thoát nước chung được phát triển cùng với các khu đô thị, các tuyến đường giao thông. Hệ

thống thoát nước được xây dựng dọc theo các tuyến đường chính với chiều dài 3,92 km cơ bản đáp ứng tốt việc thoát nước mặt và nước từ hộ dân chảy ra qua hệ thống đấu nối chung.

d) Vệ sinh môi trường

Thực hiện tốt công tác tuyên truyền, giáo dục pháp luật đến người dân về công tác bảo vệ môi trường bằng các hình thức nhất là vào các ngày lễ, tuần lễ truyền thông về bảo vệ môi trường. Duy trì thực hiện phong trào "ngày thứ bảy xanh - sạch - đẹp", cương quyết xử lý các hành vi gây ô nhiễm môi trường như xả thải, đổ rác bừa bãi, khói bụi, tiếng ồn... Trong công tác bảo vệ môi trường, xã luôn duy trì tổ thu gom chất thải ở các thôn, đảm bảo không có rác tồn trong dài ngày. Chất thải được đưa ra bãi tập kết, tập trung để vận chuyển đến khu xử lý chất thải để xử lý đảm bảo theo đúng quy trình. Tỷ lệ chất thải được thu gom trên địa bàn hiện đạt 93,91%.

7. Tình hình quốc phòng, an ninh

a) Quốc phòng

Tổ chức xây dựng lực lượng, tham gia huấn luyện sẵn sàng chiến đấu, lực lượng dân quân tự vệ và dự bị động viên. Tổ chức ra quân huấn luyện tại Ban chỉ huy quân sự huyện, huấn luyện dân quân cơ động và dân quân tự vệ năm thứ nhất theo kế hoạch. Tổ chức đăng ký nghĩa vụ quân sự tuổi 17 đạt 100% kế hoạch. Thực hiện tốt quy trình các bước tuyển chọn, gọi công dân lên đường nhập ngũ và làm tốt công tác tổ chức tiếp xúc, tặng quà động viên tân binh lên đường nhập ngũ năm 2023.

b) An ninh

Tình hình an ninh, trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn xã được giữ vững, ổn định. Công an xã tăng cường lực lượng tuần tra đảm bảo tốt về an ninh chính trị nhất là trong thời gian trước, trong và sau tết Nguyên đán. Tăng cường công tác kiểm tra lưu trú, tạm trú; công tác quản lý hành chính. Triển khai thực hiện dự án dữ liệu dân cư quốc gia và dự án cấp căn cước công dân gắn chíp điện tử. Rà soát, kiểm tra các hộ kinh doanh về: nhà nghỉ, quán karaoke, nhà trọ,... yêu cầu thực hiện đúng các quy định về công tác bảo đảm an ninh, trật tự và phòng, chống cháy nổ.

8. Tổ chức bộ máy, biên chế cán bộ

a) Hội đồng nhân dân xã nhiệm kỳ 2021 - 2026

Tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân xã là 25 đại biểu.

Thường trực Hội đồng nhân dân xã gồm: Chủ tịch HĐND (do Bí thư Đảng ủy kiêm nhiệm), 01 Phó Chủ tịch HĐND (hoạt động chuyên trách) và các ủy viên là Trưởng các Ban Hội đồng nhân dân xã.

Hội đồng nhân dân xã có 02 ban: Ban Kinh tế - xã hội và Ban Pháp chế; Trưởng ban, Phó Trưởng ban và các Ủy viên của các Ban Hội đồng nhân dân hoạt động kiêm nhiệm.

b) Ủy ban nhân dân xã

Cơ cấu tổ chức của Ủy ban nhân dân xã gồm: 01 Chủ tịch, 01 Phó Chủ tịch và Ủy viên phụ trách quân sự (Chỉ huy trưởng quân sự), Ủy viên phụ trách công an (Trưởng Công an xã).

Tổng số cán bộ, công chức biên chế được giao: 20 người; trong đó số biên chế hiện có mặt: 18 người, trong đó, cán bộ: 10 người, công chức: 08 người.

- Về trình độ chuyên môn: thạc sĩ: 02 người, đại học: 16 người.

- Về trình độ lý luận chính trị: trung cấp: 17 người, sơ cấp: 01 người.

VIII. XÃ KÊNH GIANG

1. Lịch sử hình thành

Trước năm 1945, vùng đất Kênh Giang thuộc tổng Dưỡng Chính. Sau Cách mạng tháng 8/1945, các đơn vị hành chính được bố trí lại, bỏ cấp tổng, thành lập xã mới, các làng chuyển thành thôn. Tháng 3/1952, xã Đông Sơn được thành lập trên cơ sở các thôn Thiên Đông, Trúc Sơn, Trà Sơn, Mỹ Giang, Trại Kênh.

Năm 1956, các thôn Trà Sơn, Mỹ Giang, Trại Kênh tách ra thành lập xã Kênh Giang; xã Đông Sơn còn lại 02 thôn Trúc Sơn và Thiên Động. Cuối năm 1958, huyện Thủy Nguyên điều chỉnh về thành phố Hải Phòng quản lý. Xã Kênh Giang thuộc huyện Thủy Nguyên và hoạt động ổn định từ đó cho đến nay với 12 thôn, bao gồm: thôn A2, thôn Chu Vườn, thôn Đình Vàn, thôn Chùa Mới, thôn Trại dưới - Ngói, thôn Trại Trên - Phản, thôn Chợ Giá, thôn 1, thôn 3, thôn 6, thôn Đình Trà Sơn, thôn Chùa Trà Sơn.

2. Địa giới hành chính

Xã Kênh Giang nằm ở gần trung tâm của huyện Thủy Nguyên, có địa giới hành chính như sau:

- Đông giáp xã Lưu Kiếm và xã Hòa Bình;

- Tây giáp xã Chính Mỹ và xã Mỹ Đồng;

- Nam giáp xã Đông Sơn;

- Bắc giáp xã Liên Khê và xã Chính Mỹ.

3. Diện tích tự nhiên và cơ cấu các loại đất

Tính đến ngày 31/12/2023, xã Kênh Giang có 7,28 km² diện tích tự nhiên, trong đó cơ cấu các loại đất như sau:

- Diện tích đất phi nông nghiệp: 2,51 km²; chiếm tỷ lệ 34,48%;

- Diện tích đất nông nghiệp: 4,74 km²; chiếm tỷ lệ 65,11%;

- Diện tích đất chưa sử dụng là 0,03 km²; chiếm tỷ lệ 0,41%.

4. Quy mô dân số và cơ cấu lao động

Tính đến ngày 31/12/2023, toàn xã có 11.909 người; trong đó dân số thường trú là 11.733 người, dân số tạm trú 176 người.

Tổng số người lao động trong các ngành kinh tế trên địa bàn xã là 6.124 người, trong đó:

- Lao động phi nông nghiệp: 4.938 người, chiếm 80,63%;

- Lao động nông nghiệp: 1.186 người, chiếm 19,37%.

5. Tình hình phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội

a) Về phát triển kinh tế

- Công nghiệp - xây dựng: cùng với xu thế phát triển "công nghiệp hóa" của thành phố, huyện; các khu công nghiệp và công ty sản xuất, hộ kinh doanh cá thể ngày càng nhiều. Cơ cấu kinh tế đang được chuyển dịch dần sang lĩnh vực công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, thương mại - dịch vụ. Các ngành công nghiệp, dịch vụ, tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn được Nhân dân đầu tư phát triển đa dạng và phong phú đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế, đời sống của Nhân dân từng bước được nâng lên.

- Thương mại - dịch vụ: Kênh Giang có hơn 230 hộ sản xuất kinh doanh, buôn bán nhỏ lẻ với đa dạng các ngành nghề kinh doanh, như: dịch vụ ăn uống, kinh doanh điện tử, buôn bán vật liệu xây dựng, tạp hóa, thời trang, dịch vụ vật tư nông nghiệp,... Để thúc đẩy thương mại, dịch vụ phát triển, xã Kênh Giang đã tập trung huy động các nguồn lực đầu tư, nâng cấp, phát triển kết cấu hạ tầng giao thông đồng bộ, tạo thuận lợi cho giao thương hàng hóa; khuyến khích các hộ có nhà mặt đường mở rộng sản xuất, kinh doanh đa dạng các mặt hàng đáp ứng nhu cầu mua sắm phục vụ sản xuất, tiêu dùng của người dân.

- Nông - lâm - thủy sản: UBND xã đã tập trung chỉ đạo triển khai và thực hiện tốt các nhiệm vụ sản xuất nông nghiệp: duy trì diện tích gieo cấy lúa cả năm, năng suất thu hoạch lúa đạt 130 tạ/ha đạt 100% so với chỉ tiêu. Chăn nuôi gia súc, gia cầm, nuôi trồng thủy sản được duy trì ổn định, đạt 100% theo kế hoạch. Công tác tiêm phòng, chống dịch bệnh cho đàn gia súc, gia cầm, thủy cầm được triển khai có hiệu quả; khuyến khích các hộ dân tiếp tục tăng cường công tác tiêu độc, khử trùng chuồng, trại.

- Thu, chi ngân sách: công tác quản lý thu, chi ngân sách Nhà nước xã ngày càng được quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo và có chuyển biến tích cực; nhiều biện pháp quản lý nguồn thu, chống thất thu, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí đã được tập trung triển khai thực hiện. Tổng thu ngân sách xã năm 2023 đạt 12,87 tỷ đồng, tổng chi ngân sách là 12,13 tỷ đồng.

b) Về phát triển văn hóa - xã hội

- Văn hóa, thể dục - thể thao: năm 2023, đã tổ chức hội nghị bình xét danh hiệu "thôn văn hóa", kết quả 12/12 thôn trên địa bàn xã đạt danh hiệu "thôn văn hóa". Kiểm tra, hướng dẫn các tổ chức, doanh nghiệp, hộ gia đình trong hoạt động

tổ chức lễ hội; cơ sở lưu trú; cơ sở kinh doanh dịch vụ karaoke, internet... đảm bảo theo quy định. Tổ chức tốt các hoạt động thông tin tuyên truyền, cổ động trực quan, văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao trong các ngày lễ, Tết. Năm 2023, đã tổ chức thăm hỏi các đối tượng chính sách có hoàn cảnh đặc biệt, cụ thể: tặng quà của Chủ tịch nước với 238 suất; quà của thành phố đối gia đình chính sách, người có công 239 suất, với hộ nghèo: 8 suất, hộ cận nghèo: 81 suất; quà của huyện với đối tượng thương binh xã hội: 24 suất, với đối tượng người có công: 30 suất.

Công trình thể thao xã

- Giáo dục - đào tạo: tổng diện tích các trường học là 27.985 m^2; trong đó trường mầm non có diện tích là 10.000 m^2, trường tiểu học có diện tích là 10.098 m^2, trường trung học cơ sở có diện tích là 7.887 m^2 cơ bản đáp ứng nhu cầu học tập của con em trên địa bàn. Chất lượng giáo dục của các trường, các cấp học ngày một nâng lên; đội ngũ giáo viên đều đạt chuẩn và trên chuẩn; cơ sở vật chất được đầu tư đúng mức. Các trường giữ vững các tiêu chí đạt chuẩn quốc gia về giáo dục và hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm học 2022 - 2023. Những thành tựu của thầy giáo, cô giáo và học sinh của các trường được cấp trên đánh giá là đơn vị tốp đầu của ngành giáo dục huyện Thủy Nguyên.

Trường THCS Kênh Giang

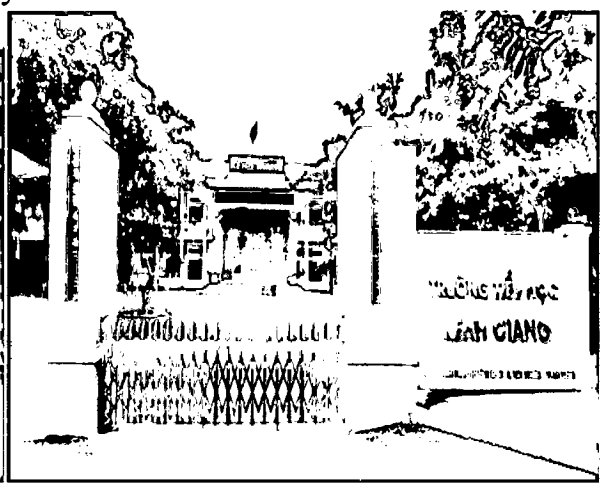

Trường tiểu học Kênh Giang

- Y tế: không ngừng nâng cao chất lượng y tế, làm tốt nhiệm vụ chăm sóc sức khỏe ban đầu cho Nhân dân. Xã có 01 trạm y tế Kênh Giang với diện tích 741 m^2; thời gian qua, trạm y tế đã thực hiện tốt việc khám chữa bệnh ban đầu cho

Nhân dân với 2.996 lượt người; trong đó khám bảo hiểm 210 lượt, khám y học cổ truyền 38 lượt, khám sàng lọc tiêm chủng mở rộng 2.748 lượt; khám quản lý thai nghén cho phụ nữ 145 lượt;...

6. Tình hình phát triển cơ sở hạ tầng

a) Giao thông

Tuyến đường quốc lộ 10 chạy qua địa bàn được kết nối với hệ thống trục chính vào trung tâm xã và kết nối với đường liên thôn được đồng bộ, đảm bảo nhu cầu đi lại và vận chuyển của người dân được thông suốt. Tất cả các tuyến đường giao thông hiện đã được bê tông hóa, cứng hóa và được quan tâm duy tu, bảo trì thường xuyên nhằm đảm bảo an toàn giao thông.

Một số tuyến đường trên địa bàn xã

b) Cấp điện, chiếu sáng

Toàn xã có 11 trạm biến áp, tổng chiều dài đường dây trung áp dài 5,2 km, đường dây hạ áp dài 22 km. Các đường dây điện sau công tơ đến các hộ dùng điện đều đảm bảo chất lượng và đạt yêu cầu của ngành điện. Hàng năm, công ty điện lực thường xuyên kiểm tra chất lượng của các công tơ điện đảm bảo đáp ứng nhu cầu phục vụ điện cho sản xuất, sinh hoạt của người dân. Năm 2023, tổng điện năng phục vụ sinh hoạt là 11.815.905 kwh; tỷ lệ chiều dài đường phố được chiếu sáng là 97,64%.

c) Cấp, thoát nước

Hệ thống nước sạch trên địa bàn xã được cung cấp từ các công trình cấp nước Kênh Giang I, II, III có công suất 600 m^3/ngày đêm. Bên cạnh đó, một số hộ dân cũng sử dụng giếng khoan, hợp vệ sinh phục vụ nhu cầu sinh hoạt, sản xuất. Năm 2023, tỷ lệ dân số đô thị được cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung và được sử dụng nguồn nước hợp vệ sinh đạt 100%. Hệ thống thoát nước mưa trong khu vực chảy theo địa hình được thu và thoát qua hệ thống cống tròn, cống hộp và hệ thống rãnh nắp đan chủ yếu nằm dọc 2 bên trục chính. Hàng năm, hệ thống các đường cống thoát nước, mương tiêu thoát nước thường xuyên được tu sửa đảm bảo thông thoáng cho việc thoát nước.

d) Vệ sinh môi trường

Xã có đơn vị thực hiện thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn là Hợp tác xã sản xuất kinh doanh dịch vụ nông nghiệp Kênh Giang đảm bảo không có rác tồn đọng trong ngày và xảy ra hiện tượng chất thải bừa bãi. Hàng tuần, UBND xã tổ chức thực hiện hiệu quả "Ngày vệ sinh môi trường nông thôn"; hệ thống cây xanh được trồng, bố trí hợp lý trên các tuyến đường giao thông, khu vực công cộng, trường học,... Toàn xã có 08 cơ sở sản xuất, kinh doanh, nuôi trồng thủy sản đều đảm bảo đầy đủ hồ sơ, thủ tục về môi trường không sử dụng thuốc thú y, hóa chất đã hết hạn sử dụng hoặc ngoài danh mục cho phép trong nuôi trồng thủy sản. Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom trên địa bàn năm 2023 đạt 90,45%.

7. Tình hình quốc phòng, an ninh

a) Quốc phòng

Hoàn thành 100% nội dung chương trình huấn luyện dân quân năm thứ nhất, dân quân cơ động, dân quân tại chỗ, dự bị động viên đảm bảo đủ quân số, an toàn và đạt thành tích cao trong huấn luyện. Thực hiện tốt kế hoạch tuyển chọn, gọi công dân nhập ngũ năm 2023 với quân số khám tuyển đạt 100%; hoàn thành 100% chỉ tiêu giao quân năm 2023.

b) An ninh

Tình hình an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội trên địa bàn ổn định, không xảy ra những tình huống bất ngờ. Công an xã tiến hành kiểm tra các cơ sở lưu trú, cơ sở kinh doanh có điều kiện về an ninh, trật tự; thường xuyên tổ chức tuần tra các chốt, điểm đảm bảo an ninh, trật tự; kiểm tra công tác đảm bảo an toàn phòng cháy chữa cháy tại các cơ quan, doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh đồng thời tuyên truyền cho ký cam kết đến từng hộ dân. Triển khai nghiêm túc việc thu thập, chỉnh sửa dữ liệu quốc gia về dân cư và dự án cấp căn cước công dân có gắn chip điện tử theo chủ trương, kế hoạch của cấp trên.

8. Tổ chức bộ máy, biên chế cán bộ

a) Hội đồng nhân dân xã nhiệm kỳ 2021 - 2026

Tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân xã là 27 đại biểu.

Thường trực Hội đồng nhân dân xã gồm: Chủ tịch HĐND (do Bí thư Đảng ủy kiêm nhiệm), 01 Phó Chủ tịch HĐND (hoạt động chuyên trách) và các ủy viên là Trưởng các Ban Hội đồng nhân dân xã.

Hội đồng nhân dân xã có 02 ban: Ban Kinh tế - xã hội và Ban Pháp chế; Trưởng ban, Phó Trưởng ban và các Ủy viên của các Ban Hội đồng nhân dân hoạt động kiêm nhiệm.

b) Ủy ban nhân dân xã

Cơ cấu tổ chức của Ủy ban nhân dân xã gồm: 01 Chủ tịch, 02 Phó Chủ tịch và Ủy viên phụ trách quân sự (Chỉ huy trưởng quân sự), Ủy viên phụ trách công an (Trưởng Công an xã).

Tổng số cán bộ, công chức biên chế được giao: 20 người; trong đó số biên chế hiện có mặt: 18 người, trong đó, cán bộ: 10 người, công chức: 08 người.

- Về trình độ chuyên môn: thạc sĩ: 02 người, đại học: 15 người, trung cấp: 01 người.

- Về trình độ lý luận chính trị: cao cấp: 01 người, trung cấp: 17 người.

IX. XÃ LƯU KỲ

1. Lịch sử hình thành

Trước năm 1945, vùng đất Lưu Kỳ thuộc tổng Trúc Động. Sau Cách mạng tháng 8/1945, đơn vị cấp tổng bị xóa bỏ; 09 làng của tổng Trúc Động hợp nhất với nhau lấy tên là xã Lưu Kiếm. Tháng 3/1957, tách xã Lưu Kiếm thành 02 xã là Lưu Kiếm và xã Liên Khê. Cuối năm 1958, xã Lưu Kiếm được chuyển về huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.

Ngày 25/5/1965, thành lập thêm 01 thôn mới có tên là Lưu Kỳ thuộc xã Lưu Kiếm. Ngày 10/01/2004, theo Nghị định số 18/NĐ-CP của Chính phủ, tách thôn Lưu Kỳ thành lập 01 xã mới lấy tên là Lưu Kỳ. Xã Lưu Kỳ hoạt động và ổn định từ đó cho đến nay với 02 thôn Lưu Kỳ 1, Lưu Kỳ 2.

2. Địa giới hành chính

Xã Lưu Kỳ nằm về phía Bắc của huyện Thủy Nguyên, cách trung tâm huyện khoảng 10 km, có địa giới hành chính như sau:

- Đông giáp xã Gia Minh và xã Lưu Kiếm;

- Tây giáp xã Liên Khê;

- Nam giáp xã Lưu Kiếm;

- Bắc giáp phường Phương Nam thuộc thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh.

3. Diện tích tự nhiên và cơ cấu các loại đất

Tính đến ngày 31/12/2023, xã Lưu Kỳ có 4,43 km² diện tích tự nhiên, trong đó cơ cấu các loại đất như sau:

- Diện tích đất phi nông nghiệp: 1,66 km²; chiếm tỷ lệ 37,47%;

- Diện tích đất nông nghiệp: 2,19 km²; chiếm tỷ lệ 49,44%;

- Diện tích đất chưa sử dụng là 0,58 km²; chiếm tỷ lệ 13,09%.

4. Quy mô dân số và cơ cấu lao động

Tính đến ngày 31/12/2023, toàn xã có 3.108 người; trong đó dân số thường trú là 3.045 người, dân số tạm trú 63 người.

Tổng số người lao động trong các ngành kinh tế trên địa bàn xã là 1.684 người, trong đó:

- Lao động phi nông nghiệp: 1.384 người, chiếm 82,19%;

- Lao động nông nghiệp: 300 người, chiếm 17,81%.

5. Tình hình phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội

a) Về phát triển kinh tế

- Công nghiệp - xây dựng: dưới sự lãnh đạo chỉ đạo của Đảng ủy và sự đồng lòng, quyết tâm của Nhân dân, UBND xã; các doanh nghiệp đã tích cực ứng dụng khoa học công nghệ, mở rộng quy mô sản xuất, đa dạng hóa sản phẩm góp phần giải quyết được lượng lao động dư thừa và tạo thu nhập ổn định cho người dân.

- Thương mại - dịch vụ: xã đã triển khai và thực hiện các cơ chế, chính sách của Đảng và Nhà nước, khuyến khích các thành phần kinh tế hộ gia đình phát triển. Các ngành nghề về dịch vụ theo hướng đa dạng các loại hình, đáp ứng nhu cầu sản xuất kinh doanh và tiêu dùng của Nhân dân như: tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, dịch vụ vận tải,...

- Nông - lâm - thủy sản: sản xuất nông nghiệp được duy trì và tăng trưởng khá góp phần ổn định đời sống người dân. Năm 2023, năng suất lúa bình quân đạt 52 tạ/ha đạt 103,4% kế hoạch năm. Hiện nay, để phát triển và mở rộng mô hình nuôi trồng thủy sản cho năng suất cao, xã đã và đang thực hiện kế hoạch chuyển đổi đất trồng lúa sang đất nuôi trồng thủy sản. Công tác triển khai phòng, chống dịch bệnh, tiêm phòng cho đàn gia súc, gia cầm được thực hiện đầy đủ. Tổng đàn gia súc, gia cầm và thủy cầm được duy trì ổn định đạt 100% kế hoạch năm.

- Thu, chi ngân sách: thực hiện dự toán được giao, ngay từ đầu năm, xã Lưu Kỳ đã đẩy mạnh khai thác các nguồn thu, phấn đấu thu đúng, thu đủ và kịp thời các khoản thuế, phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác vào ngân sách Nhà nước. Công tác tuyên truyền được thực hiện dưới nhiều hình thức để các chính sách thuế đến được với từng đối tượng nộp thuế. Tổng thu ngân sách năm 2023 của xã đạt 5,69 tỷ đồng; chi ngân sách là 5,54 tỷ đồng.

b) Về phát triển văn hóa - xã hội

- Văn hóa, thể dục - thể thao: công tác văn hóa - xã hội thường xuyên được chú trọng, làm tốt công tác thông tin tuyên truyền chủ trương, đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước và những sự kiện quan trọng của địa phương. Việc tổ chức đăng ký, bình xét các danh hiệu văn hóa được thực hiện công khai, dân chủ, đúng quy trình. Năm 2023 có trên 94,05% gia đình đạt danh hiệu gia đình văn hóa. Bên cạnh đó, xã cũng quan tâm đầu tư, xây dựng cơ sở vật chất cho hoạt động thể dục - thể thao gắn với phong trào xây dựng thiết chế văn hóa cơ sở. Đến nay, hầu hết hệ thống các sân bãi thể dục - thể thao trên địa bàn có chất lượng kiên cố, trang thiết bị luyện tập tiên tiến đáp ứng nhu cầu sinh hoạt văn hóa, rèn luyện sức khỏe và thi đấu các môn thể thao nâng cao thể chất, sức khỏe của người dân. Duy trì thực hiện việc quản lý, theo dõi biến động về đối tượng và thực hiện đầy

đủ, kịp thời các chế độ theo quy định. Thực hiện chi trả trợ cấp thường xuyên cho 564 lượt đối tượng; tặng quà Chủ tịch nước cho gia đình chính sách: 124 suất; quà thành phố cho gia đình chính sách 133 suất; xét duyệt cho 04 trường hợp người có công và thân nhân liệt sỹ có khó khăn về nhà ở để hỗ trợ sửa chữa.

- Giáo dục - đào tạo: trên địa bàn xã có 02 trường học, trong đó trường mầm non Lưu Kỳ có diện tích 4.998 m^2, trường tiểu học Lưu Kỳ có 6.904 m^2. Quy mô trường lớp được giữ vững, cơ sở vật chất đảm bảo chất lượng cho hoạt động giáo dục và đào tạo được tăng cường, các trang thiết bị phục vụ dạy và học được quan tâm, đầu tư mới. Tổng kết năm học 2022 - 2023, các trường hoàn thành chương trình dạy và học; tỷ lệ học sinh hoàn thành và chuyển lớp đạt 100%; học sinh khá, giỏi đạt trên 80%. Các nhà trường đã thực hiện tốt công tác dạy và học đảm bảo chất lượng, duy trì sĩ số theo quy định. Thực hiện tốt nội quy, quy chế, công tác quản lý giáo dục, xã hội hóa giáo dục được tăng cường, cơ bản hoàn thành tốt các mục tiêu, nhiệm vụ về giáo dục - đào tạo.

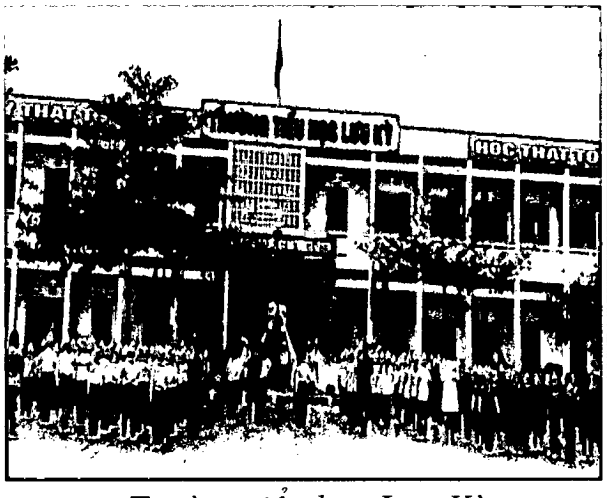

Trường tiểu học Lưu Kỳ

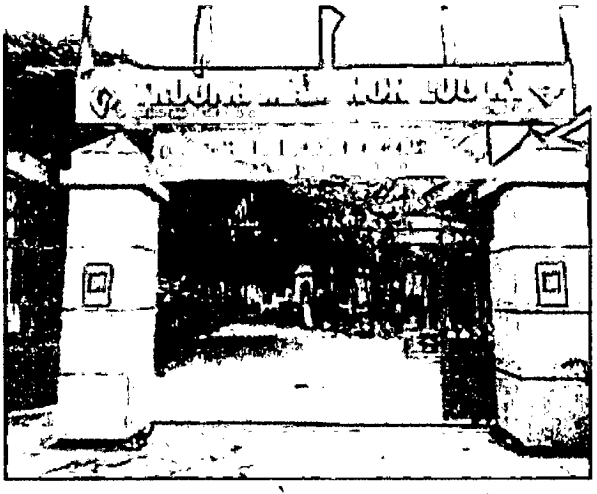

Trường mầm non Lưu Kỳ

- Y tế: Lưu Kỳ có 01 trạm y tế với diện tích 1.246 m^2. Năm 2023, tiếp tục thực hiện có hiệu quả các chương trình mục tiêu quốc gia về y tế; nâng cao chất lượng khám chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe ban đầu cho Nhân dân. Đồng thời, thực hiện tốt chương trình tiêm chủng vắc-xin mở rộng cho trẻ em và bà mẹ mang thai, chăm sóc sức khỏe cho các đối tượng chính sách, người nghèo đạt tỷ lệ cao. Ngoài ra, trạm y tế tăng cường kiểm soát chặt chẽ công tác vệ sinh an toàn thực phẩm, không để tình trạng ngộ độc thực phẩm trong những ngày trước, trong và sau tết.

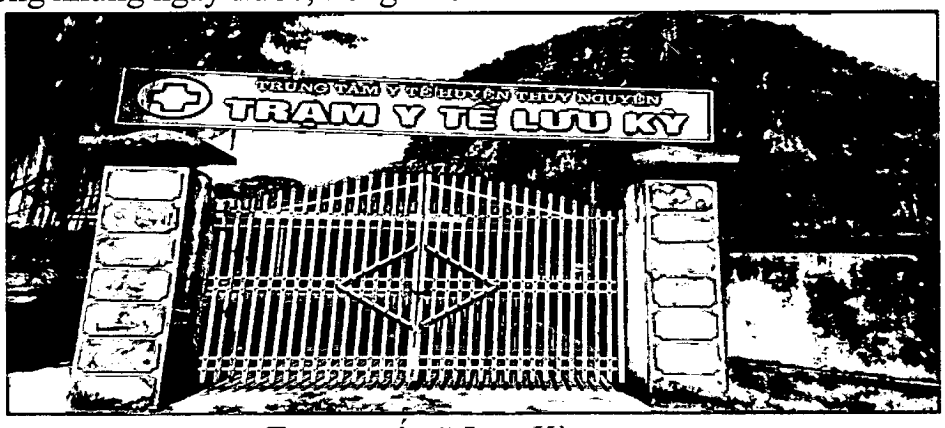

Trạm y tế xã Lưu Kỳ

6. Tình hình phát triển cơ sở hạ tầng

a) Giao thông

Hệ thống đường giao thông trên địa bàn xã khá tốt; sự kết nối đồng bộ, liên thông với các tuyến đường quốc lộ, tỉnh lộ, tuyến đường trục chính trên địa bàn đã tạo ra nhiều điều kiện thuận lợi trong việc giao thương, kết nối trong khu vực, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội. Tổng chiều dài các tuyến đường chính trên địa bàn xã là 4,69 km, các tuyến đường nội bộ trong các khu dân cư với bề rộng mặt đường 3 - 5 m đã được bê tông hóa và nhựa hóa. Ngoài ra, còn có hệ thống đường ngõ xóm cũng được xã đổ bê tông và nhựa hóa với tổng chiều dài 3,16 km đáp ứng nhu cầu đi lại của người dân.

Tuyến đường trên địa bàn xã

b) Cấp điện, chiếu sáng

Trên địa bàn xã có hệ thống lưới điện trung áp 22 KV chạy qua địa bàn xã. Toàn bộ các hộ dân của xã đều được cấp điện sinh hoạt, điện sản xuất từ các trạm cao áp thông qua trạm biến áp trung gian đặt tại các thôn. Năm 2023, tổng điện năng phục vụ sinh hoạt là 3.147.288 kwh. Hệ thống chiếu sáng tại các thôn được quan tâm đầu tư, đến nay cơ bản các tuyến đường trong xã đã có điện chiếu sáng công cộng.

c) Cấp, thoát nước

Hệ thống cấp nước sạch được lắp đặt dọc theo các tuyến đường dẫn vào các thôn, cơ bản đáp ứng nhu cầu sử dụng nước phục vụ sinh hoạt cho người dân. Năm 2023, tỷ lệ hộ dân sử dụng nguồn nước sạch, hợp vệ sinh trên địa bàn xã đạt 97,38%. Những năm qua, chính quyền xã đã tiến hành nâng cấp, cải tạo và xây mới một số tuyến cống thoát nước để giải quyết tình trạng ngập úng trong mùa mưa bão. Ngoài ra, nước thải từ các hộ gia đình được xử lý qua hệ thống bể tự hoại 2 - 3 ngăn trước khi thải ra hệ thống thoát nước chung của huyện.

d) Vệ sinh môi trường

Hàng năm, công tác bảo vệ môi trường được đẩy mạnh. Xã đã duy trì hiệu quả các điểm thu gom chất thải tại các thôn, khắc phục tình trạng vứt rác bừa bãi nơi công cộng, nâng cao biện pháp tuyên truyền đến Nhân dân về ý thức trách nhiệm trong công tác bảo vệ môi trường. Cùng với đó, UBND xã Lưu Kỳ cũng phân công, giao nhiệm vụ cụ thể cho các tổ chức đoàn thể đảm nhận các đoạn đường, tuyến đường tự quản với các hoạt động quét dọn, vệ sinh và trồng, chăm sóc hoa 2 bên đường. Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom trên địa bàn năm 2023 đạt 90,15%.

7. Tình hình quốc phòng, an ninh

a) Quốc phòng

Xây dựng kế hoạch thực hiện Đề án phát huy vai trò của lực lượng Quân đội Nhân dân tham gia công tác phổ biến giáo dục pháp luật, vận động Nhân dân chấp hành pháp luật tại cơ sở theo kế hoạch. Tổ chức tiếp xúc tặng quà cho thanh niên lên đường nhập ngũ và thanh niên xuất ngũ về địa phương. Thực hiện tốt đăng ký, quản lý nguồn dự bị động viên; tổ chức biên chế đủ quân số. Hoàn thành kế hoạch kiểm tra, sẵn sàng động viên huấn luyện năm 2023; làm tốt công tác bổ nhiệm, miễn nhiệm cán bộ quân nhân dự bị theo quy định.

b) An ninh

Công tác an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được các cấp ủy, chính quyền quan tâm lãnh đạo chỉ đạo. Lực lượng Công an xã tăng cường kiểm tra, tuần tra bảo đảm an ninh chính trị, an toàn giao thông và trật tự xã hội trong dịp trước, trong và sau tết không để xảy ra vụ việc phức tạp trên địa bàn. Thực hiện tốt công tác quản lý dân cư trên địa bàn. Thành lập đoàn kiểm tra liên ngành tiến hành ký cam kết, kiểm tra, hướng dẫn hộ gia đình kết hợp với sản xuất kinh doanh về công tác đảm bảo an toàn phòng cháy chữa cháy,...

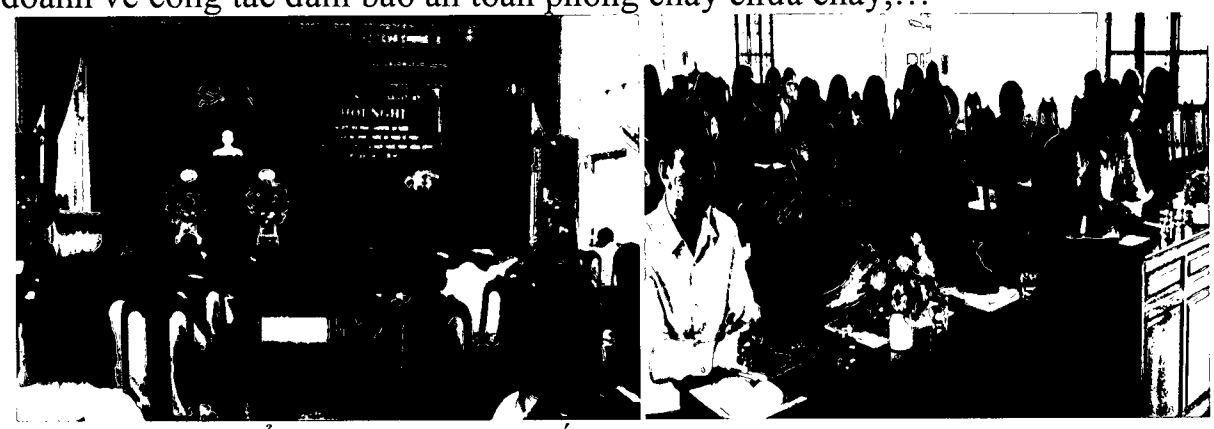

Xã Lưu Kỳ tổ chức Hội nghị ra mắt mô hình Camera an ninh, an toàn PCCC

8. Tổ chức bộ máy, biên chế cán bộ

a) Hội đồng nhân dân xã nhiệm kỳ 2021 - 2026

Tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân xã là 19 đại biểu.

Thường trực Hội đồng nhân dân xã gồm: Chủ tịch HĐND (do Bí thư Đảng ủy kiêm nhiệm), 01 Phó Chủ tịch HĐND (hoạt động chuyên trách) và các ủy viên là Trưởng các Ban Hội đồng nhân dân xã.

Hội đồng nhân dân xã có 02 ban: Ban Kinh tế - xã hội và Ban Pháp chế; Trưởng ban, Phó Trưởng ban và các Ủy viên của các Ban Hội đồng nhân dân hoạt động kiêm nhiệm.

b) Ủy ban nhân dân xã

Cơ cấu tổ chức của Ủy ban nhân dân xã gồm: 01 Chủ tịch, 01 Phó Chủ tịch và Ủy viên phụ trách quân sự (Chỉ huy trưởng quân sự do Chủ tịch Hội cựu chiến binh kiêm nhiệm), Ủy viên phụ trách công an (Trưởng Công an xã).

Tổng số cán bộ, công chức biên chế được giao: 18 người; trong đó số biên chế hiện có mặt: 17 người, trong đó, cán bộ: 10 người, công chức: 07 người.

- Về trình độ chuyên môn: thạc sĩ: 01 người, đại học: 15 người, trung cấp: 01 người.

- Về trình độ lý luận chính trị: trung cấp: 15 người, sơ cấp: 02 người.

X. XÃ LƯU KIẾM

1. Lịch sử hình thành

Trước năm 1945, vùng đất Lưu Kiếm thuộc tổng Trúc Động, huyện Thủy Đường. Năm 1886, huyện Thủy Đường đổi tên thành huyện Thủy Nguyên và tổng Trúc Động được chuyển về huyện Yên Hưng, tỉnh Quảng Yên quản lý.

Sau Cách mạng tháng 8/1945, đơn vị cấp tổng bị xóa bỏ; 09 làng của tổng Trúc Động hợp nhất với nhau lấy tên là xã Lưu Kiếm. Cuối năm 1947, xã Lưu Kiếm được sáp nhập vào huyện Thủy Nguyên.

Tháng 3/1957, tách xã Lưu Kiếm thành 02 xã là Lưu Kiếm và xã Liên Khê. Cuối năm 1958, xã Lưu Kiếm được chuyển về huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng. Ngày 25/5/1965, thành lập thêm 01 thôn mới có tên là Lưu Kỳ thuộc xã Lưu Kiếm. Lúc này xã Lưu Kiếm có 04 thôn lớn: Trúc Động, Phúc Liệt, Mỹ Liệt và Lưu Kỳ.

Ngày 10/01/2004, theo Nghị định số 18/NĐ-CP của Chính phủ, tách thôn Lưu Kỳ thành lập 01 xã mới lấy tên là Lưu Kỳ. Xã Lưu Kiếm hoạt động ổn định từ đó cho đến nay với 09 thôn, bao gồm: thôn 1A, thôn 1B, Chợ Tổng, Phúc Nam, Trung, Phúc, Cây Quân, Giữa, Dưới.

2. Địa giới hành chính

Xã Lưu Kiếm nằm ở phía Bắc của huyện Thủy Nguyên, cách trung tâm huyện khoảng 07 km và có địa giới hành chính như sau:

- Đông giáp xã Minh Tân;

- Tây giáp xã Lưu Kỳ và xã Liên Khê;

- Nam giáp xã Kênh Giang và xã Hòa Bình;

- Bắc giáp xã Lưu Kỳ và xã Gia Minh.

3. Diện tích tự nhiên và cơ cấu các loại đất

Tính đến ngày 31/12/2023, xã Lưu Kiếm có 10,53 km² diện tích tự nhiên, trong đó cơ cấu các loại đất như sau:

- Diện tích đất phi nông nghiệp: 4,30 km²; chiếm tỷ lệ 40,84%;

- Diện tích đất nông nghiệp: 5,90 km²; chiếm tỷ lệ 56,03%;

- Diện tích đất chưa sử dụng là 0,33 km²; chiếm tỷ lệ 3,13%.

4. Quy mô dân số và cơ cấu lao động

Tính đến ngày 31/12/2023, toàn xã có 13.346 người; trong đó dân số thường trú là 13.084 người, dân số tạm trú 262 người.

Tổng số người lao động trong các ngành kinh tế trên địa bàn xã là 7.345 người, trong đó:

- Lao động phi nông nghiệp: 6.012 người, chiếm 81,85%;

- Lao động nông nghiệp: 1.333 người, chiếm 18,15%.

5. Tình hình phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội

a) Về phát triển kinh tế

- Công nghiệp - xây dựng: ngành công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và xây dựng phát triển ổn định. Các cơ sở sản xuất tiểu thủ công nghiệp cũng tăng cường đầu tư mua sắm trang thiết bị, mở rộng cơ sở sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm nhằm đáp ứng nhu cầu thị trường, mang lại hiệu quả kinh tế cao.

- Thương mại - dịch vụ: hoạt động thương mại - dịch vụ tiếp tục phát triển mạnh, nổi bật là các hoạt động kinh doanh như: nhà hàng, quán ăn, dịch vụ lưu trú, vận chuyển hàng hóa,... Thị trường hàng hóa trên địa bàn xã phong phú, đa dạng đảm bảo cung ứng đủ nguồn hàng phục vụ người tiêu dùng.

- Nông - lâm - thủy sản: sản xuất nông nghiệp phát triển theo hướng sản xuất hàng hóa, khuyến khích người dân đưa giống mới có năng suất và giá trị cao trên thị trường vào gieo trồng. Thường xuyên đôn đốc người dân gieo cấy đúng lịch, đúng vụ, duy trì diện tích trồng trọt theo kế hoạch đặt ra; phát triển, mở rộng cả về mô hình, số lượng con giống chăn nuôi; tổ chức tiêm phòng, chống dịch bệnh cho các đàn gia súc, gia cầm được đầy đủ, định kỳ,...

- Thu, chi ngân sách: thực hiện điều hành ngân sách đáp ứng kịp thời các nhiệm vụ đột xuất phát sinh, đảm bảo tiết kiệm, chặt chẽ và hiệu quả, thực hiện tốt chủ trương thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Thực hiện nghiêm túc chỉ đạo của cấp trên về tiết kiệm chi ngân sách, luôn bám sát dự toán đã được phân. Năm 2023, tổng thu ngân sách xã đạt 10,27 tỷ đồng; chi ngân sách là 9,53 tỷ đồng.

b) Về phát triển văn hóa - xã hội

- Văn hóa, thể dục - thể thao: những năm qua, công tác thông tin tuyên truyền chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật Nhà nước đến người dân luôn được quan tâm nhất là tuyên truyền và thực hiện phong trào thi đua xây dựng đô thị văn minh. Các phong trào văn hóa, thể dục - thể thao được phát triển, phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở cơ sở được duy trì thực hiện. Hệ thống sân luyện tập thể thao tại các thôn đã cơ bản đã đáp ứng nhu cầu rèn luyện sức khỏe, nâng cao đời sống tinh thần của người dân. Công tác chăm lo cho các đối tượng chính xã hội, cán bộ, người lao động và Nhân dân nhân dịp tết Nguyên đán được thực hiện tốt; đã tổ chức tiếp nhận, trao quà của Chủ tịch nước, thành phố, huyện, xã và các nhà hảo tâm cho các đối tượng hộ nghèo người có công, thương binh, bệnh binh, gia đình liệt sỹ, người nhiễm chất độc hóa học, người có hoàn cảnh khó khăn là 2.061 suất. Hoàn thiện 07 hồ sơ đề nghị xây sửa nhà cho các đối tượng chính sách người có công.

Một số công trình văn hóa trên địa bàn xã

- Giáo dục - đào tạo: trên địa bàn xã có 04 trường học, gồm: 02 trường mầm non Lưu Kiếm với diện tích 10.339 m^2, trường tiểu học Lưu Kiếm với diện tích 14.037 m^2 và trường trung học cơ sở Lưu Kiếm với diện tích 13.869 m^2. Hệ thống trường, lớp và các trang thiết bị giảng dạy thường xuyên được quan tâm đầu tư, bổ sung và nâng cấp đảm bảo tốt nhu cầu dạy và học của giáo viên và học sinh. Năm học 2022 - 2023, các nhà trường đã hoàn thành tốt các chỉ tiêu nhiệm vụ của ngành đề ra. Chất lượng giáo dục được nâng lên, các cuộc thi học sinh giỏi và giáo viên dạy giỏi luôn đạt kết quả cao. 100% cán bộ, giáo viên thực hiện tốt phong trào xây dựng trường học thân thiện - học sinh tích cực.

Trường tiểu học Lưu Kiếm *Trường THCS Lưu Kiếm*

- Y tế: trạm y tế xã Lưu Kiếm đã được công nhận đạt chuẩn quốc gia về y tế có diện tích sử dụng: 3.900 m^2 đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe và khám chữa bệnh của người dân. Hàng năm, trạm y tế xã kết hợp với các ngành thường xuyên tổ chức công tác kiểm tra an toàn thực phẩm tại các cơ sở chế biến thực phẩm trên địa bàn xã. Duy trì đầy đủ công tác thường trực 24/24 của trạm y tế; thực hiện tốt việc khám chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe ban đầu cho Nhân dân trên địa bàn.

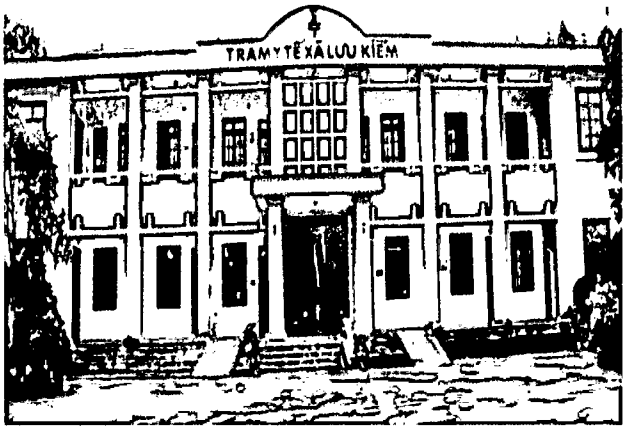

Trạm y tế xã Lưu Kiếm

6. Tình hình phát triển cơ sở hạ tầng

a) Giao thông

Gắn với thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới nâng cao, hệ thống đường giao thông trên địa bàn đã được các cấp chính quyền quan tâm đầu tư xây dựng. Ngoài ra, xã còn có các tuyến đường liên thôn, liên xã với tổng chiều dài 17,41 km và hệ thống đường giao thông liên thôn được cứng hóa tạo điều kiện cho người dân giao thương, phát triển kinh tế.

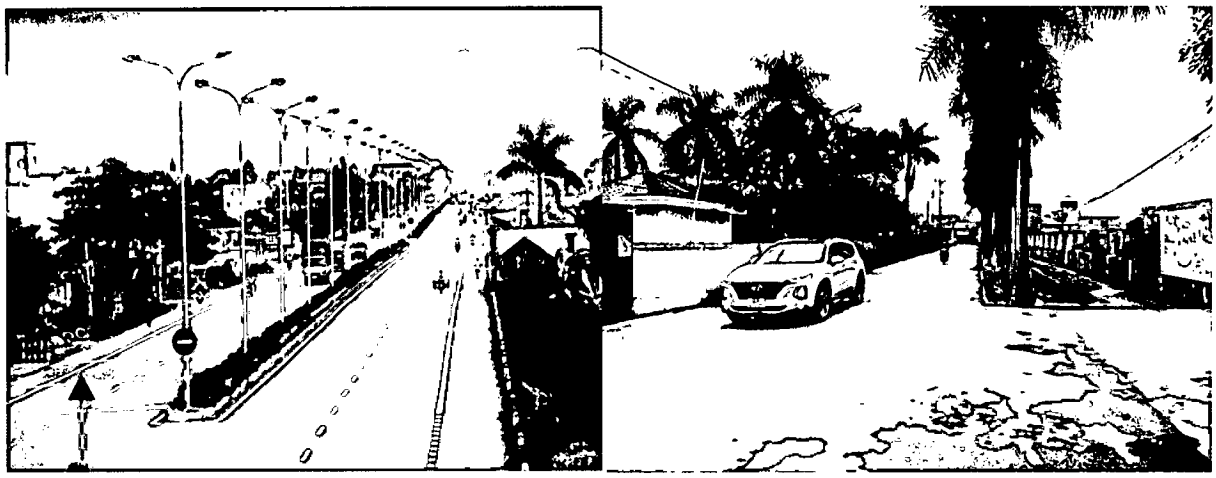

Một số tuyến đường trên địa bàn xã

b) Cấp điện, chiếu sáng

Hệ thống lưới điện trung thế và lưới điện hạ thế đã được phủ kín trên toàn địa bàn xã. Năm 2023, sản lượng điện phục vụ sinh hoạt là 15.382.247 kwh. Đến nay, 100% các hộ đã sử dụng điện lưới quốc gia, tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển kinh doanh sản xuất, phục vụ tốt sinh hoạt đời sống. Các trục đường chính và ngõ xóm được đầu tư lắp điện chiếu sáng đảm bảo an toàn giao thông và phòng chống tệ nạn xã hội. Tỷ lệ đường phố chính được chiếu sáng đạt 95,98%.

c) Cấp, thoát nước

Hệ thống cấp nước sạch được lắp đặt dọc theo các tuyến đường dẫn vào các thôn cơ bản đáp ứng nhu cầu sử dụng nước phục vụ sinh hoạt cho người dân. Bên cạnh nguồn nước sạch được cung cấp từ nhà máy cấp nước tập trung, các hộ dân còn sử dụng nước hợp vệ sinh từ nguồn nước mưa, nước giếng khoan được xử lý qua bể lọc để phục vụ cho sản xuất cũng như sinh hoạt. Tỷ lệ hộ dân sử dụng nguồn nước sạch, hợp vệ sinh trên địa bàn xã đạt 100%. Hệ thống thoát nước được xây dựng dọc theo các tuyến đường chính với chiều dài 11,75 km cơ bản đáp ứng tốt công tác tiêu thoát nước mưa cũng như nước thải sinh hoạt từ các hộ dân chảy ra.

d) Vệ sinh môi trường

Duy trì hoạt động thu gom, xử lý chất thải sinh hoạt, chất thải rắn trong các thôn theo lịch hàng ngày không để hiện tượng tồn đọng chất thải gây mất mỹ quan và ô nhiễm môi trường. Phát động phong trào tết trồng cây và trồng thêm cây xanh đường phố trên các tuyến đường trục chính. Tăng cường công tác tuyên truyền vận động, nâng cao ý thức, trách nhiệm, tạo thói quen của Nhân dân trong việc tự giữ gìn, bảo vệ môi trường, phân loại, thu gom các loại chất thải sinh hoạt gia đình. Tỷ lệ chất thải được thu gom trên địa bàn đạt 93,45%..

7. Tình hình quốc phòng, an ninh

a) Quốc phòng

Duy trì trực sẵn sàng chiến đấu, trực chỉ huy, trực ban theo quy định. Triển khai lực lượng dân quân phối hợp lực lượng Công an tuần tra, giữ vững các mục

tiêu quan trọng, giữ vững tình hình an ninh chính trị - trật tự an toàn xã hội trên địa bàn xã. Duy trì lịch trực sẵn sàng chiến đấu, đảm bảo an toàn trong các ngày Tết và các ngày lễ, kỷ niệm trọng đại. Hoàn thành việc tổ chức xét duyệt, khám sơ tuyển thanh niên nhập ngũ năm 2023 theo kế hoạch đặt ra; hoàn thành công tác nhận và giao quân trang, tổ chức tiếp xúc tặng quà thanh niên nhập ngũ năm 2023 với 24 thanh niên đạt 100% chỉ tiêu.

b) An ninh

Tình hình an ninh chính trị trên địa bàn xã đảm bảo ổn định, không có vấn đề phức tạp xảy ra. Công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm được tăng cường. Trong năm, Công an xã đã tổ chức các đợt ra quân trấn áp tội phạm, phòng chống tệ nạn xã hội trên địa bàn. Ngoài ra, Công an xã đã chủ động phòng chống tội phạm nhất là tội phạm ma túy, tội phạm hình sự, tội phạm trong lứa tuổi thanh thiếu niên và tiếp tục triển khai đồng bộ các biện pháp nhằm kiềm chế, giảm thiểu tai nạn giao thông. Tăng cường kiểm tra, thu hồi vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ, phòng chống cháy nổ.

8. Tổ chức bộ máy, biên chế cán bộ

a) Hội đồng nhân dân xã nhiệm kỳ 2021 - 2026

Tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân xã là 27 đại biểu.

Thường trực Hội đồng nhân dân xã gồm: Chủ tịch HĐND (do Bí thư Đảng ủy kiêm nhiệm), 01 Phó Chủ tịch HĐND (hoạt động chuyên trách) và các ủy viên là Trưởng các Ban Hội đồng nhân dân xã.

Hội đồng nhân dân xã có 02 ban: Ban Kinh tế - xã hội và Ban Pháp chế; Trưởng ban, Phó Trưởng ban và các Ủy viên của các Ban Hội đồng nhân dân hoạt động kiêm nhiệm.

b) Ủy ban nhân dân xã

Cơ cấu tổ chức của Ủy ban nhân dân xã gồm: 01 Chủ tịch, 01 Phó Chủ tịch và Ủy viên phụ trách quân sự (Chỉ huy trưởng quân sự), Ủy viên phụ trách công an (Trưởng Công an xã).

Tổng số cán bộ, công chức biên chế được giao: 20 người; trong đó số biên chế hiện có mặt: 18 người, trong đó, cán bộ: 10 người, công chức: 08 người.

- Về trình độ chuyên môn: đại học: 17 người, trung cấp: 01 người.

- Về trình độ lý luận chính trị: trung cấp: 18 người.

XI. THỊ TRẤN NÚI ĐÈO

1. Lịch sử hình thành

Thị trấn Núi Đèo được thành lập ngày 18/3/1986 tại Quyết định số 23/QĐ-HĐBT trên cơ sở điều chỉnh một phần địa giới hành chính của các xã Thủy Sơn và

Thủy Đường. Thị trấn Núi Đèo hoạt động và ổn định từ đó cho tới ngày nay với 05 tổ dân phố, bao gồm: Bạch Đằng 1, Bạch Đằng 2, 25.10, Hàm Long, Đà Nẵng.

2. Địa giới hành chính

Thị trấn Núi Đèo nằm trọn trong phần địa giới hành chính của các xã Thủy Đường và xã Thủy Sơn; có địa giới hành chính như sau:

- Đông giáp xã Thủy Đường;

- Tây giáp xã Thủy Sơn;

- Nam và Bắc giáp xã Thủy Đường và xã Thủy Sơn.

3. Diện tích tự nhiên và cơ cấu các loại đất

Tính đến ngày 31/12/2023, thị trấn Núi Đèo có 1,03 km² diện tích tự nhiên, trong đó cơ cấu các loại đất như sau:

- Diện tích đất phi nông nghiệp: 0,99 km²; chiếm tỷ lệ 96,12%;

- Diện tích đất nông nghiệp: 0,04 km²; chiếm tỷ lệ 3,87%;

- Diện tích đất chưa sử dụng: 0,0001 km²; chiếm tỷ lệ 0,01%.

4. Quy mô dân số và cơ cấu lao động

Tính đến ngày 31/12/2023, toàn thị trấn có 6.827 người; trong đó dân số thường trú là 6.188 người, dân số tạm trú 639 người.

Tổng số người lao động trong các ngành kinh tế trên địa bàn thị trấn là 3.795 người, trong đó:

- Lao động phi nông nghiệp: 3.575 người, chiếm 94,20%;

- Lao động nông nghiệp: 220 người, chiếm 5,80%.

5. Tình hình phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội

a) Về phát triển kinh tế

- Công nghiệp - xây dựng: khuyến khích và tạo mọi điều kiện thuận lợi cho các công ty, doanh nghiệp và cá nhân đầu tư phát triển các nghề như: sửa chữa cơ khí, điện tử, gò hàn, nghề mộc, nề và một số ngành nghề khác. Các thành phần kinh tế, doanh nghiệp tư nhân kinh doanh ở nhiều lĩnh vực khác nhau đã tạo công ăn việc làm và tạo thu nhập ổn định cho nhiều lao động trên địa bàn. Hoạt động xây dựng phát triển mạnh, nhất là xây dựng các dự án trọng điểm của huyện và xây dựng khu dân cư tập trung, nhà ở tư nhân. Trên cơ sở các quy hoạch đã được phê duyệt, UBND thị trấn cũng đầu tư nâng cấp, sửa chữa các tuyến giao thông chính kết nối với khu dân cư, trường học,... Ngoài ra, công tác giải phóng mặt bằng và bảo vệ tài nguyên cũng luôn được chú trọng đảm bảo không có hiện tượng lấn chiếm đất công, lòng đường vỉa hè tạo mỹ quan đô thị.

- Thương mại - dịch vụ: UBND thị trấn đã tập trung chỉ đạo thực hiện tốt các chủ trương nhằm thúc đẩy, phát triển mở rộng các hoạt động thương mại - dịch

vụ với quy mô đa dạng các loại hình dịch vụ sản xuất kinh doanh; tạo hành lang pháp lý cho các tổ chức cá nhân đầu tư phát triển, yên tâm trong sản xuất tạo công ăn việc làm, tăng thu nhập cho người dân. Thị trường hàng hóa trên địa bàn thị trấn phong phú, đa dạng đảm bảo cung ứng đủ nguồn hàng phục vụ người tiêu dùng. Giá cả các mặt hàng cơ bản ổn định đáp ứng được nhu cầu của Nhân dân.

Trung tâm thương mại

Cửa hàng trên địa bàn thị trấn

- Nông - lâm - thủy sản: trên địa bàn thị trấn hiện nay không còn diện tích đất trồng lúa, chỉ có một phần đất nông nghiệp thuộc phạm vi rừng phòng hộ. Công tác tuyên truyền, vận động bằng nhiều hình thức đến các tổ chức, cá nhân để thực hiện các biện pháp bảo vệ rừng và phòng chống cháy rừng được đẩy mạnh. Làm tốt công tác phòng chống dịch cho các đàn gia súc, gia cầm, động vật nuôi. Tổ chức tốt các hoạt động tiêm phòng cho các đàn chó, mèo và cho các đàn gia cầm trên địa bàn.

- Thu, chi ngân sách: trong công tác thu - chi ngân sách, UBND thị trấn đã chỉ đạo quyết liệt các biện pháp triển khai thu ngân sách, thu nợ đọng thuế, đồng thời kiểm soát chặt chẽ các nguồn thu; chi ngân sách tiết kiệm, chi đúng nội dung, đúng đối tượng. Năm 2023, tổng thu ngân sách thị trấn đạt 10,31 tỷ đồng, tổng chi ngân sách là 9,67 tỷ đồng.

b) Về phát triển văn hóa - xã hội

- Văn hóa, thể dục - thể thao: duy trì có hiệu quả hệ thống loa truyền thanh tiếp âm đài phát thanh của huyện đảm bảo thông tin đến với người dân được kịp thời. Tổ chức tuyên truyền trên hệ thống loa truyền thanh, trên xe lưu động, trang thông tin điện tử các nhiệm vụ chính trị của địa phương. Làm tốt công tác trang trí trụ sở UBND; vận động Nhân dân treo cờ, dọn vệ sinh môi trường, trang trí các nhà văn hóa, các tuyến phố trong các ngày lễ, sự kiện của đất nước, thành phố, huyện và của thị trấn. Thực hiện tốt phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa; năm 2023, tỷ lệ hộ gia đình đạt danh hiệu gia đình văn hóa chiếm tỷ lệ 96,5% (tăng 0,9% so cùng kỳ). Đã xét đề nghị biểu dương khen thưởng 01 gia đình văn hóa tiêu biểu cấp thành phố, 02 gia đình văn hóa tiêu biểu cấp huyện và công nhận lại 05/05 tổ dân phố văn hóa. Các hoạt động văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao được duy trì. Tích cực tham gia đại hội thể dục thể thao do huyện tổ chức với các môn thể thao về giao hữu bóng chuyền hơi, giải cầu lông,... Thực hiện tốt công tác chi trả chế độ chính sách hàng tháng cho các đối tượng đảm bảo đúng, đủ, kịp thời; hoàn thiện 31 hồ sơ đề nghị hưởng chế độ chính sách xã hội. Nhân dịp tết Nguyên đán tiếp nhận

và chuyển quà của Chủ tịch nước, thành phố, huyện với tổng số là 254 suất quà; địa phương, các tổ chức đoàn hội, các trường học, doanh nghiệp tặng 258 suất quà. Thực hiện và tổ chức tốt các hoạt động nhân dịp kỷ niệm ngày Thương binh Liệt sỹ 27/7; tiếp nhận và chuyển quà của Chủ tịch nước, thành phố, huyện với tổng số là 203 suất quà.

- Giáo dục - đào tạo: trên địa bàn thị trấn hiện có trường tiểu học Núi Đèo có diện tích 9.000 m^2 cơ bản đáp ứng nhu cầu học tập của con em địa phương. Trường tiểu học có tỷ lệ chuyển cấp đạt 100%, chuyển lớp đạt 100%. Thực hiện nghiêm túc kỷ cương nền nếp, chương trình thời khóa biểu, quy chế chuyên môn các hoạt động dạy và học ở các nhà trường.

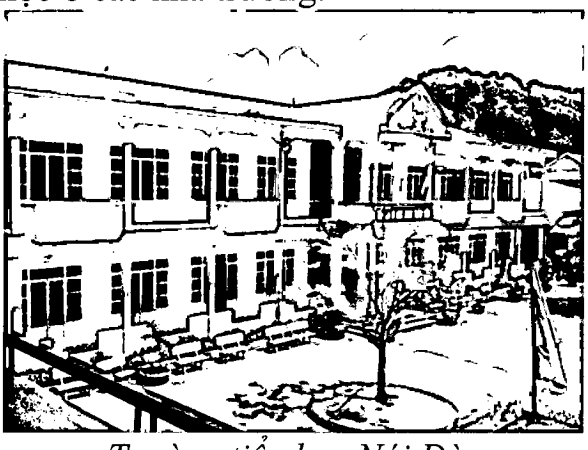

Trường tiểu học Núi Đèo

- Y tế: thị trấn có trạm y tế đạt chuẩn quốc gia với diện tích 1.083 m^2. Năm 2023, trạm y tế thị trấn đã duy trì nghiêm chế độ thường trực cấp cứu tại trạm y tế; chủ động phòng, chống dịch bệnh không để xảy ra trên địa bàn. Làm tốt công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu cho Nhân dân; thường xuyên tổ chức các buổi tư vấn cho người dân về kiến thức sức khỏe cộng đồng; phòng, chống các bệnh lây nhiễm. Năm 2023, đã tổ chức khám và điều trị cho 3.317 lượt người; tổ chức tuyên truyền, tư vấn trực tiếp cho 240 lượt người kiến thức về thực hiện kế hoạch hóa gia đình, chăm sóc sức khỏe cho người cao tuổi, chăm sóc sức khỏe sinh sản,...

Trạm y tế thị trấn Núi Đèo

6. Tình hình phát triển cơ sở hạ tầng

a) Giao thông

Hệ thống giao thông thị trấn được đầu tư, nâng cấp và mở rộng kết nối đồng bộ với các tuyến quốc lộ, đường tỉnh đáp ứng nhu cầu đi lại, vận chuyển hàng hóa của người dân, doanh nghiệp đóng trên địa bàn. Các tuyến đường trục chính đô thị, đường nội bộ đã được nhựa hóa, bê tông hóa với bề rộng mặt đường đảm bảo các phương tiện lưu thông thuận lợi. Năm 2023, tổng chiều dài các tuyến phố chính là 4,86 km; các tuyến đường nội bộ có chiều dài 3,05 km.

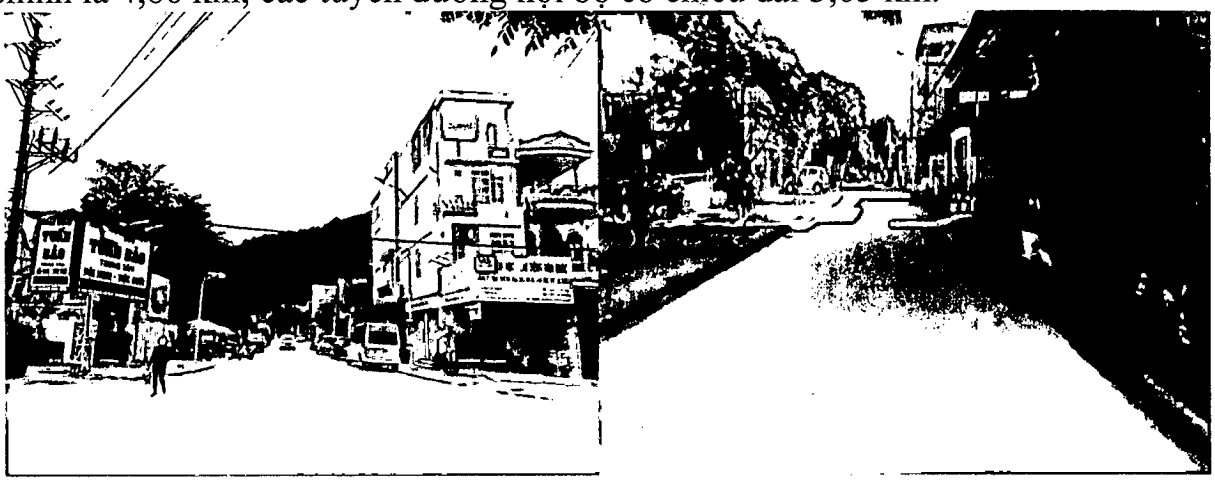

Một số tuyến đường trên địa bàn thị trấn

b) Cấp điện, chiếu sáng

Thị trấn là trung tâm của huyện với mật độ dân cư cao, vì vậy nhu cầu sử dụng điện sinh hoạt, sản xuất, kinh doanh của thị trấn tương đối lớn, tổng lượng điện tiêu thụ của thị trấn năm 2023 là 18.094.505 kwh. Hệ thống cấp điện luôn được quan tâm đầu tư, nâng cấp, bảo trì và lắp thêm các trạm biến áp treo nhằm cung cấp điện được ổn định, giảm phụ tải hao phí đồng thời đáp ứng nhu cầu sinh hoạt, sản xuất góp phần phát triển kinh tế - xã hội của thị trấn.

Hệ thống đèn chiếu sáng được trang bị đầy đủ trên các tuyến phố chính, đường trong đô thị, các khu vực công viên, khu sinh hoạt cộng đồng,... Các tuyến đường trong khu dân cư cũng được trang bị đầy đủ kết hợp với đèn chiếu sáng của các hộ dân đã cơ bản đáp ứng nhu cầu đi lại, an toàn giao thông và phòng chống tệ nạn xã hội.

c) Cấp, thoát nước

Mạng lưới cấp nước sạch cho thị trấn cơ bản đã được phủ kín, nguồn nước cấp từ nhà máy cấp nước sạch đáp ứng nhu cầu sử dụng cho sinh hoạt, sản xuất của người dân và các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, kinh doanh trên địa bàn. Ngoài ra, các hộ dân còn chủ động khai thác nguồn nước giếng khoan và sử dụng nước sau khi đã được lọc qua bể lọc hộ gia đình. Tỷ lệ hộ dân sử dụng nước sạch, nước hợp vệ sinh trên địa bàn thị trấn đạt 100%. Hệ thống thoát nước trên địa bàn thị trấn chủ yếu nằm dọc các tuyến đường giao thông với kết cấu là cống bê tông cốt thép đi ngầm và các rãnh có tấm đan bê tông, với tổng chiều dài 3,24 km đảm bảo tiêu thoát nước trong mùa mưa bão. UBND thị trấn duy trì hoạt động phối hợp với

các đơn vị để triển khai lực lượng nạo vét bùn, cát và thu gom rác trong các tuyến cống trên một số tuyến đường để khơi thông cống, bảo đảm thoát nước,...

d) Vệ sinh môi trường

Công tác thu gom, xử lý chất thải luôn được quan tâm và triển khai có hiệu quả. Đài truyền thanh thị trấn thường xuyên tuyên truyền về giữ gìn vệ sinh môi trường ngay từ gia đình đến các ngõ, xóm. Qua đó, nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường của người dân, từng bước hạn chế tình trạng vứt chất thải không đúng nơi quy định. Chất thải sinh hoạt trên địa bàn được Công ty cổ phần thương mại và dịch vụ kho vận Phú Hưng thực hiện; công tác thu gom, vận chuyển chất thải theo giờ cố định đảm bảo không để tồn đọng chất thải trong ngày và hạn chế ảnh hưởng đến đời sống, sinh hoạt của người dân. Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom trên địa bàn năm 2023 đạt 100%.

7. Tình hình quốc phòng, an ninh

a) Quốc phòng

Thực hiện nghiêm chế độ thường trực sẵn sàng chiến đấu, phòng chống cháy nổ, phòng chống lụt bão và tìm kiếm cứu nạn. Quản lý chặt chẽ các công trình quốc phòng đặc biệt là điểm cao quân sự. Tổ chức tham gia tuần tra chốt điểm trong đợt cao điểm các ngày lễ, Tết đảm bảo quân số, thời gian và an toàn tuyệt đối. Phối hợp với Ban chỉ huy quân sự huyện phục vụ công tác chuẩn bị diễn tập. Tham gia huấn luyện dân quân tự vệ năm thứ nhất, dân quân cơ động năm thứ hai trở lên đạt loại khá. Hoàn thành 100% chỉ tiêu giao quân năm 2023.

b) An ninh

Giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội không để trọng án xảy ra trên địa bàn. Phong trào toàn dân tham gia bảo vệ an ninh Tổ quốc được duy trì và hoạt động cơ bản có hiệu quả. Tăng cường công tác tuần tra, chốt điểm, mật phục bảo vệ an ninh, trật tự, phòng chống tội phạm. Tổ chức hướng dẫn, kiểm tra công tác phòng cháy chữa cháy cho các hộ gia đình và cơ sở kinh doanh, nhà ở kết hợp kinh doanh. Quản lý chặt chẽ công tác đăng ký, lưu trú, thường xuyên nắm hộ, nắm người, di biến động về dân số.

8. Tổ chức bộ máy, biên chế cán bộ

a) Hội đồng nhân dân thị trấn nhiệm kỳ 2021 - 2026

Tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân thị trấn là 25 đại biểu.

Thường trực Hội đồng nhân dân thị trấn gồm: Chủ tịch HĐND (do Phó Bí thư Đảng ủy kiêm nhiệm), 01 Phó Chủ tịch HĐND (hoạt động chuyên trách) và các ủy viên là Trưởng các Ban Hội đồng nhân dân thị trấn.

Hội đồng nhân dân thị trấn có 02 ban: Ban Kinh tế - xã hội và Ban Pháp chế; Trưởng ban, Phó Trưởng ban và các Ủy viên của các Ban Hội đồng nhân dân hoạt động kiêm nhiệm.

b) Ủy ban nhân dân thị trấn

Cơ cấu tổ chức của Ủy ban nhân dân thị trấn gồm: 01 Chủ tịch, 01 Phó Chủ tịch và Ủy viên phụ trách quân sự (Chỉ huy trưởng quân sự), Ủy viên phụ trách công an (Trưởng Công an thị trấn).

Tổng số cán bộ, công chức biên chế được giao: 20 người; trong đó số biên chế hiện có mặt: 18 người, trong đó, cán bộ: 10 người, công chức 08 người.

- Về trình độ chuyên môn: thạc sĩ: 01 người, đại học: 16 người, cao đẳng: 01 người.

- Về trình độ lý luận chính trị: trung cấp: 16 người, sơ cấp 02 người.

XII. XÃ THỦY SƠN

1. Lịch sử hình thành

Vùng đất Thủy Sơn gắn liền với các làng Dực Liễn, Phù Liễn và Tam Sơn. thuộc tổng Trịnh Xá.

Sau khi Cách mạng tháng 8/1945 thành công, đơn vị cấp tổng bị bãi bỏ; tổng Trịnh Xá chia thành 03 xã: Kiền Bái, Thiên Hương và Tứ Dân. Trong đó, xã Tứ Dân được thành lập bao gồm địa giới các thôn: Phù Liễn, Dực Liễn, Tam Sơn và khu phố Núi Đèo.

Năm 1948, xã Tứ Dân được tách nhỏ, thôn Dực Liễn (xã Tứ Dân) nhập về xã Thiên Hương; hai thôn Phù Liễn và Tam Sơn sáp nhập vào xã Dương Quan; khu phố núi Đèo do huyện trực tiếp quản lý. Giữa năm 1950, nhập các thôn Phù Liễn, Tam Sơn, Núi Đèo về xã Thiên Hương quản lý.

Năm 1956, các thôn Phù Liễn, Dực Liễn và Núi Đèo tách ra khỏi xã Thiên Hương để thành lập xã Thủy Sơn.

Ngày 18/3/1986, thành lập thị trấn Núi Đèo, thị trấn huyện lỵ huyện Thủy Nguyên - trên cơ sở điều chỉnh một phần địa giới hành chính và dân số của xã Thủy Sơn và một phần của xã Thủy Đường. Xã Thủy Sơn thuộc huyện Thủy Nguyên hoạt động ổn định từ đó cho đến nay với 07 thôn, bao gồm: thôn 1, thôn 2, thôn 3, thôn 4, thôn 5, thôn 6, thôn 7.

2. Địa giới hành chính

Xã Thủy Sơn nằm ở vị trí trung tâm huyện Thủy Nguyên, có địa giới hành chính như sau:

- Đông giáp thị trấn Núi Đèo và xã Thủy Đường;

- Tây giáp xã Thiên Hương và xã Hoa Động;

- Nam giáp xã Tân Dương;

- Bắc giáp các xã Đông Sơn, Hòa Bình và Thiên Hương.

3. Diện tích tự nhiên và cơ cấu các loại đất

Tính đến ngày 31/12/2023, xã Thủy Sơn có 3,65 km² diện tích tự nhiên, trong đó cơ cấu các loại đất như sau:

- Diện tích đất phi nông nghiệp: 2,49 km²; chiếm tỷ lệ 68,22%;

- Diện tích đất nông nghiệp: 1,16 km²; chiếm tỷ lệ 31,78%.

4. Quy mô dân số và cơ cấu lao động

Tính đến ngày 31/12/2023, toàn xã có 15.074 người; trong đó dân số thường trú là 9.252 người, dân số tạm trú 5.822 người.

Tổng số người lao động trong các ngành kinh tế trên địa bàn xã là 5.662 người, trong đó:

- Lao động phi nông nghiệp: 4.780 người, chiếm 84,42%;

- Lao động nông nghiệp: 882 người, chiếm 15,58%.

5. Tình hình phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội

a) Về phát triển kinh tế

- Công nghiệp - xây dựng: trên địa bàn xã hiện nay có các cơ sở sản xuất kinh doanh với các nghề đa dạng như: mộc, xây dựng, vật liệu xây dựng,... được duy trì và phát triển. Nhiều hộ gia đình, doanh nghiệp tư nhân đã đầu tư thiết bị máy móc, vật tư,... ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất nên năng suất, chất lượng sản phẩm được nâng lên, đứng vững được trong cơ chế thị trường mang lại hiệu quả kinh tế. Ngành xây dựng được phát triển theo nhu cầu phát triển chung của huyện; năm 2023, UBND xã đã triển khai 17 công trình theo kế hoạch đầu tư công; quyết toán, nghiệm thu, đưa vào sử dụng 11 công trình; 04 công trình đang hoàn thiện; 02 công trình đang triển khai.

- Thương mại - dịch vụ: những năm gần đây, ngành thương mại - dịch vụ của địa phương có tốc độ tăng trưởng khá, loại hình dịch vụ ngày càng đa dạng góp phần giải quyết việc làm cho người lao động. Hoạt động giao thương buôn bán trong khu vực chợ truyền thống được duy trì thường xuyên, đảm bảo mỹ quan đô thị.

Công trình thương mại dịch vụ trên địa bàn xã

- Nông - lâm - thủy sản: sản xuất nông nghiệp của xã đang dịch chuyển nhanh theo hướng hàng hóa chất lượng cao đáp ứng nhu cầu tiêu thụ tại chỗ và tăng nhanh sản lượng nông sản hàng hóa cung cấp cho thị trường. Mặc dù trong những năm gần đây, diện tích đất nông nghiệp bị giảm dần do nhu cầu phát triển đô thị. Tuy nhiên, UBND xã đã có nhiều chính sách khuyến khích người dân áp dụng khoa học kỹ thuật tiên tiến, cây giống, con giống có chất lượng cao, giá trị cao trên thị trường vào nuôi trồng, sản xuất đã có những hiệu quả nhất định. Công tác phòng chống dịch bệnh cho đàn gia súc gia cầm và phun tiêu độc khử trùng đối với các hộ chăn nuôi được duy trì hiệu quả.

- Thu, chi ngân sách: được sự quan tâm chỉ đạo của các cấp chính quyền, sự quyết liệt của UBND xã, nhìn chung nhiệm vụ thu ngân sách tương đối ổn định, các khoản thu đều đạt so dự toán. Tổng thu ngân sách năm 2023 của xã Thủy Sơn là 8,95 tỷ đồng. Về chi ngân sách trong năm 2023 đã đáp ứng những khoản chi trên địa bàn; chi đúng, chi đủ các chế độ chính sách, thực hiện tiết kiệm chi ngân sách hiệu quả. Tổng chi ngân sách năm 2023 là 8,11 tỷ đồng.

b) Về phát triển văn hóa - xã hội

- Văn hóa, thể dục - thể thao: phong trào văn hóa - văn nghệ, thể dục - thể thao được duy trì, đã thu hút đông đảo các tầng lớp tham gia, góp phần nâng cao đời sống tinh thần của Nhân dân trên địa bàn sau mỗi ngày lao động. Tổ chức tuyên truyền các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và các quy định của địa phương. Tổ chức thăm hỏi, tặng 154 suất quà cho hộ chính sách, hộ gia đình khó khăn đột xuất, hộ nghèo, hộ cận nghèo, trẻ em khuyết tật nhân dịp tết Nguyên đán. Lập danh sách đề nghị cấp mới, cấp đổi 72 thẻ bảo hiểm xã hội cho các đối tượng có công và thân nhân người có công, hộ nghèo, hộ cận nghèo; đối tượng bảo trợ xã hội.

- Giáo dục - đào tạo: hệ thống giáo dục của xã gồm: 03 trường mầm non (mầm non A, mầm non B, mầm non Sao Mai) tổng diện tích 21.147 m^2, 02 trường tiểu học (tiểu học A, tiểu học B) có diện tích 8.167 m^2, 01 trường trung học cơ sở Thủy Sơn có diện tích 17.200 m^2. Năm 2023, các trường đẩy mạnh phong trào dạy tốt - học tốt, tăng cường cơ sở vật chất đáp ứng cho việc dạy và học, kết hợp tốt ba môi trường giáo dục gia đình, nhà trường và xã hội. Các nhà trường đã tổ chức trao thưởng cho các học sinh là con hộ nghèo, cận nghèo có thành tích xuất sắc trong năm học 2022 - 2023 và những giáo viên dạy giỏi, các em học sinh đạt giải học sinh giỏi; các em học sinh thi đỗ vào các trường đại học công lập. Cơ sở vật chất tại các nhà trường được xây dựng, sửa chữa khang trang góp phần đảm bảo chất lượng dạy và học; thường xuyên đổi mới phương pháp, nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện.

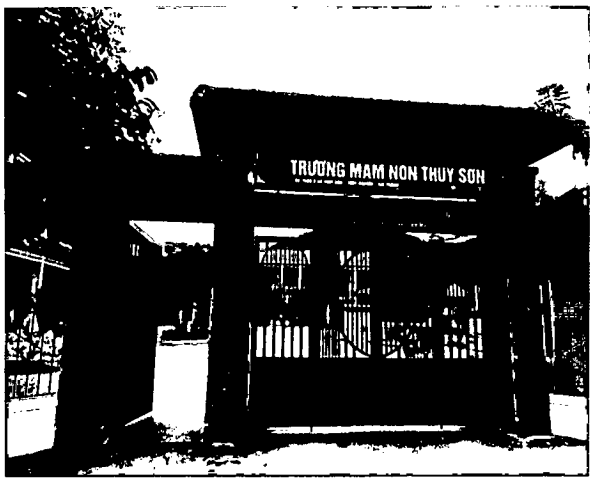

Trường mầm non Thủy Sơn

Trường tiểu học Thủy Sơn

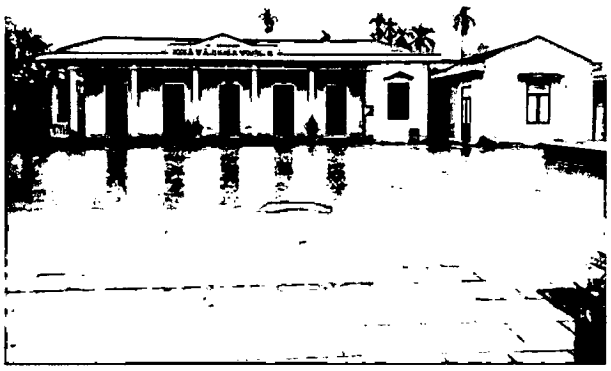

Công trình văn hóa, thể thao trên địa bàn xã

- Y tế: trên địa bàn xã có 01 trạm y tế với quy mô 2.664 m^2, có 5 giường bệnh và bệnh viện đa khoa Thủy Nguyên với diện tích 16.652 m^2, có 654 giường bệnh với thiết bị y tế hiện đại đáp ứng nhu cầu khám chữa bệnh cho Nhân dân. Trong năm, trạm y tế thực hiện tốt công tác phòng chống các loại dịch bệnh về cúm A, sốt xuất huyết,... và chăm sóc sức khỏe Nhân dân, nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe cộng đồng. Tăng cường công tác kiểm tra an toàn vệ sinh thực phẩm, tiêm chủng mở rộng cho trẻ em trong độ tuổi và các bà mẹ mang thai; khám cấp thuốc cho người cao tuổi.

Trạm y tế xã

6. Tình hình phát triển cơ sở hạ tầng

a) Giao thông

Trên địa bàn xã Thủy Sơn có tuyến đường tỉnh 359, đường 10 là tuyến đường trục chính chạy qua trung tâm xã. Kết hợp với các tuyến đường liên thôn, đường khu nhà ở, hệ thống giao thông đã được đầu tư đồng bộ, hoàn chỉnh đáp ứng nhu cầu sinh hoạt và sản xuất, góp phần cải thiện môi trường sống và tạo bộ mặt khang trang cho đô thị hiện đại.

Đường giao thông trên địa bàn xã

b) Cấp điện, chiếu sáng

Hệ thống cấp điện của xã gồm 09 trạm biến áp và 12 km đường dây trung thế, 34 km đường dây hạ thế. Các đường dây điện trung thế, hạ thế thường xuyên được kiểm tra, thay mới đảm bảo việc cấp điện phục vụ nhu cầu sinh hoạt, sản xuất của người dân không bị gián đoạn. Số hộ dân sử dụng lưới điện quốc gia đạt 100%, sản lượng điện phục vụ sinh hoạt năm 2023 là 10.879.302 kwh; tỷ lệ đường phố chính được chiếu sáng đạt 95,43%.

c) Cấp, thoát nước

Những năm gần đây, UBND xã đã triển khai đầu tư xây dựng đường ống cấp nước đồng bộ với chất lượng và trữ lượng ổn định để đảm bảo nhu cầu sử dụng nước sạch của người dân. Tỷ lệ hộ dân sử dụng nguồn nước sạch, hợp vệ sinh trên

địa bàn xã đạt 100%. Hệ thống thoát nước trên địa bàn xã cơ bản đã được hoàn chỉnh đảm bảo khả năng thoát nước và không để xảy ra tình trạng ngập úng trong mùa mưa bão với 8,93 km đường cống thoát nước chính; 9,9 km đường kênh mương nội đồng.

d) Vệ sinh môi trường

Những năm gần đây, UBND xã Thủy Sơn luôn đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến nhằm nâng cao ý thức, trách nhiệm của người dân trong việc giữ gìn, bảo đảm vệ sinh môi trường. Đồng thời, thực hiện tốt công tác thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải. Chất thải rắn được công ty Phú Hưng thu gom, vận chuyển đảm bảo vệ sinh môi trường. Năm 2023, tỷ lệ chất thải được thu gom trên địa bàn xã đạt 92,72%.

7. Tình hình quốc phòng, an ninh

a) Quốc phòng

Trong năm, Ban chỉ huy quân sự xã đã tham mưu cho cấp ủy Đảng và chính quyền thực hiện nhiệm vụ huấn luyện chiến đấu, giáo dục chính trị, xây dựng lực lượng dân quân, quản lý lực lượng dự bị động viên theo đúng quy định. Thường xuyên rà soát nắm chắc tình hình lực lượng dự bị động viên đảm bảo 100% quân số tham gia huấn luyện. Hoàn thành 100% kế hoạch tuyển quân, giao quân năm 2023. Thực hiện tốt chính sách hậu phương quân đội, bổ sung hồ sơ cho các đối tượng được hưởng chế độ theo quy định trên địa bàn.

b) An ninh

Nhìn chung công tác đảm bảo an ninh, trật tự, an toàn xã hội được giữ vững và ổn định, không để xảy ra tình huống bất ngờ trên địa bàn. Lực lượng Công an xã quản lý tốt việc nắm vững địa bàn, nhân khẩu; hoàn thành 100% việc đánh số sổ hộ khẩu điện tử để cập nhật dữ liệu dân cư. Lập hồ sơ quản lý các hộ gia đình, cá nhân kinh doanh ngành nghề có điều kiện cam kết về an ninh, trật tự trên địa bàn.

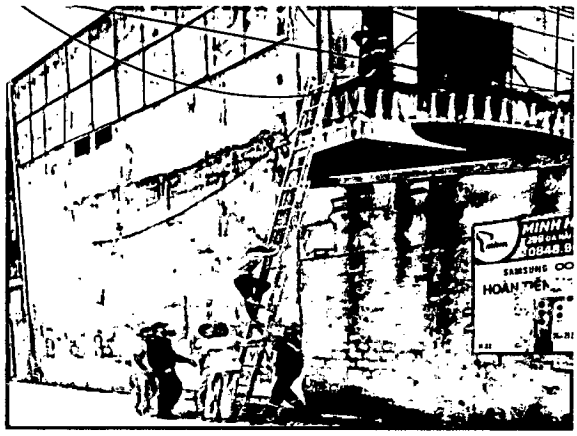

Xã Thủy Sơn diễn tập phương án chữa cháy và cứu hộ tại Tổ liên gia an toàn

8. Tổ chức bộ máy, biên chế cán bộ

a) Hội đồng nhân dân xã nhiệm kỳ 2021 - 2026

Tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân xã là 25 đại biểu.

Thường trực Hội đồng nhân dân xã gồm: Chủ tịch HĐND (do Bí thư Đảng ủy kiêm nhiệm), 01 Phó Chủ tịch HĐND (hoạt động chuyên trách) và các ủy viên là Trưởng các Ban Hội đồng nhân dân xã.

Hội đồng nhân dân xã có 02 ban: Ban Kinh tế - xã hội và Ban Pháp chế; Trưởng ban, Phó Trưởng ban và các Ủy viên của các Ban Hội đồng nhân dân hoạt động kiêm nhiệm.

b) Ủy ban nhân dân xã

Cơ cấu tổ chức của Ủy ban nhân dân xã gồm: 01 Chủ tịch, 01 Phó Chủ tịch và Ủy viên phụ trách quân sự (Chỉ huy trưởng quân sự), Ủy viên phụ trách công an (Trưởng Công an xã).

Tổng số cán bộ, công chức biên chế được giao: 20 người; trong đó số biên chế hiện có mặt: 20 người, trong đó, cán bộ: 10 người, công chức: 10 người.

- Về trình độ chuyên môn: thạc sĩ: 03 người, đại học: 16 người, trung cấp: 01 người.

- Về trình độ lý luận chính trị: trung cấp: 16 người, sơ cấp: 04 người.

XIII. XÃ THỦY ĐƯỜNG

1. Lịch sử hình thành

Sau khi Cách mạng tháng 8/1945 thành công, đơn vị cấp tổng bị bãi bỏ; các thôn Thủy Tú, Thủy Đường, Đông Môn, Lương Kê, Chiếm Phương, An Lư nhập lại thành xã Thủy Đường. Năm 1948, xã Thủy Đường sáp nhập thêm 03 thôn: Hà Luận, Hà Tây, Hà Phú.

Năm 1955, xã An Lư, Hà Tây, Trung Mỹ tách ra thành lập xã An Trung. Ngày 18/3/1986, thành lập thị trấn Núi Đèo - thị trấn huyện lỵ huyện Thủy Nguyên - trên cơ sở điều chỉnh một phần địa giới hành chính và dân số của xã Thủy Sơn và một phần của xã Thủy Đường. Xã Thủy Đường thuộc huyện Thủy Nguyên và ổn định từ đó đến ngày nay với 12 thôn, bao gồm: Núi 1, Núi 2, Xanh Sòi, Mánh, Quán, Trại, Đồng Mát, Bắc 2, Bắc 1, Đống Am, Đông, Tây.

2. Địa giới hành chính

Xã Thủy Đường nằm tiếp giáp về phía Đông của thị trấn Núi Đèo, có địa giới hành chính như sau:

- Đông giáp xã An Lư;

- Tây giáp xã Thủy Sơn và thị trấn Núi Đèo;

- Nam giáp xã Tân Dương và xã Dương Quan;

- Bắc giáp xã Hòa Bình và xã Đông Sơn.

3. Diện tích tự nhiên và cơ cấu các loại đất

Tính đến ngày 31/12/2023, xã Thủy Đường có 5,19 km² diện tích tự nhiên, trong đó cơ cấu các loại đất như sau:

- Diện tích đất phi nông nghiệp: 2,76 km²; chiếm tỷ lệ 53,18%;

- Diện tích đất nông nghiệp: 2,41 km²; chiếm tỷ lệ 46,43%;

- Diện tích đất chưa sử dụng: 0,02 km²; chiếm tỷ lệ 0,39%.

4. Quy mô dân số và cơ cấu lao động

Tính đến ngày 31/12/2023, toàn xã có 15.730 người; trong đó dân số thường trú là 14.772 người, dân số tạm trú 958 người.

Tổng số người lao động trong các ngành kinh tế trên địa bàn xã là 6.987 người, trong đó:

- Lao động phi nông nghiệp: 6.674 người, chiếm 95,52%;

- Lao động nông nghiệp: 313 người, chiếm 4,48%.

5. Tình hình phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội

a) Về phát triển kinh tế

- Công nghiệp - xây dựng: xác định việc đẩy mạnh phát triển các ngành công nghiệp, xây dựng góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế giảm dần tỷ trọng ngành nông, lâm, thủy sản; xã Thủy Đường đã phát huy các tiềm năng, lợi thế sẵn có, tập trung khai thác các điều kiện thuận lợi để phát triển. Bên cạnh đó, trên địa bàn xã Thủy Đường có khu công nghiệp VSIP Hải Phòng hoạt động về các ngành công nghiệp sạch như công nghệ thông tin, điện tử và dược phẩm,... đã góp phần thúc đẩy kinh tế và tạo ra nguồn việc làm rất lớn cho lao động địa phương và khu vực lân cận.

- Thương mại - dịch vụ: chính quyền xã đã tập trung huy động các nguồn lực đầu tư, nâng cấp, phát triển kết cấu hạ tầng thương mại, nâng cao chất lượng các ngành thương mại - dịch vụ; tạo điều kiện thuận lợi cho các thành phần kinh tế tham gia, trong đó ưu tiên các doanh nghiệp, doanh nhân đầu tư, tiểu thương tham gia các hoạt động kinh doanh trên địa bàn; khuyến khích các hộ có nhà mặt đường, gần chợ, khu buôn bán đầu tư mở rộng ngành nghề kinh doanh.

- Nông - lâm - thủy sản: ngành nông - lâm - thủy sản được duy trì ổn định cả về quy mô và diện tích gieo trồng; người dân đã chủ động đưa giống cây trồng mới có năng suất cao và ứng dụng khoa học kỹ thuật tiên tiến vào sản xuất. UBND xã thường xuyên tuyên truyền, đôn đốc, nhắc nhở người dân trong công tác xuống giống đúng lịch; cấp nước phục vụ tưới tiêu đầy đủ; khuyến khích chuyển đổi giống cây trồng phù hợp với điều kiện tự nhiên của địa phương và có giá trị cao trên thị trường. Tổ chức tiêm phòng, chống dịch cho đàn gia súc, gia cầm định kỳ, đầy đủ không để dịch bệnh lây lan.

- Thu, chi ngân sách: tập trung thu các khoản thu thuế theo quy định; đảm bảo thu, chi đúng luật; kiểm tra, kiểm soát các hộ kinh doanh mới phát sinh trên

địa bàn xã và kê khai, bổ sung những hộ kinh doanh đủ điều kiện phải nộp thuế kinh doanh, đôn đốc thu thuế ngoài quốc doanh hàng tháng; triển khai thu, nộp quỹ phòng, chống thiên tai, thuế sử dụng đất theo quy định. Tổng thu ngân sách xã năm 2023 đạt 13,88 tỷ đồng; chi ngân sách là 13,59 tỷ đồng.

b) Về phát triển văn hóa - xã hội

- Văn hóa, thể dục - thể thao: hệ thống phát thanh của xã thực hiện tốt công tác tuyên truyền các chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước, các quy định của địa phương. Năm 2023, xã đã tổ chức thành công giải bóng đá thanh niên, giải cầu lông các câu lạc bộ trong khuôn khổ đại hội thể dục - thể thao chào mừng các ngày lễ lớn. Thực hiện tốt công tác chính sách an sinh xã hội cho các đối tượng chính sách, bảo trợ xã hội, hộ cận nghèo. Nhận chi trả trợ cấp và các khoản trợ cấp ưu đãi người có công đúng thời gian và đủ số lượng đến tận tay các đối tượng được hưởng. Hoàn thiện 12 hồ sơ người cao tuổi; 44 hồ sơ người khuyết tật; 13 hồ sơ cho người khuyết tật nặng đề nghị thay đổi mức hưởng trợ cấp...

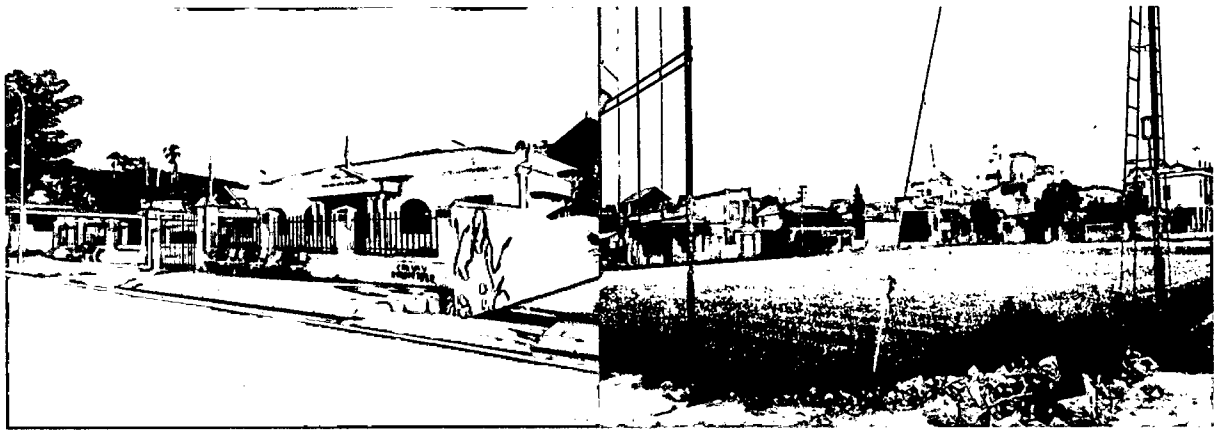

Công trình văn hóa, thể thao xã

- Giáo dục - đào tạo: địa bàn xã có 03 trường học với tổng diện tích đất dành cho giáo dục trên địa bàn là 29.213 m^2. Năm 2023, chất lượng dạy và học của cả 3 cấp được đảm bảo; thực hiện tốt theo yêu cầu của ngành và đáp ứng nhu cầu học tập của con em địa phương. Thực hiện nghiêm nền nếp kỷ cương của cán bộ, giáo viên, học sinh trước, trong và sau tết; tổ chức cho giáo viên và học sinh ký cam kết không đốt pháo nổ, thả đèn trời, không vi phạm tệ nạn xã hội và an toàn giao thông; tổ chức tổng dọn vệ sinh trường, lớp trước và sau tết Nguyên đán.

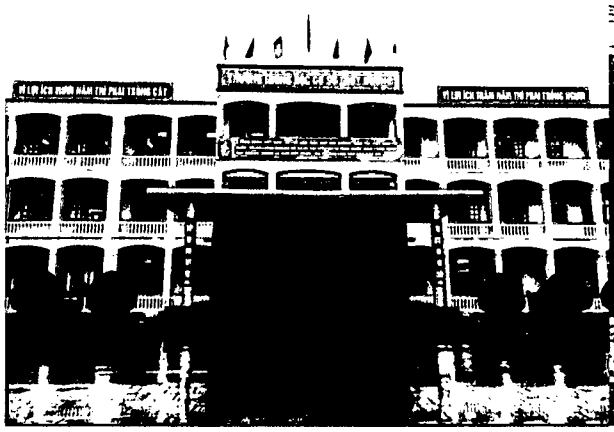

Trường THCS Thủy Đường

Trường mầm non Thủy Đường

- Y tế: trạm y tế xã có tổng diện tích 1.068 m^2 đạt chuẩn quốc gia về y tế được xây dựng thành 2 dãy nhà, 1 tầng. Trạm hiện có 06 cán bộ nhân viên, trong đó: 01 bác sỹ, 02 y sỹ, 01 nữ hộ sinh và 02 điều dưỡng đảm bảo công tác khám chữa bệnh cho người dân. Thường xuyên đảm bảo công tác thông tin tuyên truyền, truyền thông chăm sóc sức khỏe ban đầu cho người dân và làm tốt công tác phòng ngừa các loại dịch bệnh, các chương trình quốc gia về y tế.

Trạm y tế xã Thủy Đường

6. Tình hình phát triển cơ sở hạ tầng

a) Giao thông

Xã Thủy Đường có vị trí thuận lợi trong việc kết nối với các xã, thị trấn và các khu vực lân cận thông qua tuyến đường tỉnh 359C. Hạ tầng giao thông đã được nâng cấp và hình thành mạng lưới giao thông đồng bộ đã tạo điều kiện thuận lợi trong giao thương và phát triển kinh tế - xã hội. Hiện nay các tuyến đường trục chính từ huyện đến trung tâm xã và đường liên xã đến các thôn được đảm bảo mặt đường nhựa asphalt, bê tông rộng 6 - 21 m, có vỉa hè 2 bên và có rãnh thoát nước, điện chiếu sáng, biển chỉ dẫn giao thông, gờ giảm tốc, cây xanh,...

Một số tuyến đường trên địa bàn xã Thủy Đường

b) Cấp điện, chiếu sáng

Trên địa bàn xã có 9 trạm biến áp với tổng công suất 4.740 kVA. Lưới điện 0,4 kV từ các trạm biến áp được cung cấp đến từng hộ dân đảm bảo nhu cầu sử dụng điện thường xuyên. Năm 2023, sản lượng điện phục vụ sinh hoạt đạt 18.967.733 kwh, tỷ lệ đường phố được chiếu sáng đạt 96,81%.

c) Cấp, thoát nước

Các hộ dân trên địa bàn xã sử dụng nước sạch, chất lượng nước đảm bảo theo quy định. Năm 2023, tỷ lệ dân số đô thị được cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung và được sử dụng nguồn nước hợp vệ sinh đạt 100%. Xây dựng đồng bộ hệ thống thoát nước trên các trục đường giao thông nhằm hạn chế ngập úng xảy ra cũng được ưu tiên thực hiện. Chính quyền xã đã chú trọng đầu tư đồng bộ hệ thống thoát nước mưa đáp ứng khả năng tiêu thoát nước tại khu vực với tổng chiều dài là 11,25 km.

d) Vệ sinh môi trường

Xã đã xây dựng kế hoạch tổng vệ sinh môi trường trên địa bàn nhân dịp tết Nguyên đán năm 2023. Tiếp tục ký kết hợp đồng với công ty trách nhiệm hữu hạn kho vận Phú Hưng thu gom chất thải từ các hộ và đưa về nhà máy xử lý rác trên địa bàn xã Gia Minh để xử lý theo quy định đảm bảo không có rác tồn đọng trong ngày. Đối với chất thải rắn nguy hại phát sinh được công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên môi trường đô thị Hải Phòng thu gom và vận chuyển đưa về nhà máy xử lý rác để xử lý. Chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp được thu gom, tái sử dụng và tái chế thành nguyên liệu, nhiên liệu và các sản phẩm thân thiện với môi trường. Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom trên địa bàn năm 2023 đạt 93,26%.

7. Tình hình quốc phòng, an ninh

a) Quốc phòng

Duy trì tốt chế độ trực sẵn sàng chiến đấu theo kế hoạch cấp trên đặt ra; hội thao mô hình học cụ, tổ chức huấn luyện dân quân cho các đối tượng dân quân năm thứ nhất và dân quân cơ động theo mô hình cụm. Làm tốt công tác chuẩn bị công tác tuyển chọn và gọi công dân nhập ngũ năm 2023. Huấn luyện, kiểm danh lực lượng sĩ quan dự bị và hạ sĩ quan chiến sĩ dự bị động viên 02 đợt đảm bảo quân số, tuyệt đối an toàn về người và vũ khí trang bị. Thực hiện tốt và hoàn thành kế hoạch đặt ra về việc đăng ký nghĩa vụ quân sự tuổi 17, tuyển quân, giao quân trên địa bàn xã.

b) An ninh

Lực lượng an ninh, Công an xã đã phối hợp với các ban ngành, đoàn thể tổ chức tuyên truyền, vận động Nhân dân cảnh giác trong công tác phòng, chống tội phạm. Phối hợp với các đội nghiệp vụ của Công an huyện tăng cường công tác tuần tra chốt điểm, kiểm tra hành chính. Chủ động xây dựng kế hoạch tuần tra kiểm soát, mật phục chốt điểm theo tuần, theo tháng, trực sẵn sàng tác chiến khi cần thiết. Đặc biệt Công an xã đã tập trung bảo vệ các ngày lễ, Tết được thực hiện

theo kế hoạch đã đề ra, đảm bảo ổn định an toàn an ninh, trật tự không bị động, bất ngờ trước các tình huống.

8. Tổ chức bộ máy, biên chế cán bộ

a) Hội đồng nhân dân xã nhiệm kỳ 2021 - 2026

Tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân xã là 27 đại biểu.

Thường trực Hội đồng nhân dân xã gồm: Chủ tịch HĐND (do Bí thư Đảng ủy kiêm nhiệm), 01 Phó Chủ tịch HĐND (hoạt động chuyên trách) và các ủy viên là Trưởng các Ban Hội đồng nhân dân xã.

Hội đồng nhân dân xã có 02 ban: Ban Kinh tế - xã hội và Ban Pháp chế; Trưởng ban, Phó Trưởng ban và các Ủy viên của các Ban Hội đồng nhân dân hoạt động kiêm nhiệm.

b) Ủy ban nhân dân xã

Cơ cấu tổ chức của Ủy ban nhân dân xã gồm: 01 Chủ tịch, 02 Phó Chủ tịch và Ủy viên phụ trách quân sự (Chỉ huy trưởng quân sự), Ủy viên phụ trách công an (Trưởng Công an xã).

Tổng số cán bộ, công chức biên chế được giao: 22 người; trong đó số biên chế hiện có mặt: 20 người, trong đó, cán bộ: 10 người, công chức: 10 người.

- Về trình độ chuyên môn: đại học: 03 người, cao đẳng: 16 người, trung cấp: 01 người.

- Về trình độ lý luận chính trị: trung cấp: 17 người, sơ cấp: 03 người.

XIV. XÃ TRUNG HÀ

1. Lịch sử hình thành

Trước năm 1945, vùng đất Trung Hà thuộc làng Trung Mỹ, tổng Kinh Triều và làng Hà Tây, tổng Thủy Tú. Sau Cách mạng tháng 8/1945, cấp tổng bị xóa bỏ, làng Trung Mỹ thuộc xã Ngũ Lão, làng Hà Tây thuộc xã Tam Hà.

Năm 1952, xã An Trung được thành lập gồm 03 làng: Trung Hà, Hà Tây và An Lư. Đến tháng 10/1956, xã An Trung tách thành 02 xã (Trung Hà và An Lư); trong đó làng Trung Mỹ cùng với làng Hà Tây nhập thành xã Trung Hà. Xã Trung Hà hoạt động ổn định từ đó cho đến nay với 05 thôn, bao gồm: Tây Trại, Đông Tây, Rúp, Hà Tây, Đình.

2. Địa giới hành chính

Xã Trung Hà nằm về phía Đông của huyện, có địa giới hành chính như sau:

- Đông giáp xã Thủy Triều và xã Ngũ Lão;

- Tây giáp xã An Lư và xã Hòa Bình;

- Nam giáp xã An Lư;

- Bắc giáp xã Minh Tân.

3. Diện tích tự nhiên và cơ cấu các loại đất

Tính đến ngày 31/12/2023, xã Trung Hà có 4,11 km² diện tích tự nhiên, trong đó cơ cấu các loại đất như sau:

- Diện tích đất phi nông nghiệp: 1,72 km²; chiếm tỷ lệ 41,85%;

- Diện tích đất nông nghiệp: 2,39 km²; chiếm tỷ lệ 58,15%.

4. Quy mô dân số và cơ cấu lao động

Tính đến ngày 31/12/2023, toàn xã có 8.068 người; trong đó dân số thường trú là 7.575 người, dân số tạm trú 493 người.

Tổng số người lao động trong các ngành kinh tế trên địa bàn xã là 4.191 người, trong đó:

- Lao động phi nông nghiệp: 3.356 người, chiếm 80,08%;

- Lao động nông nghiệp: 835 người, chiếm 19,92%.

5. Tình hình phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội

a) Về phát triển kinh tế

- Công nghiệp - xây dựng: các ngành sản xuất tiểu thủ công nghiệp, sản xuất vật liệu xây dựng, đồ gỗ, nhôm, bột xuất khẩu... cùng với các cơ sở sản xuất, chế biến thực phẩm từ chăn nuôi phát triển hiệu quả, mạnh mẽ. Trong thời gian qua, các sản phẩm được đưa ra thị trường có sức cạnh tranh cao và đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm. Các cơ sở đã tạo ra nhiều việc làm, giải quyết việc làm cho lượng lớn lao động tại địa phương và các khu vực lân cận, tạo thu nhập cao và ổn định cho người dân.

- Thương mại - dịch vụ: sự lấp đầy của các doanh nghiệp trong khu công nghiệp VSIP Hải Phòng kéo theo số lượng công nhân đến sinh sống và làm việc tăng mạnh, tạo cơ hội cho thương mại - dịch vụ phát triển. Các khu nhà trọ phát triển nhanh chóng. Trên các tuyến đường trục chính, hệ thống cửa hàng mọc lên ngày một nhiều, từ cửa hàng thời trang, văn phòng phẩm, đồ gia dụng, điện tử cho đến nhà hàng, quán ăn... Hoạt động buôn bán, trao đổi hàng hóa diễn ra tấp nập, đáp ứng nhu cầu của công nhân lao động và người dân địa phương.

- Nông - lâm - thủy sản: công tác gieo trồng và duy trì diện tích canh tác lúa, hoa màu được triển khai thực hiện tốt, đảm bảo kế hoạch. Hợp tác xã nông nghiệp chủ động trong việc cung cấp, cung ứng vật tư nông nghiệp cho sản xuất, hướng dẫn Nhân dân áp dụng khoa học kỹ thuật trong lao động sản xuất; thường xuyên kiểm tra tình hình sâu bệnh để kịp thời thông báo cho người dân phòng, chống kịp thời, hiệu quả. Tăng cường công tác tuyên truyền các biện pháp phòng, chống dịch bệnh cho đàn vật nuôi, gia súc, gia cầm, thủy cầm.

- Thu, chi ngân sách: công tác thu, chi được thực hiện đúng quy định, theo phân cấp; thường xuyên rà soát, đôn đốc các nguồn thu; chi ngân sách tiết kiệm,

chi đúng, chi đủ và kịp thời. Tổng thu ngân sách xã năm 2023 đạt 10,25 tỷ đồng, chi ngân sách xã 9,78 tỷ đồng.

b) Về phát triển văn hóa - xã hội

- Văn hóa, thể dục - thể thao: tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ trong dịp tết Nguyên đán, kỷ niệm ngày thành lập Đảng,... Đồng thời, xây dựng và triển khai kế hoạch năm "An toàn thực phẩm" và tổ chức đăng ký cho các hộ sản xuất, kinh doanh thực phẩm tham gia ký cam kết đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm. Phong trào thể dục thể thao trên địa bàn phát triển mạnh với các câu lạc bộ thể thao hoạt động thường xuyên. Phối hợp với các ban ngành, đoàn thể vận động cán bộ, Nhân dân, các nhà hảo tâm, các doanh nghiệp ủng hộ xây dựng quỹ đền ơn đáp nghĩa, quỹ người nghèo, quỹ hội bảo trợ người tàn tật và trẻ mồ côi. Nhân dịp mừng xuân: đã thực hiện việc trao tặng quà của Chủ tịch nước cho gia đình chính sách: 113 suất; quà của UBND thành phố 114 suất; quà của huyện cho gia đình chính sách có hoàn cảnh khó khăn 12 suất, UBND xã tặng gia đình chính sách 12 suất.

- Giáo dục - đào tạo: xã Trung Hà có đủ 03 cấp trường (mầm non Trung Hà, tiểu học Trung Hà, trung học cơ sở Trung Hà) đã đạt chuẩn quốc gia với tổng diện tích sử dụng 27.459 m^2, đáp ứng nhu cầu học tập của con em trên địa bàn. Năm học 2022 - 2023 trường mầm non và trường tiểu học được xếp loại tập thể lao động tiên tiến; trường trung học cơ sở xếp loại tập thể lao động khá. Ban giám hiệu các trường luôn quan tâm đến việc đào tạo đội ngũ giáo viên; triển khai thực hiện nhiệm vụ năm học mới, chỉ đạo ổn định nề nếp ngay từ đầu năm học; công tác kiểm tra chuyên đề và kiểm tra đột xuất được thực hiện thường xuyên, liên tục mang lại hiệu quả cao ngay từ đầu năm học.

Trường tiểu học Trung Hà *Trường THCS Trung Hà*

- Y tế: xã Trung Hà hiện có 01 trạm y tế với diện tích 844 m^2 cơ bản đảm bảo công tác khám chữa bệnh cho người dân. Năm 2023, trạm y tế đã tiếp tục thực hiện tốt đề án chuẩn y tế cấp cơ sở. Chất lượng dịch vụ, chuyên môn của nhân viên y tế ngày được nâng lên đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của người dân về bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe.

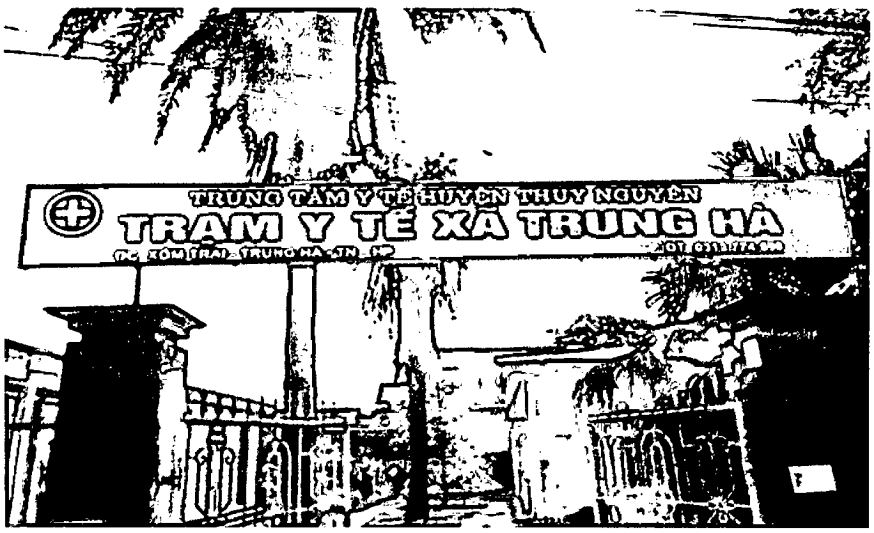

Trạm y tế xã Trung Hà

6. Tình hình phát triển cơ sở hạ tầng

a) Giao thông

Tổng chiều dài các tuyến đường giao thông trên địa bàn xã là 10,74 km, tổng diện tích đường giao thông trên địa bàn là 76.492 m^2 được xây dựng khá đồng bộ. Hệ thống giao thông đã được hoàn thành đáp ứng nhu cầu sử dụng của người dân, đồng thời tạo điều kiện thuận lợi trong việc phát triển kinh tế cũng như tiêu thụ các sản phẩm, góp phần nâng cao đời sống Nhân dân trên địa bàn.

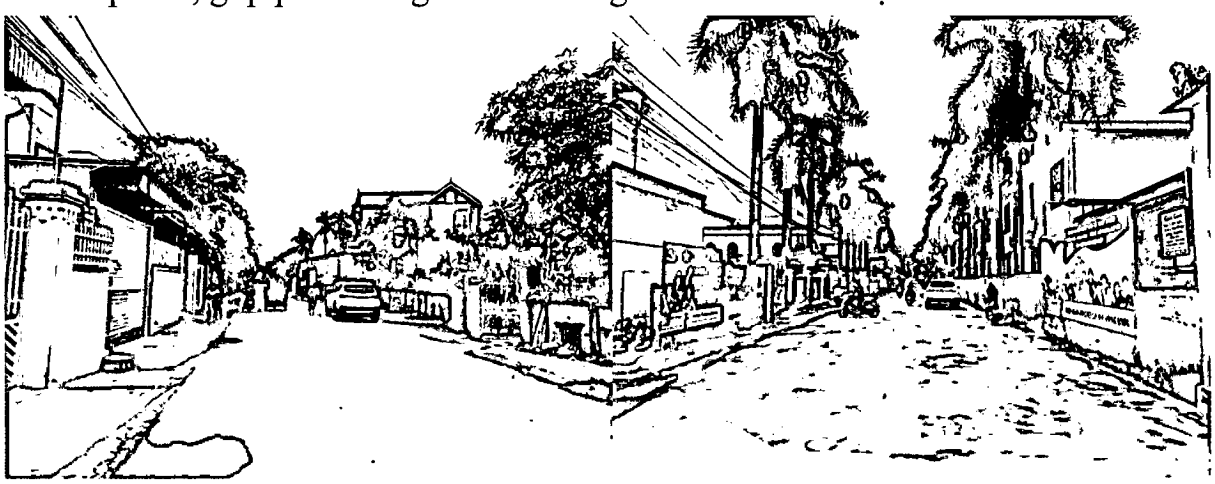

Một số tuyến đường trên địa bàn xã

b) Cấp điện, chiếu sáng

Hệ thống điện trên địa bàn thường xuyên được bảo dưỡng, sửa chữa, nâng cấp nhằm đáp ứng được nhu cầu sử dụng điện không bị gián đoạn trong sinh hoạt và sản xuất, góp phần không nhỏ trong phát triển kinh tế - xã hội. Năm 2023, sản lượng điện phục vụ sinh hoạt đạt 6.711.498 kwh; tỷ lệ hộ dân sử dụng lưới điện quốc gia trên địa bàn đạt 100%. Các tuyến phố chính được chiếu sáng đầy đủ đảm bảo cho giao thông thuận lợi về ban đêm hạn chế tai nạn giao thông góp phần đảm bảo an ninh, trật tự, an toàn xã hội; tỷ lệ chiều dài đường phố chính được chiếu sáng đạt 94,60%.

c) Cấp, thoát nước

Xã đã đầu tư xây dựng hệ thống đường ống cấp nước sạch đấu nối với nhà máy cung cấp nước dọc theo các tuyến đường giao thông đảm bảo cung cấp nước sạch cho các hộ dân. Năm 2023, tỷ lệ dân số đô thị được cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung và được sử dụng nguồn nước hợp vệ sinh đạt 96,94%. Hệ thống cống thoát nước được đầu tư xây dựng đồng bộ dọc theo hệ thống các tuyến đường giao thông rồi nhập vào các tuyến thoát nước chính. Trong năm, chính quyền xã đã vận động người dân tham gia nạo vét hệ thống thoát nước trong khu vực đảm bảo khơi thông dòng chảy và đảm bảo tiêu, thoát nước khi có mưa lớn xảy ra.

d) Vệ sinh môi trường

Xã đã tập trung vào công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của Nhân dân trong công tác bảo vệ môi trường; tiếp tục thực hiện đề án làm sạch đồng ruộng, vệ sinh đường làng ngõ xóm; tăng cường công tác quản lý vệ sinh môi trường; tuyên truyền, vận động người dân giữ gìn vệ sinh môi trường và thực hiện đổ rác đúng nơi quy định. Phối hợp với đơn vị thu gom rác tổ chức thu gom, vận chuyển chất thải từ các điểm tập kết đảm bảo không có rác tồn đọng trong ngày. Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom trên địa bàn năm 2023 đạt 90,85%.

7. Tình hình quốc phòng, an ninh

a) Quốc phòng

Duy trì nghiêm công tác chế độ trực sẵn sàng chiến đấu và tìm kiếm cứu nạn; phối hợp với lực lượng Công an xã tổ chức tuần tra, canh gác, đảm bảo an ninh, trật tự trên địa bàn. Tổ chức hội nghị tiếp xúc tân binh, nam thanh niên hoàn thành nghĩa vụ quân sự trở về địa phương; động viên thanh niên lên đường nhập ngũ làm nghĩa vụ quân sự. Hoàn thành công tác tuyển quân, giao quân đạt 100% chỉ tiêu huyện giao. Hoàn thành công tác đăng ký nghĩa vụ quân sự tuổi 17 trên địa bàn đạt 100% số thanh niên trong tuổi đến đăng ký.

b) An ninh

Công an xã là lực lượng nòng cốt trong công tác đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội. Làm tốt vai trò tham mưu và chủ động trong công tác tuyên truyền cán bộ, Nhân dân thực hiện tốt các chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước, các Chỉ thị, Nghị quyết về chiến lược an ninh quốc gia và bảo vệ Tổ quốc; phòng, chống các loại tội phạm và tệ nạn xã hội. Thực hiện Kế hoạch chỉ đạo của Công an thành phố, Công an huyện về triển khai thực hiện dự án cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và cấp mã số định danh cá nhân.

8. Tổ chức bộ máy, biên chế cán bộ

a) Hội đồng nhân dân xã nhiệm kỳ 2021 - 2026

Tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân xã là 23 đại biểu.

Thường trực Hội đồng nhân dân xã gồm: Chủ tịch HĐND (do Bí thư Đảng ủy kiêm nhiệm), 01 Phó Chủ tịch HĐND (hoạt động chuyên trách) và các ủy viên là Trưởng các Ban Hội đồng nhân dân xã.

Hội đồng nhân dân xã có 02 ban: Ban Kinh tế - xã hội và Ban Pháp chế; Trưởng ban, Phó Trưởng ban và các Ủy viên của các Ban Hội đồng nhân dân hoạt động kiêm nhiệm.

b) Ủy ban nhân dân xã

Cơ cấu tổ chức của Ủy ban nhân dân xã gồm: 01 Chủ tịch, 02 Phó Chủ tịch và Ủy viên phụ trách quân sự (Chỉ huy trưởng quân sự do Chủ tịch Hội cựu chiến binh kiêm nhiệm), Ủy viên phụ trách công an (Trưởng Công an xã).

Tổng số cán bộ, công chức biên chế được giao: 20 người; trong đó số biên chế hiện có mặt: 18 người, trong đó, cán bộ: 10 người, công chức: 08 người.

- Về trình độ chuyên môn: thạc sĩ: 01 người, đại học: 16 người, trung cấp: 01 người.

- Về trình độ lý luận chính trị: trung cấp: 17 người, sơ cấp: 01 người.

XV. XÃ THỦY TRIỀU

1. Lịch sử hình thành

Trước năm 1945, vùng đất Thủy Triều thuộc tổng Kinh Triều. Sau Cách mạng tháng 8/1945, cấp tổng bị xóa bỏ, nhiều làng xã cũ hợp nhất với nhau để thành lập xã mới; theo đó 02 làng Kinh Triều và Tuy Lạc hợp nhất thành xã Thủy Triều.

Cuối năm 1958, huyện Thủy Nguyên điều chỉnh về thành phố Hải Phòng quản lý. Xã Thủy Triều thuộc huyện Thủy Nguyên hoạt động và ổn định từ đó cho tới nay với 09 thôn, bao gồm: thôn 1, thôn 3, thôn 5, thôn 6, thôn 7, thôn 8, thôn Đầm, thôn Đông, thôn Tây.

2. Địa giới hành chính

Xã Thủy Triều nằm về phía Nam huyện Thủy Nguyên; cách trung tâm huyện khoảng 4,5 km và có địa giới hành chính như sau:

- Đông giáp xã Lập Lễ và xã Ngũ Lão;

- Tây giáp các xã Dương Quan, An Lư và Trung Hà;

- Nam giáp phường Máy Chai, phường Vạn Mỹ thuộc quận Ngô Quyền và phường Đông Hải 1 thuộc quận Hải An;

- Bắc giáp xã Trung Hà và xã Ngũ Lão.

3. Diện tích tự nhiên và cơ cấu các loại đất

Tính đến ngày 31/12/2023, xã Thủy Triều có 11,723 km² diện tích tự nhiên, trong đó cơ cấu các loại đất như sau:

- Diện tích đất phi nông nghiệp: 7,21 km²; chiếm tỷ lệ 61,50%;

- Diện tích đất nông nghiệp: 4,51 km²; chiếm tỷ lệ 38,47%;

- Diện tích đất chưa sử dụng là 0,003 km²; chiếm tỷ lệ 0,03%.

4. Quy mô dân số và cơ cấu lao động

Tính đến ngày 31/12/2023, toàn xã có 13.901 người; trong đó dân số thường trú là 13.199 người, dân số tạm trú 702 người.

Tổng số người lao động trong các ngành kinh tế trên địa bàn xã là 6.343 người, trong đó:

- Lao động phi nông nghiệp: 5.408 người, chiếm 85,26%;

- Lao động nông nghiệp: 935 người, chiếm 14,74%.

5. Tình hình phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội

a) Về phát triển kinh tế

- Công nghiệp - xây dựng: năm 2023, UBND xã đã tạo điều kiện cho các doanh nghiệp, hợp tác xã sản xuất, kinh doanh; hộ sản xuất tiểu thủ công nghiệp trên các lĩnh vực về sản xuất vật liệu xây dựng, mộc, cơ khí,... được hoạt động thường xuyên, tạo việc làm thu nhập ổn định cho các lao động. Trong năm, đã hoàn thành công trình xây dựng nhà chức năng 3 tầng trường trung học cơ sở; khởi công xây dựng, nâng cấp tuyến đường liên thôn từ đường tỉnh 359 đến thôn 7 đã đưa vào sử dụng.

- Thương mại - dịch vụ: UBND xã đã thực hiện các chính sách khuyến khích người dân phát triển ngành nghề, mở rộng kinh doanh dịch vụ nhằm đáp ứng đủ lượng cung - cầu và nâng cao đời sống vật chất tinh thần của người dân. Đến nay, các ngành nghề của xã phát triển ổn định và có đóng góp không nhỏ vào sự phát triển kinh tế tại địa phương. Các cửa hàng tự chọn, siêu thị mini, cửa hàng bán buôn, bán lẻ đồ dùng sinh hoạt, thiết bị xây dựng, may mặc, vật liệu xây dựng… trên địa bàn đã cơ bản đáp ứng nhu cầu của người dân trong khu vực.

- Nông - lâm - thủy sản: các hợp tác xã đã làm tốt công tác dịch vụ, vận động người dân gieo cấy trên diện tích 220,5 ha đạt 100% kế hoạch; năng suất lúa đạt 65 tạ/ha; sản lượng đạt 1.433 tấn. Diện tích rau màu vẫn duy trì 20 ha tạo nguồn thu nhập cho các hộ dân. Số lượng đàn gia súc, gia cầm được duy trì với khoảng 182 đàn trâu bò; đàn lợn khoảng 140 con; đàn gia cầm, thủy cầm đạt trên 5.000 con. Công tác tổ chức tiêm vắc xin phòng chống dịch bệnh cho đàn gia súc, gia cầm đạt 100% theo kế hoạch.

- Thu, chi ngân sách: thực hiện thu, chi ngân sách đúng quy định, tập trung thu các chỉ tiêu thu ngân sách Nhà nước nhất là các chỉ tiêu thu đạt thấp như thuế ngoài quốc doanh, tiền thuê đất... đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ thu ngân sách được giao. Chi ngân sách tiết kiệm, hiệu quả, giảm chi đối với những khoản chi không thực sự cần thiết, đảm bảo nguồn thực hiện các nhiệm vụ chi quan trọng của địa phương. Tổng thu ngân sách xã năm 2023 đạt 24,03 tỷ đồng; chi ngân sách xã là 22,91 tỷ đồng.

b) Về phát triển văn hóa - xã hội

- Văn hóa, thể dục - thể thao: hoàn thành việc lắp mới cụm loa phát thanh thôn Đầm và thôn 8; sửa chữa các cụm loa trên địa bàn đưa vào hoạt động tốt nhằm tuyên truyền đầy đủ đến người dân về chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, các nhiệm vụ của địa phương. Đẩy mạnh phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa. Tổ chức tốt các phong trào thể dục - thể thao trên địa bàn các thôn và toàn xã. Thực hiện tốt chính sách đối với người có công, đối tượng bảo trợ xã hội, công tác chăm sóc bảo vệ trẻ em. Đã thực hiện 07 hồ sơ mai táng phí người có công, 22 hồ sơ mai táng phí đối tượng bảo trợ xã hội, hoàn thành xét duyệt 90 hồ sơ đề nghị hưởng trợ cấp cho đối tượng bảo trợ xã hội, người cao tuổi, người khuyết tật kịp thời đúng đối tượng. Trong dịp lễ, tết địa phương đã quan tâm thăm hỏi, tặng quà cho các gia đình chính sách, hộ nghèo, cận nghèo, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn. Các doanh nghiệp nhà hảo tâm tặng quà cho các hộ gia đình chính sách, hộ nghèo, cận nghèo, trẻ em có hoàn cảnh khó khăn tổng 69 suất.

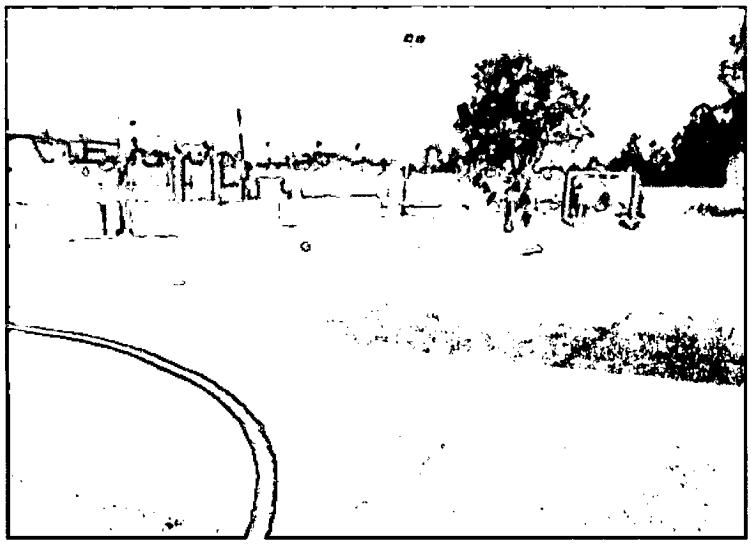

Công trình thể thao xã

- Giáo dục - đào tạo: quy mô trường lớp được phát triển mở rộng đáp ứng nhu cầu học tập của con em địa phương. Trên địa bàn xã có 03 trường, gồm: trường mầm non Thủy Triều diện tích 15.000 m^2; trường tiểu học Thủy Triều diện tích 6.449 m^2; trường trung học cơ sở Thủy Triều diện tích 14.000 m^2. Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên cơ bản có chuyên môn phù hợp với nhiệm vụ được phân công, có tinh thần trách nhiệm trong tổ chức và thực hiện nhiệm vụ. Hoạt động đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ của đội ngũ luôn được ngành và địa phương quan tâm, tạo điều kiện. Năm học 2022 - 2023 số lượng sĩ số học sinh được duy trì và thực hiện tốt công tác giảng dạy của các nhà trường. Xây dựng kế hoạch dạy và học đảm bảo theo yêu cầu của ngành.

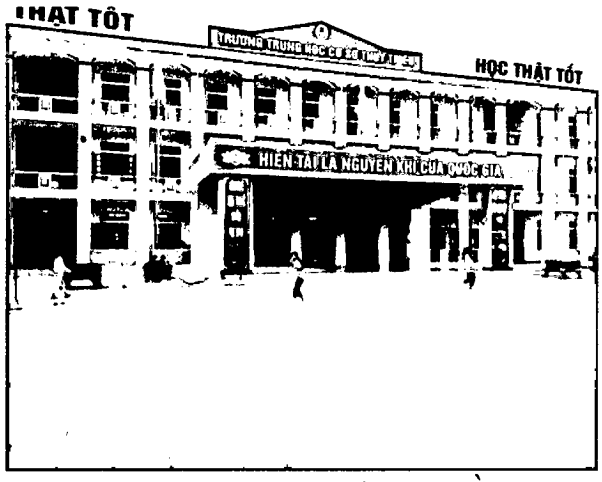

Trường THCS Thủy Triều

Trường mầm non Thủy Triều

- Y tế: trạm y tế xã đã đạt chuẩn và được đặt ở vị trí trung tâm xã có cơ sở vật chất tương đối đầy đủ với diện tích 2.055 m^2, đội ngũ viên chức y tế gồm 07 người: 02 bác sĩ, 02 y sĩ đa khoa, 01 y sĩ, 01 nữ hộ sinh, 01 điều dưỡng. Trạm y tế đã duy trì thường xuyên trực 24/24h, thực hiện tốt công tác khám, chữa bệnh ban đầu cho Nhân dân; tăng cường công tác kiểm tra an toàn vệ sinh thực phẩm.

Trạm y tế xã Thủy Triều

6. Tình hình phát triển cơ sở hạ tầng

a) Giao thông

Hệ thống giao thông trên địa bàn xã được quan tâm đầu tư tương đối hoàn chỉnh; các tuyến đường được cứng hóa, bê tông hóa đảm bảo nhu cầu đi lại của người dân. Trên địa bàn xã có tuyến đường 359 chạy qua và được đấu nối với hệ thống giao thông của xã đảm bảo thuận lợi cho người dân giao lưu trao đổi hàng hóa với các khu vực lân cận.

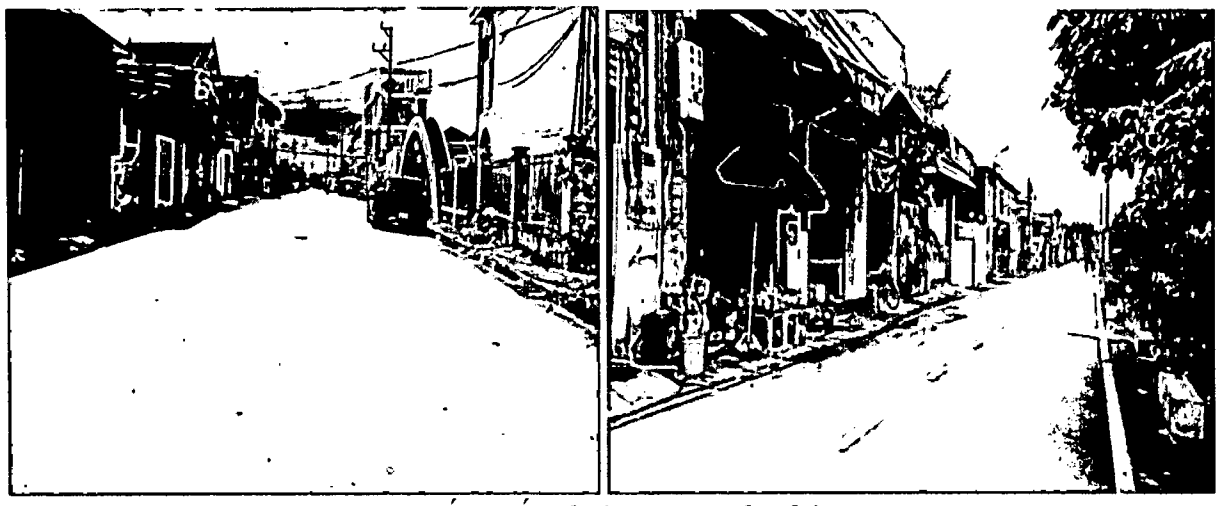

Một số tuyến đường trên địa bàn xã

b) Cấp điện, chiếu sáng

Xã đã thường xuyên phối hợp với các đơn vị cung cấp điện đảm bảo nguồn cấp điện ổn định, an toàn. Thường xuyên rà soát, cập nhật, bổ sung phụ tải phù hợp với thực tế, đáp ứng nhu cầu sử dụng điện của người dân trên địa bàn xã. Toàn xã có 07 trạm biến áp đạt chuẩn; 7,7 km đường dây trung thế; 15,1 km đường dây hạ thế, đường dây điện sau công tơ đến các hộ gia đình đều đảm bảo chất lượng và yêu cầu kỹ thuật điện. Năm 2023, tỷ lệ đường phố chính được chiếu sáng đạt 99,21%.

c) Cấp, thoát nước

Hệ thống đường ống cấp nước được đấu nối với nhà máy cấp nước sạch đảm bảo chất lượng đáp ứng được nhu cầu sử dụng nước sạch của người dân. Một số hộ dân trong xã còn đầu tư mua sắm máy lọc nước để lọc từ các nguồn nước mưa, nước giếng khoan phục vụ sinh hoạt hàng ngày. Hệ thống thoát nước trên địa bàn xã Thủy Triều có chiều dài 73,96 km và hố ga các loại. Hàng năm, xã xây dựng kế hoạch, đẩy mạnh đầu tư cải tạo và phát triển hệ thống thoát nước nhằm nâng cao chất lượng môi trường đô thị. Tổ chức nạo vét các tuyến cống nhằm tiêu thoát nước nhanh nhất ra các sông, hồ.

d) Vệ sinh môi trường

UBND xã đã triển khai công tác thu gom, vận chuyển chất thải sinh hoạt trên địa bàn 12 thôn về bãi rác tập trung tại xã Gia Minh để xử lý đảm bảo theo quy định. Tổ chức thực hiện hiệu quả "Ngày vệ sinh môi trường nông thôn"; tuyên truyền đến người dân thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường tại khu dân cư. Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom trên địa bàn năm 2023 đạt 93,63%.

7. Tình hình quốc phòng, an ninh

a) Quốc phòng

Duy trì nghiêm chế độ trực sẵn sàng chiến đấu, bảo quản tốt vũ khí không để xảy ra mất mát. Kết hợp với Công an xã tuần tra bảo đảm trật tự, an ninh, an toàn trên địa bàn xã. Tổ chức tốt công tác huấn luyện dân quân, dự bị động viên theo

kế hoạch của ban Chỉ huy quân sự huyện. Hoàn thành công tác tuyển, giao quân năm 2023 đạt 100% kế hoạch; tổ chức đăng ký nghĩa vụ quân sự tuổi 17 cho các thanh niên trong độ tuổi trên địa bàn đầy đủ.

b) An ninh

Tình hình an ninh, trật tự, an toàn xã hội được ổn định. Xây dựng kế hoạch làm tốt công tác bảo đảm an ninh, trật tự, tuần tra kiểm soát bảo vệ an toàn tuyệt đối trước, trong và sau tết Nguyên đán và các ngày lễ lớn. Làm tốt công tác quản lý dữ liệu dân cư phục vụ cho công tác điều hành và quản lý Nhà nước. Xây dựng kế hoạch phòng cháy chữa cháy; kiểm tra rà soát hướng dẫn cách phòng cháy, chữa cháy cho các cơ sở lưu trú và các hộ dân kết hợp với kinh doanh sản xuất.

8. Tổ chức bộ máy, biên chế cán bộ

a) Hội đồng nhân dân xã nhiệm kỳ 2021 - 2026

Tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân xã là 27 đại biểu.

Thường trực Hội đồng nhân dân xã gồm: Chủ tịch HĐND (do Phó Bí thư Đảng ủy kiêm nhiệm), 01 Phó Chủ tịch HĐND (hoạt động chuyên trách) và các ủy viên là Trưởng các Ban Hội đồng nhân dân xã.

Hội đồng nhân dân xã có 02 ban: Ban Kinh tế - xã hội và Ban Pháp chế; Trưởng ban, Phó Trưởng ban và các Ủy viên của các Ban Hội đồng nhân dân hoạt động kiêm nhiệm.

b) Ủy ban nhân dân xã

Cơ cấu tổ chức của Ủy ban nhân dân xã gồm: 01 Chủ tịch, 01 Phó Chủ tịch và Ủy viên phụ trách quân sự (Chỉ huy trưởng quân sự), Ủy viên phụ trách công an (Trưởng Công an xã).

Tổng số cán bộ, công chức biên chế được giao: 20 người; trong đó số biên chế hiện có mặt: 19 người, trong đó, cán bộ: 09 người, công chức: 10 người.

- Về trình độ chuyên môn: đại học: 16 người, trung cấp: 03 người.

- Về trình độ lý luận chính trị: cao cấp 01 người, trung cấp: 17 người, sơ cấp: 01 người.

XVI. XÃ PHẢ LỄ

1. Lịch sử hình thành

Trước năm 1945, Phả Lễ là vùng đất thuộc tổng Phục Lễ. Sau Cách mạng tháng 8/1945, các đơn vị hành chính được bố trí lại, bỏ cấp tổng, thành lập xã mới, các làng chuyển thành thôn. Theo đó, các thôn Do Lễ, Đoan Lễ, Do Nghi hợp nhất thành xã Tam Tỉnh, các thôn Phục Lễ, Phả Lễ, Lập Lễ hợp nhất thành xã Phục Hưng.

Tháng 11/1946, hợp nhất 02 xã Tam Tỉnh và Phục Hưng thành 01 xã lấy tên là Tam Hưng. Cuối năm 1956, các thôn Do Lễ, Đoan Lễ, Do Nghi vẫn thuộc xã

Tam Hưng, còn các thôn Phục Lễ, Phả Lễ, Lập Lễ tách ra thành các xã mới, thuộc huyện Thủy Nguyên. Xã Phả Lễ thuộc huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng và hoạt động ổn định cho đến nay với 06 thôn, bao gồm: thôn 1, thôn 2, thôn 3, thôn 4, thôn 5, thôn 6.

2. Địa giới hành chính

Xã Phả Lễ nằm về phía Đông Nam của huyện Thủy Nguyên, xã có địa giới hành chính như sau:

- Đông giáp phường Yên Hải thuộc thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh và xã Phục Lễ;

- Tây và Nam giáp xã Lập Lễ;

- Bắc giáp xã Phục Lễ.

3. Diện tích tự nhiên và cơ cấu các loại đất

Tính đến ngày 31/12/2023, xã Phả Lễ có 4,51 km² diện tích tự nhiên, trong đó cơ cấu các loại đất như sau:

- Diện tích đất phi nông nghiệp: 1,69 km²; chiếm tỷ lệ 37,47%;

- Diện tích đất nông nghiệp: 2,81 km²; chiếm tỷ lệ 62,31%;

- Diện tích đất chưa sử dụng là 0,01 km²; chiếm tỷ lệ 0,22%.

4. Quy mô dân số và cơ cấu lao động

Tính đến ngày 31/12/2023, toàn xã có 8.712 người; trong đó dân số thường trú là 8.665 người, dân số tạm trú 47 người.

Tổng số người lao động trong các ngành kinh tế trên địa bàn xã là 4.575 người, trong đó:

- Lao động phi nông nghiệp: 3.775 người, chiếm 82,51%;

- Lao động nông nghiệp: 800 người, chiếm 17,49%.

5. Tình hình phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội

a) Về phát triển kinh tế

- Công nghiệp - xây dựng: các cơ sở sản xuất tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn xã hoạt động ổn định và có chiều hướng phát triển về sản lượng cũng như chất lượng; lượng hàng hóa xuất ra thị trường đa dạng và mang lại hiệu quả cao. Năm 2023, xã đã tập trung đẩy nhanh tiến độ giải phóng mặt bằng, đền bù và bàn giao mặt bằng cho các đơn vị liên quan để triển khai thi công các công trình đảm bảo đồng bộ hệ thống cơ sở hạ tầng.

- Thương mại - dịch vụ: các hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ trên địa bàn xã được duy trì mở rộng, đặc biệt nghề mộc truyền thống cho thu nhập cao góp phần phát triển kinh tế của địa phương,... Ngân hàng chính sách tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức người dân có thể mạnh dạn đầu tư sản xuất, kinh doanh,

chuyển đổi cơ cấu, mô hình kinh tế góp phần phát triển kinh tế xã hội, nâng cao đời sống người dân với nguồn thu nhập ổn định, góp phần xóa đói, giảm nghèo hiệu quả.

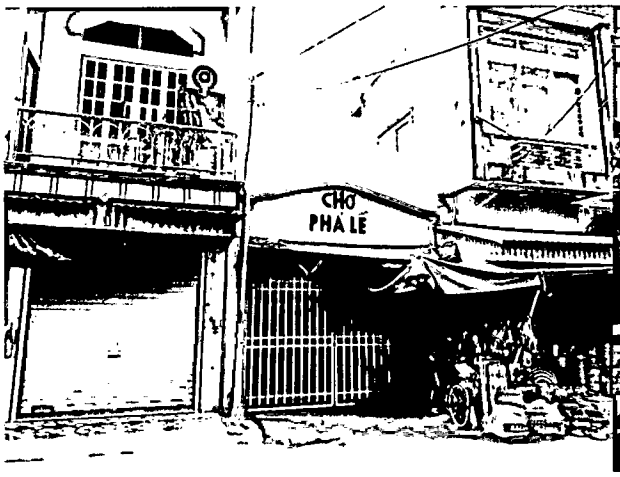

Chợ Phả Lễ

Cửa hàng tiện ích

- Nông - lâm - thủy sản: duy trì diện tích trồng trọt, chăn nuôi đạt 100% kế hoạch huyện giao. Hợp tác xã đã chủ động phối kết hợp với trạm khuyến nông Thủy Nguyên và các công ty phân bón tổ chức các lớp tập huấn, hội thảo về kỹ thuật gieo cấy, gieo sạ, chăm bón, bảo vệ thực vật... cho người dân. Tăng cường triển khai các biện pháp phòng, chống dịch bệnh; tổ chức tuyên truyền, hướng dẫn các hộ chăn nuôi đảm bảo an toàn, hợp vệ sinh.

- Thu, chi ngân sách: thực hiện tốt chỉ tiêu thu ngân sách năm 2023 của UBND huyện và HĐND xã giao; Nghị quyết về dự toán thu - chi và phân bổ ngân sách xã năm 2023. UBND xã đã tập trung chỉ đạo các đơn vị bám sát kế hoạch dự toán để thực hiện việc thu - chi ngân sách, đôn đốc thanh quyết toán các công trình xây dựng, các khoản tạm ứng, tạm vay, thu phí lệ phí và các khoản thu khác theo quy định. Tổng thu ngân sách xã đạt 12,29 tỷ đồng; chi ngân sách xã là 12,00 tỷ đồng.

b) Về phát triển văn hóa - xã hội

- Văn hóa, thể dục - thể thao: thường xuyên kiểm tra, sửa chữa kịp thời hệ thống truyền thanh gặp sự cố nhằm phát tin đúng giờ, đủ thời lượng. Năm 2023, tổ chức thành công chương trình "Ấm tình quê hương" và tổ chức tặng quà cho người cao tuổi và các hộ nghèo trên địa bàn xã... Trong năm 2023, UBND xã đã hoàn thiện hồ sơ đề nghị xét duyệt 03 gia đình văn hóa cấp huyện, và 01 gia đình văn hóa cấp thành phố trình UBND huyện xem xét. Tiếp tục thực hiện kế hoạch giảm nghèo trên địa bàn xã, đã giảm 05 hộ nghèo, đảm bảo thực hiện đạt lộ trình giảm nghèo đã đề ra. Nhận tiền hỗ trợ xây sửa nhà ở cho người có công với cách mạng là 05 đối tượng.

- Giáo dục - đào tạo: các trường mầm non, tiểu học và trung học cơ sở đã hoàn thành chương trình, nhiệm vụ tổng kết năm học 2022 - 2023; các trường đổi mới mạnh mẽ công tác quản lý khuyến khích sự sáng tạo và đề cao trách nhiệm

của giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong việc dạy học và công tác quản lý; ổn định nền nếp kỷ cương ngay sau khai giảng. Thực hiện tốt công tác tham mưu với Ban lãnh đạo địa phương tiếp tục tạo điều kiện cho các trường về cơ sở vật chất, công tác xã hội hóa giáo dục và giữ vững danh hiệu trường đạt chuẩn quốc gia. Hệ thống giáo dục của xã gồm: 01 trường mầm non Phả Lễ có diện tích 5.517 m^2, 01 trường tiểu học Phả Lễ có diện tích 4.132 m^2, 01 trường trung học cơ sở Phả Lễ có diện tích 6.984 m^2.

Trường tiểu học Phả Lễ

Trường THCS Phả Lễ

- Y tế: xã Phả Lễ có 01 trạm y tế đã đạt chuẩn quốc gia có diện tích 1.401 m^2. Năm 2023, duy trì tốt công tác phân công y, bác sĩ trực 24/24h, chuẩn bị đầy đủ số lượng thuốc phục vụ khám chữa bệnh cho Nhân dân trên địa bàn. Đảm bảo lịch tiêm phòng cho trẻ em đầy đủ, đúng kế hoạch. Kiểm tra các cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm, kinh doanh thực phẩm trong công tác an toàn vệ sinh thực phẩm và bảo vệ môi trường. Thường xuyên chủ động giám sát, phòng chống các dịch bệnh ở người, đặc biệt là sốt xuất huyết, cúm, sởi, tay chân miệng,...

Trạm y tế xã Phả Lễ

6. Tình hình phát triển cơ sở hạ tầng

a) Giao thông

Hệ thống giao thông trên địa bàn xã khá tốt và đồng bộ, phần lớn các tuyến đường đã được nhựa hóa, bê tông hóa, cứng hóa đạt đúng tiêu chuẩn theo quy định; tạo điều kiện thuận lợi trong việc giao lưu và phát triển kinh tế cũng như tiêu thụ các sản phẩm, nâng cao đời sống người dân trên địa bàn.

Một số tuyến đường trên địa bàn xã

b) Cấp điện, chiếu sáng

Điện sinh hoạt của xã đã có hệ thống lưới điện trung thế và lưới điện hạ thế được phủ toàn địa bàn. Năm 2023, tổng điện năng phục vụ sinh hoạt trên địa bàn xã là 10.698.355 kwh, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân trong sinh hoạt hàng ngày và phát triển kinh doanh sản xuất. Tổng chiều dài đường phố được chiếu sáng đạt 96,74%.

c) Cấp, thoát nước

Hầu hết các hộ dân được sử dụng nước sạch thường xuyên, đảm bảo vệ sinh môi trường. Thường xuyên phối hợp các đơn vị kiểm tra hệ thống nước định kỳ để kịp thời sửa chữa vị trí bị hư hỏng. Năm 2023, tỷ lệ dân số đô thị được cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung và được sử dụng nguồn nước hợp vệ sinh đạt 100%. Về thoát nước, xã đã tập trung chú trọng duy tu, bảo dưỡng các tuyến mương, cống mới. Tổ chức định kỳ nạo vét các tuyến kênh mương nội đồng, khơi thông dòng chảy đảm bảo cung cấp đầy đủ nước tưới tiêu cho sản xuất nông nghiệp và thoát nước trong mùa mưa bão.

d) Vệ sinh môi trường

UBND xã thường xuyên đôn đốc công ty trách nhiệm hữu hạn Thùy Giang thực hiện tốt công tác thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải trên địa bàn. Kiểm tra, giám sát chặt chẽ các đơn vị thi công trên địa bàn về công tác vệ sinh môi trường trong quá trình thi công và công tác san lấp mặt bằng không làm ảnh hưởng đến môi trường và khu vực bên ngoài phạm vi cho phép. Tổ chức chỉ đạo các chi hội, Ban công tác mặt trận thôn, Đoàn thanh niên tổng vệ sinh môi trường ở các khu dân cư trong xã. Tuyên truyền, vận động người dân tổng vệ sinh đường làng, ngõ xóm vào các ngày cuối tuần, thu dọn chất thải và tập kết tại những nơi quy định, không để ứ đọng nước lâu ngày, trồng thêm cây xanh các khu vực sinh hoạt

cộng đồng, cây xanh đường phố... tạo cảnh quan, môi trường sống xanh, sạch, hiện đại. Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom trên địa bàn năm 2023 đạt 93,33%.

7. Tình hình quốc phòng, an ninh

a) Quốc phòng

Công tác xây dựng, củng cố nền quốc phòng toàn dân, thế trận an ninh Nhân dân được chú trọng. Duy trì nghiêm công tác trực sẵn sàng chiến đấu. Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên đảm bảo đúng quy định; tổ chức huấn luyện quân số tham gia đảm bảo 100%. Thực hiện tốt các chính sách xã hội, chính sách hậu phương quân đội. Hoàn thành tốt công tác tuyển chọn và gọi công dân nhập ngũ đảm bảo số lượng, chất lượng. Năm 2023 đã bàn giao đầy đủ kế hoạch, số lượng thanh niên đạt tiêu chuẩn lên đường thực hiện nghĩa vụ quân sự.

b) An ninh

Tình hình an ninh, trật tự tiếp tục được giữ ổn định, không có điểm nóng phức tạp, các tệ nạn xã hội được kiềm chế. Tình hình trật tự an toàn giao thông và quản lý hành chính về trật tự xã hội được đảm bảo; phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc được củng cố và tăng cường. Công tác xây dựng lực lượng vũ trang được quan tâm chú trọng đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới. Đảm bảo an toàn cho các lễ hội, tết Nguyên đán và các sự kiện của địa phương. Tổ chức thực hiện nhiệm vụ, tuần tra ban đêm, ngăn chặn mọi hành vi vi phạm pháp luật, hạn chế các vụ việc phức tạp xảy ra, đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn.

8. Tổ chức bộ máy, biên chế cán bộ

a) Hội đồng nhân dân xã nhiệm kỳ 2021 - 2026

Tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân xã là 24 đại biểu.

Thường trực Hội đồng nhân dân xã gồm: Chủ tịch HĐND (do Bí thư Đảng ủy kiêm nhiệm), 01 Phó Chủ tịch HĐND (hoạt động chuyên trách) và các ủy viên là Trưởng các Ban Hội đồng nhân dân xã.

Hội đồng nhân dân xã có 02 ban: Ban Kinh tế - xã hội và Ban Pháp chế; Trưởng ban, Phó Trưởng ban và các Ủy viên của các Ban Hội đồng nhân dân hoạt động kiêm nhiệm.

b) Ủy ban nhân dân xã

Cơ cấu tổ chức của Ủy ban nhân dân xã gồm: 01 Chủ tịch, 01 Phó Chủ tịch và Ủy viên phụ trách quân sự (Chỉ huy trưởng quân sự), Ủy viên phụ trách công an (Trưởng Công an xã).

Tổng số cán bộ, công chức biên chế được giao: 20 người; trong đó số biên chế hiện có mặt: 17 người, trong đó, cán bộ: 09 người, công chức: 08 người.

- Về trình độ chuyên môn: đại học: 16 người, trung cấp: 01 người.

- Về trình độ lý luận chính trị: trung cấp: 09 người, sơ cấp: 08 người.

XVII. XÃ PHỤC LỄ

1. Lịch sử hình thành

Trước năm 1945, Phục Lễ là vùng đất trù phú, đông đúc nhất ven sông Bạch Đằng. Sau Cách mạng tháng 8/1945, các đơn vị hành chính được bố trí lại, bỏ cấp tổng, thành lập xã mới, các làng chuyển thành thôn. Theo đó, các thôn Do Lễ, Đoan Lễ, Do Nghi hợp nhất thành xã Tam Tỉnh, các thôn Phục Lễ, Phả Lễ, Lập Lễ hợp nhất thành xã Phục Hưng.

Tháng 11/1946, hợp nhất 02 xã Tam Tỉnh và Phục Hưng thành 01 xã lấy tên là Tam Hưng. Lúc bấy giờ, xã Tam Hưng gồm 07 thôn.

Cuối năm 1956, các thôn Do Lễ, Đoan Lễ, Do Nghi vẫn thuộc xã Tam Hưng, còn các thôn Phục Lễ, Phả Lễ, Lập Lễ tách ra thành các xã mới, thuộc huyện Thủy Nguyên. Xã Phục Lễ thuộc huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng và hoạt động ổn định cho đến nay với 06 thôn, bao gồm: thôn Sở, thôn Mức, thôn Bắc, thôn Đông, thôn Trung, thôn Nam.

2. Địa giới hành chính

Xã Phục Lễ nằm ở phía Đông của huyện Thủy Nguyên, xã có địa giới hành chính như sau:

- Đông giáp phường Nam Hòa, Yên Hải, thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh;
- Tây giáp xã Ngũ Lão;
- Nam giáp xã Phả Lễ và xã Lập Lễ;
- Bắc giáp xã Tam Hưng.

3. Diện tích tự nhiên và cơ cấu các loại đất

Tính đến ngày 31/12/2023, xã Phục Lễ có 5,86 km² diện tích tự nhiên, trong đó cơ cấu các loại đất như sau:

- Diện tích đất phi nông nghiệp: 2,93 km²; chiếm tỷ lệ 50,00%;
- Diện tích đất nông nghiệp: 2,78 km²; chiếm tỷ lệ 47,44%;
- Diện tích đất chưa sử dụng là 0,15 km²; chiếm tỷ lệ 2,56%.

4. Quy mô dân số và cơ cấu lao động

Tính đến ngày 31/12/2023, toàn xã có 8.002 người; trong đó dân số thường trú là 7.984 người, dân số tạm trú 18 người.

Tổng số người lao động trong các ngành kinh tế trên địa bàn xã là 4.201 người, trong đó:

- Lao động phi nông nghiệp: 3.767 người, chiếm 89,67%;
- Lao động nông nghiệp: 434 người, chiếm 10,33%.

5. Tình hình phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội

a) Về phát triển kinh tế

- Công nghiệp - xây dựng: được sự hỗ trợ của các cấp chính quyền, các hộ sản xuất, các doanh nghiệp đóng trên địa bàn đã mở rộng sản xuất, cải tiến mẫu mã, tăng sản lượng cũng như chất lượng, tìm kiếm thị trường cho sản phẩm mang tính bền vững như: đúc và gia công cơ khí, đánh bắt nuôi trồng thủy hải sản, sửa chữa, vật liệu xây dựng,... Hiện toàn xã có trên 500 hộ tổ chức sản xuất tiểu thủ công nghiệp, xây dựng, vận tải đã tạo việc làm thường xuyên cho lao động tại địa phương.

- Thương mại - dịch vụ: những năm gần đây, ngành thương mại - dịch vụ trên địa bàn có tốc độ tăng trưởng khá, tập trung phát triển các ngành: vận tải hàng hóa, buôn bán vật liệu xây dựng, dịch vụ ăn uống, lưu trú... được duy trì và hoạt động ổn định. Bên cạnh đó, một số ngành dịch vụ có giá trị cao như: kinh doanh bất động sản, thông tin truyền thông đang dần hình thành và phát triển. Hệ thống chợ, siêu thị mini, cửa hàng tạp hóa cũng phát triển mạnh mẽ, hàng hóa kinh doanh đa dạng, phong phú về chủng loại, đáp ứng nhu cầu mua bán của người dân trên địa bàn.

- Nông - lâm - thủy sản: việc lựa chọn sử dụng giống cây trồng mới, áp dụng khoa học kỹ thuật gieo trồng đảm bảo phù hợp với thực tiễn đã cho năng suất cao và vượt kế hoạch đề ra. Cùng với đó, xã đã tổ chức 20 lớp tập huấn chuyển giao khoa học kỹ thuật chăm bón, phòng trừ sâu bệnh trong sản xuất vụ Đông Xuân, vụ Mùa với trên 500 hộ tham gia. Công tác tổ chức tiêm phòng cho các đàn gia súc, gia cầm; công tác tiêu độc khử trùng, phòng chống dịch bệnh được thực hiện tốt, nên trong năm trên địa bàn xã không có dịch bệnh xảy ra.

- Thu, chi ngân sách: để tăng hiệu quả thu, chi ngân sách, xã Phục Lễ đã có những giải pháp đồng bộ như: đẩy mạnh cải cách hành chính - hiện đại hóa công tác thu ngân sách xã, tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra để phát hiện và có biện pháp xử lý kịp thời các trường hợp vi phạm pháp luật về thuế, hạn chế thấp nhất tình trạng thất thu thuế. Xây dựng kế hoạch chi ngân sách và quản lý sử dụng ngân sách theo quy định. Năm 2023, tổng thu ngân sách xã đạt 11,73 tỷ đồng; tổng chi ngân sách xã là 11,40 tỷ đồng.

b) Về phát triển văn hóa - xã hội

- Văn hóa, thể dục - thể thao: thực hiện Nghị quyết số 26/NQ-HU ngày 24/10/2012 của Ban chấp hành Đảng bộ huyện về bảo tồn, phát huy giá trị di sản trên địa bàn; tôn tạo và quản lý tốt các cơ sở tôn giáo, tín ngưỡng. Kiện toàn Ban chỉ đạo phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa", xây dựng, triển khai kế hoạch xây dựng và giữ vững làng văn hóa, cơ quan văn hóa gắn liền với việc thực hiện xây dựng xã nông thôn mới kiểu mẫu. Hệ thống sân luyện tập thể dục thể thao được xây dựng đồng bộ từ các thôn cho đến xã nhằm đáp ứng nhu cầu rèn luyện sức khỏe, vui chơi giải trí của người dân. Công tác thể dục, thể thao cũng

được quan tâm với các nội dung thi đấu năm 2023, như: bóng chuyền, bóng đá, cầu lông,... Tổ chức hỗ trợ sửa chữa cho người có công với cách mạng về nhà ở 06 hộ. Nhân dịp ngày Thương binh liệt sỹ tổ chức tặng quà với tổng 26 suất; hoàn thiện 09 hồ sơ đề nghị hỗ trợ xây sửa nhà người có công.

Công trình văn hóa, thể thao xã

- Giáo dục - đào tạo: công tác giáo dục trong trường học luôn được quan tâm chú trọng, đầu tư cơ sở vật chất và trang thiết bị dạy học hiện đại. Hiện trên địa bàn xã có 03 cấp trường: trường mầm non Phục Lễ, trường tiểu học Phục Lễ và trường trung học cơ sở Phục Lễ, chất lượng dạy và học ở cả 03 cấp trường ngày càng được nâng cao. Năm học 2022 - 2023 có 100% học sinh trên địa bàn xã tốt nghiệp trung học cơ sở, 100% các em học sinh hoàn thành chương trình tiểu học, 100% các lớp học mầm non được khám sức khỏe định kỳ và theo dõi bằng biểu đồ, ăn uống đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm.

Một số công trình giáo dục trên địa bàn xã

- Y tế: trên địa bàn xã có 01 trạm y tế với diện tích là 1.826 m^2 đáp ứng nhu cầu khám chữa bệnh ban đầu cho người dân địa phương. Trạm y tế xã đã có nhiều cố gắng thực hiện tốt các chương trình mục tiêu quốc gia về y tế; công tác chăm sóc sức khỏe và khám chữa bệnh cho người dân luôn được quan tâm. Cán bộ, nhân viên y tế luôn nâng cao tinh thần trách nhiệm, đảm bảo thời gian khám chữa bệnh, thực hiện tốt các quy chế của ngành, hoàn thành các chỉ tiêu do trung tâm y tế đề ra.

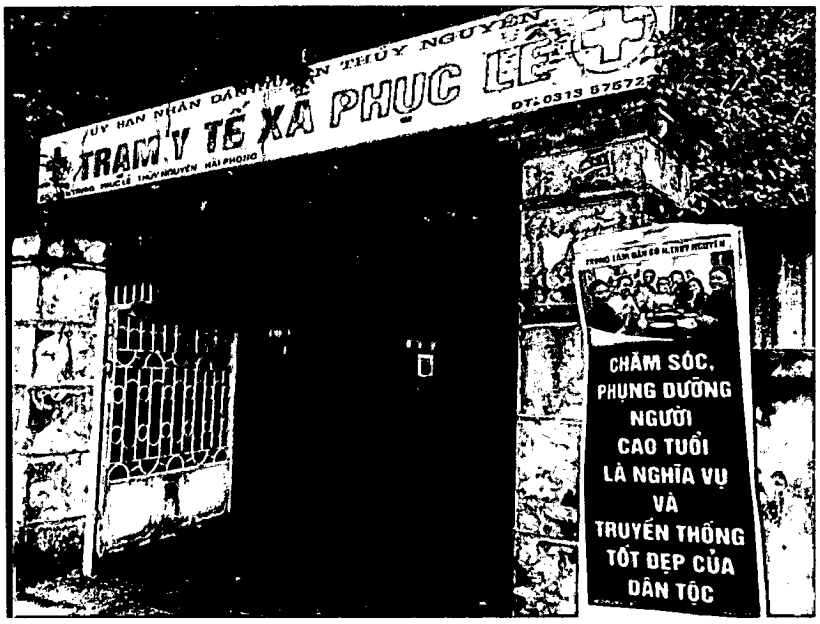

Trạm y tế xã

6. Tình hình phát triển cơ sở hạ tầng

a) Giao thông

Trên địa bàn xã có các tuyến đường liên xã tạo điều kiện thuận lợi cho việc giao lưu phát triển với nhiều nơi trong và ngoài khu vực. Cùng với đó, các tuyến đường liên xã, liên thôn đã được bê tông hóa, nhựa hóa cơ bản đáp ứng nhu cầu đi lại của người dân.

Một số tuyến đường trên địa bàn xã

b) Cấp điện, chiếu sáng

Hệ thống điện thường xuyên được kiểm tra, khắc phục; đầu tư xây dựng các trạm biến áp; thay thế đường dây nhằm đảm bảo việc cấp điện phục vụ nhu cầu sản xuất, phát triển kinh doanh, chiếu sáng và đời sống của người dân. Năm 2023, số hộ dân sử dụng điện và dùng điện kế chính đạt 100%; sản lượng điện phục vụ sinh hoạt là 9.428.713 kwh; tỷ lệ đường phố chính được chiếu sáng đạt 97,10%.

c) Cấp, thoát nước

Nguồn nước sạch trên địa bàn xã chủ yếu được cấp từ nhà máy nước trung tâm huyện Thủy Nguyên đã đảm bảo phục vụ đầy đủ cho nhu cầu sinh hoạt, sản xuất của người dân trong xã. Năm 2023, tỷ lệ dân số đô thị được cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung và được sử dụng nguồn nước hợp vệ sinh trên địa bàn xã đạt 100%. Các tuyến đường xây dựng mới đều có đầy đủ hệ thống thoát nước và được đấu nối với các tuyến thoát nước chung đảm bảo thoát nước nhanh chóng trong mùa mưa bão. Đến nay, tổng chiều dài các tuyến mương xây và cống thoát nước là 4,27 km, vì vậy các năm qua không xảy ra tình trạng ngập lụt trên địa bàn xã.

d) Vệ sinh môi trường

Tập trung chỉ đạo quyết liệt công tác vệ sinh môi trường, thực hiện có hiệu quả kế hoạch vệ sinh môi trường "Sáng - Xanh - Sạch - Đẹp" trên địa bàn. Chỉ đạo tổ chức tết trồng cây nhân dịp đầu Xuân, toàn xã trồng được 350 cây các loại. Trên địa bàn xã có 6 tổ thu gom chất thải rắn hoạt động hiệu quả tại các thôn. Trong năm, tổ chức các buổi lao động theo phong trào "Ngày Chủ nhật xanh" thu hút đông đảo người dân trong xã tham gia. Hiện nay, chất thải được Hợp tác xã sản xuất, kinh doanh, dịch vụ chịu trách nhiệm thu gom và vận chuyển về bãi tập kết tập trung của huyện để xử lý hợp vệ sinh. Tỷ lệ chất thải sinh hoạt được thu gom trên địa bàn hiện đạt 91,14%, không có tình trạng rác tồn đọng trong khu dân cư. Thường xuyên tuyên truyền, giám sát dịch bệnh, phát động toàn dân tổng vệ sinh môi trường, thực hiện vệ sinh an toàn thực phẩm, phòng chống ngộ độc thực phẩm.

Xã Phục Lễ tổng vệ sinh đường làng, ngõ xóm, khu trung tâm UBND xã

7. Tình hình quốc phòng, an ninh

a) Quốc phòng

Thường xuyên duy trì chế độ trực sẵn sàng chiến đấu, phối hợp với Ban Công an tuần tra chốt điểm đảm bảo an ninh chính trị, an toàn xã hội. Làm tốt công tác xây dựng và bổ sung lực lượng dân quân cơ động, dân quân tại chỗ, lực lượng dân quân binh chủng. Xét duyệt nam công dân sẵn sàng nhập ngũ năm 2023 được 31 công dân; kết quả khám sơ tuyển đủ điều kiện điều động khám sức khỏe nghĩa vụ quân sự tại huyện là 31 công dân, số công dân trúng tuyển đủ điều kiện sức khỏe nhập ngũ năm 2023 là 17 công dân.

b) An ninh

Công an xã đã xây dựng và thực hiện tốt kế hoạch đảm bảo an ninh, trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn; tổ chức ký cam kết không tàng trữ, vận chuyển, buôn bán vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ, pháo, đèn trời trên toàn địa bàn toàn xã. Tổ chức tuần tra kiểm soát đảm bảo trật tự an toàn giao thông và trật tự đô thị trên địa bàn, lập biên bản và xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm kỷ luật. Nhìn chung tình hình an ninh, trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn xã trong những năm qua được giữ vững, ổn định không để xảy ra tình huống bất ngờ.

8. Tổ chức bộ máy, biên chế cán bộ

a) Hội đồng nhân dân xã nhiệm kỳ 2021 - 2026

Tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân xã là 25 đại biểu.

Thường trực Hội đồng nhân dân xã gồm: Chủ tịch HĐND (do Bí thư Đảng ủy kiêm nhiệm), 01 Phó Chủ tịch HĐND (hoạt động chuyên trách) và các ủy viên là Trưởng các Ban Hội đồng nhân dân xã.

Hội đồng nhân dân xã có 02 ban: Ban Kinh tế - xã hội và Ban Pháp chế; Trưởng ban, Phó Trưởng ban và các Ủy viên của các Ban Hội đồng nhân dân hoạt động kiêm nhiệm.

b) Ủy ban nhân dân xã

Cơ cấu tổ chức của Ủy ban nhân dân xã gồm: 01 Chủ tịch, 01 Phó Chủ tịch và Ủy viên phụ trách quân sự (Chỉ huy trưởng quân sự), Ủy viên phụ trách công an (Trưởng Công an xã).

Tổng số cán bộ, công chức biên chế được giao: 20 người; trong đó số biên chế hiện có mặt: 20 người, trong đó, cán bộ: 10 người, công chức: 10 người.

- Về trình độ chuyên môn: đại học: 20 người.

- Về trình độ lý luận chính trị: trung cấp: 16 người, sơ cấp: 04 người.

D. HIỆN TRẠNG CÁC ĐVHC CẤP XÃ THỰC HIỆN SẮP XẾP ĐỂ THÀNH LẬP XÃ MỚI

I. XÃ GIA MINH

1. Lịch sử hình thành

Trước năm 1945, tổng Dưỡng Động gồm 03 xã Dưỡng Động, Tràng Kênh, Gia Đức (trước thời Nguyễn sách chép là Gia Đước). Sau Cách mạng tháng 8/1945, tổng Dưỡng Động được chuyển thành xã Minh Tân.

Cuối năm 1956, các thôn Tràng Kênh, Gia Đước tách khỏi xã Minh Tân để thành lập xã Minh Đức. Năm 1958, xã Minh Đức thuộc huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.

Năm 1983, tách xã Minh Đức thành xã Gia Minh và xã Minh Đức; tách xã Gia Minh thành xã Gia Minh và Gia Đức. Xã Gia Minh hoạt động ổn định từ đó cho đến nay với 03 thôn, bao gồm: thôn 1, thôn 2, Thủy Minh.

2. Địa giới hành chính

Xã Gia Minh nằm ở phía Bắc của huyện Thủy Nguyên, xã có địa giới hành chính như sau:

- Đông giáp xã Gia Đức;
- Tây giáp xã Lưu Kỳ;
- Nam giáp các xã Lưu Kiếm, xã Minh Tân và thị trấn Minh Đức;
- Bắc giáp phường Phương Nam thuộc thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh.

3. Diện tích tự nhiên và cơ cấu các loại đất

Tính đến ngày 31/12/2023, xã Gia Minh có 8,64 km² diện tích tự nhiên, trong đó cơ cấu các loại đất như sau:

- Diện tích đất phi nông nghiệp: 4,42 km²; chiếm tỷ lệ 51,16%;
- Diện tích đất nông nghiệp: 3,53 km²; chiếm tỷ lệ 40,86%;
- Diện tích đất chưa sử dụng là 0,69 km²; chiếm tỷ lệ 7,98%.

4. Quy mô dân số và cơ cấu lao động

Tính đến ngày 31/12/2023, toàn xã có 4.596 người; trong đó dân số thường trú là 4.560 người, dân số tạm trú 36 người.

Tổng số người lao động trong các ngành kinh tế trên địa bàn xã là 2.551 người, trong đó:

- Lao động phi nông nghiệp: 1.914 người, chiếm 75,03%;
- Lao động nông nghiệp: 637 người, chiếm 24,97%.

5. Tình hình phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội

a) Về phát triển kinh tế

- Công nghiệp - xây dựng: ngành công nghiệp trên địa bàn xã được duy trì và giữ vững, chủ yếu là may mặc, cơ khí, sản xuất vật liệu xây dựng,... Hiện nay, ngành tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn xã đang hướng tới quy mô cao hơn để đáp ứng yêu cầu trong quá trình xây dựng và phát triển theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

- Thương mại - dịch vụ: tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ được duy trì. Thị trường hàng hóa trên địa bàn xã phong phú, đa dạng đảm bảo cung ứng đủ nguồn hàng phục vụ người tiêu dùng.

- Nông - lâm - thủy sản: tỷ trọng sản xuất nông nghiệp, thủy sản đạt khá cao, vượt kế hoạch đề ra. Diện tích gieo cấy cả năm là 120 ha, năng suất bình quân đạt

58,9 tạ/ha/vụ. Công tác tiêm phòng và phòng chống dịch bệnh cho đàn gia súc, gia cầm được quan tâm chỉ đạo triển khai thực hiện.

- Thu, chi ngân sách: công tác thu ngân sách được tập trung thực hiện đồng bộ nhiều biện pháp: rà soát, tăng cường quản lý nguồn thu, triển khai áp dụng, công tác kiểm tra, kê khai nộp thuế và hoàn thuế, quản lý điều hành chi ngân sách được đảm bảo. Chi ngân sách cơ bản đáp ứng nhu cầu hoạt động thường xuyên, công tác sử dụng và quản lý chi đảm bảo đúng nguyên tắc, đáp ứng kịp thời nhiệm vụ được giao. Tổng thu ngân sách năm 2023 là 6,289 tỷ đồng; tổng chi ngân sách là 6,285 tỷ đồng.

b) Về phát triển văn hóa - xã hội

- Văn hóa, thể dục - thể thao: công tác văn hóa - xã hội thường xuyên được chú trọng, làm tốt công tác thông tin tuyên truyền chủ trương, đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước và những sự kiện quan trọng của địa phương. Nhân dịp các ngày lễ, Tết các thôn thường xuyên tổ chức các giải đấu giao lưu nhằm nâng cao đời sống tinh thần và phong trào vui chơi giải trí sau mỗi ngày lao động. Đồng thời, công tác xây dựng đơn vị, gia đình kiểu mẫu được chú trọng, ý thức văn hóa của Nhân dân được nâng lên. Tổ chức phối hợp với các doanh nghiệp quan tâm thăm hỏi, tiếp xúc, tặng quà cho các gia đình chính sách, hộ nghèo, cận nghèo.... nhân dịp lễ, tết với tổng số 268 suất quà.

- Giáo dục - đào tạo: quy mô trường, lớp được giữ vững cơ bản đáp ứng nhu cầu học tập của con em địa phương với 03 trường gồm: trường mầm non Gia Minh có diện tích 5.467 m^2, trường tiểu học Gia Minh có diện tích 5.525 m^2, trường trung học cơ sở Gia Minh có diện tích 4.800 m^2. Các trường học trên địa bàn tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong các hoạt động giảng dạy, tiếp tục duy trì công tác bồi dưỡng học sinh giỏi, nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi và phổ cập giáo dục trung học cơ sở. Triển khai và thực hiện có hiệu quả phong trào xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực. Cả ba cấp học đều giữ vững chuẩn quốc gia cấp độ 1, riêng trường mầm non đang triển khai thực hiện kế hoạch chuẩn quốc gia cấp độ 2.

- Y tế: công tác y tế, chăm sóc sức khỏe ban đầu cho Nhân dân, công tác tiêm phòng luôn được quan tâm và duy trì đều đặn. Cán bộ nhân viên y tế luôn nâng cao tinh thần trách nhiệm, đảm bảo thời gian khám chữa bệnh, hoàn thành các chỉ tiêu do trung tâm y tế đề ra. Công tác truyền thông dân số được tăng cường, thực hiện tốt các chính sách về dân số kế hoạch hóa gia đình, chăm sóc bảo vệ sức khỏe bà mẹ và trẻ em. Địa bàn xã có trạm y tế Gia Minh với diện tích 5.788 m^2 đã được công nhận chuẩn quốc gia về y tế.

6. Tình hình phát triển cơ sở hạ tầng

a) Giao thông

Thực hiện chương trình xây dựng đường giao thông nông thôn trên địa bàn nhất là ở các thôn được quan tâm đầu tư xây dựng, tỷ lệ cứng hóa đạt 100%. Đặc

biệt trên địa bàn xã có tuyến đường quốc lộ 10 chạy qua đã được đầu tư nâng cấp sẽ phục vụ tích cực đời sống Nhân dân trong việc lưu thông hàng hóa, các hoạt động sản xuất và phát triển kinh tế.

b) Cấp điện, chiếu sáng

Hệ thống dây dẫn điện vào nhà, dây dẫn trong nhà và các thiết bị điện trong nhà của các hộ dân đảm bảo an toàn theo quy định, tạo điều kiện thuận lợi cho Nhân dân trong sinh hoạt và phát triển sản xuất kinh doanh. Hệ thống chiếu sáng trên các tuyến thôn cũng được quan tâm đầu tư.

c) Cấp, thoát nước

Năm 2023, tỷ lệ hộ dân sử dụng nước sạch hợp vệ sinh trên địa bàn xã đạt 100% đảm bảo phục vụ đầy đủ cho sinh hoạt và sản xuất của người dân. Xã Gia Minh có hệ thống thoát nước mưa tương đối hoàn chỉnh ở khu vực trung tâm. Bên cạnh đó, UBND xã phối hợp với các ban, ngành kịp thời tu sửa các hệ thống mương xây và cống theo kế hoạch của cấp trên giao. Các hộ gia đình có nhà vệ sinh, nhà tắm đạt tiêu chuẩn theo quy định; có hệ thống tiêu thoát nước thải, thu gom, xử lý đảm bảo quy định, không gây ô nhiễm nguồn nước xung quanh.

d) Vệ sinh môi trường

Thường xuyên vận động, tuyên truyền các cơ quan, đoàn thể đồng thời vận động người dân trên địa bàn dọn vệ sinh đường làng ngõ xóm. Thu gom và vận chuyển chất thải đúng nơi quy định và có trách nhiệm giữ gìn vệ sinh môi trường, nhằm đảm bảo tốt cảnh quan môi trường trên địa bàn xã. Hiện nay, chất thải trên địa bàn xã do Công ty cổ phần môi trường đô thị Hải Phòng thu gom; chất thải được xử lý bằng phương pháp đốt và chôn lấp hợp vệ sinh.

7. Tình hình quốc phòng, an ninh

a) Quốc phòng

Ban chỉ huy quân sự xã đã xây dựng đầy đủ kế hoạch và huấn luyện dân quân năm 2023. Hoàn thành chỉ tiêu giao quân đạt 100%, thực hiện nhiệm vụ xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, lực lượng dự bị động viên đủ về số lượng, đảm bảo chất lượng theo yêu cầu của cấp trên giao. Sẵn sàng điều động trong công tác phòng chống lụt bão và tìm kiếm cứu nạn. Duy trì nghiêm các chế độ trực chỉ huy, sẵn sàng chiến đấu trong các đợt cao điểm, xử lý kịp thời các vấn đề về quân sự, quốc phòng.

b) An ninh

Tình hình an ninh, trật tự, an toàn xã hội cơ bản ổn định. Tổ an ninh, tổ hòa giải khu dân cư được củng cố thường xuyên nhằm giải quyết tại chỗ những vấn đề an ninh thôn, giữ gìn sự đoàn kết trong Nhân dân. Kết hợp tốt với Ban chỉ huy quân sự xã và các ban, ngành, đoàn thể bảo vệ thành công các hoạt động trong những ngày lễ, Tết, sự kiện chính trị tại địa phương.

8. Tổ chức bộ máy, biên chế cán bộ

a) Hội đồng nhân dân xã nhiệm kỳ 2021 - 2026

Tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân xã là 25 đại biểu.

Thường trực Hội đồng nhân dân xã gồm: Chủ tịch HĐND (do Bí thư Đảng ủy kiêm nhiệm), 01 Phó Chủ tịch HĐND (hoạt động chuyên trách) và các ủy viên là Trưởng các Ban Hội đồng nhân dân xã.

Hội đồng nhân dân xã có 02 ban: Ban Kinh tế - xã hội và Ban Pháp chế; Trưởng ban, Phó Trưởng ban và các Ủy viên của các Ban Hội đồng nhân dân hoạt động kiêm nhiệm.

b) Ủy ban nhân dân xã

Cơ cấu tổ chức của Ủy ban nhân dân xã gồm: 01 Chủ tịch, 01 Phó Chủ tịch và Ủy viên phụ trách quân sự (Chỉ huy trưởng quân sự), Ủy viên phụ trách công an (Trưởng Công an xã).

Tổng số cán bộ, công chức biên chế được giao: 18 người; trong đó số biên chế hiện có mặt: 18 người, trong đó, cán bộ: 10 người, công chức: 08 người.

- Về trình độ chuyên môn: đại học: 16 người, trung cấp: 02 người.

- Về trình độ lý luận chính trị: trung cấp: 17 người, sơ cấp: 01 người.

II. XÃ GIA ĐỨC

1. Lịch sử hình thành

Xã Minh Tân được thành lập, trên cơ sở các làng Dưỡng Động, Tràng Kênh, Gia Đức (Nhân dân quen gọi là Gia Đước) thuộc tổng Dưỡng Động.

Đến cuối năm 1956, xã Minh Tân được chia thành 02 xã là: Minh Tân (làng Dưỡng Động) và xã Gia Đức (làng Tràng Kênh - Gia Đức).

Đến năm 1983, tách xã Minh Đức thành xã Gia Minh và xã Minh Đức; tách xã Gia Minh thành xã Gia Minh và Gia Đức. Theo đó xã Gia Đức thuộc huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng và hoạt động ổn định cho đến nay với 05 thôn, bao gồm: thôn 1, thôn 2, thôn 3, thôn 4, thôn Giá.

2. Địa giới hành chính

Xã Gia Đức nằm ở phía Bắc của huyện Thủy Nguyên, xã có địa giới hành chính như sau:

- Đông giáp phường Trưng Vương, Quang Trung thuộc thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh;

- Tây giáp xã Gia Minh;

- Nam giáp thị trấn Minh Đức;

- Bắc giáp phường Yên Thanh, Phương Đông, Phương Nam thuộc thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh.

3. Diện tích tự nhiên và cơ cấu các loại đất

Tính đến ngày 31/12/2023, xã Gia Đức có 9,97 km² diện tích tự nhiên, trong đó cơ cấu các loại đất như sau:

- Diện tích đất phi nông nghiệp: 4,63 km²; chiếm tỷ lệ 46,44%;

- Diện tích đất nông nghiệp: 5,10 km²; chiếm tỷ lệ 51,15%;

- Diện tích đất chưa sử dụng là 0,24 km²; chiếm tỷ lệ 2,41%.

4. Quy mô dân số và cơ cấu lao động

Tính đến ngày 31/12/2023, toàn xã có 6.481 người; trong đó dân số thường trú là 6.411 người, dân số tạm trú 70 người.

Tổng số người lao động trong các ngành kinh tế trên địa bàn xã là 3.725 người, trong đó:

- Lao động phi nông nghiệp: 3.011 người, chiếm 80,83%;

- Lao động nông nghiệp: 714 người, chiếm 19,17%.

5. Tình hình phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội

a) Về phát triển kinh tế

- Công nghiệp - xây dựng: phát triển tiểu thủ công nghiệp là hướng đi tích cực để đẩy mạnh công nghiệp hóa nông thôn. Người dân trên địa bàn xã đã mạnh dạn đầu tư mở xưởng cơ khí, gò hàn, sửa chữa, may mặc, mộc dân dụng,... đã tạo việc làm ổn định cho người lao động địa phương.

- Thương mại - dịch vụ: để phát triển thương mại, dịch vụ, những năm qua, xã Gia Đức thực hiện các chính sách thu hút các doanh nghiệp về hoạt động trên địa bàn; đồng thời, khuyến khích, tạo điều kiện cho các hộ chuyển đổi từ sản xuất nông nghiệp sang lĩnh vực thương mại - dịch vụ. Do đó, ngành thương mại - dịch vụ phát triển với các loại hình về dịch vụ vận tải, hàng tạp hóa, buôn bán lớn nhỏ các sản phẩm nông sản, lương thực và hải sản.

- Nông - lâm - thủy sản: được sự quan tâm chỉ đạo kịp thời của các cấp lãnh đạo, sự quyết tâm cao của các ban ngành đoàn thể sản xuất nông nghiệp được phát triển. Tuyên truyền, vận động Nhân dân áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, phương pháp canh tác mới, các loại giống, vật tư phân bón, thuốc bảo vệ thực vật góp phần tăng năng suất và thu nhập được ổn định. Thực hiện tốt công tác vệ sinh, tiêm phòng, phòng dịch cho đàn gia cầm.

- Thu, chi ngân sách: tập trung thực hiện các biện pháp tăng thu ngân sách, từng bước xử lý nợ xây dựng cơ bản; làm tốt công tác quản lý và thu thuế ngoài quốc doanh, thực hiện nghiêm túc dự toán thu - chi ngân sách, chế độ công khai tài chính, thực hiện tiết kiệm trong chi tiêu ngân sách. Năm 2023, tổng thu ngân sách 7,76 tỷ đồng; tổng chi ngân sách 7,75 tỷ đồng.

b) Về phát triển văn hóa - xã hội

- Văn hóa, thể dục - thể thao: phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa được duy trì, phát động và tổ chức thực hiện rộng khắp trên địa bàn xã. Phong trào văn hóa, văn nghệ - thể dục thể thao luôn được Đảng chính quyền quan tâm tạo điều kiện phát triển. Trên địa bàn xã hiện có nhiều sân luyện tập thể dục, thể thao như sân bóng đá, sân bóng chuyền,... đã thu hút đông đảo người dân tham gia.

- Giáo dục - đào tạo: chất lượng giáo dục toàn diện và chất lượng học sinh giỏi được nâng cao, tỷ lệ học sinh chuyển lớp, chuyển cấp tăng, đội ngũ giáo viên đạt chuẩn. Công tác xã hội hóa giáo dục, các hoạt động khuyến học, khuyến tài ngày càng đẩy mạnh. Hệ thống các trường trên địa bàn xã đã đạt chuẩn quốc gia, gồm: trường mầm non Gia Đức có diện tích 3.816 m^2, trường tiểu học Gia Đức có diện tích 7.486 m^2, trường trung học cơ sở Gia Đức có diện tích 6.263 m^2..

- Y tế: xã có 01 trạm y tế đã được công nhận chuẩn quốc gia về y tế có diện tích 1.320 m^2. Công tác khám chữa bệnh ban đầu cho Nhân dân được chú trọng; cán bộ y tế chấp hành nghiêm lịch trực tại trạm theo quy định. Năm 2023, số người tham gia bảo hiểm y tế đạt 95,2%; tỷ lệ trẻ được uống Vitamin A đạt 95,2%; tỷ lệ trẻ em đi tiêm chủng đạt 95%. Trạm y tế thường xuyên phối hợp với các ban ngành đoàn thể, tổ chức ra quân tuyên truyền, thực hiện chiến dịch vệ sinh môi trường và phòng chống các dịch bệnh, kiểm tra công tác vệ sinh an toàn thực phẩm trên địa bàn.

6. Tình hình phát triển cơ sở hạ tầng

a) Giao thông

Hệ thống giao thông trên địa bàn khá tốt và đồng bộ với các tuyến đường liên xã và phần lớn các tuyến đường liên thôn đạt tỷ lệ cứng hóa 100%, đảm bảo phục vụ đời sống Nhân dân trong việc lưu thông hàng hóa, các hoạt động sản xuất, phát triển kinh tế.

b) Cấp điện, chiếu sáng

Hệ thống lưới điện của xã thường xuyên được kiểm tra, thay mới các đường dây xuống cấp để đảm bảo nhu cầu sử dụng điện của người dân không bị gián đoạn. Đi đôi với việc nâng cấp lưới điện hạ thế, Công ty điện lực huyện cùng chính quyền xã và các ngành chức năng đã thực hiện tốt việc xây dựng hệ thống điện trung áp, góp phần chống quá tải, nâng cao chất lượng điện, đảm bảo nguồn điện được cung cấp phục vụ tốt cho nhu cầu sử dụng điện của người dân.

c) Cấp, thoát nước

Các thôn trong xã đã được xây dựng hệ thống cấp nước sạch và nguồn nước sạch được cung cấp từ nhà máy nước tập trung cơ bản đảm bảo nhu cầu sử dụng nước sạch cho các hộ dân. Ngoài ra, các hộ dân trong xã cũng sử dụng nguồn nước bơm từ giếng khoan qua hệ thống bể lọc đảm bảo hợp vệ sinh vào phục vụ sinh hoạt. Đến nay, số hộ sử dụng nước sạch, hợp vệ sinh đạt 100%. Hệ thống thoát nước trên địa bàn xã Gia Đức được xây dựng đồng bộ với các khu dân cư,

đảm bảo việc thoát nước được lưu thông. Trong năm, chính quyền xã thường xuyên vận động người dân tham gia nạo vét khơi thông, đảm bảo dòng chảy thông thoáng nhằm đáp ứng cho việc thoát nước.

d) Vệ sinh môi trường

Công tác vệ sinh môi trường được cấp ủy Đảng, chính quyền xã thực hiện có hiệu quả, đảm bảo theo yêu cầu của cấp trên giao. Thường xuyên vận động, tuyên truyền các cơ quan, đoàn thể đồng thời vận động người dân trên địa bàn dọn vệ sinh đường làng, ngõ xóm, thu gom chất thải đúng nơi quy định và có trách nhiệm giữ gìn vệ sinh môi trường. Tích cực trồng cây xanh, trồng hoa để góp phần bảo vệ môi trường, hạn chế việc sử dụng hóa chất bảo vệ thực vật, thu gom vỏ thuốc bao bì thực vật; không đốt rơm rạ sau thu hoạch để bảo vệ môi trường không khí;...

7. Tình hình quốc phòng, an ninh

a) Quốc phòng

Công tác quân sự - quốc phòng thường xuyên được củng cố. Ban chỉ huy quân sự đã thực hiện tốt công tác duy trì sẵn sàng chiến đấu. Phối hợp tốt với Công an tuần tra canh gác nắm chắc tình hình an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội trong dịp tết Nguyên đán ở các thôn. Hàng năm, xây dựng kế hoạch tổ chức tập huấn, huấn luyện hoàn thành chỉ tiêu giao. Tham mưu cho Hội đồng nghĩa vụ quân sự xã xây dựng kế hoạch đăng ký nghĩa vụ quân sự, tổ chức kiện toàn lực lượng dân quân nòng cốt. Tiếp tục thực hiện chính sách hậu phương quân đội; hoàn thành tốt nhiệm vụ diễn tập chiến đấu phòng thủ.

b) An ninh

Công an xã tập trung nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác bảo đảm an ninh chính trị ở địa bàn xã. Tập trung đấu tranh, ngăn chặn và đẩy lùi các loại tội phạm, tệ nạn xã hội bảo đảm an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội. Do đó, tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn ổn định và được giữ vững. Tổ chức nghiêm túc các đợt cao điểm tấn công trấn áp tội phạm theo chỉ đạo cấp trên. Thực hiện công tác làm sạch cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, điều chỉnh, cập nhật thông tin công dân trên cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

8. Tổ chức bộ máy, biên chế cán bộ

a) Hội đồng nhân dân xã nhiệm kỳ 2021 - 2026

Tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân xã là 24 đại biểu.

Thường trực Hội đồng nhân dân xã gồm: Chủ tịch HĐND (do Bí thư Đảng ủy kiêm nhiệm), 01 Phó Chủ tịch HĐND (hoạt động chuyên trách) và các ủy viên là Trưởng các Ban Hội đồng nhân dân xã.

Hội đồng nhân dân xã có 02 ban: Ban Kinh tế - xã hội và Ban Pháp chế; Trưởng ban, Phó Trưởng ban và các Ủy viên của các Ban Hội đồng nhân dân hoạt động kiêm nhiệm.

b) Ủy ban nhân dân xã

Cơ cấu tổ chức của Ủy ban nhân dân xã gồm: 01 Chủ tịch, 01 Phó Chủ tịch và Ủy viên phụ trách quân sự (Chỉ huy trưởng quân sự), Ủy viên phụ trách công an (Trưởng Công an xã).

Tổng số cán bộ, công chức biên chế được giao: 18 người; trong đó số biên chế hiện có mặt: 16 người, trong đó, cán bộ: 09 người, công chức: 07 người.

- Về trình độ chuyên môn: đại học: 14 người; cao đẳng: 01 người; trung cấp: 01 người.

- Về trình độ lý luận chính trị: trung cấp: 16 người.

III. XÃ MINH TÂN

1. Lịch sử hình thành

Từ cuối năm 1945, xã Minh Tân được thành lập, trên cơ sở các làng Dưỡng Động, Tràng Kênh, Gia Đức (Nhân dân quen gọi là Gia Đước) thuộc tổng Dưỡng Động.

Đến cuối năm 1956, xã Minh Tân được chia thành 02 xã là: Minh Tân (làng Dưỡng Động) với 05 thôn (Lê Lợi, Quang Trung, Trần Phú, Hồng Thạch, Minh Khai) và xã Minh Đức (làng Tràng Kênh - Gia Đức).

Năm 1958, huyện Thủy Nguyên được sáp nhập trở lại thành phố Hải Phòng, theo đó xã Minh Tân thuộc huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng và hoạt động ổn định cho đến nay với 10 thôn, bao gồm: 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10.

2. Địa giới hành chính

Xã Minh Tân nằm ở phía Bắc của huyện Thủy Nguyên, có địa giới hành chính như sau:

- Đông giáp thị trấn Minh Đức;

- Tây giáp xã Lưu Kiếm;

- Nam giáp các xã Hòa Bình, xã Trung Hà và xã Ngũ Lão;

- Bắc giáp xã Gia Minh.

3. Diện tích tự nhiên và cơ cấu các loại đất

Tính đến ngày 31/12/2023, xã Minh Tân có 12,32 km² diện tích tự nhiên, trong đó cơ cấu các loại đất như sau:

- Diện tích đất phi nông nghiệp: 4,88 km²; chiếm tỷ lệ 39,61%;

- Diện tích đất nông nghiệp: 6,38 km²; chiếm tỷ lệ 51,79%;

- Diện tích đất chưa sử dụng là 1,06 km²; chiếm tỷ lệ 8,60%.

4. Quy mô dân số và cơ cấu lao động

Tính đến ngày 31/12/2023, toàn xã có 12.507 người; trong đó dân số thường trú là 12.422 người, dân số tạm trú 85 người.

Tổng số người lao động trong các ngành kinh tế trên địa bàn xã là 4.910 người, trong đó:

- Lao động phi nông nghiệp: 3.094 người, chiếm 63,01%;

- Lao động nông nghiệp: 1.816 người, chiếm 36,99%.

5. Tình hình phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội

a) Về phát triển kinh tế

- Công nghiệp - xây dựng: được sự hỗ trợ của các cấp chính quyền, các hộ sản xuất, các doanh nghiệp đóng trên địa bàn đã mở rộng sản xuất, cải tiến mẫu mã, tăng sản lượng kèm theo chất lượng, tìm kiếm thị trường cho sản phẩm mang tính bền vững như: cơ khí, mộc, sản xuất vật liệu xây dựng,...

- Thương mại - dịch vụ: trên địa bàn xã có hàng trăm cơ sở sản xuất kinh doanh dịch vụ gồm các ngành nghề như: vận tải hàng hóa, buôn bán tạp hóa,... được duy trì và hoạt động ổn định từ đó đã góp phần đẩy mạnh phát triển kinh tế của địa phương cũng như giải quyết việc làm, tăng thu nhập cho người dân. Hệ thống chợ, siêu thị cũng đáp ứng tốt nhu cầu mua sắm hàng hóa của người dân.

- Nông - lâm - thủy sản: thực hiện có hiệu quả các cơ chế, chính sách, phát triển nông nghiệp, áp dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất. Xã cũng chủ động nắm bắt tình hình thời tiết và dịch bệnh để phổ biến cho bà con nông dân chăm sóc, phòng trừ sâu bệnh hại. Nhờ đó, diện tích và năng suất từ lúa và rau màu đều được mở rộng và đạt năng suất cao, mang lại giá trị sản lượng kinh tế lớn. Năm 2023, toàn xã có 50 ha cây rau màu vụ Đông, trong đó có 20 ha diện tích bị xanh theo tiêu chuẩn VIETGAP còn 30 ha các loại rau màu khác.

- Thu, chi ngân sách: thu, chi ngân sách là nhiệm vụ trọng tâm, hàng đầu của cả hệ thống chính trị; được thực hiện theo đúng quy định; kỷ luật, kỷ cương ngân sách được chú trọng tăng cường; điều hành thu - chi hiệu quả để phục vụ phát triển và để hoàn thành thắng lợi nhiệm vụ thu ngân sách tại địa phương. Tổng thu ngân sách năm 2023 là 14,93 tỷ đồng; tổng chi ngân sách là 14,92 tỷ đồng.

b) Về phát triển văn hóa - xã hội

- Văn hóa, thể dục - thể thao: thực hiện tốt công tác tuyên truyền các nhiệm vụ kinh tế, chính trị của địa phương và các ngày kỷ niệm của đất nước với các hình thức phong phú, đa dạng tạo không khí thi đua sôi nổi trong các tầng lớp Nhân dân. Phong trào văn hóa văn nghệ, thể dục - thể thao được đẩy mạnh. Các phong trào xây dựng nếp sống văn minh, gia đình văn hóa đã đi vào nền nếp. Làm tốt công tác chi trả trợ cấp cho các đối tượng; tổ chức thăm hỏi, tặng quà cho các đối tượng trong dịp tết Nguyên đán đúng, đủ, kịp thời. Chuyển tặng 579 suất quà nhân kỷ niệm ngày Thương binh liệt sỹ. Lập danh sách đăng ký xây, sửa nhà cho

13 hộ gia đình người có công; hỗ trợ giải quyết chế độ bảo trợ xã hội cho 66 trường hợp, trong đó: người cao tuổi là 14 trường hợp và 52 người khuyết tật.

- Giáo dục - đào tạo: trên địa bàn xã có 03 trường đều được công nhận đạt chuẩn quốc gia (trường mầm non Minh Tân, trường tiểu học Minh Tân và trường trung học cơ sở Minh Tân). Hệ thống trường học cơ bản đáp ứng được nhu cầu học tập của con em tại địa phương. Các trường tiếp tục triển khai kế hoạch dạy tốt, học tốt năm học 2022 - 2023, tiếp tục đổi mới phương pháp dạy - học và điều chỉnh dạy học đúng theo tinh thần chỉ đạo của ngành.

- Y tế: trạm y tế xã có diện tích 2.610 m^2 đã đạt chuẩn quốc gia. Năm 2023, công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu cho người dân được quan tâm, chú trọng. Nâng cao chất lượng khám chữa bệnh; kết hợp y học hiện đại với y học dân tộc, thực hiện đảm bảo an toàn trong điều trị, khám, chữa bệnh.

6. Tình hình phát triển cơ sở hạ tầng

a) Giao thông

Nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, xã Minh Tân đã tập trung phát triển hệ thống giao thông một cách đồng bộ. Các tuyến đường trên địa bàn xã đã được cải tạo, nâng cấp và hoàn thiện; tỷ lệ đường giao thông cứng hóa đạt trên 95%. Hệ thống giao thông trong xã cơ bản đáp ứng điều kiện lưu thông thuận lợi để giao thương phát triển kinh tế địa phương.

b) Cấp điện, chiếu sáng

Điện lưới sinh hoạt của xã được đầu tư đồng bộ tạo điều kiện thuận lợi trong phát triển kinh doanh, sản xuất và phục vụ tốt nhu cầu sinh hoạt của người dân. Xã Minh Tân đã phát động phong trào xã hội hóa xây dựng đường điện chiếu sáng công cộng tự quản trên các tuyến đường tại các khu dân cư, góp phần bảo đảm an ninh, trật tự.

c) Cấp, thoát nước

Nguồn nước sạch của xã Minh Tân được lấy từ nhà máy nước tập trung. Hệ thống cấp nước sạch được lắp đặt dọc theo các tuyến đường dẫn vào các thôn, cơ bản đáp ứng nhu cầu sử dụng nước phục vụ sinh hoạt cho người dân. Năm 2023, tỷ lệ hộ dân sử dụng nguồn nước sạch, hợp vệ sinh đạt 100%. Các hộ gia đình đều có nhà vệ sinh, nhà tắm đạt tiêu chuẩn theo quy định; hệ thống tiêu thoát nước thải, thu gom của xã được xử lý đảm bảo quy định, không gây ô nhiễm nguồn nước xung quanh.

d) Vệ sinh môi trường

Xã đã chỉ đạo các ban ngành cũng như chính quyền địa phương tuyên truyền, vận động và đưa ra nhiều giải pháp hỗ trợ các hộ dân áp dụng các biện pháp nhằm giảm thiểu ô nhiễm môi trường do chất thải chăn nuôi gây ra như: xây dựng hầm biogas, sử dụng các chế phẩm sinh học để xử lý chất thải trong chăn nuôi. Đẩy mạnh phong trào từng xóm tổ chức cho các xã viên, thanh niên, học sinh tổng vệ

sinh như: phát quang bụi rậm, khơi thông, vệ sinh cống rãnh,... Duy trì các tổ thu gom, vận chuyển chất thải, bảo đảm không để tồn đọng rác trong ngày gây ảnh hưởng đến môi trường và cảnh quan đô thị.

7. Tình hình quốc phòng, an ninh

a) Quốc phòng

Duy trì trực sẵn sàng chiến đấu, trực chỉ huy, trực ban theo quy định. Triển khai lực lượng dân quân phối hợp lực lượng Công an tuần tra, giữ vững các mục tiêu quan trọng, giữ vững tình hình an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội. Hoàn thành tốt các chỉ tiêu về công tác quốc phòng năm 2023. Trong năm đã tổ chức đăng ký nghĩa vụ quân sự đạt 100% kế hoạch năm. Tổ chức trao lệnh gọi nhập ngũ, động viên và bàn giao 23 công dân lên đường nhập ngũ hoàn thành 100% chỉ tiêu huyện giao.

b) An ninh

Tình hình an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn được giữ vững, nhất là trong những ngày cao điểm không để xảy ra vụ việc phức tạp; các vụ vi phạm pháp luật được quan tâm giải quyết, không để tồn đọng kéo dài. Phối hợp với Công an huyện Thủy Nguyên tổ chức các đợt làm căn cước công dân gắn chíp và hoàn thiện đề án nhập dữ liệu dân cư.

8. Tổ chức bộ máy, biên chế cán bộ

a) Hội đồng nhân dân xã nhiệm kỳ 2021 - 2026

Tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân xã là 27 đại biểu.

Thường trực Hội đồng nhân dân xã gồm: Chủ tịch HĐND (do Bí thư Đảng ủy kiêm nhiệm), 01 Phó Chủ tịch HĐND (hoạt động chuyên trách) và các ủy viên là Trưởng các Ban Hội đồng nhân dân xã.

Hội đồng nhân dân xã có 02 ban: Ban Kinh tế - xã hội và Ban Pháp chế; Trưởng ban, Phó Trưởng ban và các Ủy viên của các Ban Hội đồng nhân dân hoạt động kiêm nhiệm.

b) Ủy ban nhân dân xã

Cơ cấu tổ chức của Ủy ban nhân dân xã gồm: 01 Chủ tịch, 02 Phó Chủ tịch và Ủy viên phụ trách quân sự (Chỉ huy trưởng quân sự), Ủy viên phụ trách công an (Trưởng Công an xã).

Tổng số cán bộ, công chức biên chế được giao: 22 người; trong đó số biên chế hiện có mặt: 21 người, trong đó, cán bộ: 11 người, công chức: 10 người.

- Về trình độ chuyên môn: đại học: 16 người; trung cấp: 05 người.

- Về trình độ lý luận chính trị: cao cấp: 01 người, trung cấp: 18 người, sơ cấp: 02 người.

IV. XÃ LIÊN KHÊ

1. Lịch sử hình thành

Trước năm 1945, vùng đất Lưu Kiếm thuộc tổng Trúc Động huyện Thủy Đường. Năm 1886, huyện Thủy Đường đổi tên thành huyện Thủy Nguyên.

Sau Cách mạng tháng 8/1945, đơn vị cấp tổng bị xóa bỏ; 09 làng của tổng Trúc Động hợp nhất với nhau lấy tên là xã Lưu Kiếm. Cuối năm 1947, xã Lưu Kiếm được sáp nhập vào huyện Thủy Nguyên.

Tháng 3/1957, tách xã Lưu Kiếm thành 02 xã là Lưu Kiếm và xã Liên Khê. Xã Liên Khê khi đó có 05 làng: Thụ Khê, Thiểm Khê, Quỳ Khê, Mai Động, Điệu Tú và hoạt động ổn định cho đến ngày nay với 11 thôn, bao gồm: 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11.

2. Địa giới hành chính

Xã Liên Khê nằm cách trung tâm huyện Thủy Nguyên 15 km về phía Bắc, có địa giới hành chính như sau:

- Đông giáp xã Lưu Kỳ và xã Lưu Kiếm;

- Tây giáp xã Lại Sơn và xã Kỳ Sơn;

- Nam giáp xã Kênh Giang và xã Chính Mỹ;

- Bắc giáp phường Yên Đức, phường Hoàng Quế và xã Hồng Thái Tây thuộc thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh.

3. Diện tích tự nhiên và cơ cấu các loại đất

Tính đến ngày 31/12/2023, xã Liên Khê có 14,94 km² diện tích tự nhiên, trong đó cơ cấu các loại đất như sau:

- Diện tích đất phi nông nghiệp: 5,06 km²; chiếm tỷ lệ 33,87%;

- Diện tích đất nông nghiệp: 9,39 km²; chiếm tỷ lệ 62,85%;

- Diện tích đất chưa sử dụng là 0,49 km²; chiếm tỷ lệ 3,28%.

4. Quy mô dân số và cơ cấu lao động

Tính đến ngày 31/12/2023, toàn xã có 12.386 người; trong đó dân số thường trú là 12.153 người, dân số tạm trú 233 người.

Tổng số người lao động trong các ngành kinh tế trên địa bàn xã là 6.352 người, trong đó:

- Lao động phi nông nghiệp: 4.320 người, chiếm 68,01%;

- Lao động nông nghiệp: 2.032 người, chiếm 31,99%.

5. Tình hình phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội

a) Về phát triển kinh tế

- Công nghiệp - xây dựng: ngành công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp phát triển đa dạng với các cơ sở sản xuất đá, gốm, sửa chữa điện tử, ô tô, xe máy, gò hàn, nhôm kính,... đã giải quyết vấn đề thiếu việc làm của lao động trên địa bàn xã và tạo thu nhập ổn định cho người dân.

- Thương mại - dịch vụ: ngành thương mại dịch vụ có bước chuyển biến tích cực. Các hộ kinh doanh cá thể phát triển ổn định cả về số lượng và loại hình kinh doanh. Hàng hóa đa dạng và phong phú, nhu cầu trao đổi hàng hóa trên thị trường diễn biến sôi động, lượng hàng hóa chất lượng cao đa dạng, phong phú đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của Nhân dân.

- Nông - lâm - thủy sản: nhờ điều kiện đặc thù canh tác là vùng đồi núi, phù hợp với phát triển các loại cây ăn quả như na, chuối; na bở Liên Khê là sản phẩm OCOP đã có thương hiệu toàn quốc. Địa phương đã chú trọng thực hiện chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên vùng trồng lúa kém hiệu quả theo hướng hàng hóa mang lại hiệu quả kinh tế cao.

- Thu, chi ngân sách: công tác quản lý thu, chi ngân sách Nhà nước ngày càng được quan tâm và có chuyển biến tích cực; nhiều biện pháp quản lý nguồn thu, chống thất thu, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí đã được tập trung triển khai thực hiện. Chi ngân sách ngày càng được quản lý chặt chẽ, công khai, minh bạch, hiệu quả và tuân thủ pháp luật. Năm 2023, tổng thu ngân sách xã Liên Khê là 12,17 tỷ đồng; tổng chi ngân sách là 12,16 tỷ đồng.

b) Về phát triển văn hóa - xã hội

- Văn hóa, thể dục - thể thao: những năm gần đây, Đảng bộ, chính quyền, Nhân dân xã Liên Khê đồng lòng xây dựng đời sống văn hóa văn minh, hiện đại gắn với bảo tồn, phát huy giá trị các di tích lịch sử địa phương. Các phong trào văn hóa, văn nghệ, thể thao ở các khu dân cư "nở rộ", gắn với hoạt động làng văn hóa và phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đô thị văn minh".

- Giáo dục - đào tạo: địa bàn xã có 03 trường gồm: trường mầm non Liên Khê có diện tích 8.627 m^2, trường tiểu học Liên Khê có diện tích 6.246 m^2, trường trung học cơ sở Liên Khê có diện tích 5.605 m^2. Trong những năm qua các trường đã không ngừng nâng cao, đổi mới việc dạy và học; cơ sở vật chất được đầu tư xây dựng kiên cố với đầy đủ trang thiết bị, chất lượng dạy và học được nâng lên. Đội ngũ giáo viên của các trường đạt chuẩn 100%, chất lượng giáo dục có sự chuyển biến.

- Y tế: hệ thống y tế của xã từng bước được quan tâm; cơ sở vật chất, trang thiết bị y tế từng bước được đầu tư, đảm bảo cho việc khám chữa bệnh. Đội ngũ cán bộ y tế được bổ sung, tăng cường, tích cực nâng cao về chuyên môn đáp ứng nhu cầu khám chữa bệnh của người dân. Năm 2023, trạm y tế đã tổ chức trực 24/24 giờ tại trạm y tế, đảm bảo tốt việc chăm sóc sức khỏe ban đầu cho Nhân dân. Tổ chức kiểm tra công tác vệ sinh an toàn thực phẩm tại các cơ sở giết mổ, các hộ sản xuất, kinh doanh lương thực, thực phẩm.

6. Tình hình phát triển cơ sở hạ tầng

a) Giao thông

Nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, xã Liên Khê đã tập trung phát triển hệ thống giao thông một cách đồng bộ. Các tuyến đường trên xã đã được cải tạo, nâng cấp và hoàn thiện; tỷ lệ đường giao thông cứng hóa đạt 98%. Hệ thống giao

thông trong xã cơ bản đáp ứng điều kiện lưu thông thuận lợi để giao thương phát triển kinh tế địa phương.

b) Cấp điện, chiếu sáng

Trên địa bàn xã có 15 trạm biến áp đặt tại 11 thôn. Để đáp ứng được nhu cầu sản xuất, kinh doanh và sinh hoạt của người dân trong xã, điện lực Hải Phòng đã tập trung cải tạo, nâng cấp đường dây cao thế. Hợp tác xã sản xuất kinh doanh dịch vụ nông nghiệp Liên Khê thường xuyên nâng cấp cải tạo hệ thống lưới điện, thay thế cột điện, kiểm định và thay mới công tơ điện.

c) Cấp, thoát nước

Năm 2023, tỷ lệ hộ dân sử dụng nước sạch, hợp vệ sinh trên địa bàn xã đạt 100% đảm bảo phục vụ đầy đủ cho sinh hoạt và sản xuất của người dân. Bên cạnh đó, UBND xã phối hợp với các ban, ngành kịp thời tu sửa các hệ thống mương xây và cống theo kế hoạch của cấp trên giao.

d) Vệ sinh môi trường

Nhận thức được tầm quan trọng trong công tác bảo vệ môi trường; trong những năm qua, Hội Phụ nữ, Hội Cựu chiến binh, Hội Nông dân và Đoàn thanh niên xã đã phối hợp với chính quyền cơ sở đẩy mạnh các hoạt động tuyên truyền, vận động hội viên nông dân tham gia các hoạt động bảo vệ môi trường. Đến nay, chất thải được thu gom, xử lý bằng phương pháp đốt và chôn lấp hợp vệ sinh.

7. Tình hình quốc phòng, an ninh

a) Quốc phòng

Làm tốt công tác huấn luyện dân quân theo kế hoạch của cấp trên, chuẩn bị tốt các trang thiết bị vật tư, phương tiện để phục vụ cho phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ. Rà soát công dân trong độ tuổi thực hiện nghĩa vụ quân sự; phát lệnh và khám sơ tuyển nguồn công dân nhập ngũ năm 2023 là 81 công dân. Tổ chức tiếp xúc, tặng quà thanh niên lên đường nhập ngũ, tổ chức giao quân theo chỉ tiêu huyện giao đạt 108% kế hoạch huyện giao.

b) An ninh

Công an xã xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc theo chỉ đạo của các cấp. Xây dựng kế hoạch để tổ chức triển khai thực hiện công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội và xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc. Thường xuyên phối hợp tuyên truyền giáo dục, vận động các tầng lớp Nhân dân thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác bảo đảm an ninh, trật tự; đổi mới nội dung, hình thức, biện pháp nâng cao hiệu quả phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc.

8. Tổ chức bộ máy, biên chế cán bộ

a) Hội đồng nhân dân xã nhiệm kỳ 2021 - 2026

Tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân xã là 26 đại biểu.

Thường trực Hội đồng nhân dân xã gồm: Chủ tịch HĐND (do Bí thư Đảng ủy kiêm nhiệm), 01 Phó Chủ tịch HĐND (hoạt động chuyên trách) và các ủy viên là Trưởng các Ban Hội đồng nhân dân xã.

Hội đồng nhân dân xã có 02 ban: Ban Kinh tế - xã hội và Ban Pháp chế; Trưởng ban, Phó Trưởng ban và các Ủy viên của các Ban Hội đồng nhân dân hoạt động kiêm nhiệm.

b) Ủy ban nhân dân xã

Cơ cấu tổ chức của Ủy ban nhân dân xã gồm: 01 Chủ tịch, 02 Phó Chủ tịch và Ủy viên phụ trách quân sự (Chỉ huy trưởng quân sự do Chủ tịch Hội Cựu chiến binh kiêm nhiệm), Ủy viên phụ trách công an (Trưởng Công an xã).

Tổng số cán bộ, công chức biên chế được giao: 20 người; trong đó số biên chế hiện có mặt: 17 người, trong đó, cán bộ: 09 người, công chức: 08 người.

- Về trình độ chuyên môn: thạc sĩ: 01 người, đại học: 16 người.

- Về trình độ lý luận chính trị: trung cấp: 15 người, sơ cấp: 02 người.

V. XÃ LẠI XUÂN

1. Lịch sử hình thành

Trước năm 1945, Lại Xuân thuộc vùng đất Thủy Nguyên thuộc tổng Thượng Côi. Sau Cách mạng tháng 8/1945, trải qua quá trình nhập, chia điều chỉnh địa giới hành chính, xã Lại Xuân chính thức được thành lập trên cơ sở tách ra từ xã Kỳ Sơn và hoạt động ổn định đến nay với 12 thôn, bao gồm: 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12.

2. Địa giới hành chính

Xã Lại Xuân nằm ở phía Tây Bắc huyện Thủy Nguyên cách trung tâm huyện khoảng 18 km, xã có địa giới hành chính như sau:

- Đông giáp các xã Liên Khê và xã Kỳ Sơn;

- Tây giáp phường Phú Thứ thuộc thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương và xã An Sơn;

- Nam giáp xã Phù Ninh;

- Bắc giáp các phường Minh Tân, phường Phú Thứ thuộc thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương và phường Yên Đức thuộc thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh.

3. Diện tích tự nhiên và cơ cấu các loại đất

Tính đến ngày 31/12/2023, xã Lại Xuân có 11,54 km² diện tích tự nhiên, trong đó cơ cấu các loại đất như sau:

- Diện tích đất phi nông nghiệp: 5,25 km²; chiếm tỷ lệ 45,49%;

- Diện tích đất nông nghiệp: 6,10 km²; chiếm tỷ lệ 52,86%;

- Diện tích đất chưa sử dụng là 0,19 km²; chiếm tỷ lệ 1,65%.

4. Quy mô dân số và cơ cấu lao động

Tính đến ngày 31/12/2023, toàn xã có 12.144 người; trong đó dân số thường trú là 11.620 người, dân số tạm trú 524 người.

Tổng số người lao động trong các ngành kinh tế trên địa bàn xã là 5.140 người, trong đó:

- Lao động phi nông nghiệp: 3.246 người, chiếm 63,15%;

- Lao động nông nghiệp: 1.894 người, chiếm 36,85%.

5. Tình hình phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội

a) Về phát triển kinh tế

- Công nghiệp - xây dựng: cơ cấu kinh tế đang được dịch chuyển dần sang lĩnh vực công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp dịch vụ. Các lao động trẻ, có tay nghề đang có xu hướng đi làm ở các khu công nghiệp, các công ty sản xuất. Hiện nay trên địa bàn xã có 02 doanh nghiệp khai thác đá được cấp phép hoạt động.

- Thương mại - dịch vụ: hoạt động kinh doanh thương mại - dịch vụ được kiểm soát tốt đảm bảo bình ổn thị trường, thường xuyên kiểm tra, giám sát do vậy không có tình trạng khan hàng, thiếu hàng phục vụ nhu cầu thiết yếu của người dân nhất.

- Nông - lâm - thủy sản: năm 2023, xã đã thực hiện tốt công tác nội đồng và đảm bảo cung ứng dịch vụ sản xuất nông nghiệp góp phần tăng diện tích gieo trồng giảm diện tích đất bỏ hoang. Tổng diện tích đất gieo cấy cả năm là 280 ha, năng suất lúa bình quân đạt 60 tạ/ha. Lĩnh vực chăn nuôi tiếp tục phát triển mạnh và đạt năng suất và sản lượng cao; đã thực hiện tốt công tác tiêm phòng cho đàn gia súc, gia cầm; thường xuyên theo dõi, kiểm tra nắm bắt tình hình chăn nuôi.

- Thu, chi ngân sách: tập trung thu các khoản thu, sắc thuế theo quy định; đảm bảo thu, chi đúng luật; kiểm tra, kiểm soát các hộ kinh doanh mới phát sinh trên địa bàn xã và kê khai, bổ sung những hộ kinh doanh đủ điều kiện phải nộp thuế, đôn đốc thu thuế ngoài quốc doanh hàng tháng; triển khai thu, nộp quỹ phòng, chống thiên tai, thuế sử dụng đất theo quy định. Tổng thu ngân sách năm 2023 là 8,53 tỷ đồng; tổng chi ngân sách là 8,52 tỷ đồng.

b) Về phát triển văn hóa - xã hội

- Văn hóa, thể dục - thể thao: phong trào thể dục - thể thao, văn hóa - văn nghệ phát triển khá sôi nổi, tạo không khí vui tươi phấn khởi, đoàn kết toàn dân, nâng cao sức khỏe cộng đồng. Công tác xây dựng nếp sống văn minh, gia đình văn hóa được duy trì thường xuyên với tỷ lệ gia đình văn hóa hàng năm đạt trên 95%. Công tác tuyên truyền, các chủ trương, đường lối chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và các quy định của địa phương được thực hiện có hiệu quả. Thường xuyên nâng cấp hệ thống loa, máy truyền thanh đáp ứng hiệu quả hoạt động và nâng cao chất lượng tuyên truyền đến với cộng đồng. Thực hiện tốt các chính sách trong công tác xã hội. Tổ chức thăm hỏi tặng quà dịp lễ, Tết cho các đối tượng gia đình chính sách, hộ nghèo, hộ cận nghèo, người khuyết tật, các cụ tròn 90 tuổi và trẻ em có hoàn cảnh khó khăn là 1.451 suất quà. Thực hiện chi trả

trợ cấp hàng tháng đối với người có công, thân nhân người có công đảm bảo đúng nguyên tắc, đầy đủ, kịp thời và đúng đối tượng.

- Giáo dục - đào tạo: hệ thống giáo dục xã có 03 nhà trường gồm: trường mầm non Lại Xuân, trường tiểu học Lại Xuân và trường trung học cơ sở Lại Xuân. Năm 2023, đổi mới công tác quản lý chuyên môn, đổi mới nội dung chương trình và phương pháp giảng dạy ở tất cả các môn theo hướng dẫn của ngành. Kịp thời ứng dụng có hiệu quả công nghệ thông tin vào trong công tác quản lý và giảng dạy. Do đó, chất lượng giáo dục có nhiều chuyển biến tích cực, có nhiều giáo viên và học sinh đoạt giải cao trong các kỳ thi của huyện và thành phố tổ chức.

- Y tế: Xã có trạm y tế được công nhận đạt chuẩn quốc gia với diện tích 1.587,9 m^2; công tác y tế năm 2023 được ổn định và đi vào nền nếp; thực hiện tốt chương trình y tế chăm sóc sức khỏe ban đầu cho người dân, triển khai các chương trình y tế theo quy định về các tiêu chí quốc gia. Duy trì công tác phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em, giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ em dưới 5 tuổi. Xây dựng và triển khai các biện pháp phòng, chống dịch bệnh sốt xuất huyết, chân tay miệng trên địa bàn. Thực hiện tốt thông tin tuyên truyền người dân tham gia bảo hiểm y tế với tỷ lệ cao đạt trên 96%.

6. Tình hình phát triển cơ sở hạ tầng

a) Giao thông

Tổng chiều dài các tuyến đường trục chính từ trung tâm xã đến đường huyện và đường liên xã là 5,48 km, trong đó có 4,68 km có bề rộng mặt đường rộng 9 m, có lề đường, vỉa hè, rãnh thoát nước, được trồng cây xanh và lắp đặt hệ thống điện chiếu sáng. Bên cạnh đó, hệ thống các tuyến đường ngõ xóm hầu hết đã được cứng hóa. Nhìn chung, hệ thống hạ tầng giao thông trên địa bàn xã đã được đầu tư tu bổ, nâng cấp đảm bảo phục vụ nhu cầu đi lại, giao thương của người dân với các khu vực lân cận.

b) Cấp điện, chiếu sáng

Hệ thống điện trên địa bàn xã thường xuyên được kiểm tra, bảo trì, bảo dưỡng định kỳ. Toàn bộ các hộ dân của xã đều được cấp điện sinh hoạt, điện sản xuất từ các trạm cao áp thông qua trạm biến áp trung gian đặt tại các thôn. Các trục đường chính và ngõ xóm được đầu tư lắp điện chiếu sáng đảm bảo an toàn giao thông và phòng chống tệ nạn xã hội vào ban đêm.

c) Cấp, thoát nước

Nguồn nước sạch sử dụng của xã Lại Xuân được cung cấp chủ yếu bởi nhà máy nước tập trung; mạng lưới đường ống cấp nước truyền tải được đầu tư xây dựng bằng ống gang cầu, ống thép mạ kẽm, ống nhựa PVC, cơ bản đáp ứng nhu cầu sử dụng nước sạch phục vụ sinh hoạt cho người dân. Ngoài ra, các hộ dân trong xã còn kết hợp sử dụng nguồn nước mưa, nước bơm từ giếng khoan qua hệ thống bể lọc đảm bảo hợp vệ sinh để phục vụ sản xuất, sinh hoạt. Tỷ lệ người dân sử dụng nước sạch, hợp vệ sinh là 100%. Hệ thống tiêu thoát nước thải sinh hoạt của thôn thường xuyên được nạo vét, xây mới và sửa sang cùng với việc xây dựng

chỉnh trang đường giao thông nông thôn, đảm bảo đáp ứng yêu cầu tiêu thoát nước hàng ngày, hạn chế ô nhiễm môi trường.

d) Vệ sinh môi trường

Tăng cường tập trung vào công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của Nhân dân trong công tác bảo vệ môi trường. Tiếp tục thực hiện vệ sinh đường làng ngõ xóm theo quy định; tăng cường công tác quản lý vệ sinh môi trường; vận động người dân tham gia giữ gìn vệ sinh môi trường và thực hiện đổ rác đúng nơi quy định. Phối hợp với đơn vị thu gom rác tổ chức thu gom, vận chuyển chất thải từ các điểm tập kết. Ngoài ra, Hội Nông dân xã đã chỉ đạo cho cán bộ, hội viên tích cực tuyên truyền, vận động và có nhiều giải pháp hỗ trợ các hộ dân áp dụng các biện pháp nhằm giảm thiểu ô nhiễm môi trường do chất thải chăn nuôi gây ra như: xây dựng hầm biogas, sử dụng các chế phẩm sinh học để xử lý chất thải trong chăn nuôi.

7. Tình hình quốc phòng, an ninh

a) Quốc phòng

Duy trì chế độ trực sẵn sàng chiến đấu. Ban chỉ huy quân sự xã phối hợp với Công an xã tổ chức tuần tra giữ gìn an ninh, trật tự trên địa bàn trong các ngày lễ, Tết. Hàng năm, Ban Chỉ huy quân sự tham mưu cho UBND xã tổ chức lễ kết nạp dân quân mới và trao quyết định công nhận công dân đã hoàn thành nhiệm vụ. Tổ chức tốt trình tự, thủ tục công tác đăng ký, quản lý công dân trong độ tuổi sẵn sàng nhập ngũ, đăng ký nghĩa vụ quân sự và lập danh sách báo cáo Ban chỉ huy quân sự huyện theo quy định.

b) An ninh

Năm 2023, lực lượng Công an chính quy tiếp nhận và triển khai tổ chức, hoạt động tại địa phương dần đi vào nền nếp. Tình hình an ninh, trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn xã được ổn định. Đảm bảo an toàn trong dịp tết Nguyên đán, ngày lễ lớn. Công tác phòng, chống cháy nổ của các cơ sở kinh doanh có điều kiện và tổ chức ký cam kết phòng cháy, chữa cháy đến toàn bộ các hộ dân trên địa bàn xã được duy trì thực hiện.

8. Tổ chức bộ máy, biên chế cán bộ

a) Hội đồng nhân dân xã nhiệm kỳ 2021 - 2026

Tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân xã là 27 đại biểu.

Thường trực Hội đồng nhân dân xã gồm: Chủ tịch HĐND (do Phó Bí thư Đảng ủy kiêm nhiệm), 01 Phó Chủ tịch HĐND (hoạt động chuyên trách) và các ủy viên là Trưởng các Ban Hội đồng nhân dân xã.

Hội đồng nhân dân xã có 02 ban: Ban Kinh tế - xã hội và Ban Pháp chế; Trưởng ban, Phó Trưởng ban và các Ủy viên của các Ban Hội đồng nhân dân hoạt động kiêm nhiệm.

b) Ủy ban nhân dân xã

Cơ cấu tổ chức của Ủy ban nhân dân xã gồm: 01 Chủ tịch, 02 Phó Chủ tịch và Ủy viên phụ trách quân sự (Chỉ huy trưởng quân sự), Ủy viên phụ trách công an (Trưởng Công an xã).

Tổng số cán bộ, công chức biên chế được giao: 20 người; trong đó số biên chế hiện có mặt: 17 người, trong đó, cán bộ: 10 người, công chức: 07 người.

- Về trình độ chuyên môn: đại học: 17 người.

- Về trình độ lý luận chính trị: trung cấp: 15 người, sơ cấp: 02 người.

VI. XÃ AN SƠN

1. Lịch sử hình thành

Vùng đất An Sơn thuộc tổng Phù Lưu. Sau cách mạng tháng 8/1945, cấp tổng bị xóa bỏ, hợp nhất các làng An Ninh Nội, An Ninh Ngoại, Phù Lưu Nội, Phù Lưu Ngoại, Trại Sơn và Ngọc Việt thành 01 xã lớn lấy tên là Ngũ Phúc.

Ngày 24/4/1946, xã Ngũ Phúc đổi tên thành Phù Ninh. Năm 1952, nhập 02 làng Việt Khê và Ngọc Khê vào xã Phù Ninh. Tháng 6/1956, xã Phù Ninh được chia thành 02 xã: xã An Sơn gồm các thôn An Ninh Nội, An Ninh Ngoại, Phù Lưu Ngoại, Trại Sơn và xã Phù Ninh gồm các thôn Việt Khê, Ngọc Khê, Phù Lưu.

Cuối năm 1958, huyện Thủy Nguyên thuộc thành phố Hải Phòng, xã An Sơn thuộc huyện Thủy Nguyên và ổn định từ đó cho đến nay với 06 thôn, bao gồm: 1, 2, 3, 4, 5, 6.

2. Địa giới hành chính

Xã An Sơn nằm ở phía Bắc huyện Thủy Nguyên, xã có địa giới hành chính như sau:

- Đông giáp xã Lại Xuân và xã Phù Ninh;

- Tây giáp phường Thái Thịnh và phường An Lưu, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương;

- Nam giáp phường Thái Thịnh, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương và xã Phù Ninh;

- Bắc giáp phường Phú Thứ, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương và xã Lại Xuân.

3. Diện tích tự nhiên và cơ cấu các loại đất

Tính đến ngày 31/12/2023, xã An Sơn có 6,42 km² diện tích tự nhiên, trong đó cơ cấu các loại đất như sau:

- Diện tích đất phi nông nghiệp: 2,99 km²; chiếm tỷ lệ 46,57%;

- Diện tích đất nông nghiệp: 3,24 km²; chiếm tỷ lệ 50,47%;

- Diện tích đất chưa sử dụng: 0,19 km²; chiếm tỷ lệ 2,96%.

4. Quy mô dân số và cơ cấu lao động

Tính đến ngày 31/12/2023, toàn xã có 7.429 người; trong đó dân số thường trú là 7.326 người, dân số tạm trú 103 người.

Tổng số người lao động trong các ngành kinh tế trên địa bàn xã là 4.780 người, trong đó:

- Lao động phi nông nghiệp: 3.750 người, chiếm 78,45%;

- Lao động nông nghiệp: 1.030 người, chiếm 21,55%.

5. Tình hình phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội

a) Về phát triển kinh tế

- Công nghiệp - xây dựng: cùng với sự phát triển chung của nền kinh tế huyện Thủy Nguyên; trên địa bàn xã đã thành lập các doanh nghiệp hoạt động đa dạng về các lĩnh vực như: sản xuất vật liệu xây dựng, sản xuất đồ mộc, sửa chữa ô tô, tàu thuyền, cơ khí,... Năm 2023, UBND xã đã triển khai các công trình, dự án trọng điểm và đã khánh thành như: dự án nâng cấp đường liên xã Phù Ninh - An Sơn, công trình trường mầm non khu B, nhà văn hóa thôn 10.

- Thương mại - dịch vụ: sức tiêu thụ hàng hóa của Nhân dân trên thị trường ổn định, các ngành sản xuất hàng hóa phục vụ nhu cầu người dân đều phát triển tốt. Các cơ sở kinh doanh, thương mại, dịch vụ đã cung cấp hàng hóa đầy đủ phong phú, đa dạng để phục vụ sản xuất trong dịp tết Nguyên đán, đảm bảo chất lượng và giá cả hợp lý, đáp ứng nhu cầu thị trường tiêu thụ sản phẩm...

- Nông - lâm - thủy sản: tổng diện tích gieo trồng cả năm là 285,2 ha, sản lượng đạt 120 tạ/ha; diện tích nuôi trồng thủy sản đạt 7,5 ha, sản lượng đánh bắt đạt 10,5 tấn. Trong công tác chăn nuôi, UBND xã đã hướng dẫn các hộ tiến hành phun thuốc khử trùng định kỳ, rắc vôi bột hàng ngày tại các khu vực chăn nuôi để phòng, chống và hạn chế dịch bệnh lây lan.

- Thu, chi ngân sách: nhờ sự phối hợp chặt chẽ giữa các ban, ngành, đoàn thể các cấp trong chỉ đạo thực hiện tốt nhiệm vụ thu ngân sách nhằm đạt và vượt kế hoạch, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ chi. UBND xã đã tập trung chỉ đạo đẩy mạnh các biện pháp tăng thu ngân sách, chú trọng các nguồn thu tiền sử dụng đất, thuế xây dựng nhà ở tư nhân, các nguồn thu cố định tại địa phương, thu hoa lợi công sản,...; thực hiện tốt nhiệm vụ thu ngân sách đạt kế hoạch, đảm bảo nhiệm vụ chi. Năm 2023 tổng thu ngân sách là 7,85 tỷ đồng; tổng chi ngân sách là 7,85 tỷ đồng.

b) Về phát triển văn hóa - xã hội

- Văn hóa, thể dục - thể thao: thực hiện việc tuyên truyền trên hệ thống loa truyền thanh của xã về chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước và các quy định của địa phương. Tiếp nhận 40 loa không dây và 01 máy tính xách tay để hoàn thiện lắp đặt và vận hành hệ thống truyền thanh không dây, áp dụng khoa học công nghệ vào chương trình phát thanh của xã. Xã có sân vận động trung tâm diện tích 7.200 m^2 và nhiều điểm vui chơi giải trí, thể dục thể thao cho trẻ em và người cao tuổi đảm bảo nhu cầu tập luyện của người dân trên địa bàn. Nhận và chi trả quà tết của Chủ tịch nước, thành phố, huyện, xã và các doanh nghiệp đến các gia đình chính sách, người có công, hộ nghèo, cận nghèo đảm bảo đúng đối tượng với 856 suất quà.

- Giáo dục - đào tạo: công tác giáo dục trên địa bàn xã luôn đón nhận được sự quan tâm chỉ đạo của các cấp, các ngành sự phấn đấu thực hiện nhiệm vụ của các thầy cô giáo nhà trường; duy trì và giữ vững trường chuẩn quốc gia ở ba cấp học (gồm trường mầm non An Sơn, trường tiểu học An Sơn và trường trung học cơ sở An Sơn). Thực hiện tốt nhiệm vụ năm học 2022 - 2023 số học sinh trong độ tuổi đến trường của các cấp trường đều đạt 100% chỉ tiêu theo kế hoạch đề ra.

- Y tế: trạm y tế xã có diện tích 938 m^2 đã đạt chuẩn yêu cầu của ngành. Năm 2023, trạm y tế đã quản lý tốt công tác chăm sóc sức khỏe sinh sản - kế hoạch hóa gia đình. Khai thác tốt hệ thống trang thiết bị, tổ chức tốt chiến dịch ngày vi chất dinh dưỡng cho trẻ từ 06 tháng đến 36 tháng tuổi và bà mẹ sau sinh được uống Vitamin A. Duy trì các đợt tiêm chủng mở rộng cho các cháu trong diện tiêm chủng. Tăng cường tuyên truyền về các biện pháp thực hiện công tác dân số kế hoạch hóa gia đình năm 2023.

6. Tình hình phát triển cơ sở hạ tầng

a) Giao thông

Xã An Sơn là cửa ngõ phía Bắc của huyện Thủy Nguyên tiếp giáp với tỉnh Hải Dương qua con sông Kinh Thầy cùng với các tuyến đường trục chính, đường liên thôn, đường khu nhà ở cơ bản đã được cứng hóa, bê tông hóa đảm bảo phục vụ đời sống của người dân trong việc lưu thông hàng hóa và các hoạt động sản xuất, phát triển kinh tế. Hệ thống giao thông nội đồng cũng được tập trung phát triển xây dựng để đảm bảo việc đi lại, vận chuyển phân bón, nông sản của người dân trong các vụ mùa.

b) Cấp điện, chiếu sáng

Hệ thống cấp điện của xã gồm 07 trạm biến áp và 2,3 km đường dây trung thế, 21,52 km đường dây hạ thế. Các đường dây điện trung thế, hạ thế đảm bảo đạt chuẩn theo quy định, thường xuyên được kiểm tra chất lượng, đảm bảo đáp ứng nhu cầu phục vụ điện cho sản xuất và sinh hoạt. Hệ thống điện chiếu sáng đã được quan tâm đầu tư, tỷ lệ đường phố chính được chiếu sáng, tỷ lệ đường khu nhà ở dân cư, ngõ xóm được chiếu sáng đạt tỷ lệ cao. Hệ thống đèn trang trí tại các giao lộ chính đã và đang được triển khai, góp phần không nhỏ giảm tai nạn giao thông, đảm bảo trật tự an toàn xã hội.

c) Cấp, thoát nước

Nguồn nước sử dụng của xã An Sơn được lấy từ nhà máy nước sạch tập trung. Hệ thống cấp nước sạch được lắp đặt dọc theo các tuyến đường dẫn vào các thôn, cơ bản đáp ứng nhu cầu sử dụng nước phục vụ sinh hoạt cho người dân. Số hộ sử dụng nguồn nước sạch, hợp vệ sinh trên địa bàn xã đạt 100%. Hệ thống cống thoát nước được đầu tư xây dựng đồng bộ dọc theo hệ thống các tuyến đường giao thông rồi nhập vào các tuyến thoát nước chính.

d) Vệ sinh môi trường

Huy động sự tham gia rộng rãi của cộng đồng và toàn thể Nhân dân đối với việc bảo vệ môi trường; thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải sinh hoạt. Đưa

quy định về giữ gìn vệ sinh môi trường vào trong hương ước, quy ước của làng, thôn văn hóa. Phát động và duy trì có nền nếp việc tổ chức dọn vệ sinh, thu gom rác thường xuyên, định kỳ hàng tuần, hàng tháng tại các đường làng, ngõ xóm ở khu dân cư, nơi công cộng, trong các cơ quan, đơn vị, trường học. Năm 2023, tỷ lệ chất thải được thu gom trên địa bàn xã đạt 91,01%.

7. Tình hình quốc phòng, an ninh

a) Quốc phòng

Ban chỉ huy quân sự xã tổ chức huấn luyện dân quân năm thứ nhất, tham gia huấn luyện dân quân cơ động kết quả đạt loại khá, rà soát đối tượng thanh niên nguồn sẵn sàng nhập ngũ năm 2023 tổng số 126 công dân. Mở hội nghị xét duyệt 67 công dân; tổ chức khám sơ tuyển sức khỏe thanh niên tại xã được 55/67 công dân; phát lệnh và tổ chức đôn đốc các công dân tham gia khám tại cụm là 27 quân sự và 02 Công an, kết quả điều động khám cụm 26/27 thanh niên; kết quả trúng tuyển 12/26 thanh niên. Hoàn thiện hồ sơ, nắm bắt tâm tư nguyện vọng, quản lý tốt các thanh niên trúng tuyển.

b) An ninh

Công an xã thường xuyên tổ chức tuần tra, chốt điểm đảm bảo tuyệt đối an toàn về an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội. Triển khai cho các hộ gia đình thuộc xã An Sơn ký cam kết không sản xuất, buôn bán, tàng trữ và đốt pháo nổ. Vận động thu hồi vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ, pháo và đèn trời. Thực hiện dự án Dữ liệu Quốc gia về dân cư có hiệu quả và kịp tiến độ.

8. Tổ chức bộ máy, biên chế cán bộ

a) Hội đồng nhân dân xã nhiệm kỳ 2021 - 2026

Tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân xã là 26 đại biểu.

Thường trực Hội đồng nhân dân xã gồm: 01 Phó Chủ tịch (hoạt động chuyên trách) và các ủy viên là Trưởng các Ban Hội đồng nhân dân xã.

Hội đồng nhân dân xã có 02 ban: Ban Kinh tế - xã hội và Ban Pháp chế; Trưởng ban, Phó Trưởng ban và các Ủy viên của các Ban Hội đồng nhân dân hoạt động kiêm nhiệm.

b) Ủy ban nhân dân xã

Cơ cấu tổ chức của Ủy ban nhân dân xã gồm: 01 Chủ tịch, 01 Phó Chủ tịch và Ủy viên phụ trách quân sự (Chỉ huy trưởng quân sự), Ủy viên phụ trách công an (Trưởng Công an xã).

Tổng số cán bộ, công chức biên chế được giao: 20 người; trong đó số biên chế hiện có mặt: 17 người, trong đó, cán bộ: 09 người, công chức: 08 người.

- Về trình độ chuyên môn: đại học: 16 người, trung cấp: 01 người.

- Về trình độ lý luận chính trị: trung cấp: 15 người, sơ cấp: 02 người.

VII. XÃ KỲ SƠN

1. Lịch sử hình thành

Trước năm 1945, Kỳ Sơn thuộc vùng đất Thủy Nguyên thuộc tổng Thượng Côi. Sau Cách mạng tháng 8/1945, trải qua quá trình nhập chia điều chỉnh địa giới hành chính, 02 xã Kỳ Khôi và xã Vũ Sơn đã hợp nhất thành xã Kỳ Sơn vào năm 1948. Năm 1955, xã Kỳ Sơn tách thành xã Kỳ Sơn và xã Lại Xuân; xã Kỳ Sơn hoạt động ổn định từ đó cho đến nay với 10 thôn, bao gồm: 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10.

2. Địa giới hành chính

Xã Kỳ Sơn nằm ở phía Bắc huyện Thủy Nguyên, xã có địa giới hành chính như sau:

- Đông giáp xã Liên Khê và xã Chính Mỹ;
- Tây giáp xã Lại Xuân và xã Phù Ninh;
- Nam giáp xã Quảng Thanh và xã Chính Mỹ;
- Bắc giáp xã Lại Xuân.

3. Diện tích tự nhiên và cơ cấu các loại đất

Tính đến ngày 31/12/2023, xã Kỳ Sơn có 8,31 km² diện tích tự nhiên, trong đó cơ cấu các loại đất như sau:

- Diện tích đất phi nông nghiệp: 2,673 km²; chiếm tỷ lệ 32,16%;
- Diện tích đất nông nghiệp: 5,624 km²; chiếm tỷ lệ 67,68%;
- Diện tích đất chưa sử dụng là: 0,013 km²; chiếm tỷ lệ 0,16%.

4. Quy mô dân số và cơ cấu lao động

Tính đến ngày 31/12/2023, toàn xã có 11.148 người; trong đó dân số thường trú là 10.845 người, dân số tạm trú 303 người.

Tổng số người lao động trong các ngành kinh tế trên địa bàn xã là 6.305 người, trong đó:

- Lao động phi nông nghiệp: 5.541 người, chiếm 87,88%;
- Lao động nông nghiệp: 764 người, chiếm 12,12%.

5. Tình hình phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội

a) Về phát triển kinh tế

- Công nghiệp - xây dựng: phát triển ngành công nghiệp - xây dựng tạo ra sự chuyển dịch theo hướng tăng tỷ trọng công nghiệp, từng bước nâng cao năng lực, hiệu quả kinh tế với sự tham gia của các thành phần kinh tế. Các lĩnh vực phát triển mạnh như: nề mộc, gò hàn, sản xuất và sửa chữa các trang thiết bị máy móc phục vụ cho công nghiệp, nông nghiệp.

- Thương mại - dịch vụ: ngành thương mại - dịch vụ của xã duy trì tốc độ tăng trưởng khá. Trên địa bàn xã có 256 doanh nghiệp, hộ kinh doanh cá thể đăng ký kinh doanh ở nhiều lĩnh vực khác nhau, góp phần tăng thu nhập của Nhân dân và giải quyết vấn đề việc làm cho người lao động trong và ngoài xã.

- Nông - lâm - thủy sản: tiếp tục đẩy nhanh chuyển dịch cơ cấu kinh tế trong nông nghiệp theo hướng tăng nhanh tỷ trọng cây thực phẩm, chăn nuôi, thủy sản; chuyển nghề trồng trọt, cây lương thực sang sản xuất hàng hóa có chất lượng cao để phục vụ chế biến xuất khẩu. Năm 2023, tổng diện tích gieo cấy 2 vụ là 381,05 ha; năng suất lúa đạt 124,82 tạ/ha/năm, đạt 108,5% kế hoạch. Duy trì, phát triển và mở rộng chăn nuôi hiện có, đẩy mạnh và chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật trong chăn nuôi gia súc, gia cầm.

- Thu, chi ngân sách: trong những năm qua, công tác quản lý thu, chi ngân sách được quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo và có chuyển biến tích cực; nhiều biện pháp quản lý nguồn thu, chống thất thu, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí đã được tập trung triển khai thực hiện. Tổng thu ngân sách năm 2023 là 10,43 tỷ đồng; tổng chi ngân sách là 10,42 tỷ đồng.

b) Về phát triển văn hóa - xã hội

- Văn hóa, thể dục - thể thao: phong trào toàn dân xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư được Nhân dân hưởng ứng và thực hiện có hiệu quả. Hoạt động của các làng văn hóa đi vào nền nếp, vận động Nhân dân thực hành tiết kiệm chống lãng phí trong việc cưới, việc tang, lễ hội và xây dựng đời sống văn hóa khu dân cư, làng văn hóa, gia đình văn hóa. Hệ thống nhà văn hóa, sân thể dục thể thao trên địa bàn cơ bản đã đáp ứng đủ nhu cầu của Nhân dân. Hàng năm, xã phối hợp với cán bộ địa phương tổ chức tham gia các hoạt động văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao mừng Đảng, mừng Xuân như: giải bóng đá thanh niên, giải kéo co của Hội Nông dân, Hội Phụ nữ,...

- Giáo dục - đào tạo: trên địa bàn có 03 trường học gồm: 01 trường mầm non, 01 trường tiểu học và 01 trường trung học cơ sở đã đáp ứng tốt nhu cầu học tập của con em địa phương. Hệ thống cơ sở giáo dục và đào tạo được đầu tư nâng cấp với trang thiết bị tiên tiến phục vụ việc dạy và học.

- Y tế: xã có 01 trạm y tế với diện tích là 963 m^2 đặt tại thôn 6. Cơ sở vật chất, trang thiết bị y tế cơ bản đã được đầu tư đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ. Năm 2023, trạm y tế đảm bảo tốt việc trực trạm và khám chữa bệnh theo chương trình y tế Quốc gia, khám và điều trị tại trạm cho gần 2.500 lượt người.

6. Tình hình phát triển cơ sở hạ tầng

a) Giao thông

Những năm trở lại đây, xã tiếp tục đầu tư, phát triển đồng bộ mạng lưới giao thông của xã đảm bảo hệ thống kết nối giữa trung tâm xã đến các thôn, đường trục giữa các thôn, đường khu nhà ở ngõ xóm được nhựa hóa, bê tông hóa đạt tiêu chuẩn, tạo điều kiện thuận lợi cho việc giao thương hàng hóa và phát triển kinh tế - xã hội.

b) Cấp điện, chiếu sáng

Hệ thống điện trên địa bàn xã đã được đầu tư, nâng cấp, sửa chữa, thay thế đường dây, các thiết bị điện đảm bảo cung cấp điện an toàn, góp phần chống quá tải, nâng cao chất lượng điện. Các trạm biến áp trong xã luôn đảm bảo phục vụ

cho nhu cầu sử dụng điện của toàn xã không bị gián đoạn trong sinh hoạt và sản xuất, nhằm góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội và nâng cao đời sống của người dân.

c) Cấp, thoát nước

Nguồn nước sạch của xã Kỳ Sơn được lấy từ nhà máy cấp nước tập trung đảm bảo cung cấp đủ nước cho các hộ dân sử dụng trong sinh hoạt cũng như trong sản xuất. Cơ bản các hộ gia đình đều có hệ thống bể phốt tự xử lý nước thải sinh hoạt trước khi thải ra môi trường. Năm 2023, chính quyền xã đã tiến hành nâng cấp và tu sửa một số hạng mục thoát nước bị hư hỏng để đảm bảo dòng chảy được lưu thông.

d) Vệ sinh môi trường

Thực hiện đề án xã hội hóa thu gom chất thải tại địa bàn, trong năm công tác thu gom xử lý chất thải có nhiều chuyển biến tích cực, Nhân dân có ý thức hơn trong công tác thu gom vận chuyển và xử lý chất thải, vệ sinh môi trường nông thôn từng bước được cải thiện. Phối hợp với các ngành, đoàn thể đẩy mạnh công tác vệ sinh môi trường, tăng cường chỉ đạo tổ dịch vụ thu gom chất thải hoạt động đạt hiệu quả. Tổ chức ra quân làm vệ sinh công cộng nhằm đảm bảo tốt cảnh quan môi trường.

7. Tình hình quốc phòng, an ninh

a) Quốc phòng

Tổ chức và duy trì lực lượng trực sẵn sàng chiến đấu. Xây dựng kế hoạch sẵn sàng chiến đấu, kế hoạch xây dựng cơ sở và thực hiện quy chế dân chủ. Xây dựng kế hoạch và tổ chức huấn luyện dân quân cho đối tượng dân quân năm thứ nhất. Kế hoạch tuyển quân lên đường nhập ngũ hoàn thành 100% (19/19 công dân) chỉ tiêu cấp trên giao. Xây dựng kế hoạch rà soát nguồn nhập ngũ năm 2024.

b) An ninh

Tình hình an ninh, trật tự, an toàn xã hội cơ bản bảo đảm ổn định. Thường xuyên tăng cường bám sát cơ sở đảm bảo giữ vững an ninh, trật tự an toàn xã hội, nhất là trong những ngày cao điểm, không để xảy ra vụ việc phức tạp, các vụ vi phạm pháp luật được quan tâm giải quyết, không để tồn đọng kéo dài. Thực hiện tốt công tác tuần tra vũ trang, tuần tra Nhân dân. Tăng cường công tác đảm bảo trật tự an toàn giao thông; tuyên truyền cho Nhân dân phòng chống tội phạm trộm cắp, giữ gìn an ninh, trật tự, xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm, đảm bảo đời sống văn minh trên địa bàn.

8. Tổ chức bộ máy, biên chế cán bộ

a) Hội đồng nhân dân xã nhiệm kỳ 2021 - 2026

Tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân xã là 26 đại biểu.

Thường trực Hội đồng nhân dân xã gồm: Chủ tịch HĐND (do Bí thư Đảng ủy kiêm nhiệm), 01 Phó Chủ tịch HĐND (hoạt động chuyên trách) và các ủy viên là Trưởng các Ban Hội đồng nhân dân xã.

Hội đồng nhân dân xã có 02 ban: Ban Kinh tế - xã hội và Ban Pháp chế; Trưởng ban, Phó Trưởng ban và các Ủy viên của các Ban Hội đồng nhân dân hoạt động kiêm nhiệm.

b) Ủy ban nhân dân xã

Cơ cấu tổ chức của Ủy ban nhân dân xã gồm: 01 Chủ tịch, 01 Phó Chủ tịch và Ủy viên phụ trách quân sự (Chỉ huy trưởng quân sự), Ủy viên phụ trách công an (Trưởng Công an xã).

Tổng số cán bộ, công chức biên chế được giao: 20 người; trong đó số biên chế hiện có mặt: 19 người, trong đó, cán bộ: 10 người, công chức: 09 người.

- Về trình độ chuyên môn: đại học: 18 người, trung cấp: 01 người.

- Về trình độ lý luận chính trị: cao cấp: 01 người; trung cấp: 13 người, sơ cấp: 05 người.

VIII. XÃ PHÙ NINH

1. Lịch sử hình thành

Vùng đất Phù Ninh thuộc tổng Phù Lưu. Sau Cách mạng tháng 8/1945, hợp nhất các làng An Ninh Nội, An Ninh Ngoại, Phù Lưu Nội, Phù Lưu Ngoại, Trại Sơn và Ngọc Việt thành 01 xã lớn lấy tên là Ngũ Phúc.

Ngày 24/4/1946, xã Ngũ Phúc đổi tên thành Phù Ninh. Năm 1952, nhập 02 làng Việt Khê và Ngọc Khê vào xã Phù Ninh. Tháng 6/1956, xã Phù Ninh được chia thành 02 xã: xã An Sơn và xã Phù Ninh.

Cuối năm 1958, huyện Thủy Nguyên thuộc thành phố Hải Phòng, xã Phù Ninh thuộc huyện Thủy Nguyên và ổn định từ đó cho đến ngày nay với 04 thôn, bao gồm: thôn 1 Phù Lưu, thôn 2 Phù Lưu, Việt Khê, Ngọc Khê.

2. Địa giới hành chính

Xã Phù Ninh nằm phía Bắc của huyện Thủy Nguyên cách trung tâm huyện khoảng 15 km, có địa giới hành chính như sau:

- Đông giáp xã Kỳ Sơn và xã Quảng Thanh;

- Tây giáp phường Thái Thịnh và xã Minh Hòa thuộc thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương;

- Nam giáp xã Hợp Thành;

- Bắc giáp xã Lại Xuân.

3. Diện tích tự nhiên và cơ cấu các loại đất

Tính đến ngày 31/12/2023, xã Phù Ninh có diện tích tự nhiên là 4,71 km^2. Trong đó, cơ cấu các loại đất như sau:

- Diện tích đất phi nông nghiệp là: 1,63 km^2, chiếm tỷ lệ 34,61%;

- Diện tích đất nông nghiệp là: 3,07 km^2, chiếm tỷ lệ 65,18%;

- Diện tích đất chưa sử dụng là: 0,01 km^2, chiếm tỷ lệ 0,21%.

4. Dân số và cơ cấu lao động

Tính đến ngày 31/12/2023, xã Phù Ninh có 7.039 người; trong đó dân số thường trú là 6.963 người, dân số tạm trú 76 người.

Tổng số người lao động trong các ngành kinh tế trên địa bàn xã là 3.522 người, trong đó:

- Lao động phi nông nghiệp: 3.063 người, chiếm 86,97%;

- Lao động nông nghiệp: 459 người, chiếm 13,03%.

5. Tình hình phát triển kinh tế - xã hội

a) Về phát triển kinh tế

- Công nghiệp - xây dựng: xã đã thực hiện các chính sách khuyến khích người dân mở rộng sản xuất kinh doanh trên các lĩnh vực: sản xuất đồ mộc, cơ khí, may mặc,... Đến nay, các ngành nghề của xã phát triển ổn định và có đóng góp không nhỏ vào sự phát triển kinh tế tại địa phương. Các cơ sở sản xuất này đã có nhiều đổi mới về trang thiết bị, công nghệ nên chất lượng sản phẩm ngày càng cao.

- Thương mại - dịch vụ: trong những năm qua, thương mại - dịch vụ trên địa bàn xã phát triển ổn định. Toàn xã có 130 công ty và doanh nghiệp tư nhân hoạt động cùng với gần 500 hộ kinh doanh. Xã hiện có 01 chợ với diện tích 2.500 m^2, cơ bản đã đáp ứng nhu cầu mua sắm hàng hóa, sinh hoạt của người dân. Với sự phát triển hàng hóa đa dạng cùng các cửa hàng tạp hóa, buôn bán nhỏ lẻ nhiều đang là động lực lớn thúc đẩy phát triển kinh tế của xã Phù Ninh.

- Nông - lâm - thủy sản: được sự quan tâm của các cấp, các ngành của huyện đã tạo nhiều cơ chế chính sách, hỗ trợ đầu tư, khuyến khích sản xuất nông nghiệp phát triển. Nhất là các chính sách hỗ trợ cho nông dân về các giống lúa cho năng suất cao. Công tác tiêm phòng dịch bệnh cho đàn gia súc, gia cầm được quan tâm thường xuyên. Xã đã triển khai và thực hiện tốt kế hoạch vệ sinh khử trùng tiêu độc môi trường và kế hoạch tiêm phòng đại trà cho đàn gia súc, gia cầm.

- Thu, chi ngân sách: thu ngân sách hàng năm đều hoàn thành dự toán. Chi ngân sách luôn thực hành tiết kiệm, cơ bản đáp ứng mục tiêu phát triển chung; bảo đảm cân đối được giữa các nhiệm vụ, các nhu cầu chi thường xuyên và nhu cầu chi đột xuất. Năm 2023, tổng thu ngân sách là 8,54 tỷ đồng; tổng chi ngân sách là 8,54 tỷ đồng.

b) Về phát triển văn hóa - xã hội

- Văn hóa, thể dục - thể thao: hệ thống đài truyền thanh được duy trì từ xã đến các thôn phục vụ tốt công tác tuyên truyền các nhiệm vụ chính trị - kinh tế - văn hóa ở địa phương. Tập trung tuyên truyền kỷ niệm các ngày lễ lớn, tuyên truyền cho người dân đón tết vui tươi, lành mạnh, tiết kiệm. Phong trào thể dục thể thao trên địa bàn phát triển mạnh với các câu lạc bộ thể thao hoạt động thường xuyên. Trong năm đã tổ chức được 03 giải thể thao, trong đó: 02 giải bóng đá và 01 giải bóng chuyền hơi. Thực hiện tốt công tác bảo trợ xã hội đúng quy định,

UBND xã đã hoàn thiện 50 hồ sơ bảo trợ xã hội, trong đó có 45 hồ sơ người tàn tật đề nghị xét duyệt, 05 hồ sơ người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên.

- Giáo dục - đào tạo: trên địa bàn xã có 03 cấp trường, gồm: trường mầm non, trường tiểu học và trường trung học cơ sở đã đáp ứng tốt nhu cầu học tập của con em địa phương. Trong những năm qua, các trường đã không ngừng nâng cao, đổi mới việc dạy và học, cơ sở vật chất được đầu tư xây dựng kiên cố với đầy đủ trang thiết bị, chất lượng dạy và học được nâng lên. Đội ngũ giáo viên của các trường đạt chuẩn 100%, chất lượng giáo dục đã có những chuyển biến rõ rệt.

- Y tế: xã có 01 trạm y tế với diện tích 953 m^2 đã làm tốt công tác tuyên truyền chăm sóc sức khỏe người dân, tuyên truyền vệ sinh an toàn thực phẩm. Trong năm, trạm y tế xã đã thực hiện khám cho hơn 2.000 lượt bệnh nhân, công tác chăm sóc sức khỏe cho phụ nữ có thai và trẻ sơ sinh được thực hiện tốt.

6. Tình hình phát triển cơ sở hạ tầng

a) Về hạ tầng giao thông

Được sự quan tâm của các cấp, các ngành và sự đóng góp của người dân, hệ thống giao thông xã đã được đầu tư nâng cấp, sửa chữa nhằm đáp ứng nhu cầu đi lại, sản xuất, trao đổi kinh tế. Các tuyến đường liên xã, liên thôn, đường khu nhà ở, ngõ xóm đã được nhựa hóa, bê tông hóa.

b) Về điện

Hệ thống điện trên địa bàn xã được tập trung đầu tư, nâng cấp với 08 trạm biến áp, 16 km chiều dài đường dây trung thế và 32 km chiều dài đường dây hạ thế đảm bảo kỹ thuật, yêu cầu của ngành điện. Năm 2023, tổng điện sinh hoạt trên địa bàn xã là 6.494.277 kwh. Tổng chiều dài đường phố được chiếu sáng đạt 65,05%.

c) Cấp, thoát nước

Hệ thống đường ống cấp nước sạch đã được các cấp chính quyền huyện và xã quan tâm đầu tư, nâng cấp cơ bản đảm bảo cung cấp nước sạch cho các hộ dân phục vụ trong sinh hoạt. Đến nay, tỷ lệ hộ dân sử dụng nước sạch, hợp vệ sinh đạt 100%. Xã có hệ thống thoát nước mưa tương đối hoàn chỉnh, nước mưa thoát theo bề mặt địa hình chảy theo các rãnh nắp đan thu về cống theo các trục đường rồi đổ về kênh mương.

d) Vệ sinh môi trường

Tổ chức thực hiện việc thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải sinh hoạt trên địa bàn xã bảo đảm đúng quy trình, tiêu chuẩn, công nghệ vệ sinh môi trường; không để phát sinh rác thải sinh hoạt tập kết tự phát gây mất vệ sinh, mỹ quan. Công tác vệ sinh đường làng ngõ xóm được thực hiện thường xuyên. Tổ thu gom và vận chuyển chất thải ở trung tâm xã và các thôn hoạt động có hiệu quả. Triển khai ngày chủ nhật xanh để vận động người dân tham gia vệ sinh đường làng, ngõ xóm.

7. Tình hình quốc phòng, an ninh

a) Quốc phòng

Thực hiện tốt công tác duy trì sẵn sàng chiến đấu, giao ban với Công an tuần tra canh gác nắm chắc tình hình an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội trong dịp tết Nguyên đán ở các thôn. Năm 2023 xã đã tổ chức giao lệnh gọi công dân đi nhập ngũ, cấp phát quân trang, gặp mặt động viên, đưa công dân lên đường nhập ngũ hoàn thành 100% chỉ tiêu cấp trên giao. Tổ chức đăng ký công dân sẵn sàng nhập ngũ, quân nhân dự bị hạng 2. Rà soát và xây dựng kế hoạch sơ tuyển, khám tuyển công dân sẵn sàng nhập ngũ năm 2024.

b) An ninh

Tình hình an ninh, trật tự trên địa bàn cơ bản ổn định, đẩy lùi các tệ nạn xã hội, đảm bảo an ninh, trật tự tại địa phương. Công an xã xây dựng và tổ chức triển khai kế hoạch cụ thể đảm bảo an ninh, trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn trong dịp tết Nguyên đán. Tổ chức cho Nhân dân ký cam kết không vi phạm các quy định về sử dụng pháo; sản xuất, nhập khẩu, tàng trữ, vận chuyển, buôn bán, đốt và thả đèn trời.

8. Tổ chức bộ máy, biên chế cán bộ

a) Hội đồng nhân dân xã nhiệm kỳ 2021 - 2026

Tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân xã là 25 đại biểu.

Thường trực Hội đồng nhân dân xã gồm: Chủ tịch HĐND (do Bí thư Đảng ủy kiêm nhiệm), 01 Phó Chủ tịch HĐND (hoạt động chuyên trách) và các ủy viên là Trưởng các Ban Hội đồng nhân dân xã.

Hội đồng nhân dân xã có 02 ban: Ban Kinh tế - xã hội và Ban Pháp chế; Trưởng ban, Phó Trưởng ban và các Ủy viên của các Ban Hội đồng nhân dân hoạt động kiêm nhiệm.

b) Ủy ban nhân dân xã

Cơ cấu tổ chức của Ủy ban nhân dân xã gồm: 01 Chủ tịch, 01 Phó Chủ tịch và Ủy viên phụ trách quân sự (Chỉ huy trưởng quân sự), Ủy viên phụ trách công an (Trưởng Công an xã).

Tổng số cán bộ, công chức biên chế được giao: 20 người; trong đó số biên chế hiện có mặt: 18 người, trong đó, cán bộ: 10 người, công chức: 08 người.

- Về trình độ chuyên môn: đại học: 16 người, trung cấp: 02 người.

- Về trình độ lý luận chính trị: trung cấp: 18 người.

IX. XÃ HỢP THÀNH

1. Lịch sử hình thành

Trước năm 1813, tổng Thái Lai thuộc huyện Thủy Đường, phủ Kinh Môn, trấn Hải Dương. Năm 1887, thuộc phủ Thủy Nguyên, tỉnh Hải Phòng; sau là tỉnh Kiến An bao gồm các xã: Thái Lai, Nhân Lý, Đồng Lý, Hoa Chương, Cao Kênh, Câu Tử.

Sau Cách mạng tháng 8/1945, xã Cao Nhân được thành lập trên cơ sở các xã thuộc tổng Thái Lai.

Tháng 7/1952, để phù hợp với tình hình kháng chiến hai thôn Cẩu Tử, Cao Nhân được tách ra cùng với thôn Quảng Cư của xã Ngọc Địch hợp nhất thành lập xã Hợp Thành.

Cuối năm 1956, thôn Quảng Cư được nhập về xã Quảng Thanh quản lý. Xã Hợp Thành khi đó còn lại 03 thôn lớn là: Cẩu Tử Nội, Cẩu Tử Ngoại và Cao Nhân với 12 thôn nhỏ hoạt động ổn định cho đến ngày nay với 07 thôn, bao gồm: 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7.

2. Địa giới hành chính

Hợp Thành là xã nằm ở phía Tây Bắc huyện Thủy Nguyên, xã có địa giới hành chính như sau:

- Đông giáp xã Cao Nhân và xã Quảng Thanh;
- Tây giáp xã Minh Hòa thuộc thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương;
- Nam giáp xã Cao Nhân;
- Bắc giáp xã Phù Ninh và xã Quảng Thanh.

3. Diện tích tự nhiên và cơ cấu các loại đất

Tính đến ngày 31/12/2023, xã Hợp Thành có 5,82 km² diện tích tự nhiên, trong đó cơ cấu các loại đất như sau:

- Diện tích đất phi nông nghiệp: 2,23 km²; chiếm tỷ lệ 38,32%;
- Diện tích đất nông nghiệp: 3,51 km²; chiếm tỷ lệ 60,31%;
- Diện tích đất chưa sử dụng là 0,08 km²; chiếm tỷ lệ 1,37%.

4. Quy mô dân số và cơ cấu lao động

Tính đến ngày 31/12/2023, xã có 9.638 người; trong đó dân số thường trú là 9.470 người, dân số tạm trú 168 người.

Tổng số người lao động trong các ngành kinh tế trên địa bàn xã là 5.837 người, trong đó:

- Lao động phi nông nghiệp: 3.685 người, chiếm 63,13%;
- Lao động nông nghiệp: 2.152 người, chiếm 36,87%.

5. Tình hình phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội

a) Về phát triển kinh tế

- Công nghiệp - xây dựng: các cơ sở sản xuất tiểu thủ công nghiệp từng bước được đầu tư trang bị kỹ thuật tiên tiến nhằm nâng cao chất lượng hàng hóa, sản phẩm. Một số mặt hàng đã được hộ dân mở rộng sản xuất và giải quyết một phần lao động địa phương, như: cơ khí, may mặc, sản xuất đồ gỗ...

- Thương mại - dịch vụ: thương mại - dịch vụ phát triển và tăng trưởng ổn định, cơ bản đáp ứng được nhu cầu sản xuất và tiêu dùng của người dân. Các hoạt

động thương mại - dịch vụ trên địa bàn xã rất đa dạng; hoạt động buôn bán hàng hóa chủ yếu diễn ra tại khu vực chợ và các cửa hàng kinh doanh dịch vụ trên địa bàn các thôn.

- Nông - lâm - thủy sản: tăng cường chỉ đạo Nhân dân cấy hết diện tích, theo đúng khung lịch thời vụ và đẩy mạnh ứng dụng công nghệ trong sản xuất nông nghiệp, lựa chọn cây giống cho năng suất cao. UBND xã đã khuyến khích các hộ dân có điều kiện đầu tư phát triển chăn nuôi lợn. Công tác phòng chống dịch cúm gia súc, gia cầm được duy trì theo kế hoạch.

- Thu, chi ngân sách: xác định nhiệm vụ thu ngân sách là nhiệm vụ quan trọng, đảm bảo cho mọi hoạt động tại địa phương. Hàng năm UBND xã đã chủ động thực hiện kế hoạch, chương trình phát triển kinh tế cũng như chủ động triển khai kế hoạch thu - chi ngân sách với phương châm đặt ra là thu đúng, thu đủ - chi đúng, chi đủ. Do vậy hàng năm công tác thu chi ngân sách đều hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch. Tổng thu ngân sách năm 2023 là 10,42 tỷ đồng; tổng chi ngân sách là 10,42 tỷ đồng.

b) Về phát triển văn hóa - xã hội

- Văn hóa, thể dục - thể thao: triển khai và thực hiện có hiệu quả phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa" ngày càng phát triển mạnh mẽ. Các mô hình văn hóa được nâng cao, mang tính thực chất hơn. Các làng văn hóa vẫn duy trì được bản sắc văn hóa và dân tộc thông qua các lễ hội truyền thống. Chính quyền xã đã làm tốt công tác bảo tồn và phát huy những giá trị các di tích lịch sử của địa phương. Việc tổ chức đăng ký, bình xét các danh hiệu văn hóa được thực hiện công khai, dân chủ, đúng quy trình. Triển khai và tổ chức tốt các hoạt động thể dục, thể thao mừng Đảng, mừng Xuân năm 2023.

- Giáo dục - đào tạo: năm học 2022 - 2023, quy mô và chất lượng giáo dục của các nhà trường tiếp tục được nâng lên nhằm đáp ứng nhu cầu học tập của các em học sinh tại địa phương. Trường mầm non Hợp Thành (có diện tích 4.115 m^2) và trường trung học cơ sở Hợp Thành (có diện tích 8.974 m^2) giữ vững trường chuẩn quốc gia mức độ 1; trường tiểu học Hợp Thành (có diện tích 11.126 m^2) duy trì đạt chuẩn quốc gia mức độ 2.

- Y tế: công tác y tế năm 2023 được ổn định và đi vào nền nếp. Thực hiện tốt chương trình y tế chăm sóc sức khỏe ban đầu cho người dân, triển khai các chương trình y tế theo quy định về các tiêu chí quốc gia. Xây dựng và triển khai các biện pháp phòng, chống dịch bệnh sốt xuất huyết, chân tay miệng trên địa bàn. Thực hiện tốt thông tin tuyên truyền người dân tham gia bảo hiểm y tế với tỷ lệ cao. Tổ chức thành công các hội nghị truyền thông về nâng cao chất lượng dân số, kiểm soát tốc độ gia tăng dân số, mất cân bằng giới tính khi sinh, các kiến thức chăm sóc sức khỏe cho người cao tuổi dựa vào cộng đồng.

6. Tình hình phát triển cơ sở hạ tầng

a) Giao thông

Toàn xã có 27,96 km đường giao thông, hầu hết các tuyến đường đã được nhựa hóa, bê tông hóa đạt chuẩn, tạo huyết mạch giao thông thông suốt từ trung

tâm huyện đến xã và từ xã đến các thôn. Hệ thống giao thông xã cơ bản đáp ứng ngày càng tốt hơn yêu cầu đi lại của Nhân dân, thúc đẩy việc giao lưu văn hóa giữa các khu vực; tạo điều kiện cho quá trình sản xuất được liên tục, nhanh chóng, tăng cường mở rộng vùng nguyên liệu, đồng thời thu hút các nhà đầu tư, các doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nhất là các ngành chế biến nông - lâm - thủy sản.

b) Cấp điện, chiếu sáng

Hệ thống lưới điện hạ thế trên địa bàn xã do hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp quản lý, vận hành, khai thác và bảo dưỡng. Chất lượng điện từng bước được cải thiện theo đúng quy định của ngành điện lực. Xã cơ bản đảm bảo an toàn hành lang lưới điện; phát huy hiệu quả và sử dụng tiết kiệm điện, không để xảy ra tình trạng cháy, chập điện; tỷ lệ hao tổn điện năng giảm qua từng năm. Tổng số trạm biến áp là 4 trạm, hệ thống lưới điện hạ thế với 11,84 km đường trục và 2,20 km đường nhánh đảm bảo cung ứng kịp thời nhu cầu sinh hoạt, sản xuất của Nhân dân. Hệ thống chiếu sáng trên các tuyến đường cũng được duy trì kiểm tra theo kế hoạch.

c) Cấp, thoát nước

Hệ thống nước sạch trên địa bàn xã được cung cấp từ nhà máy cấp nước tập trung. Một số hộ dân cũng sử dụng nguồn nước từ giếng khoan đã qua xử lý hợp vệ sinh vào phục vụ nhu cầu sinh hoạt. Đến nay, tỷ lệ hộ dân sử dụng nước sạch, hợp vệ sinh đạt 100%. Hệ thống thoát nước được quan tâm đầu tư cải tạo và xây dựng mới dọc theo các tuyến đường chính, chủ yếu là hệ thống các tuyến cống, mương có tấm đan hoặc mương hở, cơ bản đáp ứng tốt công tác tiêu thoát nước mặt và nước sinh hoạt từ các hộ dân chảy ra.

d) Vệ sinh môi trường

UBND xã cùng các đoàn thể và chính quyền cơ sở đã đẩy mạnh tuyên truyền phong trào bảo vệ môi trường bằng nhiều hình thức, như: nói không với chất thải nhựa; phân loại chất thải tại nguồn; thu gom bao bì, chai lọ thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng;... Ngoài ra, đã phát động các buổi trồng hoa, cây xanh, cây bóng mát dọc các tuyến đường giao thông, bảo đảm môi trường xanh, sạch, đẹp bền vững. Duy trì các tổ thu gom, vận chuyển chất thải, bảo đảm không để ùn ứ gây ảnh hưởng đến môi trường sống.

7. Tình hình quốc phòng, an ninh

a) Quốc phòng

Ban chỉ huy quân sự xã tham mưu cho cấp ủy Đảng và chính quyền thực hiện nhiệm vụ huấn luyện chiến đấu, giáo dục chính trị, xây dựng lực lượng dân quân, quản lý lực lượng dự bị động viên theo đúng pháp lệnh. Thường xuyên rà soát nắm chắc tình hình lực lượng dự bị động viên đảm bảo 100% quân số tham gia huấn luyện khi có lệnh triệu tập. Năm 2023, thực hiện công tác tuyển chọn và gọi công dân nhập ngũ, giao đủ chỉ tiêu 18/18 thanh niên nhập ngũ; cấp phát quân trang, gặp mặt động viên, đưa công dân lên đường nhập ngũ hoàn thành 100% chỉ tiêu cấp trên giao.

b) An ninh

Công tác an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội được đảm bảo không để xảy ra các vụ lớn, nhất là trong các ngày lễ, Tết trên địa bàn. Tình hình an ninh chính trị, an ninh tôn giáo được giữ vững, không để xảy ra các vấn đề phức tạp, điểm nóng. Tăng cường tuyên truyền phòng chống tệ nạn xã hội, tội phạm trộm cắp, xử phạt nghiêm các trường hợp vi phạm đảm bảo đời sống Nhân dân. Thực hiện tốt công tác quản lý Nhà nước về an ninh, trật tự, nhất là công tác quản lý hành chính, quản lý tạm trú và lưu trú, quản lý ngành nghề kinh doanh có điều kiện. Duy trì tuần tra, canh gác tại các khu vực trọng điểm, các tuyến đường và các khu dân cư,...

8. Tổ chức bộ máy, biên chế cán bộ

a) Hội đồng nhân dân xã nhiệm kỳ 2021 - 2026

Tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân xã là 23 đại biểu.

Thường trực Hội đồng nhân dân xã gồm: Chủ tịch HĐND (do Phó Bí thư Đảng ủy kiêm nhiệm), 01 Phó Chủ tịch HĐND (hoạt động chuyên trách) và các ủy viên là Trưởng các Ban Hội đồng nhân dân xã.

Hội đồng nhân dân xã có 02 ban: Ban Kinh tế - xã hội và Ban Pháp chế; Trưởng ban, Phó Trưởng ban và các Ủy viên của các Ban Hội đồng nhân dân hoạt động kiêm nhiệm.

b) Ủy ban nhân dân xã

Cơ cấu tổ chức của Ủy ban nhân dân xã gồm: 01 Chủ tịch, 01 Phó Chủ tịch và Ủy viên phụ trách quân sự (Chỉ huy trưởng quân sự), Ủy viên phụ trách công an (Trưởng Công an xã).

Tổng số cán bộ, công chức biên chế được giao: 20 người; trong đó số biên chế hiện có mặt: 18 người, trong đó, cán bộ: 09 người, công chức: 09 người.

- Về trình độ chuyên môn: thạc sĩ: 02 người, đại học: 13 người; trung cấp: 03 người.

- Về trình độ lý luận chính trị: cao cấp: 02 người, trung cấp: 13 người, sơ cấp: 03 người.

X. XÃ CAO NHÂN

1. Lịch sử hình thành

Trước năm 1945, Cao Nhân thuộc vùng đất Thủy Nguyên có 9 tổng thuộc tỉnh Kiến An và được nâng lên thành đơn vị hành chính cấp phủ. Sau Cách mạng tháng 8/1945, trải qua quá trình nhập chia điều chỉnh địa giới hành chính, xã Cao Nhân hoạt động ổn định thuộc huyện Thủy Nguyên đến ngày nay với 09 thôn, bao gồm: 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9.

2. Địa giới hành chính

Xã Cao Nhân nằm ở phía Tây Nam huyện Thủy Nguyên, có địa giới hành chính như sau:

- Đông giáp các xã Mỹ Đồng và xã Kiền Bái;

- Tây giáp các xã Quảng Thanh và xã Hợp Thành;

- Nam giáp xã An Hồng thuộc huyện An Dương;

- Bắc giáp xã Chính Mỹ.

3. Diện tích tự nhiên và cơ cấu các loại đất

Tính đến ngày 31/12/2023, xã Cao Nhân có 5,58 km² diện tích tự nhiên, trong đó cơ cấu các loại đất như sau:

- Diện tích đất phi nông nghiệp: 2,56 km²; chiếm tỷ lệ 45,88%;

- Diện tích đất nông nghiệp: 2,98 km²; chiếm tỷ lệ 53,41%;

- Diện tích đất chưa sử dụng là 0,04 km²; chiếm tỷ lệ 0,71%.

4. Quy mô dân số và cơ cấu lao động

Tính đến ngày 31/12/2023, toàn xã có 11.603 người; trong đó dân số thường trú là 11.460 người, dân số tạm trú 143 người.

Tổng số người lao động trong các ngành kinh tế trên địa bàn xã là 5.935 người, trong đó:

- Lao động phi nông nghiệp: 5.028 người, chiếm 84,72%;

- Lao động nông nghiệp: 907 người, chiếm 15,28%.

5. Tình hình phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội

a) Về phát triển kinh tế

- Công nghiệp - xây dựng: những năm gần đây, ngành công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp tiếp tục được duy trì và phát triển ổn định, được mở rộng về quy mô và đa dạng hóa loại hình. Trong đó, tập trung phát triển làng nghề Cau truyền thống, nhất là các cơ sở sản xuất, chế biến cau khô, cau sấy nhằm nâng cao sản lượng, chất lượng phục vụ xuất khẩu, giải quyết việc làm cho người dân.

- Thương mại - dịch vụ: mạng lưới kinh doanh thương mại được duy trì trong các hộ dân. Mặt hàng thương mại được đa dạng trong các khu dân cư đã đáp ứng nhu cầu mua bán, trao đổi hàng hóa của người dân. Một số loại hình dịch vụ mới được đầu tư và đi vào hoạt động như: dịch vụ vui chơi giải trí, vận tải,...

- Nông - lâm - thủy sản: tiếp tục tăng cường chỉ đạo sản xuất nông nghiệp, vận động Nhân dân đưa giống mới vào sản xuất, nâng cao chất lượng phòng trừ sâu bệnh, đảm bảo nguồn nước cho sản xuất. Tình hình chăn nuôi tại địa phương năm 2023 cơ bản ổn định. Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện đồng bộ nhiều biện pháp phòng, chống bệnh dịch; tiếp tục khuyến khích phát triển trang trại, gia trại; tăng cường công tác phòng trừ bệnh, tiêu độc, khử trùng trong chăn nuôi.

- Thu, chi ngân sách: tiếp tục đẩy mạnh công tác quản lý thu, chi ngân sách; tập trung các biện pháp thu các khoản thuế doanh nghiệp và nợ đọng trong dân;

cân đối nguồn, đảm bảo chi lương và các khoản phụ cấp. Năm 2023, tổng thu ngân sách của xã Cao Nhân là 10,17 tỷ đồng; tổng chi ngân sách của xã là 10,15 tỷ đồng.

b) Về phát triển văn hóa - xã hội

- Văn hóa, thể dục - thể thao: tổ chức tuyên truyền đa dạng, phong phú bằng các hình thức như: bài viết, pano, áp phích đối với các ngày lễ, kỷ niệm lớn trong năm. Phối hợp tốt với các ngành, đoàn thể và sự đồng thuận của các tầng lớp Nhân dân trong cuộc vận động "toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa và đô thị văn minh". Phong trào văn hóa - văn nghệ, thể dục - thể thao được duy trì, đã thu hút đông đảo các tầng lớp tham gia, góp phần nâng cao đời sống tinh thần của Nhân dân trên địa bàn. Tổ chức chi trả trợ cấp hàng tháng cho 96 đối tượng người có công hàng tháng; lập 04 hồ sơ hưởng ưu đãi giáo dục; 18 hồ sơ mai táng phí người có công. Thực hiện cấp thẻ bảo hiểm y tế cho 37 đối tượng hưởng mới; chi trả tiền mừng thọ cho 123 đối tượng người cao tuổi.

- Giáo dục - đào tạo: công tác giáo dục năm học 2022 - 2023 vẫn đảm bảo hoàn thành đúng tiến độ, đạt chất lượng tốt. Tiếp tục duy trì quy mô trường lớp, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, giáo viên nhằm đáp ứng nhu cầu học tập của các em học sinh. Hiện trên địa bàn xã có 03 cấp trường gồm: trường mầm non Cao Nhân có diện tích 4.412 m^2, trường tiểu học Cao Nhân có diện tích 7.779 m^2, trường trung học cơ sở Cao Nhân có diện tích 16.000 m^2.

- Y tế: công tác y tế dự phòng, y tế cơ sở, chăm sóc sức khỏe ban đầu cho Nhân dân được tăng cường. Năm 2023, duy trì tốt công tác khám, chữa bệnh cho Nhân dân tại địa phương. Cán bộ nhân viên y tế luôn nâng cao tinh thần trách nhiệm, đảm bảo đúng thời gian khám chữa bệnh, thực hiện tốt các quy chế của ngành, hoàn thành các chỉ tiêu do trung tâm y tế đề ra. Làm tốt công tác tiêm chủng mở rộng, công tác phòng, chống dịch không để dịch bệnh xảy ra trên địa bàn. Địa bàn xã có 01 trạm y tế được duy trì đạt chuẩn theo yêu cầu của ngành có diện tích 1.563 m^2.

6. Tình hình phát triển cơ sở hạ tầng

a) Giao thông

Hệ thống đường giao thông trên địa bàn đã được nâng cấp và xây dựng đồng bộ. Các tuyến đường làng, ngõ xóm đã được bê tông hóa, tạo điều kiện thuận lợi trong việc giao lưu và phát triển kinh tế cũng như tiêu thụ các sản phẩm, nâng cao đời sống Nhân dân trên địa bàn.

b) Cấp điện, chiếu sáng

Nguồn điện cung cấp cho các hộ dân và doanh nghiệp trên địa bàn cơ bản được đảm bảo và ổn định, tạo điều kiện thuận lợi cho Nhân dân phát triển kinh doanh sản xuất, phục vụ tốt sinh hoạt đời sống. Phối hợp với các đơn vị tiến hành kiểm tra và xử lý các trường hợp vi phạm hành lang đường dây. Năm 2023, tổng

điện năng phục vụ sinh hoạt là 11.348.872 kwh; tỷ lệ các tuyến đường chính được chiếu sáng đạt 100%.

c) Cấp, thoát nước

Hiện nay, trên địa bàn xã có 100% số hộ được cung cấp nguồn nước sạch, hợp vệ sinh đảm bảo phục vụ đầy đủ cho nhu cầu sinh hoạt cũng như sản xuất của người dân. Hệ thống tiêu thoát nước được tăng cường kiểm tra cống, mương tiêu thoát nước đảm bảo lưu thông dòng chảy đặc biệt chống úng ngập trong mùa mưa bão.

d) Vệ sinh môi trường

Công tác bảo vệ môi trường luôn được quan tâm, đẩy mạnh. Xã thường xuyên vận động người dân thực hiện dọn vệ sinh trên các tuyến đường của xã, đồng thời thành lập các tổ tự quản vệ sinh môi trường gắn với công tác tuyên truyền đến từng hộ dân về các quy định pháp luật và bảo vệ môi trường. Triển khai và tổ chức thực hiện đề án thu gom và xử lý chất thải.

7. Tình hình quốc phòng, an ninh

a) Quốc phòng

Hoàn thành công tác huấn luyện cho lực lượng dân quân năm thứ nhất, dân quân cơ động, dân quân tại chỗ đảm bảo an toàn, đạt kết quả cao. Thực hiện nghiêm công tác quản lý, bảo quản vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ, thực hiện tốt chính sách hậu phương quân đội. Tuyển chọn và gọi công dân nhập ngũ năm 2023 là 18/18, đạt tỷ lệ 100%.

b) An ninh

Tăng cường công tác giữ gìn an ninh, trật tự trên địa bàn, thực hiện theo kế hoạch công tác tuyên truyền, vận động Nhân dân không vận chuyển, sử dụng pháo, đốt và thả đèn trời trước, trong và sau tết Nguyên đán. Tiếp tục tuyên truyền, phát động phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc trong tình hình mới. Chỉ đạo thực hiện tốt công tác giữ gìn an toàn giao thông, vệ sinh môi trường, phòng chống cháy nổ, theo quy định.

8. Tổ chức bộ máy, biên chế cán bộ

a) Hội đồng nhân dân xã nhiệm kỳ 2021 - 2026

Tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân xã là 27 đại biểu.

Thường trực Hội đồng nhân dân xã gồm: Chủ tịch HĐND (do Phó Bí thư Đảng ủy kiêm nhiệm), 01 Phó Chủ tịch HĐND (hoạt động chuyên trách) và các ủy viên là Trưởng các Ban Hội đồng nhân dân xã.

Hội đồng nhân dân xã có 02 ban: Ban Kinh tế - xã hội và Ban Pháp chế; Trưởng ban, Phó Trưởng ban và các Ủy viên của các Ban Hội đồng nhân dân hoạt động kiêm nhiệm.

b) Ủy ban nhân dân xã

Cơ cấu tổ chức của Ủy ban nhân dân xã gồm: 01 Chủ tịch, 01 Phó Chủ tịch và Ủy viên phụ trách quân sự (Chỉ huy trưởng quân sự), Ủy viên phụ trách công an (Trưởng Công an xã).

Tổng số cán bộ, công chức biên chế được giao: 20 người; trong đó số biên chế hiện có mặt: 19 người, trong đó, cán bộ: 10 người, công chức: 09 người.

- Về trình độ chuyên môn: thạc sĩ: 02 người, đại học: 17 người.

- Về trình độ lý luận chính trị: cao cấp 04 người, trung cấp: 15 người.

XI. XÃ CHÍNH MỸ

1. Lịch sử hình thành

Trải qua quá trình phát triển, xã Chính Mỹ ngày nay đã có nhiều đổi thay gắn liền với những diễn biến của lịch sử dân tộc. Trước đây, Chính Mỹ thuộc phủ Kiến An. Sau Cách mạng tháng 8/1945, trải qua quá trình nhập chia điều chỉnh địa giới hành chính, xã Chính Mỹ chính thức được thành lập và hoạt động ổn định thuộc huyện Thủy Nguyên với 12 thôn, bao gồm: 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12.

2. Địa giới hành chính

Xã Chính Mỹ nằm ở phía Tây Bắc huyện Thủy Nguyên, có địa giới hành chính như sau:

- Đông giáp xã Kênh Giang và xã Liên Khê;

- Tây giáp xã Quảng Thanh và xã Kỳ Sơn;

- Nam giáp xã Mỹ Đồng và xã Cao Nhân;

- Bắc giáp xã Liên Khê và xã Kỳ Sơn.

3. Diện tích tự nhiên và cơ cấu các loại đất

Tính đến ngày 31/12/2023, xã Chính Mỹ có 6,92 km² diện tích tự nhiên, trong đó cơ cấu các loại đất như sau:

- Diện tích đất phi nông nghiệp: 2,10 km²; chiếm tỷ lệ 30,35%;

- Diện tích đất nông nghiệp: 4,74 km²; chiếm tỷ lệ 68,50%;

- Diện tích đất chưa sử dụng là 0,08 km²; chiếm tỷ lệ 1,15%.

4. Quy mô dân số và cơ cấu lao động

Tính đến ngày 31/12/2023, toàn xã có 11.233 người; trong đó dân số thường trú là 11.143 người, dân số tạm trú 90 người.

Tổng số người lao động trong các ngành kinh tế trên địa bàn xã là 6.124 người, trong đó:

- Lao động phi nông nghiệp: 4.938 người, chiếm 80,63%;

- Lao động nông nghiệp: 1.186 người, chiếm 19,37%.

5. Tình hình phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội

a) Về phát triển kinh tế

- Công nghiệp - xây dựng: trong xu hướng phát triển kinh tế thị trường, xã Chính Mỹ đang có những bước tiến mới trong công tác chỉ đạo phát triển cơ cấu kinh tế theo hướng đa dạng ngành nghề, khai thác thế mạnh của địa phương. Duy trì nghề mây tre đan truyền thống và phát triển các nghề mới như: hàn, cơ khí, mộc dân dụng,... UBND xã Chính Mỹ luôn tạo điều kiện thuận lợi cho các hoạt động sản xuất kinh doanh trên địa bàn phát triển.

- Thương mại - dịch vụ: thương mại và dịch vụ trên địa bàn xã từng bước phát triển, hàng hóa đa dạng và phong phú, nhu cầu trao đổi hàng hóa trên thị trường diễn biến sôi động, lượng hàng hóa chất lượng cao đa dạng, phong phú đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của Nhân dân; các cửa hàng kinh doanh, cùng với chợ truyền thống đã đáp ứng tốt nhu cầu mua sắm của người dân.

- Nông - lâm - thủy sản: tổng diện tích gieo cấy cả năm là 471 ha đạt 97,7% kế hoạch đề ra, năng suất lúa bình quân đạt 64 tạ/ha đạt 98,5%, tăng 0,5 tạ/ha. Đảm bảo tốt việc cung cấp đầy đủ nước phục vụ sản xuất nông nghiệp; thực hiện tốt việc chăm sóc, phòng trừ sâu bệnh kịp thời. Chăn nuôi trên địa bàn ổn định và phát triển. Công tác phòng, chống dịch bệnh cho đàn gia súc, gia cầm, vệ sinh, phun thuốc khử trùng chuồng trại thường xuyên được thực hiện đúng định kỳ, không có dịch bệnh xảy ra.

- Thu, chi ngân sách: UBND xã đã tập trung chỉ đạo, điều hành và tăng cường công tác thu ngân sách xã trên các lĩnh vực về phí, lệ phí, phí môn bài, thuế sử dụng đất phi nông nghiệp; đảm bảo chi lương, chi hoạt động của các ban ngành theo kế hoạch. Tổng thu ngân sách năm 2023 là 11,81 tỷ đồng; tổng chi ngân sách là 11,81 tỷ đồng.

b) Về phát triển văn hóa - xã hội

- Văn hóa, thể dục - thể thao: Hệ thống nhà văn hóa, sân thể dục thể thao trên địa bàn cơ bản đã đáp ứng đủ nhu cầu của người dân. Hàng năm xã phối hợp với cán bộ địa phương tổ chức tham gia các hoạt động văn hóa văn nghệ - thể dục thể thao mừng Đảng, mừng Xuân. Quản lý và hướng dẫn các làng văn hóa hoạt động theo hương ước, quy ước, phát triển tốt phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa khu dân cư". Tiếp nhận và chi trả kịp thời quà tặng của Chủ tịch nước, thành phố, huyện, xã và trợ cấp trong dịp Tết cho các đối tượng chính sách, người có công, hộ nghèo, cận nghèo với tổng 352 suất; tổ chức thăm tặng 17 hộ gia đình có hoàn cảnh khó khăn, bệnh tật hiểm nghèo.

- Giáo dục - đào tạo: trên địa bàn xã có 03 trường học đã đáp ứng nhu cầu học tập của con em địa phương, gồm: trường mầm non Chính Mỹ có diện tích 12.913 m^2; trường tiểu học Chính Mỹ có diện tích 10.350 m^2 và trường trung học cơ sở Chính Mỹ có diện tích 10.000 m^2. Năm 2023, thực hiện tốt các cuộc vận động do ngành giáo dục phát động, tổ chức các phong trào thi đua dạy tốt, học tốt, đảm bảo duy trì sĩ số ở cả 3 cấp học. Hoàn thành chương trình dạy học năm học 2022 - 2023 theo khung chương trình, kế hoạch dạy học của Phòng Giáo dục và Đào tạo.

- Y tế: duy trì tiêm chủng mở rộng hàng tháng, đặc biệt chú trọng công tác tiếp nhận vắc xin tiêm phòng đúng hướng dẫn, đúng đối tượng, đảm bảo tuyệt đối an

toàn trong và sau tiêm. Xã Chính Mỹ có 01 trạm y tế đặt tại trung tâm với diện tích 672 m^2 đã cơ bản đáp ứng nhu cầu thăm khám sức khỏe của người dân. Năm 2023, trạm y tế xã đã thường xuyên quan tâm chăm sóc sức khỏe sinh sản cho bà mẹ và trẻ em, đảm bảo tốt việc khám và điều trị bệnh cho Nhân dân.

6. Tình hình phát triển cơ sở hạ tầng

a) Giao thông

Xác định giao thông nông thôn là động lực, là đòn bẩy và là tiền đề để phát triển kinh tế nông thôn, tăng cường giao thương và giao lưu văn hóa. Đến nay, các tuyến đường trục chính, đường làng, ngõ xóm đã bê tông hóa, hầu hết các tuyến đường đều có đủ chiều rộng cần thiết, đảm bảo kết nối đồng bộ các tuyến đường. Tăng cường công tác quản lý, thường xuyên kiểm tra, kịp thời khắc phục, sửa chữa các công trình giao thông ngay từ những hư hỏng nhỏ.

b) Cấp điện, chiếu sáng

Hệ thống mạng lưới điện trung thế và hạ thế được đầu tư phát triển, đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật và độ an toàn của lưới điện. Mạng lưới điện của xã cơ bản đáp ứng yêu cầu phục vụ sản xuất và sinh hoạt của Nhân dân. Năm 2023, tỷ lệ hộ gia đình dùng điện đạt 100%; tỷ lệ đường chính được chiếu sáng đạt 100%.

c) Cấp, thoát nước

Năm 2023, số hộ dùng nước máy, nước hợp vệ sinh trên địa bàn xã đạt 100%, chủ yếu từ nguồn cung cấp nhà máy nước tập trung đảm bảo phục vụ đầy đủ cho nhu cầu trong sinh hoạt cũng như trong sản xuất của người dân. Để đảm bảo nhu cầu thoát nước và tưới tiêu nông nghiệp cho người dân, xã đã chỉ đạo các địa phương tiến hành nạo vét, khơi thông dòng chảy trên các tuyến mương thực hiện định kỳ.

d) Vệ sinh môi trường

Công tác bảo vệ môi trường luôn được quan tâm và đẩy mạnh, cơ bản đã đi vào nền nếp. Hàng tháng, chính quyền và các đoàn thể thường xuyên phát động phong trào vệ sinh đường làng, ngõ xóm sạch, đẹp. Thông qua phong trào từng thôn tổ chức cho các xã viên, thanh niên, học sinh tổng vệ sinh với các hoạt động như: phát quang bụi rậm, khơi thông, vệ sinh cống rãnh, thu gom chất thải sinh hoạt,... đồng thời thành lập các tổ tự quản vệ sinh môi trường; gắn với công tác tuyên truyền đến từng hộ dân trên địa bàn về các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường. Hoạt động thu gom, vận chuyển chất thải sinh hoạt được thực hiện hàng ngày, góp phần cải thiện môi trường cho các khu dân cư.

7. Tình hình quốc phòng, an ninh

a) Quốc phòng

Thực hiện nghiêm túc chỉ thị, mệnh lệnh của cấp trên; xây dựng kế hoạch phòng thủ, phương án sẵn sàng chiến đấu; chủ động xây dựng phương án sử dụng lực lượng, cơ sở vật chất để phòng chống thiên tai - tìm kiếm cứu nạn. Thực hiện tốt công tác giáo dục, huấn luyện chính trị cho lực lượng dân quân năm thứ nhất. Hoàn thành chỉ tiêu giao quân năm 2023, xây dựng kế hoạch tiến

hành sơ khám tuyển nghĩa vụ quân sự 2024 theo đúng Luật Nghĩa vụ quân sự. Phối hợp với Công an xã, các ban, ngành, đoàn thể tổ chức bảo vệ các hoạt động trong những ngày lễ, Tết tại địa phương.

b) An ninh

Tăng cường tuần tra chốt điểm, đảm bảo giữ vững an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội. Đẩy mạnh phong trào "Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc'; làm tốt công tác nắm tình hình liên quan đến an ninh tôn giáo, an ninh nông thôn, không để xảy ra điểm nóng, phức tạp. Đảm bảo tốt an ninh, trật tự, an toàn giao thông nhất là dịp tết Nguyên đán và các sự kiện tại địa phương. Tiếp tục vận động xây dựng mô hình ngọn đèn an ninh trên địa bàn xã.

8. Tổ chức bộ máy, biên chế cán bộ

a) Hội đồng nhân dân xã nhiệm kỳ 2021 - 2026

Tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân xã là 27 đại biểu.

Thường trực Hội đồng nhân dân xã gồm: Chủ tịch HĐND (do Bí thư Đảng ủy kiêm nhiệm), 01 Phó Chủ tịch HĐND (hoạt động chuyên trách) và các ủy viên là Trưởng các Ban Hội đồng nhân dân xã.

Hội đồng nhân dân xã có 02 ban: Ban Kinh tế - xã hội và Ban Pháp chế; Trưởng ban, Phó Trưởng ban và các Ủy viên của các Ban Hội đồng nhân dân hoạt động kiêm nhiệm.

b) Ủy ban nhân dân xã

Cơ cấu tổ chức của Ủy ban nhân dân xã gồm: 01 Chủ tịch, 01 Phó Chủ tịch và Ủy viên phụ trách quân sự (Chỉ huy trưởng quân sự), Ủy viên phụ trách công an (Trưởng Công an xã).

Tổng số cán bộ, công chức biên chế được giao: 20 người; trong đó số biên chế hiện có mặt: 20 người, trong đó, cán bộ: 09 người, công chức: 11 người.

- Về trình độ chuyên môn: thạc sĩ: 02 người, đại học: 15 người; trung cấp: 03 người.

- Về trình độ lý luận chính trị: trung cấp: 19 người, sơ cấp: 01 người.

Đ. HIỆN TRẠNG PHƯỜNG ĐÔNG HẢI 1, QUẬN HẢI AN

a) Thuộc khu vực đồng bằng.

b) Diện tích tự nhiên: 9,89 km^2 (đạt 179,82%).

c) Dân số đến ngày 31/12/2023: 25.503 người (đạt 170,02%).

d) Địa giới hành chính: Đông giáp xã Liên Vị và phường Phong Cốc thuộc thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh; Tây giáp các phường Vạn Mỹ, phường Đông Khê, phường Đằng Giang; Nam giáp phường Đằng Lâm, phường Đằng Hải và phường Đông Hải 2; Bắc giáp các xã Thủy Triều và xã Lập Lễ thuộc huyện Thủy Nguyên.

E. ĐÁNH GIÁ CHI TIẾT MỨC ĐỘ ĐẠT ĐƯỢC CÁC ĐIỀU KIỆN VÀ TIÊU CHUẨN CỦA CÁC ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH

I. VỀ ĐIỀU KIỆN THÀNH LẬP THÀNH PHỐ VÀ SẮP XẾP, THÀNH LẬP CÁC ĐVHC CẤP XÃ

Việc thành lập thành phố Thủy Nguyên (bao gồm phần điều chỉnh địa giới tại khu vực đảo Vũ Yên thuộc phường Đông Hải 1, quận Hải An) và sắp xếp để thành lập các phường mới, xã mới thuộc thành phố Thủy Nguyên đã bảo đảm các điều kiện quy định tại khoản 2 Điều 128 Luật Tổ chức chính quyền địa phương, đó là:

- Phù hợp với chủ trương của Trung ương trong giai đoạn hiện nay về việc sắp xếp các ĐVHC cấp huyện, cấp xã[1]; đồng thời phù hợp với Kế hoạch phân loại đô thị toàn quốc, các định hướng quy hoạch, chương trình phát triển đô thị đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt: Quyết định số 241/QĐ-TTg ngày 24/02/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch phân loại đô thị toàn quốc giai đoạn 2021 - 2030; Quyết định số 323/QĐ-TTg ngày 30/3/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch chung thành phố Hải Phòng đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số 408/QĐ-TTg ngày 13/5/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch chung đô thị mới Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng đến năm 2045; Quyết định số 1274/QĐ-UBND ngày 19/4/2024 của UBND thành phố Hải Phòng phê duyệt Chương trình phát triển đô thị thành phố Hải Phòng định hướng đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số 1576/QĐ-UBND ngày 20/5/2024 của UBND thành phố Hải Phòng phê duyệt Chương trình phát triển đô thị mới Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng đến năm 2045.

- Bảo đảm lợi ích chung của quốc gia, hiệu lực, hiệu quả quản lý Nhà nước của chính quyền địa phương các cấp; phát huy tiềm năng, lợi thế nhằm thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội. Sắp xếp các ĐVHC cấp xã nhằm góp phần tinh gọn bộ máy, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của chính quyền địa phương, tinh giản biên chế, giảm tải gánh nặng ngân sách Nhà nước, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức để phục vụ người dân tốt hơn.

- Thành lập thành phố Thủy Nguyên và sắp xếp để thành lập các phường mới, xã mới thuộc thành phố Thủy Nguyên sẽ tạo điều kiện tốt hơn trong công tác bảo đảm yêu cầu về quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội.

- Thành lập thành phố Thủy Nguyên và sắp xếp để thành lập các phường mới, xã mới thuộc thành phố Thủy Nguyên đảm bảo sự đồng nhất về các yếu tố: truyền thống lịch sử, văn hóa, dân tộc, tôn giáo, tín ngưỡng, phong tục, tập quán, vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên, cộng đồng dân cư, quốc phòng, an ninh và phát triển kinh tế - xã hội; tạo sự thuận lợi trong sinh hoạt, sản xuất, kinh doanh và tạo được sự đồng thuận của Nhân dân trên địa bàn.

---

[1] Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; Nghị quyết số 37-NQ/TW ngày 24/12/2018 của Bộ Chính trị về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện và cấp xã; Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 ngày 12/7/2023 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2030.

- Ngoài ra, thành lập thành phố Thủy Nguyên và sắp xếp để thành lập các phường mới, xã mới thuộc thành phố Thủy Nguyên sẽ phát huy tiềm năng, lợi thế của địa phương; hệ thống hạ tầng kinh tế - xã hội sẽ được tiếp tục quan tâm đầu tư đồng bộ nhất là hệ thống các công trình hạ tầng đô thị, giao thông, y tế, giáo dục, các thiết chế văn hóa... Từ đó, Nhân dân sẽ được tiếp cận, thụ hưởng các dịch vụ văn hóa, giáo dục, chăm sóc sức khỏe... với điều kiện thuận lợi hơn, chất lượng tốt. Với quá trình phát triển kinh tế - xã hội, nhiều dự án hợp tác về kinh tế của các thành phần kinh tế, các doanh nghiệp sẽ tạo ra nhiều cơ hội giải quyết việc làm cho người dân, góp phần nâng cao thu nhập và mức sống của người dân trên địa bàn.

II. VỀ TIÊU CHUẨN THÀNH LẬP THÀNH PHỐ THỦY NGUYÊN VÀ THÀNH LẬP CÁC PHƯỜNG MỚI, XÃ MỚI

1. Tiêu chuẩn thành lập thành phố Thủy Nguyên

Đối chiếu tiêu chuẩn quy định tại Điều 5 Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính đã được sửa đổi bổ sung một số điều tại Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15; huyện Thủy Nguyên (bao gồm phần điều chỉnh địa giới tại khu vực đảo Vũ Yên thuộc phường Đông Hải 1, quận Hải An) cần đáp ứng được 5/5 tiêu chuẩn để thành lập thành phố thuộc thành phố trực thuộc Trung ương, cụ thể như sau:

1.1. Tiêu chuẩn về quy mô dân số

- Quy mô dân số huyện Thủy Nguyên là 397.570 người.

- Quy định tiêu chuẩn quy mô dân số đối với thành phố thuộc thành phố trực thuộc Trung ương từ 150.000 người trở lên.

Đánh giá: Đạt.

1.2. Tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên

- Huyện Thủy Nguyên có diện tích tự nhiên là 269,10 km^2 (bao gồm diện tích trên địa bàn huyện Thủy Nguyên 261,83 km^2; phần điều chỉnh tại khu vực đảo Vũ Yên thuộc phường Đông Hải 1, quận Hải An 7,27 km^2).

- Quy định tiêu chuẩn diện tích tự nhiên đối với thành phố thuộc thành phố trực thuộc Trung ương từ 150 km^2 trở lên.

Đánh giá: Đạt.

1.3. Tiêu chuẩn về đơn vị hành chính trực thuộc

a) Tiêu chuẩn về số đơn vị hành chính cấp xã trực thuộc

- Theo phương án sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã và thành lập các phường thì thành phố Thủy Nguyên sau khi thành lập sẽ có 21 đơn vị hành chính cấp xã trực thuộc, bao gồm 17 phường và 04 xã.

- Quy định số đơn vị hành chính cấp xã trực thuộc của thành phố từ 10 đơn vị trở lên.

Đánh giá: Đạt.

b) Tiêu chuẩn về tỷ lệ số phường trên tổng số đơn vị hành chính cấp xã

- Phương án thành lập thành phố Thủy Nguyên có 17 phường trên tổng số 21 đơn vị hành chính cấp xã đạt tỷ lệ 80,95%.

- Quy định tỷ lệ số phường trên tổng số đơn vị hành chính cấp xã từ 65% trở lên.

Đánh giá: Đạt.

1.4. Tiêu chuẩn đã được cấp có thẩm quyền công nhận là đô thị loại I hoặc II hoặc loại III: đã được Bộ trưởng Bộ Xây dựng công nhận đô thị Thuỷ Nguyên, thành phố Hải Phòng đạt tiêu chí đô thị loại III (tại Quyết định số 798/QĐ-BXD ngày 16/8/2024.

Đánh giá: Đạt.

1.5. Cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội theo quy định tại phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15, cụ thể:

TT	Chỉ tiêu	Quy định	Hiện trạng	Đánh giá
1	Cân đối thu chi ngân sách	Đủ	Dư	Đạt
2	Thu nhập bình quân đầu người/tháng so với trung bình cả nước (lần)	1,05	1,35	Đạt
3	Mức tăng trưởng kinh tế trung bình 03 năm gần nhất (%)	Đạt bình quân của thành phố Hải Phòng (11,87%)	17,14%	Đạt
4	Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều trung bình 03 năm gần nhất (%)	Đạt bình quân của thành phố Hải Phòng (0,83%)	0,57%	Đạt
5	Tỷ trọng công nghiệp, xây dựng và dịch vụ trong cơ cấu kinh tế	80%	92,11%	Đạt
6	Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp khu vực nội thành dự kiến	80%	86,71%	Đạt

Đánh giá: Đạt.

Căn cứ quy định tại Điều 5 Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15 thì huyện Thủy Nguyên (bao gồm phần điều chỉnh địa giới tại khu vực đảo Vũ Yên thuộc phường Đông Hải 1, quận Hải An) đã đạt 5/5 tiêu chuẩn để thành lập thành phố thuộc thành phố trực thuộc Trung ương theo quy định.

2. Tiêu chuẩn của quận Hải An, phường Đông Hải 1 sau khi điều chỉnh

2.1. Quận Hải An

Đối chiếu tiêu chuẩn quy định tại Điều 7 Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính, đã được sửa đổi bổ sung một số điều tại Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15, theo phương án điều chỉnh 7,27 km^2 diện tích tự nhiên (không có dân cư sinh sống) tại khu vực đảo Vũ Yên thuộc quận Hải An về huyện Thủy Nguyên quản lý, đánh giá các tiêu chuẩn của quận Hải An sau khi điều chỉnh, cụ thể như sau:

a) Tiêu chuẩn về quy mô dân số

- Quy mô dân số quận Hải An tính đến 31/12/2023: 144.256 người.

- Quy định quy mô dân số đối với quận từ 150.000 người trở lên.

- Đánh giá: đạt 96,17% tiêu chuẩn.

b) Tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên

- Quận Hải An có diện tích tự nhiên: 97,64 km^2 (sau khi điều chỉnh 7,27 km^2 diện tích tự nhiên khu vực đảo Vũ Yên về huyện Thủy Nguyên).

- Quy định diện tích tự nhiên đối với quận từ 35 km^2 trở lên.

Đánh giá: Đạt.

c) Tiêu chuẩn về số phường trực thuộc

- Quận Hải An có 08 phường trực thuộc (đạt 80%).

- Quy định số phường trực thuộc có từ 10 đơn vị trở lên.

- Theo quy định tại khoản 17 Điều 1 Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15: *"Trường hợp thành lập đơn vị hành chính đô thị trên cơ sở nguyên trạng 01 đơn vị hành chính cùng cấp hoặc điều chỉnh địa giới các đơn vị hành chính để thành lập đơn vị hành chính đô thị mà không làm thay đổi số lượng đơn vị hành chính thì diện tích tự nhiên của các đơn vị hành chính sau khi thành lập, điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính có thể thấp hơn nhưng tối thiểu phải đạt 50% tiêu chuẩn của đơn vị hành chính tương ứng; không áp dụng tiêu chuẩn về số đơn vị hành chính trực thuộc quy định tại khoản 3 Điều 1, khoản 3 Điều 2, điểm a khoản 3 các điều 4, 5 và 6, khoản 3 Điều 7 của Nghị quyết này; các tiêu chuẩn khác thực hiện theo quy định tại Chương I của Nghị quyết này".*

Đánh giá: Đạt.

d) Cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội theo quy định tại phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15, cụ thể:

TT	Chỉ tiêu	Quy định	Hiện trạng	Đánh giá
1	Cân đối thu chi ngân sách	Đủ	Dư	Đạt
2	Thu nhập bình quân đầu người/tháng so với trung bình cả nước (lần)	1,05	1,29	Đạt

3	Mức tăng trưởng kinh tế trung bình 03 năm gần nhất (%)	Đạt bình quân của thành phố Hải Phòng (11,87%)	21,20	Đạt
4	Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều trung bình 03 năm gần nhất (%)	Đạt bình quân của thành phố Hải Phòng (0,83%)	0,12	Đạt
5	Tỷ trọng công nghiệp, xây dựng và dịch vụ trong cơ cấu kinh tế	90%	99,98	Đạt
6	Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp khu vực nội thành	90%	96,67	Đạt

Đánh giá: Đạt.

đ) Hệ thống cơ sở hạ tầng đô thị theo tiêu chuẩn về trình độ phát triển cơ sở hạ tầng đô thị quy định tại bảng 2A Phụ lục 2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 26/2022/UBTVQH15

Ngày 23/5/2024, Tổng Thư ký Quốc hội đã ban hành Thông báo số 3691/TB-TTKQH Kết luận của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2025 (tại phiên họp thứ 33); trong đó có nội dung: *"Trường hợp điều chỉnh địa giới ĐVHC giữa quận Hải An (một phần phường Đông Hải 1) và huyện Thủy Nguyên thuộc thành phố Hải Phòng để khắc phục những bất hợp lý về đường địa giới hành chính thì thực hiện phân loại đô thị và đánh giá tiêu chuẩn trình độ phát triển cơ sở hạ tầng đô thị đối với khu vực dự kiến thành lập thành phố Thủy Nguyên và khu vực dự kiến thành lập phường thuộc thành phố Thủy Nguyên; không phải thực hiện đánh giá tiêu chuẩn trình độ phát triển cơ sở hạ tầng đối với phường Đông Hải 1 và quận Hải An thuộc thành phố Hải Phòng"*.

2.2. Phường Đông Hải 1

Đối chiếu tiêu chuẩn quy định tại Điều 8 Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính, đánh giá tiêu chuẩn của phường Đông Hải 1 sau khi điều chỉnh theo quy định (diện tích tự nhiên ≥ 5,5 km^2; quy mô dân số ≥ 15.000 người), cụ thể như sau:

- Diện tích tự nhiên sau khi điều chỉnh: 2,62 km^2 (đạt 47,64%).

- Quy mô dân số: 25.503 người (đạt 170,02%).

- Cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế xã hội theo quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15

TT	Tiêu chuẩn	Đơn vị	Mức quy định	Hiện trạng	Đánh giá
1	Cân đối thu chi ngân sách	Tỷ đồng	Đủ	Dư	Đạt

2	Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn đa chiều trung bình 03 năm gần nhất	%	Đạt bình quân của thành phố Hải Phòng (0,83%)	0,08	Đạt
3	Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp	%	85	99,89	Đạt

- Hệ thống cơ sở hạ tầng đô thị theo tiêu chuẩn về trình độ phát triển cơ sở hạ tầng đô thị quy định tại bảng 2A Phụ lục 2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 26/2022/UBTVQH15: không đánh giá theo Thông báo Kết luận số 3691/TB-TTKQH ngày 23/5/2024 của Tổng Thư ký Quốc hội.

3. Tiêu chuẩn thành lập các phường thuộc thành phố Thủy Nguyên

Đối chiếu tiêu chuẩn quy định tại Điều 8 Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính, đã được sửa đổi bổ sung một số điều tại Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15, đánh giá hiện trạng của các xã, thị trấn dự kiến thành lập phường theo quy định, cụ thể như sau:

3.1. Thành lập phường Minh Đức (từ thị trấn Minh Đức)

a) Tiêu chuẩn về quy mô dân số

- Quy mô dân số của thị trấn Minh Đức là 13.539 người.

- Quy định quy mô dân số của phường thuộc thành phố từ 7.000 người trở lên.

Đánh giá: Đạt.

b) Tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên

- Diện tích tự nhiên của thị trấn Minh Đức là 16,12 km^2.

- Quy định về diện tích tự nhiên đối với phường thuộc thành phố là từ 5,50 km^2 trở lên.

Đánh giá: Đạt.

c) Cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế xã hội theo quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15

TT	Tiêu chuẩn	Đơn vị	Mức quy định	Hiện trạng	Đánh giá
1	Cân đối thu chi ngân sách	Tỷ đồng	Đủ	Dư	Đạt
2	Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn đa chiều trung bình 03 năm gần nhất	%	Đạt bình quân của Thủy Nguyên (0,57)	0,39	Đạt
3	Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp	%	80	93,20	Đạt

Đánh giá: Đạt.

d) Hệ thống cơ sở hạ tầng đô thị theo tiêu chuẩn về trình độ phát triển cơ sở hạ tầng đô thị quy định tại bảng 2A Phụ lục 2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 26/2022/UBTVQH15

TT	Tiêu chuẩn	Đơn vị	Mức quy định	Hiện trạng	Đánh giá
1	Trạm y tế	Công trình	01 công trình theo quy định của Bộ Y tế	1	Đạt
2	Cơ sở hạ tầng thương mại (chợ, cửa hàng dịch vụ trung tâm, siêu thị và trung tâm mua bán, trao đổi hàng hóa)	Công trình	02 công trình theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng	1	Chưa đạt
3	Cơ sở giáo dục	%	100% công trình giáo dục (trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở) đạt quy mô tối thiểu của các công trình giáo dục hoặc đạt 100% tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1 của Bộ Giáo dục và Đào tạo	100,00	Đạt
4	Đất công trình giáo dục (trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở) bình quân đầu người	m^2/người	≥ 1,8	1,81	Đạt
5	Đất công trình văn hóa, thể dục, thể thao (sân chơi, sân luyện tập và các công trình trung tâm văn hóa thể thao) bình quân đầu người	m^2/người	≥ 1,0	1,37	Đạt
6	Cấp điện sinh hoạt bình quân đầu người	kwh/người/ năm	≥ 400	990,69	Đạt
7	Đất giao thông (tính đến đường giao thông cấp khu vực, cấp nội bộ và công trình giao thông) bình quân đầu người	m^2/người	≥ 7	21,38	Đạt
8	Tỷ lệ đường được chiếu sáng (tính đến đường cấp khu vực, cấp nội bộ)	%	≥ 95	95,35	Đạt
9	Đất cây xanh sử dụng công cộng (đất công viên, vườn hoa, sân chơi cấp đơn vị ở) bình quân đầu người	m^2/người	≥ 2	2,05	Đạt
10	Tỷ lệ dân số đô thị được cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung và được sử dụng nguồn nước hợp vệ sinh	%	≥ 90	100,00	Đạt
11	Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện thu gom, xử lý nước thải	%	Đáp ứng tiêu chuẩn tương ứng của xã nông thôn mới nâng	99,24	Đạt

	sinh hoạt bằng biện pháp phù hợp, hiệu quả		cao trở lên: tiêu chuẩn khu vực đồng bằng sông Hồng là ≥ 50		
12	Mật độ đường cống thoát nước chính	km/km^2	≥ 3	10,67	Đạt
13	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom	%	≥ 80	95,95	Đạt

Đánh giá: Đạt (đạt 12/13 tiêu chuẩn theo quy định[2]).

Căn cứ Điều 8 Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 đã được sửa đổi bổ sung một số điều tại Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15 thì thị trấn Minh Đức đã đạt 4/4 tiêu chuẩn để thành lập phường thuộc thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương.

3.2. Thành lập phường Hoa Động (từ xã Hoa Động)

a) Tiêu chuẩn về quy mô dân số

- Quy mô dân số của xã là 13.102 người.

- Quy định quy mô dân số của phường thuộc thành phố từ 7.000 người trở lên.

Đánh giá: Đạt.

b) Tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên

- Diện tích tự nhiên là 6,02 km^2.

- Quy định về diện tích tự nhiên đối với phường thuộc thành phố là từ 5,50 km^2 trở lên.

Đánh giá: Đạt.

c) Cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế xã hội theo quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15

TT	Tiêu chuẩn	Đơn vị	Mức quy định	Hiện trạng	Đánh giá
1	Cân đối thu chi ngân sách	Tỷ đồng	Đủ	Dư	Đạt
2	Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn đa chiều trung bình 03 năm gần nhất	%	Đạt bình quân của Thủy Nguyên (0,57)	0,20	Đạt
3	Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp	%	80	82,00	Đạt

Đánh giá: Đạt.

[2] Theo Phụ lục 2 Nghị quyết số 26/2022/UBTVQH15 ngày 21/9/2022 quy định: "khu vực dự kiến thành lập phường đạt tiêu chuẩn trình độ phát triển cơ sở hạ tầng đô thị khi có tối thiểu 10/13 tiêu chuẩn".

d) Hệ thống cơ sở hạ tầng đô thị theo tiêu chuẩn về trình độ phát triển cơ sở hạ tầng đô thị quy định tại bảng 2A Phụ lục 2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 26/2022/UBTVQH15

TT	Tiêu chuẩn	Đơn vị	Mức quy định	Hiện trạng	Đánh giá
1	Trạm y tế	Công trình	01 công trình theo quy định của Bộ Y tế	1	Đạt
2	Cơ sở hạ tầng thương mại (chợ, cửa hàng dịch vụ trung tâm, siêu thị và trung tâm mua bán, trao đổi hàng hóa)	Công trình	02 công trình theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng	1	Chưa đạt
3	Cơ sở giáo dục	%	100% công trình giáo dục (trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở) đạt quy mô tối thiểu của các công trình giáo dục hoặc đạt 100% tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1 của Bộ Giáo dục và Đào tạo	100,00	Đạt
4	Đất công trình giáo dục (trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở) bình quân đầu người	m^2/người	≥ 1,8	2,76	Đạt
5	Đất công trình văn hóa, thể dục, thể thao (sân chơi, sân luyện tập và các công trình trung tâm văn hóa thể thao) bình quân đầu người	m^2/người	≥ 1,0	1,14	Đạt
6	Cấp điện sinh hoạt bình quân đầu người	kwh/người/ năm	≥ 400	1.108,06	Đạt
7	Đất giao thông (tính đến đường giao thông cấp khu vực, cấp nội bộ và công trình giao thông) bình quân đầu người	m^2/người	≥ 7	12,37	Đạt
8	Tỷ lệ đường được chiếu sáng (tính đến đường cấp khu vực, cấp nội bộ)	%	≥ 95	95,90	Đạt
9	Đất cây xanh sử dụng công cộng (đất công viên, vườn hoa, sân chơi cấp đơn vị ở) bình quân đầu người	m^2/người	≥ 2	3,05	Đạt

10	Tỷ lệ dân số đô thị được cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung và được sử dụng nguồn nước hợp vệ sinh	%	≥ 90	100,00	Đạt
11	Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt bằng biện pháp phù hợp, hiệu quả	%	Đáp ứng tiêu chuẩn tương ứng của xã nông thôn mới nâng cao trở lên: tiêu chuẩn khu vực đồng bằng sông Hồng là ≥ 50	94,35	Đạt
12	Mật độ đường cống thoát nước chính	km/km^2	≥ 3	4,86	Đạt
13	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom	%	≥ 80	93,70	Đạt

Đánh giá: Đạt (đạt 12/13 tiêu chuẩn theo quy định).

Căn cứ Điều 8 Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 đã được sửa đổi bổ sung một số điều tại Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15 thì xã Hoa Động đã đạt 4/4 tiêu chuẩn để thành lập phường thuộc thành phố.

3.3. Thành lập phường Thiên Hương (từ xã Thiên Hương)

a) Tiêu chuẩn về quy mô dân số

- Quy mô dân số của xã là 12.618 người.

- Quy định quy mô dân số của phường thuộc thành phố từ 7.000 người trở lên.

Đánh giá: Đạt.

b) Tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên

- Diện tích tự nhiên là 5,76 km^2.

- Quy định về diện tích tự nhiên đối với phường thuộc thành phố từ 5,50 km^2 trở lên.

Đánh giá: Đạt.

c) Cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế xã hội theo quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15

TT	Tiêu chuẩn	Đơn vị	Mức quy định	Hiện trạng	Đánh giá
1	Cân đối thu chi ngân sách	Tỷ đồng	Đủ	Dư	Đạt
2	Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn đa chiều trung bình 03 năm gần nhất	%	Đạt bình quân của Thủy Nguyên (0,57)	0,56	Đạt
3	Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp	%	80	85,51	Đạt

Đánh giá: Đạt.

d) Hệ thống cơ sở hạ tầng đô thị theo tiêu chuẩn về trình độ phát triển cơ sở hạ tầng đô thị quy định tại bảng 2A Phụ lục 2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 26/2022/UBTVQH15

TT	Tiêu chuẩn	Đơn vị	Mức quy định	Hiện trạng	Đánh giá
1	Trạm y tế	Công trình	01 công trình theo quy định của Bộ Y tế	1	Đạt
2	Cơ sở hạ tầng thương mại (chợ, cửa hàng dịch vụ trung tâm, siêu thị và trung tâm mua bán, trao đổi hàng hóa)	Công trình	02 công trình theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng	3	Đạt
3	Cơ sở giáo dục	%	100% công trình giáo dục (trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở) đạt quy mô tối thiểu của các công trình giáo dục hoặc đạt 100% tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1 của Bộ Giáo dục và Đào tạo	100	Đạt
4	Đất công trình giáo dục (trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở) bình quân đầu người	m^2/người	≥ 1,8	4,00	Đạt
5	Đất công trình văn hóa, thể dục, thể thao (sân chơi, sân luyện tập và các công trình trung tâm văn hóa thể thao) bình quân đầu người	m^2/người	≥ 1,0	2,53	Đạt
6	Cấp điện sinh hoạt bình quân đầu người	kwh/người/năm	≥ 400	1.294,90	Đạt
7	Đất giao thông (tính đến đường giao thông cấp khu vực, cấp nội bộ và công trình giao thông) bình quân đầu người	m^2/người	≥ 7	7,98	Đạt
8	Tỷ lệ đường được chiếu sáng (tính đến đường cấp khu vực, cấp nội bộ)	%	≥ 95	95,50	Đạt
9	Đất cây xanh sử dụng công cộng (đất công viên, vườn hoa, sân chơi cấp đơn vị ở) bình quân đầu người	m^2/người	≥ 2	2,27	Đạt
10	Tỷ lệ dân số đô thị được cấp nước sạch qua hệ thống cấp	%	≥ 90	99,98	Đạt

	nước tập trung và được sử dụng nguồn nước hợp vệ sinh				
11	Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt bằng biện pháp phù hợp, hiệu quả	%	Đáp ứng tiêu chuẩn tương ứng của xã nông thôn mới nâng cao trở lên: tiêu chuẩn khu vực đồng bằng sông Hồng là ≥ 50	94,23	Đạt
12	Mật độ đường cống thoát nước chính	km/km^2	≥ 3	2,85	Chưa đạt
13	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom	%	≥ 80	94,98	Đạt

Đánh giá: Đạt (đạt 12/13 tiêu chuẩn theo quy định).

Căn cứ Điều 8 Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 đã được sửa đổi bổ sung một số điều tại Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15 thì xã Thiên Hương đạt 4/4 tiêu chuẩn để thành lập phường thuộc thành phố.

3.4. Thành lập phường Quảng Thanh (từ xã Quảng Thanh)

a) Tiêu chuẩn về quy mô dân số

- Quy mô dân số của xã là 11.110 người.

- Quy định quy mô dân số của phường thuộc thành phố từ 7.000 người trở lên.

Đánh giá: Đạt.

b) Tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên

- Diện tích tự nhiên là 5,72 km^2.

- Quy định về diện tích tự nhiên đối với phường thuộc thành phố từ 5,50 km^2 trở lên.

Đánh giá: Đạt.

c) Cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế xã hội theo quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15

TT	Tiêu chuẩn	Đơn vị	Mức quy định	Hiện trạng	Đánh giá
1	Cân đối thu chi ngân sách	Tỷ đồng	Đủ	Dư	Đạt
2	Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn đa chiều trung bình 03 năm gần nhất	%	Đạt bình quân của Thủy Nguyên (0,57)	0,55	Đạt
3	Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp	%	80	81,24	Đạt

Đánh giá: Đạt.

d) Hệ thống cơ sở hạ tầng đô thị theo tiêu chuẩn về trình độ phát triển cơ sở hạ tầng đô thị quy định tại bảng 2A Phụ lục 2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 26/2022/UBTVQH15

TT	Tiêu chuẩn	Đơn vị	Mức quy định	Hiện trạng	Đánh giá
1	Trạm y tế	Công trình	01 công trình theo quy định của Bộ Y tế	1	Đạt
2	Cơ sở hạ tầng thương mại (chợ, cửa hàng dịch vụ trung tâm, siêu thị và trung tâm mua bán, trao đổi hàng hóa)	Công trình	02 công trình theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng	4	Đạt
3	Cơ sở giáo dục	%	100% công trình giáo dục (trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở) đạt quy mô tối thiểu của các công trình giáo dục hoặc đạt 100% tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1 của Bộ Giáo dục và Đào tạo	100	Đạt
4	Đất công trình giáo dục (trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở) bình quân đầu người	m^2/người	≥ 1,8	2,93	Đạt
5	Đất công trình văn hóa, thể dục, thể thao (sân chơi, sân luyện tập và các công trình trung tâm văn hóa thể thao) bình quân đầu người	m^2/người	≥ 1,0	1,45	Đạt
6	Cấp điện sinh hoạt bình quân đầu người	kwh/người/ năm	≥ 400	1.212,22	Đạt
7	Đất giao thông (tính đến đường giao thông cấp khu vực, cấp nội bộ và công trình giao thông) bình quân đầu người	m^2/người	≥ 7	8,35	Đạt
8	Tỷ lệ đường được chiếu sáng (tính đến đường cấp khu vực, cấp nội bộ)	%	≥ 95	96,56	Đạt
9	Đất cây xanh sử dụng công cộng (đất công viên, vườn hoa, sân chơi cấp đơn vị ở) bình quân đầu người	m^2/người	≥ 2	2,08	Đạt
10	Tỷ lệ dân số đô thị được cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung và được sử dụng nguồn nước hợp vệ sinh	%	≥ 90	100,00	Đạt

11	Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt bằng biện pháp phù hợp, hiệu quả	%	Đáp ứng tiêu chuẩn tương ứng của xã nông thôn mới nâng cao trở lên: tiêu chuẩn khu vực đồng bằng sông Hồng là ≥ 50	96,84	Đạt
12	Mật độ đường cống thoát nước chính	km/km^2	≥ 3	5,64	Đạt
13	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom	%	≥ 80	91,74	Đạt

Đánh giá: Đạt (đạt 13/13 tiêu chuẩn theo quy định).

Căn cứ Điều 8 Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 đã được sửa đổi bổ sung một số điều tại Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15 thì xã Quảng Thanh đã đạt 4/4 tiêu chuẩn để thành lập phường Quảng Thanh thuộc thành phố.

3.5. Thành lập phường Hòa Bình (từ xã Hòa Bình)

a) Tiêu chuẩn về quy mô dân số

- Quy mô dân số của xã là 14.557 người.

- Quy định quy mô dân số của phường thuộc thành phố từ 7.000 người trở lên.

Đánh giá: Đạt.

b) Tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên

- Diện tích tự nhiên là 7,11 km^2.

- Quy định về diện tích tự nhiên đối với phường thuộc thành phố từ 5,50 km^2 trở lên.

Đánh giá: Đạt.

c) Cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế xã hội theo quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15

TT	Tiêu chuẩn	Đơn vị	Mức quy định	Hiện trạng	Đánh giá
1	Cân đối thu chi ngân sách	Tỷ đồng	Đủ	Dư	Đạt
2	Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn đa chiều trung bình 03 năm gần nhất	%	Đạt bình quân của Thủy Nguyên (0,57)	0,52	Đạt
3	Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp	%	80	84,88	Đạt

Đánh giá: Đạt.

d) Hệ thống cơ sở hạ tầng đô thị theo tiêu chuẩn về trình độ phát triển cơ sở hạ tầng đô thị quy định tại bảng 2A Phụ lục 2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 26/2022/UBTVQH15

TT	Tiêu chuẩn	Đơn vị	Mức quy định	Hiện trạng	Đánh giá
1	Trạm y tế	Công trình	01 công trình theo quy định của Bộ Y tế	1	Đạt
2	Cơ sở hạ tầng thương mại (chợ, cửa hàng dịch vụ trung tâm, siêu thị và trung tâm mua bán, trao đổi hàng hóa)	Công trình	02 công trình theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng	2	Đạt
3	Cơ sở giáo dục	%	100% công trình giáo dục (trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở) đạt quy mô tối thiểu của các công trình giáo dục hoặc đạt 100% tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1 của Bộ Giáo dục và Đào tạo	100	Đạt
4	Đất công trình giáo dục (trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở) bình quân đầu người	m^2/người	≥ 1,8	2,64	Đạt
5	Đất công trình văn hóa, thể dục, thể thao (sân chơi, sân luyện tập và các công trình trung tâm văn hóa thể thao) bình quân đầu người	m^2/người	≥ 1,0	1,48	Đạt
6	Cấp điện sinh hoạt bình quân đầu người	kwh/người/năm	≥ 400	1.202,01	Đạt
7	Đất giao thông (tính đến đường giao thông cấp khu vực, cấp nội bộ và công trình giao thông) bình quân đầu người	m^2/người	≥ 7	7,94	Đạt
8	Tỷ lệ đường được chiếu sáng (tính đến đường cấp khu vực, cấp nội bộ)	%	≥ 95	96,57	Đạt

9	Đất cây xanh sử dụng công cộng (đất công viên, vườn hoa, sân chơi cấp đơn vị ở) bình quân đầu người	m^2/người	≥ 2	2,13	Đạt
10	Tỷ lệ dân số đô thị được cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung và được sử dụng nguồn nước hợp vệ sinh	%	≥ 90	100,00	Đạt
11	Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt bằng biện pháp phù hợp, hiệu quả	%	Đáp ứng tiêu chuẩn tương ứng của xã nông thôn mới nâng cao trở lên: tiêu chuẩn khu vực đồng bằng sông Hồng là ≥ 50	95,23	Đạt
12	Mật độ đường cống thoát nước chính	km/km^2	≥ 3	6,57	Đạt
13	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom	%	≥ 80	92,42	Đạt

Đánh giá: Đạt (đạt 13/13 tiêu chuẩn theo quy định).

Căn cứ Điều 8 Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 đã được sửa đổi bổ sung một số điều tại Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15 thì xã Hòa Bình đã đạt 4/4 tiêu chuẩn để thành lập phường thuộc thành phố.

3.6. Thành lập phường An Lư (từ xã An Lư)

a) Tiêu chuẩn về quy mô dân số

- Quy mô dân số của xã là 17.322 người.

- Quy định quy mô dân số của phường thuộc thành phố từ 7.000 người trở lên.

Đánh giá: Đạt.

b) Tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên

- Diện tích tự nhiên là 7,24 km^2.

- Quy định về diện tích tự nhiên đối với phường thuộc thành phố từ 5,50 km^2 trở lên.

Đánh giá: Đạt.

c) Cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế xã hội theo quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15

TT	Tiêu chuẩn	Đơn vị	Mức quy định	Hiện trạng	Đánh giá
1	Cân đối thu chi ngân sách	Tỷ đồng	Đủ	Dư	Đạt
2	Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn đa chiều trung bình 03 năm gần nhất	%	Đạt bình quân của Thủy Nguyên (0,57)	0,57	Đạt
3	Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp	%	80	81,48	Đạt

Đánh giá: Đạt.

d) Hệ thống cơ sở hạ tầng đô thị theo tiêu chuẩn về trình độ phát triển cơ sở hạ tầng đô thị quy định tại bảng 2A Phụ lục 2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 26/2022/UBTVQH15

TT	Tiêu chuẩn	Đơn vị	Mức quy định	Hiện trạng	Đánh giá
1	Trạm y tế	Công trình	01 công trình theo quy định của Bộ Y tế	1	Đạt
2	Cơ sở hạ tầng thương mại (chợ, cửa hàng dịch vụ trung tâm, siêu thị và trung tâm mua bán, trao đổi hàng hóa)	Công trình	02 công trình theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng	3	Đạt
3	Cơ sở giáo dục	%	100% công trình giáo dục (trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở) đạt quy mô tối thiểu của các công trình giáo dục hoặc đạt 100% tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1 của Bộ Giáo dục và Đào tạo	100,00	Đạt
4	Đất công trình giáo dục (trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở) bình quân đầu người	m^2/người	≥ 1,8	2,46	Đạt
5	Đất công trình văn hóa, thể dục, thể thao (sân chơi, sân luyện tập và các công trình trung tâm văn hóa thể thao) bình quân đầu người	m^2/người	≥ 1,0	1,62	Đạt
6	Cấp điện sinh hoạt bình quân đầu người	kwh/người/năm	≥ 400	855,60	Đạt
7	Đất giao thông (tính đến đường giao thông cấp khu vực, cấp nội bộ và công trình giao thông) bình quân đầu người	m^2/người	≥ 7	26,97	Đạt

8	Tỷ lệ đường được chiếu sáng (tính đến đường cấp khu vực, cấp nội bộ)	%	≥ 95	97,64	Đạt
9	Đất cây xanh sử dụng công cộng (đất công viên, vườn hoa, sân chơi cấp đơn vị ở) bình quân đầu người	m^2/người	≥ 2	2,01	Đạt
10	Tỷ lệ dân số đô thị được cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung và được sử dụng nguồn nước hợp vệ sinh	%	≥ 90	100,00	Đạt
11	Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt bằng biện pháp phù hợp, hiệu quả	%	Đáp ứng tiêu chuẩn tương ứng của xã nông thôn mới nâng cao trở lên: tiêu chuẩn khu vực đồng bằng sông Hồng là ≥ 50	95,25	Đạt
12	Mật độ đường cống thoát nước chính	km/km^2	≥ 3	4,49	Đạt
13	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom	%	≥ 80	92,22	Đạt

Đánh giá: Đạt (đạt 13/13 tiêu chuẩn theo quy định).

Căn cứ Điều 8 Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 đã được sửa đổi bổ sung một số điều tại Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15 thì xã An Lư đã đạt 4/4 tiêu chuẩn để thành lập phường thuộc thành phố Thủy Nguyên.

3.7. Thành lập phường Phạm Ngũ Lão (từ xã Ngũ Lão)

a) Tiêu chuẩn về quy mô dân số

- Quy mô dân số của xã là 14.306 người.

- Quy định quy mô dân số của phường thuộc thành phố từ 7.000 người trở lên.

Đánh giá: Đạt.

b) Tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên

- Diện tích tự nhiên là 6,44 km^2.

- Quy định về diện tích tự nhiên đối với phường thuộc thành phố là từ 5,50 km^2 trở lên.

Đánh giá: Đạt.

c) Cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế xã hội theo quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15

TT	Tiêu chuẩn	Đơn vị	Mức quy định	Hiện trạng	Đánh giá
1	Cân đối thu chi ngân sách	Tỷ đồng	Đủ	Dư	Đạt

2	Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn đa chiều trung bình 03 năm gần nhất	%	Đạt bình quân của Thủy Nguyên (0,57)	0,55	Đạt
3	Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp	%	80	87,25	Đạt

Đánh giá: Đạt.

d) Hệ thống cơ sở hạ tầng đô thị theo tiêu chuẩn về trình độ phát triển cơ sở hạ tầng đô thị quy định tại bảng 2A Phụ lục 2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 26/2022/UBTVQH15

TT	Tiêu chuẩn	Đơn vị	Mức quy định	Hiện trạng	Đánh giá
1	Trạm y tế	Công trình	01 công trình theo quy định của Bộ Y tế	1	Đạt
2	Cơ sở hạ tầng thương mại (chợ, cửa hàng dịch vụ trung tâm, siêu thị và trung tâm mua bán, trao đổi hàng hóa)	Công trình	02 công trình theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng	0	Chưa đạt
3	Cơ sở giáo dục	%	100% công trình giáo dục (trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở) đạt quy mô tối thiểu của các công trình giáo dục hoặc đạt 100% tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1 của Bộ Giáo dục và Đào tạo	100,00	Đạt
4	Đất công trình giáo dục (trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở) bình quân đầu người	m^2/người	≥ 1,8	2,01	Đạt
5	Đất công trình văn hóa, thể dục, thể thao (sân chơi, sân luyện tập và các công trình trung tâm văn hóa thể thao) bình quân đầu người	m^2/người	≥ 1,0	1,38	Đạt
6	Cấp điện sinh hoạt bình quân đầu người	kwh/người/ năm	≥ 400	464,89	Đạt
7	Đất giao thông (tính đến đường giao thông cấp khu	m^2/người	≥ 7	7,07	Đạt

	vực, cấp nội bộ và công trình giao thông) bình quân đầu người				
8	Tỷ lệ đường được chiếu sáng (tính đến đường cấp khu vực, cấp nội bộ)	%	≥ 95	96,84	Đạt
9	Đất cây xanh sử dụng công cộng (đất công viên, vườn hoa, sân chơi cấp đơn vị ở) bình quân đầu người	m^2/người	≥ 2	2,03	Đạt
10	Tỷ lệ dân số đô thị được cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung và được sử dụng nguồn nước hợp vệ sinh	%	≥ 90	100,00	Đạt
11	Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt bằng biện pháp phù hợp, hiệu quả	%	Đáp ứng tiêu chuẩn tương ứng của xã nông thôn mới nâng cao trở lên: tiêu chuẩn khu vực đồng bằng sông Hồng là ≥ 50	97,59	Đạt
12	Mật độ đường cống thoát nước chính	km/km^2	≥ 3	3,41	Đạt
13	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom	%	≥ 80	92,55	Đạt

Đánh giá: Đạt (đạt 12/13 tiêu chuẩn theo quy định).

Căn cứ Điều 8 Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 đã được sửa đổi bổ sung một số điều tại Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15 thì xã Ngũ Lão đã đạt 4/4 tiêu chuẩn để thành lập phường thuộc thành phố.

3.8. Thành lập phường Lập Lễ (từ xã Lập Lễ)

a) Tiêu chuẩn về quy mô dân số

- Quy mô dân số của xã là 14.623 người.

- Quy định quy mô dân số của phường thuộc thành phố từ 7.000 người trở lên.

Đánh giá: Đạt.

b) Tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên

- Diện tích tự nhiên là 11,92 km^2.

- Quy định về diện tích tự nhiên đối với phường thuộc thành phố từ 5,50 km^2 trở lên.

Đánh giá: Đạt.

c) Cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế xã hội theo quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15

TT	Tiêu chuẩn	Đơn vị	Mức quy định	Hiện trạng	Đánh giá
1	Cân đối thu chi ngân sách	Tỷ đồng	Đủ	Dư	Đạt
2	Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn đa chiều trung bình 03 năm gần nhất	%	Đạt bình quân của Thủy Nguyên (0,57)	0,56	Đạt
3	Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp	%	80	80,68	Đạt

Đánh giá: Đạt.

d) Hệ thống cơ sở hạ tầng đô thị theo tiêu chuẩn về trình độ phát triển cơ sở hạ tầng đô thị quy định tại bảng 2A Phụ lục 2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 26/2022/UBTVQH15

TT	Tiêu chuẩn	Đơn vị	Mức quy định	Hiện trạng	Đánh giá
1	Trạm y tế	Công trình	01 công trình theo quy định của Bộ Y tế	1	Đạt
2	Cơ sở hạ tầng thương mại (chợ, cửa hàng dịch vụ trung tâm, siêu thị và trung tâm mua bán, trao đổi hàng hóa)	Công trình	02 công trình theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng	3	Đạt
3	Cơ sở giáo dục	%	100% công trình giáo dục (trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở) đạt quy mô tối thiểu của các công trình giáo dục hoặc đạt 100% tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1 của Bộ Giáo dục và Đào tạo	100	Đạt
4	Đất công trình giáo dục (trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở) bình quân đầu người	m^2/người	≥ 1,8	2,21	Đạt
5	Đất công trình văn hóa, thể dục, thể thao (sân chơi, sân luyện tập và các công trình trung tâm văn hóa thể	m^2/người	≥ 1,0	1,75	Đạt

	thao) bình quân đầu người				
6	Cấp điện sinh hoạt bình quân đầu người	kwh/người/ năm	≥ 400	1.982,36	Đạt
7	Đất giao thông (tính đến đường giao thông cấp khu vực, cấp nội bộ và công trình giao thông) bình quân đầu người	m^2/người	≥ 7	11,78	Đạt
8	Tỷ lệ đường được chiếu sáng (tính đến đường cấp khu vực, cấp nội bộ)	%	≥ 95	98,07	Đạt
9	Đất cây xanh sử dụng công cộng (đất công viên, vườn hoa, sân chơi cấp đơn vị ở) bình quân đầu người	m^2/người	≥ 2	2,01	Đạt
10	Tỷ lệ dân số đô thị được cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung và được sử dụng nguồn nước hợp vệ sinh	%	≥ 90	100,00	Đạt
11	Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt bằng biện pháp phù hợp, hiệu quả	%	Đáp ứng tiêu chuẩn tương ứng của xã nông thôn mới nâng cao trở lên: tiêu chuẩn khu vực đồng bằng sông Hồng là ≥ 50	98,32	Đạt
12	Mật độ đường cống thoát nước chính	km/km^2	≥ 3	1,86	Chưa đạt
13	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom	%	≥ 80	90,02	Đạt

Đánh giá: Đạt (đạt 12/13 tiêu chuẩn theo quy định).

Căn cứ Điều 8 Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 đã được sửa đổi bổ sung một số điều tại Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15 thì xã Lập Lễ đã đạt 4/4 tiêu chuẩn để thành lập phường thuộc thành phố.

3.9. Thành lập phường Tam Hưng (từ xã Tam Hưng)

a) Tiêu chuẩn về quy mô dân số

Quy mô dân số của xã là 8.200 người.

Quy định quy mô dân số của phường thuộc thành phố từ 7.000 người trở lên.

Đánh giá: Đạt.

b) Tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên

Diện tích tự nhiên là 7,22 km^2.

Quy định về diện tích tự nhiên đối với phường thuộc thành phố từ 5,50 km^2 trở lên.

Đánh giá: Đạt.

c) Cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế xã hội theo quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15

TT	Tiêu chuẩn	Đơn vị	Mức quy định	Hiện trạng	Đánh giá
1	Cân đối thu chi ngân sách	Tỷ đồng	Đủ	Dư	Đạt
2	Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn đa chiều trung bình 03 năm gần nhất	%	Đạt bình quân của Thủy Nguyên (0,57)	0,54	Đạt
3	Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp	%	80	83,97	Đạt

Đánh giá: Đạt.

d) Hệ thống cơ sở hạ tầng đô thị theo tiêu chuẩn về trình độ phát triển cơ sở hạ tầng đô thị quy định tại bảng 2A Phụ lục 2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 26/2022/UBTVQH15

TT	Tiêu chuẩn	Đơn vị	Mức quy định	Hiện trạng	Đánh giá
1	Trạm y tế	Công trình	01 công trình theo quy định của Bộ Y tế	1	Đạt
2	Cơ sở hạ tầng thương mại (chợ, cửa hàng dịch vụ trung tâm, siêu thị và trung tâm mua bán, trao đổi hàng hóa)	Công trình	02 công trình theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng	1	Chưa đạt
3	Cơ sở giáo dục	%	100% công trình giáo dục (trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở) đạt quy mô tối thiểu của các công trình giáo dục hoặc đạt 100% tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1 của Bộ Giáo dục và Đào tạo	100,00	Đạt

4	Đất công trình giáo dục (trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở) bình quân đầu người	m^2/người	≥ 1,8	3,33	Đạt
5	Đất công trình văn hóa, thể dục, thể thao (sân chơi, sân luyện tập và các công trình trung tâm văn hóa thể thao) bình quân đầu người	m^2/người	≥ 1,0	1,01	Đạt
6	Cấp điện sinh hoạt bình quân đầu người	kwh/người/ năm	≥ 400	884,60	Đạt
7	Đất giao thông (tính đến đường giao thông cấp khu vực, cấp nội bộ và công trình giao thông) bình quân đầu người	m^2/người	≥ 7	11,89	Đạt
8	Tỷ lệ đường được chiếu sáng (tính đến đường cấp khu vực, cấp nội bộ)	%	≥ 95	97,27	Đạt
9	Đất cây xanh sử dụng công cộng (đất công viên, vườn hoa, sân chơi cấp đơn vị ở) bình quân đầu người	m^2/người	≥ 2	2,56	Đạt
10	Tỷ lệ dân số đô thị được cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung và được sử dụng nguồn nước hợp vệ sinh	%	≥ 90	100,00	Đạt
11	Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt bằng biện pháp phù hợp, hiệu quả	%	Đáp ứng tiêu chuẩn tương ứng của xã nông thôn mới nâng cao trở lên: tiêu chuẩn khu vực đồng bằng sông Hồng là ≥ 50	96,31	Đạt
12	Mật độ đường cống thoát nước chính	km/km^2	≥ 3	4,83	Đạt
13	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom	%	≥ 80	91,12	Đạt

Đánh giá: Đạt (đạt 12/13 tiêu chuẩn theo quy định).

Căn cứ Điều 8 Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 đã được sửa đổi bổ sung một số điều tại Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15 thì xã Tam Hưng đã đạt 4/4 tiêu chuẩn để thành lập phường thuộc thành phố.

3.10. Thành lập phường Dương Quan (nhập xã Tân Dương và xã Dương Quan)

a) Tiêu chuẩn về quy mô dân số

- Quy mô dân số là 22.487 người.

- Quy định quy mô dân số của phường thuộc thành phố từ 7.000 người trở lên.

Đánh giá: Đạt.

b) Tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên

- Diện tích tự nhiên là 12,22 km^2.

- Quy định về diện tích tự nhiên đối với phường thuộc thành phố từ 5,50 km^2 trở lên.

Đánh giá: Đạt.

c) Cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế xã hội theo quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15

TT	Tiêu chuẩn	Đơn vị	Mức quy định	Hiện trạng	Đánh giá
1	Cân đối thu chi ngân sách	Tỷ đồng	Đủ	Dư	Đạt
2	Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn đa chiều trung bình 03 năm gần nhất	%	Đạt bình quân của Thủy Nguyên (0,57)	0,52	Đạt
3	Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp	%	80	98,24	Đạt

Đánh giá: Đạt.

d) Hệ thống cơ sở hạ tầng đô thị theo tiêu chuẩn về trình độ phát triển cơ sở hạ tầng đô thị quy định tại bảng 2A Phụ lục 2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 26/2022/UBTVQH15

TT	Tiêu chuẩn	Đơn vị	Mức quy định	Hiện trạng	Đánh giá
1	Trạm y tế	Công trình	01 công trình theo quy định của Bộ Y tế	2	Đạt
2	Cơ sở hạ tầng thương mại (chợ, cửa hàng dịch vụ trung tâm, siêu thị và trung tâm mua bán, trao đổi hàng hóa)	Công trình	02 công trình theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng	7	Đạt
3	Cơ sở giáo dục	%	100% công trình giáo dục (trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở) đạt quy mô tối thiểu của các công trình giáo dục hoặc đạt 100% tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1 của Bộ Giáo dục và Đào tạo	100,00	Đạt
4	Đất công trình giáo dục (trường mầm non, tiểu	m^2/người	≥ 1,8	2,32	Đạt

	học, trung học cơ sở) bình quân đầu người				
5	Đất công trình văn hóa, thể dục, thể thao (sân chơi, sân luyện tập và các công trình trung tâm văn hóa thể thao) bình quân đầu người	m^2/người	≥ 1,0	1,00	Đạt
6	Cấp điện sinh hoạt bình quân đầu người	kwh/người/ năm	≥ 400	1.236,09	Đạt
7	Đất giao thông (tính đến đường giao thông cấp khu vực, cấp nội bộ và công trình giao thông) bình quân đầu người	m^2/người	≥ 7	55,14	Đạt
8	Tỷ lệ đường được chiếu sáng (tính đến đường cấp khu vực, cấp nội bộ)	%	≥ 95	98,79	Đạt
9	Đất cây xanh sử dụng công cộng (đất công viên, vườn hoa, sân chơi cấp đơn vị ở) bình quân đầu người	m^2/người	≥ 2	22,77	Đạt
10	Tỷ lệ dân số đô thị được cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung và được sử dụng nguồn nước hợp vệ sinh	%	≥ 90	100,00	Đạt
11	Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt bằng biện pháp phù hợp, hiệu quả	%	Đáp ứng tiêu chuẩn tương ứng của xã nông thôn mới nâng cao trở lên: tiêu chuẩn khu vực đồng bằng sông Hồng là ≥ 50	97,44	Đạt
12	Mật độ đường cống thoát nước chính	km/km^2	≥ 3	6,17	Đạt
13	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom	%	≥ 80	94,75	Đạt

Đánh giá: Đạt (đạt 13/13 tiêu chuẩn theo quy định).

Căn cứ Điều 8 Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 đã được sửa đổi bổ sung một số điều tại Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15 thì xã Tân Dương và xã Dương Quan sau khi sáp nhập đã đạt 4/4 tiêu chuẩn để thành lập phường thuộc thành phố.

3.11. Thành lập phường Hoàng Lâm (nhập xã Lâm Động và xã Hoàng Động)

a) Tiêu chuẩn về quy mô dân số

- Quy mô dân số là 16.165 người.

- Quy định quy mô dân số của phường thuộc thành phố từ 7.000 người trở lên.

Đánh giá: Đạt.

b) Tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên

- Diện tích tự nhiên là 9,88 km^2.

- Quy định về diện tích tự nhiên đối với phường thuộc thành phố từ 5,50 km^2 trở lên.

Đánh giá: Đạt.

c) Cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế xã hội theo quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15

TT	Tiêu chuẩn	Đơn vị	Mức quy định	Hiện trạng	Đánh giá
1	Cân đối thu chi ngân sách	Tỷ đồng	Đủ	Dư	Đạt
2	Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn đa chiều trung bình 03 năm gần nhất	%	Đạt bình quân của Thủy Nguyên (0,57)	0,55	Đạt
3	Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp	%	80	84,36	Đạt

Đánh giá: Đạt.

d) Hệ thống cơ sở hạ tầng đô thị theo tiêu chuẩn về trình độ phát triển cơ sở hạ tầng đô thị quy định tại bảng 2A Phụ lục 2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 26/2022/UBTVQH15

TT	Tiêu chuẩn	Đơn vị	Mức quy định	Hiện trạng	Đánh giá
1	Trạm y tế	Công trình	01 công trình theo quy định của Bộ Y tế	2	Đạt
2	Cơ sở hạ tầng thương mại (chợ, cửa hàng dịch vụ trung tâm, siêu thị và trung tâm mua bán, trao đổi hàng hóa)	Công trình	02 công trình theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng	2	Đạt
3	Cơ sở giáo dục	%	100% công trình giáo dục (trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở) đạt	100	Đạt

			quy mô tối thiểu của các công trình giáo dục hoặc đạt 100% tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1 của Bộ Giáo dục và Đào tạo		
4	Đất công trình giáo dục (trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở) bình quân đầu người	m^2/người	≥ 1,8	2,95	Đạt
5	Đất công trình văn hóa, thể dục, thể thao (sân chơi, sân luyện tập và các công trình trung tâm văn hóa thể thao) bình quân đầu người	m^2/người	≥ 1,0	1,53	Đạt
6	Cấp điện sinh hoạt bình quân đầu người	kwh/người/năm	≥ 400	1.139,66	Đạt
7	Đất giao thông (tính đến đường giao thông cấp khu vực, cấp nội bộ và công trình giao thông) bình quân đầu người	m^2/người	≥ 7	11,71	Đạt
8	Tỷ lệ đường được chiếu sáng (tính đến đường cấp khu vực, cấp nội bộ)	%	≥ 95	96,63	Đạt
9	Đất cây xanh sử dụng công cộng (đất công viên, vườn hoa, sân chơi cấp đơn vị ở) bình quân đầu người	m^2/người	≥ 2	0,32	Chưa đạt
10	Tỷ lệ dân số đô thị được cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung và được sử dụng nguồn nước hợp vệ sinh	%	≥ 90	100,00	Đạt
11	Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt bằng biện pháp phù hợp, hiệu quả	%	Đáp ứng tiêu chuẩn tương ứng của xã nông thôn mới nâng cao trở lên: tiêu chuẩn khu vực đồng bằng sông Hồng là ≥ 50	96,23	Đạt
12	Mật độ đường cống thoát nước chính	km/km^2	≥ 3	3,31	Đạt

13	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom	%	≥ 80	90,62	Đạt

Đánh giá: Đạt (đạt 12/13 tiêu chuẩn theo quy định).

Căn cứ Điều 8 Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 đã được sửa đổi bổ sung một số điều tại Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15 thì xã Lâm Động và xã Hoàng Động sau khi sáp nhập đã đạt 4/4 tiêu chuẩn để thành lập phường thuộc thành phố.

3.12. Thành lập phường Lê Hồng Phong (nhập xã Kiền Bái và xã Mỹ Đồng)

a) Tiêu chuẩn về quy mô dân số

- Quy mô dân số là 21.258 người.

- Quy định quy mô dân số của phường thuộc thành phố từ 7.000 người trở lên.

Đánh giá: Đạt.

b) Tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên

- Diện tích tự nhiên là 7,99 km^2.

- Quy định về diện tích tự nhiên đối với phường thuộc thành phố từ 5,50 km^2 trở lên.

Đánh giá: Đạt.

c) Cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế xã hội theo quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15

TT	Tiêu chuẩn	Đơn vị	Mức quy định	Hiện trạng	Đánh giá
1	Cân đối thu chi ngân sách	Tỷ đồng	Đủ	Dư	Đạt
2	Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn đa chiều trung bình 03 năm gần nhất	%	Đạt bình quân của Thủy Nguyên (0,57)	0,53	Đạt
3	Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp	%	80	93,85	Đạt

Đánh giá: Đạt.

d) Hệ thống cơ sở hạ tầng đô thị theo tiêu chuẩn về trình độ phát triển cơ sở hạ tầng đô thị quy định tại bảng 2A Phụ lục 2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 26/2022/UBTVQH15

TT	Tiêu chuẩn	Đơn vị	Mức quy định	Hiện trạng	Đánh giá
1	Trạm y tế	Công trình	01 công trình theo quy định của Bộ Y tế	2	Đạt

2	Cơ sở hạ tầng thương mại (chợ, cửa hàng dịch vụ trung tâm, siêu thị và trung tâm mua bán, trao đổi hàng hóa)	Công trình	02 công trình theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng	2	Đạt
3	Cơ sở giáo dục	%	100% công trình giáo dục (trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở) đạt quy mô tối thiểu của các công trình giáo dục hoặc đạt 100% tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1 của Bộ Giáo dục và Đào tạo	100,00	Đạt
4	Đất công trình giáo dục (trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở) bình quân đầu người	m^2/người	≥ 1,8	2,69	Đạt
5	Đất công trình văn hóa, thể dục, thể thao (sân chơi, sân luyện tập và các công trình trung tâm văn hóa thể thao) bình quân đầu người	m^2/người	≥ 1,0	1,65	Đạt
6	Cấp điện sinh hoạt bình quân đầu người	kwh/người/ năm	≥ 400	1.346,16	Đạt
7	Đất giao thông (tính đến đường giao thông cấp khu vực, cấp nội bộ và công trình giao thông) bình quân đầu người	m^2/người	≥ 7	7,76	Đạt
8	Tỷ lệ đường được chiếu sáng (tính đến đường cấp khu vực, cấp nội bộ)	%	≥ 95	96,53	Đạt
9	Đất cây xanh sử dụng công cộng (đất công viên, vườn hoa, sân chơi cấp đơn vị ở) bình quân đầu người	m^2/người	≥ 2	0,21	Chưa đạt
10	Tỷ lệ dân số đô thị được cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung và được sử dụng nguồn nước hợp vệ sinh	%	≥ 90	100,00	Đạt

11	Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt bằng biện pháp phù hợp, hiệu quả	%	Đáp ứng tiêu chuẩn tương ứng của xã nông thôn mới nâng cao trở lên: tiêu chuẩn khu vực đồng bằng sông Hồng là ≥ 50	96,14	Đạt
12	Mật độ đường cống thoát nước chính	km/km^2	≥ 3	6,82	Đạt
13	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom	%	≥ 80	92,71	Đạt

Đánh giá: Đạt (đạt 12/13 tiêu chuẩn theo quy định).

Căn cứ Điều 8 Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 đã được sửa đổi bổ sung một số điều tại Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15 thì xã Kiền Bái và xã Mỹ Đồng sau khi sáp nhập đã đạt 4/4 tiêu chuẩn để thành lập phường thuộc thành phố.

3.13. Thành lập phường Trần Hưng Đạo (nhập xã Đông Sơn và xã Kênh Giang)

a) Tiêu chuẩn về quy mô dân số

- Quy mô dân số là 19.311 người.

- Quy định quy mô dân số của phường thuộc thành phố từ 7.000 người trở lên.

Đánh giá: Đạt.

b) Tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên

- Diện tích tự nhiên là 11,99 km^2.

- Quy định về diện tích tự nhiên đối với phường thuộc thành phố từ 5,50 km^2 trở lên.

Đánh giá: Đạt.

c) Cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế xã hội theo quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15

TT	Tiêu chuẩn	Đơn vị	Mức quy định	Hiện trạng	Đánh giá
1	Cân đối thu chi ngân sách	Tỷ đồng	Đủ	Dư	Đạt
2	Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn đa chiều trung bình 03 năm gần nhất	%	Đạt bình quân của Thủy Nguyên (0,57)	0,56	Đạt
3	Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp	%	80	80,75	Đạt

Đánh giá: Đạt.

d) Hệ thống cơ sở hạ tầng đô thị theo tiêu chuẩn về trình độ phát triển cơ sở hạ tầng đô thị quy định tại bảng 2A Phụ lục 2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 26/2022/UBTVQH15

TT	Tiêu chuẩn	Đơn vị	Mức quy định	Hiện trạng	Đánh giá
1	Trạm y tế	Công trình	01 công trình theo quy định của Bộ Y tế	2	Đạt
2	Cơ sở hạ tầng thương mại (chợ, cửa hàng dịch vụ trung tâm, siêu thị và trung tâm mua bán, trao đổi hàng hóa)	Công trình	02 công trình theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng	3	Đạt
3	Cơ sở giáo dục	%	100% công trình giáo dục (trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở) đạt quy mô tối thiểu của các công trình giáo dục hoặc đạt 100% tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1 của Bộ Giáo dục và Đào tạo	100	Đạt
4	Đất công trình giáo dục (trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở) bình quân đầu người	m^2/người	≥ 1,8	2,73	Đạt
5	Đất công trình văn hóa, thể dục, thể thao (sân chơi, sân luyện tập và các công trình trung tâm văn hóa thể thao) bình quân đầu người	m^2/người	≥ 1,0	3,31	Đạt
6	Cấp điện sinh hoạt bình quân đầu người	kwh/người/năm	≥ 400	1.023,90	Đạt
7	Đất giao thông (tính đến đường giao thông cấp khu vực, cấp nội bộ và công trình giao thông) bình quân đầu người	m^2/người	≥ 7	9,63	Đạt
8	Tỷ lệ đường được chiếu sáng (tính đến đường cấp khu vực, cấp nội bộ)	%	≥ 95	97,51	Đạt
9	Đất cây xanh sử dụng công cộng (đất công viên, vườn hoa, sân chơi cấp đơn vị ở) bình quân đầu người	m^2/người	≥ 2	0,74	Chưa đạt

10	Tỷ lệ dân số đô thị được cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung và được sử dụng nguồn nước hợp vệ sinh	%	≥ 90	100,00	Đạt
11	Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt bằng biện pháp phù hợp, hiệu quả	%	Đáp ứng tiêu chuẩn tương ứng của xã nông thôn mới nâng cao trở lên: tiêu chuẩn khu vực đồng bằng sông Hồng là ≥ 50	95,64	Đạt
12	Mật độ đường cống thoát nước chính	km/km^2	≥ 3	7,18	Đạt
13	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom	%	≥ 80	91,69	Đạt

Đánh giá: Đạt (đạt 12/13 tiêu chuẩn theo quy định).

Căn cứ Điều 8 Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 đã được sửa đổi bổ sung một số điều tại Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15 thì xã Đông Sơn và xã Kênh Giang sau khi sáp nhập đã đạt 4/4 tiêu chuẩn để thành lập phường thuộc thành phố.

3.14. Thành lập phường Lưu Kiếm (nhập xã Lưu Kỳ và xã Lưu Kiếm)

a) Tiêu chuẩn về quy mô dân số

- Quy mô dân số là 16.454 người.

- Quy định quy mô dân số của phường thuộc thành phố từ 7.000 người trở lên.

Đánh giá: Đạt.

b) Tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên

- Diện tích tự nhiên là 14,96 km^2.

- Quy định về diện tích tự nhiên đối với phường thuộc thành phố từ 5,50 km^2 trở lên.

Đánh giá: Đạt.

c) Cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế xã hội theo quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15

TT	Tiêu chuẩn	Đơn vị	Mức quy định	Hiện trạng	Đánh giá
1	Cân đối thu chi ngân sách	Tỷ đồng	Đủ	Dư	Đạt
2	Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn đa chiều trung bình 03 năm gần nhất	%	Đạt bình quân của Thủy Nguyên (0,57)	0,44	Đạt
3	Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp	%	80	81,91	Đạt

Đánh giá: Đạt.

d) Hệ thống cơ sở hạ tầng đô thị theo tiêu chuẩn về trình độ phát triển cơ sở hạ tầng đô thị quy định tại bảng 2A Phụ lục 2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 26/2022/UBTVQH15

TT	Tiêu chuẩn	Đơn vị	Mức quy định	Hiện trạng	Đánh giá
1	Trạm y tế	Công trình	01 công trình theo quy định của Bộ Y tế	2	Đạt
2	Cơ sở hạ tầng thương mại (chợ, cửa hàng dịch vụ trung tâm, siêu thị và trung tâm mua bán, trao đổi hàng hóa)	Công trình	02 công trình theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng	3	Đạt
3	Cơ sở giáo dục	%	100% công trình giáo dục (trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở) đạt quy mô tối thiểu của các công trình giáo dục hoặc đạt 100% tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1 của Bộ Giáo dục và Đào tạo	100,00	Đạt
4	Đất công trình giáo dục (trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở) bình quân đầu người	m^2/người	≥ 1,8	3,05	Đạt
5	Đất công trình văn hóa, thể dục, thể thao (sân chơi, sân luyện tập và các công trình trung tâm văn hóa thể thao) bình quân đầu người	m^2/người	≥ 1,0	2,05	Đạt
6	Cấp điện sinh hoạt bình quân đầu người	kwh/người/ năm	≥ 400	1.126,14	Đạt
7	Đất giao thông (tính đến đường giao thông cấp khu vực, cấp nội bộ và công trình giao thông) bình quân đầu người	m^2/người	≥ 7	11,57	Đạt
8	Tỷ lệ đường được chiếu sáng (tính đến đường cấp khu vực, cấp nội bộ)	%	≥ 95	96,04	Đạt
9	Đất cây xanh sử dụng công cộng (đất công viên, vườn hoa, sân chơi cấp đơn vị ở) bình quân đầu người	m^2/người	≥ 2	61,96	Đạt

10	Tỷ lệ dân số đô thị được cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung và được sử dụng nguồn nước hợp vệ sinh	%	≥ 90	99,47	Đạt
11	Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt bằng biện pháp phù hợp, hiệu quả	%	Đáp ứng tiêu chuẩn tương ứng của xã nông thôn mới nâng cao trở lên: tiêu chuẩn khu vực đồng bằng sông Hồng là ≥ 50	95,15	Đạt
12	Mật độ đường cống thoát nước chính	km/km^2	≥ 3	5,77	Đạt
13	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom	%	≥ 80	93,05	Đạt

Đánh giá: Đạt (đạt 13/13 tiêu chuẩn theo quy định).

Căn cứ Điều 8 Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 đã được sửa đổi bổ sung một số điều tại Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15 thì xã Lưu Kỳ và xã Lưu Kiếm sau khi sáp nhập đã đạt 4/4 tiêu chuẩn để thành lập phường thuộc thành phố.

3.15. Thành lập phường Thủy Đường (nhập thị trấn Núi Đèo, xã Thủy Sơn và xã Thủy Đường)

a) Tiêu chuẩn về quy mô dân số

- Quy mô dân số là 37.631 người.

- Quy định quy mô dân số của phường thuộc thành phố từ 7.000 người trở lên.

Đánh giá: Đạt.

b) Tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên

- Diện tích tự nhiên là 9,87 km^2.

- Quy định về diện tích tự nhiên đối với phường thuộc thành phố từ 5,50 km^2 trở lên.

Đánh giá: Đạt.

c) Cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế xã hội theo quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15

TT	Tiêu chuẩn	Đơn vị	Mức quy định	Hiện trạng	Đánh giá
1	Cân đối thu chi ngân sách	Tỷ đồng	Đủ	Dư	Đạt
2	Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn đa chiều trung bình 03 năm gần nhất	%	Đạt bình quân của Thủy Nguyên (0,57)	0,32	Đạt

3	Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp	%	80	91,40	Đạt

Đánh giá: Đạt.

d) Hệ thống cơ sở hạ tầng đô thị theo tiêu chuẩn về trình độ phát triển cơ sở hạ tầng đô thị quy định tại bảng 2A Phụ lục 2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 26/2022/UBTVQH15

TT	Tiêu chuẩn	Đơn vị	Mức quy định	Hiện trạng	Đánh giá
1	Trạm y tế	Công trình	01 công trình theo quy định của Bộ Y tế	3	Đạt
2	Cơ sở hạ tầng thương mại (chợ, cửa hàng dịch vụ trung tâm, siêu thị và trung tâm mua bán, trao đổi hàng hóa)	Công trình	02 công trình theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng	5	Đạt
3	Cơ sở giáo dục	%	100% công trình giáo dục (trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở) đạt quy mô tối thiểu của các công trình giáo dục hoặc đạt 100% tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1 của Bộ Giáo dục và Đào tạo	100,00	Đạt
4	Đất công trình giáo dục (trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở) bình quân đầu người	m^2/người	≥ 1,8	2,25	Đạt
5	Đất công trình văn hóa, thể dục, thể thao (sân chơi, sân luyện tập và các công trình trung tâm văn hóa thể thao) bình quân đầu người	m^2/người	≥ 1,0	1,06	Đạt
6	Cấp điện sinh hoạt bình quân đầu người	kwh/người/ năm	≥ 400	1.273,99	Đạt
7	Đất giao thông (tính đến đường giao thông cấp khu vực, cấp nội bộ và công trình giao thông) bình quân đầu người	m^2/người	≥ 7	8,67	Đạt

8	Tỷ lệ đường được chiếu sáng (tính đến đường cấp khu vực, cấp nội bộ)	%	≥ 95	96,32	Đạt
9	Đất cây xanh sử dụng công cộng (đất công viên, vườn hoa, sân chơi cấp đơn vị ở) bình quân đầu người	m^2/người	≥ 2	0,65	Chưa đạt
10	Tỷ lệ dân số đô thị được cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung và được sử dụng nguồn nước hợp vệ sinh	%	≥ 90	100,00	Đạt
11	Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt bằng biện pháp phù hợp, hiệu quả	%	Đáp ứng tiêu chuẩn tương ứng của xã nông thôn mới nâng cao trở lên: tiêu chuẩn khu vực đồng bằng sông Hồng là ≥ 50	98,33	Đạt
12	Mật độ đường cống thoát nước chính	km/km^2	≥ 3	5,75	Đạt
13	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom	%	≥ 80	95,14	Đạt

Đánh giá: Đạt (đạt 12/13 tiêu chuẩn theo quy định).

Căn cứ Điều 8 Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 đã được sửa đổi bổ sung một số điều tại Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15 thì thị trấn Núi Đèo, xã Thủy Sơn và xã Thủy Đường sau khi sáp nhập đã đạt 4/4 tiêu chuẩn để thành lập phường thuộc thành phố.

3.16. Thành lập phường Thủy Hà (nhập xã Trung Hà và xã Thủy Triều (bao gồm phần điều chỉnh địa giới tại khu vực đảo Vũ Yên thuộc phường Đông Hải 1, quận Hải An)

a) Tiêu chuẩn về quy mô dân số

- Quy mô dân số là 21.969 người.

- Quy định quy mô dân số của phường thuộc thành phố từ 7.000 người trở lên.

Đánh giá: Đạt.

b) Tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên

- Diện tích tự nhiên là 23,10 km^2.

- Quy định về diện tích tự nhiên đối với phường thuộc thành phố từ 5,50 km^2 trở lên.

Đánh giá: Đạt.

c) Cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế xã hội theo quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15

TT	Tiêu chuẩn	Đơn vị	Mức quy định	Hiện trạng	Đánh giá
1	Cân đối thu chi ngân sách	Tỷ đồng	Đủ	Dư	Đạt
2	Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn đa chiều trung bình 03 năm gần nhất	%	Đạt bình quân của Thủy Nguyên (0,57)	0,49	Đạt
3	Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp	%	80	83,20	Đạt

Đánh giá: Đạt.

d) Hệ thống cơ sở hạ tầng đô thị theo tiêu chuẩn về trình độ phát triển cơ sở hạ tầng đô thị quy định tại bảng 2A Phụ lục 2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 26/2022/UBTVQH15

TT	Tiêu chuẩn	Đơn vị	Mức quy định	Hiện trạng	Đánh giá
1	Trạm y tế	Công trình	01 công trình theo quy định của Bộ Y tế	2	Đạt
2	Cơ sở hạ tầng thương mại (chợ, cửa hàng dịch vụ trung tâm, siêu thị và trung tâm mua bán, trao đổi hàng hóa)	Công trình	02 công trình theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng	2	Đạt
3	Cơ sở giáo dục	%	100% công trình giáo dục (trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở) đạt quy mô tối thiểu của các công trình giáo dục hoặc đạt 100% tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1 của Bộ Giáo dục và Đào tạo	100,00	Đạt
4	Đất công trình giáo dục (trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở) bình quân đầu người	m^2/người	≥ 1,8	2,86	Đạt
5	Đất công trình văn hóa, thể dục, thể thao (sân chơi, sân luyện tập và các công trình trung tâm văn hóa thể thao) bình quân đầu người	m^2/người	≥ 1,0	1,05	Đạt
6	Cấp điện sinh hoạt bình quân đầu người	kwh/người/năm	≥ 400	951,66	Đạt

7	Đất giao thông (tính đến đường giao thông cấp khu vực, cấp nội bộ và công trình giao thông) bình quân đầu người	m^2/người	≥ 7	73,98	Đạt
8	Tỷ lệ đường được chiếu sáng (tính đến đường cấp khu vực, cấp nội bộ)	%	≥ 95	98,69	Đạt
9	Đất cây xanh sử dụng công cộng (đất công viên, vườn hoa, sân chơi cấp đơn vị ở) bình quân đầu người	m^2/người	≥ 2	74,34	Đạt
10	Tỷ lệ dân số đô thị được cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung và được sử dụng nguồn nước hợp vệ sinh	%	≥ 90	98,90	Đạt
11	Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt bằng biện pháp phù hợp, hiệu quả	%	Đáp ứng tiêu chuẩn tương ứng của xã nông thôn mới nâng cao trở lên: tiêu chuẩn khu vực đồng bằng sông Hồng là ≥ 50	95,12	Đạt
12	Mật độ đường cống thoát nước chính	km/km^2	≥ 3	12,06	Đạt
13	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom	%	≥ 80	92,59	Đạt

Đánh giá: Đạt (đạt 13/13 tiêu chuẩn theo quy định).

Căn cứ Điều 8 Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 đã được sửa đổi bổ sung một số điều tại Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15 thì xã Trung Hà và xã Thủy Triều và khu vực điều chỉnh tại đảo Vũ Yên sau khi sáp nhập đã đạt 4/4 tiêu chuẩn để thành lập phường thuộc thành phố.

3.17. Thành lập phường Nam Triệu Giang (nhập xã Phục Lễ và xã Phả Lễ)

a) Tiêu chuẩn về quy mô dân số

- Quy mô dân số là 16.714 người.

- Quy định quy mô dân số của phường thuộc thành phố từ 7.000 người trở lên.

Đánh giá: Đạt.

b) Tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên

- Diện tích tự nhiên là 10,37 km^2.

- Quy định về diện tích tự nhiên đối với phường thuộc thành phố từ 5,50 km^2 trở lên.

Đánh giá: Đạt.

c) Cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế xã hội theo quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15

TT	Tiêu chuẩn	Đơn vị	Mức quy định	Hiện trạng	Đánh giá
1	Cân đối thu chi ngân sách	Tỷ đồng	Đủ	Dư	Đạt
2	Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn đa chiều trung bình 03 năm gần nhất	%	Đạt bình quân của Thủy Nguyên (0,57)	0,45	Đạt
3	Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp	%	80	85,94	Đạt

Đánh giá: Đạt.

d) Hệ thống cơ sở hạ tầng đô thị theo tiêu chuẩn về trình độ phát triển cơ sở hạ tầng đô thị quy định tại bảng 2A Phụ lục 2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 26/2022/UBTVQH15

TT	Tiêu chuẩn	Đơn vị	Mức quy định	Hiện trạng	Đánh giá
1	Trạm y tế	Công trình	01 công trình theo quy định của Bộ Y tế	2	Đạt
2	Cơ sở hạ tầng thương mại (chợ, cửa hàng dịch vụ trung tâm, siêu thị và trung tâm mua bán, trao đổi hàng hóa)	Công trình	02 công trình theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng	2	Đạt
3	Cơ sở giáo dục	%	100% công trình giáo dục (trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở) đạt quy mô tối thiểu của các công trình giáo dục hoặc đạt 100% tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1 của Bộ Giáo dục và Đào tạo	100,00	Đạt
4	Đất công trình giáo dục (trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở) bình quân đầu người	m^2/người	≥ 1,8	2,47	Đạt
5	Đất công trình văn hóa, thể dục, thể thao (sân chơi, sân luyện tập và các công trình trung tâm văn hóa thể thao) bình quân đầu người	m^2/người	≥ 1,0	1,48	Đạt
6	Cấp điện sinh hoạt bình quân đầu người	kwh/người/năm	≥ 400	1.204,20	Đạt
7	Đất giao thông (tính đến đường giao thông cấp khu vực, cấp nội bộ và công trình giao thông) bình quân đầu người	m^2/người	≥ 7	10,67	Đạt

8	Tỷ lệ đường được chiếu sáng (tính đến đường cấp khu vực, cấp nội bộ)	%	≥ 95	96,95	Đạt
9	Đất cây xanh sử dụng công cộng (đất công viên, vườn hoa, sân chơi cấp đơn vị ở) bình quân đầu người	m^2/người	≥ 2	2,35	Đạt
10	Tỷ lệ dân số đô thị được cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung và được sử dụng nguồn nước hợp vệ sinh	%	≥ 90	100,00	Đạt
11	Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt bằng biện pháp phù hợp, hiệu quả	%	Đáp ứng tiêu chuẩn tương ứng của xã nông thôn mới nâng cao trở lên: tiêu chuẩn khu vực đồng bằng sông Hồng là ≥ 50	93,27	Đạt
12	Mật độ đường cống thoát nước chính	km/km^2	≥ 3	2,93	Chưa đạt
13	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom	%	≥ 80	91,94	Đạt

Đánh giá: Đạt (đạt 12/13 tiêu chuẩn theo quy định).

Căn cứ Điều 8 Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 đã được sửa đổi bổ sung một số điều tại Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15 thì xã Phục Lễ và xã Phả Lễ sau khi sáp nhập đã đạt 4/4 tiêu chuẩn để thành lập phường thuộc thành phố Thủy Nguyên.

4. Tiêu chuẩn của các ĐVHC cấp xã sau khi nhập

Đối chiếu tiêu chuẩn quy định tại Điều 3 Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính, đã được sửa đổi bổ sung một số điều tại Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15 và Điều 3a Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15; đánh giá tiêu chuẩn của các xã sau khi nhập theo quy định (diện tích tự nhiên[3] ≥ 21 km^2; quy mô dân số ≥ 8.000 người), cụ thể như sau:

4.1. Thành lập xã Bạch Đằng (nhập xã Gia Minh, xã Gia Đức và xã Minh Tân)

- Quy mô dân số: 23.584 người; đạt 294,80% theo quy định.
- Diện tích tự nhiên: 30,93 km^2; đạt 147,19% theo quy định.

4.2. Thành lập xã Liên Xuân (nhập xã Liên Khê và xã Lại Xuân)

- Quy mô dân số: 24.530 người; đạt 306,63% theo quy định.
- Diện tích tự nhiên: 26,48 km^2; đạt 126,09% theo quy định.

[3] Theo khoản 3, Điều 1 của Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15 ngày 21/9/2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính: "*Đơn vị hành chính nông thôn ở vùng Đồng bằng sông Hồng thì mức tối thiểu của tiêu chuẩn diện tích tự nhiên bằng 70% mức quy định đối với đơn vị hành chính nông thôn tương ứng; các tiêu chuẩn khác thực hiện theo quy định*".

4.3. Thành lập xã Ninh Sơn (nhập xã An Sơn, xã Kỳ Sơn và xã Phù Ninh)

- Quy mô dân số: 25.616 người; đạt 320,20% theo quy định.

- Diện tích tự nhiên: 19,44 km^2; đạt 92,57% theo quy định.

4.4. Thành lập xã Quang Trung (nhập xã Hợp Thành, xã Cao Nhân và xã Chính Mỹ)

- Quy mô dân số: 32.474 người; đạt 405,93% theo quy định.

- Diện tích tự nhiên: 18,32 km^2; đạt 88,66% theo quy định.

Đối chiếu quy định nêu trên thì xã Bạch Đằng và xã Liên Xuân đều đạt tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên và quy mô dân số sau sắp xếp đảm bảo theo quy định.

Đối với xã Ninh Sơn và xã Quang Trung: theo quy định tại khoản 1 Điều 4 của Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15: *"Sau khi sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã thì đơn vị hành chính hình thành sau sắp xếp phải đạt tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên và quy mô dân số theo quy định tại Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính, trừ trường hợp nhập từ 03 đơn vị hành chính cùng cấp trở lên"*. Như vậy, 02 xã này vẫn đảm bảo theo quy định.

Như vậy, phương án sắp xếp các xã đều bảo đảm quy định của Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15.

Phần thứ ba
PHƯƠNG ÁN ĐIỀU CHỈNH ĐỊA GIỚI ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH; THÀNH LẬP THÀNH PHỐ THỦY NGUYÊN VÀ THÀNH LẬP CÁC ĐVHC CẤP XÃ THUỘC THÀNH PHỐ THỦY NGUYÊN

I. HIỆN TRẠNG CÁC ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CÓ LIÊN QUAN

1. Thành phố Hải Phòng

Tính đến ngày 31/12/2023 thành phố Hải Phòng có 1.526,43 km^2 diện tích tự nhiên, quy mô dân số 2.432.761 người; có 15 đơn vị hành chính cấp huyện (07 quận, 08 huyện (trong đó có 02 huyện đảo: Cát Hải, Bạch Long Vĩ)); có 217 đơn vị hành chính cấp xã (141 xã, 66 phường, 10 thị trấn).

2. Huyện Thủy Nguyên và các ĐVHC cấp xã

2.1. Huyện Thủy Nguyên

Tính đến ngày 31/12/2023 huyện Thủy Nguyên có 261,83 km^2 diện tích tự nhiên, quy mô dân số là 397.570 người. Toàn huyện có 37 đơn vị hành chính cấp xã, gồm 35 xã và 02 thị trấn. Tỷ lệ đô thị hóa là 5,12% (20.366 người/397.570 người).

2.2. Các ĐVHC cấp xã trực thuộc

2.2.1. Thị trấn Minh Đức

Tính đến ngày 31/12/2023, thị trấn Minh Đức có 16,12 km^2 diện tích tự nhiên, quy mô dân số là 13.539 người.

2.2.2. Xã Hoa Động

Tính đến ngày 31/12/2023, xã Hoa Động có 6,02 km^2 diện tích tự nhiên, quy mô dân số là 13.102 người.

2.2.3. Xã Thiên Hương

Tính đến ngày 31/12/2023, xã Thiên Hương có 5,76 km^2 diện tích tự nhiên, quy mô dân số là 12.618 người.

2.2.4. Xã Quảng Thanh

Tính đến ngày 31/12/2023, xã Quảng Thanh có 5,72 km^2 diện tích tự nhiên, quy mô dân số là 11.110 người.

2.2.5. Xã Hòa Bình

Tính đến ngày 31/12/2023, xã Hòa Bình có 7,11 km^2 diện tích tự nhiên, quy mô dân số là 14.557 người.

2.2.6. Xã An Lư

Tính đến ngày 31/12/2023, xã An Lư có 7,24 km^2 diện tích tự nhiên, quy mô dân số là 17.322 người.

2.2.7. Xã Ngũ Lão

Tính đến ngày 31/12/2023, xã Ngũ Lão có 6,44 km^2 diện tích tự nhiên, quy

mô dân số là 14.306 người.

2.2.8. Xã Lập Lễ

Tính đến ngày 31/12/2023, xã Lập Lễ có 11,92 km^2 diện tích tự nhiên, quy mô dân số là 14.623 người.

2.2.9. Xã Tam Hưng

Tính đến ngày 31/12/2023, xã Tam Hưng có 7,22 km^2 diện tích tự nhiên, quy mô dân số là 8.200 người.

2.2.10. Xã Tân Dương

Tính đến ngày 31/12/2023, xã Tân Dương có 4,61 km^2 diện tích tự nhiên, quy mô dân số là 11.440 người.

2.2.11. Xã Dương Quan

Tính đến ngày 31/12/2023, xã Dương Quan có 7,61 km^2 diện tích tự nhiên, quy mô dân số là 11.047 người.

2.2.12. Xã Lâm Động

Tính đến ngày 31/12/2023, xã Lâm Động có 4,20 km^2 diện tích tự nhiên, quy mô dân số là 6.665 người.

2.2.13. Xã Hoàng Động

Tính đến ngày 31/12/2023, xã Hoàng Động có 5,68 km^2 diện tích tự nhiên, quy mô dân số là 9.500 người.

2.2.14. Xã Kiền Bái

Tính đến ngày 31/12/2023, xã Kiền Bái có 4,71 km^2 diện tích tự nhiên, quy mô dân số là 13.482 người.

2.2.15. Xã Mỹ Đồng

Tính đến ngày 31/12/2023, xã Mỹ Đồng có 3,28 km^2 diện tích tự nhiên, quy mô dân số là 7.776 người.

2.2.16. Xã Đông Sơn

Tính đến ngày 31/12/2023, xã Đông Sơn có 4,71 km^2 diện tích tự nhiên, quy mô dân số là 7.402 người.

2.2.17. Xã Kênh Giang

Tính đến ngày 31/12/2023, xã Kênh Giang có 7,28 km^2 diện tích tự nhiên, quy mô dân số là 11.909 người.

2.2.18. Xã Lưu Kỳ

Tính đến ngày 31/12/2023, xã Lưu Kỳ có 4,43 km^2 diện tích tự nhiên, quy mô dân số là 3.108 người.

2.2.19. Xã Lưu Kiếm

Tính đến ngày 31/12/2023, xã Lưu Kiếm có 10,53 km^2 diện tích tự nhiên,

quy mô dân số là 13.346 người.

2.2.20. Thị trấn Núi Đèo

Tính đến ngày 31/12/2023, thị trấn Núi Đèo có 1,03 km^2 diện tích tự nhiên, quy mô dân số là 6.827 người.

2.2.21. Xã Thủy Sơn

Tính đến ngày 31/12/2023, xã Thủy Sơn có 3,65 km^2 diện tích tự nhiên, quy mô dân số là 15.074 người.

2.2.22. Xã Thủy Đường

Tính đến ngày 31/12/2023, xã Thủy Đường có 5,19 km^2 diện tích tự nhiên, quy mô dân số là 15.730 người.

2.2.23. Xã Trung Hà

Tính đến ngày 31/12/2023, xã Trung Hà có 4,11 km^2 diện tích tự nhiên, quy mô dân số là 8.068 người.

2.2.24. Xã Thủy Triều

Tính đến ngày 31/12/2023, xã Thủy Triều có 11,72 km^2 diện tích tự nhiên, quy mô dân số là 13.901 người.

2.2.25. Xã Phả Lễ

Tính đến ngày 31/12/2023, xã Phả Lễ có 4,51 km^2 diện tích tự nhiên, quy mô dân số là 8.712 người.

2.2.26. Xã Phục Lễ

Tính đến ngày 31/12/2023, xã Phục Lễ có 5,86 km^2 diện tích tự nhiên, quy mô dân số là 8.002 người.

2.2.27. Xã Gia Minh

Tính đến ngày 31/12/2023, xã Gia Minh có 8,64 km^2 diện tích tự nhiên, quy mô dân số là 4.596 người.

2.2.28. Xã Gia Đức

Tính đến ngày 31/12/2023, xã Gia Đức có 9,97 km^2 diện tích tự nhiên, quy mô dân số là 6.481 người.

2.2.29. Xã Minh Tân

Tính đến ngày 31/12/2023, xã Minh Tân có 12,32 km^2 diện tích tự nhiên, quy mô dân số là 12.507 người.

2.2.30. Xã Liên Khê

Tính đến ngày 31/12/2023, xã Liên Khê có 14,94 km^2 diện tích tự nhiên, quy mô dân số là 12.386 người.

2.2.31. Xã Lại Xuân

Tính đến ngày 31/12/2023, xã Lại Xuân có 11,54 km^2 diện tích tự nhiên, quy

mô dân số là 12.144 người.

2.2.32. Xã An Sơn

Tính đến ngày 31/12/2023, xã An Sơn có 6,42 km^2 diện tích tự nhiên, quy mô dân số là 7.429 người.

2.2.33. Xã Kỳ Sơn

Tính đến ngày 31/12/2023, xã Kỳ Sơn có 8,31 km^2 diện tích tự nhiên, quy mô dân số là 11.148 người.

2.2.34. Xã Phù Ninh

Tính đến ngày 31/12/2023, xã Phù Ninh có 4,71 km^2 diện tích tự nhiên, quy mô dân số là 7.039 người.

2.2.35. Xã Hợp Thành

Tính đến ngày 31/12/2023, xã Hợp Thành có 5,82 km^2 diện tích tự nhiên, quy mô dân số là 9.638 người.

2.2.36. Xã Cao Nhân

Tính đến ngày 31/12/2023, xã Cao Nhân có 5,58 km^2 diện tích tự nhiên, quy mô dân số là 11.603 người.

2.2.37. Xã Chính Mỹ

Tính đến ngày 31/12/2023, xã Chính Mỹ có 6,92 km^2 diện tích tự nhiên, quy mô dân số là 11.233 người.

3. Quận Hải An và phường Đông Hải 1

3.1. Quận Hải An

Tính đến ngày 31/12/2023 quận Hải An có 104,91 km^2 diện tích tự nhiên, quy mô dân số là 144.256 người; có 08 phường trực thuộc.

3.2. Phường Đông Hải 1

Tính đến ngày 31/12/2023, phường Đông Hải 1 có 9,89 km^2 diện tích tự nhiên, quy mô dân số là 25.503 người.

II. PHƯƠNG ÁN ĐIỀU CHỈNH ĐỊA GIỚI ĐVHC VÀ THÀNH LẬP CÁC ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH

1. Phương án điều chỉnh địa giới ĐVHC quận Hải An về huyện Thủy Nguyên tại khu vực đảo Vũ Yên

Điều chỉnh 7,27 km^2 diện tích tự nhiên (không có dân cư sinh sống) tại khu vực đảo Vũ Yên thuộc phường Đông Hải 1, quận Hải An về xã Thủy Triều, huyện Thủy Nguyên quản lý.

Cơ sở, lý do của việc điều chỉnh: khu vực đảo Vũ Yên tại phường Đông Hải 1, quận Hải An nằm hoàn toàn bên kia sông Cấm, tách biệt hoàn toàn với phường Đông Hải 1 nhưng lại tiếp giáp, có đường giao thông đi lại thuận tiện (đường bộ) với xã Thuỷ Triều, huyện Thuỷ Nguyên. Ngoài ra, do vị trí của đảo nằm biệt lập

với phường Đông Hải 1 nên việc quản lý Nhà nước trong các lĩnh vực về đất đai, tài nguyên môi trường gặp khó khăn; xuất hiện tình trạng lấn chiếm, xây dựng trái phép trên địa bàn mà chính quyền địa phương chưa kịp thời phát hiện, giải quyết. Theo đó, nếu thực hiện điều chỉnh 7,27 km^2 diện tích tự nhiên của phường Đông Hải 1 thuộc quận Hải An vào huyện Thuỷ Nguyên thì sẽ giải quyết được các bất cập trong công tác quản lý Nhà nước nêu trên; thuận lợi cho người dân có nhu cầu đến sinh sống, cư trú trên địa bàn; đồng thời không làm ảnh hưởng đến sự phát triển kinh tế - xã hội của phường Đông Hải 1, quận Hải An và chất lượng đô thị của quận Hải An. Ngoài ra, điều chỉnh khu vực đảo Vũ Yên thuộc quận Hải An về huyện Thủy Nguyên quản lý sẽ tạo điều kiện thuận lợi trong công tác quản lý Nhà nước về địa giới hành chính được rõ ràng, ổn định lâu dài và thuận lợi cho công tác quy hoạch, phát triển kinh tế - xã hội tại khu vực đảo Vũ Yên thuộc địa bàn 01 đơn vị hành chính quản lý (huyện Thủy Nguyên). Việc điều chỉnh khu vực đảo Vũ Yên thuộc phường Đông Hải 1, quận Hải An về xã Thủy Triều, huyện Thủy Nguyên nhằm thực hiện cụ thể hóa định hướng, mục tiêu thành lập thành phố thuộc thành phố Hải Phòng tại huyện Thủy Nguyên (bao gồm toàn bộ đảo Vũ Yên) theo Quyết định số 323/QĐ-TTg ngày 30/3/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch chung thành phố Hải Phòng đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2050 và Quyết định số 1516/QĐ-TTg ngày 02/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt quy hoạch thành phố Hải Phòng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

2. Phương án thành lập thành phố Thủy Nguyên

Thành lập thành phố Thủy Nguyên trên cơ sở toàn bộ 261,83 km^2 diện tích tự nhiên; quy mô dân số 397.570 người của huyện Thủy Nguyên và phần tiếp nhận tại khu vực đảo Vũ Yên thuộc quận Hải An.

Địa giới hành chính: Đông giáp thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh; Tây giáp thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương và huyện An Dương; Nam giáp các quận Hồng Bàng, Ngô Quyền và Hải An; Bắc giáp thành phố Uông Bí và thị xã Đông Triều thuộc tỉnh Quảng Ninh, thị xã Kinh Môn thuộc tỉnh Hải Dương.

3. Phương án thành lập các phường thuộc thành phố

3.1. Phường Minh Đức (từ thị trấn Minh Đức)

Thành lập phường Minh Đức trên cơ sở toàn bộ 16,12 km^2 diện tích tự nhiên và quy mô dân số 13.539 người của thị trấn Minh Đức.

Địa giới hành chính: Đông giáp xã Hiệp Hòa và phường Yên Giang thuộc thị xã Quảng Yên; phường Trưng Vương thuộc thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh; Tây giáp xã Bạch Đằng; Nam giáp phường Phạm Ngũ Lão và phường Tam Hưng; Bắc giáp xã Bạch Đằng.

3.2. Phường Hoa Động (từ xã Hoa Động)

Thành lập phường Hoa Động trên cơ sở toàn bộ 6,02 km^2 diện tích tự nhiên và quy mô dân số 13.102 người của xã Hoa Động.

Địa giới hành chính: Đông giáp phường Dương Quan; Tây giáp phường Hoàng Lâm; Nam giáp các phường Thượng Lý, Hùng Vương và phường Sở Dầu thuộc quận Hồng Bàng; Bắc giáp phường Thiên Hương và phường Thủy Đường.

3.3. Phường Thiên Hương (từ xã Thiên Hương)

Thành lập phường Thiên Hương trên cơ sở toàn bộ 5,76 km^2 diện tích tự nhiên và quy mô dân số 12.618 người của xã Thiên Hương.

Địa giới hành chính: Đông giáp phường Thủy Đường và phường Hoa Động; Tây giáp phường Lê Hồng Phong; Nam giáp phường Hoàng Lâm; Bắc giáp phường Trần Hưng Đạo.

3.4. Phường Quảng Thanh (từ xã Quảng Thanh)

Thành lập phường Quảng Thanh trên cơ sở toàn bộ 5,72 km^2 diện tích tự nhiên và quy mô dân số 11.110 người của xã Quảng Thanh.

Địa giới hành chính: Đông giáp xã Quang Trung; Tây giáp xã Ninh Sơn; Nam giáp xã Quang Trung; Bắc giáp xã Ninh Sơn.

3.5. Phường Hòa Bình (từ xã Hòa Bình)

Thành lập phường Hòa Bình trên cơ sở toàn bộ 7,11 km^2 diện tích tự nhiên và quy mô dân số 14.557 người của xã Hòa Bình.

Địa giới hành chính: Đông giáp phường Thủy Hà và phường An Lư; Tây giáp phường Trần Hưng Đạo; Nam giáp phường Thủy Đường; Bắc giáp phường Lưu Kiếm và xã Bạch Đằng.

3.6. Phường An Lư (từ xã An Lư)

Thành lập phường An Lư trên cơ sở toàn bộ 7,24 km^2 diện tích tự nhiên và quy mô dân số 17.322 người của xã An Lư.

Địa giới hành chính: Đông giáp phường Thủy Hà; Tây giáp phường Hòa Bình, phường Thủy Đường, phường Dương Quan; Nam giáp phường Thủy Hà và Dương Quan; Bắc giáp phường Hòa Bình và phường Thủy Hà.

3.7. Phường Phạm Ngũ Lão (từ xã Ngũ Lão)

Thành lập phường Phạm Ngũ Lão trên cơ sở toàn bộ 6,44 km^2 diện tích tự nhiên và quy mô dân số 14.306 người của xã Ngũ Lão.

Tên phường sau khi thành lập: phường Phạm Ngũ Lão.

Cơ sở, lý do đề xuất tên gọi: tháng 11-1945, để chuẩn bị cho Tổng tuyển cử, các đơn vị hành chính được bố trí lại. Cấp tổng cũ bị bãi, lập các xã và làng chuyển thành thôn. Xã Ngũ Lão được thành lập trên cơ sở các làng thuộc tổng Kênh Triều cũ. Việc trả lại đầy đủ họ tên của danh tướng Phạm Ngũ Lão, một bộ tướng tài ba của Hưng Đạo đại vương, có công lớn trong cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Nguyên - Mông lần thứ 3 năm 1288, nhằm tránh sự suy luận không đáng có.

Địa giới hành chính: Đông giáp phường Tam Hưng và phường Nam Triệu Giang; Bắc giáp phường Minh Đức và xã Bạch Đằng; Tây giáp phường Thủy Hà; Nam giáp phường Lập Lễ.

3.8. Phường Lập Lễ (từ xã Lập Lễ)

Thành lập phường Lập Lễ trên cơ sở toàn bộ 11,92 km^2 diện tích tự nhiên và quy mô dân số 14.623 người của xã Lập Lễ.

Địa giới hành chính: Đông giáp phường Phong Cốc, Yên Hải, thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh; Tây giáp phường Thủy Hà; Nam giáp phường Thủy Hà; Bắc giáp phường Nam Triệu Giang và phường Phạm Ngũ Lão.

3.9. Phường Tam Hưng (từ xã Tam Hưng)

Thành lập phường Tam Hưng trên cơ sở toàn bộ 7,22 km^2 diện tích tự nhiên và quy mô dân số 8.200 người của xã Tam Hưng.

Địa giới hành chính: Đông giáp phường Yên Giang và phường Nam Hòa thuộc thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh; Tây giáp phường Phạm Ngũ Lão và phường Nam Triệu Giang; Nam giáp phường Nam Triệu Giang; Bắc giáp phường Minh Đức.

3.10. Phường Dương Quan (nhập xã Tân Dương và xã Dương Quan)

Nhập toàn bộ 4,61 km^2 diện tích tự nhiên, quy mô dân số 11.440 người của xã Tân Dương và toàn bộ 7,61 km^2 diện tích tự nhiên, quy mô dân số 11.047 người của xã Dương Quan thành 01 phường mới.

Tên phường sau khi thành lập: phường Dương Quan.

Cơ sở, lý do của việc sắp xếp để thành lập phường: xã Tân Dương và xã Dương Quan có vị trí địa lý liền kề, phù hợp với lịch sử (xã Dương Quan được thành lập sau Cách mạng tháng 8/1945, gồm các làng: Tả Quan, Hữu Quan, Lỗi Dương, Tân Dương; đến tháng 10/1956, hai làng Lỗi Dương, Tân Dương tách ra để thành lập xã Tân Dương); trong thời gian tới, Trung tâm Chính trị - Hành chính mới của thành phố Hải Phòng được xây dựng di chuyển tập trung sang khu vực Bắc sông Cấm thuộc địa giới hành chính 02 xã Tân Dương và Dương Quan (Trung tâm Chính trị - Hành chính mới của thành phố Hải Phòng sẽ thuộc địa bàn 01 phường).

Cơ sở, lý do đề xuất tên gọi: xã Dương Quan thành lập cuối năm 1945 đến tháng 7/1956 tách 2 làng Lỗi Dương và Tân Dương để lập xã Tân Dương. Do vậy, việc đặt tên là Dương Quan là trở lại tên trước đây và cũng là 2 địa phương vốn có cùng yếu tố lịch sử, văn hóa, phong tục, tập quán.

Trụ sở làm việc của Đảng ủy - HĐND - UBND phường mới sau khi thành lập: tại xã Dương Quan (trước đây).

Địa giới hành chính: Đông giáp phường An Lư và phường Thủy Hà; Tây giáp phường Hoa Động; Nam giáp các phường Thượng Lý, Hạ Lý, Minh Khai thuộc quận Hồng Bàng và phường Máy Tơ thuộc quận Ngô Quyền; Bắc giáp phường Thủy Đường.

3.11. Phường Hoàng Lâm (nhập xã Lâm Động và xã Hoàng Động)

Nhập toàn bộ 4,20 km^2 diện tích tự nhiên, quy mô dân số 6.665 người của xã Lâm Động và toàn bộ 5,68 km^2 diện tích tự nhiên, quy mô dân số 9.500 người của xã Hoàng Động thành 01 phường mới.

Tên phường sau khi thành lập: phường Hoàng Lâm.

Cơ sở, lý do của việc sắp xếp để thành lập phường: xã Hoàng Động và xã Lâm Động có vị trí địa lý liền kề, phù hợp với lịch sử (tháng 7/1948 các xã: Hoa Động, Hoàng Động, Lâm Động hợp nhất thành xã Hoàng Hoa và đến năm 1956 các xã lại được tách ra như hiện nay). Khắc phục được tiêu chuẩn chưa đạt về diện tích tự nhiên của xã Lâm Động (4,26 km^2) khi thành lập phường.

Cơ sở, lý do đề xuất tên gọi: năm 1945, xã Hoàng Động được thành lập trên cơ sở các làng của Hoàng Động và Lâm Động hiện nay. Năm 1951, hai xã Hoàng Động và Hoa Động hợp nhất thành xã Hoàng Hoa. Năm 1955, thôn Lâm Động tách khỏi xã Hoàng Hoa để thành lập xã Lâm Động. Hai xã Hoàng Động và Lâm Động có mối quan hệ về lịch sử chung, có yếu tố văn hóa, phong tục tập quán.... tương đồng. Khi sáp nhập lấy tên là Hoàng Lâm vừa là ghép tên 02 đơn vị vừa có ý nghĩa là Rừng vàng, thể hiện ước vọng mong muốn quê hương mãi giàu đẹp.

Trụ sở làm việc của Đảng ủy - HĐND - UBND phường mới sau khi thành lập: tại xã Lâm Động (trước đây).

Địa giới hành chính: Đông giáp phường Hoa Động; Tây giáp xã An Hồng, huyện An Dương và phường Quán Toan, quận Hồng Bàng; Nam giáp phường Hùng Vương thuộc quận Hồng Bàng; Bắc giáp phường Thiên Hương và phường Lê Hồng Phong.

3.12. Phường Lê Hồng Phong (nhập xã Kiền Bái và xã Mỹ Đồng)

Nhập toàn bộ 4,71 km^2 diện tích tự nhiên, quy mô dân số 13.482 người của xã Kiền Bái và toàn bộ 3,28 km^2 diện tích tự nhiên, quy mô dân số 7.776 người của xã Mỹ Đồng thành 01 phường mới.

Tên phường sau khi thành lập: phường Lê Hồng Phong.

Cơ sở, lý do của việc sắp xếp để thành lập phường: xã Kiền Bái và xã Mỹ Đồng có vị trí địa lý liền kề, sau khi sáp nhập sẽ khắc phục được tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên của xã Kiền Bái (4,71 km^2) và xã Mỹ Đồng (3,28 km^2), để đảm bảo đạt các tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên và quy mô dân số khi thành lập phường; điều kiện phát triển kinh tế - xã hội khá tương đồng (cụm công nghiệp làng nghề truyền thống đúc gang hiện đang nằm trên địa giới hành chính của 02 xã (Kiền Bái, Mỹ Đồng).

Cơ sở, lý do đề xuất tên gọi: ngày 18/9/1948, theo quyết định của Huyện ủy Thủy Nguyên, chi bộ Đảng được thành lập tại xã Kiền Bái, lấy tên là chi bộ Lê Hồng Phong (Tổng Bí thư của Đảng), sau trở thành chi bộ ghép, gồm đảng viên của 2 xã Kiền Bái và Cao Nhân - tiền thân của Đảng bộ 3 xã sau này. Xã Cao Nhân thời kỳ này gồm các xã Cao Nhân, Hợp Thành và Mỹ Đồng hiện nay (năm 1952, các thôn Câu Tử Nội, Câu Tử Ngoại, Cao Kênh tách khỏi xã Cao Nhân để

thành lập xã Hợp Thành và năm 1956, thôn Đồng Lý, Phương Mỹ tách ra thành lập xã Mỹ Đồng). Do vậy, việc lấy tên Tổng Bí thư Lê Hồng Phong đặt tên cho phường mới ghép 02 xã Kiền Bái và Mỹ Đồng là phù hợp.

Trụ sở làm việc của Đảng ủy - HĐND - UBND phường mới sau khi thành lập: tại xã Mỹ Đồng (trước đây).

Địa giới hành chính: Đông giáp phường Thiên Hương; Tây giáp xã Quang Trung và xã An Hồng thuộc huyện An Dương; Nam giáp phường Hoàng Lâm; Bắc giáp phường Trần Hưng Đạo.

3.13. Phường Trần Hưng Đạo (nhập xã Đông Sơn và xã Kênh Giang)

Nhập toàn bộ 4,71 km^2 diện tích tự nhiên, quy mô dân số 7.402 người của xã Đông Sơn và toàn bộ 7,28 km^2 diện tích tự nhiên, quy mô dân số 11.909 người của xã Kênh Giang thành 01 phường mới.

Tên phường sau khi thành lập: phường Trần Hưng Đạo.

Cơ sở, lý do của việc sắp xếp để thành lập phường: xã Đông Sơn và xã Kênh Giang có vị trí địa lý liền kề, phù hợp với lịch sử (tháng 3/1952 xã Đông Sơn được thành lập, gồm các thôn: Thiên Đông, Trúc Sơn, Trà Sơn, Mỹ Giang, Trại Kênh; đến tháng 10/1956, tách các thôn Trà Sơn, Mỹ Giang, Trại Kênh để thành lập xã Kênh Giang). Khắc phục được tiêu chuẩn chưa đạt về diện tích tự nhiên của xã Đông Sơn (4,71 km^2) khi thành lập phường.

Cơ sở, lý do đề xuất tên gọi: Trần Hưng Đạo là một trong 14 vị anh hùng dân tộc tiêu biểu, có công lao to lớn gắn liền với lịch sử hình thành và phát triển của huyện Thủy Nguyên trong thời kỳ chống quân xâm lược Nguyên-Mông lần thứ ba năm 1288 trên sông Bạch Đằng, Trần Hưng Đạo đã lấy căn cứ địa đóng quân và trực tiếp chỉ huy trận đánh quân xâm lược tại vùng đất Thủy Nguyên. Bên cạnh đó, huyện đã thực hiện sáp nhập trường trung học cơ sở (THCS) Kênh Giang và THCS Đông Sơn lấy tên là trường THCS Trần Hưng Đạo. Như vậy, phường Trần Hưng Đạo sẽ thuận lợi hơn về tên địa giới hành chính; đồng thời nhắc nhở, giáo dục các thế hệ về chiến công huyền thoại, về xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Trụ sở làm việc của Đảng ủy - HĐND - UBND phường mới sau khi thành lập: trước mắt sẽ giữ nguyên 02 trụ sở của 02 xã để làm việc và phân thành cơ sở 1, cơ sở 2 để phù hợp hiện trạng và đảm bảo thuận lợi trong công tác giải quyết thủ tục hành chính, đáp ứng nhu cầu của người dân (do 02 trụ sở này không nằm tại khu trung tâm nên sẽ khó khăn trong việc đi lại). Sau đó sẽ tiến hành xây dựng trụ sở mới đã xác định vị trí nằm ở trung tâm xã đảm bảo theo quy định, quy hoạch và thuận lợi cho người dân khi giải quyết các thủ tục hành chính.

Địa giới hành chính: Đông giáp phường Hòa Bình; Tây giáp xã Quang Trung và phường Lê Hồng Phong; Nam giáp phường Thiên Hương và phường Thủy Đường; Bắc giáp phường Lưu Kiếm và xã Liên Xuân.

3.14. Phường Lưu Kiếm (nhập xã Lưu Kỳ và xã Lưu Kiếm)

Nhập toàn bộ 4,43 km^2 diện tích tự nhiên, quy mô dân số 3.108 người của xã Lưu Kỳ và toàn bộ 10,53 km^2 diện tích tự nhiên, quy mô dân số 13.346 người của xã Lưu Kiếm thành 01 phường mới.

Tên phường sau khi thành lập: phường Lưu Kiếm.

Cơ sở, lý do của việc sắp xếp để thành lập phường: xã Lưu Kiếm và xã Lưu Kỳ có vị trí địa lý liền kề, phù hợp với lịch sử (xã Lưu Kiếm được thành lập sau Cách mạng tháng 8/1945; ngày 10/01/2004, Chính phủ ban hành Nghị định số 18/2004/NĐ-CP, theo đó thành lập xã Lưu Kỳ thuộc huyện Thủy Nguyên trên cơ sở một phần của xã Lưu Kiếm). Khắc phục được tiêu chuẩn chưa đạt về diện tích tự nhiên của xã Lưu Kỳ (4,43 km^2) khi thành lập phường.

Cơ sở, lý do đề xuất tên gọi: xã Lưu Kiếm được thành lập từ cuối năm 1945 và năm 1968, một số hộ dân của xã Lưu Kiếm và các xã Phục Lễ, Minh Tân, Thủy Sơn đến khu đất phía Bắc sông Đá Bạc định cư lập ra thôn Lưu Kỳ thuộc xã Lưu Kiếm. Năm 2004, thôn Lưu Kỳ được tách ra thành lập xã Lưu Kỳ. Nay sáp nhập trở lại đơn vị hành chính Lưu Kiếm là phù hợp.

Trụ sở làm việc của Đảng ủy - HĐND - UBND phường mới sau khi thành lập: tại xã Lưu Kiếm (trước đây).

Địa giới hành chính: Đông giáp xã Bạch Đằng; Tây giáp xã Liên Xuân; Nam giáp phường Trần Hưng Đạo và phường Hòa Bình; Bắc giáp phường Phương Nam thuộc thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh.

3.15. Phường Thủy Đường (nhập thị trấn Núi Đèo, xã Thủy Sơn và xã Thủy Đường)

Nhập toàn bộ 1,03 km^2 diện tích tự nhiên, quy mô dân số 6.827 người của thị trấn Núi Đèo; toàn bộ 3,65 km^2 diện tích tự nhiên, quy mô dân số 15.074 người của xã Thủy Sơn và toàn bộ 5,19 km^2 diện tích tự nhiên, quy mô dân số là 15.730 người của xã Thủy Đường thành 01 phường mới.

Tên phường sau khi thành lập: phường Thủy Đường.

Cơ sở, lý do của việc sắp xếp để thành lập phường: các xã Thủy Sơn, xã Thủy Đường và thị trấn Núi Đèo có vị trí địa lý liền kề, phù hợp với lịch sử (thị trấn Núi Đèo được thành lập trên cơ sở chia tách địa giới hành chính 02 xã: Thủy Đường và Thủy Sơn). Khắc phục được tiêu chuẩn chưa đạt về diện tích tự nhiên của các xã: Thủy Đường (5,19 km^2), Thủy Sơn (3,65 km^2), thị trấn Núi Đèo (1,03 km^2) khi thành lập phường.

Cơ sở, lý do đề xuất tên gọi: khu vực các xã Thủy Sơn, Thủy Đường và thị trấn Núi Đèo xưa vốn là trung tâm và từng là nơi đặt lỵ sở của huyện Thủy Đường (từ năm 1886 đổi là Thủy Nguyên). Do vậy, đặt tên phường mới Thủy Đường rất có ý nghĩa, nhằm giữ lại một danh xưng đã từng được lưu danh trong sử sách.

Trụ sở làm việc của Đảng ủy - HĐND - UBND phường mới sau khi thành lập: tại xã Thủy Sơn (trước đây).

Địa giới hành chính: Đông giáp phường An Lư; Tây giáp phường Thiên Hương và phường Hoa Động; Nam giáp phường Dương Quan; Bắc giáp phường Hòa Bình và phường Trần Hưng Đạo.

3.16. Phường Thủy Hà (nhập xã Trung Hà và xã Thủy Triều (bao gồm toàn bộ đảo Vũ Yên))

Nhập toàn bộ 4,11 km^2 diện tích tự nhiên, quy mô dân số 8.068 người của xã Trung Hà; toàn bộ 18,99 km^2 diện tích tự nhiên, quy mô dân số 13.901 người của xã Thủy Triều (đã bao gồm phần tiếp nhận tại khu vực đảo Vũ Yên thuộc quận Hải An) thành 01 phường mới.

Tên phường sau khi thành lập: phường Thủy Hà.

Cơ sở, lý do của việc sắp xếp để thành lập phường: xã Trung Hà và xã Thủy Triều có vị trí địa lý liền kề, phù hợp với lịch sử (trước đây 02 xã này thuộc tổng Kinh Triều, sau Cách mạng tháng 8/1945, xã Ngũ Lão được thành lập trên cơ sở các làng xã của tổng Kinh Triều; năm 1957, tách làng Kinh Triều, Tuy Lạc để thành lập xã Thủy Triều, tách làng Chung Mỹ để cùng với Hà Tê thành lập xã Trung Hà). Khắc phục được tiêu chuẩn chưa đạt diện tích tự nhiên của xã Trung Hà (4,11 km^2) khi thành lập phường. Việc điều chỉnh 7,27 km^2 diện tích tự nhiên khu vực đảo Vũ Yên tại phường Đông Hải 1 thuộc quận Hải An đảm bảo trong xác định lại đường địa giới hành chính và việc quản lý hành chính thuộc 01 đơn vị hành chính tại huyện Thủy Nguyên.

Cơ sở, lý do đề xuất tên gọi: đây là danh xưng vừa là tên ghép của 02 xã và vừa là tên con mương cũng được ghép tên của 2 xã Thủy Triều và Trung Hà. Cộng đồng dân cư có mối quan hệ từ xưa cùng một tổng Kênh Triều.

Trụ sở làm việc của Đảng ủy - HĐND - UBND phường mới sau khi thành lập: tại xã Trung Hà (trước đây).

Địa giới hành chính: Đông giáp phường Phạm Ngũ Lão và phường Lập Lễ; Tây giáp phường An Lư và phường Hòa Bình; Nam giáp phường Máy Chai, phường Vạn Mỹ thuộc quận Ngô Quyền và phường Đông Hải 1 thuộc quận Hải An; Bắc giáp xã Bạch Đằng.

3.17. Phường Nam Triệu Giang (nhập xã Phục Lễ và xã Phả Lễ)

Nhập toàn bộ 5,86 km^2 diện tích tự nhiên, quy mô dân số 8.002 người của xã Phục Lễ và toàn bộ 4,51 km^2 diện tích tự nhiên, quy mô dân số 8.712 người của xã Phả Lễ thành 01 phường mới.

Tên phường sau khi thành lập: phường Nam Triệu Giang.

Cơ sở, lý do của việc sắp xếp để thành lập phường: xã Phả Lễ và xã Phục Lễ có vị trí địa lý liền kề, phù hợp với lịch sử (trước đây 02 xã này thuộc tổng Phục Lễ; sau Cách mạng tháng 8/1945, tổng Phục Lễ chia làm 02 xã: xã Phục Hưng (gồm các làng: Phục Lễ, Phả Lễ, Lập Lễ) và xã Tam Tỉnh; trong kháng chiến chống Pháp đã hợp nhất 02 xã Phục Hưng và xã Tam Tỉnh để thành lập xã Tam Hưng; đến năm 1957, tách xã Tam Hưng thành 03 xã: Tam Hưng, Phả Lễ, Phục

Lễ. Khắc phục được tiêu chuẩn chưa đạt về diện tích tự nhiên của xã Phả Lễ (4,51 km^2) khi thành lập phường.

Cơ sở, lý do đề xuất tên gọi: theo các thư tịch cổ về huyện Thủy Đường xưa, vùng đất Phục Lễ, Phả Lễ vốn gốc là trang Nam Triệu thuộc Nam Triệu Giang (tên khởi nguồn của huyện Thủy Đường - Thủy Nguyên). Một số tài liệu văn bia (ở đình Trung Hà) còn ghi: sau chiến thắng quân Nguyên trên sông Bạch Đằng, năm 1288, Hưng Trí vương (có tài liệu là Hưng Vũ Vương) Trần Quốc Nghiễn, con đầu của Hưng Đạo vương Trần Quốc Tuấn, đã trở lại vùng đất từng đóng quân bên cửa Nam Triệu, mộ dân đến khai hoang, mở mang đồng đất, hình thành làng xã ở khu vực Bắc sông Cấm. Do vậy, đặt tên phường Nam Triệu có ý nghĩa nhằm ghi lại một địa danh cổ, gắn với những sự kiện lịch sử đất nước tại vùng đất cửa biển này.

Trụ sở làm việc của Đảng ủy - HĐND - UBND phường mới sau khi thành lập: tại xã Phục Lễ (trước đây).

Địa giới hành chính: Đông giáp phường Nam Hòa, Yên Hải thuộc thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh và phường Tam Hưng; Tây giáp phường Phạm Ngũ Lão và phường Lập Lễ; Nam giáp phường Lập Lễ; Bắc giáp phường Phạm Ngũ Lão và phường Tam Hưng.

4. Phương án sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã

4.1. Xã Bạch Đằng (nhập xã Gia Minh, xã Gia Đức và xã Minh Tân)

Nhập toàn bộ 8,64 km^2 diện tích tự nhiên, quy mô dân số 4.596 người của xã Gia Minh; toàn bộ 9,97 km^2 diện tích tự nhiên, quy mô dân số 6.481 người của xã Gia Đức và toàn bộ 12,32 km^2 diện tích tự nhiên, quy mô dân số 12.507 người của xã Minh Tân thành 01 xã mới.

Tên xã sau khi nhập: xã Bạch Đằng.

Cơ sở, lý do của việc sắp xếp để thành lập xã mới: các xã (Gia Minh, Gia Đức, Minh Tân) có vị trí địa lý liền kề, việc sáp nhập sẽ đảm bảo tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên và quy mô dân số theo quy định. Bên cạnh đó, Nhân dân 03 địa phương có lịch sử, truyền thống, văn hóa, tôn giáo, tín ngưỡng, phong tục, tập quán tương đồng.

Cơ sở, lý do đề xuất tên gọi: trên dòng sông Bạch Đằng, trải dài từ sông Đá Bạc đến cửa Nam Triệu, từng là nơi diễn ra 3 trận quyết chiến chống quân xâm lược phương Bắc. Trong trận năm 1288, dọc sông Bạch Đằng, trong đó, có vùng đất Minh Tân, Gia Minh, Gia Đức, Tràng Kênh là chiến trường, mặt khác còn có các di tích Hang Lương, hang Lược, có tướng Vũ Đại và đền thờ Ngài... Đặt tên Bạch Đằng cho xã mới rất có ý nghĩa, nhằm ghi lại chiến công xưa, mặt khác, khu vực này đã và sẽ là phần kết nối giữa khu Di tích Bạch Đằng Giang với Bãi cọc Cao Quỳ.

Trụ sở làm việc của Đảng ủy - HĐND - UBND xã mới sau khi nhập: tại xã Minh Tân (trước đây).

Địa giới hành chính: Đông giáp phường Quang Trung, Trưng Vương thuộc thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh; Tây giáp phường Lưu Kiếm; Nam giáp các phường Minh Đức, phường Phạm Ngũ Lão, phường Thủy Hà, Hòa Bình; Bắc giáp phường Yên Thanh, Phương Đông, Phương Nam thuộc thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh.

4.2. Xã Liên Xuân (nhập xã Lại Xuân và xã Liên Khê)

Nhập toàn bộ 14,94 km^2 diện tích tự nhiên, quy mô dân số 12.386 người của xã Liên Khê và toàn bộ 11,54 km^2 diện tích tự nhiên, quy mô dân số 12.144 người của xã Lại Xuân thành 01 xã mới.

Tên xã sau khi nhập: xã Liên Xuân.

Cơ sở, lý do của việc sắp xếp để thành lập xã mới: các xã Liên Khê và xã Lại Xuân có vị trí địa lý liền kề, có cơ cấu phát triển kinh tế - xã hội và tập quán Nhân dân các địa phương tương đối tương đồng, đều có nguồn lực để phát triển sản xuất về vật liệu xây dựng; việc sáp nhập sẽ thuận lợi trong việc quy hoạch vùng kinh tế và quản lý lao động, công tác bảo đảm an ninh, trật tự trong khu vực.

Cơ sở, lý do đề xuất tên gọi: đây là tên ghép tên 2 đơn vị Lại Xuân và Liên Khê, có ý nghĩa là thể hiện ước muốn mùa xuân luôn đến với mọi người và luôn có được cuộc sống vui tươi, no đủ.

Trụ sở làm việc của Đảng ủy - HĐND - UBND xã mới sau khi nhập: tại xã Liên Khê (trước đây).

Địa giới hành chính: Đông giáp phường Lưu Kiếm; Tây giáp phường Phú Thứ thuộc thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương và xã Ninh Sơn; Nam giáp xã Ninh Sơn và xã Quang Trung và phường Trần Hưng Đạo; Bắc giáp phường Yên Đức, phường Hoàng Quế và xã Hồng Thái Tây thuộc thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh.

4.3. Xã Ninh Sơn (nhập xã An Sơn, xã Kỳ Sơn và xã Phù Ninh)

Nhập toàn bộ 6,42 km^2 diện tích tự nhiên, quy mô dân số 7.429 người của xã An Sơn; toàn bộ 8,31 km^2 diện tích tự nhiên, quy mô dân số 11.148 người của xã Kỳ Sơn và toàn bộ 4,71 km^2 diện tích tự nhiên, quy mô dân số 7.039 người của xã Phù Ninh thành 01 xã mới.

Tên xã sau khi nhập: xã Ninh Sơn.

Cơ sở, lý do của việc sắp xếp để thành lập xã mới: các xã (An Sơn, Kỳ Sơn, Phù Ninh) có vị trí địa lý liền kề, mặc dù khi sáp nhập diện tích tự nhiên không đạt chuẩn nhưng do 03 xã đều có điều kiện kinh tế, văn hóa xã hội, quốc phòng, an ninh tương đồng, đặc biệt khi sáp nhập sẽ có quy mô dân số lớn, là điều kiện để phát triển kinh tế, phát triển nguồn nhân lực trên địa bàn.

Cơ sở, lý do đề xuất tên gọi: đây là tên ghép của xã An Sơn, Phù Ninh, Kỳ Sơn, giữ được chữ Ninh (của Phù Ninh), chữ Sơn (của 2 xã An Sơn, Kỳ Sơn) và

cũng có ý nghĩa là vùng núi yên bình như cuộc sống của người dân nơi đây, dù vẫn còn phải tiếp tục vươn lên.

Trụ sở làm việc của Đảng ủy - HĐND - UBND xã mới sau khi nhập: tại xã Phù Ninh (trước đây).

Địa giới hành chính: Đông giáp xã Liên Xuân và xã Quang Trung; Tây giáp phường Thái Thịnh và phường An Lưu thuộc thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương; Nam giáp phường Thái Thịnh thuộc thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương và phường Quảng Thanh, xã Quang Trung; Bắc giáp xã Liên Xuân.

4.4. Xã Quang Trung (nhập xã Hợp Thành, xã Cao Nhân và xã Chính Mỹ)

Nhập toàn bộ 5,82 km^2 diện tích tự nhiên, quy mô dân số 9.638 người của xã Hợp Thành; toàn bộ 5,58 km^2 diện tích tự nhiên, quy mô dân số 11.603 người của xã Cao Nhân và toàn bộ 6,92 km^2 diện tích tự nhiên, quy mô dân số 11.233 người của xã Chính Mỹ thành 01 xã mới.

Tên xã sau khi sắp xếp: xã Quang Trung.

Cơ sở, lý do của việc sắp xếp để thành lập xã mới: các xã (Hợp Thành, Cao Nhân, Chính Mỹ) có vị trí địa lý liền kề, theo phương án nêu trên sẽ đảm bảo phù hợp với định hướng quy hoạch chung; sự đồng nhất của các đơn vị hành chính sau khi thực hiện sắp sếp về các yếu tố như: truyền thống lịch sử, văn hóa, điều kiện tự nhiên, cộng đồng dân cư, quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội và phát triển kinh tế - xã hội, nhất là tập trung vào phát triển nông nghiệp, làng nghề truyền thống.

Cơ sở, lý do đề xuất tên gọi: Anh hùng dân tộc áo vải Quang Trung đã gắn liền với nhiều địa danh, đơn vị hành chính trên cả nước. Việc lấy tên xã là xã Quang Trung phù hợp với nguyện vọng của người dân 03 xã Hợp Thành, Cao Nhân, Chính Mỹ, trong khi đó, tại khu vực này có trường trung học phổ thông Quang Trung được thành lập từ năm 1965 (thuộc một trong các trường trung học phổ thông lâu đời nhất của thành phố), do vậy việc lấy tên xã Quang Trung tiếp tục khẳng định truyền thống vẻ vang của dân tộc, luôn đổi mới, sáng tạo trong quá trình phát triển.

Trụ sở làm việc của Đảng ủy - HĐND - UBND xã mới sau khi nhập: tại xã Cao Nhân (trước đây).

Địa giới hành chính: Đông giáp phường Trần Hưng Đạo và phường Lê Hồng Phong; Tây giáp xã Minh Hòa thuộc thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương, phường Quảng Thanh và xã Ninh Sơn; Nam giáp xã An Hồng thuộc huyện An Dương; Bắc giáp xã Liên Xuân và xã Ninh Sơn.

III. KẾT QUẢ SAU KHI THÀNH LẬP CÁC ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH

1. Thành phố Hải Phòng

Thành phố Hải Phòng không thay đổi về diện tích tự nhiên, quy mô dân số và số đơn vị hành chính cấp huyện trực thuộc (giảm 01 huyện và tăng 01 thành phố); nhưng có thay đổi về số lượng đơn vị hành chính cấp xã tại thành phố Thủy

Nguyên (giảm 31 xã, 02 thị trấn, tăng 17 phường), số đơn vị hành chính cấp xã của thành phố Hải Phòng: có 201 đơn vị hành chính cấp xã, gồm: 110 xã, 83 phường, 8 thị trấn.

2. Thành phố Thủy Nguyên và các ĐVHC cấp xã

2.1. Thành phố Thủy Nguyên

Thành phố Thủy Nguyên sau khi thành lập có 269,10 km^2 diện tích tự nhiên, quy mô dân số 397.570 người; có 21 đơn vị hành chính cấp xã, gồm: 17 phường và 04 xã. Tỷ lệ đô thị hóa: đạt 73,39% (291.366 người/397.570 người).

Địa giới hành chính: Đông giáp thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh; Tây giáp thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương và huyện An Dương; Nam giáp các quận Hồng Bàng, Ngô Quyền và Hải An; Bắc giáp thành phố Uông Bí và thị xã Đông Triều thuộc tỉnh Quảng Ninh, thị xã Kinh Môn thuộc tỉnh Hải Dương.

2.2. Các phường sau khi thành lập

2.2.1. Phường Minh Đức

Phường Minh Đức sau khi thành lập có 16,12 km^2 diện tích tự nhiên và quy mô dân số là 13.539 người.

Địa giới hành chính: Đông giáp xã Hiệp Hòa và phường Yên Giang thuộc thị xã Quảng Yên; phường Trưng Vương thuộc thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh; Tây giáp xã Bạch Đằng; Nam giáp phường Phạm Ngũ Lão và phường Tam Hưng; Bắc giáp xã Bạch Đằng.

2.2.2. Phường Hoa Động

Phường Hoa Động sau khi thành lập có 6,02 km^2 diện tích tự nhiên và quy mô dân số là 13.102 người.

Địa giới hành chính: Đông giáp phường Dương Quan; Tây giáp phường Hoàng Lâm; Nam giáp các phường Thượng Lý, Hùng Vương và phường Sở Dầu thuộc quận Hồng Bàng; Bắc giáp phường Thiên Hương và phường Thủy Đường.

2.2.3. Phường Thiên Hương

Phường Thiên Hương sau khi thành lập có 5,76 km^2 diện tích tự nhiên và quy mô dân số là 12.618 người.

Địa giới hành chính: Đông giáp phường Thủy Đường và phường Hoa Động; Tây giáp phường Lê Hồng Phong; Nam giáp phường Hoàng Lâm; Bắc giáp phường Trần Hưng Đạo.

2.2.4. Phường Quảng Thanh

Phường Quảng Thanh sau khi thành lập có 5,72 km^2 diện tích tự nhiên và quy mô dân số là 11.110 người.

Địa giới hành chính: Đông giáp xã Quang Trung; Tây giáp xã Ninh Sơn; Nam giáp xã Quang Trung; Bắc giáp xã Ninh Sơn.

2.2.5. Phường Hòa Bình

Phường Hòa Bình sau khi thành lập có 7,11 km^2 diện tích tự nhiên và quy mô dân số là 14.557 người.

Địa giới hành chính: Đông giáp phường Thủy Hà và phường An Lư; Tây giáp phường Trần Hưng Đạo; Nam giáp phường Thủy Đường; Bắc giáp phường Lưu Kiếm và xã Bạch Đằng.

2.2.6. Phường An Lư

Phường An Lư sau khi thành lập có 7,24 km^2 diện tích tự nhiên và quy mô dân số là 17.322 người.

Địa giới hành chính: Đông giáp phường Thủy Hà; Tây giáp phường Hòa Bình, phường Thủy Đường, phường Dương Quan; Nam giáp phường Thủy Hà và Dương Quan; Bắc giáp phường Hòa Bình và phường Thủy Hà.

2.2.7. Phường Phạm Ngũ Lão

Phường Phạm Ngũ Lão sau khi thành lập có 6,44 km^2 diện tích tự nhiên và quy mô dân số là 14.306 người.

Địa giới hành chính: Đông giáp phường Tam Hưng và phường Nam Triệu Giang; Bắc giáp phường Minh Đức và xã Bạch Đằng; Tây giáp phường Thủy Hà; Nam giáp phường Lập Lễ.

2.2.8. Phường Lập Lễ

Phường Lập Lễ sau khi thành lập có 11,92 km^2 diện tích tự nhiên và quy mô dân số là 14.623 người.

Địa giới hành chính: Đông giáp phường Phong Cốc, thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh; Tây giáp phường Thủy Hà; Nam giáp phường Thủy Hà; Bắc giáp phường Nam Triệu Giang và phường Phạm Ngũ Lão.

2.2.9. Phường Tam Hưng

Phường Tam Hưng sau khi thành lập có 7,22 km^2 diện tích tự nhiên và quy mô dân số là 8.200 người.

Địa giới hành chính: Đông giáp phường Yên Giang và phường Nam Hòa thuộc thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh; Tây giáp phường Phạm Ngũ Lão và phường Nam Triệu Giang; Nam giáp phường Nam Triệu Giang; Bắc giáp phường Minh Đức.

2.2.10. Phường Dương Quan

Phường Dương Quan sau khi thành lập có 12,22 km^2 diện tích tự nhiên và quy mô dân số là 22.487 người.

Địa giới hành chính: Đông giáp phường An Lư và phường Thủy Hà; Tây giáp phường Hoa Động; Nam giáp các phường Thượng Lý, Hạ Lý, Minh Khai thuộc quận Hồng Bàng và phường Máy Tơ thuộc quận Ngô Quyền; Bắc giáp phường Thủy Đường.

2.2.11. Phường Hoàng Lâm

Phường Hoàng Lâm sau khi thành lập có 9,88 km^2 diện tích tự nhiên và quy mô dân số là 16.165 người.

Địa giới hành chính: Đông giáp phường Hoa Động; Tây giáp xã An Hồng, huyện An Dương và phường Quán Toan, quận Hồng Bàng; Nam giáp phường Hùng Vương thuộc quận Hồng Bàng; Bắc giáp phường Thiên Hương và Lê Hồng Phong.

2.2.12. Phường Lê Hồng Phong

Phường Lê Hồng Phong sau khi thành lập có 7,99 km^2 diện tích tự nhiên và quy mô dân số là 21.258 người.

Địa giới hành chính: Đông giáp phường Thiên Hương; Tây giáp xã Quang Trung và xã An Hồng thuộc huyện An Dương; Nam giáp phường Hoàng Lâm; Bắc giáp phường Trần Hưng Đạo.

2.2.13. Phường Trần Hưng Đạo

Phường Trần Hưng Đạo sau khi thành lập có 11,99 km^2 diện tích tự nhiên và quy mô dân số là 19.311 người.

Địa giới hành chính: Đông giáp phường Hòa Bình; Tây giáp xã Quang Trung và phường Lê Hồng Phong; Nam giáp phường Thiên Hương và phường Thủy Đường; Bắc giáp phường Lưu Kiếm và xã Liên Xuân.

2.2.14. Phường Lưu Kiếm

Phường Lưu Kiếm sau khi thành lập có 14,96 km^2 diện tích tự nhiên và quy mô dân số là 16.454 người.

Địa giới hành chính: Đông giáp xã Bạch Đằng; Tây giáp xã Liên Xuân; Nam giáp phường Trần Hưng Đạo và phường Hòa Bình; Bắc giáp phường Phương Nam thuộc thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh.

2.2.15. Phường Thủy Đường

Phường Thủy Đường sau khi thành lập có 9,87 km^2 diện tích tự nhiên và quy mô dân số là 37.631 người.

Địa giới hành chính: Đông giáp phường An Lư; Tây giáp phường Thiên Hương và phường Hoa Động; Nam giáp phường Dương Quan; Bắc giáp phường Hòa Bình và phường Trần Hưng Đạo.

2.2.16. Phường Thủy Hà

Phường Thủy Hà sau khi thành lập có 23,10 km^2 diện tích tự nhiên và quy mô dân số là 21.969 người.

Địa giới hành chính: Đông giáp phường Phạm Ngũ Lão và phường Lập Lễ; Tây giáp phường An Lư và phường Hòa Bình; Nam giáp phường Máy Chai, phường Vạn Mỹ thuộc quận Ngô Quyền và phường Đông Hải 1 thuộc quận Hải

An; Bắc giáp xã Bạch Đằng.

2.2.17. Phường Nam Triệu Giang

Phường Nam Triệu Giang sau khi thành lập có 10,37 km^2 diện tích tự nhiên và quy mô dân số là 16.714 người.

Địa giới hành chính: Đông giáp phường Yên Hải thuộc thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh và phường Tam Hưng; Tây giáp phường Phạm Ngũ Lão và phường Lập Lễ; Nam giáp phường Lập Lễ; Bắc giáp phường Phạm Ngũ Lão và phường Tam Hưng.

2.3. Các xã sau khi thành lập

2.3.1. Xã Bạch Đằng

Xã Bạch Đằng có 30,93 km^2 diện tích tự nhiên và quy mô dân số là 23.584 người.

Địa giới hành chính: Đông giáp phường Quang Trung, Trưng Vương thuộc thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh; Tây giáp phường Lưu Kiếm; Nam giáp các phường Minh Đức, phường Phạm Ngũ Lão, phường Thủy Hà, Hòa Bình; Bắc giáp phường Yên Thanh, Phương Đông, Phương Nam thuộc thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh.

2.3.2. Xã Liên Xuân

Xã Liên Xuân có 26,48 km^2 diện tích tự nhiên và quy mô dân số là 24.530 người.

Địa giới hành chính: Đông giáp phường Lưu Kiếm; Tây giáp phường Phú Thứ thuộc thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương và xã Ninh Sơn; Nam giáp xã Ninh Sơn và xã Quang Trung và phường Trần Hưng Đạo; Bắc giáp phường Yên Đức, phường Hoàng Quế và xã Hồng Thái Tây thuộc thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh.

2.3.3. Xã Ninh Sơn

Xã Ninh Sơn có 19,44 km^2 diện tích tự nhiên và quy mô dân số là 25.616 người.

Địa giới hành chính: Đông giáp xã Liên Xuân và xã Quang Trung; Tây giáp phường Thái Thịnh và phường An Lưu thuộc thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương; Nam giáp phường Thái Thịnh thuộc thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương và phường Quảng Thanh, xã Quang Trung; Bắc giáp xã Liên Xuân.

2.3.4. Xã Quang Trung

Xã Quang Trung có 18,32 km^2 diện tích tự nhiên và quy mô dân số là 32.474 người.

Địa giới hành chính: Đông giáp phường Trần Hưng Đạo và phường Lê Hồng Phong; Tây giáp xã Minh Hòa thuộc thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương, phường

Quảng Thanh và xã Ninh Sơn; Nam giáp xã An Hồng thuộc huyện An Dương; Bắc giáp xã Liên Xuân và xã Ninh Sơn.

3. Quận Hải An và phường Đông Hải 1

3.1. Quận Hải An

Quận Hải An không thay đổi về quy mô dân số (có 144.256 người), tỷ lệ đô thị hóa (100%) và số đơn vị hành chính cấp xã trực thuộc nhưng thay đổi về diện tích tự nhiên sau khi điều chỉnh địa giới ĐVHC, còn lại 97,64 km^2.

Địa giới hành chính: Đông giáp thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh; Tây giáp quận Ngô Quyền; Nam giáp quận Dương Kinh và vịnh Bắc Bộ; Bắc giáp thành phố Thủy Nguyên.

3.2. Phường Đông Hải 1

Phường Đông Hải 1 không thay đổi về quy mô dân số (có 25.503 người) nhưng thay đổi về diện tích tự nhiên sau khi điều chỉnh địa giới ĐVHC, còn lại 2,62 km^2.

Địa giới hành chính: Đông giáp phường Phong Cốc và xã Liên Vị, thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh; Tây giáp các phường Vạn Mỹ, Đông Khê, Đằng Giang, quận Ngô quyền; Nam giáp các phường Đằng Lâm, Đằng Hải, Đông Hải 2; Bắc giáp các phường Lập Lễ, Thủy Hà, thành phố Thủy Nguyên.

Phần thứ tư
ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG VÀ ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN CỦA CÁC ĐVHC CÓ LIÊN QUAN ĐẾN VIỆC ĐIỀU CHỈNH, THÀNH LẬP

A. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG

I. TÁC ĐỘNG CỦA VIỆC THÀNH LẬP THÀNH PHỐ

1. Tác động đến quản lý Nhà nước

a) Tác động tích cực

Thành lập thành phố Thủy Nguyên trên cơ sở toàn bộ diện tích tự nhiên và quy mô dân số của huyện Thủy Nguyên (bao gồm đảo Vũ Yên); do vậy tổ chức bộ máy của cấp ủy Đảng, chính quyền thành phố Thủy Nguyên sau khi được thành lập cơ bản sẽ được giữ nguyên và ổn định như hiện nay. Số lượng, biên chế đội ngũ cán bộ công chức, viên chức được giữ nguyên và không làm tăng biên chế. Thành lập thành phố sẽ nâng cao hiệu quả công tác quản lý hành chính, góp phần giải quyết khó khăn, giảm gánh nặng cho công tác quản lý Nhà nước, củng cố và tăng cường hiệu quả quản lý và điều hành của chính quyền địa phương. Đội ngũ cán bộ, công chức sẽ tiếp tục được đào tạo, bồi dưỡng; nhận thức, tư duy của đội ngũ cán bộ, công chức cũng sẽ thay đổi tích cực để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị; chất lượng cung cấp dịch vụ công từng bước được cải thiện, đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu của các tổ chức và người dân.

Việc thành lập thành phố Thủy Nguyên sẽ thúc đẩy kinh tế phát triển toàn diện, từ đó chính quyền có nguồn kinh phí để đầu tư các cơ sở vật chất, trụ sở làm việc được quy hoạch đồng bộ, tu sửa và xây mới, tạo điều kiện thuận lợi cho cán bộ, công chức làm việc hiệu quả hơn. Bên cạnh đó, giúp công tác quản lý Nhà nước được tốt hơn, các thủ tục hành chính được cải cách, đơn giản hóa, cơ chế một cửa, một cửa điện tử... giúp giải quyết công việc nhanh, hiệu quả hơn.

b) Tác động tiêu cực

Thành phố sau khi thành lập sẽ dẫn tới tốc độ đô thị hóa ngày càng tăng, số lượng giao dịch hành chính trên địa bàn sẽ nhiều hơn, nhất là những lĩnh vực quản lý đô thị, đất đai, việc chuyển đổi các loại giấy tờ... của doanh nghiệp và của người dân.

Thành lập thành phố sẽ ảnh hưởng đến công tác quản lý địa chỉ liên lạc của công dân và các tổ chức; đồng thời, áp lực về các dịch vụ công sẽ gia tăng do người dân và các tổ chức sẽ có nhu cầu thay đổi địa chỉ, hộ khẩu, giấy tờ tùy thân, giấy tờ đăng ký kinh doanh... từ đó kéo theo việc phải dành nhiều thời gian cho chuyển đổi giấy tờ.

c) Giải pháp

Thành phố Thủy Nguyên sau khi thành lập sẽ tập trung đẩy mạnh công tác cải cách hành chính; tập trung đào tạo, tập huấn bồi dưỡng nghiệp vụ để nâng cao năng lực chuyên môn, kỹ năng hành chính, tinh thần trách nhiệm của đội ngũ cán

bộ, công chức trên địa bàn. Nâng cao tinh thần phát huy tư duy chủ động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm và dám chịu trách nhiệm trước nhiệm vụ được giao để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới. Tập trung thực hiện các nhiệm vụ đổi mới mạnh mẽ, hiệu quả về công tác cán bộ; đổi mới công tác đánh giá cán bộ theo quá trình, đảm bảo tính liên tục, đa chiều, theo nhiều tiêu chí và mức độ hoàn thành công việc được giao.

UBND thành phố ban hành kế hoạch, các văn bản chỉ đạo, các cơ quan, đơn vị trực thuộc để hướng dẫn, tạo điều kiện thuận lợi nhất cho người dân, doanh nghiệp, đơn vị liên quan trong việc chuyển đổi các loại giấy tờ, địa chỉ, các thủ tục khác theo đơn vị hành chính mới. Tuyên truyền phổ biến người dân về lộ trình cũng như những chính sách trong việc chuyển đổi giấy tờ để người dân, doanh nghiệp nắm bắt nhằm hạn chế gây áp lực, quá tải lên dịch vụ công. Cùng với đó, nâng cao chất lượng, hình thức cung cấp các dịch vụ công cho người dân, doanh nghiệp; tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính và trình độ chuyên môn của đội ngũ cán bộ, công chức, góp phần tạo sự tin tưởng, đồng thuận giữa chính quyền và người dân.

Tập trung chỉ đạo triển khai ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan hành chính Nhà nước, xây dựng chính quyền điện tử, giảm tối đa tỷ lệ văn bản giấy trong chỉ đạo, điều hành. Trên cơ sở đó, hình thành hệ thống thông tin điện tử của chính quyền, góp phần nâng cao tính minh bạch trong hoạt động quản lý hành chính, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các cơ quan hành chính, phục vụ người dân và doanh nghiệp ngày càng tốt hơn.

2. Tác động đến phát triển kinh tế - xã hội

a) Tác động tích cực

Phát huy lợi thế về vị trí địa lý xứng tầm là trung tâm công nghiệp của thành phố Thủy Nguyên sau khi được thành lập sẽ thúc đẩy việc thu hút đầu tư, nâng cao sức cạnh tranh của ngành công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp. Từ đó sẽ làm thay đổi diện mạo, cảnh quan, kiến trúc thành phố Thủy Nguyên theo hướng đô thị văn minh, hiện đại.

Thành lập thành phố Thủy Nguyên sẽ có tác động mạnh đến sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động, tạo ra nhiều lợi thế về việc làm; thu hút lực lượng lao động chất lượng cao; phát triển hạ tầng kỹ thuật đô thị đồng bộ, hiện đại, có sức thu hút đầu tư mạnh mẽ trong và ngoài nước; thúc đẩy đầu tư xây dựng các tuyến đường giao thông kết nối với các khu vực lân cận, tạo điều kiện thuận lợi cho sản xuất, phát triển kinh tế và lưu thông hàng hóa.

Khi thành phố được thành lập, hạ tầng xã hội sẽ tiếp tục được quan tâm đầu tư đồng bộ nhất là hệ thống các công trình hạ tầng đô thị về y tế, giáo dục, văn hóa, nhà ở. Cùng với quá trình phát triển kinh tế - xã hội, nhiều dự án hợp tác của các thành phần kinh tế, các doanh nghiệp sẽ tạo ra nhiều cơ hội giải quyết việc làm, góp phần nâng cao thu nhập và chất lượng cuộc sống của người dân. Đồng thời, sản xuất kinh doanh trên địa bàn phát triển sẽ góp phần tăng thu ngân sách của địa phương; tạo điều kiện thuận lợi để tăng mức đầu tư cho phúc lợi xã hội, đảm bảo tốt hơn công tác an sinh xã hội cho người dân. Bên cạnh đó, việc thành

lập thành phố Thủy Nguyên là cơ hội thuận lợi giúp khơi dậy và phát huy mọi lợi thế, tiềm năng sẵn có để kinh tế Thủy Nguyên bứt phá vươn lên, phát triển bền vững trở thành đô thị văn minh, hiện đại.

Thành phố sau khi thành lập sẽ tăng cường các hoạt động xúc tiến thương mại, quảng bá hình ảnh; đẩy mạnh cải cách hành chính, bảo đảm an ninh, trật tự, thu hút đầu tư trong lĩnh vực dịch vụ; nâng cao hiệu quả công tác quản lý thị trường, xử lý các trường hợp vi phạm hoạt động thương mại, dịch vụ, tạo nếp sống văn minh đô thị. Cơ sở hạ tầng thương mại, dịch vụ sẽ được đầu tư theo hướng tập trung đồng bộ thúc đẩy kinh tế thành phố phát triển, góp phần vào sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế của thành phố theo đúng hướng tăng dần về tỷ trọng công nghiệp - thương mại, giảm dần tỷ trọng nông nghiệp. Tăng cường hợp tác về thương mại với các đô thị lân cận để xác định lợi thế so sánh và khả năng trao đổi hàng hóa. Khuyến khích phát triển chuỗi liên kết hợp tác sản xuất chế biến tiêu thụ sản phẩm, xây dựng quan hệ cung ứng hàng hóa ổn định, lâu dài, hướng tới việc cung ứng và tiêu thụ hàng hóa là những sản phẩm đặc trưng và có lợi thế trên địa bàn.

Thành lập thành phố Thủy Nguyên (bao gồm đảo Vũ Yên) giúp thành phố tối ưu hóa việc quản lý đô thị và giảm bớt sự phân mảnh trong việc đưa ra quyết định và triển khai chính sách phát triển tại khu vực đảo. Đồng thời các nguồn lực và dịch vụ công cộng được thực hiện một cách hiệu quả. Các nhiệm vụ phát triển kinh tế tại khu vực đảo được thuận lợi hơn; điều này sẽ đem lại lợi ích lâu dài cho cả khu vực, đặc biệt là cho các nhà đầu tư khi triển khai dự án phát triển tại đảo.

b) Tác động tiêu cực

Sau khi thành phố được thành lập, quá trình phát triển kinh tế - xã hội trong điều kiện công nghiệp hóa sẽ dẫn đến một số vấn đề bất cập mới nảy sinh như: quỹ đất nông nghiệp ngày một bị thu hẹp; tình trạng lao động nông thôn chuyển về đô thị để làm việc sẽ làm tăng nhu cầu việc làm, nhu cầu lương thực, nhà ở; ảnh hưởng đến quản lý kiến trúc cảnh quan và môi trường đô thị. Thương mại, dịch vụ chưa gắn chặt sản xuất với tiêu thụ và phát triển thị trường; hạ tầng thương mại nhìn chung vẫn còn khiêm tốn so với nhu cầu phát triển của thị trường.

c) Giải pháp

Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng và chính quyền đối với công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng khi thực hiện các dự án. Phối hợp chặt chẽ với nhà đầu tư để xác định thời gian khởi công xây dựng dự án, đối chiếu trình tự thủ tục, thời gian theo quy định pháp luật về công tác bồi thường giải phóng mặt bằng, hỗ trợ, tái định cư. Triển khai thực hiện tốt công tác lấy ý kiến Nhân dân, công khai phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, nắm bắt tâm tư nguyện vọng và yêu cầu chính đáng của Nhân dân, từ đó xem xét hỗ trợ để người dân có đủ điều kiện để di dời về nơi ở mới ổn định cuộc sống.

Thành phố Thủy Nguyên sau khi thành lập tăng cường, xây dựng các kế hoạch để triển khai các chương trình đào tạo nghề, cũng như tổ chức các buổi tư vấn, tuyên truyền đến người dân tham gia các lớp tập huấn đào tạo nghề ngắn hạn, trung hạn và dài hạn để người dân chủ động lựa chọn các hình thức đào tạo nghề

cho phù hợp. Tuyên truyền, vận động các nhà máy, xí nghiệp trên địa bàn ưu tiên tuyển dụng và sử dụng những lao động phổ thông sẵn có tại địa phương để hạn chế tình trạng người dân thiếu việc làm do chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất. Đồng thời, trên cơ sở những lợi thế của gia đình và địa phương, khuyến khích các hộ dân mạnh dạn chuyển đổi mô hình sản xuất, kinh doanh sang lĩnh vực dịch vụ, thương mại theo điều kiện thực tế của gia đình và phù hợp với hoạt động phát triển kinh tế tại địa phương. Để giải quyết áp lực do tăng dân số, thành phố phải đầu tư phát triển hạ tầng đô thị, hệ thống cung cấp dịch vụ, quản lý trật tự xã hội như: tăng diện tích nhà ở, tăng cường phát triển hạ tầng đô thị; phát triển các cơ sở hậu cần thương mại dịch vụ; tăng lượng cung cấp dịch vụ lương thực, thực phẩm, vui chơi giải trí, phương tiện giao thông, dịch vụ ngân hàng, bưu chính viễn thông, khám chữa bệnh.

Nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ, giá cả các sản phẩm hàng hóa, thành phố sẽ bám sát sự chỉ đạo của các cấp, tăng cường công tác quản lý, cấp phép, kiểm tra các hoạt động kinh doanh có điều kiện, thường xuyên kiểm tra, kiểm soát bình ổn thị trường, ngăn chặn kịp thời các hành vi tăng giá bất hợp lý, vi phạm vệ sinh an toàn thực phẩm, buôn bán hàng cấm, hàng nhập lậu, gian lận thương mại. Bên cạnh đó, công tác phát triển thương mại điện tử, xúc tiến thương mại, kết nối cung cầu, bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng được đẩy mạnh, góp phần đưa các hoạt động kinh doanh thương mại trên địa bàn ngày càng ổn định và phát triển.

Triển khai phát triển thương mại, dịch vụ bảo đảm tính đồng bộ và phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội. Trong đó, phát triển thương mại nội địa kết hợp các loại hình thương mại truyền thống và thương mại hiện đại, phù hợp với từng địa bàn. Tập trung kêu gọi đầu tư xây dựng dự án thương mại theo quy hoạch đã định hướng nhằm tăng khả năng tiếp cận giữa người bán và người mua, đẩy mạnh tiêu thụ nông sản một cách bền vững. Đẩy mạnh phát triển các loại hình kinh doanh: khuyến khích, hỗ trợ hoạt động thương mại, dịch vụ theo mô hình hợp tác xã, doanh nghiệp; mô hình chuỗi liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm. Thúc đẩy hình thành các nhà phân phối chuyên nghiệp; hình thành hệ thống bán buôn, bán lẻ, phân bố hài hòa đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của Nhân dân; phát huy lợi thế so sánh của từng địa phương, đẩy mạnh liên kết sản xuất - thương mại.

3. Tác động đến đời sống người dân và môi trường

a) Tác động tích cực

Thành lập thành phố sẽ thúc đẩy quá trình phát triển kinh tế - xã hội, tăng nguồn đóng góp cho ngân sách của địa phương để đầu tư xây dựng các cơ sở hạ tầng, hệ thống giao thông, các công trình công cộng, trường học, trạm y tế, trung tâm văn hóa... nâng cao công tác chăm sóc sức khỏe, giáo dục và phục vụ đời sống người dân trên địa bàn được tốt hơn. Nâng cao ý thức người dân để sớm trở thành thành phố văn minh, hiện đại. Bên cạnh đó cũng thu hút được sự đầu tư từ các doanh nghiệp góp phần chuyển đổi cơ cấu kinh tế, giải quyết việc làm, tăng thu nhập cho người dân trên địa bàn thành phố.

Thành phố Thủy Nguyên sau khi thành lập sẽ tiếp tục được đầu tư đồng bộ về hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật và các công trình phúc lợi xã hội, góp phần

cho phát triển giáo dục, y tế, văn hóa đảm bảo an sinh xã hội, giải quyết việc làm; đời sống tinh thần của Nhân dân được quan tâm và cải thiện ngày một tốt hơn, hình thành lối sống văn minh, hiện đại.

Thành phố sau khi thành lập sẽ tập trung quản lý và khai thác có hiệu quả hơn khi chính quyền có sự phân định rõ ràng trong chức năng, nhiệm vụ quản lý. Vì vậy, thành phố luôn xác định công tác bảo vệ môi trường là một trong những nhiệm vụ trọng tâm để gắn với quá trình phát triển. Sau khi thành lập, tiếp tục tăng cường công tác bảo vệ môi trường cũng như nâng cao vai trò, trách nhiệm của chính quyền, nhà đầu tư và người dân trong vấn đề bảo vệ môi trường. Thành phố sẽ đầu tư nguồn lực, bao gồm tài chính, khoa học công nghệ và nhân sự... từng bước cải thiện môi trường nâng cao chất lượng đời sống Nhân dân.

b) Tác động tiêu cực

Thành lập thành phố sẽ kéo theo việc các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp và người dân trên địa bàn phải thực hiện kê khai thay đổi lại địa chỉ đơn vị, gia đình, các giấy tờ sở hữu liên quan... cho phù hợp với đơn vị hành chính mới. Cùng với đó, tốc độ đô thị hóa nhanh, nhu cầu sử dụng đất của một số ngành công nghiệp, giao thông và các lĩnh vực phi nông nghiệp tăng nhanh khiến diện tích đất nông nghiệp trên địa bàn các phường sau khi thành lập sẽ bị thu hẹp, phần nào ảnh hưởng đến vấn đề an ninh lương thực và sinh kế của người dân.

Mặt khác, tốc độ đô thị hóa làm tăng số lượng người lao động từ các địa phương lân cận sang làm việc và sinh sống gây nên áp lực đáng kể về nhà ở, vệ sinh môi trường và bùng nổ giao thông cơ giới gây ô nhiễm môi trường không khí và tiếng ồn. Do vậy, sau khi thành lập thành phố, cần phải định hướng phát triển đô thị theo hướng bền vững, giải quyết đồng bộ các vấn đề về kinh tế - xã hội và môi trường.

Sau khi thành lập, thành phố phát triển theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa; từ đó ngành công nghiệp sẽ có tốc độ tăng trưởng nhanh dẫn đến lượng khí thải, nước thải tăng lên và sẽ có những ảnh hưởng đến môi trường và tài nguyên thiên nhiên, ảnh hưởng đến cân bằng hệ sinh thái. Mặt khác, tài nguyên đất bị khai thác nhằm chuyển đổi mục đích sử dụng sang xây dựng công trình hạ tầng đô thị và các khu, cụm công nghiệp, khu đô thị sẽ làm giảm diện tích cây xanh và mặt nước.

c) Giải pháp

Để tránh xáo trộn trong việc điều chỉnh một số giấy tờ cần thiết, UBND thành phố sau khi thành lập sẽ chỉ đạo các địa phương phối hợp cùng các ngành liên quan thực hiện từng bước như: Công an thành phố triển khai kế hoạch tổ chức cấp đổi hoặc điều chỉnh các loại giấy tờ cấp cho người dân, tổ chức theo đúng quy định. Các loại giấy tờ về cư trú, căn cước công dân... có giá trị pháp lý của đơn vị hành chính cũ vẫn tiếp tục được sử dụng, lưu hành, chỉ thay đổi khi người dân có nguyện vọng. Chi phí chuyển đổi thành phố sẽ hỗ trợ nhằm giúp người dân, các cơ quan, đơn vị sớm ổn định đồng thời thực hiện tốt công tác quản lý trên địa bàn góp phần thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội trong thời kỳ mới.

UBND thành phố Thủy Nguyên xây dựng kế hoạch để chỉ đạo việc rà soát tổng thể các dự án để bổ sung, điều chỉnh quy hoạch nhà ở xã hội cho phù hợp tình hình thực tế; ban hành nhiều chính sách ưu đãi thu hút nhà đầu tư tham gia đầu tư xây dựng nhà ở cho công nhân làm việc trong các khu công nghiệp. Sớm nghiên cứu, ban hành hệ thống tiêu chuẩn nhà tối thiểu cho người lao động trong các khu công nghiệp.

UBND thành phố Thủy Nguyên triển khai các chương trình đào tạo nghề, cũng như tổ chức các buổi tư vấn, tuyên truyền đến người dân tham gia các lớp tập huấn đào tạo nghề ngắn hạn, trung hạn và dài hạn để người dân chủ động lựa chọn các hình thức đào tạo nghề cho phù hợp. Các nhà máy, xí nghiệp trên địa bàn ưu tiên tuyển dụng và sử dụng những lao động phổ thông sẵn có tại địa phương. Đồng thời, trên cơ sở những lợi thế của gia đình và địa phương, một số hộ dân đã mạnh dạn chuyển đổi mô hình sản xuất, kinh doanh sang lĩnh vực dịch vụ, thương mại theo điều kiện thực tế của gia đình và phù hợp với hoạt động phát triển kinh tế tại địa phương.

Thành phố sau khi thành lập đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức, trách nhiệm của người dân về công tác bảo vệ môi trường sống xung quanh kết hợp với kiểm tra giám sát việc chấp hành quy định pháp luật về bảo vệ môi trường tại các cơ sở sản xuất kinh doanh, các nhà máy trong khu, cụm công nghiệp như: thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt, sản xuất trước khi đổ vào hệ thống thoát nước chung. Đồng thời, quán triệt việc thu gom, vận chuyển rác thải vào thời gian cố định (ban đêm) tránh ảnh hưởng đến đời sống sinh hoạt và sản xuất của người dân.

Thường xuyên sửa chữa, nạo vét các hệ thống thoát nước kết hợp với các hành lang xanh bao gồm: kênh mương, cống thoát nước, hồ điều hòa, trạm bơm tiêu... Tại các khu đô thị mới hoặc khu nhà ở mới, triển khai đầu tư xây dựng hệ thống thoát nước riêng để tách nước thải khỏi nước mưa.

Thành phố tập trung kiểm soát và xử phạt nghiêm minh các hành vi vi phạm trong các công trình, dự án xây dựng gây ô nhiễm môi trường, không khí. Ngoài ra, đẩy mạnh công tác thanh tra, giám sát, xử lý vi phạm đối với các cá nhân, nhà hàng, cơ sở kinh doanh vi phạm quy định về tiếng ồn, vệ sinh môi trường. Xử lý nghiêm những trường hợp cải tạo, nâng cấp âm thanh phương tiện giao thông sai quy cách; các trường hợp thường xuyên gây tiếng ồn tại khu dân cư và nơi công cộng.

Thực hiện nghiêm công tác quản lý, quy hoạch sử dụng đất theo quy hoạch đã được phê duyệt; kết hợp với việc mở rộng, nâng cấp, xây dựng thêm các vườn hoa, công viên, khu sinh hoạt công cộng, trồng thêm cây xanh trên các tuyến đường, khuôn viên tạo cảnh quan đô thị xanh - sạch - đẹp.

4. Tác động đến quốc phòng, an ninh

a) Tác động tích cực

Thành phố Thủy Nguyên là địa bàn phát triển công nghiệp, với nhiều khu, cụm công nghiệp và các cơ sở sản xuất kinh doanh thương mại - dịch vụ. Thời

gian qua, thành phố Hải Phòng nói chung và Thủy Nguyên nói riêng đã ưu tiên các nguồn lực, vốn đầu tư để phát triển kinh tế - xã hội, thu hút đầu tư từ trong và ngoài nước. Đến nay huyện Thủy Nguyên đủ điều kiện, tiêu chuẩn để thành lập thành phố đã khẳng định quan điểm, chủ trương trong việc tập trung phát triển kinh tế với tăng cường bảo đảm quốc phòng, an ninh trong tình hình mới.

b) Tác động tiêu cực

Khi nâng cấp từ huyện lên thành phố, sẽ có một số tác động khách quan theo xu hướng chung như: dân số cơ học tăng nhanh, số lượng dân nhập cư nhiều do làm việc ở các khu, cụm công nghiệp và các nhà máy, xí nghiệp, công ty nằm ngoài cụm công nghiệp; nhân công các cơ sở thương mại - dịch vụ kéo theo tình hình an ninh, trật tự trên địa bàn có nhiều diễn biến phức tạp như tội phạm hình sự, tệ nạn xã hội, lượng người và phương tiện tham gia giao thông tăng. Bên cạnh đó là tình hình lấn chiếm đất công, xây dựng trái phép... Từ đó, đòi hỏi lực lượng Công an, quân đội cần thường xuyên phối hợp bám sát địa bàn, nắm chắc và xử lý kịp thời những vấn đề phát sinh liên quan.

c) Giải pháp

Để đảm bảo tình hình an ninh, trật tự, an toàn xã hội, các cơ quan thông tin cần đẩy mạnh tuyên truyền về giá trị đạo đức truyền thống gia đình, truyền thống dân tộc để định hướng giới trẻ xây dựng hình thành nhân cách đúng đắn; phát động toàn dân tham gia phòng, chống tội phạm; tiến hành công tác điều tra cơ bản để chủ động phát hiện và giải quyết các mâu thuẫn trong Nhân dân; tăng cường các biện pháp tuần tra, kiểm soát; làm tốt công tác quản lý vũ khí vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ; tập trung điều tra khám phá và xử lý nghiêm minh, kịp thời các vụ việc nổi cộm để răn đe, trấn áp các loại tội phạm.

Tăng cường công tác tuyên truyền, vận động Nhân dân chấp hành pháp luật; tập trung vào các đối tượng đã và đang có biểu hiện vi phạm; các địa bàn, khu vực trọng điểm, phức tạp về tình hình an ninh, trật tự. Thông tin thường xuyên về phương thức, thủ đoạn hoạt động của các loại tội phạm để nâng cao ý thức chấp hành pháp luật, tinh thần cảnh giác của người dân; kịp thời phát hiện, tham gia tố giác tội phạm, góp phần cùng lực lượng chức năng đấu tranh phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật.

5. Tác động nguồn vốn đầu tư

a) Tác động tích cực

Thành lập thành phố Thủy Nguyên không làm phát sinh kinh phí vì đây không phải trường hợp chia tách để thành lập mới nên không bổ sung biên chế, xây dựng thêm trụ sở, mua sắm trang thiết bị và các tài sản mới. Đối với nguồn vốn đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng kinh tế, hạ tầng xã hội trước và sau khi thành lập thành phố là rất cần thiết. Trên cơ sở quy hoạch các dự án đầu tư đã được phê duyệt trên địa bàn, thành phố sẽ xác định nguồn vốn cụ thể cần phải huy động cho từng giai đoạn phù hợp cho từng công trình, từng dự án. Sau khi thành lập, thành phố cần tiếp tục tập trung đầu tư xây dựng nâng cấp, mở rộng hệ thống giao thông, cải tạo chỉnh trang khu dân cư theo quy hoạch, các công trình nhằm đáp ứng tốt

nhất nhu cầu của các nhà đầu tư, doanh nghiệp và Nhân dân trên địa bàn. Từng bước hoàn thiện hệ thống kết cấu hạ tầng, tiếp tục kêu gọi, thu hút, huy động vốn đầu tư và các nguồn lực sẵn có của địa phương. Bên cạnh đó, với vị trí địa lý, đặc điểm tự nhiên và điều kiện hệ thống hạ tầng xã hội hiện hữu, thành phố Thủy Nguyên sẽ là nơi lý tưởng trong việc mời gọi đầu tư, thu hút các nguồn vốn đầu tư trong và ngoài khu vực.

b) Tác động tiêu cực

Việc thành lập thành phố cần nguồn lực lớn cho đầu tư hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội như: hệ thống đường giao thông kết nối đồng bộ; hệ thống chiếu sáng; bãi đỗ xe; hồ sinh thái; vườn hoa, công viên, khu vui chơi giải trí và cung cấp hệ thống trường học, trạm y tế, các nhà văn hóa khu phố... Vì vậy, cần phải có kế hoạch phân bổ nguồn vốn cho hợp lý đối với từng dự án, công trình phù hợp với từng giai đoạn phát triển của thành phố.

c) Giải pháp

UBND thành phố xây dựng lộ trình triển khai thực hiện xây dựng các dự án đảm bảo theo quy hoạch và theo chương trình phát triển đô thị đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; cần xác định rõ các dự án theo phân cấp đầu tư công và sắp xếp thứ tự ưu tiên đầu tư trên cơ sở cân đối nguồn lực vốn đầu tư công.

Tranh thủ mọi nguồn lực từ các doanh nghiệp, nhà đầu tư, Nhân dân để đầu tư xây dựng và phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội của các địa phương góp phần thay đổi diện mạo đô thị tiến tới đồng bộ, kết nối liên thông và hiện đại.

UBND thành phố cũng xây dựng phương án giải quyết các thủ tục, giấy tờ trong công tác hành chính; tập trung rà soát, kịp thời tháo gỡ khó khăn, tạo mọi điều kiện thuận lợi nhất để hỗ trợ các nhà đầu tư trong quá trình tìm hiểu, triển khai thực hiện các dự án trên địa bàn, nhất là việc hỗ trợ hoàn thành các thủ tục, xác định giá đất, giải phóng mặt bằng... Ngoài ra, UBND thành phố cần triển khai các giải pháp hỗ trợ phát triển doanh nghiệp, thúc đẩy phong trào khởi nghiệp.

II. TÁC ĐỘNG CỦA VIỆC THÀNH LẬP CÁC PHƯỜNG

1. Tác động đến quản lý Nhà nước

a) Tác động tích cực

Thành lập các phường trên cơ sở toàn bộ diện tích tự nhiên và quy mô dân số của các xã, thị trấn hiện có và sau thực hiện sắp xếp nên không làm phát sinh tổ chức bộ máy các cơ quan Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội, đơn vị sự nghiệp,... Sau khi thành lập các phường, nhiệm vụ, quyền hạn của chính quyền được điều chỉnh phù hợp với yêu cầu quản lý thống nhất, liên thông và hoạt động ngày càng có hiệu lực, hiệu quả hơn công tác quản lý Nhà nước đối với các lĩnh vực kinh tế - xã hội trên địa bàn theo phân cấp, ủy quyền của chính quyền đô thị, đáp ứng yêu cầu ngày càng đa dạng của người dân.

Thành lập các phường là tiền đề để tổ chức, thiết lập chính quyền đô thị thay cho chính quyền nông thôn (xã) thể hiện quá trình và mức độ đô thị hóa cao

hơn với những chức năng, nhiệm vụ có riêng biệt và sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho công tác quản lý Nhà nước, đặc biệt là trên các lĩnh vực về xây dựng, đô thị, quy hoạch, kiến trúc, dân cư, cảnh quan, môi trường, quản lý dân cư, bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội.

Việc thành lập các phường sẽ thúc đẩy kinh tế phát triển toàn diện, từ đó chính quyền có nguồn kinh phí để đầu tư các cơ sở vật chất, trụ sở làm việc được quy hoạch đồng bộ, tu sửa và xây mới, tạo điều kiện thuận lợi cho cán bộ, công chức làm việc hiệu quả hơn. Bên cạnh đó, giúp công tác quản lý Nhà nước được tốt hơn, các thủ tục hành chính được cải cách, đơn giản hóa, cơ chế một cửa, một cửa điện tử... giúp giải quyết công việc nhanh, hiệu quả hơn.

b) Tác động tiêu cực

Thành lập phường sẽ kéo theo việc các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp và người dân trên địa bàn phải thực hiện kê khai thay đổi lại địa chỉ đơn vị, gia đình, các giấy tờ sở hữu liên quan... cho phù hợp với đơn vị hành chính mới.

Công tác quản lý Nhà nước từ mô hình chính quyền nông thôn sang chính quyền đô thị, bước đầu cần phải có thời gian để ổn định; đội ngũ cán bộ công chức ban đầu sẽ lúng túng do sự khác biệt về chức năng, nhiệm vụ giữa hai mô hình quản lý.

c) Giải pháp

Cần nâng cao hiệu quả của công tác quản lý Nhà nước; tập trung đào tạo, bồi dưỡng để nâng cao năng lực chuyên môn, kỹ năng hành chính, tinh thần trách nhiệm; phát huy tính chủ động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm và dám chịu trách nhiệm của đội ngũ cán bộ, công chức. Tập trung thực hiện các nhiệm vụ đổi mới mạnh mẽ, hiệu quả công tác cán bộ; đổi mới công tác đánh giá cán bộ theo quá trình, đảm bảo tính liên tục, đa chiều, theo nhiều tiêu chí và mức độ hoàn thành công việc được giao, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động trong công tác hành chính nhằm đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới. Thường xuyên kiểm tra, nhắc nhở cán bộ, công chức, viên chức tại các cơ quan, đơn vị, các phường thực hiện việc chấp hành nghiêm kỷ cương, kỷ luật hành chính, đạo đức công vụ, văn hóa giao tiếp.

Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết công việc của các cơ quan thông qua sử dụng đồng bộ các phần mềm dùng chung gắn liền với hoàn thiện quy trình giải quyết công việc theo chuẩn mực quản lý chất lượng. Tuyên truyền phổ biến đến người dân về kế hoạch, lộ trình chuyển đổi các loại giấy tờ để tránh trường hợp người dân đến thay đổi cùng một thời điểm gây áp lực đến dịch vụ công.

2. Tác động đến phát triển kinh tế - xã hội

a) Tác động tích cực

Thành lập các phường thuộc thành phố Thủy Nguyên sẽ góp phần đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng kinh tế, chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp thương mại và đặc biệt là dịch vụ, tạo ra nhiều việc làm và thu

nhập cho người lao động, phát huy hiệu quả và sử dụng lực lượng lao động có chất lượng cao, thúc đẩy cơ sở kỹ thuật hạ tầng hiện đại, tiêu thụ sản phẩm hàng hóa lớn và đa dạng, thu hút mạnh đầu tư trong nước và nước ngoài. Tiếp tục thu hút lực lượng lao động có trình độ, linh hoạt và tích cực hơn trong việc tìm kiếm việc làm như: lao động trong các khu công nghiệp, doanh nghiệp, lao động hoạt động vận tải, người buôn bán lưu động, góp phần giải quyết công ăn việc làm, làm giảm bớt lao động dư thừa, đóng góp cho sự phát triển kinh tế phường và thành phố.

Thành lập các phường thuộc thành phố Thủy Nguyên sẽ có tác động mạnh đến sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế của thành phố. Bởi quá trình hình thành và phát triển đô thị không chỉ gắn liền với phát triển công nghiệp mà còn gắn với phát triển hạ tầng giao thông, thương mại, dịch vụ; thúc đẩy đầu tư xây dựng các tuyến đường giao thông trong vùng nội thành kết nối với ngoại thành, tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển sản xuất, lưu thông hàng hóa, nâng cao mức sống cho người dân ở địa phương.

Thành lập các phường thuộc thành phố Thủy Nguyên giúp hệ thống hạ tầng kinh tế - xã hội sẽ được tiếp tục quan tâm đầu tư đồng bộ nhất là hệ thống các công trình hạ tầng đô thị, giao thông, y tế, giáo dục, các thiết chế văn hóa. Từ đó, Nhân dân sẽ được tiếp cận, thụ hưởng các dịch vụ văn hóa, giáo dục, chăm sóc sức khỏe... với điều kiện thuận lợi hơn, chất lượng tốt hơn. Bên cạnh đó việc thành lập phường cũng tạo điều kiện giao lưu và giữ gìn văn hóa các vùng miền, làm phong phú hơn văn hóa dân tộc, tiếp thu văn hóa hiện đại. Lực lượng dân di cư đến đồng thời mang văn hóa riêng có của vùng quê của họ, góp phần cho địa phương có một màu sắc văn hóa đa dạng.

Việc thành lập các phường thuộc thành phố Thủy Nguyên là động lực quan trọng làm thay đổi quá trình phát triển và phân bố lực lượng sản xuất. Việc dành quỹ đất cho phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ được ưu tiên, góp phần đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng kinh tế, tăng thu nhập bình quân đầu người. Sự phát triển công nghiệp, các khu công nghiệp, các nhà máy xí nghiệp sẽ thu hút lao động tập trung quanh vùng tạo thành các khu định cư mới, điều này cũng sẽ tác động đến môi trường, vì vậy cần có các định hướng, giải pháp thu hút đầu tư công nghệ cao, thân thiện với môi trường và các giải pháp khác. Đồng thời, kéo theo sự phát triển của các ngành dịch vụ, làm tăng quy mô, mật độ dân số, làm thay đổi tập quán, lối sống của dân cư.

Như vậy, có thể khẳng định việc thành lập các phường thuộc thành phố Thủy Nguyên sẽ có tác động tích cực về kinh tế - xã hội, tạo động lực thúc đẩy quá trình đô thị hóa trên địa bàn, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế và cơ cấu lao động, tạo ra nhiều việc làm, thu nhập cho người lao động; thu hút lực lượng lao động chất lượng cao; phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật cao; phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật đô thị đồng bộ, hiện đại, có sức thu hút đầu tư mạnh mẽ từ trong nước và ngoài nước.

b) Tác động tiêu cực

Việc thành lập các phường cũng sẽ có những khó khăn nhất định như: để phát triển mục tiêu cơ cấu kinh tế theo hướng tăng nhanh tỷ trọng dịch vụ, công

nghiệp và giảm tỷ trọng nông nghiệp thì địa phương phải điều chỉnh lại mục tiêu tăng trưởng và cơ cấu kinh tế để phù hợp với thực tiễn; cơ sở hạ tầng đô thị đã được đầu tư xây dựng trên một số lĩnh vực nhưng chưa đồng bộ, cần phải được tiếp tục đầu tư, xây dựng; sự phát triển kinh tế - xã hội và quá trình đô thị hóa sẽ dẫn đến nhiều vấn đề mới nảy sinh: tình trạng gia tăng dân số, lao động, việc làm, chuyển dịch cơ cấu, thành phần dân cư, quản lý kiến trúc cảnh quan và môi trường đô thị, an ninh, trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn.

c) Giải pháp

Thực hiện các giải pháp phát triển thị trường lao động; kết nối hệ thống thông tin thị trường lao động địa phương với hệ thống thông tin thị trường lao động của toàn thành phố. Tiếp tục triển khai có hiệu quả các chính sách, chương trình, giải pháp hỗ trợ tạo việc làm. Tăng cường tổ chức các phiên giao dịch việc làm lưu động tại các cơ sở dạy nghề, đẩy mạnh công tác tuyên truyền tại các địa phương để thu hút lao động tham gia sàn giao dịch việc làm. Đồng thời, khuyến khích các doanh nghiệp thực hiện các giải pháp lâu bền từ các chế độ đãi ngộ, tiền lương, thưởng để thu hút người lao động.

Khuyến khích các nhà đầu tư, doanh nghiệp trong các khu, cụm công nghiệp sử dụng lao động tại địa phương, xây dựng các khu nhà ở công nhân. Quy hoạch xây dựng các khu nhà ở cho người lao động có thu nhập thấp tạo điều kiện thuận lợi cho người lao động các địa phương khác đến làm việc, sinh sống góp phần phát triển kinh tế - xã hội thay đổi diện mạo đô thị. Hỗ trợ các hộ nghèo, cận nghèo trong việc tiếp cận các nguồn vốn vay để phát triển sản xuất, giới thiệu việc làm, khuyến khích phát triển kinh tế hộ gia đình, tiểu thủ công nghiệp... từ đó giúp các hộ thoát nghèo bền vững không còn tình trạng tái nghèo, đồng thời tăng thu nhập và phát triển ổn định cho người dân.

Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát về hoạt động hành nghề xây dựng, sản xuất kinh doanh của các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động và sinh sống trên địa bàn. Có biện pháp chế tài mang tính răn đe đối với các tổ chức, cá nhân vi phạm trong hoạt động đầu tư sản xuất, kinh doanh. Đồng thời, kiểm tra, rà soát các công trình, dự án đã và đang thực hiện trên địa bàn theo quy hoạch đã được phê duyệt từ đó có kế hoạch cụ thể triển khai hoàn thành sớm đưa vào sử dụng. Kiểm tra, xử lý nghiêm các trường hợp xây dựng, san lấp mặt bằng không đúng quy định bảo đảm kiến trúc tổng thể của đô thị theo quy hoạch.

UBND thành phố có kế hoạch từng bước đầu tư chỉnh trang, nâng cấp cơ sở hạ tầng thương mại - dịch vụ; mô hình xã hội hóa về xây dựng, kinh doanh, quản lý chợ bước đầu thu hút được sự quan tâm của các nhà đầu tư. Mạng lưới thương mại phát triển mạnh, nhất là các cửa hàng xăng dầu, kinh doanh vật liệu xây dựng, thu mua nguyên liệu; các cơ sở sản xuất, kinh doanh, bán buôn, bán lẻ phát triển nhanh và rộng khắp từ đô thị đến nông thôn.

3. Tác động đến đời sống người dân và môi trường

a) Tác động tích cực

Thành lập các phường không ảnh hưởng đến các thiết chế và đặc trưng văn hóa địa phương, phong tục tập quán, cũng như tác động xấu đến danh lam thắng cảnh, làm xáo trộn đến đời sống dân cư. Các chính sách an sinh xã hội, hỗ trợ người dân sẽ được tốt hơn đảm bảo phù hợp với mô hình chính quyền đô thị. Từ đó, các hộ gia đình khó khăn, hộ cận nghèo được tiếp cận với những chính sách, ưu đãi tốt hơn để phát triển. Sau khi thành lập, các phường sẽ tiếp tục đầu tư cơ sở hạ tầng, góp phần đảm bảo an sinh xã hội; đời sống tinh thần của Nhân dân được quan tâm và cải thiện ngày một tốt hơn.

Thành lập các phường sẽ là điều kiện thuận lợi để giải quyết vấn đề phát triển đô thị do sự tăng trưởng nhanh chóng của các ngành công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, thương mại, dịch vụ và các làng nghề, hộ gia đình đang làm tăng khí thải, chất thải. Đồng thời, bảo đảm sự hài hòa giữa phát triển kinh tế và bảo vệ môi trường, khai thác và sử dụng hợp lý, hiệu quả các nguồn tài nguyên, cảnh quan thiên nhiên và các không gian đô thị, văn hóa, du lịch, công nghiệp, nông nghiệp sinh thái theo hướng phát triển bền vững, xanh, sạch, đẹp; giải quyết cơ bản tình trạng ô nhiễm, xây dựng kế hoạch trồng mới hệ thống cây xanh, hình thành các vành đai xanh, nhất là khu vực nội thành. Việc sinh sống tại môi trường đô thị sẽ nâng cao ý thức người dân về việc bảo vệ môi trường sống; chính quyền đô thị sẽ quan tâm đầu tư hơn cho các cơ sở hạ tầng bảo vệ môi trường.

b) Tác động tiêu cực

Tốc độ đô thị hóa nhanh, phát triển công nghiệp, dịch vụ, thương mại và sự gia tăng dân số cơ học sẽ tạo áp lực lên các lĩnh vực giáo dục, y tế, việc làm; làm thay đổi lối sống và cách sống từ nông thôn sang thành thị; tệ nạn xã hội cũng có điều kiện phát triển. Thành lập phường sẽ dẫn đến thay đổi thông tin liên lạc của tổ chức, công dân và các giấy tờ cá nhân, ảnh hưởng đến giao dịch hàng ngày của người dân, doanh nghiệp.

Quá trình đô thị hóa góp phần thúc đẩy kinh tế và hạ tầng đô thị các địa phương phát triển nhanh, thu hút lượng lớn lao động đến sinh sống và làm việc tại địa phương. Tuy nhiên, sẽ gặp những khó khăn khi số lượng các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, đô thị hình thành và tăng nhanh như: nước thải, chất thải, chất thải rắn nguy hại chưa được xử lý tại khu vực làng nghề truyền thống và các khu vực lân cận khu, cụm công nghiệp làm ảnh hưởng đến cộng đồng dân cư. Khi triển khai xây dựng các dự án có thể sẽ gây ra một số tác động tiêu cực như: gia tăng nồng độ bụi, tiếng ồn, ảnh hưởng xấu đến môi trường xã hội, thẩm mỹ cảnh quan khu vực, ảnh hưởng đến cơ cấu sử dụng đất... Mặt khác, khi đất nông nghiệp chuyển sang đất phi nông nghiệp để thực hiện các dự án phục vụ phát triển công nghiệp, những lao động trong độ tuổi lao động sẽ khó tiếp cận với việc làm mới, thiếu trình độ và khả năng chuyển đổi thấp.

c) Giải pháp

Các phường sau khi thành lập cần thực hiện giải pháp trong công tác quản lý để đáp ứng tốt nhất yêu cầu về giáo dục đào tạo, y tế, việc làm... của người dân; không ngừng phát huy truyền thống lịch sử, bản sắc văn hóa tốt đẹp của địa phương, thường xuyên giáo dục, nâng cao ý thức người dân. Tạo điều kiện thuận lợi nhất cho công dân trong việc tổ chức cấp đổi các giấy tờ đảm bảo tiết kiệm thời gian, tiền bạc cho người dân theo kế hoạch của các cấp.

Tăng cường huy động các nguồn lực, nhất là nguồn lực trong Nhân dân, các tổ chức xã hội. Phát huy vai trò của các tổ chức chính trị - xã hội của xã trong đẩy mạnh tuyên truyền về các mô hình an sinh xã hội với nhiều cách làm sáng tạo để tạo chuyển biến mạnh mẽ từ nhận thức đến hành động của đội ngũ cán bộ làm công tác an sinh xã hội. Kịp thời triển khai các dự án, chương trình hỗ trợ, tạo điều kiện để ổn định và phát triển kinh tế địa phương, tạo thêm nhiều việc làm mới, hạn chế thất nghiệp, ổn định thu nhập cho người dân. Hỗ trợ cho mọi người tạo được việc làm thông qua chính sách tín dụng ưu đãi, phát triển ngành nghề, lập nghiệp ngay trên địa bàn phường và phát huy thế mạnh của địa phương. Tập trung trợ giúp cho hộ cận nghèo để không tái nghèo và mở rộng chính sách hỗ trợ cho hộ cận nghèo về giáo dục, dạy nghề, y tế,... Động viên, giáo dục hộ nghèo có ý thức vươn lên thoát nghèo, không trông chờ ỷ lại; giúp họ tổ chức lại cuộc sống, tiết kiệm chi tiêu, sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn được hỗ trợ. Đảm bảo công khai, dân chủ, thực hiện chính sách hỗ trợ đúng đối tượng; tổ chức quản lý chặt chẽ đối tượng hộ nghèo, lập danh sách và thường xuyên cập nhật theo dõi biến động hộ, nhân khẩu để điều chỉnh kịp thời...

Sau khi thành lập, các cấp chính quyền cần đẩy mạnh công tác quản lý môi trường đô thị trên địa bàn; hoàn thiện các chính sách, quy định pháp luật về bảo vệ môi trường; tăng cường huy động các nguồn lực trong bảo vệ môi trường; tập trung đầu tư các dự án, chương trình cải thiện chất lượng môi trường, khắc phục ô nhiễm. Do đó, thành phố và các phường cần phải định hướng phát triển đô thị theo hướng bền vững, gắn việc phát triển kinh tế, xã hội với bảo vệ môi trường sau khi các xã thành lập phường; cần có kế hoạch, lộ trình và các giải pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường không cho hộ dân sản xuất, chăn nuôi, nhỏ lẻ... gây ô nhiễm môi trường trong các hộ dân.

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật nhằm nâng cao nhận thức và trách nhiệm cộng đồng về bảo vệ môi trường. Tổ chức tốt việc thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp không nguy hại, chất thải y tế và chất thải nguy hại theo mục tiêu Nghị quyết đề ra. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra việc chấp hành của pháp luật về bảo vệ môi trường của các cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ, cơ sở chăn nuôi và giết mổ gia súc, gia cầm;

ngăn chặn kịp thời các nguồn gây ô nhiễm môi trường và xử lý nghiêm các cơ sở vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường theo thẩm quyền quy định. Quản lý chặt chẽ việc khai thác tài nguyên, khoáng sản, việc hành nghề khoan khai thác nước dưới đất.

Tổ chức mạng lưới thu gom, phân loại, tái sử dụng các chất thải nhằm làm sạch môi trường, đem lại lợi ích kinh tế, tiết kiệm tài nguyên và giảm chi phí xử lý. Xử lý chất thải độc hại bằng quá trình hóa lý, sinh học, tách các chất độc hại ra khỏi rác.

4. Tác động đến quốc phòng, an ninh

a) Tác động tích cực

Thành lập các phường góp phần nâng cao hiệu quả công tác quản lý Nhà nước nói chung và công tác quản lý Nhà nước đảm bảo quốc phòng, an ninh nói riêng. Lực lượng Công an chính quy sẽ được tăng cường hơn nữa, góp phần nâng cao hiệu quả bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn.

Kinh tế - xã hội phát triển, đời sống vật chất, tinh thần cũng như nhận thức của người dân không ngừng được nâng lên sẽ góp phần củng cố nền quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh Nhân dân vững chắc; hạn chế điều kiện phát sinh tội phạm. Ngoài ra, hạ tầng giao thông được đầu tư, nâng cấp giúp cho việc đi lại được thuận lợi, góp phần củng cố quốc phòng, an ninh, giảm thiểu tai nạn giao thông.

b) Tác động tiêu cực

Sự gia tăng dân số cơ học cùng với đó là lực lượng lao động tự do từ các địa bàn lân cận đến địa phương làm tăng áp lực lên công tác bảo vệ an ninh, trật tự của hệ thống chính trị cơ sở.

c) Giải pháp

Sau khi thành lập các phường, lực lượng Công an phường sẽ được bố trí lại cho phù hợp, tăng cường về lực lượng và phương tiện hỗ trợ sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho công tác bảo đảm an ninh, trật tự; cùng với Đảng bộ, chính quyền và Nhân dân các phường thực hiện tốt nhiệm vụ quản lý hộ tịch, dân cư, phòng chống các tệ nạn xã hội, bảo vệ môi trường, an ninh, trật tự trên địa bàn.

Tăng cường công tác tuyên truyền, vận động Nhân dân chấp hành pháp luật; tập trung vào các đối tượng đã và đang có biểu hiện vi phạm; các địa bàn, khu vực trọng điểm, phức tạp về tình hình an ninh, trật tự. Thông tin thường xuyên về phương thức, thủ đoạn hoạt động của các loại tội phạm để nâng cao ý thức chấp hành pháp luật, tinh thần cảnh giác của người dân; kịp thời phát hiện, tham gia tố

giác tội phạm, góp phần cùng lực lượng chức năng đấu tranh phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật.

Lực lượng Công an phường thường xuyên phối hợp chặt chẽ với các khu phố trong việc thực hiện Luật Cư trú; thường xuyên rà soát số nhân khẩu, hộ khẩu trên địa bàn; đầu tư trang thiết bị, phương tiện nghiệp vụ, ứng dụng công nghệ thông tin vào đăng ký, cải cách thủ tục hành chính trong công tác quản lý nhân khẩu tạm trú. Tăng cường kiểm tra định kỳ, kiểm tra đột xuất, phối hợp với các ban, ngành, đoàn thể kiểm tra chéo thông qua công tác kiểm tra, nắm chắc tình hình chấp hành quy định về quản lý tạm trú của các hộ dân.

5. Tác động nguồn vốn đầu tư

a) Tác động tích cực

Thành lập phường sẽ có nhiều điều kiện hơn để thu hút các nguồn lực cho đầu tư phát triển kinh tế - xã hội, bao gồm cả nguồn lực của Nhà nước, của doanh nghiệp trong nước và nước ngoài; đồng thời củng cố cơ hội để tham gia chủ động hơn vào quá trình hợp tác, giao lưu phát triển. Sau khi thành lập các phường cần đầu tư xây dựng nâng cấp, mở rộng hệ thống giao thông, cải tạo chỉnh trang khu dân cư theo quy hoạch. Từng bước hoàn thiện hệ thống kết cấu hạ tầng, tiếp tục kêu gọi, thu hút, huy động vốn đầu tư và các nguồn lực sẵn có của địa phương. Với vị trí địa lý, đặc điểm tự nhiên và điều kiện hệ thống hạ tầng xã hội hiện hữu, cùng với sự phát triển sau khi thành lập, các phường sẽ là điều kiện lý tưởng trong việc mời gọi đầu tư, thu hút các nguồn vốn đầu tư trong và ngoài khu vực.

b) Tác động tiêu cực

Thành lập các phường cần nguồn lực cho việc đầu tư nâng cấp hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội như: hệ thống đường giao thông kết nối các phường mới với trung tâm thành phố; hệ thống chiếu sáng; cây xanh; trạm y tế... Bên cạnh đó, do các phường mới thành lập còn chưa ổn định về mặt quản lý, nguồn nhân lực còn hạn chế, lực lượng lao động có trình độ chuyên môn chưa cao; các thủ tục hành chính chưa thể hoàn thiện gây nên một số trở ngại và khó khăn ban đầu về các công tác đầu tư thu hút nguồn vốn, thu hút nhà đầu tư.

c) Giải pháp

Trong giai đoạn tiếp theo, UBND thành phố cần xây dựng lộ trình triển khai thực hiện xây dựng các dự án cho các phường để đảm bảo tính khả thi, cần xác định rõ các dự án theo phân cấp đầu tư công và sắp xếp thứ tự ưu tiên đầu tư trên cơ sở cân đối nguồn lực vốn đầu tư công.

UBND thành phố cần tạo mọi điều kiện thuận lợi nhất để hỗ trợ các nhà đầu tư trong quá trình tìm hiểu, triển khai thực hiện các dự án trên địa bàn các phường, nhất là việc hỗ trợ hoàn thành các thủ tục, xác định giá đất, giải phóng mặt bằng... Ngoài ra, UBND thành phố cần triển khai các giải pháp hỗ trợ phát triển doanh nghiệp, thúc đẩy phong trào khởi nghiệp.

III. TÁC ĐỘNG CỦA VIỆC SẮP XẾP ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP XÃ

1. Tác động đến quản lý Nhà nước

a) Tác động tích cực

Thực hiện chủ trương lớn của Đảng và Nhà nước, hoàn toàn phù hợp với yêu cầu thực tiễn, gắn liền với thực hiện chủ trương tinh gọn bộ máy, tinh giản biên chế và thực hiện chế độ tiền lương mới (giảm được đầu mối cơ quan hành chính Nhà nước, cụ thể là cấp xã).

Trong quá trình sắp xếp, sẽ lựa chọn được những cán bộ, công chức có năng lực, trình độ, tín nhiệm để bố trí đảm nhận các chức danh đảm bảo đúng theo quy định; góp phần đáp ứng yêu cầu công tác quản lý Nhà nước trên các lĩnh vực nhằm nâng cao hiệu quả thực hiện các nhiệm vụ chính trị của địa phương.

Bộ máy hành chính Nhà nước mới có thể đảm bảo thực hiện tốt công tác quản lý Nhà nước, cung cấp dịch vụ công cho người dân cũng như thực hiện được chức năng, nhiệm vụ của chính quyền địa phương.

b) Tác động tiêu cực

Việc sắp xếp có tác động lớn đến hoạt động quản lý Nhà nước cũng như tư tưởng cán bộ, công chức, viên chức ở đơn vị hành chính thực hiện sắp xếp, sáp nhập. Việc quản lý địa giới hành chính rộng hơn so với trước đây có thể phát sinh nhiều vấn đề hạn chế, bất cập trong việc quản lý đơn vị hành chính mới như: công tác quy hoạch, tệ nạn xã hội gia tăng, tình trạng mất an ninh, trật tự, an toàn xã hội,... là những thách thức trong công tác quản lý Nhà nước. Bên cạnh đó, quá trình sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã còn phải đảm bảo chế độ chính sách đối với những người tiếp tục làm việc cũng như người thuộc diện dôi dư.

c) Giải pháp

UBND thành phố sau khi thành lập cần xây dựng và ban hành đầy đủ, kịp thời các quy chế, đảm bảo phát huy dân chủ, sáng kiến, sáng tạo và làm cho hệ thống cơ quan quản lý hành chính của xã mới hoạt động có hiệu lực, hiệu quả, đáp ứng được yêu cầu trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ. Sau khi kiện toàn lại bộ máy tổ chức cần tiến hành sắp xếp lại đội ngũ cán bộ hiện có phù hợp về trình độ, năng lực chuyên môn. Đồng thời, UBND thành phố cần có phương

án bố trí, sắp xếp cũng như thực hiện các chế độ, chính sách đối với các cán bộ dôi dư sau khi thực hiện sáp nhập để mở rộng địa giới đơn vị hành chính.

Chỉ đạo UBND cấp xã mới tăng cường phối hợp với Công an, thường xuyên làm tốt công tác nắm tình hình, nắm người, nắm hộ và các vụ việc xảy ra trong tình hình mới.

2. Tác động đến phát triển kinh tế - xã hội

a) Tác động tích cực

Sắp xếp các đơn vị hành chính làm giảm gánh nặng chi thường xuyên ngân sách. Góp phần tập trung nguồn lực để thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống Nhân dân.

Sau khi sắp xếp công tác lập kế hoạch, quy mô dài hạn, định hướng phát triển kinh tế - xã hội được quy hoạch tổng thể, không gian phát triển sẽ không còn bị chia cắt, manh mún, phân tán nguồn lực. Điều này tạo điều kiện thuận lợi cho công tác quy hoạch, kế hoạch phát triển trong tương lai của địa phương.

Quy mô một số vùng sản xuất chuyên canh, nuôi trồng được mở rộng và phát triển theo hướng kinh tế đô thị; việc quản lý hệ thống tưới tiêu, thoát lũ được thực hiện đồng bộ. Có điều kiện để rà soát và thực hiện quy hoạch đồng bộ hệ thống cơ sở hạ tầng giao thông, tạo thuận lợi cho Nhân dân đi lại, phát triển các khu đô thị, nâng cao giá trị kinh tế đất và nâng cấp xã mới thành phường sau khi sắp xếp.

Hệ thống giáo dục, y tế được sắp xếp, kiện toàn, nâng cao chất lượng sẽ góp phần phục vụ Nhân dân được tốt hơn; công tác đảm bảo an sinh xã hội được chú trọng, tạo điều kiện thuận lợi thúc đẩy huy động nguồn lực đóng góp của Nhân dân, các nguồn lực xã hội hóa để xây dựng kết cấu hạ tầng và phát triển hệ thống y tế, giáo dục.

b) Tác động tiêu cực

Các chỉ tiêu và định hướng về phát triển kinh tế - xã hội của các xã bước đầu sẽ có nhiều khó khăn do hệ thống cơ sở hạ tầng còn phân bố phân tán, chưa tập trung để hình thành những khu chức năng nên sẽ ảnh hưởng đến tốc độ phát triển kinh tế - xã hội của các xã sau khi nhập.

c) Giải pháp

Căn cứ vào các Quy hoạch đã được các cấp có thẩm quyền phê duyệt, UBND thành phố cũng như UBND các xã mới cần tổ chức thực hiện và vận dụng đồng bộ các giải pháp về cơ chế, chính sách tạo lập môi trường đầu tư thông thoáng nhằm phát huy cao nhất tiềm năng và nguồn lực của Nhà nước cũng như thu hút tối đa nguồn vốn của doanh nghiệp ưu tiên cho đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng theo hướng

đồng bộ. Tiếp tục, đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án gắn với việc rà soát, điều chỉnh danh mục các dự án phù hợp với điều kiện triển khai thực tế.

Tiếp tục mời gọi đầu tư nâng cấp một số hạng mục của chợ trung tâm các xã; phát triển mạng lưới cửa hàng mua bán truyền thống; thành lập một số hợp tác xã thương mại - dịch vụ nhằm thực hiện dịch vụ "đầu vào" cho sản xuất và tổ chức "đầu ra" tiêu thụ sản phẩm cho nông dân. Tiếp tục phối hợp với các đơn vị có liên quan của thành phố để đẩy mạnh các hoạt động xúc tiến thương mại; xây dựng chương trình xúc tiến thương mại gắn với phát triển thị trường; tăng cường liên kết, hợp tác tìm kiếm thị trường nội địa để tiêu thụ các mặt hàng thế mạnh của từng xã; xây dựng thương hiệu cho một số sản phẩm chủ lực.

3. Tác động đến đời sống người dân

a) Tác động tích cực

Sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã giúp tăng cường giao lưu các nền văn hóa đặc trưng của từng đơn vị hành chính cấp xã; hệ thống hạ tầng giao thông được kết nối đồng bộ; các vấn đề về môi trường được quan tâm, triển khai, thực hiện tích cực hơn bảo đảm sự hài hòa giữa phát triển kinh tế với việc bảo vệ môi trường góp phần cải thiện đời sống vật chất và tinh thần của người dân.

b) Tác động tiêu cực

Việc sắp xếp các đơn vị hành chính sẽ thay đổi địa chỉ nhà ở và các giấy tờ tùy thân liên quan, bước đầu gây xáo trộn đến cuộc sống của người dân.

Sau khi sắp xếp hệ thống giáo dục, y tế trước mắt sẽ có các cơ sở chính và phụ nên ít nhiều ảnh hưởng đến tâm lý của người dân, đặc biệt là người dân phải đến cơ sở y tế xa hơn so với cơ sở y tế khi chưa nhập. Khó khăn trong việc bố trí, sử dụng cơ sở hạ tầng dư thừa như trụ sở, trạm y tế, bưu điện.

c) Giải pháp

Để tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, các tổ chức trên địa bàn các xã sau khi sắp xếp trong việc thay đổi địa chỉ, giấy tờ, con dấu,... UBND thành phố sẽ chỉ đạo các Phòng ban, đơn vị xây dựng Kế hoạch cụ thể cả về nội dung và thời gian làm việc để hướng dẫn UBND cấp xã trong việc giải quyết các vấn đề cần thiết nhằm sớm ổn định cuộc sống người dân, doanh nghiệp và công tác quản lý, hoạt động kinh doanh.

Việc chuyển đổi các loại giấy tờ sẽ được đăng tải công khai trên cổng thông tin của thành phố Thủy Nguyên, thông báo đến từng tổ dân phố tạo thuận lợi nhất cho các cá nhân, tổ chức khi thực hiện chuyển đổi các loại giấy tờ. Ngoài ra, đối với giấy tờ cũ, giao dịch cũ vẫn giữ nguyên, nhưng nếu người dân, doanh nghiệp

có nhu cầu điều chỉnh thì sẽ được chính quyền địa phương cũng như Công an cho điều chỉnh ngay.

UBND các xã mới cần phối hợp với các đơn vị, thống nhất và bố trí trụ sở cơ quan, giáo dục, y tế trên địa bàn để đảm bảo thuận lợi nhất cho người dân. UBND thành phố Thủy Nguyên có trách nhiệm chỉ đạo các cơ quan chuyên môn tiến hành tiếp nhận, đánh giá hiện trạng và đề xuất phương án xử lý đối với các trụ sở, tài sản công dôi dư đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật.

4. Tác động đến quốc phòng, an ninh

a) Tác động tích cực

Khi thực hiện việc sắp xếp các đơn vị hành chính, UBND các xã đã rà soát, báo cáo phương án sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã liên quan trước khi thực hiện sắp xếp phải đảm bảo các yếu tố theo quy định. Công tác an ninh, quốc phòng, trật tự an toàn xã hội được đưa lên hàng đầu với chủ trương: "Việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã ngoài căn cứ theo các tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên, quy mô dân số thì cần phải chú trọng đến các yếu tố đặc thù về lịch sử, truyền thống, văn hóa, phong tục, tập quán, điều kiện địa lý - tự nhiên, cộng đồng dân cư để bảo đảm sự kế thừa, ổn định, tạo thuận lợi trong hoạt động quản lý Nhà nước, bảo đảm ổn định trật tự, giữ vững quốc phòng, an ninh". Việc này cũng tạo sự đồng thuận trong Nhân dân nên sau khi tiến hành sắp xếp các đơn vị hành chính trên địa bàn không làm ảnh hưởng nhiều đến tình hình quốc phòng, an ninh.

Hệ thống giao thông thuận lợi, đặc điểm tình hình về quốc phòng, an ninh tại các địa phương có sự tương đồng về địa bàn, văn hóa, phong tục,... do đó sau khi sắp xếp sẽ thuận lợi trong việc diễn tập phòng thủ, tác chiến và thuận lợi trong các tác quản lý trật tự, an ninh, an toàn xã hội.

b) Tác động tiêu cực

Địa bàn rộng, nhân lực ít, trong khi đó tình hình tội phạm có nhiều diễn biến hoạt động phức tạp, có nhiều thủ đoạn để đối phó với lực lượng an ninh nên việc quản lý về an ninh, trật tự, an toàn xã hội bước đầu sẽ gặp khó khăn nhất định. Thế lực thù địch tranh thủ tuyên truyền chống phá về chủ trương thực hiện của Nhà nước đến những người dân chưa thực sự hiểu rõ về lợi ích của việc sắp xếp đơn vị hành chính, làm hoang mang lòng dân, gây rối trật tự, an ninh. Sau khi sắp xếp không tránh khỏi việc gặp khó khăn trong công tác quản lý các cá nhân, tổ chức, thành phần tội phạm giữa các đơn vị thực hiện sắp xếp.

c) Giải pháp

Để đảm bảo tình hình an ninh, trật tự, an toàn xã hội, góp phần phát triển kinh tế - xã hội, thời gian tới, lực lượng Công an cần triển khai thực hiện có hiệu quả các kế hoạch, phương án bảo vệ an ninh, trật tự, an toàn giao thông trên địa bàn. Duy trì hoạt động các mô hình an ninh tự quản ở cơ sở như phong trào "Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc", "nhà trường an toàn về an ninh, trật tự", hay các mô hình của Đoàn Thanh niên, Hội Phụ nữ,... Ngoài ra, đội ngũ Công an viên vẫn tiếp tục là hạt nhân trong việc nắm bắt tình hình an ninh, trật tự ở cơ sở để kịp thời xử lý những vấn đề phát sinh.

IV. TÁC ĐỘNG ĐỐI VỚI PHƯỜNG ĐÔNG HẢI 1, QUẬN HẢI AN SAU KHI ĐIỀU CHỈNH ĐỊA GIỚI ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH

Việc điều chỉnh 7,27 km^2 khu vực tại đảo Vũ Yên trên địa bàn của phường Đông Hải 1, quận Hải An về thành phố Thủy Nguyên sau khi thành lập sẽ tạo điều kiện thuận lợi trong công tác quản lý, quy hoạch, phát triển kinh tế tại khu vực này. Do khu vực đảo Vũ Yên nằm hoàn toàn bên kia sông Cấm (có chiều rộng trung bình từ 400 - 500 m), nằm biệt lập với phường Đông Hải 1. Mặt khác, tại khu vực này không có dân cư sinh sống nên không có khó khăn, vướng mắc trong việc chuyển đổi các loại giấy tờ, cũng như việc quản lý hành chính không bị ảnh hưởng so với trước đây.

Do đó, việc điều chỉnh này sẽ không ảnh hưởng đến đời sống, không có tác động lớn đến sự phát triển kinh tế - xã hội của phường Đông Hải 1, quận Hải An.

B. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN, MỘT SỐ NHIỆM VỤ VÀ CÁC GIẢI PHÁP CỦA CÁC PHƯỜNG THUỘC THÀNH PHỐ VÀ THÀNH PHỐ THỦY NGUYÊN

I. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN CỦA THÀNH PHỐ SAU KHI THÀNH LẬP

1. Định hướng chung

Phát triển nhanh, toàn diện và bền vững các lĩnh vực kinh tế, văn hóa, xã hội; bảo đảm vững chắc quốc phòng an ninh; xây dựng thành phố Thủy Nguyên phát triển theo tính chất là khu đô thị mới gắn với trung tâm hành chính, chính trị mới của thành phố Hải Phòng; trung tâm công nghiệp, thương mại, dịch vụ, tài chính, du lịch văn hóa và giải trí, y tế, giáo dục, trung tâm nghề cá vùng duyên hải Bắc Bộ.

Phát triển công nghiệp hài hòa chú trọng công nghiệp điện tử - viễn thông, sản xuất phần mềm, sản phẩm số, công nghiệp chế biến nông - thủy sản, công nghiệp đóng tàu, công nghiệp dệt may,... Chú trọng phát triển thương mại điện tử

và các loại hình thương mại dựa trên nền tảng số hóa. Ưu tiên phát triển du lịch thành ngành mũi nhọn; đẩy mạnh thu hút đầu tư phát triển du lịch văn hóa, du lịch tâm linh, du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng, du lịch chăm sóc sức khỏe với các hoạt động vui chơi và giải trí, tổ chức hội nghị, hội thảo, sự kiện; tăng cường liên kết với các địa phương để hình thành các tour sản phẩm du lịch đặc sắc.

Chú trọng nâng cao chất lượng toàn diện đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân. Phát triển mở rộng các phong trào văn hóa thể thao cộng đồng, phát huy các giá trị văn hóa, lịch sử truyền thống gắn với các sản phẩm du lịch. Đổi mới nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo, giữ vững truyền thống hiếu học, thành tích tốp đầu cấp huyện. Tăng cường công tác đảm bảo an sinh xã hội, nâng cao chất lượng nguồn lực.

Đổi mới mạnh mẽ phương thức lãnh đạo, đảm bảo vai trò lãnh đạo tuyệt đối, toàn diện của các cấp ủy đảng. Quan tâm xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức nhất là cán bộ chủ chốt các cấp, đủ sức đảm nhiệm các nhiệm vụ. Nâng cao hiệu lực hiệu quả hoạt động của chính quyền. Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc và củng cố vững chắc niềm tin của Nhân dân với cấp ủy đảng, chính quyền các cấp.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Về kinh tế

- Tăng trưởng kinh tế bình quân trên 17%/năm, trong đó: công nghiệp - xây dựng tăng trên 18,5%/năm; thương mại - dịch vụ tăng trên 18%/năm; nông - lâm - thủy sản tăng trên 1%/năm.

- Tỷ trọng giá trị sản xuất các ngành ngày càng tăng, trong đó: công nghiệp - xây dựng tăng trên 58%/năm; thương mại - dịch vụ tăng trên 38%/năm; nông - lâm - thủy sản tăng trên 4%/năm.

- Thu nhập bình quân đầu người phấn đấu đạt trên 100 triệu đồng/người/năm.

- Thu cân đối ngân sách nhà nước trên địa bàn hằng năm phấn đấu tăng 25%/năm.

- Tổng vốn đầu tư toàn xã hội phấn đấu đạt trên 210.000 tỷ đồng.

- Phấn đấu 100% các xã đạt nông thôn mới kiểu mẫu.

2.2. Về xã hội

- Duy trì 100% các trường đạt chuẩn quốc gia, phấn đấu xây dựng 25% trên tổng số trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 2.

- Tỷ lệ số hộ gia đình được công nhận gia đình văn hóa đạt 100%; số thôn, tổ dân phố văn hóa phấn đấu đạt 100%; cơ quan, đơn vị được công nhận chuẩn văn hóa đạt 100%.

- Giải quyết việc làm bình quân từ 7.000 đến 7.500 lượt lao động/năm. Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 90% trở lên, trong đó tỷ lệ lao động có bằng cấp, chứng chỉ đạt 40%.

- Phấn đấu không còn hộ nghèo.

- Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế phấn đấu đạt 100%.

- Tỷ lệ phát triển dân số tự nhiên hằng năm 0,93 - 0,95%

II. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN CỦA CÁC PHƯỜNG SAU KHI THÀNH LẬP

1. Định hướng chung

Tiếp tục triển khai thực hiện chủ trương, nhiệm vụ, kế hoạch, mục tiêu đặt ra. Phát huy lợi thế tiềm năng sẵn có tập trung chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tăng dần tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và thương mại - dịch vụ, nâng cao giá trị sản xuất của từng ngành, từng lĩnh vực, khuyến khích người dân chuyển đổi cơ cấu ngành nghề tăng thêm thu nhập trong Nhân dân.

Huy động tối đa các nguồn vốn đầu tư cho phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn đầu tư từ ngân sách, đẩy mạnh xã hội hóa trong đầu tư phát triển nhằm thu hút mạnh mẽ vốn đầu tư từ các thành phần kinh tế tham gia đầu tư trên địa bàn. Tập trung mọi nguồn lực đầu tư cho các lĩnh vực về y tế, văn hóa, giáo dục; sắp xếp dân cư, chỉnh trang đô thị, đầu tư cơ sở hạ tầng... phù hợp với tốc độ phát triển của thành phố. Chuyển dịch mạnh mẽ cơ cấu kinh tế theo hướng giảm dần tỷ trọng nông nghiệp, đồng thời chuyển dịch cơ cấu lao động nông nghiệp sang phi nông nghiệp. Chuyển dịch kinh tế gắn với giải quyết việc làm thường xuyên cho người lao động; đẩy mạnh công tác đào tạo nghề, chuyển đổi nghề gắn với giải quyết việc làm cho người lao động. Đồng thời xây dựng các cơ sở kinh tế có năng lực hoạt động cao làm động lực của quá trình đô thị hóa và phát triển bền vững.

Khai thác các thế mạnh về tài nguyên, đất đai, lao động... tích cực thu hút các nguồn lực đầu tư phát triển hạ tầng, mở rộng phát triển công nghiệp, dịch vụ, chuyển đổi mạnh mẽ cơ cấu lao động, đẩy nhanh tốc độ đô thị hóa. Ưu tiên phát triển kết cấu hạ tầng: đường giao thông, hạ tầng các khu công nghiệp, cụm công nghiệp; xã hội hóa đầu tư các công trình phúc lợi công cộng để nâng cao đời sống Nhân dân và phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững. Từng bước

hoàn thiện, nâng cao chất lượng hạ tầng kỹ thuật một cách đồng bộ, đồng thời xây dựng các mô hình quản lý tiên tiến trong khai thác và vận hành các công trình hạ tầng kỹ thuật nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng.

Tiếp tục đảm bảo ổn định tình hình quốc phòng, an ninh trên địa bàn. Tập trung công tác nắm tình hình, nắm hộ, nắm người; theo dõi, quản lý tốt các hệ, loại đối tượng; quản lý chặt chẽ các cơ sở kinh doanh có điều kiện và xây dựng, củng cố phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ đảm bảo an ninh trật tự. Xây dựng lực lượng quân sự, công an phường vững mạnh, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Phường Minh Đức

- Về kinh tế: tốc độ giá trị sản xuất bình quân hàng năm đạt 15%; tỷ trọng công nghiệp và xây dựng cơ bản chiếm 48,5%; thương mại dịch vụ chiếm 40,5%; nông, lâm thủy sản chiếm 11%. Thu ngân sách bình quân hàng năm phấn đấu tăng 12% trở lên. Thu nhập bình quân đầu người phấn đấu đạt 70 triệu đồng/người/năm trở lên.

- Về văn hóa - xã hội: tốc độ tăng dân số tự nhiên tăng 1,5% hàng năm; tỷ lệ hộ nghèo giảm xuống 0% và duy trì không tái nghèo; duy trì đạt Bộ tiêu chí quốc gia về y tế, giáo dục; tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế trên tổng số dân số đạt 100%; tỷ lệ trẻ em dưới 6 tuổi được tiêm phòng hàng năm đạt 100%; tỷ lệ gia đình đạt chuẩn gia đình văn hóa hàng năm đạt 95%; tỷ lệ tổ dân phố đạt chuẩn đạt 90% trở lên.

- Về môi trường: duy trì tỷ lệ dân số đô thị được cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung và được sử dụng nguồn nước hợp vệ sinh đạt 100%; duy trì tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom đạt 100%.

- Về quốc phòng, an ninh: duy trì ổn định an ninh chính trị và ổn định trật tự, an toàn xã hội; công tác tuyển quân hoàn thành 100% chỉ tiêu được giao.

2.2. Phường Hoa Động

- Về kinh tế: tốc độ giá trị sản xuất bình quân hàng năm đạt 12%; tỷ trọng công nghiệp và xây dựng cơ bản chiếm 45,5%; thương mại dịch vụ chiếm 47,5%; nông, lâm thủy sản chiếm 7%. Thu ngân sách bình quân hàng năm phấn đấu tăng 10% trở lên. Thu nhập bình quân đầu người phấn đấu đạt 65 triệu đồng/người/năm trở lên.

- Về văn hóa - xã hội: tốc độ tăng dân số tự nhiên tăng 1,2% hàng năm; tỷ lệ hộ nghèo giảm xuống 0% và duy trì không tái nghèo; duy trì đạt Bộ tiêu chí quốc

gia về y tế, giáo dục; tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế trên tổng số dân số đạt 100%; tỷ lệ trẻ em dưới 6 tuổi được tiêm phòng hàng năm đạt 100%; tỷ lệ gia đình đạt chuẩn gia đình văn hóa hàng năm đạt 100%; tỷ lệ tổ dân phố đạt chuẩn đạt 92,5% trở lên.

- Về môi trường: duy trì tỷ lệ dân số đô thị được cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung và được sử dụng nguồn nước hợp vệ sinh đạt 100%; duy trì tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom đạt 100%.

- Về quốc phòng, an ninh: duy trì ổn định an ninh chính trị và ổn định trật tự, an toàn xã hội; công tác tuyển quân hoàn thành 100% chỉ tiêu được giao.

2.3. Phường Thiên Hương

- Về kinh tế: tốc độ giá trị sản xuất bình quân hàng năm đạt 13,5%; tỷ trọng công nghiệp và xây dựng cơ bản chiếm 57%; thương mại dịch vụ chiếm 40%; nông, lâm thủy sản chiếm 3%. Thu ngân sách bình quân hàng năm phấn đấu tăng 10 - 15% trở lên. Thu nhập bình quân đầu người phấn đấu đạt 68 triệu đồng/người/năm trở lên.

- Về văn hóa - xã hội: tốc độ tăng dân số tự nhiên tăng 1,1 - 1,5% hàng năm; tỷ lệ hộ nghèo giảm xuống 0% và duy trì không tái nghèo; duy trì đạt Bộ tiêu chí quốc gia về y tế, giáo dục; tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế trên tổng số dân số đạt 100%; tỷ lệ trẻ em dưới 6 tuổi được tiêm phòng hàng năm đạt 100%; tỷ lệ gia đình đạt chuẩn gia đình văn hóa hàng năm đạt 100%; tỷ lệ tổ dân phố đạt chuẩn đạt 92,5% trở lên.

- Về môi trường: duy trì tỷ lệ dân số đô thị được cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung và được sử dụng nguồn nước hợp vệ sinh đạt 100%; duy trì tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom đạt 100%.

- Về quốc phòng, an ninh: duy trì ổn định an ninh chính trị và ổn định trật tự, an toàn xã hội; công tác tuyển quân hoàn thành 100% chỉ tiêu được giao.

2.4. Phường Quảng Thạnh

- Về kinh tế: tốc độ giá trị sản xuất bình quân hàng năm đạt 15%; tỷ trọng công nghiệp và xây dựng cơ bản chiếm 48,25%; thương mại dịch vụ chiếm 45,75%; nông, lâm thủy sản chiếm 6%. Thu ngân sách bình quân hàng năm phấn đấu tăng 12,5% trở lên. Thu nhập bình quân đầu người phấn đấu đạt 66 triệu đồng/người/năm trở lên.

- Về văn hóa - xã hội: tốc độ tăng dân số tự nhiên tăng 1,1 - 1,5% hàng năm; tỷ lệ hộ nghèo giảm xuống 0% và duy trì không tái nghèo; duy trì đạt Bộ tiêu chí quốc gia về y tế, giáo dục; tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế trên tổng số dân số

đạt 100%; tỷ lệ trẻ em dưới 6 tuổi được tiêm phòng hàng năm đạt 100%; tỷ lệ gia đình đạt chuẩn gia đình văn hóa hàng năm đạt 100%; tỷ lệ tổ dân phố đạt chuẩn đạt 94,5% trở lên.

- Về môi trường: duy trì tỷ lệ dân số đô thị được cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung và được sử dụng nguồn nước hợp vệ sinh đạt 100%; duy trì tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom đạt 100%.

- Về quốc phòng, an ninh: duy trì ổn định an ninh chính trị và ổn định trật tự, an toàn xã hội; công tác tuyển quân hoàn thành 100% chỉ tiêu được giao.

2.5. Phường Hòa Bình

- Về kinh tế: tốc độ giá trị sản xuất bình quân hàng năm đạt 12%; tỷ trọng công nghiệp và xây dựng cơ bản chiếm 46,75%; thương mại dịch vụ chiếm 40,75%; nông, lâm thủy sản chiếm 12,5%. Thu ngân sách bình quân hàng năm phấn đấu tăng 11% trở lên. Thu nhập bình quân đầu người phấn đấu đạt 73 triệu đồng/người/năm trở lên.

- Về văn hóa - xã hội: tốc độ tăng dân số tự nhiên tăng 1,2% hàng năm; tỷ lệ hộ nghèo giảm xuống 0% và duy trì không tái nghèo; duy trì đạt Bộ tiêu chí quốc gia về y tế, giáo dục; tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế trên tổng số đạt 100%; tỷ lệ trẻ em dưới 6 tuổi được tiêm phòng hàng năm đạt 100%; tỷ lệ gia đình đạt chuẩn gia đình văn hóa hàng năm đạt 100%; tỷ lệ tổ dân phố đạt chuẩn đạt 90% trở lên.

- Về môi trường: duy trì tỷ lệ dân số đô thị được cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung và được sử dụng nguồn nước hợp vệ sinh đạt 100%; duy trì tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom đạt 100%.

- Về quốc phòng, an ninh: duy trì ổn định an ninh chính trị và ổn định trật tự, an toàn xã hội; công tác tuyển quân hoàn thành 100% chỉ tiêu được giao.

2.6. Phường An Lư

- Về kinh tế: tốc độ giá trị sản xuất bình quân hàng năm đạt 14%; tỷ trọng công nghiệp và xây dựng cơ bản chiếm 42,05%; thương mại dịch vụ chiếm 44,55%; nông, lâm thủy sản chiếm 13,4%. Thu ngân sách bình quân hàng năm phấn đấu tăng 15% trở lên. Thu nhập bình quân đầu người phấn đấu đạt 69 triệu đồng/người/năm trở lên.

- Về văn hóa - xã hội: tốc độ tăng dân số tự nhiên tăng 1,5% hàng năm; tỷ lệ hộ nghèo giảm xuống 0% và duy trì không tái nghèo; duy trì đạt Bộ tiêu chí quốc gia về y tế, giáo dục; tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế trên tổng số dân số đạt 100%; tỷ lệ trẻ em dưới 6 tuổi được tiêm phòng hàng năm đạt 100%; tỷ lệ gia đình

đạt chuẩn gia đình văn hóa hàng năm đạt 95%; tỷ lệ tổ dân phố đạt chuẩn đạt 93% trở lên.

- Về môi trường: duy trì tỷ lệ dân số đô thị được cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung và được sử dụng nguồn nước hợp vệ sinh đạt 100%; duy trì tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom đạt 100%.

- Về quốc phòng, an ninh: duy trì ổn định an ninh chính trị và ổn định trật tự, an toàn xã hội; công tác tuyển quân hoàn thành 100% chỉ tiêu được giao.

2.7. Phường Phạm Ngũ Lão

- Về kinh tế: tốc độ giá trị sản xuất bình quân hàng năm đạt 12%; tỷ trọng công nghiệp và xây dựng cơ bản chiếm 47%; thương mại dịch vụ chiếm 43%; nông, lâm thủy sản chiếm 10%. Thu ngân sách bình quân hàng năm phấn đấu tăng 14,5% trở lên. Thu nhập bình quân đầu người phấn đấu đạt 77 triệu đồng/người/năm trở lên.

- Về văn hóa - xã hội: tốc độ tăng dân số tự nhiên tăng 1,2% hàng năm; tỷ lệ hộ nghèo giảm xuống 0% và duy trì không tái nghèo; duy trì đạt Bộ tiêu chí quốc gia về y tế, giáo dục; tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế trên tổng số dân số đạt 100%; tỷ lệ trẻ em dưới 6 tuổi được tiêm phòng hàng năm đạt 100%; tỷ lệ gia đình đạt chuẩn gia đình văn hóa hàng năm đạt 97%; tỷ lệ tổ dân phố đạt chuẩn đạt 92% trở lên.

- Về môi trường: duy trì tỷ lệ dân số đô thị được cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung và được sử dụng nguồn nước hợp vệ sinh đạt 100%; duy trì tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom đạt 100%.

- Về quốc phòng, an ninh: duy trì ổn định an ninh chính trị và ổn định trật tự, an toàn xã hội; công tác tuyển quân hoàn thành 100% chỉ tiêu được giao.

2.8. Phường Lập Lễ

- Về kinh tế: tốc độ giá trị sản xuất bình quân hàng năm đạt 13%; tỷ trọng công nghiệp và xây dựng cơ bản chiếm 45%; thương mại dịch vụ chiếm 55%; nông, lâm thủy sản chiếm 10%. Thu ngân sách bình quân hàng năm phấn đấu tăng 13% trở lên. Thu nhập bình quân đầu người phấn đấu đạt 70 triệu đồng/người/năm trở lên.

- Về văn hóa - xã hội: tốc độ tăng dân số tự nhiên tăng 1,3% hàng năm; tỷ lệ hộ nghèo giảm xuống 0% và duy trì không tái nghèo; duy trì đạt Bộ tiêu chí quốc gia về y tế, giáo dục; tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế trên tổng số dân số đạt 100%; tỷ lệ trẻ em dưới 6 tuổi được tiêm phòng hàng năm đạt 100%; tỷ lệ gia đình

đạt chuẩn gia đình văn hóa hàng năm đạt 98%; tỷ lệ tổ dân phố đạt chuẩn đạt 90% trở lên.

- Về môi trường: duy trì tỷ lệ dân số đô thị được cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung và được sử dụng nguồn nước hợp vệ sinh đạt 100%; duy trì tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom đạt 100%.

- Về quốc phòng, an ninh: duy trì ổn định an ninh chính trị và ổn định trật tự, an toàn xã hội; công tác tuyển quân hoàn thành 100% chỉ tiêu được giao.

2.9. Phường Tam Hưng

- Về kinh tế: tốc độ giá trị sản xuất bình quân hàng năm đạt 15%; tỷ trọng công nghiệp và xây dựng cơ bản chiếm 52%; thương mại dịch vụ chiếm 41%; nông, lâm thủy sản chiếm 7%. Thu ngân sách bình quân hàng năm phấn đấu tăng 13% trở lên. Thu nhập bình quân đầu người phấn đấu đạt 67 triệu đồng/người/năm trở lên.

- Về văn hóa - xã hội: tốc độ tăng dân số tự nhiên tăng 1,4% hàng năm; tỷ lệ hộ nghèo giảm xuống 0% và duy trì không tái nghèo; duy trì đạt Bộ tiêu chí quốc gia về y tế, giáo dục; tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế trên tổng số dân số đạt 100%; tỷ lệ trẻ em dưới 6 tuổi được tiêm phòng hàng năm đạt 100%; tỷ lệ gia đình đạt chuẩn gia đình văn hóa hàng năm đạt 95%; tỷ lệ tổ dân phố đạt chuẩn đạt 95% trở lên.

- Về môi trường: duy trì tỷ lệ dân số đô thị được cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung và được sử dụng nguồn nước hợp vệ sinh đạt 100%; duy trì tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom đạt 100%.

- Về quốc phòng, an ninh: duy trì ổn định an ninh chính trị và ổn định trật tự, an toàn xã hội; công tác tuyển quân hoàn thành 100% chỉ tiêu được giao.

2.10. Phường Dương Quan

- Về kinh tế: tốc độ giá trị sản xuất bình quân hàng năm đạt 15%; tỷ trọng công nghiệp và xây dựng cơ bản chiếm 44%; thương mại dịch vụ chiếm 47%; nông, lâm thủy sản chiếm 9%. Thu ngân sách bình quân hàng năm phấn đấu tăng 13% trở lên. Thu nhập bình quân đầu người phấn đấu đạt 72 triệu đồng/người/năm trở lên.

- Về văn hóa - xã hội: tốc độ tăng dân số tự nhiên tăng 1,4% hàng năm; tỷ lệ hộ nghèo giảm xuống 0% và duy trì không tái nghèo; duy trì đạt Bộ tiêu chí quốc gia về y tế, giáo dục; tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế trên tổng số dân số đạt 100%; tỷ lệ trẻ em dưới 6 tuổi được tiêm phòng hàng năm đạt 100%; tỷ lệ gia đình

đạt chuẩn gia đình văn hóa hàng năm đạt 100%; tỷ lệ tổ dân phố đạt chuẩn đạt 97% trở lên.

- Về môi trường: duy trì tỷ lệ dân số đô thị được cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung và được sử dụng nguồn nước hợp vệ sinh đạt 100%; duy trì tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom đạt 100%.

- Về quốc phòng, an ninh: duy trì ổn định an ninh chính trị và ổn định trật tự, an toàn xã hội; công tác tuyển quân hoàn thành 100% chỉ tiêu được giao.

2.11. Phường Hoàng Lâm

- Về kinh tế: tốc độ giá trị sản xuất bình quân hàng năm đạt 14%; tỷ trọng công nghiệp và xây dựng cơ bản chiếm 48%; thương mại dịch vụ chiếm 44%; nông, lâm thủy sản chiếm 8%. Thu ngân sách bình quân hàng năm phấn đấu tăng 12% trở lên. Thu nhập bình quân đầu người phấn đấu đạt 73 triệu đồng/người/năm trở lên.

- Về văn hóa - xã hội: tốc độ tăng dân số tự nhiên tăng 1,5% hàng năm; tỷ lệ hộ nghèo giảm xuống 0% và duy trì không tái nghèo; duy trì đạt Bộ tiêu chí quốc gia về y tế, giáo dục; tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế trên tổng số dân số đạt 100%; tỷ lệ trẻ em dưới 6 tuổi được tiêm phòng hàng năm đạt 100%; tỷ lệ gia đình đạt chuẩn gia đình văn hóa hàng năm đạt 100%; tỷ lệ tổ dân phố đạt chuẩn đạt 95% trở lên.

- Về môi trường: duy trì tỷ lệ dân số đô thị được cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung và được sử dụng nguồn nước hợp vệ sinh đạt 100%; duy trì tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom đạt 100%.

- Về quốc phòng, an ninh: duy trì ổn định an ninh chính trị và ổn định trật tự, an toàn xã hội; công tác tuyển quân hoàn thành 100% chỉ tiêu được giao.

2.12. Phường Lê Hồng Phong

- Về kinh tế: tốc độ giá trị sản xuất bình quân hàng năm đạt 13%; tỷ trọng công nghiệp và xây dựng cơ bản chiếm 45%; thương mại dịch vụ chiếm 41%; nông, lâm thủy sản chiếm 14%. Thu ngân sách bình quân hàng năm phấn đấu tăng 13% trở lên. Thu nhập bình quân đầu người phấn đấu đạt 68 triệu đồng/người/năm trở lên.

- Về văn hóa - xã hội: tốc độ tăng dân số tự nhiên tăng 1,4% hàng năm; tỷ lệ hộ nghèo giảm xuống 0% và duy trì không tái nghèo; duy trì đạt Bộ tiêu chí quốc gia về y tế, giáo dục; tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế trên tổng số dân số đạt 100%; tỷ lệ trẻ em dưới 6 tuổi được tiêm phòng hàng năm đạt 100%; tỷ lệ gia đình

đạt chuẩn gia đình văn hóa hàng năm đạt 95%; tỷ lệ tổ dân phố đạt chuẩn đạt 90% trở lên.

- Về môi trường: duy trì tỷ lệ dân số đô thị được cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung và được sử dụng nguồn nước hợp vệ sinh đạt 100%; duy trì tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom đạt 100%.

- Về quốc phòng, an ninh: duy trì ổn định an ninh chính trị và ổn định trật tự, an toàn xã hội; công tác tuyển quân hoàn thành 100% chỉ tiêu được giao.

2.13. Phường Trần Hưng Đạo

- Về kinh tế: tốc độ giá trị sản xuất bình quân hàng năm đạt 15-17%; tỷ trọng công nghiệp và xây dựng cơ bản chiếm 55%; thương mại dịch vụ chiếm 41%; nông, lâm thủy sản chiếm 4%. Thu ngân sách bình quân hàng năm phấn đấu tăng 10% trở lên. Thu nhập bình quân đầu người phấn đấu đạt 71 triệu đồng/người/năm trở lên.

- Về văn hóa - xã hội: tốc độ tăng dân số tự nhiên tăng 1,2% hàng năm; tỷ lệ hộ nghèo giảm xuống 0% và duy trì không tái nghèo; duy trì đạt Bộ tiêu chí quốc gia về y tế, giáo dục; tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế trên tổng số dân số đạt 100%; tỷ lệ trẻ em dưới 6 tuổi được tiêm phòng hàng năm đạt 100%; tỷ lệ gia đình đạt chuẩn gia đình văn hóa hàng năm đạt 98%; tỷ lệ tổ dân phố đạt chuẩn đạt 92% trở lên.

- Về môi trường: duy trì tỷ lệ dân số đô thị được cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung và được sử dụng nguồn nước hợp vệ sinh đạt 100%; duy trì tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom đạt 100%.

- Về quốc phòng, an ninh: duy trì ổn định an ninh chính trị và ổn định trật tự, an toàn xã hội; công tác tuyển quân hoàn thành 100% chỉ tiêu được giao.

2.14. Phường Lưu Kiếm

- Về kinh tế: tốc độ giá trị sản xuất bình quân hàng năm đạt 12%; tỷ trọng công nghiệp và xây dựng cơ bản chiếm 49%; thương mại dịch vụ chiếm 47%; nông, lâm thủy sản chiếm 4%. Thu ngân sách bình quân hàng năm phấn đấu tăng 12% trở lên. Thu nhập bình quân đầu người phấn đấu đạt 65 triệu đồng/người/năm trở lên.

- Về văn hóa - xã hội: tốc độ tăng dân số tự nhiên tăng 1,5% hàng năm; tỷ lệ hộ nghèo giảm xuống 0% và duy trì không tái nghèo; duy trì đạt Bộ tiêu chí quốc gia về y tế, giáo dục; tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế trên tổng số dân số đạt 100%; tỷ lệ trẻ em dưới 6 tuổi được tiêm phòng hàng năm đạt 100%; tỷ lệ gia đình

đạt chuẩn gia đình văn hóa hàng năm đạt 97%; tỷ lệ tổ dân phố đạt chuẩn đạt 91% trở lên.

- Về môi trường: duy trì tỷ lệ dân số đô thị được cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung và được sử dụng nguồn nước hợp vệ sinh đạt 100%; duy trì tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom đạt 100%.

- Về quốc phòng, an ninh: duy trì ổn định an ninh chính trị và ổn định trật tự, an toàn xã hội; công tác tuyển quân hoàn thành 100% chỉ tiêu được giao.

2.15. Phường Thủy Đường

- Về kinh tế: tốc độ giá trị sản xuất bình quân hàng năm đạt 14%; tỷ trọng công nghiệp và xây dựng cơ bản chiếm 42%; thương mại dịch vụ chiếm 54%; nông, lâm thủy sản chiếm 4%. Thu ngân sách bình quân hàng năm phấn đấu tăng 15% trở lên. Thu nhập bình quân đầu người phấn đấu đạt 80 triệu đồng/người/năm trở lên.

- Về văn hóa - xã hội: tốc độ tăng dân số tự nhiên tăng 1,5% hàng năm; tỷ lệ hộ nghèo giảm xuống 0% và duy trì không tái nghèo; duy trì đạt Bộ tiêu chí quốc gia về y tế, giáo dục; tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế trên tổng số dân số đạt 100%; tỷ lệ trẻ em dưới 6 tuổi được tiêm phòng hàng năm đạt 100%; tỷ lệ gia đình đạt chuẩn gia đình văn hóa hàng năm đạt 100%; tỷ lệ tổ dân phố đạt chuẩn đạt 100% trở lên.

- Về môi trường: duy trì tỷ lệ dân số đô thị được cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung và được sử dụng nguồn nước hợp vệ sinh đạt 100%; duy trì tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom đạt 100%.

- Về quốc phòng, an ninh: duy trì ổn định an ninh chính trị và ổn định trật tự, an toàn xã hội; công tác tuyển quân hoàn thành 100% chỉ tiêu được giao.

2.16. Phường Thủy Hà

- Về kinh tế: tốc độ giá trị sản xuất bình quân hàng năm đạt 13%; tỷ trọng công nghiệp và xây dựng cơ bản chiếm 44%; thương mại dịch vụ chiếm 40%; nông, lâm thủy sản chiếm 16%. Thu ngân sách bình quân hàng năm phấn đấu tăng 15% trở lên. Thu nhập bình quân đầu người phấn đấu đạt 75 triệu đồng/người/năm trở lên.

- Về văn hóa - xã hội: tốc độ tăng dân số tự nhiên tăng 1,2% hàng năm; tỷ lệ hộ nghèo giảm xuống 0% và duy trì không tái nghèo; duy trì đạt Bộ tiêu chí quốc gia về y tế, giáo dục; tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế trên tổng số dân số đạt 100%; tỷ lệ trẻ em dưới 6 tuổi được tiêm phòng hàng năm đạt 100%; tỷ lệ gia đình

đạt chuẩn gia đình văn hóa hàng năm đạt 92%; tỷ lệ tổ dân phố đạt chuẩn đạt 90% trở lên.

- Về môi trường: duy trì tỷ lệ dân số đô thị được cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung và được sử dụng nguồn nước hợp vệ sinh đạt 100%; duy trì tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom đạt 100%.

- Về quốc phòng, an ninh: duy trì ổn định an ninh chính trị và ổn định trật tự, an toàn xã hội; công tác tuyển quân hoàn thành 100% chỉ tiêu được giao.

2.17. Phường Nam Triệu Giang

- Về kinh tế: tốc độ giá trị sản xuất bình quân hàng năm đạt 15%; tỷ trọng công nghiệp và xây dựng cơ bản chiếm 51%; thương mại dịch vụ chiếm 42%; nông, lâm thủy sản chiếm 7%. Thu ngân sách bình quân hàng năm phấn đấu tăng 13% trở lên. Thu nhập bình quân đầu người phấn đấu đạt 68 triệu đồng/người/năm trở lên.

- Về văn hóa - xã hội: tốc độ tăng dân số tự nhiên tăng 1,4% hàng năm; tỷ lệ hộ nghèo giảm xuống 0% và duy trì không tái nghèo; duy trì đạt Bộ tiêu chí quốc gia về y tế, giáo dục; tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế trên tổng số dân số đạt 100%; tỷ lệ trẻ em dưới 6 tuổi được tiêm phòng hàng năm đạt 100%; tỷ lệ gia đình đạt chuẩn gia đình văn hóa hàng năm đạt 95%; tỷ lệ tổ dân phố đạt chuẩn đạt 93% trở lên.

- Về môi trường: duy trì tỷ lệ dân số đô thị được cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung và được sử dụng nguồn nước hợp vệ sinh đạt 100%; duy trì tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom đạt 100%.

- Về quốc phòng, an ninh: duy trì ổn định an ninh chính trị và ổn định trật tự, an toàn xã hội; công tác tuyển quân hoàn thành 100% chỉ tiêu được giao.

III. MỘT SỐ NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Về kinh tế

1.1. Nhiệm vụ

Cơ cấu kinh tế thành phố Thủy Nguyên giai đoạn đến năm 2025 theo hướng công nghiệp - dịch vụ - nông nghiệp, cụ thể:

- Công nghiệp trong thời kỳ đến năm 2025 là ngành kinh tế chủ lực của thành phố Thủy Nguyên. Công nghiệp trên địa bàn thành phố Thủy Nguyên dự kiến thu hút 250 nghìn lao động vào năm 2025.

- Thương mại - dịch vụ phát triển dựa trên nền tảng phát triển ngành thương nghiệp với mạng lưới các chợ, siêu thị, trung tâm thương mại, cửa hàng

bán lẻ, dịch vụ kinh doanh bất động sản, dịch vụ logistics, du lịch, y tế, giáo dục. Nhiều dự án đầu tư quy mô lớn trong lĩnh vực dịch vụ đang trong quá trình triển khai, bao gồm các trung tâm thương mại, trường đại học, bệnh viện. Thủy Nguyên có tiềm năng về phát triển mạng lưới logistics, đặc biệt là các cảng, các khu du lịch nhưng hiện nay các dự án này chưa được đầu tư. Do đó, giai đoạn đến năm 2025 dự báo một số dự án đầu tư mới trong lĩnh vực dịch vụ sẽ đi vào hoạt động, tuy nhiên giá trị mang lại của khu vực dịch vụ trong giai đoạn này sẽ thấp hơn hoạt động sản xuất công nghiệp.

- Thời kỳ đến năm 2025, thành phố Thủy Nguyên sẽ giảm diện tích đất nông nghiệp nhằm phục vụ cho phát triển công nghiệp và dịch vụ, phát triển đô thị. Sản xuất nông nghiệp trong thời gian tới sẽ chuyển hướng mạnh sang nông nghiệp sinh thái đô thị ứng dụng công nghệ cao, tuy nhiên giá trị mang lại sẽ thấp hơn nhiều so với công nghiệp và dịch vụ.

1.2. Giải pháp

- Phát triển công nghiệp:

Mở rộng, thu hút để tăng tỷ lệ lấp đầy của dự án trong các khu công nghiệp, cụm công nghiệp; di dời các cơ sở sản xuất công nghiệp nằm ngoài khu công nghiệp. Đẩy mạnh việc mời gọi, thu hút một số dự án đầu tư quy mô lớn vào các khu công nghiệp, các dự án này sẽ đóng vai trò hạt nhân thu hút các dự án đầu tư vệ tinh thuộc các ngành công nghiệp hỗ trợ trên cơ sở hình thành chuỗi các dự án đầu tư có mối quan hệ chặt chẽ với nhau trong các khu, cụm công nghiệp. Triển khai đồng bộ các giải pháp thu hút đầu tư vào các khu, cụm công nghiệp, bao gồm chủ đầu tư các khu, cụm công nghiệp thực hiện thu hút đầu tư, các chương trình xúc tiến thu hút đầu tư của UBND thành phố Hải Phòng, thu hút đầu tư từ các doanh nghiệp đang hoạt động trong các khu công nghiệp. Thực hiện tái cơ cấu thu hút đầu tư phát triển công nghiệp trên toàn địa bàn thành phố Hải Phòng theo hướng chuyển dần phát triển công nghiệp lên khu vực phía Bắc của thành phố Hải Phòng. Đảm bảo nguồn nhân lực đáp ứng nhu cầu đầu tư, bao gồm nguồn nhân lực trình độ cao và lao động phổ thông. Triển khai thực hiện các chương trình nhà ở cho công nhân và chương trình nhà ở cho người có thu nhập thấp làm động lực thu hút lao động làm việc trên địa bàn thành phố Thủy Nguyên.

- Phát triển thương mại - dịch vụ:

Song song với các dự án phát triển du lịch đã được triển khai, tập trung nguồn lực, thu hút đầu tư các thành phần kinh tế phát triển các khu du lịch đã được quy hoạch gồm khu dịch vụ và du lịch sinh thái phục vụ Khu di tích lịch sử Bạch Đằng

gắn với các dịch vụ giải trí trên sông Bạch Đằng nhằm tạo điểm tham quan giải trí kết nối với khu du lịch,... thành điểm tuyến tham quan du lịch nghỉ dưỡng.

Đầu tư xây dựng cảng công suất 700 nghìn tấn/năm, có khả năng tiếp nhận tàu, sà lan đến 1.000 tấn, diện tích 30 ha. Đầu tư xây dựng cảng công suất 800 nghìn tấn/năm, có khả năng tiếp nhận tàu, sà lan đến 1.000 tấn. Đầu tư xây dựng cảng phục vụ các khu công nghiệp trên địa bàn thành phố Thủy Nguyên và khu vực phía Bắc thành phố Hải Phòng.

Tạo điều kiện, khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia phát triển nhà ở thương mại để cung cấp quỹ nhà ở cho thị trường. Triển khai các cơ chế chính sách thực hiện lồng ghép các chương trình mục tiêu của Trung ương và của thành phố Hải Phòng để hỗ trợ phát triển nhà ở phi hàng hóa đáp ứng nhu cầu dân số tăng lên ngày càng nhiều, đặc biệt là công nhân. Tiếp tục thực hiện cải cách thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho các hộ gia đình, cá nhân tự xây nhà ở theo quy hoạch do cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

- Phát triển nông nghiệp:

Thực hiện liên kết trong sản xuất nông nghiệp theo mô hình sản xuất nông sản hàng hóa theo hợp đồng. Theo đó, doanh nghiệp ký hợp đồng với nông dân sản xuất các loại nông sản giá trị kinh tế cao, đồng thời bao tiêu sản phẩm; doanh nghiệp cung ứng giống, vật tư, hướng dẫn kỹ thuật sản xuất. Chính quyền địa phương hỗ trợ nông dân tiếp cận các nguồn vốn ưu đãi dành cho sản xuất nông nghiệp, đồng thời có cơ chế khuyến khích nông dân tham gia sản xuất, giới thiệu các mô hình sản xuất nông nghiệp hiệu quả kinh tế cao phù hợp với điều kiện của địa phương. Xây dựng hệ thống chợ đầu mối nông sản, thủy sản ở huyện Thủy Nguyên.

Khai thác tiềm năng và lợi thế khu vực ven sông phát triển mô hình nông nghiệp kết hợp với du lịch sinh thái, tạo sự kết nối với khu di tích lịch sử hình thành chuỗi du lịch sinh thái liên vùng.

2. Về văn hóa - xã hội

2.1. Nhiệm vụ

- Về phát triển giáo dục:

Tập trung duy trì và phát triển mạng lưới trường phổ thông cơ sở, trung học phổ thông đạt chuẩn, tạo điều kiện cho mọi đối tượng trong xã hội đạt trình độ học vấn trường trung học cơ sở và tiến tới đa số đạt trung học phổ thông. Tiếp tục đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị bổ sung cho các trường còn thiếu cơ sở vật

chất trường học và trang thiết bị dạy học đạt chuẩn, đảm bảo yêu cầu học tập và sinh hoạt.

Củng cố, phát triển bền vững các trung tâm học tập cộng đồng nhằm thực hiện các chương trình xóa mù chữ; bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng liên quan đến nông nghiệp, nông thôn, y tế, sức khỏe cộng đồng, chính trị, pháp luật, văn hóa,... đáp ứng yêu cầu học tập đa dạng của Nhân dân.

Phát triển đồng bộ mạng lưới đào tạo dạy nghề, cơ bản đáp ứng yêu cầu trong thành phố và góp phần giải quyết vấn đề nhân lực cho vùng kinh tế trọng điểm.

- Về phát triển y tế:

Phấn đấu để mọi người dân được hưởng các dịch vụ chăm sóc sức khỏe ban đầu, tiếp cận đầy đủ các chương trình, chính sách y tế của Nhà nước; 100% Nhân dân được tiếp cận các dịch vụ y tế có chất lượng ngày càng cao, nhu cầu chăm sóc sức khỏe của Nhân dân huyện được đáp ứng đầy đủ.

- Về phát triển văn hóa - thể dục thể thao:

100% xã, phường có trung tâm văn hóa - thể thao - học tập cộng đồng; 100% Nhà văn hóa xã, phường có phòng đọc sách; 100% số xã, phường có đội ngũ cán bộ thông tin và truyền thông cơ sở được đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng chuyên môn, nghiệp vụ kỹ thuật vận hành, khai thác và sử dụng hiệu quả đài, trạm truyền thanh và các trang thiết bị tác nghiệp.

2.2. Giải pháp

- Về phát triển giáo dục:

Phát triển hệ thống, loại hình giáo dục - đào tạo đa dạng, khuyến khích xã hội hóa đầu tư hệ thống giáo dục ngoài công lập góp phần đáp ứng nhu cầu học tập và nâng cao dân trí, nguồn nhân lực đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội.

Tiếp tục thu hút phần lớn con em trong độ tuổi vào các lớp học mầm non. Giữ vững chuẩn quốc gia về phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi, phổ cập giáo dục trung học cơ sở.

Tiếp tục nâng cao chất lượng dạy nghề nâng cao chất lượng nguồn nhân lực để thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hóa - hiện đại hóa. Tăng quy mô đào tạo trung cấp chuyên nghiệp, mở rộng quy mô đào tạo cao đẳng và đại học một cách hợp lý nhằm từng bước đáp ứng nhu cầu nhân lực phát triển kinh tế - xã hội.

- Về phát triển y tế:

Nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh ở các bệnh viện, trung tâm y tế. Phát triển và mở rộng dịch vụ, kỹ thuật y tế tạo điều kiện cho người bệnh tiếp cận với dịch vụ y tế có chất lượng ở nơi gần nhất.

Thực hiện tốt các Chương trình mục tiêu quốc gia về y tế, chăm sóc sức khỏe cộng đồng. Chủ động khống chế, không để xảy ra dịch bệnh; chuẩn bị phương án về nhân sự, dự trữ thuốc để kịp thời xử lý khi có dịch xảy ra; thực hiện tốt chương trình tiêm chủng mở rộng.

Triển khai có hiệu quả các biện pháp bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm, phòng chống ngộ độc thực phẩm. Triển khai thực hiện tốt các nhiệm vụ và giải pháp tăng cường phòng chống tệ nạn ma túy, mại dâm, HIV/AIDS.

Thực hiện tốt công tác bảo hiểm y tế tại tất cả các tuyến, tăng cường truyền thông nhằm tăng tỷ lệ người tham gia bảo hiểm y tế.

- Về phát triển văn hóa - thể dục thể thao:

Bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống của địa phương có hiệu quả trong đời sống hiện nay; kế thừa và phát huy những tinh hoa văn hóa mới có chọn lọc, phù hợp với nền văn hóa của dân tộc, trong việc mở rộng giao lưu, hội nhập quốc tế. Tạo mọi điều kiện nâng cao mức hưởng thụ và tham gia hoạt động, sáng tạo văn hóa của quần chúng Nhân dân. Thực hiện tốt chế độ ưu đãi cho đội ngũ làm công tác văn hóa - nghệ thuật, phát huy tài năng sáng tạo của tri thức, văn nghệ sĩ, khuyến khích tài năng trẻ triển vọng, các tác phẩm, đề tài nghệ thuật có chất lượng cao, áp dụng có hiệu quả vào đời sống thực tiễn việc xây dựng và phát triển văn hóa trong thời kỳ mới. Tăng cường đầu tư của Nhà nước, đẩy mạnh xã hội hóa các hoạt động văn hóa, huy động mọi nguồn lực cho phát triển văn hóa, coi đầu tư văn hóa là đầu tư cho con người, đầu tư cho phát triển bền vững, gắn kết nhiệm vụ phát triển kinh tế với phát triển văn hóa, làm cho văn hóa tham gia tích cực vào đời sống thực tiễn của người dân. Xây dựng đồng bộ và nâng cao chất lượng, hiệu quả các thiết chế văn hóa từ thành phố đến các xã, phường.

Phát triển nhiều loại hình thể dục - thể thao, phát triển các môn thể thao dân gian và các môn thể thao hiện đại, các môn thể thao giải trí; tạo môi trường cho mọi người tham gia tập luyện thường xuyên một môn hoặc nhiều môn thể thao kết hợp du lịch khai thác dịch vụ thể dục - thể thao. Thực hiện tốt công tác giáo dục thể chất trong trường học. Mở rộng quá trình chuyên nghiệp hóa thể thao thành tích cao, ưu tiên đầu tư phát triển những môn thể thao có thế mạnh. Khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư và kinh doanh cơ sở luyện tập, thi đấu thể thao. Tập trung đầu tư và phát triển trung tâm thể thao dưới nước tại huyện Thủy Nguyên.

3. Về quy hoạch xây dựng, quản lý và phát triển hạ tầng đô thị

3.1. Nhiệm vụ

Thực hiện tốt nhiệm vụ về lĩnh vực quản lý đô thị như: quản lý quy hoạch kiến trúc; đất đai; xây dựng đô thị; sử dụng, khai thác các công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị, trật tự an toàn đô thị, môi trường, cây xanh, điện chiếu sáng công cộng và các hoạt động văn hóa xã hội theo Quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc đô thị, góp phần làm cho diện mạo đô thị có trật tự và bản sắc phát triển theo hướng hiện đại.

- Khu đô thị mới: tăng tỷ lệ đô thị hóa với nhiều khu đô thị mới hình thành nhằm đáp ứng các nhu cầu về nhà ở của người dân trên địa bàn.

- Khu cải tạo, chỉnh trang đô thị: bên cạnh những khu đô thị mới và các khu chức năng, dịch vụ và du lịch sinh thái dự kiến sẽ đầu tư xây dựng, được sự quan tâm của các ban, ngành của Trung ương và của thành phố. Đầu tư ngân sách hàng năm cho việc cải tạo, nâng cấp cơ sở hạ tầng kỹ thuật của đô thị hiện hữu như: thảm nhựa các tuyến đường; lắp đặt hệ thống điện chiếu sáng, hệ thống đèn giao thông; sắp xếp trật tự kinh doanh trên các tuyến đường; rà soát, bổ sung hệ thống biển báo giao thông, các bến bãi đỗ xe, sơn kẻ vạch điểm dừng đỗ cho các phương tiện vận tải khách. Xây dựng phương án trồng cây xanh; tháo dỡ, giải tỏa nhiều hàng quán, lều bạt xây dựng trái phép trên vỉa hè, các mái che, mái vẩy, bàn ghế, biển quảng cáo các loại làm ảnh hưởng đến hành lang giao thông, vệ sinh môi trường và mỹ quan đô thị; nâng cấp hệ thống chiếu sáng, xây dựng đồng bộ vỉa hè, lòng đường; bảo đảm cấp nước sạch cho người dân.

- Không gian công cộng đô thị: thực hiện đầu tư xây dựng và hoàn thiện các khu vui chơi giải trí, phát triển thêm các khu không gian công cộng theo quy hoạch, đồng thời khuyến khích các tầng lớp Nhân dân tích cực trồng thêm cây xanh đường phố và cây xanh tại khu ở, góp phần tạo cảnh quan môi trường đô thị.

3.2. Giải pháp

Phối hợp các đơn vị nghiên cứu, đánh giá và dự báo các yếu tố tác động đến chiến lược phát triển kinh tế xã hội của thành phố trong tương lai. Định hướng phát triển đô thị gắn với xây dựng các khu trung tâm thương mại - dịch vụ, các điểm dịch vụ văn hóa, đặc biệt là về du lịch.

Kiểm soát việc xây dựng, chỉnh trang, phát triển của đô thị theo quy hoạch được duyệt. Tổ chức thực hiện và quản lý việc xây dựng, cải tạo nhà ở riêng lẻ tại khu vực đô thị theo đúng kế hoạch, kiến trúc, tiêu chuẩn, quy chuẩn, cảnh quan, môi trường và các quy định khác của pháp luật. Đồng thời khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia đầu tư phát triển nhà ở đô thị theo quy định của pháp luật. Tăng cường kiểm tra xử lý nghiêm các trường hợp xây dựng trái phép, không đúng

quy hoạch, tình trạng gây mất trật tự, mỹ quan đô thị nhằm từng bước chỉnh trang xây dựng đô thị ngày càng khang trang, sạch đẹp. Tiếp tục xây dựng trung tâm bưu chính công cộng cấp vùng tại Thủy Nguyên.

4. Tài nguyên môi trường

4.1. Nhiệm vụ

- Phát động phong trào toàn dân bảo vệ môi trường, xây dựng thành phố đạt tiêu chuẩn môi trường. Bao gồm huy động toàn dân tham gia bảo vệ môi trường; duy trì phát triển phong trào ngày chủ nhật xanh sạch đẹp, phân loại chất thải tại nguồn,... tổ chức kiểm tra, đánh giá và rút kinh nghiệm cho các năm sau.

- Ban hành tiêu chuẩn phường, xã, hộ gia đình xanh sạch đẹp, gia đình sinh thái và lồng ghép các tiêu chuẩn này trong hoạt động của phong trào toàn dân bảo vệ môi trường.

- Qua xã hội hóa hoạt động bảo vệ môi trường, lựa chọn những tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc, tiêu biểu để tôn vinh khen thưởng.

4.2. Giải pháp

- Phát huy tối đa hiệu quả của các phương tiện thông tin đại chúng trong việc nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường của Nhân dân.

- Tăng cường giáo dục môi trường trong các trường học. Lồng ghép các kiến thức môi trường một cách khoa học với khối lượng hợp lý trong các chương trình giáo dục của từng cấp học.

- Tổ chức các khóa tập huấn, hội thảo trao đổi kiến thức cho cộng đồng nhằm cung cấp thông tin và giải đáp các vấn đề môi trường, phản ánh kịp thời các phản hồi từ cộng đồng.

- Triển khai công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức bảo vệ môi trường: chuẩn bị nội dung công tác tuyên truyền, tổ chức các cuộc họp lấy ý kiến,...

- Tổ chức có hiệu quả các ngày lễ môi trường hàng năm (Ngày Môi trường thế giới, Tuần lễ quốc gia nước sạch và bảo vệ môi trường, Chiến dịch làm cho Thế giới sạch hơn,...) như là các điểm nhấn trong công tác truyền thông môi trường.

- Đối với các khu công nghiệp: hiện nay, các khu công nghiệp đang hoạt động trên địa bàn thành phố Thủy Nguyên đã đầu tư nhà máy xử lý nước thải tập trung, đồng thời các cơ sở sản xuất công nghiệp trong các khu công nghiệp, tùy theo tính chất ngành nghề đã đầu tư xây dựng hệ thống xử lý nước thải cho từng doanh nghiệp. Cần tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc vận hành hệ thống

xử lý nước thải tại các khu công nghiệp nhằm đảm bảo nước thải thải ra môi trường đạt tiêu chuẩn theo quy định.

- Đối với các cơ sở sản xuất ngoài khu công nghiệp: Các nhà máy sản xuất công nghiệp ngoài khu công nghiệp đã xây dựng hệ thống xử lý nước thải, tuy nhiên chỉ mang tính chất riêng lẻ, chưa xây dựng nhà máy xử lý nước thải tập trung và hệ thống thoát nước thải đấu nối ra hệ thống cống chính vì vậy tiềm ẩn nhiều nguy cơ ô nhiễm môi trường. Do đó, cần tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc chấp hành các quy định về đảm bảo môi trường kết hợp với việc theo dõi bằng hệ thống quan trắc đã được lắp đặt. Về lâu dài, có kế hoạch di dời các cơ sở sản xuất gây ô nhiễm môi trường vào các khu, cụm công nghiệp để xử lý ô nhiễm, đồng thời hạn chế thu hút đầu tư sản xuất công nghiệp ở ngoài các khu công nghiệp.

5. Quốc phòng, an ninh

5.1. Nhiệm vụ

Tập trung thực hiện tốt phong trào "Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc và phòng chống tội phạm - Ma túy - Mại dâm - Văn hóa phẩm độc hại – phòng chống mua bán người".

Tiếp tục tăng cường khảo sát, nắm tình hình hoạt động kinh doanh theo pháp luật trên địa bàn, tình hình khai thác khoáng sản trái phép, vi phạm về môi trường để kịp thời xử lý. Liên tục kiểm tra công tác thực hiện Luật phòng cháy chữa cháy tại các đơn vị.

Tiếp tục giám sát tình hình an ninh khu công nghiệp, an ninh khu vực đô thị và khu vực nông thôn. Tập trung thực hiện các biện pháp để đảm bảo tình hình an ninh, trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn, cũng như đảm bảo an toàn cho các nhà đầu tư và các doanh nghiệp hoạt động sản xuất kinh doanh.

Tập trung thực hiện tốt kế hoạch đảm bảo trật tự an toàn giao thông.

5.2. Giải pháp

Tiếp tục duy trì nghiêm các ca kíp trực, bảo đảm an toàn đặc biệt trong các dịp lễ, Tết. Quán triệt quan điểm, chủ trương, chính sách của Đảng và Pháp luật của Nhà nước trong việc triển khai thực hiện nhiệm vụ quốc phòng địa phương.

IV. GIẢI PHÁP KHẮC PHỤC NHỮNG TIÊU CHUẨN CÒN THIẾU SAU KHI THÀNH LẬP THÀNH PHỐ VÀ THÀNH LẬP CÁC PHƯỜNG

1. Đối với các tiêu chuẩn của việc thành lập thành phố Thủy Nguyên và thành lập các phường

a) Thành phố Thủy Nguyên

Thành phố Thủy Nguyên đã đạt 5/5 tiêu chuẩn của thành phố thuộc thành phố trực thuộc Trung ương theo quy định tại Điều 5 Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính đã được sửa đổi bổ sung một số điều tại Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15. Đối với tiêu chuẩn đã được công nhận đạt các tiêu chí của đô thị loại III, theo đánh giá tại Hồ sơ Đề án phân loại đô thị Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng đạt tiêu chí đô thị loại III, hiện còn 07/63 tiêu chuẩn chưa đạt, bao gồm: (1) Tăng tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và dịch vụ; (2) Cơ sở y tế cấp đô thị bình quân trên 10.000 dân; (3) Tỷ lệ nước thải đô thị được xử lý đạt quy chuẩn quỹ thuật; (4) Nhà tang lễ; (5) Đất cây xanh sử dụng công cộng khu vực nội thành bình quân đầu người; (6) Quy chế quản lý kiến trúc đô thị hoặc quy chế quản lý quy hoạch kiến trúc đô thị; (7) Tỷ lệ tuyến phố văn minh đô thị.

Để tiếp tục đầu tư xây dựng và phát triển hạ tầng xã hội đô thị đồng bộ, tương xứng với chức năng của đô thị trung tâm hành chính, chính trị của thành phố Hải Phòng và chức năng đô thị loại III. Thời gian tới, Thành phố Hải Phòng chỉ đạo thành phố Thủy Nguyên sau khi thành lập tiếp tục rà soát và bám sát các nội dung đồ án quy hoạch chung, chương trình phát triển đô thị đã được phê duyệt để làm cơ sở thực hiện và triển khai các dự án đầu tư xây dựng theo quy hoạch, nâng cao chất lượng cuộc sống, diện mạo kiến trúc cảnh quan đô thị theo hướng văn minh, hiện đại và bền vững.

Tiếp tục đầu tư xây dựng hoàn thiện kết cấu hạ tầng các khu trung tâm thương mại, hệ thống kho bãi trung chuyển hàng hóa, các cơ sở thương mại, dịch vụ... đạt tiêu chuẩn quốc gia và khu vực. Các khu đô thị mới cơ bản được đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật hoàn chỉnh; tiếp tục nâng cấp hệ thống thoát nước đô thị đảm bảo vệ sinh môi trường đô thị. Phân kỳ đầu tư đến hết năm 2025, ngoài việc tiếp tục nâng cấp cơ sở hạ tầng để nâng cao các tiêu chuẩn đã đạt thì ưu tiên tập trung vào nhóm các tiêu chuẩn chưa đạt điểm, cụ thể:

- Đối với tiêu chuẩn Tăng tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và dịch vụ: tập trung chỉ đạo, điều hành trong việc phát triển kinh tế - xã hội theo đúng các chủ trương, kế hoạch và mục tiêu phát triển kinh tế đã được phê duyệt. UBND thành phố mới tiếp tục xây dựng các kế hoạch, chỉ đạo có trọng tâm, trọng điểm trong từng lĩnh vực để nâng cao hoạt động, nâng cao sản xuất và đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế trong giai đoạn mới.

- Đối với tiêu chuẩn Cơ sở y tế cấp đô thị: triển khai có hiệu quả Chỉ thị số 25-CT/TW ngày 25/10/2023 của Ban Bí thư về tiếp tục củng cố, hoàn thiện, nâng

cao chất lượng hoạt động của y tế cơ sở trong tình hình mới và Kế hoạch số 1015/KH-BYT ngày 26/7/2023 của Bộ Y tế về việc bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân năm 2024. Đồng thời, nâng cấp, mở rộng quy mô của bệnh viện Đa khoa Thủy Nguyên lên chuẩn hạng I. Huy động các nhà đầu tư triển khai xây dựng bệnh viện đa khoa quốc tế trên địa bàn, phù hợp với quy hoạch chung đô thị, đảm bảo quy mô xây dựng thêm tối thiểu 320 giường bệnh, đạt tiêu chuẩn số giường bệnh/10.000 dân.

- Đối với tiêu chuẩn Tỷ lệ nước thải đô thị được xử lý: theo yêu cầu của đô thị loại III, đô thị Thủy Nguyên hiện nay còn thiếu khoảng 4.200 m^3/ngày đêm nước thải cần phải xử lý để đạt tối thiểu 15%. Trên địa bàn, hiện nay đang triển khai nhà máy xử lý nước thải Bắc Sông Cấm (quy mô 21.500 m^3/ngày đêm). Do đó, đề xuất đẩy nhanh tiến độ triển khai dự án này nhằm hoàn thiện xử lý nước thải cho khu đô thị Bắc Sông Cấm, khu vực lân cận và một phần cho khu vực nội thành của thành phố Hải Phòng.

- Đối với tiêu chuẩn Nhà tang lễ: đến năm 2025 đề xuất xây dựng Nhà tang lễ huyện Thủy Nguyên, đảm bảo đầy đủ các khu chức năng chủ yếu như: khu văn phòng làm việc, kho, phòng khách, khu vệ sinh; khu lễ tang: hành lang, phòng chờ, nơi tổ chức tang lễ, phòng lạnh, chỗ đặt quan tài, phòng khâm liệm; hạ tầng kỹ thuật: cổng, hàng rào, đường đi, sân, bãi đỗ xe, cấp nước, thoát nước, chiếu sáng, cây xanh, thu gom chất thải rắn. Giai đoạn 2026 - 2030: nghiên cứu xây dựng thêm 01 nhà tang lễ, phù hợp với quy hoạch chung đô thị Thủy Nguyên.

- Đối với tiêu chuẩn Đất cây xanh sử dụng công cộng khu vực nội thành bình quân đầu người: Đối chiếu với quy định hiện hành, đô thị Thủy Nguyên còn thiếu khoảng 35 ha đất cây xanh sử dụng công cộng đô thị. Đề xuất xây dựng công viên cây xanh, quy mô khoảng 35 ha tại khu vực Thiên Hưng nhằm đảm bảo yêu cầu của đô thị loại III và nhu cầu sử dụng, sinh hoạt đô thị ngày càng cao của người dân.

- Đối với tiêu chuẩn Quy chế quản lý kiến trúc và Tỷ lệ tuyến phố văn minh đô thị: triển khai lập Quy chế quản lý kiến trúc đô thị sau khi Quy hoạch chung đô thị mới Thủy Nguyên được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt làm cơ sở quản lý kiến trúc, xây dựng đô thị Thủy Nguyên. Đảm bảo tối thiểu 75% các đơn vị thuộc khu vực nội thành thực hiện tốt quy chế. Hiện nay một số khu vực trên địa bàn đã có các tuyến đường cơ bản đảm bảo các điều kiện, yêu cầu của tuyến phố văn minh đô thị. Do đó, đề xuất khắc phục tiêu chuẩn này, triển khai thực hiện như sau: Xây dựng và ban hành bộ tiêu chí về tuyến phố văn minh đô thị (bao gồm các tiêu chuẩn: kiến trúc cảnh quan, hạ tầng kỹ thuật, vệ sinh môi trường, trật tự đô thị và an toàn giao thông) tiến hành xây dựng, cải tạo các tuyến phố trên địa

bàn đảm bảo 40 % số tuyến phố trên địa bàn đạt chuẩn về tuyến phố văn minh đô thị. Trong đó đề xuất công nhận ít nhất 73 tuyến đường (cấp phân khu vực trở lên) đạt tiêu chuẩn tuyến phố văn minh đô thị.

b) Đối với các khu vực dự kiến thành lập phường

17 khu vực dự kiến thành lập phường thuộc thành phố Thủy Nguyên đều đạt từ 12/13 tiêu chuẩn theo quy định; trong đó có 11/17 khu vực dự kiến thành lập phường đạt từ 12/13 tiêu chuẩn, 06/17 khu vực dự kiến thành lập phường đạt 13/13 tiêu chuẩn. Các nhóm tiêu chuẩn chưa đạt của các khu vực thành lập phường chủ yếu về: cơ sở hạ tầng thương mại, đất cây xanh sử dụng công cộng, mật độ đường cống thoát nước chính. Ngoài việc nâng cao các tiêu chuẩn đã đạt được, giai đoạn đến hết năm 2025 thành phố sẽ chỉ đạo các phường sau khi thành lập tập trung triển khai xây dựng các dự án đã được quy hoạch để đảm bảo đạt tối đa các tiêu chuẩn đối với khu vực dự kiến thành lập phường, cụ thể:

- Đối với tiêu chuẩn cơ sở hạ tầng thương mại: tiếp tục rà soát từ những công trình hiện hữu để đề xuất đầu tư nâng cấp mở rộng theo quy định; đồng thời triển khai đầu tư dự án thương mại theo các quy hoạch phân khu đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt trên địa bàn các phường còn thiếu đảm bảo tiêu chuẩn sau khi thành lập theo quy định.

- Đối với tiêu chuẩn đất cây xanh sử dụng công cộng: tiếp tục thực hiện rà soát bổ sung các công viên, vườn hoa, sân chơi cấp đơn vị ở sẵn có tại các phường thiếu để bổ sung diện tích đất cây xanh sử dụng công cộng. Rà soát theo quy hoạch phân khu đô thị khu vực bố trí đất cây xanh công cộng để đề xuất xây dựng các khu công viên, vườn hoa, sân chơi đảm bảo tiêu chuẩn theo quy định.

- Đối với tiêu chuẩn mật độ đường cống thoát nước chính: tiếp tục cải tạo và nâng cấp các tuyến cống thoát nước trên các tuyến đường hiện hữu. Đồng thời khi triển khai xây dựng mới các tuyến đường mới, khu đô thị mới tiến hành xây dựng đồng bộ mạng lưới thoát nước với hạ tầng kỹ thuật theo quy hoạch chi tiết đã được phê duyệt.

2. Đối với tiêu chuẩn của quận Hải An và phường Đông Hải 1

a) Quận Hải An

Quận Hải An có tiêu chuẩn quy mô dân số là 144.256 người, đạt 96,17% theo quy định. Hiện nay, quận Hải An đang triển khai xây dựng rất nhiều dự án sản xuất, kinh doanh, nhà ở, nhất là cho công nhân đang làm việc tại các doanh nghiệp trong khu công nghiệp Đình Vũ - Cái Hải và dự án khu công nghiệp, đô thị và dịch vụ Tràng Cát... Dự kiến hết năm 2024 tiêu chuẩn quy mô dân số của quận Hải An sẽ đạt trên 150.000 người và đảm bảo theo quy định hiện hành.

b) Phường Đông Hải 1

Phường Đông Hải 1 sau khi điều chỉnh có tiêu chuẩn diện tích tự nhiên là 2,62 km^2, đạt 47,64% theo quy định.

Theo khoản 4 Điều 1 của Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 quy định: "... *khuyến khích thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính để giải quyết các vấn đề còn bất hợp lý về phân định địa giới đơn vị hành chính do biến động về địa chất, địa hình hoặc do quá trình phát triển kinh tế - xã hội, tạo thuận lợi cho công tác quản lý nhà nước ở địa phương*". Việc điều chỉnh địa giới ĐVHC giữa quận Hải An và huyện Thủy Nguyên nhằm giải quyết các vấn đề còn bất hợp lý về phân định địa giới ĐVHC và được khuyến khích theo quy định nêu trên. Hơn nữa, phường Đông Hải 1 sau khi điều chỉnh cũng không thuộc trường hợp sắp xếp trong giai đoạn 2026 - 2030[4], đồng thời phường Đông Hải 1 thuộc khu vực biên giới biển theo Nghị định số 71/2015/NĐ-CP ngày 03/9/2015 của Chính phủ, được Bộ Quốc phòng xác định là phường trọng điểm về quốc phòng và đang hoạt động ổn định. Do vậy, trong giai đoạn 2026 - 2030, thành phố Hải Phòng sẽ tiếp tục chỉ đạo các đơn vị, địa phương rà soát, nghiên cứu để xây dựng phương án sắp xếp ĐVHC cấp xã trên địa bàn thành phố cho phù hợp.

C. GIẢI PHÁP VỐN ĐẦU TƯ VÀ NGUỒN NHÂN LỰC

1. Nguồn vốn đầu tư

- Tranh thủ huy động mọi nguồn vốn và đa dạng hóa các hình thức huy động vốn vào đầu tư phát triển trên địa bàn thành phố Thủy Nguyên trong kỳ quy hoạch.

- Đối với vốn từ ngân sách Trung ương: vốn ngân sách Trung ương triển khai thực hiện các dự án cấp quốc gia và cấp vùng đi qua địa bàn thành phố Thủy Nguyên, bao gồm dự án về giao thông (đường vành đai 4), nguồn vốn này đã được bố trí theo quy hoạch được phê duyệt.

- Vốn ngân sách thành phố Hải Phòng đầu tư trên địa bàn thành phố Thủy Nguyên bao gồm: đầu tư các dự án hạ tầng kỹ thuật: giao thông, cấp điện, cấp nước, thoát nước, môi trường; các dự án hạ tầng xã hội gồm y tế, giáo dục - đào tạo, thể dục thể thao, văn hóa thông tin,... Các dự án này nằm trong thành phần các dự án quy hoạch ngành đã được UBND thành phố phê duyệt và được bố trí kinh phí theo lộ trình đầu tư.

- Vốn doanh nghiệp: vốn doanh nghiệp chủ yếu đầu tư cho hoạt động sản xuất kinh doanh, tuy nhiên, một số dự án về hạ tầng có thể huy động vốn doanh

---

[4] Đơn vị hành chính cấp xã đồng thời có diện tích tự nhiên dưới 30% và quy mô dân số dưới 300% tiêu chuẩn của đơn vị hành chính tương ứng quy định tại Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính.

nghiệp theo hình thức xã hội hóa. Huy động nguồn vốn doanh nghiệp vào đầu tư các công trình hạ tầng giao thông theo nhiều hình thức khác nhau. Tạo điều kiện, cơ chế thuận lợi để thu hút vốn tư nhân cùng với Nhà nước tham gia đầu tư các dự án theo hình thức đối tác công - tư (PPP), khuyến khích xã hội hóa đối với các dự án có khả năng thu hồi vốn. Tăng cường nguồn vốn đóng góp của cộng đồng dân cư để xây dựng mới, duy tu, bảo dưỡng các công trình kết cấu hạ tầng nông thôn và chỉnh trang đô thị.

- Nhu cầu nguồn lực để thực hiện các dự án trong Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 đã được phê duyệt tại Nghị quyết số 44/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND thành phố Hải Phòng cho huyện Thủy Nguyên là: 1.448.730 triệu đồng; nhu cầu nguồn lực để thực hiện các dự án trong năm 2024 theo Kế hoạch đầu tư công thành phố năm 2024 đã được phê duyệt tại Nghị quyết số 45/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND thành phố Hải Phòng cho huyện Thủy Nguyên là: 752.726 triệu đồng.

2. Giải pháp phát triển nguồn nhân lực

- Đào tạo nguồn nhân lực thông qua mạng lưới đào tạo trên địa bàn thành phố Hải Phòng, bao gồm các trường đại học, các cơ sở giáo dục nghề nghiệp do Nhà nước và doanh nghiệp đầu tư, doanh nghiệp tự đào tạo, liên kết đào tạo giữa doanh nghiệp và các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn.

- Đào tạo nguồn nhân lực thông qua liên kết đào tạo giữa thành phố Hải Phòng và Thủ đô Hà Nội đối với các ngành, lĩnh vực khả năng đào tạo trên địa bàn thành phố Hải Phòng còn hạn chế.

- Đào tạo nguồn nhân lực thông qua hình thức doanh nghiệp tự đào tạo, đào tạo theo đơn đặt hàng. Tạo dựng mối quan hệ liên kết chặt chẽ giữa các doanh nghiệp trong các khu, cụm công nghiệp với trường đại học, trường dạy nghề trên địa bàn và vùng để đào tạo nhân lực đáp ứng đúng nhu cầu của doanh nghiệp về các ngành nghề sản xuất, kinh doanh. Hàng năm, có đề xuất, định hướng cho các cơ sở đào tạo theo nhu cầu của doanh nghiệp gắn với cơ chế ưu đãi kèm theo và chế độ tuyển dụng sau khi tốt nghiệp và ưu tiên lao động trong diện bị thu hồi đất quy hoạch khu công nghiệp.

- Tiếp tục đổi mới hoàn thiện và phát triển hệ thống các trường nghề, liên kết chặt chẽ với các khu, cụm công nghiệp, gắn trường học với doanh nghiệp. Phát triển hệ thống các trường Đại học, cao đẳng nhằm cung cấp nguồn lao động có trình độ cho các KCN, thực hiện đào tạo theo đặt hàng của doanh nghiệp trong và ngoài nước trên địa bàn tỉnh.

- Huy động mọi thành phần kinh tế tham gia đào tạo nguồn nhân lực.

D. PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP, TỔ CHỨC BỘ MÁY, BỐ TRÍ ĐỘI NGŨ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC

I. QUAN ĐIỂM

- Việc tổ chức sắp xếp, bố trí đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người hoạt động không chuyên trách cấp xã sau khi sắp xếp cần phù hợp với chủ trương của Đảng và Nhà nước, của thành phố và yêu cầu thực tiễn, gắn liền với thực hiện chủ trương tinh gọn bộ máy, tinh giản biên chế và phải được tiến hành đồng bộ, liên thông giữa các tổ chức trong hệ thống chính trị. Tập trung chỉ đạo để ổn định tổ chức bộ máy và cán bộ theo đơn vị hành chính mới.

- Tiếp tục chỉ đạo và làm tốt công tác tuyên truyền nhằm làm cho cán bộ và Nhân dân hiểu đúng và làm đúng các yêu cầu đặt ra khi tổ chức, sắp xếp bộ máy và bố trí cán bộ, tránh những biểu hiện sai lệch trong quá trình thực hiện.

- Căn cứ vào quy định biên chế cán bộ, công chức và các văn bản hướng dẫn; tiêu chuẩn chức danh cán bộ, công chức, đánh giá thực trạng về trình độ năng lực cán bộ, công chức và tình hình thực tiễn trên địa bàn huyện để sắp xếp (đối với các khu vực nhập).

- Sau khi sắp xếp đảm bảo duy trì và nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã, viên chức, người hoạt động không chuyên trách; thực hiện tốt công tác quản lý Nhà nước, nâng cao chất lượng giáo dục đào tạo, cung cấp dịch vụ công cho người dân cũng như các chức năng, nhiệm vụ của chính quyền địa phương.

II. SẮP XẾP TỔ CHỨC BỘ MÁY VÀ ĐỘI NGŨ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC ĐỐI VỚI KHU VỰC THÀNH LẬP NGUYÊN TRẠNG

1. Đối với thành phố Thủy Nguyên sau khi thành lập

Cơ bản giữ nguyên tổ chức bộ máy của các cơ quan, tổ chức, đơn vị trong hệ thống chính trị của huyện Thủy Nguyên hiện tại. Chuyển toàn bộ đại biểu Hội đồng nhân dân huyện thành đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố và hoạt động cho đến hết nhiệm kỳ theo quy định tại Điều 134, Luật Tổ chức chính quyền địa phương. Tiến hành rà soát, đánh giá, phân loại để tiếp tục bố trí, sử dụng những cán bộ, công chức đủ năng lực chuyên môn; tiến hành đào tạo lại những người chưa đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ, những người còn thiếu các tiêu chuẩn theo quy định của Đảng và Nhà nước.

2. Đối với các phường mới thành lập trên cơ sở nguyên trạng

Chuyển toàn bộ đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã thành đại biểu Hội đồng nhân dân phường và hoạt động cho đến hết nhiệm kỳ theo quy định tại của Luật

Tổ chức chính quyền địa phương và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương. Đồng thời, thành phố Thủy Nguyên (sau khi thành lập) sẽ mở lớp bồi dưỡng kiến thức về chức năng, nhiệm vụ của Hội đồng nhân dân phường, các chuyên đề về đô thị, xây dựng để phát huy tốt hơn nữa vai trò giám sát của Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân.

Tổ chức bộ máy và đội ngũ cán bộ, công chức của các phường mới thành lập cơ bản giữ nguyên bộ máy và cán bộ, công chức của cấp xã hiện tại. Thành phố sau khi thành lập sẽ sắp xếp, bố trí lại một số chức danh trong các phường cho phù hợp với chức năng đơn vị hành chính thuộc khu vực nội thành. Trong quá trình kiện toàn bộ máy, sẽ xây dựng và bố trí đội ngũ cán bộ, công chức có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, năng lực và phẩm chất theo hướng tinh gọn, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. Lập kế hoạch tổ chức bồi dưỡng kiến thức cho các cán bộ, công chức thuộc các phường mới thành lập về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của chính quyền phường - chính quyền đô thị; riêng các Chủ tịch, các Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân và công chức Địa chính - xây dựng của các phường sẽ bồi dưỡng thêm các nội dung chuyên sâu về quản lý, thực hiện quy hoạch đô thị, quản lý dân cư.

III. SẮP XẾP TỔ CHỨC BỘ MÁY VÀ ĐỘI NGŨ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC ĐỐI VỚI KHU VỰC NHẬP ĐỂ THÀNH LẬP ĐVHC MỚI

1. Đối với cán bộ, công chức và người hoạt động không chuyên trách

a) Số lượng cán bộ, công chức và người hoạt động không chuyên trách

Tổng số cán bộ sau sáp nhập 273 người, số cán bộ được bố trí theo quy định 144 người, sau bố trí sẽ dôi dư 129 người.

Tổng số công chức sau sáp nhập 246 người, số công chức được bố trí theo quy định 100 người, sau bố trí sẽ dôi dư 146 người.

Tổng số người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã sau sáp nhập 216 người, số được bố trí theo quy định 145 người, số lượng dôi dư 71 người.

b) Phương án, lộ trình sắp xếp cán bộ, công chức và người hoạt động không chuyên trách dôi dư

Như vậy, tổng cán bộ, công chức sau sáp nhập (sau năm 2025) sẽ dôi dư 346 người. Theo quy định, số cán bộ, công chức, người hoạt động không chuyên trách dôi dư sau sáp nhập thực hiện giảm dần trong thời gian 05 năm, kể từ ngày Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Do đó, phương án bố trí, giải quyết cán bộ, công chức dự kiến được thực hiện từ giai đoạn năm 2025 như sau: đối với

cán bộ là cấp trưởng sắp xếp, bố trí làm cấp phó; cán bộ cấp phó sắp xếp, bố trí làm công việc khác thì cho phép bảo lưu phụ cấp chức vụ và chế độ chính sách hiện hưởng từ khi sắp xếp đến hết nhiệm kỳ của tổ chức đó, trong thời gian này, nếu bố trí sang chức vụ, chức danh mới thì thực hiện theo quy định của chức vụ, chức danh mới; đối với các trường hợp không sắp xếp được, nếu đủ điều kiện tiêu chuẩn theo quy định sẽ điều động lên cấp huyện công tác tại các cơ quan chuyên môn nếu đủ điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định; trường hợp dôi dư không bố trí, sắp xếp được sang các đơn vị khác thì động viên nghỉ hưu trước tuổi hoặc thôi việc. Cụ thể:

- Năm 2025: sắp xếp, bố trí cho 55 cán bộ, công chức, người hoạt động không chuyên trách dôi dư theo các phương án: điều động sang đơn vị khác hoặc xét chuyển thành công chức cấp huyện; giải quyết chế độ nghỉ hưu (đúng tuổi, trước tuổi) hoặc không đủ tiêu chuẩn để tái cử; giải quyết thôi việc.

- Năm 2026: sắp xếp, bố trí cho 60 cán bộ, công chức, người hoạt động không chuyên trách dôi dư theo các phương án: điều động sang đơn vị khác hoặc xét chuyển thành công chức cấp huyện; giải quyết chế độ nghỉ hưu (đúng tuổi, trước tuổi) hoặc không đủ tiêu chuẩn để tái cử; giải quyết thôi việc.

- Năm 2027: sắp xếp, bố trí cho 85 cán bộ, công chức, người hoạt động không chuyên trách dôi dư theo các phương án: điều động sang đơn vị khác hoặc xét chuyển thành công chức cấp huyện; giải quyết chế độ nghỉ hưu (đúng tuổi, trước tuổi) hoặc không đủ tiêu chuẩn để tái cử; giải quyết thôi việc.

- Năm 2028: sắp xếp, bố trí cho 75 cán bộ, công chức, người hoạt động không chuyên trách dôi dư theo các phương án: điều động sang đơn vị khác hoặc xét chuyển thành công chức cấp huyện; giải quyết chế độ nghỉ hưu (đúng tuổi, trước tuổi) hoặc không đủ tiêu chuẩn để tái cử; giải quyết thôi việc.

- Năm 2029: sắp xếp, bố trí cho 71 cán bộ, công chức, người hoạt động không chuyên trách dôi dư theo các phương án: điều động sang đơn vị khác hoặc xét chuyển thành công chức cấp huyện; giải quyết chế độ nghỉ hưu (đúng tuổi, trước tuổi) hoặc không đủ tiêu chuẩn để tái cử; giải quyết thôi việc.

Riêng đối với trường hợp cán bộ cấp xã chuyển sang công chức cấp xã: tiếp tục thực hiện sắp xếp, bố trí và giải quyết chế độ chính sách đối với các trường hợp dôi dư theo quy định.

*** Các chế độ, chính sách đối với những trường hợp dôi dư khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã**

Thực hiện tốt việc giải quyết chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã theo các quy định:

- Chế độ, chính sách đối với cán bộ cấp xã không đủ tuổi tái cử theo quy định tại Nghị định số 26/2015/NĐ-CP ngày 09/3/2015 của Chính phủ quy định chế độ, chính sách đối với cán bộ không đủ điều kiện về tuổi tái cử, tái bổ nhiệm giữ các chức vụ, chức danh theo nhiệm kỳ trong cơ quan của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội;

- Chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã dôi dư theo quy định tại Nghị định 29/2023/NĐ-CP ngày 03/6/2023 của Chính phủ quy định về tinh giản biên chế và Nghị quyết số 07/2024/NQ-HĐND ngày 19/7/2024 của HĐND thành phố về chính sách hỗ trợ đối tượng tinh giản biên chế, đối tượng tự nguyện nghỉ công tác trước tuổi tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc thành phố Hải Phòng.

- Chế độ thôi việc cho cán bộ, công chức cấp xã theo quy định tại Khoản 1 Điều 27 Nghị định số 33/2023/NĐ-CP ngày 10/6/2023 của Chính phủ quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố và Điều 5 Nghị định số 46/2010/NĐ-CP ngày 27/4/2010 của Chính phủ quy định về thôi việc và nghỉ hưu đối với công chức.

- Các chế độ, chính sách khác theo quy định.

2. Tổ chức đảng, đoàn thể chính trị - xã hội và các tổ chức khác

a) Tổ chức Đảng

Đảng bộ của đơn vị hành chính cấp xã mới sắp xếp tương ứng với đơn vị hành chính mới. Ban Thường vụ cấp trên chỉ định Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, Bí thư, Phó Bí thư, Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy của đơn vị hành chính cấp xã mới.

b) Ủy ban Mặt trận Tổ quốc

Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc thống nhất với Đảng ủy cấp xã quyết định thành lập Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam của đơn vị hành chính cấp xã mới; công nhận danh sách Ủy viên Ủy ban, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã (lâm thời).

c) Các Đoàn thể chính trị - xã hội

Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Hội Nông dân, Hội Cựu chiến binh của đơn vị hành chính cấp xã mới sắp xếp tương ứng với đơn vị hành chính mới. Ban Thường vụ cấp trên chỉ định Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, Chủ tịch, Phó Chủ tịch tổ chức hội của đơn vị hành chính cấp xã mới.

3. Tổ chức chính quyền địa phương

a) Đại biểu HĐND

Đại biểu HĐND của các đơn vị hành chính cấp xã trước khi sắp xếp hợp thành HĐND của đơn vị hành chính mới và tiếp tục hoạt động cho đến hết nhiệm kỳ 2021 - 2026 theo quy định tại Điều 134, Điều 137 Luật Tổ chức chính quyền địa phương. Đại biểu HĐND của đơn vị hành chính cấp xã mới sau khi sắp xếp bầu Thường trực HĐND và các Ban của HĐND.

b) Thành viên Ủy ban nhân dân

Thành viên UBND của đơn vị hành chính cấp xã mới do HĐND bầu ra theo quy định tại Điều 134 Luật Tổ chức chính quyền địa phương.

c) Tổ chức đơn vị sự nghiệp trường học, trạm y tế

- Tiến hành nhập các trường học cùng cấp (mầm non, tiểu học, trung học cơ sở) trên địa bàn ĐVHC cấp xã thuộc diện sắp xếp thành một trường cùng cấp hoặc trường liên cấp của ĐVHC cấp xã mới theo nguyên tắc tại Kế hoạch số 139/KH-UBND ngày 17/6/2024 của UBND thành phố; trước mắt giữ nguyên cơ sở vật chất, phòng học các trường học (cũ) làm điểm trường để không ảnh hưởng đến việc di chuyển của học sinh, đảm bảo chất lượng dạy và học; sử dụng hợp lý, tiết kiệm cơ sở vật chất hiện có của các trường. Đối với nhân lực về giáo dục giữ nguyên số lượng viên chức được giao; đối với cấp trưởng sắp xếp, bố trí làm cấp phó; cấp phó sắp xếp, bố trí làm công việc khác thì cho phép bảo lưu phụ cấp chức vụ và chế độ chính sách hiện hưởng từ khi sắp xếp đến hết nhiệm kỳ của tổ chức đó và đảm bảo theo các quy định hiện hành. Những năm tiếp theo, tiếp tục rà soát để tinh giản biên chế để đảm bảo số lượng viên chức được giao đúng theo chỉ tiêu và theo các quy định hiện hành.

- Nhập trạm y tế của các ĐVHC cấp xã thực hiện sắp xếp thành trạm y tế của ĐVHC mới khi đủ điều kiện; trước mắt giữ nguyên cơ sở vật chất của các trạm y tế (cũ) làm điểm khám chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe ban đầu cho Nhân dân. ĐVHC cấp xã mới được thành lập phối hợp với Trung tâm y tế cấp huyện xem xét việc bố trí cơ sở khám chữa bệnh để phục vụ Nhân dân thuận lợi nhất. Đối với nhân lực về y tế vẫn giữ nguyên số lượng viên chức được giao để bước đầu đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe của người dân; đối với cấp trưởng sắp xếp, bố trí làm cấp phó; cấp phó sắp xếp, bố trí làm công việc khác thì cho phép bảo lưu phụ cấp chức vụ và chế độ chính sách hiện hưởng từ khi sắp xếp đến hết nhiệm kỳ của tổ chức đó và đảm bảo theo các quy định hiện hành. Những năm tiếp theo, tiếp tục rà soát để tinh giản biên chế để đảm bảo số lượng viên chức được giao đúng theo chỉ tiêu và theo các quy định hiện hành.

4. Đối với trụ sở làm việc Ủy ban nhân dân cấp xã dôi dư

4.1. Phường Dương Quan: trụ sở của phường Dương Quan mới dự kiến đặt tại xã Dương Quan (trước đây); đối với trụ sở của xã Tân Dương (dôi dư) dự kiến cải tạo, sửa chữa thành trụ sở làm việc công an phường mới.

4.2. Phường Hoàng Lâm: trụ sở của phường Hoàng Lâm mới dự kiến đặt tại xã Lâm Động (trước đây); đối với trụ sở của xã Hoàng Động (dôi dư) dự kiến cải tạo, sửa chữa thành trụ sở làm việc công an phường mới.

4.3. Phường Lê Hồng Phong: trụ sở của phường Lê Hồng Phong mới dự kiến đặt tại xã Mỹ Đồng (trước đây); đối với trụ sở của xã Kiền Bái (dôi dư) dự kiến cải tạo, sửa chữa thành trụ sở làm việc công an phường mới.

4.4. Phường Trần Hưng Đạo: trụ sở làm việc của Đảng ủy - HĐND - UBND phường mới sau khi thành lập: trước mắt sẽ giữ nguyên 02 trụ sở của 02 xã để làm việc và phân thành cơ sở 1, cơ sở 2 để phù hợp hiện trạng và đảm bảo thuận lợi trong công tác giải quyết thủ tục hành chính, đáp ứng nhu cầu của người dân (do 02 trụ sở này không nằm tại khu trung tâm nên sẽ khó khăn trong việc đi lại). Sau đó sẽ tiến hành xây dựng trụ sở mới đã xác định vị trí nằm ở trung tâm xã đảm bảo theo quy định, quy hoạch và thuận lợi cho người dân khi giải quyết các thủ tục hành chính.

4.5. Phường Lưu Kiếm: trụ sở của phường Lưu Kiếm mới dự kiến đặt tại xã Lưu Kiếm (trước đây); đối với trụ sở của xã Lưu Kỳ (dôi dư) tạm thời sử dụng các hoạt động chung của địa phương, bố trí nơi làm việc của các tổ chức đoàn thể của phường mới.

4.6. Phường Thủy Đường: trụ sở của phường Thủy Đường mới dự kiến đặt tại xã Thủy Sơn (trước đây); đối với trụ sở của xã thị trấn Núi Đèo (dôi dư) dự kiến cải tạo, sửa chữa thành trụ sở làm việc công an phường mới; đối với trụ sở xã Thủy Đường (dôi dư) tạm thời sử dụng các hoạt động chung của địa phương, bố trí nơi làm việc của các tổ chức đoàn thể của phường mới.

4.7. Phường Thủy Hà: trụ sở của phường Thủy Hà mới dự kiến đặt tại Trung Hà (trước đây); đối với trụ sở của xã Thủy Triều (dôi dư) dự kiến cải tạo, sửa chữa thành trụ sở làm việc công an phường mới.

4.8. Phường Nam Triệu Giang: trụ sở của phường Nam Triệu Giang mới dự kiến đặt tại xã Phục Lễ (trước đây); đối với trụ sở của xã Phả Lễ (dôi dư) dự kiến cải tạo, sửa chữa thành trụ sở làm việc công an phường mới.

4.9. Xã Bạch Đằng: trụ sở của xã Bạch Đằng mới dự kiến đặt tại xã Minh Tân (trước đây); đối với trụ sở của xã Gia Minh (dôi dư) dự kiến cải tạo, sửa chữa thành trụ sở làm việc công an xã mới; đối với trụ sở xã Gia Đức (dôi dư) tạm thời sử dụng các hoạt động chung của địa phương, bố trí nơi làm việc của các tổ chức

đoàn thể của phường mới.

4.10. Xã Liên Xuân: trụ sở của xã Liên Xuân mới dự kiến đặt tại xã Liên Khê (trước đây); đối với trụ sở của xã Lại Xuân (dôi dư) dự kiến cải tạo, sửa chữa thành trụ sở làm việc công an xã mới.

4.11. Xã Ninh Sơn: trụ sở của xã Ninh Sơn mới dự kiến đặt tại xã Phù Ninh (trước đây); đối với trụ sở của xã Kỳ Sơn (dôi dư) dự kiến cải tạo, sửa chữa thành trụ sở làm việc công an xã mới; đối với trụ sở xã An Sơn (dôi dư) tạm thời sử dụng các hoạt động chung của địa phương, bố trí nơi làm việc của các tổ chức đoàn thể của phường mới.

4.12. Xã Quang Trung: trụ sở của xã Quang Trung mới dự kiến đặt tại xã Cao Nhân (trước đây); đối với trụ sở của xã Kỳ Sơn (dôi dư) dự kiến cải tạo, sửa chữa thành trụ sở làm việc công an xã mới; đối với trụ sở xã Hợp Thành (dôi dư) tạm thời sử dụng các hoạt động chung của địa phương, bố trí nơi làm việc của các tổ chức đoàn thể của phường mới.

5. Phương án tổ chức bố trí lực lượng Công an chính quy và trụ sở tại các phường mới thành lập

Dựa trên tình hình thực tế tại địa phương, Công an thành phố Thủy Nguyên sẽ xây dựng, đề xuất phương án sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy, bố trí sử dụng biên chế lực lượng Công an trong phạm vi quản lý để báo cáo Công an thành phố xem xét, quyết định trên cơ sở không làm tăng thêm biên chế của ngành Công an. Từ đó, sẽ đề xuất trụ sở Công an mới cho phù hợp.

IV. THÀNH LẬP (ĐỔI TÊN) TÒA ÁN NHÂN DÂN, VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦY NGUYÊN

Trong quá trình xây dựng Đề án, UBND thành phố Hải Phòng đã chỉ đạo các đơn vị có liên quan phối hợp để thực hiện phương án thành lập (đổi tên) Tòa án nhân dân, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên; từ đó làm cơ sở báo cáo Tòa án nhân dân tối cao và Viện Kiểm sát nhân dân tối cao trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét, quyết định đồng thời với Nghị quyết về việc điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính quận Hải An và huyện Thủy Nguyên; sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã, thành lập các phường và thành lập thành phố Thủy Nguyên thuộc thành phố Hải Phòng.

Phần thứ năm
KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1. Kết luận

Điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính quận Hải An và huyện Thủy Nguyên; sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã, thành lập các phường và thành lập thành phố Thủy Nguyên thuộc thành phố Hải Phòng là phù hợp với các chủ trương của Đảng, Nhà nước và cụ thể hóa định hướng xây dựng, phát triển thành phố Thủy Nguyên theo Quyết định số 323/QĐ-TTg ngày 30/3/2023 của Thủ tướng Chính phủ và thực hiện hiệu quả các Chương trình hành động số 59-CTr/TU ngày 07/11/2023 của Ban Thường vụ Thành ủy Hải Phòng về thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 24/01/2022 của Bộ Chính trị về quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã, thành lập các phường và thành lập thành phố còn phù hợp với hiện trạng phát triển kinh tế - xã hội; tốc độ đô thị hóa của huyện và các xã, thị trấn trong thời gian qua; tạo cơ sở pháp lý cho việc thiết lập mô hình tổ chức chính quyền phù hợp giúp Thủy Nguyên hoàn thành tốt nhiệm vụ quản lý hành chính Nhà nước, phát triển kinh tế - xã hội, tạo nên bộ mặt mới cho đô thị trong giai đoạn phát triển hiện nay.

Thành lập thành phố Thủy Nguyên và thành lập các phường thuộc thành phố góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của chính quyền địa phương, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức để phục vụ người dân tốt hơn. Đồng thời cũng tạo điều kiện thuận lợi cho Thủy Nguyên có cơ hội tăng cường thu hút đầu tư, tiếp tục cải tạo và nâng cấp cơ sở hạ tầng kỹ thuật, nâng cao đời sống Nhân dân; tạo điều kiện khai thác tiềm năng của các xã, phường; sắp xếp hợp lý nguồn lao động, tạo ra động lực mới cho sự phát triển, góp phần bảo đảm quốc phòng, an ninh đáp ứng nguyện vọng của Đảng bộ, chính quyền, Nhân dân thành phố Hải Phòng nói chung và Nhân dân huyện Thủy Nguyên nói riêng.

2. Kiến nghị

Thực hiện quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương và các quy định hiện hành có liên quan, Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng xây dựng "Đề án điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính quận Hải An và huyện Thủy Nguyên; sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã, thành lập các phường và thành lập thành phố Thủy Nguyên thuộc thành phố Hải Phòng" kính trình các cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

Đề án này thay thế Đề án số 19/ĐA-UBND ngày 19/8/2024 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng./.

Nơi nhận:
- Chính phủ;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Nội vụ;
- TT TU, TT HĐND thành phố;
- Các Đ/c: UVBTV Thành ủy; TV Ban Chỉ đạo;
- CT và các PCT UBND thành phố;
- Các Sở: Nội vụ (30 bộ), Xây dựng;
- Quận ủy, Huyện ủy và UBND quận, huyện: Hải An, Thủy Nguyên;
- VP UBND TP: LĐVP, KSTTHC;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Tùng